

VIÊN GIÁC



Số - Nr.

97

TẠP CHÍ CỦA KIỀU BÀO VÀ PHÁT TỬ VIỆT NAM TỊ NẠN TẠI CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen Vietnamflüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland
NĂM THỨ 19 * THÁNG 2 * JAHRGANG 19 * FEBRUAR 1997 * AUSGABE IN VIETNAMESSISCHE & DEUTSCH

Tâm
Niên

VIÊN GIÁC



TẠP CHÍ CỦA KIỂU BÀO VÀ
PHẬT TỬ VIỆT NAM TỶ NẠN TẠI
CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

*Zeitschrift der Vietnamesen und
Buddhistischen Vietnam-Flüchtlinge
in der Bundesrepublik Deutschland*

CHỦ TRƯỞNG (HERAUSGEBER)

Thượng Tọa Thích Như Điển

CHỦ BÚT

Đạo hữu Nguyễn Trí

QUẢN LÝ TÒA SOẠN

Đạo Hữu Thị Tâm

CÙNG SỰ CỘNG TÁC VÀ TRÁCH NHIỆM VỀ :

TÔN GIÁO

Thích Như Điển

VĂN HÓA VĂN NGHỆ

Phù Vân - Vũ Nam

GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Thiện Căn Phạm Hồng Sáu

HOA PHƯỢNG

Hồng Nhiên - Huy Giang

THỂ THAO

Người Giám Biên

Y HỌC THƯỜNG THỨC

Huỳnh Hoa

CHÍNH TRỊ THỜI SỰ

Phan Ngọc Minh

KỸ THUẬT AN LOÁT (Layout)

Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật

Giáo Việt Nam tại Đức Quốc

CÙNG SỰ CỘNG TÁC CỦA :

Mitwirkung von :

Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại

Cộng Hòa Liên bang Đức

Vereinigung der Buddhistische-

Vietnamflüchtlinge i. d. BRD

TÒA SOẠN & AN QUẢN

Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật

Giáo Việt Nam tại Đức

Vietnamesisch-Buddhistisches

Sozio-Kulturzentrum i. d. BRD

c/o Chùa Viên Giác

Karlsruher Str.6

30519 Hannover

Tel. 0511 - 87 96 30

Fax : 0511 - 87 90 963

- Viên Giác phát hành mỗi 2 tháng vào những tháng chẵn. Nhằm mục đích phục vụ lợi ích cộng đồng người Việt tỵ nạn tại Đức Quốc trên mọi mặt.
- Viên Giác bảo tồn và phát huy truyền thống Văn Hóa Phật Giáo và Dân Tộc Việt bên cạnh những sinh hoạt Tôn Giáo, Xã Hội hoàn toàn không có tính cách thương mại, tuy nhiên mọi ủng hộ qua hình thức cúng dường. Viên Giác xin chân thành cảm tạ.
- Ủng hộ hiện kim cho Viên Giác. Quý vị sẽ nhận được biên nhận theo sự yêu cầu để làm đơn xin quân bình thuế lương bổng hoặc lợi tức hằng năm.

Mục Lục

Trang

Thư Tòa Soạn

3

TÔN GIÁO

Luận về : Đồi Nổi Tiếp Đồi - Hoàng Phi Lưu Hoàng Nguyễn dịch

4 - 5

Vài Suy nghĩ về cõi siêu hình của Đạo Phật - Nguyễn Quốc Hoàn

5

Ngày Xuân tìm hiểu về những tôn giáo lạ ... - Đoàn Văn Thông

6 - 11

AUF DEUTSCH

Buddhismus des Lauteren Landes - Übersetzung von Tu Xung Roland Berthold

12 - 13

TRANG HOA PHƯỢNG

Công Chúa Kim Cương - Hồng Nhiên sưu tầm

14 - 15

Con Trâu và hạt lúa - Thanh Bình

15

Thành Phố mưa bay - Trần Ngọc Hương

15 - 16

Bình Định Vương Lê Lợi - Bé Ngọc

16 - 18

Gia Đình Phật Tử - Thiện Căn

18 - 19

VĂN NGHỆ

Sau lễ Trà Tỳ, một Phật tử tại thị xã Carrollton Thiện Hy

20 - 30

Hoài niệm về Tết Vũ Kỳ và Vũ Hồi (thơ họa)

31 - 35

Giải đáp đố vui - Xem hình đọc tên - Bùi Bảo Thạch

35

Quê Nội - Ngân Uyển

36 - 38

Việt Nam ngày về Từ Thức trên quê hương - Trời Một Phương

38 - 40

Tuổi con trâu - Thu Trang

41 - 43

Gánh chè cuối năm - Vũ Nam

44 - 45

Chuyện tình Miệt Vườn - Hồ Trường An

45 - 49

Năm Sầu Chuyện Trâu - Nguyễn Văn Ba

50 - 53

Dương Già - Lê Thị Bạch Nga

53 - 54

Ngày Xuân bỏ phiếu tìm chó săn - Nguyễn Việt Nữ và Thanh Vũ

55 - 58

Giới thiệu sách : Huyền sử về con trâu vàng Trần Đại Sỹ

59 - 62

Lòng con, quê nội - Thiện Văn Nguyễn Văn Chương

63 - 75

Hạnh Phúc - Văn tấn Phước dịch

76 - 77

KHOA HỌC THƯỜNG THỨC

Những vị thuốc mang tên Trâu - Quỳnh Hoa sưu tầm

78

Khoa học & Đời sống : Định lý sai - Giáo sư Lê Văn Quới

78

Nhắn tin - Chúc Mừng

78

Tin thể giới - Phan Ngọc

79 - 84

Phân Ưu - Cáo Phó - Cảm tạ

84

Trả lời độc giả - Phù Vân phụ trách

84

Diễn Đàn Dân Chủ - của nhiều tác giả

85 - 87

Tù nhân chính trị và vận mệnh đất nước ... - Thành Lê

88

TIN PHẬT SỰ

89 - 94

SINH HOẠT CỘNG ĐỒNG

94 - 95

PHƯƠNG DANH CÚNG DƯỜNG

96 - 97

Hộp Thư Viên Giác

97

Phân Ưu - Cáo Phó - Cảm tạ

99

THƠ

Thiện Mẫn - Nguyễn Thị Trần Hương - Trần Bích Tiên - Sư huynh Hà Đạu Đồng

Huy Giang - Tùy Anh - ep - Trần Thị Kim Lan - Tâm Hoan - Ý Nga -

Lương Vĩnh Thành .



Năm nay là năm thứ 19 báo Viên Giác đã hiện diện với quý độc giả khắp năm châu. Một đứa con tinh thần mà mọi người rất trân quý ngay từ thuở ban đầu và qua bao nhiêu tháng ngày nuôi dưỡng, đứa con ấy đã khôn lớn trưởng thành trên mọi phương diện.

Năm nay cũng là năm Kỷ Niệm Số Báo Thứ 100, mà trước đây Tòa Soạn báo Viên Giác đã đăng tải về việc sáng tác, kêu gọi những nhà văn, nhà thơ hưởng ứng sáng tác các tác phẩm có giá trị để ghi dấu ngày trọng đại này; nhưng chưa có một dấu hiệu nào cho thấy có người nhiệt tâm hưởng ứng; có lẽ vì thời gian hay hoàn cảnh ở ngoại quốc chưa cho phép các nhà văn, nhà thơ làm điều ấy chăng? Nhưng dầu sao đi nữa, dưới bất cứ một hình thức nào đó, số báo Viên Giác thứ 100 cũng là số báo đặc biệt chỉ để nói về tuổi thọ của tờ báo này. Kính mong quý độc giả xa gần gởi bài về Tòa Soạn, viết liên quan về những giá trị Phật Giáo, Văn Học, Văn Chương, Thơ phú v.v... hay cả phê bình báo Viên Giác về các phương diện kỹ thuật, ấn loát và nhất là cảm tưởng của quý độc giả đã đọc báo Viên Giác lâu nay như thế nào.

Cầm báo Xuân Viên Giác số 96 vừa qua, chắc quý độc giả cũng đã hiểu công lao và sự tốn kém của Ban Biên Tập cũng như Tòa Soạn. Số trang được nâng lên gấp đôi, 200 trang báo, và vì thế tiền giấy mực, tem thư cũng tăng gần gấp đôi; nhưng sự hỗ trợ của quý độc giả còn quá khiêm nhường cho việc này. Kính mong quý vị lưu tâm cho. Mỗi năm nếu mỗi độc giả chỉ cần hỗ trợ 20 Đúc Mã là Viên Giác có thể sống một cách thoải mái, độc lập được. Tuy nhiên số ấy không đều tay. Trong số 4.200 độc giả mà Chùa vẫn thường hay gởi báo, chỉ có khoảng 1.000 độc giả là thực hiện được việc này. Còn hơn 3/4 số độc giả còn lại vẫn thản nhiên lạnh lùng với sự đến đi đều đặn của Viên Giác.

Trong 1.000 độc giả ủng hộ ấy, có vị ủng hộ đến 100 hay 50 Đúc Mã. Vì vậy nên đã lấp được ít nhiều khoảng trống chi tiêu cho tờ báo. Nếu không có được những tấm lòng như thế, chắc rằng Viên Giác sẽ khó tin vào tự lực của mình mà dần thân phục vụ. Rồi đây, trong tháng 9 của năm này Bưu Điện sẽ tăng giá, dĩ nhiên giấy mực cũng sẽ tăng theo. Nên kính mong quý vị mở rộng cánh cửa tử bi

hơn chút nữa, thương cho chút phận "dĩ văn tài đạo" mà hỗ trợ cho công việc đầy ý nghĩa này.

Báo Xuân Viên Giác đã xem xong, bây giờ quý vị đang xem số báo Tân Niên; nhưng mùa xuân thực sự của dân tộc vẫn chưa đến. Vì bên ngoài trời vẫn còn tuyết giá, lạnh băng. Năm nay có lẽ cũng là một năm rất đặc biệt, chưa bao giờ có cái lạnh cắt da cắt thịt đến thế. Nhiệt độ vào mùa Giáng Sinh và Tết Tây vừa qua ở xứ Đúc này là trừ 20 độ C. Khắp Âu Châu nơi nào cũng tuyết phủ mây giăng; chẳng biết tai trời ách nước gì đây sẽ xảy ra vào các năm cuối cùng của thiên niên kỷ thứ 2 này, chẳng ai có thể dự tính được.

Loài người đã chinh phục đến không gian trong hậu bán thế kỷ thứ 20 này. Bước sang kỷ nguyên mới của năm 2001, chưa biết loài người còn đi xa hơn nữa, hay lại trở về với đời sống nguyên thủy của nó? Nhưng dầu xa hay gần, điều ấy không phải là vấn đề quan trọng, mà vấn đề chính yếu ở đây là mỗi người trong chúng ta chưa biết tự chinh phục lấy chính mình. Chinh phục người khác, chinh phục xã hội, chinh phục thế giới, vũ trụ, tuy khó đấy; nhưng rất dễ, nếu chúng ta có đầy đủ phương tiện của khoa học. Còn chinh phục chính chúng ta tuy rất dễ, vì đâu có hao tốn gì, nhưng rất khó, nếu chúng ta thiếu lòng tin với chính mình hay chính Tôn giáo mà mình đang tin theo. Ở đây đòi hỏi chúng ta phải có một tinh thần trách nhiệm tuyệt đối ở mọi lãnh vực trong cuộc sống đầy phức tạp này.

Sự chinh phục ấy cũng đã làm cho một thiểu số có chút ít hạnh phúc; nhưng đa số trở thành bất hạnh ngay trên quá địa cầu này, cho người sống cũng như cho kẻ đã chết. Người sống, tuy sống giữa quê hương; nhưng vẫn bị lạc lõng nơi quê hương mình đang sống, vì đã sống ra ngoài sự thừa nhận của quê hương. Còn người chết? mấy ai đâu mà dư nước mắt để khóc người đời xưa? Sống cũng lo bảo thủ, mà chết lại càng cô độc hơn nữa. Nếu không có những tâm hồn Bồ Tát để độ tử cũng như độ sanh, thì biết bao nhiêu sanh linh phải trôi giạt về chốn nào đây? nếu không có những lời kinh siêu độ? Chiến tranh Việt Nam, chiến tranh thế giới đã làm chết bao nhiêu triệu mạng người và sinh vật; nhưng nhân danh kẻ cầm quyền, chưa thấy ai trên thế giới có được một hành động sám hối chân thành để cho các hương linh này được đôi điều an ủi. Họ đã bị đẩy xô vào vực thẳm. Họ đã trở thành những linh hồn vất vưởng ở khắp cõi Ta Bà cũng như những nơi xa xôi mù mịt của cõi không gian vô tận.

Ngày Tết, ngày Xuân cũng là ngày tảo mộ, hãy nhớ về những người đã chết cho chúng ta được sống nơi quê hương này hay bất cứ ở chốn nào nơi trần thế. Hãy tâm niệm hay đốt 3 nén nhang để khấn vái đất trời, để các linh hồn được an ủi nơi cõi vô sanh, như nàng Kiều đã thăm má Đạm Tiên nhân lễ Thanh Minh năm ấy và than rằng:

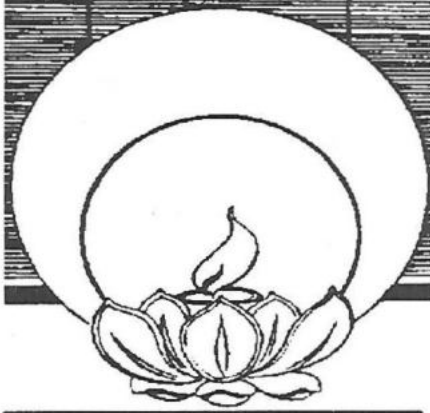
"Người đâu gặp gỡ làm chi

Trăm năm biết có duyên gì hay không"

Xin mỗi người hãy tự hỏi lấy mình và xin cầu chúc tất cả mọi độc giả của báo Viên Giác có được một mùa Xuân miên viễn của đất trời và vạn hữu.

Ban Biên Tập Báo Viên Giác

TÔN GIÁO



Luận về

ĐỜI TIẾP NỐI ĐỜI

Nguyên tác:
Reflections on Life After Life
Tác giả:
Dr. Raymond A. Moody, Jr.

Người dịch:
Hoàng Phi Lưu Hoàng Nguyễn

CHƯƠNG III. TỰ VẤN

C hữ "tự vấn" được dùng cho khá nhiều dạng tác phong tự hủy diệt, do các động cơ, hoàn cảnh khác nhau và diễn ra trong nhiều trường hợp dị biệt. Trong bao thế kỷ loài người đã cố gắng tìm hiểu ý nghĩa của sự tự vấn. Thoạt tiên xét theo quan điểm giáo lý, đạo đức, triết học. Thời cận đại lại thêm vào các khía cạnh xã hội và tâm lý. Dù tìm hiểu lâu như vậy vẫn còn nhiều câu hỏi hóc búa chưa thể giải đáp.

Bởi thấy nhiều người hỏi dương sau khi cận kề với cái chết và đã thuật lại các kinh nghiệm tâm linh này, nên có người hỏi các báo cáo đó có liên quan chi đến vấn đề tự tử. Điểm cần phải nêu ra trước hết là việc nghiên cứu các kinh nghiệm chết hụt không cho ta những giải đáp chung cuộc cho nhiều loại bí ẩn khác nhau của tự tử. Chúng ta chỉ có thể nêu ra hai câu hỏi:

Thứ nhất: Những người từng chết hụt vì các lý do khác hơn là quyền sinh, đã sống lại và nghĩ gì về sự quyền sinh?

Thứ hai: Các kinh nghiệm chết hụt do quyền sinh có khác chi những kinh nghiệm chết hụt vì những lý do khác?

Trong khi những người báo cáo kinh nghiệm chết hụt thường cho biết họ cảm thấy chẳng muốn trở lại dương trần, song tất cả đều không chấp nhận tự vẫn là phương cách để được chết. Họ hỏi dương và bào rằng đã học được một điều: Họ phải làm xong những ý định trên cõi thế. Họ sống lại với một thái độ nghiêm chỉnh, quyết tâm về cuộc đời và sự sống. Chẳng có một ai được tôi phỏng vấn muốn lập lại kinh nghiệm chết hụt.

Nhiều người "chết" vì lý do tự nhiên hoặc tai nạn đã bào rằng khi ở ngưỡng cửa tử sinh họ được biết tự vẫn là một hành động thật bất hạnh, sẽ bị trừng phạt. Thí dụ một người đàn ông chết hụt trong một tai nạn đã kể:

"Trong lúc ở đó tôi có cảm giác có hai điều tối kỵ, cảm không được làm là Tự sát và Sát nhân. Tự sát tức là mình ném trả món quà tặng của Thượng Đế vào mặt của Ngài. Còn sát nhân là can thiệp vào ý muốn của Thượng Đế đối với người này".

Một người khác sống lại sau một thời gian bị xem là chết ở bệnh viện nói rằng khi ở bên kia thế giới, anh có cảm tưởng nếu tự sát sẽ bị trừng phạt, và một phần của sự trừng phạt này là phải chứng kiến nỗi đau khổ của những người khác do việc tự tử của mình.

Lúc viết xong bản thảo quyển "*Đời Tiếp Nối Đời*" tôi đã có rất ít trường hợp chết hụt vì tự vẫn. Tôi nghĩ là nên thông cảm những người này, chắc họ không muốn tự nói nhiều về mình bởi có lẽ họ còn mặc cảm phạm tội vì đã toan tự vẫn. Nhưng từ bấy đến nay tôi có thêm một số trường hợp. Tất cả đều đồng ý một điểm: Họ thấy tự vẫn chưa giải quyết được gì. Họ vẫn còn mắc-mứu các vấn đề mà họ toan dứt bỏ khi tự vẫn. Bất cứ khó khăn nào mà họ tính tránh né đều vẫn còn nguyên vẹn đó, chưa được giải quyết, dù là ở bên kia thế giới.

Một phụ nữ cho biết đã bị kẹt trong một hoàn cảnh khiến phải tự tử. Chị có cảm giác tình trạng gặp phải trước khi "chết" sao cứ lặp đi lặp lại lúc chị ở thế giới bên kia:

"Vấn đề mà tôi vừa kể cho ông nghe, nếu bây giờ nhìn lại với cặp mắt của một người trưởng thành, dĩ nhiên nó không quan trọng đến như vậy. Nhưng vào thời ấy, ở tuổi đó, vấn đề có vẻ rất quan trọng... Ồ, khi tôi "chết" vấn đề đó vẫn còn quanh tôi. Và dường như nó tự lặp đi lặp lại, tái diễn hoài. Một khi trải qua xong vấn đề, tôi thầm nghĩ: "Ồ, may quá, mình thoát rồi!". Nhưng nó lại khởi sự từ đầu khiến tôi nản quá: "ôi, thôi rồi, lại bị nữa kia!".

Tất cả đều cho biết sau kinh nghiệm đó, họ chẳng bao giờ nghĩ đến chuyện tự tử lần nữa. Thái độ chung là biết mình đã sai lầm và rất mừng khi thấy không thành công trong mưu toan tự kết liễu mạng sống. Khi tôi hỏi một người đàn ông là sau khi rút kinh nghiệm như vậy, anh còn có ý định tự tử nữa hay chăng. Anh đáp:

"Không. Tôi sẽ chẳng làm như vậy nữa. Sau này tôi sẽ chết một cách tự nhiên, vì khi ở ngưỡng cửa tử sinh tôi ý thức rằng kiếp sống nơi dương trần thật là ngắn ngủi, mà mình lại có rất nhiều việc phải làm".

Quả khá lý thú khi thấy các quan niệm và kinh nghiệm nêu trên trùng hợp với cảm nghĩ trong một số tín lý cổ xưa chống lại việc tự tử. Nhiều nhà thần học, triết gia qua bao thời đại đã lập luận, bài bác sự tự tử trên cơ sở: Chúng ta được sinh ra với một sứ mệnh, hay là "một món quà tặng của Thượng Đế", vì thế ta không thể tự ý kết liễu đời mình. Cho nên triết gia Plato trong quyển *Phaedo* lập thuyết là chúng ta được sinh ra trên quả đất này là để đảm nhiệm một chức vụ nào đó, và ta đâu thể bỏ trốn được. Ông lập luận rằng chúng ta thuộc về Thượng Đế, và được Ngài chăm sóc. Ta không thể tự giải phóng bằng cách quyền sinh.

Ở thời Trung cổ, Thomas Aquinas lập luận rằng mạng sống là món quà mà Thượng Đế trao cho con người, vì vậy chỉ có Ngài mới có quyền quyết định khi nào chấm dứt. (Thomas Aquinas, *Summa Theologica*, Part II-II, Question 64, Article 5).

Còn John Locke (triết gia Anh thế kỷ thứ 17, có những tư tưởng mà Bản Tuyên Ngôn Độc Lập và Hiến Pháp Hoa Kỳ đã vay mượn một số) cũng bào rằng chúng ta thuộc quyền sở hữu của Thượng Đế, được đặt để nơi cõi trần là do ý Ngài. Ta không thể tự ý đảo nhiệm. (John Locke, *The Second Treatise on Civil Government*, Section 6).

Tương tự thế, triết gia Đức Immanuel Kant đã viết: "Khi xem xét vấn đề tự tử theo quan điểm tôn giáo, chúng ta thấy ngay thực chất. Chúng ta được sinh ra trên đời với một số điều kiện và vì những mục đích đặc biệt. Và tự tử là trái với mục đích của đấng Tạo Hóa. Kẻ quyền sinh dĩ sang một thế giới khác giống như một tên đảo nhiệm. Y phải được xem như là kẻ phản loạn chống lại Thượng Đế. Thượng Đế là sở hữu chủ của chúng ta. Chúng ta thuộc về Ngài. Sự phù hộ của Ngài ban phước cho chúng ta". (Immanuel Kant, *Lectures on Ethics*, bản dịch của Louise Infield: New York, Harper and Row, 1963; Harper Torchbook edition, pp 153-154).

Tôi trình bày các lập luận trên không nhằm ủng hộ các tư tưởng đó hoặc đưa ra một phán đoán có tính cách đạo đức đối với sự tự vẫn. Điểm duy nhất mà tôi muốn nêu là những cảm nghĩ giống nhau về mục đích của con người nơi trần thế và những gì mà các triết gia cũng như những người về tử cõi chết đã nói về sự tự vẫn.

Tôi cũng biết các kinh nghiệm nêu trong chương này sẽ khơi dậy nhiều vấn đề. Ất có người sẽ bào trong một số nền văn hóa thì sự tự tử đâu có bị lên án như trong xã hội Tây phương. Nó còn được xem là một hành vi cao thượng, như trường hợp Nhật Bản hồi thời đại hiệp sĩ. Và chắc có người hỏi: "Có thể nào một người thuộc xã hội đó báo cáo những kinh nghiệm giống hệt khi được cứu sống sau một vụ tự tử?".

Xa hơn nữa, có người lại bào rằng thực ra chúng ta đang tự tử bằng cách này hay cách khác. Bởi vì phần đông chúng ta có lẽ đang

dẫn mình hoạt động trong lãnh vực nào đó sẽ phương hại chúng ta hoặc gây ra chết chóc. Ba thí dụ điển hình trong xã hội này là: Hút thuốc lá, ăn các thực phẩm chứa nhiều cholesterol, lái xe khi say rượu. Thiên hạ cứ lao mình làm mấy việc này dù biết rõ là có thể chết vì biết bao bệnh tật hay tai nạn lưu thông. Ta có thể hỏi sự khác biệt giữa các tác phong đó và việc tự sát là gì? Ở mức độ nào trong bảng xếp hạng các hành động tự sát thì kẻ tự tử mới bị trừng phạt?

Có người tự hủy mình vì lý do vị tha, thí dụ như cứu những người khác. Thế thì những người chết anh hùng như vậy sẽ kinh qua những gì? Còn mấy kẻ tự kết liễu mạng sống vì bị xuống tinh thần hoặc mất mát quá lớn?

Ngoài ra còn có chuyện nhiều người "toan" tự tử, thực ra họ đâu muốn chết mà chỉ muốn làm nư, muốn kẻ khác chú ý đến các vấn đề, nhu cầu của họ. Mặt khác nhiều nhà thần kinh bệnh học cho rằng những người hay bị tai nạn, trong khi họ không có ý định quyên sinh, thế nhưng *tiềm thức* thì lại muốn chết. Như vậy các tai nạn của họ có thể là những vụ toan tự tử một cách vô thức.

Đĩ nhiên chả ai có những câu trả lời chung cuộc cho các câu hỏi phức tạp đó, và tôi cũng không có ý định đơn giản hóa các vấn đề này. Điều có thể làm được là báo cáo rằng các kinh nghiệm chết hụt mà tôi biết đã xảy ra có liên quan đến việc tự tử khác biệt với những kinh nghiệm khác đã được mô tả.

Khi được hỏi về các vấn đề này, một nhà thần kinh bệnh học cũng là bằng hữu của tôi, ông từng sang bên kia thế giới vì bị nhiễm trùng và được công bố đã "chết", trả lời một cách đáng chú ý. Ông tin rằng Thượng Đế vốn rất thông cảm và độ lượng, còn chúng ta là người phạm cũng có thể hiểu nổi: Thượng Đế sẽ lo các việc này với lòng yêu thương và trí tuệ. Điều mà một người tự tử cần ở chúng ta không phải là sự xét đoán mà là tình thương và niềm cảm thông.

(Đón xem kỳ tới: Chương IV. Phản ứng của Giáo Hội)

CÁO LỖI

Vì lý do kỹ thuật nên Tòa Soạn Viên Giác không đăng tiếp được bài "*Bí ẩn về Tiền Kiếp và Hậu Kiếp*" của tác giả Đoàn Văn Thông.

Chúng tôi sẽ đăng tiếp vào kỳ báo Viên Giác số 98 phát hành vào tháng 4/97

Ban Biên Tập Báo Viên Giác xin thành thật cáo lỗi cùng quý độc giả và tác giả.

VÀI SUY NGHĨ VỀ CÔI SIÊU HÌNH CỦA ĐẠO PHẬT

• Nguyễn Quốc Hoàn

Ai sinh ra trong cuộc đời, trước sau cũng phải chết. Nhưng sau cái chết còn có sự sống khác nữa và chắc chắn một điều khi thân thể bị mất đi, tâm thức không thể nào mất hẳn được. Khi đầu thai vào một thế giới khác có thể cao hơn hoặc thấp hơn tùy theo hành nghiệp đã làm trong quá khứ và nghiệp lực ấy sẽ dẫn dắt đi đâu thai qua sự trợ duyên bên ngoài. Con người được cấu tạo bởi phàm tâm xen lẫn thánh tâm. Khi nào cái ác trong người tăng, tức tâm tham sân đố kỵ ngự trị. Khi nào cái thiện trong người tăng tức tâm thánh nhân đã hình thành. Thiện và ác, lành và dữ là do chính tâm mình tạo ra và cũng chính tâm ấy phải sám hối tội lỗi mới vơi đi, mới mong có ngày được giác ngộ, giải thoát, bằng ngược lại vẫn còn trầm luân trong biển sanh tử luân hồi. Lúc Phật còn tại thế, thì nghe Đức Phật giảng về Vô Thường, Bất Tịch, Vô Ngã của thân người lẫn với khổ đau và dục vọng, nên có một số các đệ tử của Ngài đã tự hủy mình vì thấy sống như vậy không có ích gì cả. Nhưng sau đó Đức Phật đã trấn an họ, tuy thân thể phàm phu này có nhiều điều như thế, nhưng nếu không có thân thể này làm sao có phương tiện để tu hành đắc đạo được. Đức Phật dạy: Cha mẹ sinh thành làm con lợi ích rất nhiều, ân nuôi dưỡng không thể báo đáp... Hiểu sự cha mẹ là Vua trời Đế Thích ở trong nhà các người, thực hành hiếu là chúc trời Đại Phạm ở trong nhà các người, hiếu tận lựa thì đưa Thích Ca ở trong nhà các người.

Ái được hiểu cúng liệt vị Thánh Tăng, thì cả cha mẹ cùng với bà con được tiêu trừ cái thống khổ ở trong ba đường dữ, tức thời giải thoát, cơm áo tự nhiên. Cha mẹ hiện tại thì được phúc sống lâu trăm tuổi, cha mẹ bầy đời được sanh lên chư thiên tự tại hóa sanh vào trong thiên giới, phước lạc vô cùng.

Ánh sáng của đạo Trời hơi trắng. Ánh sáng của đạo Người hơi vàng. Ánh sáng của đạo A-Tu-La hơi lục. Ánh sáng đạo Địa ngục thì như khói đen. Ánh sáng đạo Ngạ quỷ hơi đỏ. Ánh sáng đạo Súc Sanh hơi xanh. Các cõi Phật trong năm phương đều phóng ra những hào quang rực rỡ, mạnh mẽ, hào quang sắc xanh chói lóa, sắc trắng trong sạch, sắc vàng trong như ngọc, sắc đỏ mãnh liệt, tuy mãnh liệt, song đó là hào quang siêu việt, ân huệ, giải thoát. Vì nghiệp lực không tương hợp nên người chết thường sợ hãi các hào quang mãnh liệt của chư Phật soi đến mà chỉ thích những hào quang yếu ớt của lục đạo rồi đầu thai vào một trong sáu nẻo ấy. Người nào lúc sanh tiền tin tâm tu theo Thiên nghiệp, khi lâm chung ắt vãng sanh Tịnh Độ, theo chín phẩm vãng sanh. Thân mạng đời này gọi là Hiện Âm. Khi thác tử gọi là Tử Âm. Phần thân thức ở âm cảnh trong 49 ngày mà chưa đi đâu thai gọi là Trung Âm. Trung Âm có khả năng nghe thấy, phân biệt, hiểu biết, còn tình cảm, vui, buồn, ghét, muốn... Trung Âm chỉ là nghiệp thức, vô hình và có thể đi qua chướng ngại vật trong nháy mắt dù xa cách mấy. Phật gọi đó là sắc Công năng. Lúc tái sanh (luân hồi)

ngiệp thức hợp lại với Tứ đại thành sinh âm hay sinh hữu Hậu Âm.

Con người không thể phát triển lớn mạnh được khi còn bị khống chế bởi cái Ta ích kỷ. Trong cái nhìn trực giác của Đức Phật, mọi sự hiểu biết của con người đều không đáng gì cả.

(Bad Grund 2.12.1996)

DỊCH THƠ TỪ CHỮ HÁN CỦA TUỆ SỸ

• Thiện Mẫn

(NPĐ Thảo Đường - Moscow)

(Bản Tin Khánh Anh, tháng 10/96)

Bài 1 : CÚNG DƯỜNG

*Phụng thủ ngục tù phạn
Cúng dường Tối Thắng Tôn
Thế gian trường huyết hận
Bình bát lệ vô ngôn
(Tuệ Sỹ)*

CÚNG DƯỜNG

*Hai tay dâng bát cơm tù
Cúng dường Tối Thắng Đại Tử Thế Tôn
Cõi trần máu hận trào tuôn
Tay bưng bình bát lệ thấm lệ rơi.
(Thiện Mẫn)*

Bài 2: TỰ VẤN

*Vấn dư hà cổ tọa lao lung
Dư chí khinh yên bán ngục khung
Tâm cảnh tương trì kinh lý mộng
Cổ giao gia tỏa điện hư ngưng.
(Tuệ Sỹ)*

TỰ HỎI

*Hỏi mình: sao phải ngồi tù?
Bảo rằng: làn khói giam hồ trong lao
Cảnh tâm trong mộng khiếp sao
Lời xưa đã dạy ngẩng cao nhìn trời.
(Thiện Mẫn)*

Bài 3: TRÁCH LUNG

*Trách lung do tự tại
Tán bộ nhược nhân du
Tiểu thoại độc ảnh hưởng
Không tiêu vĩnh nhật tù
(Tuệ Sỹ)*

LÔNG CHẶT

*Trong lông chặt hẹp mà thanh thản
Đi tới đi lui thật nhàn tản
Cười cười nói nói chỉ mình nghe
Cũng trôi qua ngày tù bất tận.
(Thiện Mẫn)*

Bài 4: TẢO THƯỢNG TẮY TỊNH

*Tảo khởi xuất tẩy tịnh
Thung dung lập phiên thi
Tự hữu thần tiên thoát
Hà tu sơn thủy vi
(Tuệ Sỹ)*

SÁNG SỚM RA RỬA MẶT

*Sáng sớm ra rửa mặt
Ung dung trong giây lát
Sẵn phong thái thần tiên
Lọ cần miễn non nước!
(Thiện Mẫn)*

NGÀY XUÂN tìm hiểu về những tôn giáo lạ xuất hiện trên thế giới hiện nay

• ĐOÀN VĂN THÔNG

Trong khi nhân loại bước vào ngưỡng cửa của thế kỷ thứ 21 thì trên thế giới nhất là ở phương Tây lại xuất hiện nhiều tôn giáo lạ

Phải chăng đó là những thông điệp bí ẩn cho những thập niên khởi đi từ năm 2000 ?

Khi con người xuất hiện và phát triển năng lực tư duy sáng tạo thì cũng là lúc Tôn giáo phát sinh mạnh mẽ. Bất kỳ dân tộc nào, vùng đất nào, Tôn giáo tuy có khác biệt nhau nhưng điểm chính yếu đại cương là tin vào một Đấng giáo chủ và những giáo lý mà vị Giáo chủ đã đưa ra.

Hiện nay trên thế giới có ba Tôn giáo lớn ngày một phát triển mạnh là Phật Giáo, Thiên Chúa Giáo và Hồi Giáo. Tuy nhiên càng ngày thế giới càng xuất hiện và phát triển thêm nhiều Tôn giáo khác, trong đó có một số Tôn giáo lạ lùng với những giáo điều và chủ trương đôi khi vô cùng kỳ dị, bí hiểm nhưng có điều kỳ lạ là số người tin và theo lại rất đông.

Điểm lạ lùng đáng lưu ý nhất là ngay các nước tiên tiến và văn minh như Hoa Kỳ, Ý lại là những nơi mà người dân ở đó rất nhạy cảm về Tôn giáo. Chính nơi đây phát sinh nhiều Tôn giáo hết sức kỳ bí khó hiểu nhưng số tín đồ thì ngày càng gia tăng và nhất là đức tin của họ thường rất mãnh liệt tưởng chừng khó có gì thay đổi được lòng tin của họ.

Tại Hoa Kỳ hàng năm có những tháng thuộc về Tôn giáo, về các tháng đó các buổi lễ về Tôn giáo được tổ chức vô cùng rầm rộ và sôi nổi. Ngày 15 tháng 1 hằng năm được

xem là ngày trọng đại của một số Tôn giáo lạ tại Hoa Kỳ. Nhiều nhân vật có nếp sống và quan niệm khác tự nhiên xuất hiện và đề xuất loan truyền các tư tưởng mới lạ, rồi tự xưng là Đấng Tiên tri hay kẻ thay mặt Đấng Tối Cao để dẫn dắt loài người. Dần dần những nhân vật lạ lùng này trở thành vị Giáo chủ của thủ tín ngưỡng mà họ đã đề ra. Một Tôn giáo lạ ra đời.

Một hình thức tôn giáo nhuộm đầy ma thuật ở Âu châu thời trung cổ

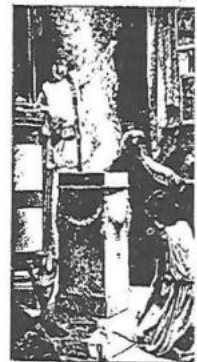


Cách đây khoảng trên một nghìn năm có những buổi lễ Tôn giáo lạ lùng, kỳ dị thường được tổ chức tại Âu Châu như các buổi lễ gọi là buổi Lễ Đen. Những tín đồ của Tôn giáo lạ này tập trung lại tại một vùng

hoang vắng, thường là những vùng gần đầm lầy, các trũng, hồ ẩm ướt tối tăm để sợ ngay trong lúc đêm khuya thanh vắng. Tất cả các tín đồ đều cầm lồng đèn ở tay để soi đường đi. Có người ở rất xa, thường họ phải băng rừng vượt suối vượt đường xa vạn dặm để đến được nơi hành lễ. Buổi lễ được bắt đầu bằng những lời cầu nguyện ri rầm của mọi người trong đêm tối đồng thời với sự lác lác toàn thân mà khởi đầu là từ nhóm đàn ông.

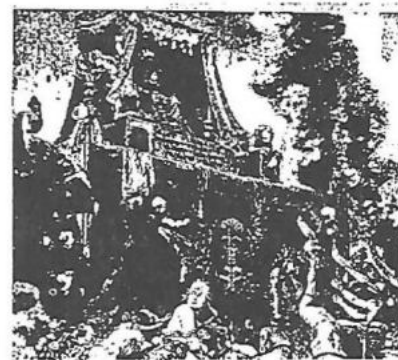
Sau đó tất cả đều tắt đèn đuốc chỉ còn để lại đồng lửa cháy bập bùng từ đồng củi. Trong cái ánh sáng lơ mờ tối tăm ấy bỗng xuất hiện một người thú (dáng thế người ở dưới lột chó sói mà cổ thì quấn quanh con rắn hổ mang lớn miệng phơn khe khe...). Lúc bấy giờ trong không khí tỏa ra mùi hôi hám khủng khiếp do bởi các chậu, binh chôn giấu dưới đất được mở nắp ra. Các binh, chậu này chứa các đồ dơ dáy thối tha để lâu ngày. Trong cái không khí tối tăm và hôi hám đến rợn người ấy, các tín đồ ôm chầm lấy nhau theo từng cặp nam nữ và cùng nhau ân ái.

Theo Guerard thì sau những buổi Lễ Đen ấy, một số lớn phụ nữ sẽ có thai và hài nhi ấy được xem như là con của các Thần Linh.



Giáo phái thời Trung Cổ này được các tư liệu nghiên cứu từ Âu Châu gọi là Giáo phái Orléans phát triển mạnh vào thế kỷ thứ 11.

Giáo Điều của Tôn giáo này là những gì bị coi là không được Đạo đức ở xã hội này hôm nay thì lại sẽ trở thành thánh thiện ở ngày mai... Đấng Cứu Thế của họ là một vị Thần Linh.



Đạo hòa hợp hay giáo hội liên tôn của giáo chủ SUN MYUNG MOON

Tôn giáo này khởi nguồn từ một người Triều Tiên tên là Sun Myung Moon, người tự nhận mình như là vàng Nhật Nguyệt tỏa ánh hào quang xuống quả đất. Nhiều người cho rằng có một sự trùng hợp ngẫu nhiên hay cố ý là trong tập Sấm Ký của Nostradamus có một đoạn nhắc đến một vị Giáo Chủ sẽ xuất hiện ở tương lai để cứu độ chúng sanh. Vị Giáo Chủ này có họ là Moon nghĩa là Mặt Trăng. Phải chăng Sun Myung Moon tinh cờ đọc thấy được lời này và tự gán ghép cho mình?

Quê của Moon là một vùng khô cằn nghèo khổ ở Bắc Triều Tiên, trong khi dân chúng đói khổ và hy vọng một tương lai sáng lạn thì ông tự cảm thấy mình có bốn phận ra tay tế độ ít nhất là bằng tư tưởng. Lúc bấy giờ Moon tự xưng mình là người đại diện Chúa Jesus xuống cõi trần lần nữa để cứu vớt nhân loại.

Khi Bắc Triều Tiên đi vào chế độ Cộng Sản thì Moon cùng gia đình di cư về Nam Triều Tiên. Tại đây, ông lại tiếp tục tự xưng mình là đại diện của Chúa Jesus và thuyết giảng giáo lý mới lạ. Moon chủ trương tự do phóng khoáng, biết đủ tức là đủ và đặc biệt ca ngợi tình yêu, tình dục, chối bỏ những ràng buộc khắc nghiệt để trở lại cái tự nhiên của thuở con người còn sống hòa vào thiên nhiên không cần chi tới vật chất, áo quần, tiền bạc. Nói tóm lại Moon dẫn dắt con người trở lại cuộc sống tự nhiên của con người thuở ban sơ nguyên thủy.

Cung cách và lời thuyết giảng của Moon có một đặc điểm kỳ diệu là vô cùng hấp dẫn và hữu lý khiến người nghe cảm thấy êm tai. Do đó không lạ gì số lượng tín đồ ngày càng tăng. Moon luôn luôn kết hợp những cái hay cái lạ của các Tôn giáo lớn lại và tận dụng cái thâm sâu kỳ bí của Mật Tông để cuốn hút mọi người.

Chính quyền Nam Hàn bắt đầu lưu ý Moon vì những lời thuyết giảng đôi khi quá khích và nhất là thế lực ngày càng phát triển với số lượng tín đồ trung kiên gia tăng vùn vụt. Moon bị bắt bỏ tù. Sau khi mãn hạn tù, Moon lại liên kết với các Tôn giáo lớn trên thế giới và được sự ưu ái hỗ trợ từ nhiều nơi. Sự kiện này làm phát sinh sự thoát ly đất nước, Moon đến Hoa Kỳ. Tại đất Mỹ, Moon được tôn sùng và không bao lâu ông có đủ số lượng tín đồ ở đây lên đến cả triệu người.

Chỉ riêng những buổi thuyết giảng của ông tại Nevada và Colorado cũng đã thu hút đến 300.000 người. Các buổi thuyết giảng đều tổ chức trong các khu rừng. Cơ quan Liên Bang Hoa Kỳ đã điều tra kỹ về Moon và biết được rằng ông ta có trong tay một thực lực vĩ đại về nhân sự và tiền bạc (riêng tiền bạc thì có trên 7.000.000 đô-la. Mặc dầu trong các buổi thuyết giảng, ông luôn luôn tuyên bố là sẽ ra sức cứu nguy Mỹ quốc thoát được nạn lạm phát, kinh tế trì trệ và nhất là tình trạng đạo đức suy đồi, nhưng chính quyền tại đây vẫn bắt ông và trục xuất ông ra khỏi đất Mỹ. Sở dĩ Moon trở lại được Nam Triều Tiên một cách an bình là do ông có nhiều tiền bạc và thế lực. Tuy nhiên Moon vẫn tuyên bố rằng ông sẽ trở lại đất Mỹ để giảng Đạo vì đó là nhiệm vụ mà Chúa Jesus đã giao phó cho ông.

Đạo hợp nhất của nữ giáo chủ Elizabeth prophet

Tôn giáo này phát sinh tại Hoa Kỳ từ năm 1950 do hai vợ chồng người Mỹ tên là Mark Prophet và Elizabeth Prophet thành lập. Cả hai chủ trương hợp nhất Thiên Chúa Giáo, Đạo Hindu, Thuyết Kỳ Nguyên Mỗi, Khoa Chiêm Tinh và cả Lý Thuyết Chống Cộng làm một.

Khi ông chồng là Mark Prophet qua đời, bà Elizabeth hằng say tiếp tục lãnh đạo tinh thần giáo phái này và bà đã có công chấn hưng phát triển mạnh hơn. Số tín đồ theo đạo ngày càng đông. Tính đến năm 1990 số tín đồ là khoảng 200.000 người.

NỮ GIÁO CHỦ ELIZABETH PROPHET



Chủ trương của Đạo Hợp Nhất là chống lại sự tàn phá và phát triển của bom nguyên tử. Họ còn chủ trương triệt để chống Cộng Sản. Bà Elizabeth Prophet tự cho mình là Đức Mẹ Bề Trên của giáo phái đặc biệt này. Những người tu theo đạo này tin vào cõi giới khác có sinh vật sống và cả cõi Thần Tiên. Có người khẳng định là họ đã từng thấy được các Thiên Thần bay lượn trên không trung. Có người thấy lại được cả những người đã chết và người thân đã qua đời.

Bà Elizabeth thuyết giảng và báo động về ngày tận thế gần kề và hiểm họa của bom nguyên tử do loài người tạo nên là mối nguy cơ gây nên sự tự hủy diệt khủng khiếp. Bà khuyên các tín

đồ nên đào hầm trú ẩn. Nếu ai không có tiền thì có thể dùng chung hầm trú ẩn của Giáo hội, hầm khổng lồ vĩ đại này được xây cất rất vững chắc tại Montana nằm ở gần biên giới Canada và khu rừng quốc gia Yellowstone. Các phương tiện truyền tin báo động được thực hiện có quy mô và cực nhanh qua điện thoại. Cuộc thực tập báo động đã được thực hiện vào đêm 15 tháng 3 năm 1990 lúc 9 giờ 30, lúc bảy giờ các con đường tiến về Montana đầy ắp xe cộ. Các tín đồ đua nhau chạy về địa điểm có hầm trú ẩn, quang cảnh hết sức khẩn trương. Ngày nay đạo giáo lạ lùng này vẫn phát triển và các tín đồ vẫn giữ vững lòng tin với đạo.

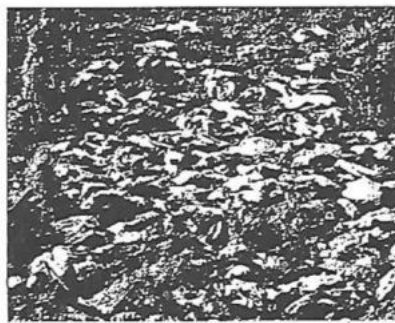
Tôn giáo lạ: Dẫn vào sự chết

Đó là một Tôn giáo kỳ lạ đáng sợ đã và đang xuất hiện và phát triển tại Mexico, Hoa Kỳ, Ý, Thụy Sĩ...

Tại Phi Luật Tân (Philippine), một người đàn ông tên là Luc Jouret (người này quê quán ở Congo, Phi Châu -con lai Pháp) tự nhận mình là Chúa Jesus tái sinh lần nữa để mở ra một thời đại gọi là Thánh Giá và Bông Hồng. Nhiều người đã ùn ùn hưởng ứng và tin theo Đạo mới này. Không lâu sau, số tín đồ gia tăng qua nhiều quốc gia. Điều kỳ dị là những tin đồn này thường nhắc đến cái chết một cách bình thản tự nhiên. Năm 1980, Luc Jouert và một số tín đồ nhập cư tại vùng Quebec của Canada. Tại đây, Jouert bắt đầu tạo lập sự nghiệp và truyền bá những giáo lý lạ lùng kỳ dị mà phần lớn là đề cao cái chết và xem cái chết như là một ân sủng mà đáng tối cao giúp con người đạt tới cõi trời. Luc Jouert bắt đầu thu nhận tín đồ nhưng bị cảnh sát để ý theo dõi. Sau đó ông phải lên trốn vì bị cơ quan an ninh bao vây lục soát trại có nhiều vũ khí.

Ngày 5 tháng 10 năm 1994 cảnh sát Thụy Sĩ và đội chữa lửa trong khi cố dập tắt trận hỏa hoạn phát ra từ một trại hoang vắng xa thành phố thì họ đã phát giác một số xác chết trong một căn nhà. Các nạn nhân đều bị giết chết trước đó khi cùng bị đốt cháy. Tổng cộng có 21 người.

Trước đó tại Gia Nã Đại (Canada) cũng đã có đám cháy và có người chết, sau đó lại có một đám cháy khác tại Quebec và có nhiều người chết. Tổng cộng có tới 53 người chết một cách bí mật.



Sau đó có thêm một vụ cháy nữa xảy ra tại Grangs sur Salvan. Tại đây có 25 xác chết và họ bị chết trước khi bị lửa đốt cháy.

Theo sự điều tra chi tiết của cảnh sát thì các vụ cháy và những tử thi đều có liên quan đến các hoạt động Tôn giáo của Giáo chủ đạo giáo Thánh Giá và Hoa Hồng. Điều kỳ lạ, là có một xác chết cháy đen được giáo nhiệm



và đi đến kết luận là xác của Luc Jouert. Nhưng nhiều nguồn tin về sau lại cho biết là Giáo Chủ kỳ dị này vẫn còn ẩn dật chửa lộ diện ở một xứ sở nào đó.

Luc Jouert, Giáo chủ của Đạo giáo "Thánh Giá và Bông Hồng"

Giáo chủ Luc Jouert có gương mặt khá ái, đáng đáp thơ sinh. Ông sinh tại Congo, đầu Bác sĩ năm 1974 ở Bruxelles.

Giáo phái kỳ lạ ở Mexico

Tại Mexico cũng có giáo phái lạ với chủ trương tự hủy mình. Năm 1990, cảnh sát được tin về cái chết tập thể của một số người tại vùng Tijuana. Qua cuộc điều tra, cơ quan an ninh Mỹ đã đi đến kết luận là những người chết đều là các tín đồ của một Tôn giáo lạ đang phát triển tại Mỹ. Hình như có sự liên quan nào đó về giáo lý thuộc tín ngưỡng kỳ bí này với giáo lý của Giáo chủ Luc Jouert.

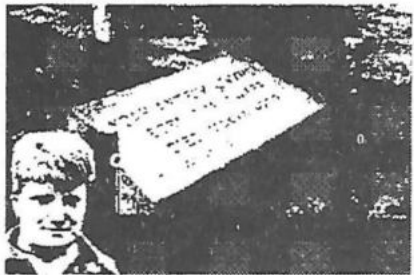
Giáo phái scientology của giáo chủ L. Ron Hubbard

Nhiều người Mỹ đã tin vào sự kiện chết sớm để tới được nhanh nơi lý tưởng hơn so với quả đất này. Do đó họ đã nghe theo những lời thuyết giảng của những Giáo chủ sau này như Luc Jouert, L. Ron Hubbard... Tại một vùng rừng núi âm u ở New Castle (thuộc Tiểu Bang Florida) cảnh sát Hoa Kỳ nhờ mật tin đã vây bắt một đám đông tín đồ của một Tôn giáo lạ chủ trương đi tìm cái chết. Có đến 2398 người được giới truyền thông và cảnh sát phỏng vấn, câu trả lời chung đều tập trung vào ý nguyện được chết. Những người này còn cho biết là theo lời kêu gọi của Giáo chủ họ, tất cả tập trung tại nơi đây là để được cùng chết với Giáo chủ của họ.

Với thuyết "con người là những vật chất có tính linh bị dọa xuống đường trần"

Scientology là một giáo phái lạ kỳ đã xuất hiện ở Hoa Kỳ từ 40 năm nay. Giáo chủ là L. Ron Hubbard (sinh năm 1911 tại Nebraska) một nhà văn chuyên viết chuyện khoa học giả tưởng. Sự tưởng tượng quá mức đã đưa L. Ron Hubbard đến việc mở đến một giác mở làm một cuộc viễn du vào cõi chết và tử cõi chết trở lại cõi dương trần. L. Ron Hubbard đưa ra thuyết: "Quá khứ bị lằm lặc, rui ro sẽ đi căn vào tâm linh trí tuệ để rồi trở nên bất bình thường ở hiện tại...". Vì thế, muốn được thanh thản tốt lành, chỉ có cách là đi vào cõi chết... vì ở cõi mà ta coi như là cõi chết, thật ra là một nơi đầy kỳ lạ, lý tưởng, nơi ấy con người là một sự pha trộn liên kết các vật siêu vật chất, những vật chất siêu linh, những vật chất này vì đã phạm

những lỗi lầm nào đó ở cõi thần tiên lý tưởng ấy nên bị đọa xuống dương trần mà nếu tính theo thời gian xảy ra sự việc thì đã gần 80 triệu năm nay rồi...



Ảnh Noah Lottick, 22 tuổi, đã tin vào thuyết thân bí của giáo phái Scientology nên đã nhảy từ lầu cao mười tầng xuống đất chết thảm - Hình chụp Noah và mẹ của anh.

Mặc dầu lý thuyết nêu ra có nhiều huyền hoặc nhưng L. Ron Hubbard vẫn lôi kéo được nhiều tín đồ. Nhiều người tin tưởng đến độ si mê cuồng tín. Có người bỏ cả vợ con, suốt ngày chỉ mơ tưởng đến cõi thần tiên, có người muốn được mau trở về từ cõi chết để được mạnh mẽ, thông minh, và nhất là có linh tính kỳ diệu của con người bình thường không thể nào có. Hơn nữa khi từ cõi chết ấy trở về, con người còn được tiêu trừ tật bệnh, giải tỏa mọi tai ách tật nguyên... Chính điều này đã khiến cho nhiều tín đồ mê muội nghe theo và có người tự hủy mình như trường hợp Sinh viên Noah Lottick đã tự mình tìm lấy cái chết bằng cách nhảy từ một tòa nhà cao 10 tầng xuống đường lộ để mong đi vào cõi thiên đường, nơi đó anh ta sẽ được xóa bỏ hết tội lỗi, mọi khổ đau và tâm linh được siêu thoát và rồi lại trở về cõi dương trần với con người của mình, nhưng với trí óc siêu phàm hơn, tâm hồn thái mại hơn trong một thể xác vô cùng lành mạnh...

Tại hại của Scientology đã thấy rõ, nhiều người trong tổ chức này đã bị bắt, bị đưa ra tòa xét xử. Một số lớn tín đồ đã giác ngộ và từ bỏ giáo phái lạ kỳ này. Tuy nhiên, hiện nay, Scientology vẫn tiếp tục hoạt động trong bóng tối sau khi sáng lập viên là L. Ron Hubbard qua đời (1986). Số người cuồng tín theo ngày càng đông và lan tràn khắp thế giới. Số tài sản tiền bạc riêng của giáo phái này khoảng nửa tỷ Mỹ kim và hiện nay "vị Giáo chủ nổi nghiệp" là một thanh niên có tên là David Miscavige.

Đạo phù thủy

Đạo này được xem là đạo siêu linh thần bí hơn cả về mọi mặt như lễ hội, điều hành, tế lễ, điều luật, màu sắc và nhất là việc hành đạo. Đạo Phù Thủy hiện đang phát triển mạnh ở Hồng Kông, Đài Loan, Phi Châu, Indonesia và ngày nay lan mạnh sang Hoa Kỳ nhất là vào giai đoạn Hồng Kông sắp giao lại cho Hoa Lục, thì vô số các nhà Phù Thủy nổi tiếng ở Hồng Kông đã tìm đường sang Canada và Hoa Kỳ cùng với vô số các đệ tử thân tín của họ.

Theo tài liệu của cảnh sát Hồng Kông thì số người theo Đạo Phù Thủy ngày càng nhiều và do đó nạn quỷ ám thường hay xảy

ra như sự kiện có thật xảy ra vào tháng 5 năm 1980 tại Hồng Kông, cô Đàm Lệ Sa đã bị quỷ ám suýt chết (chuyện có thật này đã một thời làm xôn xao dư luận ở Hồng Kông). Báo cáo mới đây tại Hoa Kỳ cho biết có đến 85.700 loại Phù Thủy khác nhau hiện diện trên đất Mỹ. Số người tin theo là khoảng hai triệu rưỡi. Còn tại Pháp có độ 10.000 Phù Thủy hoạt động không công khai.

Ngày nay thành phố hải cảng Salem thanh thoát êm đềm bề mặt, nhưng đó vẫn là thánh địa lừng danh của Đạo Phù Thủy tại Hoa Kỳ. Salem thuộc Tiểu Bang Massachusetts và chính nơi đây hàng năm có vô số tín đồ của Đạo Phù Thủy từ các nơi trên thế giới tổ chức các cuộc hành hương tới thánh địa. Báo chí bị hạn chế sẵn tin hay tỏ



mò tọc mạch hỏi han. Nếu có kẻ nào gan lì hay ương ngạnh đột nhập vào vùng đất cấm kỵ của các Phù Thủy ngoại hạng thì khó mà tai qua nạn khỏi. Chính các phóng viên kỳ cựu lừng danh quốc tế cũng phải gờm vùng đất giới hạn trong vùng Salem này. Họ biết nơi nào có thể bén mảng lại gần và nơi nào tuyệt đối không. Nếu bảo rằng có một Tôn giáo siêu kỳ bí hiện diện trên đất nước Hoa Kỳ là Đạo Phù Thủy thì có thể khó ai biết hay thấy hoặc tin là có một Tôn giáo ấy hiện hữu. Nhưng nếu bảo rằng tại Hoa Kỳ có một Liên Đoàn Phù Thủy thì chắc chắn là có và 4 chữ ấy thay thế cho cách gọi là Đạo Phù Thủy.

Điều cần biết thêm là Chính quyền Mỹ công nhận tổ chức của Liên Đoàn này và coi là hợp pháp bởi lý do chưa xảy ra một sự kiện nguy hiểm nào trong dân chúng.

Hàng năm vào ngày 1 tháng 11 đều có tổ chức đại hội để mọi tín đồ khắp thế giới đến dự lễ. Giáo chủ là ai? Đó là một người đàn bà danh thép linh hoạt tên là Laurie Cabot, tuy đã già nhưng trông rất tráng kiện với đôi mắt sáng quắt lạ lùng. Số lượng tín đồ tham dự rất đông. Ngoài 110.000 người ở khắp các Tiểu Bang Hoa Kỳ còn thêm hàng ngàn người từ các quốc gia trên thế giới đến dự. Theo tính toán của các cơ quan hữu trách Hoa Kỳ thì mỗi kỳ Liên Đoàn Phù Thủy họp Đại Hội tại thánh địa, chi phí mà Liên Đoàn này bỏ ra khoảng 25.000.000 đô-la Mỹ.

Chỉ riêng cái áo choàng huyền bí của Nữ Giáo Chủ cũng là một số tiền vĩ đại. Chiếc áo choàng thêu kim tuyến có gắn kim cương ngọc thạch hạng nặng lấp lánh rực rỡ một

cách lạ lùng. Các tín đồ luôn miệng đọc câu Thần chú. Mỗi người đều có cuốn sách màu đỏ. Cuốn sách này được xem như là tim mắt và óc não của mỗi người, mọi tín đồ có nhiệm vụ bảo vệ giữ gìn cuốn Kinh này. Nếu không may Kinh mất đi thì tánh mạng người đó coi như sắp mất. Do đó ngay ở đầu trang cuốn Kinh này đã có ghi rõ một câu:

Kinh và người kết hợp liền nhau
Kinh còn, người còn; Kinh mất, người mất.



Một Phù Thủy đang thực hiện ma thuật gọi Quỷ xuất hiện (Ảnh trong THE SECRET TEACHINGS of allages-Manly.P.Hall-The diamond Jubilee Edition USA 1988-89)

Đạo thờ quỷ của giáo chủ: Charles Manson

Charles Manson là kẻ bị cảnh sát Hoa Kỳ gọi là Ác Quỷ. Charles Manson đã theo con đường phù thủy và không như các phù thủy khác, hẳn chỉ biết tàn sát vì nghĩ rằng sẽ làm vừa lòng quỷ.

Cảnh sát Hoa Kỳ cho biết là từ năm 1968 đến năm 1970 nhiều vụ tàn sát khủng khiếp người vô tội đã xảy ra. Các nạn nhân đều bị cắt cổ, moi ruột, chặt tay chân, xẻo mắt bộ phận sinh dục. Charles Manson học lại những gì mà ngày xưa Giles de Rais, con quỷ khát máu nổi tiếng tại nước Pháp đã làm để cúng Thần Linh và trở thành phù thủy.

Manson có gương mặt khắc khổ: Má hóp, đôi mắt sâu và đầy ma quái. Hần cao 1m58 và đôi hần gói trọn trong bản lý lịch nằm trong hồ sơ cảnh sát tử nhỏ vì nhiều tội: trộm cắp, đánh lộn, lừa đảo...

Sống trong tù từ lâu, Manson tiếp xúc với nhiều giới, rút được nhiều kinh nghiệm. Hẳn lại có tài nhớ được lâu những gì hẳn học được, nghe được. Cuối cùng hẳn cố tạo cho mình một bộ vỏ của một nhà triết lý cao siêu hướng về thế giới thần linh hơn là thế giới trần tục. Hẳn tập ăn nói lưu loát, nhẹ nhàng



Manson

có pha những câu triết lý. Đôi khi hẳn nói đại những câu vô nghĩa nhưng hẳn vẫn cứ nói bừa vì vẫn có lắm người sẽ tin hẳn. Hẳn nghĩ và tưởng tượng rằng biết đâu khi ra tù hẳn sẽ trở thành Đấng Giáo Chủ của một số lớn người. Hằng đêm hẳn cầu nguyện đủ thứ, hẳn nằm mơ thấy quỷ vì tư tưởng hẳn không có gì tươi sáng và

đạo đức xen vào. Thấy quý dữ nhìn hần chăm chăm hần mở choàng mắt thức dậy và hần có ý tưởng là chỉ có cầu nguyện với quý mới mong được quý giúp hần thành công nhanh chóng. Từ đó hần bắt đầu say sưa tôn thờ quý Satan.

Ngày ra tù, lần này như chim sổ lồng, hần bỗng nhiên được những bạn du thủ du thực chờ đón trước cổng nhà tù và được tôn vinh xem như thần tượng. Điều này khiến hần càng tin vào sự kiện là mình đã được quý giúp.

Năm 1969, gia đình Manson đến sống ở vùng ngoại ô Los Angeles gần thung lũng chết (Death Valley) lúc ấy bọn chúng gồm 35 tên mà Charles Manson là Đạo trưởng. Thế rồi để dâng hiến máu cho quý. Manson đã đưa đồng bọn đi giết người. Địa điểm hành động do chính Manson lựa chọn. Đó là gia đình của tài tử Hollywood Sharon Tate. Ngôi biệt thự sang trọng mang số 10055 Ciel Drive. Toàn bộ ngôi nhà quay về hướng Sunset Boulevard thuộc Los Angeles.

Charles Manson cầu với quý hỗ trợ cho hần và hần chọn khoảng 1 giờ khuya ngày 9 tháng 8 năm 1969 để hành động. Hần cho người cắt dây điện khiến cho cả ngôi biệt thự như chìm trong tối đen.



Sau khi tàn sát toàn bộ gia đình trong tòa biệt thự bọn Manson rút lui. Báo chí lúc bấy giờ đã chạy hàng tít lớn về những cái chết kinh dị khủng khiếp với những suy đoán khác nhau. Trong khi đó, dân chúng quanh vùng vô cùng run sợ. Họ đưa nhau đi mua súng, gắn thêm ổ khóa vào cửa nhà và ngủ trong lo âu sợ hãi.

Gần nửa năm trời mà đường dây điều tra tội phạm vẫn chưa được lần ra. Mãi đến một hôm, tại một cơ sở cảnh sát, tình cờ khi lấy khẩu cung của một cô gái bụi đời viên cảnh sát đã chú ý đến vẻ mặt, dáng điệu và cử chỉ của cô gái khi nhắc đến tên một người đàn

ông mà cô cho là Đấng Giáo Chủ đáng tôn thờ.

- Tôi tin tưởng vào Charles Manson, Đấng Giáo Chủ, người tiếp cận với quý dữ mà không hề hần gì.

Nhưng khi hỏi kỹ về con người ấy thì cô gái tỏ vẻ sợ hãi và không nói gì nữa cả.

Nhờ phương thức thu băng ngầm, sở cảnh sát bắt đầu chú ý đến những đoạn mô tả về vụ giết người khủng khiếp đầy máu mà cô ấy đã kể lại cho một bạn nữ tù khác nghe trong lúc còn bị giam.

Từ đó cảnh sát phanh phui dần từ cái tên tù Charles Manson. Thế là Manson và đồng bọn lần lần bị tóm cổ. Manson bị giam trong một xà-lim của nhà tù Corcoran có lẽ đến muôn đời hần.

Theo lời khai của các nhân chứng và đồng bọn cùng những ghi chú từ hồ sơ thì Charles Manson thường lui tới các tu viện cổ, những nơi hoang vắng và các thư viện lục lọi tìm đọc các loại sách thần bí để mong luyện phép phù thủy và tiếp cận với Satan. Charles Manson thường cùng đồng bọn tụ tập nơi những địa điểm hoang phế chờ đêm khuya cử hành lễ gọi hồn và luyện Ma thuật đen.

Rajneesh: Người tự nhận mình là giáo chủ như sấm ký nostradamus đã nêu ra

Trong tập Sấm ký nổi tiếng của Nostradamus có nhắc đến mấy câu liên hệ tới Mặt Trăng mà tên của Rajneesh lại có nghĩa là Chúa tể của Mặt Trăng cũng giống như lập luận của Sun Myung Moon về sự kiện tên ông là biểu tượng mà nhà tiên tri Nostradamus đã từng nhắc đến. Vậy đây là sự mạo nhận hay là sự thật?

Các tư liệu liên quan về nhân vật Rajneesh thì nhiều nhưng đại cương: tên ông là Bhagwan Shree Rajneesh, ra đời tại Ấn Độ, có học vị rất cao: Giáo sư Triết học. Ông nghiên cứu sâu xa về Mặt Trăng và thấy ở đó vô số vấn đề kỳ diệu. Từ đó, ông bắt đầu thuyết giảng và tự nghĩ rằng mình sẽ trở thành một vị Chân Sư gieo rải Pháp lành cho thế gian. Đầu tiên ông thuyết giảng tại Ấn rồi sau đó đến Hoa Kỳ. Chủ thuyết của ông là phải gạt bỏ những rắc rối vô bổ về các nghi lễ, thủ tục về Tôn giáo do con người tự đặt



Từ trái, 3 nữ ma đầu: Susan Atkins, Patricia Krenwinkel và Leslie Van Houten. Chúng không tỏ vẻ gì ăn năn trong thời gian tòa xử, và sau khi tòa tuyên án.

ra. Theo ông thì thật sự Chúa Jesus không bao giờ bó buộc con chiên bốn đạo phải xưng, quý, hành lễ kiểu cách khó khăn thì giờ mỗi ngày cũng như xưng tội cho thoải mái tâm hồn, hết cần rút lương tâm để lại phạm tội... Cũng theo ông, Phật không bao giờ bắt tín đồ phải cúi lạy, cúng kiến và đặt nhiều lễ nghi phức tạp phiền toái tốn kém... Ngay cả các tổ chức chính trị Tư Bản, Cộng Sản cũng bị ông dả kích thậm tệ. Điều đặc biệt là những dả kích của ông thường vô cùng chí lý và hết sức trung thực. Rajneesh cho rằng có những kẻ mạo danh tự do để làm mất tự do của kẻ khác, chế độ Tư Bản hồ hào phát triển sự tự do và bảo vệ nhân quyền nhưng không làm gì cả, đó chỉ là lời nói hay cái cơ để thực hiện mưu đồ khác. Còn chế độ Cộng Sản thì đề cao con người, đề cao sự quyết tâm tiêu diệt sự kiện người bóc lột người nhưng chính cái chính thể ấy lại làm cho đất nước và con người đau khổ, nghèo đói thêm. Nói tóm lại, theo Rajneesh thì mọi định chế Tôn giáo cũng như chính trị hiện có trên quả đất này có nhiều điều sai quấy cần phải dả kích để sửa đổi, nếu không, con người sẽ mãi u mê chỉ làm lợi cho một nhóm nào đó được sung sướng phê phờn và luôn luôn ăn trên ngồi trước...

Sannyasin là tên gọi những tín đồ theo giáo lý của Rajneesh, họ thường mặc bộ đồ màu đỏ và hàng hái làm việc xã hội. Tuy nhiên tại Ấn cũng như tại Hoa Kỳ, các đoàn công tác xã hội này thường bị chống đối từ nhiều phía nhất là giới nhà thờ và ngay cả nhà cầm quyền địa phương. Về sau, Rajneesh bị bắt, bị giam một thời gian. Khi ra tù ông du hành qua Âu Châu. Chính phủ Mỹ đã cho biết là không cho phép ông nhập cảnh lần nữa vào đất Mỹ và khuyến cáo các nước không nên cho ông vào. Một nhà báo Pháp phỏng vấn ông về sự kiện này, thì ông phát biểu như sau: "có lẽ chẳng quốc gia nào thiện cảm với tôi, lý do để hiểu là tôi đã chống lại các định chế chính trị và cả cách hành đạo của các Tôn giáo hiện nay".

Giáo phái Aum Shinri kyo giáo phái chân lý siêu phàm phát sinh tại Nhật Bản

Giáo phái: Chân Lý Siêu Phàm (Aum Shinri Kyo) do Giáo Chủ người Nhật tên là



Shoko Asahara lãnh đạo. Đây là một Tôn giáo pha trộn giữa Yoga và Hindu hiện mới phát triển gần đây với số tín đồ khoảng 40.000. Những tín đồ của giáo phái Aum có niềm tin tuyệt đối hay nói cách khác rất cuồng tín và sẵn sàng chết vì Đạo. Năm

1995, nhiều vụ khủng bố bằng chất độc đã xảy ra tại Nhật, khủng khiếp nhất là vụ thả chất độc Sarin tại đường xe điện ngầm ở Tokyo khiến cả nghìn người bị ngộ độc, hàng chục người hấp hối và 10 người chết. Cảnh



↳ **Lãnh tụ Shoko Asahara của tổ chức đạo Aum Shinri Kyo**

Hơn 1000 cảnh sát đã chiến hành quân bố ráp bán doanh "Aum Chân Lý Giáo".



Hơn 1000 cảnh sát đã chiến hành quân bố ráp bán doanh "Aum Chân Lý Giáo".

sát Nhật khẳng quyết là chính Giáo phái Aum đã chủ mưu. Khi đột nhập các cơ sở của Giáo phái này, cảnh sát Nhật đã tịch thu nhiều hóa chất liên quan đến chất độc gây chết người.

Tôn giáo lạ của giáo chủ David Koresh

David Koresh được xem như là Giáo Chủ của một Tôn giáo lạ xuất hiện gần đây tại Hoa Kỳ sau con người kỳ dị Ben Roden (Ben Roden đã từng là lãnh tụ siêu hạng của Tôn giáo lạ Davidian mà Thánh địa đặt tại Waco ở Texas, Hoa Kỳ). Mặc dầu theo điều tra của cảnh sát và các chứng cứ về cuộc sống của thủ lãnh David Koresh là kỳ dị,



cường điên. David thích cầu nguyện, thường tự xưng là Đức Chúa Jesus tái sinh. David

thích được tôn sùng, thích làm tình với các đàn bà con gái trẻ nhưng lại được nhiều người say mê như bởi một ma lực nào đó. Cuối cùng khi lệnh bắt giữ David được đưa ra vào tháng 2 năm 1995, cô sở bị bao vây, nhưng các tín đồ vẫn trung thành với lệnh tử thủ và khi ngọn lửa bùng lên, người ta tưởng các tín đồ và cả David sẽ rời khỏi Thánh địa nhưng họ vẫn theo David để chết trong lửa đỏ.

Năm 1978, một Mục sư tên là Jim Jones đã sáng lập ra một Tôn giáo kỳ lạ có tên là People's Temple tại Jonestown (Guyana). Ông này đã rao giảng và ca ngợi tự tử như là một cứu rỗi tuyệt diệu. Chính ông đã quy tụ 900 người từ cả nam phụ lão ấu ngồi lại với nhau và cùng uống nước pha chất độc Cyanide để cùng chết.

Ở Thụy Sĩ cũng có một Tôn giáo lạ do một nhân vật dị kỳ tự xưng là Giáo Chủ. Đạo Theo Lệnh Mặt Trời (The Order of the Solar Temple). Các tín đồ đạo này chỉ có một việc là Cùng Nhau Chết và vị Giáo Chủ đã phát cho mỗi người một cái túi nhựa trùm kín đầu và mặt để ngồi cầu nguyện. Sau đó, lần lượt họ được bắn vào đầu để cùng nhau đi vào thế giới vi diệu hơn. Tháng 10 năm 1994, cảnh sát Thụy Sĩ nhận được tin cho biết là ở một trang trại xa thành phố đã bị cháy rụi - nơi mà trước đó người ta thấy có rất nhiều người quy tụ cầu nguyện. Khi cảnh sát đến nơi, họ chứng kiến một quang cảnh rùng rợn: hàng trăm người nằm chết co quắp, tất cả đều bị chết thiêu.

Siêu linh giáo: Tôn giáo thần bí phát triển mạnh tại Hoa Kỳ

Đây là Tôn giáo đang phát triển mạnh tại đất nước văn minh tiến bộ trên thế giới là Hoa Kỳ. Siêu Linh Giáo cho đến nay đã có số lượng tín đồ là hơn tám trăm nghìn người. Tôn giáo này phát triển mạnh ở các vùng miền Tây Hoa Kỳ. Siêu Linh Giáo lan cả vào học đường, các cơ sở, các trại lính, các khu học xá, trại tù và đặc biệt quyến rũ các giới



nam nữ thanh niên, sinh viên, học sinh gia nhập. Các tư liệu nghiên cứu không nêu rõ đích danh ai là vị Giáo Chủ của Siêu Linh Giáo, chỉ biết đạo giáo này phát nguồn từ

Tiểu Bang New Mexico mà thôi. Những người theo Siêu Thần Linh chủ trương sống giản dị, kiêng thịt, kiêng rượu. Thức ăn chay là chính. Khi dùng thức uống thì nước chanh



là chính yếu, đó là món uống lý tưởng nhất. Trở thành tín đồ của Siêu Thần Linh là dọn mình để chuẩn bị bước vào thế giới mới của năm 2000 hay chuẩn bị vào kỷ nguyên mới của thế kỷ thứ 21 - thế kỷ của Siêu Linh. Con người khi vào Siêu Linh giới tức là gột rửa dần cái vật chất tầm thường điều mà hiện nay đang phát triển tại Hoa Kỳ. Nhiều người sống ở Mỹ hiện nay đang bị đời sống vật chất khống chế và ràng buộc. Sự kiện này lộ rõ trên sắc mặt, dáng dấp, cử chỉ. Mọi người lúc nào cũng hồi hộp lo lắng bất an phát sinh bất cứ đâu: trong nhà, ngoài đường, khi lái xe, khi làm việc ở hãng xưởng và ngay cả lúc đi mua sắm ở các siêu thị. Chính vì lẽ đó mà Siêu Linh Giáo đã hấp dẫn vô số người theo mà số lớn lại là các nhà Khoa học, các Y Bác sĩ và nhất là các Minh tinh điện ảnh nổi tiếng của Hollywood... Theo lý luận của Siêu Linh Giáo thì cuộc sống của con người hiện nay, lúc gần đến năm 2000 không phải là đi vào giai đoạn suy tàn tận thế mà là một giai đoạn khởi đầu của một cuộc sống mới mẻ thanh cao nhẹ nhàng hơn. Con người sẽ có khả năng và điều kiện để tiếp cận với thế giới khác, với cả Thần Linh hay vong linh nào đó ở thế giới khác với thế giới của chúng ta. Do đó, Siêu Thần Linh đề cao Thiên định, tập trung tư tưởng.

Tuy nhiên len lỏi vào Siêu Linh Giáo vẫn không thiếu những hạng người lợi dụng lòng tin của những người chân thật.

Ngày nay các nhà nghiên cứu tâm linh trên khắp thế giới sau khi đã đến các vùng nổi tiếng về khoa huyền thuật siêu linh như Ấn Độ, Tây Tạng, Mexico, Indonesia... họ không thể nào quên vào đất Mỹ để đến Tiểu Bang Colorado vì nơi đây lại là nơi tập trung các tinh hoa kỳ lạ của một số lớn Tôn giáo mà những sự kiện kỳ bí lạ lùng không thể giải thích bằng ngôn từ khoa học được tự do phát triển.

Seal Mystery là tên của một thung lũng nổi tiếng ở vùng Tây Bắc Tiểu Bang

Colorado (Hoa Kỳ). Đây là vùng đất huyền diệu với nhiều thung lũng, hang động và đồi núi hoang vu nhưng dưới mắt các vị Đạo sư, các vị Lạt Ma Tây Tạng thì đó là vùng lý tưởng để họ tu luyện hay tham thiền nhập định.

Ngày nay, nơi đây hàng ngày đều có nhiều đoàn du khách tham quan, các đoàn thể hành hương để chiêm ngưỡng và đánh lễ các vị chân sư mà nhiều người hằng kính trọng. Báo Washington Post (Tháng 2 năm 1993) đã ghi nhận chỉ riêng vùng thung lũng phía Tây đã có đến mười bốn Tôn giáo khác biệt nhau tập trung ở những khu vực riêng biệt.

Vấn đề ngày càng nhiều du khách đến vùng này chắc chắn sẽ làm ô nhiễm và xáo trộn bầu không khí đầy vẻ siêu linh huyền bí, nơi mà các vị Đạo sư không màng danh lợi hy vọng tìm đến để xa lánh chốn hồng trần...

Những vị chân sư, cứu thế đã và sẽ xuất hiện ?

Ngoài các Tôn giáo mỗi vừa trình bày sơ lược trên, các nhà nghiên cứu tâm linh mỗi đây điển hình là John Hogue đã cho chúng ta biết thêm một số lớn nhà hiền triết, Chân sư đáng để chúng ta tìm hiểu về những gì mà quý vị muốn nhấn gởi mọi người trước năm 2000.

Trước hết phải kể Đại Sư Meher Baba (Ấn Độ) nhắc nhở con người về sự lầm lạc triền miên của sự phân biệt giai cấp, màu da, tôn giáo và ý thức hệ. Ông cũng chống lại các hình thức nghi lễ do con người đặt ra cho Tôn giáo.

Một danh sư Ấn Độ khác là Jiddu Krishnamurti, người được hàng vạn tín đồ trên thế giới tôn xưng như là hóa thân của Phật Vị Lai, nhưng ông quyết liệt từ chối vì ông chống lại sự ham danh vị kỷ tuyệt đối. Danh sư Krishnamurti đã vân du hóa độ qua nhiều quốc gia và chủ trương sống bằng sự thấy, thấy những cái đích thực không ảo tưởng giả dối.



Swami Mahatishi Yogi

Một danh sư Ấn Độ nổi tiếng khác là Swami Maharishi Mahesh Yogi là người đã từng qua nhiều nơi để thuyết giảng giáo lý thâm sâu vi diệu của Kinh Vệ Đà. Tới đây,

số lượng người theo càng đông. Ngày nay, vấn đề Thiên quán mà ông cổ súy đã thu hút hàng triệu tín đồ người phương Tây và vấn đề này đã được giảng dạy ở các Đại Học Âu Mỹ. Đặc biệt Bộ Quốc Phòng Hoa Kỳ đã lưu ý phổ cập cách tu tập này cho các tướng lãnh và khởi đầu đã áp dụng trong Ngũ Giác Đài.

Đặc biệt một Đạo sư người Mỹ là Da Free John. Giáo lý của ông là sự khai tâm, giác ngộ để hòa vào với Thượng Đế. Theo ông thì mỗi người phải tự mình tìm hiểu mình một cách trung thực để tự thấy cái xấu xa và cái đẹp đẽ của mình, có nghĩa là tự quan sát bản tâm ngay từ bây giờ mà không chờ đợi.

Qua Sấm ký Nostradamus, một số nhà nghiên cứu tâm linh khác lại nêu lên câu hỏi: Phải chăng những gì nhà tiên tri Nostradamus đã nhắc đến về sự xuất hiện của một chân sư Đông Phương, vân du hóa độ tại Tây Phương chính là hình ảnh khởi đầu của vị Phật sống Đạt Lai Lạt Ma, người Tây Tạng hiện sống lưu vong và đang thuyết giảng giáo lý tại nhiều nước phương Tây? Riêng tại Hoa Kỳ, một Trung Tâm Phật Giáo vĩ đại của Tây Tạng đã mọc lên và được xem như là một Lhasha thứ hai của Tây Tạng tại phương Tây.



The DALAI LAMA of Tibet

Cũng qua Sấm ký Nostradamus, nhiều người tin rằng rồi đây, vào năm 2000, chính Chúa Jesus lại xuống thế lần nữa để cứu rỗi loài người.

Còn qua Kinh Phật Giáo thì khi Đức Phật Thích Ca lần đầu tiên chuyển Pháp Luân, Ngài đã cho biết rằng: đến năm 2000, bánh xe Pháp Luân sẽ ngừng quay để chấm dứt một vòng quay ban đầu hay nói khác đi là đã trọn một vòng Chu kỳ của cõi thế gian này. Vòng quay thứ hai sẽ do một vị Phật tướng lai thực hiện. Vị Phật này chính là Phật Di Lặc, Ngài xuất hiện với nhiệm vụ quan trọng là Độ Thế.

Sự xuất hiện những tôn giáo lạ nói lên điều gì ?

Đối với những người không có Tôn giáo, không thiết tha với Tôn giáo hay không có lòng tin thì họ chẳng chút quan tâm tới vấn đề có nhiều tôn giáo lạ xuất hiện gần đây trên quả đất, và đôi khi còn cho là nhầm nhứ.

Tuy nhiên đối với những người có niềm tin về tôn giáo hay để tâm tìm hiểu với tâm hồn rộng mở thì lại nhìn vấn đề theo cách nghĩ sâu xa hơn. Họ sẽ có những ý nghĩ mỗi lạ phát sinh qua các hiện tượng vừa kể. Rằng phải chăng nhân loại đã đến lúc cần sửa đổi hay thay thế các tín điều xưa cũ?

Trải qua mấy ngàn năm dài, các Tôn giáo lớn đã không thật sự mang lại nền hòa bình cho con người? Các Tôn giáo xuất hiện từ trước đến nay còn dễ tạo ra nhiều mối chia rẽ mặc dầu các Tôn giáo đều phát triển mối thiện tâm. Sự ra đời của một Tôn giáo mới sau này hy vọng sẽ liên kết mọi người lại với nhau hơn và chắc chắn những thảm họa chiến tranh và ý thức hệ sẽ không còn. Điều này sẽ phần nào giảm đi điều mà từ lâu qua các Sấm ký đã nhắc đến hiểm họa tận thế? Sở dĩ nhiều Tôn giáo lạ xuất hiện trong các thập niên qua là một phần của sự đi tìm những chân lý mới khả dĩ phù hợp với thời đại mới. Chân lý mới, triết học mới, ý tưởng mới phong phú, uyển chuyển hơn, không cứng ngắt, gò bó theo kỷ luật khắt khe giáo điều mà các Tôn giáo hiện nay đã phạm phải. Ngoài ra chính các tín đồ vì quá thành khẩn, tin tưởng vào tín điều không thác mắc hay chịu phân tích qua lý trí, đôi khi mù quáng khiến tạo thêm tai hại và tăng cường cho các giáo điều. Theo nhà tiên tri Nostradamus thì khi nhân loại đang bước dần vào thế kỷ thứ 21 thì năm 2000 sẽ là khởi đầu của vô số tai ương sẽ diễn ra trên quả đất vì đó là giai đoạn chu kỳ mà quả đất trong thái dương hệ này đổi trục. Trước viễn ảnh tận thế ấy, Nostradamus cho rằng cơ may loài người có thể tránh khỏi thảm họa là nhờ một vị Thánh Linh xuất hiện, đó là vị Giáo chủ của một Tôn giáo mới, Tôn giáo mới này sẽ có những năng lực khai thông, khởi dậy năng lực tâm linh ẩn tàng ở mỗi con người, nhờ đó mà con người mau thức tỉnh, giác ngộ, thấy rõ những gì sai lạc mà từ lâu mình đã như bị mê mờ (nhất là trước sự tiến bộ của văn minh vật chất, bị cuốn hút vào đời sống vật chất) làm giá trị tinh thần từ đó sẽ được duy trì và nâng cao. Do đó không lạ gì trước năm 2000 chúng ta thấy nở rộ nhiều Tôn giáo lạ, đó chỉ là khởi đầu của một trào lưu tiến hóa trong Tôn giáo và theo Sấm ký của nhà tiên tri Nostradamus thì cuối cùng là sự xuất hiện của vị Chân sư, một vị Thầy của nhân loại, Ngài xuất hiện vào lúc quả đất đang ở vào giai đoạn nguy hiểm, giai đoạn mà loài người gọi là tận thế. Vị Chân sư này là người Á Châu nhưng lại hành đạo ở Âu Châu và Mỹ Châu, du hành và thuyết giảng là hai điều quan trọng mà ân sư nhắm tới. Năm 2000 sắp đến, nếu chúng ta tin vào những gì mà Sấm ký của nhà tiên tri Nostradamus đã nêu ra thì hãy cầu nguyện và mong đợi... Theo Nostradamus thì vị Chân sư ấy có liên quan đến dấu hiệu Mặt Trăng và loài chim. Vị Chân sư ấy là ai? Chúng ta hãy trông chờ trong hy vọng.

Đoàn Văn Thông
(California Giáng Sinh 1996)

AUF DEUTSCH

Buddhismus des Lauteren Landes - Dialog mit alten Meistern -

(Übersetzt und mit Anmerkungen
versehen von Meister Thich Thien
Tam; Copyright der deutschen
Übersetzung Tu-Xung Roland
Berthold)

Zweifel und Fragen zum Lauteren Land

(Ching-t'u Huo-wen; T. 47; No. 1972)
Ch'an-Großmeister T'ien-Ju

(Fortsetzung)

Frage 14

Ich verstehe jetzt, warum das Westliche Lautere Land und der Buddha Amitábha ausgewählt wurden, und auch solche Begriffe wie "Bezingen" und "Bekehren", "Abneigung" und "Zuneigung". Dennoch wage ich zu sagen, daß der Wahre Geist immer sich gleich, klar und ruhig ist. Wenn es Abneigung und Zuneigung gibt, dann gibt es auch noch Liebe und Haß, Ergreifen und Zurückweisen. Befinden wir uns da nicht noch in der Täuschung?

Antwort

Du stellst diese Frage, weil du das alles noch nicht in seiner Tiefe verstanden hast. Diese Abneigung und Zuneigung sind nicht der weltliche Geist von Liebe und Haß, sondern vielmehr die von allen Buddhas in den zehn Richtungen angewandte Methode, um gewöhnliche Wesen in Weise zu wandeln. Wenn es keine solche Abneigung und Zurückweisung gäbe, wie könnte dann die Stufe der Weisen erlangt werden?

Deshalb befindet sich während der Zeit der Kultivierung vom gewöhnlichen Menschen zum Weisen und vom Weisen zur "Gleichen Erleuchtung" alles im Kreislauf von Ergreifen und Zurückweisen, von Abneigung und Zuneigung. Nur wenn der Übende die höchste Stufe der "Wunderbaren Erleuchtung" erlangt hat, wird er von solchen Gefühlen frei sein und in den Zustand der "Gleichen Soheit" (Buddhaschaft) eingehen. (87) Deshalb haben die Alten gesagt: "Am Anfang sollten die Übenden die Gefühle des Ergreifens und des Zurückweisens besitzen, um am Punkt des Nicht-Ergreifens und Nicht-Zurückweisens anzukommen. Wenn jenes Ergreifen und jenes Zurückweisen ihr höchstes Stadium erreicht haben, wird es zwischen ihnen und dem Nicht-Ergreifen und

dem Nicht-Zurückweisen keinen Unterschied mehr geben." (88)

Außerdem wurde die Methode des Lauteren Landes vom Buddha Sâkyamuni und von Buddha Amitábha als geschicktes Mittel gelehrt. Dabei ermahnte Buddha Sâkyamuni die Menschen, nach der Wiedergeburt zu sterben, und Buddha Amitábha heißt uns willkommen und führt uns hinüber. Wenn der Übende des Lauteren Landes nicht diese Gefühle von Abneigung und Zurückweisung besäße, wie könnte er dann die Sahâ-Welt verlassen? Wenn er nicht Gefühle der Zuneigung und des Strebens besäße, wie könnte er dann im Westlichen Lauteren Land wiedergeboren werden? Wiedergeburt zu erlangen ist nichts anderes, als sich auf das günstige Umfeld jenes Landes zu verlassen, um schnell die Buddhaschaft zu erlangen. Deshalb sind solches Ergreifen und Zurückweisen, solche Abneigung und Zuneigung von großem Nutzen. Wie können sie dann als Last empfunden werden? (Dazu Anmerkung 52.)



Frage 15

Ich stimme zu, daß die Lehre vom Ergreifen und Zurückweisen richtig ist, und werde sie nicht weiter diskutieren. Doch wage ich zu fragen, ob die Wiedergeburt im Lauteren Land nicht der Wahrheit des Nicht-Entstehens widerspricht?

Antwort

Großmeister Chih-I hat gesagt: "Deshalb verstehen die Weisen, während sie ernsthaft nach Geburt im Lauteren Land streben, daß die Natur der Wiedergeburt in Wirklichkeit leer ist. Dies ist wahre Nicht-Geburt und die Bedeutung der Aussage 'Nur wenn der Geist rein ist, werden auch die Buddha-Länder rein sein.'

Auf der anderen Seite sind die Beschränkten und Unwissenden in der Vorstellung der Geburt gefangen. Wenn sie das Wort 'Geburt' hören, verstehen sie dies als tatsächliche Geburt. Wenn sie von 'Nicht-Geburt hören', (haften sie an dessen wörtlicher Bedeutung) und denken, daß es nirgendwo Wiedergeburt gibt. Sie erkennen kaum, daß 'Geburt gerade Nicht-Geburt ist, und daß Nicht-Geburt Geburt nicht behindert.'

Es wurde auch von einem Ch'an-Meister gesagt:

"Wenn wir Geburt als wirkliche Geburt verstehen, verirren wir uns im

Ewigkeitsglauben. Wenn wir Nicht-Geburt so verstehen, als ob es keine tatsächliche Geburt gäbe, befinden wir uns im Irrtum des Vernichtungsglaubens. Geburt und dennoch Nicht-Geburt; Nicht-Geburt und dennoch Geburt: das ist wahrlich die 'höchste Bedeutung'."

Ein anderer Ch'an-Meister hat gesagt:

"Geburt ist bestimmt Geburt, aber Rückkehr (zum Lauteren Land) ist tatsächlich Nicht-Zurückkehren." (89)

Die Erklärungen dieser drei Meister sind sehr klar. Ich werde jetzt eine weitergehende Erläuterung durch die beiden Begriffe 'Natur' und 'Merkmale' geben.

Vom Gesichtspunkt der Natur (noumenon) aus ist der Wahre Geist wunderbar und still. Seine Natur ist inhärent ungeboren (Nicht-Geburt). Vom Gesichtspunkt der Merkmale aus erscheinen die verschiedenen Merkmale von Geburt und Tod täuschend wie in einem Traum aus dem Wahren Geist, wenn Ursachen und Bedingungen übereinstimmen. Weil die Natur sich normalerweise durch Merkmale manifestiert, heißt es, daß Nicht-Geburt Geburt ist. Da Merkmale als Ergebnis der Natur erscheinen, heißt es, daß Geburt Nicht-Geburt ist. Wenn wir diese Wahrheit wirklich verstehen, ist die Wiedergeburt im Lauteren Land die Wiedergeburt in der Natur (dem Zustand) des Nur-Geistes. Zwischen Geburt und Nicht-Geburt gibt es keinen Widerspruch in der Bedeutung!

Frage 16

Die Lehre von der Wiedergeburt ist mir nun klar. Doch wieviele der heutigen zahlreichen buddhistischen Gelehrten verstehen sie wirklich? So glauben sie alle, daß das Westliche Lautere Land, das 10 Milliarden Buddhaländer von hier liegt, sehr weit entfernt ist. Wie kann man es deshalb in der Todesstunde erreichen? Können Ihr, Meister, dieses Problem klären?

Antwort

Dies ist ein äußerst törichter Zweifel. Ich habe viele Male erklärt, daß es kein Land außerhalb des Geistes und keinen Geist außerhalb der Länder gibt. Warum verstehst du das immer noch nicht?

Doch dieser Irrtum ist verständlich. Er resultiert aus der Tatsache, daß viele Menschen irrtümlich den Geist als begrenzt innerhalb der engen Grenzen ihres Körpers ansehen. Sie erkennen nicht, daß jenes, was sie als Geist bezeichnen, nur ihr verblendetes Bewußtsein ist. In Wirklichkeit ist der Wahre Geist aller Menschen allumfassend und schließt Welten so zahlreich wie die Sandkörner im Ganges ein und erfüllt den ganzen leeren Raum des Universums. Deshalb sind der grenzenlose Raum der 10 Richtungen und die unendliche Zahl der Länder und Welten, zahlreich wie die Sandkörner im Ganges alle von unserem Geist umfaßt und vollkommen erfüllt.

Deshalb sind die 10 Milliarden Buddhaländer unzweideutig in unserem Geist. Sie sind in Wirklichkeit nicht weit entfernt, sondern sehr nahe! Ebenso ist die Wiedergeburt in der Todesstunde bloß Wiedergeburt in unserem eigenen Geist. Dies ist wirklich sehr leicht zu verstehen. Worin liegt dabei die Schwierigkeit?

Die Abhandlung 'Zehn Zweifelsfragen zum Lauteren Land' (Frage 9) sagt:

"Das Westliche Lautere Land wird als 10 Milliarden Buddhaländer von hier entfernt nur in Hinblick auf die begrenzten Vorstellungen der gewöhnlichen, von Geburt und Tod befleckten Menschen mit Augen aus Fleisch und Blut beschrieben.

Für jene, die das reine Karma der Wiedergeburt im Lauteren Land erlangt haben, ist der Geist im Samādhi in der Todesstunde genau der Geist, der im Lauteren Land wiedergeboren wird. Sobald der Gedanke der Wiedergeburt entsteht, wird die Wiedergeburt erlangt. Deshalb sagt das Meditationssūtra: 'Das Land des Buddha Amitābha ist nicht weit von hier!' Außerdem ist die Macht des Karma unbegreiflich. In der Spanne eines Gedankens wird die Wiedergeburt im Lauteren Land erlangt. Man muß sich deshalb wegen der Entfernung keine Gedanken machen. Man kann das mit einem schlafenden und träumenden Menschen vergleichen. Obwohl dessen Körper im Bett liegt, reist sein Geist überall hin, in alle Welten, als ob er wach wäre. Die Wiedergeburt im Lauteren Land ist, allgemein gesagt, diesem Beispiel ähnlich..."

Einige Sūtra-Stellen sagen, daß die Wiedergeburt im Zeitraum eines Fingerschnippens erlangt wird, während andere sagen, daß sie innerhalb der Zeit geschieht, in welcher man einen Arm beugt, oder innerhalb eines Augenblickes. Deshalb heißt es in einer Abhandlung, daß "der Übende in einem Augenblick 10 Milliarden Buddhaländer überwölbt, denn die Selbst-Natur ist inhärent wunderbar." Diese Beispiele zeigen, daß solche Wiedergeburt sehr leicht und sehr nahe ist, weil der Übende in seinem weiten und umfassenden Wahren Geist wiedergeboren wird.

Wir wollen nun die allumfassenden Merkmale des Wahren Geistes beiseite lassen. Ich werde ein einfaches Beispiel anführen, das auf dem kleinen, engen Geist eines gewöhnlichen Wesens beruht. Der Weg von China nach Indien geht durch viele Länder und ist viele 1.000 Meilen lang. Nimm an, jemand, der nie in Indien war, hört einen genauen Bericht eines anderen Reisenden und merkt sich daraufhin alle Einzelheiten genauestens. Wenn er sich später niederlegt oder aufsteht, gehen Erinnerungen durch seinen Geist. Er erinnert sich des Reiseberichtes und beginnt, darüber nachzudenken, welches Land wieviele Meilen von Indien von Indien und welch anderes Land wiederum wieviele Meilen entfernt ist, und wie man Indien schließlich erreicht. Wenn er dies tut, kommen ihm sofort Szenen von jedem Stadium der Reise in den Sinn. Und jermal, wenn seine Gedanken bei einer bestimmten Phase oder einem Land weilen, scheint es, als ob er persönlich in jenem Land gewesen sei.

Wiedergeburt im Westlichen Lauteren Land ist von dieser Wahrheit nicht verschieden. Im Zeitraum eines Fingerschnippens oder eines einzigen Gedankens hat der Übende es erreicht. Wo liegt das Problem? Das Land der Höchsten Glückseligkeit ohne die Praxis der Methode des Lauteren Landes zu erreichen, ist natürlich schwierig. Wenn dein Karma der Praxis des Lauteren Landes zur Reife gelangt ist, ist der Weg zum Lauteren Land sehr

leicht. Ein entschlossener Geist ist alles, was du benötigst, um dein Trachten nach Wiedergeburt zu erfüllen. Die Buddhas und Weisen sprechen niemals irreführende Worte!

Frage 17

Ich sehe ein, daß es ohne die Praxis der Methode des Lauteren Landes schwierig ist, (dort) wiedergeboren zu werden. Dies ist gewiß. Wie aber können verdorbene und schlechte gemeine Wesen ebenso in der Todesstunde die Wiedergeburt erlangen? Ich verstehe diesen Punkt noch nicht und hege einige Zweifel. Ich bitte Euch, Meister, mir dieses Problem zu erhellen.

Antwort

(Die Wiedergeburt verdorbener, schlechter Wesen wird im Meditationssūtra gelehrt.)

Nach der 'Abhandlung über das Meditationssūtra' erfolgt die Wiedergeburt verdorbener, schlechter Wesen aufgrund ihrer Rezitation des Buddha-Namens mit äußerster Ernsthaftigkeit in der Todesstunde, da dies zur Vernichtung der karmischen Hindernisse führt. Deshalb sagt die 'Abhandlung', daß die Buddha-Rezitation die wichtigste Bedingung der Wiedergeburt ist.

Nach meiner (Meister T'ien-ju) Ansicht, der ich die Sūtras und Kommentare zum Lauteren Land studiert habe, können die Bedingungen für die Wiedergeburt solcher schlechter Wesen unter drei Überschriften zusammengefaßt werden:

1. Eine sehr starke Geisteskraft und ein äußerst zielgerichteter Wille, die den Übenden befähigen, das unheilvolle Karma eines ganzen Lebens durch eine kurze Zeit der Rezitation des Buddha-Namens zu überwinden. Dies wird der Große Geist genannt. Man kann dies mit einem Soldaten vergleichen, der von Feinden umzingelt ist, die ihm Leid zufügen wollen. Unter solchen gefährlichen Umständen riskiert er mutig sein Leben und bietet all seine Kraft und Stärke auf und durchbringt auf diese Weise die Umzingelung.

2. Früheres oder gegenwärtiges gutes Karma. Obwohl der Übende unheilvolles Karma erzeugt hat, hat er in diesem Leben auch Samādhi praktiziert. Deshalb erlangt er in der Todesstunde, wenn er von anderen daran erinnert wird, schnell Vertiefung. Wenn der Sterbende den Samādhi in diesem Leben jedoch nicht kultiviert hat, muß er dies in einem früheren Leben fleißig getan haben. Dieser gute Same reift nun. Deshalb erlangt er aufgrund seines früheren guten Karma leicht die Wiedergeburt mit nur 10 Gedanken an den Buddha Amitābha in der Todesstunde, wenn er von einem guten spirituellen Ratgeber entsprechend geführt wird.

3. Ein Geist von äußerst ernsthafter Reue. Wenn die Wiedergeburt weder aufgrund der Übungsanstrengungen in diesem Leben noch aufgrund heilsamen Karmas aus früheren Leben resultiert, muß der Übende zur Todesstunde den Buddha-Namen mit einem Geist von äußerst ernsthafter Reue rezitiert haben. Deshalb hat Großmeister Yung-ming gesagt:

"Da die Natur der Ursachen und Bedingungen in Wirklichkeit leer ist, ist gutes oder schlechtes Karma nicht fixiert. Um den Pfad der Errettung oder des Verderbens zu

bestimmen, sollten wir erwägen, ob der Geisteszustand (in der Todesstunde) weltlich oder überweltlich ist. Dies gleicht einer Unze reinen Goldes, die hundertmal mehr wert ist als ihr Gewicht in Baumwolle. Oder einer kleinen, isolierten Flamme, die einen Strohhaufen, der gewaltiger als alle Vorstellungen ist, zu Asche verbrennen."

Aufgrund von 1. einer dieser drei Ursachen und Bedingungen, 2. der Tugenden des Namens des Buddha Amitābha und 3. der Macht seiner Gelübde können selbst verdorbene und schlechte (Wesen) in der Todesstunde das gewaltige Gewicht ihrer Verfehlungen überwinden und im Westlichen Lauteren Land wiedergeboren werden.

(Fortsetzung folgt)

Anmerkungen:

87. "Gleiche Erleuchtung" und "Wunderbare Erleuchtung" sind die letzten Stufen der Kultivierung vor dem Erreichen der Erleuchtung.

88. "Dies gleicht dem Entzünden eines Feuers auf einem Eisberg. Wenn das Feuer stärker lodert, wird das Eis schmelzen. Wenn das Eis schmilzt, wird das Feuer erlöschen. Die Menschen eines niederen Grades der Wiedergeburt, die sich auf die Kraft der Rezitation des Namens des Buddha verlassen... selbst wenn sie die Nicht-Geburt der Dharma-Natur nicht verstehen, werden den Bereich der Nicht-Geburt erreichen und das Feuer der Wiedergeburt zu jener Zeit spontan verschwinden sehen." (Patriarch T'ao-ch'ao, zit. bei David W. Chappell, "Chinese Buddhist Interpretations of the Pure Land" in 'Buddhist and Taoist Studies' I, p. 42)

89. Dazu "Buddhism of Wisdom and Faith", Abschnitt 27.



Impressum

Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche
Abteilung in der BRD (gemeinnütziger e.V.)
Die Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen
Vietnamflüchtlinge in der Bundesrepublik
Deutschland

Verlag
c/o Viengiac Pagode, Karlsruher Str.6, 30519
Hannover

Tel. (0511) 879630 - Fax. (0511) 8790963

Herausgeber: Ven. Thich Nhu Dien

Redaktion:

Vietnamesische-Buddhistisches Sozio-

Kulturzentrum in der BRD (VIBUS)

Erscheinungsweise: alles zwei Monate

Diese Zeitschrift wird kostenlos verschickt.

Nachdruck nur mit schriftlicher Genehmigung

der Redaktion erlaubt.



Trang

HOA PHƯỢNG

□ Hồng Nhiên

Các em thân mến,
Bây giờ mùa Xuân của năm Đinh Sửu (con Trâu) đã đến. Cái lạnh buốt giá cộng với băng tuyết của suốt mùa đông năm cũ đã đi qua. Vận hội mới và cuộc đời mới của các em bắt đầu, chắc chắn những ngày tới các em sẽ có những cố gắng nhiều hơn để mong đạt được tâm nguyện. Vì thời gian đi nhanh cho các em thêm tuổi lớn.

Quê hương Việt Nam của chúng ta chuyên về nông nghiệp, người dân ở thôn quê họ rất quý mến con trâu. Con trâu đã giúp họ mọi việc nặng nhọc nơi đồng áng. Nó có sức mạnh mà lại hiền hòa và chịu khó. Từ việc cày bừa, kéo mạ, cộ rơm... nhất nhất người ta đều nhờ vào nó.

Một ngày nơi đồng áng, từ tinh sương cho tới chiều tà, người và vật dãi dầu dưới nắng gắt, nhễ nhại mồ hôi hay qua mưa dầm thấm ướt lạnh người.

Những gian khổ, nhọc nhằn đó được gởi qua câu hát, giọng hò của trai gái đối đáp nhau để làm quên đi và tạo cho quang cảnh ruộng đồng tăng phần linh hoạt. Những mong mai nầy lúa trở đầy bông, đặng có bát cơm đầy và nuôi dân mình được no ấm.

Dù rằng hôm nay các em đã lớn lên và sống ở phong tục, tập quán của xã hội xứ người, nhưng các em đừng quên họ, đừng quên mình là người Việt Nam, mình có một quê hương hình con chữ S nằm dọc Thái Bình Dương. Nơi đó cha, ông ta đã đổ xương trắng, máu đào để dựng nước và giữ nước.

"Máu ta từ thành Văn Lang dồn lại,

Xương, da, thịt nầy cha, ông ta miệt mài..."

(Việt Nam quê hương ngạo nghễ)

Trước thềm Xuân dân tộc, trước năm mới của quê hương. Hoa Phượng mong rằng các em không quên bản gốc của mình, hầu thể hệ đi sau các em bắt chước và chúc các em vui tươi, đạt mọi thành công trong năm Đinh Sửu. Hoa Phượng cũng mong có bài vở của các em để làm đẹp cho trang này.

• Hoa Phượng

CÔNG CHÚA KIM CƯƠNG

Thưa ấy Đức Phật ở nước Xá Vệ, tại vườn cây của ông Cấp Cô Độc và Thái Tử Kỳ Đà.

Đức vua Ba Tư Nặc có vợ là Mặt Lợi phu nhân, sanh được nàng Công chúa tên là Kim Cương, tướng người xấu xí, da mặt sần sùi trông thật dị hợm. Đức vua thấy con như vậy thì đau lòng lắm, bèn giao cho bà nữ hầu nuôi ở một nơi kín đáo ngoài ra không ai biết cả. Đến tuổi trưởng thành vua định gả chồng cho con, vua nghĩ bá quan văn võ trong triều đình ai thấy mặt Công chúa cũng phải khiếp

dâm, vì thế phải tìm cho Công chúa một người dân thường nhưng phải thuộc dòng quý phái. Vì vậy vua bèn gọi quan đại thần vào nói rằng, trăm nhờ khanh vào thôn quê tìm cho trăm một chàng thanh niên tuổi độ đôi mươi, có học thức và thuộc dòng quý phái mới được. Sau đó vị đại thần tìm được chàng thanh niên khôi ngô tuấn tú về bút nghiên kính sử đem về điện kiến Thánh hoàng.

- Nay ta mời khanh vào đây, vì ta có nàng con gái hình thù xấu xí, trong triều không thể sánh duyên cùng ai được cả, nhưng khanh là dòng hào tộc, vậy ta gả Công chúa cho khanh, vậy khanh có bằng lòng không?

- Dạ, muốn tâu Thánh thượng, con thật điểm phúc vô cùng nên được Thánh thượng gả con gái cho thật là vạn phúc biết bao, vậy con xin tuân mạng.

Thế rồi hôn lễ cử hành trong âm thầm lặng lẽ. Sau đó đôi vợ chồng ở riêng tại tư thất nơi hậu viên bày lán của khóa, cây cối um tùm trông rất kín đáo. Đức vua dặn Phò Mã luôn luôn để vợ trong cung cấm, nếu có đi đâu phải khóa cửa và chờ cho ai thấy cả. Trong hoàng cung bá quan văn võ thường tổ chức những cuộc vui, ai cũng đem theo vợ đến tham dự, nhưng riêng Phò Mã chỉ đi có một mình nên mọi người tò mò thắc mắc. Ông Phò Mã nầy đi dự tiệc không bao giờ dẫn vợ đi theo, một là vợ đẹp quá, hai là vợ xấu quá, vậy hôm nay chúng ta phải tìm cách để xem vợ hân vì lý do gì mà không tới dự.

Hôm đó Phò Mã bị phục rượu say, họ trộm chìa khóa rồi sai mấy người tới nhà của Phò Mã.

Giữa lúc Phò Mã đi dự hội, Công chúa một mình trong nhà thơ thẩn buồn bã than rằng: Kiếp trước không biết ta tạo tội gì? Kiếp nầy hình thù xấu xí, suốt tháng quanh năm giam giữ trong nhà kín không thấy được ánh mặt trời, khác chi cá chậu chim lồng, thực là khổ sở quá không biết tỏ cùng ai. Bỗng cô liên tưởng đến Đức Phật ra đời cứu giúp chúng sanh, muôn loài đều được thoát khổ. Ta muốn tới nơi để chiêm ngưỡng Ngài, cầu Ngài cứu khổ cho ta nhưng ta không đến được.

Nơi xong Công chúa không quên hương trầm, hương về núi Linh Sơn nơi Đức Phật ngự, chí thành cung kính đánh lễ, khẩn nguyện rằng: Kính lạy Đức Từ Phụ xin mở lượng từ bi thương xót đến con, chiếu cố đến con mà hoan hỷ tới đây để con được cúng dàng và giáo hóa cho con. Với lòng thành kính thiết tha cầu nguyện của nàng cảm được Phật, nên Phật dùng thần thông hiện đến chỗ nàng ngự. Công chúa nhìn thấy dung nhan Phật như vầng trăng sáng tỏ, tướng hào quang minh, mắt sáng, miệng tươi như hoa nở, thật đẹp vô cùng. Nàng vui mừng quá lạy dâng Pháp

Vương với lòng thành kính, và sám hối tội đã qua, và do lòng thành phát khởi, vì thế bộ diện sần sùi của nàng biến thành tiên nga. Đức Thế Tôn thuyết pháp cho nàng nghe, những điều kiều mạn sân si tật đố nên bỏ, khởi lòng từ bi khiêm tốn cứu giúp muôn loài...

Nàng nghe lời giáo hóa như người được uống nước cam lồ. Cũng bởi tâm thanh tịnh nên tiêu trừ ác nghiệp mà nàng đã tạo từ đời quá khứ. Ngay phút ấy tâm trí nàng được sáng tỏ và chứng quả Tu Đà Hoàn. Đức Phật thấy nàng thoát nghiệp và chứng quả nên ấn mình về Linh Sơn. Vừa lúc đó thì có người mở cửa bước vào.

Họ liền hỏi: Thưa cô có phải cô là Công chúa vợ của Phò Mã không? Chúng tôi có việc muốn gặp Phò Mã.

Nàng đáp: Hôm nay Phò Mã đi dự hội không có ở nhà. Mọi người nghe vậy nên từ giã cáo lui. Họ trầm trồ khen ngợi quả nhiên vợ Phò Mã đẹp thật nên không dẫn đi dự hội, họ trả lại chìa khóa cho chàng. Sau đó Phò Mã tỉnh rượu về nhà không thấy vợ, chỉ thấy cô gái đẹp. Chàng bèn hỏi: Xin lỗi cô tới đây có việc gì?

- Thưa chàng em là Kim Cương đây.

Phò Mã vô cùng hoang mang thì nàng kể rõ tự sự cho chàng nghe. Phò Mã nghe qua vô cùng mừng rỡ, bèn đưa vợ đến yết kiến vua cha. Vua cha và mẫu hậu cả hai thấy nàng đẹp xinh thì vui mừng khôn tả, bèn sửa soạn lễ vật rồi cùng nhau đi yết kiến Phật. Vua bạch Phật rằng:

- Kính lạy đức Thế Tôn chẳng hay con gái con thuở quá khứ làm phước gì nay được sanh vào nhà tôn quý? Và không rõ tạo ác nghiệp gì mà phải chịu xấu xí? Kính xin Ngài chỉ bảo cho chúng con được biết nguyên do?

Phật nói:

- Vào thuở quá khứ, bấy giờ có một nước lớn tên là Ba La Nại, nước ấy có ông trưởng giả giàu có, ông biết tôn kính ngôi Tam Bảo, cúng dường chư Tăng. Ông phát nguyện suốt đời cúng dàng cho vị Bích Chi Phật. Vị ấy thân thể thô kệch hình dáng xấu xa, vì vậy con gái của ông trưởng giả khi thấy vị ấy tại nhà thì sanh lòng khinh mạn rồi nói: ông nầy thân thể như nhớt thô kệch da dẻ sần sùi xấu xa trông thật ghê tởm làm sao. Song vị nầy vẫn lặng thinh và thường đến nhà để nhận các món cúng dường của ông trưởng giả.

Cho đến một hôm sắp tịch vào Niết Bàn muốn cho những người tin theo tam bảo, phát khởi lòng thành nên Ngài bay lên hư không để hiện các phép thần thông. Nàng con gái lúc đó biết mình có tội nói xấu Ngài, kiếp sau biết bị quả báo nên vô cùng sợ hãi ăn năn, chấp tay và quỳ thưa Ngài rằng: Kính thưa tôn giá, xin Ngài rộng lượng khoan dung cho con, trước đây vì không biết Ngài là bậc Thánh, nên đem lòng phỉ báng khinh mạn, ác tâm nói xấu Ngài, tội con quá nặng, kính xin tôn giá xá tội cho con. Vị Bích Chi Phật cũng thể lòng từ bi cho cô sám hối. Đại vương nên biết người con gái ấy là Kim Cương con của ông, lúc đó ác tâm chèn gièm bậc Thánh nhân cho nên từ kiếp ấy đến nay sinh vào thế giới nào cũng bị thân hình xấu xí vì biết hối lỗi nên nay được thân đoan chính tốt tươi và cũng do sự cúng dường vị Bích Chi Phật nên được đời đời sinh vào nhà tôn quý mà hưởng giàu sang và cũng do nhân duyên nầy mà được giải thoát. Nầy Đại vương, tất cả chúng sanh nên giữ gìn

thân, khẩu, ý, chớ nên khinh chê mắng chửi, sau sẽ bị quả báo đau khổ, khó mà thoát khỏi. Không phải nhờ những lời khen chê của thể nhân mà ta được giải thoát, mà cũng chẳng phải vì lời gièm chê của nhân thể mà ta rơi vào địa ngục, mà chính những ý nghĩ, lời nói, hành động của ta sẽ quyết định đưa ta vào cõi thiện hay cõi ác mà thôi.

Vua cùng đại chúng nghe Phật nói căn do quả báo của Kim Cương như vậy ai nấy đều sợ hãi và phát tâm kính tin, nên có người chứng được sơ quả cho đến tứ quả...

• Hồng Nhiên sut tẩm

CON TRƯU VÀ HẠT LÚA

Thờ xa xưa ấy, trên trái đất còn hoang vu, loài người chỉ nuôi sống bằng thịt của cầm thú. Và muông thú cũng chỉ biết ăn thịt nhau để sống. Tiếng kêu than thâu đêm trời xanh!

Một hôm, Ngọc Hoàng cho mở đại hội quần tiên, và phán rằng:

- Nơi trần giới, nếu loài người cứ quen sanh sát loài cầm thú, và muông thú cứ tiếp tục sát hại nhau, thì rồi sẽ chẳng còn ai! Nay ta muốn đem lúa gieo xuống trần gian cho loài người lấy đó nuôi thân, tránh điều chém giết, và hạt cỏ cho muông thú. Vậy trong quần tiên, ai có sẵn sàng thi hành sứ mệnh này?

Ngọc Hoàng vừa nói xong, thì tiên ông Kim Quang vui vẻ nhận ngay, bởi từ lâu, tiên ông vẫn mơ một chuyến du hành nơi trần giới.

Ngọc Hoàng trao cho tiên ông một túi hạt lúa và năm túi cỏ và dặn rằng:

- Đền trần gian, Khanh hãy gieo túi lúa xuống trước, rồi mới gieo cỏ. Khanh hãy cố lập công sẽ được thưởng, bằng không sẽ bị trừng phạt nặng nề...

Tiên ông Kim Quang cuối nhận rồi lui ra. Ngồi trên cỗ xe mây, kéo bởi đôi chim phượng, tiên ông vui vẻ lên đường.

Khi đến trần gian, phần thì nhọc mệt, phần ham vui phong cảnh lạ, tiên ông đã quên mất lời dặn của Ngọc Hoàng, lấy năm túi cỏ gieo xuống trước, rồi mới gieo hạt lúa.

Chẳng ngờ cỏ mọc rất mau, tràn lan khắp địa cầu, choáng hết chỗ mọc của lúa!

Trên thiên đình, Ngọc Hoàng biết chuyện, đứng đùng nổi giận, phạt tiên ông Kim Quang phải hóa kiếp trâu để ăn cho kỳ hết giống cỏ đã gieo trồng, rồi mới được trở lại cõi tiên.

Khổ nỗi, giống cỏ càng ngày càng sanh sôi nảy nở, dẫu trâu có ăn ngày ăn đêm cũng không hết, nên tiên ông Kim Quang vẫn mãi mãi hóa thành trâu, chịu đọa đày giữa cõi trần để giúp loài người cày cấy giống lúa.

• Thanh Bình

Con trẻ chúng ta học hỏi ở đời

*Nếu sống với chế bai, bình phẩm
Bé sẽ học lời khất khe, lên án
Nếu sống trong thù nghịch
Bé sẽ biết làm điều của chiến tranh*

Sống với lời chế giễu bên tai

*Bé trở nên e dè, nhút nhát
Sống tự ti, hổ thẹn
Bé tự nhiên mang mặc cảm cúi đầu*

*Sống trong sự chịu đựng, khó hèn
Bé học được rằng phải cần kiên nhẫn
Sống trong niềm khích lệ
Bé góp nhặt thêm nhiều ý chí, tự tin*

*Sống với sự ngợi khen, tán thưởng
Bé sẽ mang lòng cảm kích, biết ơn
Sống trung thực, thành tín
Bé biết công bằng là ngọn đuốc soi*

*Sống trong sự bình yên, che chở
Bé đem thủy chung trả lại cho người
Sống trong tình tương ái, tương thân
Bé hiểu được và đi tìm đến đích*

*Tình yêu thương, nghĩa bạn bè
Trong thế giới con người
Hòa những lời ca*

Thơ Anh ngữ

Dottoressa Eva Lewin dịch Ý ngữ

• Nguyễn Thị Trần Hương
phỏng dịch

NÓI VỚI EM LỚP SÁU

*Này em lớp sáu, này em nhỏ!
Gặp em rồi không quên em đâu!
Chiều nay hai đứa về qua phố
Rất tự nhiên mà mình quen nhau*

*Em chạy tung tăng không mắc cỡ
Chị thì bước bước chậm theo sau
Tuổi mười hai chị xa xôi quá!
Chị gọi em chờ em chạy mau*

*Này em lớp sáu, này em nhỏ!
Em hãy dùng chân một chút lâu
Chị vuốt tóc em rồi chị nhớ...
Tóc em thơm ngát mùi hương cau*

*Hương cau vườn chị xa như buổi
Ba Má chị nằm dưới mộ sáu
Vườn cũ nhà xưa tàn dưới lửa
Chị đi về hai buổi âm u...*

*Gặp nhau ngoài phố mình như bạn
Thơ mộng trong bàn tay nắm nhau
Chị ngắt cho em hoa cúc nhỏ
Em cười cái miệng mới xinh sao!*

*Ngày xưa chị cũng như em chứ!
Cũng rất ngây thơ rất ngọt ngào
Chị nhớ mỗi chiều tan học sớm
Bàn bè đuổi bướm rất rộn xao*

*Những con bướm lượn trên bờ cỏ
Chị cũng như em chạy đuổi mau
Bây giờ bướm biệt trên đường phố
Chị đuổi sương mù chơi chiêm bao*

*Này em lớp sáu, này em nhỏ!
"Gặp em rồi... muốn thuở không quên!"
Trời ơi câu nói ngày hôm trước
Ai rút vào hồn chị hỏi em?*

Sách trên tay chị nghe chùng nặng

*Sao cặp em đây vẫn nhẹ tênh?
Thời nhé, em về con phố dưới
Giữ hoài cho chị tuổi hoa niên!*

• Trần Bích Tiên
(Trường Bùi Thị Xuân - Đà Lạt)

THÀNH PHỐ MƯA BAY

Gần cuối mùa mưa, mưa dài hơn, ồ ạt và dữ dội hơn, không đột ngột, chợt đến chợt đi như trước. Mưa đến chậm chạp nhưng ồ ào. Bắt đầu từ sự tụ hợp của các sắc mây. Mây đen, mây xám, mây bạc, mây càng tập nập vẫn vũ. Có người liên tưởng tới một đám tang của một nhà nhiều con lắm cháu. Họ làm ăn từ những nơi xa kéo về chịu tang. Cũng bởi ở đời còn có sự tốt, xấu, tài giỏi, kém cỏi, may mắn và xui xẻo. Nên họ chẳng thể giống nhau ở hình dáng và số phận. Trong số họ có người thành đạt giàu có, sang trọng. Có người lam lũ nghèo khó, có người tốt, người xấu... nhưng họ gặp nhau trong nỗi đau buồn, cảm thương, nên họ gần gũi nhau, không có sự ngăn cách. Lại có người liên tưởng đến ngày vui gặp mặt...

Thôi thì mọi sự liên tưởng, cảm nhận cũng từ lòng người mà ra. Người vui cảnh vui, người buồn cảnh buồn...!

Mái hiên nhà ấy rộng dài như mái hiên mặt tiền nhà hàng khách sạn. Tòa nhà mới xây xong, những mùi vôi vữa và các mùi "nhà mới" khác còn tỏa ra rất đậm đà. Góc trái mái hiên có một con hẻm khá rộng, chiếm giữ đầu hẻm là một quán nhậu bình dân. Bàn ghế ở quán không hơn gì thứ gỗ phế liệu vứt đi, cái thì mất chân, cái thì khập khiễng cong queo, hết thảy đều đen nhem cấu bẩn. Mặt hàng bày bán cũng chẳng sang trọng phong phú hơn gì bàn ghế. Một đồng nghêu trắng đen lẫn lộn, một rổ trứng hột vịt lộn sẫm mốc thêch, hai chum cá khô, mấy lọ tương ớt, muối v.v... Sang trọng nhất quán có lẽ là bà chủ, bà đã có tuổi chắc cũng ngoài 40, vóc người phốp pháp, đầy đà, cùng nước da trắng, thêm chút son môi, thêm nữa bà có đôi mắt rất đa tình đa cảm.

Mưa đến khản trương và lo lắng, như khách bộ hành tăng nhịp bước lúc cuối chiều. Mưa hơi nghiêng, trông rõ từng sợi. Đầu đó vùng sáng vẫn chiếu tới. Những dây mưa bắt sáng lóe lên, cùng với những tiếng sấm xa gần. Như niềm mong mỏi nhớ! Khách muốn có bạn đồng hành, tránh nỗi cô độc trong bóng đêm. Khi phía trước có người đi...

Họ lần lượt nhào tới mái hiên. Đầu tiên là ông có dáng vẻ công chức, đi xe Honda Cup 81 cũ kỹ nhưng rất sạch sẽ. Ông là người cẩn trọng, nhanh chóng thu xếp cho mình và xe ở một vị trí tránh mưa tốt nhất. Dù chưa ướt áo, ướt tóc, ông vẫn bị hắt hơi. Ông vội vã xúc dầu và thu người ngồi lên xe. Một khách nhậu ở ngõ hẻm, cầm một chiếc đĩa gỗ vào cái ly và "hát nhai" một bài: "Mùa thu sang có hoa anh đào... mùa thu sang có hoa đào rơi... Rồi mùa thu sang có hoa anh đào..."

Gió lạnh thổi tới nhập nhòa và bỡ ngỡ, như bị vấp ngã. Mưa bỗng rồi sừng sờ. Như

khách bộ hành gặp lại cô nhân. Sấm hò hét ầm ĩ, rồi calm nín.

Đợt trú mưa thứ hai gồm có chị mua ve chai, và một bà tuổi gần về già dắt một đứa bé gái độ chừng 6 tuổi. Chị thu gọn lại hai thùng hàng ve chai, trong đó gồm có báo cũ, đồ sắt phế thải... Dường như nỗi mệt mỏi đã xô chị cùng chiếc đòn gánh ngã xuống. Nhưng rồi chị cũng ngẩng dậy được, với chiếc đòn gánh cong đã mòn bóng màu mặt chín, ai cũng biết sự cực nhọc lam lũ của chị.

Bây giờ gió lẩn trong mưa, mưa hòa trong gió. Chuyện xưa ào ạt tuôn trào. Cổ nhân chẳng già đi cũng không trẻ lại. Vẫn như ngày ấy, nói rất nhiều để xua đi trống vắng, để khỏi nói ra những điều khó nói, để át đi những tiếng nổ trong lòng, để khỏi sợ khi đi đêm một mình "sợ ma". Dậm chân thật mạnh để có tiếng động cho đỡ sợ, lại ngỡ như có ai đó đuổi theo mình. Cứ phải quay nhìn lại, không có gì cả, vắng lặng!!!

Nước từ trên mái hiên đổ xuống, từ mọi phía tuôn ra. Nước đuổi theo nhau hỗn hển. Thành thoáng lại nhóm đầu lên. Quay lại nhìn nhau, như sợ...

Sự kiện thứ nhất xảy ra trong chỗ trú mưa. Một đôi tình nhân ức căng sức trẻ, mượt mà nhan sắc, đẩy chiếc xe Dream màu mặt chín lên lề và tấp vô mái hiên. Cô gái chui ra khỏi áo mưa, xô người sửa xe và lập tức nhảy tót vào trong, đẩy chị ve chai giật ra chỗ khác để chiếm chỗ khuất gió. Cô gái đẹp lộng lẫy với bộ đồ đầm vải bóng màu hồng nhạt, cùng màu son phấn thượng hạng. Chàng trai dựng xe, dẫn bước sát theo cô gái, cũng với thái độ xô người này, đẩy người kia một cách thô bạo. Vừa đứng sát bên nhau hai người lại cãi nhau:

- Em thấy chưa: nếu chuẩn bị sớm, khi anh đến đi ngay thì đâu có bị mắc mưa.

- Tôi đã nói rồi, tôi không thích chờ đợi, không cần thiết phải đến đúng giờ. Tôi thích được làm người đến cuối cùng.

- Nhưng lại gặp mưa, biết bao giờ tới được.
- Lẽ ra anh phải gọi Taxi lúc trời chuyển mưa.

- Thế còn cái xe này để đâu?
- Để đâu tùy anh, việc của anh phải lo cho tôi không bị mắc mưa.

Cô gái nói với giọng như bắt buộc, làm anh chàng tức lên, nói lại:

- Em nói ngang quá đi.
- Anh cư xử với tôi thô lỗ như vậy sao?
- Tôi nói sự thật.
- Thế ra anh là kẻ thô lỗ à?
- Anh đâu muốn thô lỗ, tại em buộc anh phải thế thôi.

- Vậy thì tôi không buộc anh thô lỗ nữa "Bai"!

- Em định làm gì vậy?
- Tôi "phôn".
- Cho ai?
- Cho người có xe ô-tô đời mới.
- Em định bỏ anh ư?
- Tôi nói rồi, tôi không quen chờ đợi.
- Vậy ta đi!
- Tôi không thích đắm mưa.

Cô gái không đợi chàng nói một câu, liền rút trong túi xách tay của mình ra một chiếc máy di động và bấm nút số gọi Taxi.

Còn ông có vẻ công chức từ này giờ đang ngồi trên xe lại bị hắt hơi. Người thợ sửa xe

phơi lưng dưới mưa và đang tháo phụ tùng của chiếc xe gắn máy ra sửa. Khách nhậu bên lề lại hát: "Đời tôi cô đơn nên yêu ai cũng cô đơn..."!

Gió đổi chiều. Vậy là mưa gió đụng nhau. Cả hai đều muốn chứng tỏ sức mạnh của mình. Không ai chịu nhường ai. Thế là mù mịt, ầm ĩ và hốt hoảng ở những trận gió thổi tung tóe cát bụi đầy đường. Có một người phụ nữ trạc 30 tuổi, mặc một bộ đồ bộ, kéo đứa con gái sát lại mình, tránh xa đôi tình nhân tan vỡ. Bà cố gắng mở dù để tránh mưa tạt, nhưng chiếc dù bị kẹt đầu đó, không chịu mở ra. Chị mua ve chai đối tư thế ngồi, mặt hướng về phía mưa.

Con hẻm như một dòng suối đục ngầu, cuộn cuộn nước réo. Khách nhậu thu chân lên ghế ngồi xỏm ngất ngưỡng hát: "Mưa vẫn mưa bay trên thành phố cũ...". Bỗng bà chủ quán cau mặt gắt: Bài ấy chán thấy mồ, đổi bài khác đi, mưa hoài... Không biết bà ấy than bài hát hay than mưa.

Sấm nổ dài, rền vang dữ dội như tiếng còi của trọng tài trên sân bóng đá thổi phạt ai đó phạm luật. Mưa rì rả, oán trách. Gió gợn dài, thờ thán. Cổ nhân nhìn xa xăm và thẫm nghĩ: "Ngày xưa hay thật. Sao nhiều chuyện để mà nói đến thế. Suốt cả ngày không chán, còn bây giờ... Bây giờ im lặng cũng nói nhiều lắm. Cổ nhân ơi! Cổ nhân không calm nín bao giờ!". Gió lặng chỉ còn mưa, mưa xối xả. Trẻ con cũng đã lạnh không tắm mưa nữa. Đường phố vắng tanh chỉ còn nước cuộn cuộn chảy ra những đường ống cống sắt bên lề, tung tóe và dầy đặc. Cổ nhân thở dài lững lờ và tự hỏi: "Phải chăng số mệnh?".

Mưa đã thưa dần, Bong bóng nổi phập phồng, xô đẩy, chen lấn nhau. Trời sáng dần, vài ba vì sao lờ mờ xuất hiện trên bầu trời. Cổ nhân lại cười se se và nói thẫm: "Mong rằng chúng ta sẽ gặp lại nhau".

•Trần Ngọc Hường
(Regensburg)

BÌNH ĐỊNH VƯƠNG LÊ LỢI (1418 - 1427)

*Thấp lều mười năm nung chính khí
Lam Sơn khởi nghĩa diệt tà ma
Nguyễn Trãi, Lê Lai cùng Lê Lợi
Bình Ngô Đại Cáo, Việt Nam ca...*

(Thơ Huy Giang)

Đã hơn một tuần nay, từ lúc cả gia đình thằng Toàn, gái Cẩm cùng nhau lo dọn dẹp nhà cửa cho tươm tất thêm với lau chùi, đánh bóng các đồ thờ cúng bằng đồng trên bàn thờ Phật cũng như trên bàn thờ Tổ Tiên, ông nội, ông bà ngoại; và rồi còn có bày thêm đĩa bánh xu-xê, mấy tách nước trà Jasmine, cây đèn cây đỏ cháy bập bùng trên cái tách úp ngược, bình bông hoàng cúc nhỏ nhỏ chia ra từ những bình bông lớn khác trên bàn thờ Phật, Tổ Tiên, ông nội, ông bà ngoại phía bên ngoài phòng khách, sắp xếp mọi thứ đó ngay ngắn lên trên nắp bếp điện sau khi nấu nướng bữa ăn chiều xong - khoảng 7, 8 giờ tối giờ đó -

bà nội mới trình trọng đốt ba nén nhang thơm rồi lần rằm khấn nguyện trước khi cắm vào ly gạo nhỏ.

Thằng Toàn đã giải thích đại khái: Bà nội với má cúng đưa ông Táo về trời, theo như một trong những tục lệ ngàn xưa Tổ Tiên mình truyền lại trước ngày Tết. Khi bé Cẩm trông thấy bà nội, thím Tư cúng đêm 23 tháng Chạp; vậy mà sau đó bé Cẩm cũng ráng hỏi thêm lại bà nội, để được giải thích cặn kẽ mới chịu thỏa mãn những thắc mắc. Vậy rồi ngày hôm qua, thứ Năm, cũng như hàng năm trước, có gia đình bé Tường Vi, bé Hằng, bé Quỳnh, thằng Hiếu, thằng Điền, thằng Cún, chị Hạnh Dung, chị Phương Dung, chị Thủy Dung; lần lượt gia đình này sớm, gia đình kia về hơi muộn từ những nơi cư ngụ trên vùng Trung, Bắc Đúc hay tận bên Pháp, Thụy Sĩ tất cả cùng nhau xum họp lại đông đủ trong nhà của thằng Toàn, gái Cẩm khiến cho không khí ấm áp lạ thường với hoạt cảnh rất ư là nhộn nhịp vui vẻ đầy ắp tiếng cười nói, cợt đùa; lúc mà ngoài trời không khí của hơi lạnh xuống thấp hơn 2 độ bách phân, và lất phất bay triệu triệu cánh hoa tuyết ví tựa thắm Bạch Mai từ khoảng không mù mịt rơi xuống khắp trần gian lóng lánh màu thủy tinh...

Đền nhang, hoa quả, bánh mứt, trái cây. Mỗi người một tay phụ giúp trưng bày dâng hoàng tươm tất sáng rực trên bàn thờ; với trong bếp, ngoài phòng khách không thiếu chi món dưa hành, bánh tét, bánh ngọt, nước uống bày la liệt đầy đó ngăn nắp... Nhân dịp xin phép trường được nghỉ mấy ngày học và tiếp đến là cuối năm, cho nên thiệt là vui vẻ đối với thằng Toàn, gái Cẩm xung quanh chú thím, cô dì, dượng cậu, anh em họ hàng tình thâm ruột thịt quây quần dưới không khí mùa xuân cùng nhau một nhà. Trong ngày mừng Một Tết, ngoài hoa trái trên bàn thờ Phật, bà nội với má thằng Toàn, gái Cẩm cúng mâm lạt trên bàn thờ ông nội, ông bà ngoại rồi cả nhà dùng lạt cả ngày hôm ấy - bà nội thì tiếp tục dùng lạt cho đến hết ngày mừng Ba Tết cúng đưa Tổ Tiên, ông bà. Ôi, trang nghiêm làm sao lúc khấn lạy bàn thờ, nhưng cũng nao nức, nhộn nhịp làm sao khi xúng xính mặc lên người bộ đồ cổ truyền của dân tộc mới may còn thơm thơm mùi vải lúc thằng Toàn, gái Cẩm đứng sắp hàng đuôi cá trước sau anh chị em để nhận bao thư đồ lì-xì - với điều kiện phải khoanh tay đứng thẳng người, dù có được khuyến khích lúc ngập ngừng câu nhớ câu quên trong lời chúc đầu năm lên bà nội, ba má, cô dì, chú thím... Chắc chỉ còn có thêm phong pháo nổ đòn tan như hôm Tết Tây nữa, là hoàn toàn tuyệt vời Tết Việt Nam nơi xứ lạ, quê người đối với thằng Toàn, gái Cẩm. Anh em chúng nó luôn miệng nhắc nhở với nhau như vậy!

Đêm đầu năm mới, trước lúc khơi đầu những mẩu chuyện bàn bạc về việc làm, đời sống giữa bà nội, ba má với cô dì, chú thím sau bữa ăn; anh em thằng Toàn, gái Cẩm không hện hò nhưng gần như đồng loạt với nhau leo hết xuống ghế có đứa tay cầm theo ly nước chanh, nước táo uống dở dang, có đứa miếng cam, miếng bánh khoai mì, có đứa lại tay không kéo đi ra ngoài phòng khách chen nhau ngồi trên ghế dài, ghế nhỏ, dưới nền thảm đối diện chiếc máy truyền hình, coi tiếp cuốn phim hoạt họa "Cuộc phiêu lưu của chú kiến vàng Mi-Mi" do thím Hai - má của bé

Hằng, bé Quỳnh nhân lúc đi chợ cùng với má thằng Toàn, gái Cẩm, mẹ Nhi, thím Sáu, đi Mai để sửa sửa thêm những thứ lật vạt, hay hoa quả tươi về cúng quảy, nấu nướng trong ba ngày Tết mua tặng cho anh em chúng nó làm quà vui xuân. Cuốn phim thật hay, hay đến nỗi thằng Cún, con trai út của cậu mẹ Nhi, là thằng nhỏ nhất và quấy phá nhất nhà, vậy mà nó cũng bị lôi cuốn theo sự say mê của các anh chị, cho nên ngồi im thín thít trong lòng thằng Toàn hai tay cứ ôm chặt con gấu Bạch Tuyết, miệng thì há rộng đưa nguyên hai cái răng sữa "thấy ghét" dõi theo mọi hoạt cảnh của chú kiến vàng Mi-Mi với cuộc phiêu lưu hào hứng của phim truyện. Phim thì dài, nhưng rồi cũng tới hồi kết cuộc; anh em bọn thằng Toàn, gái Cẩm chưa kịp mỗi người lên tiếng tiếc rề phim quá ngắn, đưa ra ý kiến thêm bớt cốt truyện cho chú kiến vàng Mi-Mi nên làm chuyện này, hoặc đừng có đánh thua chú kiến hôi Jajan, hay là vẫn vẫn và vẫn vẫn nào hết, thì... bà nội với dì Mai đột ngột bước vô phòng khách. Gái Cẩm vội vàng chạy lại tắt máy truyền hình, máy chiếu Video trong khi có tiếng thằng Diên reo vui:

- Bà ngoại ơi... Bà ngoại kể chuyện đời xưa đi bà ngoại. Và kéo thêm nhiều đề nghị nữa vang lên nhồn nháo.

- Dạ, bà nội kể đi bà nội.

- Đúng rồi, bà ngoại kể đi. Lâu lắm rồi anh em cháu chưa được nghe chuyện đời xưa do bà ngoại kể.

Bà Bảy cười hiền từ, đưa ánh mắt thương yêu hết nhìn đứa cháu này, tới đứa cháu khác. Bà chưa kịp ngồi xuống ghế thì thằng Cún đã chạy lại ôm chân tỏ vẻ nhõng nhẽo đòi ầm, bà Bảy xoay qua đi Mai dịu dàng nói:

- Con đốt thêm nhang trên bàn Phật, bàn thờ Tổ Tiên đi Mai.

- Dạ. Dì Mai quay gót xăm xăm bước qua hướng bàn thờ.

- Các cháu muốn nghe chuyện đời xưa, mà chuyện gì nè?... Vừa hỏi các cháu bà Bảy vừa ngồi xuống ghế, đồng thời đưa tay đón thằng Cún đặt vào lòng; thằng Hiếu thấy bà ngoại cứng chiều thằng Cún như vậy, cũng nhanh nhẹn với tay quơ chiếc xe lửa điện tử từ ghế bên này chạy sang ngồi cạnh bà.

- Chuyện đời xưa... gì cũng được hết. Bà nội kể đi...

- Dạ, bà ngoại kể đi bà ngoại. Chuyện đời xưa nào các cháu cũng muốn nghe hết á, bà ngoại.

- Úa, thì bà sẽ kể chuyện cho các cháu nghe. Nhưng truyện này là truyện tục truyền có ghi chép trong Việt sử nước ta; đó là truyện về đức Thánh Gióng tức Phù Đổng Thiên Vương...

- Hay quá...

- Cháu chưa nghe truyện này khi nào hết. Bà nội kể đi, bà nội.

Anh em thằng Toàn, gái Cẩm lại lao xao thay đổi chỗ đang ngồi cho gần thêm hơn xung quanh bà Bảy, hòa với tiếng ngợi khen truyện Thánh Gióng tức Phù Đổng Thiên Vương, tuy rằng chưa từng được nghe ai kể lại bao giờ!

- Các cháu im lặng nghe bà kể truyện Thánh Gióng nè:

Hồi xưa, xưa lắm rồi. Tục truyền rằng vào đời vua Hùng Vương thứ 6, trong nước dân tình đang gặp hồi thống khổ vì có đám giặc Ân nổi dậy quấy phá, cướp bóc... Quân lính

triều đình nhiều năm liền khởi binh dẹp loạn mà không được, vì giặc Ân quá hùng mạnh. Các vị quan văn võ trong triều đình, một ngày kia đồng thanh đưa kiến nghị lên vua Hùng Vương sai sứ đi khắp dân gian rao truyền mong tìm được người tài giỏi ra dẹp giặc cứu nước qua cơn biến loạn. Vua Hùng Vương thuận ý, liền ban chiếu chỉ cho quan quân đi mọi nơi trong dân chúng mong sao tìm ra người hào kiệt...

Lúc bấy giờ tại làng Phù Đổng, bộ Võ Ninh (nay là Võ Giang - Bắc Ninh) có một gia đình nông dân quanh năm sống đạm bạc, chất phác bên ruộng rau, thửa ruộng; dù cho không sang giàu nhưng thật hạnh phúc dưới mái tranh đơn sơ trong tình nghĩa vợ chồng và đứa con. Nhưng ông bà nông dân không vui về gì cho lắm, vì đứa con trai độc nhất từ khi lọt lòng mẹ cho đến tuổi đã lên tám vẫn mạnh khỏe mà chưa nói được tiếng nào! Một ngày kia, đang khi đùa chơi cùng mẹ, chợt nghe ngoài đường có tiếng sứ giả triều đình rao truyền với dân chúng, có ai tài giỏi ra sức dẹp giặc cứu nước... Bỗng nhiên đứa bé cất tiếng nói được, lời nói đầu tiên của đứa bé, là nhờ bà mẹ ra mời sứ giả triều đình vào nhà để nhờ trình lên vua cho lãnh nhiệm vụ chống giặc Ân. Tuy rằng lo sợ tội khi quân với đức Thiên Tử, nhưng vì lòng thương con của người mẹ hiền bao la vô bờ bến cho nên bà bầm bụng, cắn răng mà chiều theo ý muốn. "Ngài quay về trình lên đức Hoàng Thượng, hãy đức cho ta con ngựa đứng mãnh, và cây roi sắt dài. Ta sẽ đi dẹp giặc Ân cứu nước", đứa bé nói với sứ giả như vậy. Đến khi roi và ngựa sắt đã được đức xong đem đến trước cửa nhà thì đứa bé liền vươn vai, bỗng nhiên thân hình cao lớn thêm hơn một trượng, rồi nhanh nhẹn tay cầm roi nhay lên yên ngựa sắt phi nhanh ra sa trường dẹp giặc. Người anh hùng nước Việt tay cầm roi, cưỡi ngựa sắt đi đến đâu thì giặc Ân cũng đều tan xác, cho nên chẳng bao lâu thời gian là dẹp tan được giặc loạn. Sau đó, người anh hùng nước Việt bèn cầm roi, cưỡi ngựa thẳng lên núi Sóc Sơn rồi biến mất trong hào quang rực rỡ. Vua, dân chúng nhớ ơn nên lập đền thờ phượng ông tại làng Phù Đổng, và triều đình sắc phong người anh hùng cứu nước là Phù Đổng Thiên Vương. Hiện nay vẫn còn đền thờ của ông tại làng Gióng, tức làng Phù Đổng, tỉnh Hà Bắc - Bắc Việt. Đời sau, vua Lý Thái Tổ (1010-1028) còn sắc phong Phù Đổng Thiên Vương là Xung Thiên Thần Vương (Đại Việt Sử Ký, ngoại kỷ, quyển 1, trang 3b và 4a). Hằng năm, cứ vào ngày mồng 8 tháng Tư là ngày lễ hội tại đền thờ của Phù Đổng Thiên Vương, tục gọi là Thánh Gióng.

Tiếng kể chuyện của bà Bảy vừa dứt, mà âm vang như vẫn còn quanh quẩn trong tai anh em thằng Toàn, gái Cẩm: cho nên chúng nó mãi im lặng ngồi thử người ra mồ mẩn. Lúc lâu chờ đợi, bé Thùy Dung mới lên tiếng hỏi:

- Úa, như vậy truyện tục truyền Thánh Gióng tức Phù Đổng Thiên Vương, hết rồi hả bà ngoại?

Dì Mai đang lật vô trái quít bên bàn đôi điện bật cười, trả lời thay cho bà Bảy:

- Úa... Truyện Phù Đổng Thiên Vương, tục gọi là Thánh Gióng đến lúc cầm roi, cưỡi ngựa sắt phi lên núi Sóc Sơn và biến mất, là đoạn kết... Nói rồi dì Mai xoay qua thằng Hiếu, nói: Hiếu nè, con cầm trái quít má đã lột xong vô

sang bà ngoại ăn thăm giọng. Bà ngoại kể truyện tục truyền trong Việt sử dài quá nên khát nước rồi đó!

- Xời ơi, uống ghê đi. Ở dì Mai ơi... đi có còn biết truyện nào hay như truyện Phù Đổng Thiên Vương nữa không? Dì kể lại cho các cháu nghe đi dì Mai. Thằng Toàn tiếc rề nói, với đề nghị cùng dì Mai.

- Đúng rồi, bây giờ đến lượt dì Mai kể chuyện, hén Toàn.

- Cô Mai, kể chuyện đi cô Mai...

Anh em thằng Toàn, gái Cẩm lại nhồn nháo lên. Dì Mai yên lặng như đang suy nghĩ, trước nhìn bà Bảy như dò ý rồi mới nhìn sang từng gương mặt của các cháu đang nôn nóng ngồi chờ nghe kể chuyện, dì Mai trả lời:

- Các cháu học ở lớp Việt ngữ, vậy đã học bài lịch sử "Mười năm kháng chiến chống quân Minh của Bình Định Vương Lê Lợi" hay chưa?

- Dạ chưa.

- Dạ cháu cũng chưa học tới bài đó nữa. Dì kể đi dì Mai.

- Ổ... Bài học Việt sử "Mười năm kháng chiến chống quân Minh của Bình Định Vương Lê Lợi":

Khởi từ năm 1414 cho đến 1427, suốt khoảng 13 năm dài đằng đẵng nhà Minh sang cai trị nước ta. Đã áp đặt biết bao nhiêu oan nghiệt, nhục khổ trăm đường lên dân Nam đeo đẳng mà có miệng cũng bằng không kêu than lên được; đành phải dè nén giữ trong lòng càng ngày càng chống chọi thêm hơn, với sự hy vọng nhen nhúm có người anh hùng nổi lên phất cờ khởi nghĩa đánh đuổi quân Minh ra khỏi bờ cõi nước nhà, hầu sớm thoát ra ngoài biển lửa than hồng của quốc nạn.

"Làm trai sinh ở trên đời, nên giúp nạn lớn, lập công to, để tiếng thơm muôn đời, chớ sao lại chịu bo bo làm đầy tớ người!". Đây là lời nói khẳng khái của một nông gia áo vải đứng trước cảnh quốc phá gia vong; âm thầm nuôi chí lớn chớ không muốn khoanh tay nhìn dân tộc chết dần mòn, vì phải sống trong cảnh tủi nhục của người dân bị thống trị! Nông gia áo vải ấy là người làng Lam Sơn, huyện Thụy Nguyên, phủ Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Họ Lê, tên Lợi đã cùng nhân dân khởi nghĩa tại đất Lam Sơn, tự xưng Bình Định Vương chống lại giặc Minh vào đầu mùa xuân Mậu Tuất 1418, đời vua Thành Tổ nhà Minh, niên hiệu Vĩnh Lạc 16. Ngày cũng như đêm Bình Định Vương cùng một số tướng lãnh, đồng chí như: Lê Thạch, Lê Liễu, Lê Văn An, Lê Văn Linh, Lê Thuận, Lê Khả, Bùi Quốc Hưng, Nguyễn Xí, Lê Sát, Lý Thiện, Trịnh Lỗi, Lê Ngán, Đinh Liễn (rồi sau này còn có thêm Hàm Lâm Thừa Chỉ Học Sĩ Nguyễn Trãi, cháu ngoại của Trần Nguyên Đán chuyên lo việc tham mưu cho Bình Định Vương, với người bà con là Trần Nguyên Hãn ra giúp sức tại Lỗi Giang năm 1420).

Vì việc chống lại quân Minh, tuy có thuận lòng trời, hợp lẽ công bằng cho dân Nam. Nhưng vì thế lực quân binh của Bình Định Vương Lê Lợi còn quá yếu kém, lương thực không đầy đủ, cho nên thắng được quân Minh đôi ba trận chiến lớn, nhưng cũng gian truân, vất vả rút quân về núi Chí Linh (nằm trong tỉnh Thanh Hóa) cả thấy 3 lần, trong suốt 10 năm kháng chiến chống lại quân Minh của Bình Định Vương cùng quan quân, tướng sĩ. Và nhờ hồng phúc nước Nam cho nên đã hào

hùng chiếm lại được đất Nghệ An, làm bàn đạp vây vùng đánh ra Bắc lấy lại toàn cõi đất đai của dân tộc. Bỏ những lần cơ cực đấu tranh theo từng giai đoạn khổ ải như:

- Về núi Chí Linh lần thứ Nhất, năm 1418.
- Về núi Chí Linh lần thứ Hai, năm 1419.
- Về đóng tại Lư Sơn, sau khi nhờ Lê Lai đổi áo bào liêu mình thay chết.
- Năm 1420. Đóng tại Lỗi Giang, được Nguyễn Trãi (với Trần Nguyên Hãn) ra giúp sức và dâng tờ Bình Ngô sách tại đây; cũng như bày mưu kế nhằm vào lòng mê tín của dân chúng, Nguyễn Trãi cho quân sĩ viết mật ong lên lá cây rừng 8 chữ: *Lê Lợi vi quân, Nguyễn Trãi vi thần*. Sau đó kiến ăn theo đường mật thủng lá hiện rõ ràng 8 chữ như trên; dân chúng bắt gặp hàng hàng lớp lớp lá cây rừng có 8 chữ *Lê Lợi vi quân, Nguyễn Trãi vi thần* đều cho là điềm trời dị nên đồn đãi lan rộng ra khắp nơi, và người dân có nhiệt tình cứu nước về đầu quân dưới trướng của Bình Định Vương rất nhiều.

- Bình Định Vương phá tan quân tướng nhà Minh, Trần Trí tháng 11 năm Tân Sửu 1421, nhưng lại mất đi một tướng tài ba là Lê Thạch.

- Về núi Chí Linh lần thứ Ba, năm 1422.
- Hết lương thực phải cầu hòa với giặc, năm Quý Mão 1423.

- Tháng 5 năm Giáp Thìn 1423, chiếm được đất Nghệ An. Đinh Lễ đánh bại tướng nhà Minh là Đinh Hùng ở Đông Quan, với thu được toàn bộ lương thực của giặc; và bao vây chặt chẽ Tây Đô.

- Qua tháng 7, cùng năm Ất Tỵ 1425. Tờ Đồ Trần Nguyên Hãn (cháu Trần Nguyên Đán, dòng dõi Trần Quang Khải) cùng Thượng Tướng Lê Nỗ đem 1.000 quân chiếm châu Tân Bình, châu Thuận Hóa và phục binh đánh dẹp tướng nhà Minh Nhâm Năng ở Bồ Chính.

- Năm Bính Ngọ 1426 tiến quân ra Đông Đô, và vây kín Đông Đô sau khi chiến thắng lũy lừng tại Tuy Đông. Thanh thế Bình Định Vương càng vang rộng thêm hơn, khiến cho quân xâm lược khiếp sợ oai danh.

- Vương Thông - tướng nhà Minh đóng quân tại Đông Quan, cầu hòa với Bình Định Vương lần thứ nhất.

- Tháng Giêng năm Đinh Vị (Mùi) 1427, Bình Định Vương đóng đô tại Bồ Đề, và đặt ra pháp luật trị quân dân.

- Ngày 18 tháng 9 cùng năm 1427 đánh trận Chí Lăng, giết được tướng giặc là Liễu Thăng tại núi Đà-Mã-Pha (nay là Mã-Yên-Sơn, làng Mai Sao, thuộc Ở Châu).

- Vương Thông xin hòa lần thứ Hai.

- Tờ Bình Ngô Đại Cáo của Hàn Lâm Thừa Chỉ Học Sĩ Nguyễn Trãi dâng lên truyền Bình Định Vương sau khi dẹp xong giặc nhà Minh làm báo cáo ra cho dân chúng biết. Trong tờ Bình Ngô Đại Cáo, một áng văn bất hủ dưới thời nhà Lê *Nam quốc sơn hà - Nam đế cư*. Có đoạn như sau:

"Núi Lam Sơn dấy nghĩa, chốn hoang dã nương mình. Ngắm non sông căm nổi thể thù, thể sống chết cùng quân nghịch-tặc. Đau lòng nhức óc, chốc là mười mấy nắng mưa; nếm mật nằm gai, há chẳng phải một hai sớm tối. Quên ăn vì giận, sách lược thao suy xét đã tinh; ngắm trước đến nay, lễ hưng phế đắn đo càng kỹ. Những trần trọc trong cơn mộng mị, chỉ băn khoăn một

nỗi đồ hồi. Vừa khi cờ khởi nghĩa dấy lên, chính lúc quân thù đang mạnh.

...
... Giang san từ đây mở mặt, xã tắc từ đây vững nền. Nhật nguyệt hồi mà lại minh, càn khôn bí mà lại thái. Nền vạn thế xây nên chẵn chắn, thẹn nghìn thu rửa sạch lâu lâu. Thế là nhờ trời đất tổ tông khôn thiêng che chở, giúp đỡ cho nước ta vậy.

Than ôi!
Vây vùng một mãng nhung y nên công đại định, phẳng lặng bốn bề thái vũ mở hội vĩnh thanh. Bá cáo xa gần, ngõ cùng nghe biết".

Và mãi mấy trăm năm sau này, còn có thêm rất nhiều Thi văn ca ngợi tờ Bình Ngô Đại Cáo như ánh son quang minh của dân tộc Việt Nam. Thí dụ một cảm tác tuyệt vời của Nữ sĩ Văn Nương Lê Ngọc Chấn, thành viên trong Hội Thơ Quỳnh Dao, qua bài: *Lời Nói Người Xưa*, xin được trích ra đây 4 câu:

*Tôi nghe nói mẹ là máu
Nhiệt huyết bùng sôi vấy dẫm tờ
Nguyễn Trãi thù cha nung chí cả
Bình Ngô Đại Cáo mực chưa khô*

...
Năm Mậu Thìn 1428, khi vua Trần Cao băng hà vì ngộ độc, (xung là cháu 3 đời của vua Nghệ Tông, được Bình Định Vương rước từ Ngọc Ma về đổi họ Hồ sang họ Trần lập nên vua, riêng Bình Định Vương phải xưng là Vệ Quốc Công để cầu phong, và mong sao chóng việc cầu hòa - lần thứ Nhất - với quân nhà Minh).

Cho nên Bình Định Vương lên ngôi vua tức là Lê Thái Tổ, niên hiệu Thuận Thiên, quốc hiệu là Đại Cồ Việt. Vua Lê Thái Tổ suốt 10 năm ròng rã trong công cuộc kháng chiến hào hùng chống lại quân nhà Minh; và 6 năm lên ngôi Hoàng Đế trị quốc, an dân thì băng hà. Thọ được 49 tuổi.

• Bé Ngọc

GIÀ ĐÌNH PHẬT TỬ

Các em Đoàn Sinh thân ái,

Trong đạo Phật của chúng ta, khi Tết hoặc Xuân về thì thường bảo là Tết Di-Lặc hay Xuân Di-Lặc. Bởi Tết và mùa Xuân thì con người ai cũng vui tươi, cây trái từ đó đâm chồi nảy lộc.

Hạnh hỷ xả của Ngài Di-Lặc đem an vui, hạnh phúc đến cho mọi loài và ở nơi Ngài luôn luôn tỏa ra bầu trời Xuân An Lạc. Thân Ngài to lớn (bụng phệ), mặt mày vui tươi, an nhiên tự tại. Bởi thế chúng ta bảo Tết và Xuân là của Di Lặc. Ngày kỷ niệm của Ngài cũng đúng vào ngày mừng Mừng Tết.

Trong Tết và Xuân năm Đinh Sửu này. Để cho các em hiểu về tiểu sử và thân thể của Ngài, tôi xin kể cho các em nghe.

I. Thân thể và ý nghĩa tên Ngài

Ngài người dòng Bà-La-Môn ở Nam Thiên-Trúc (Ấn Độ), thân sinh tên là Ba-Bà-Lợi, họ A-Dật-Đa, tên là Di-Lặc A-Dật-Đa có nghĩa là vô năng thắng, nghĩa là không ai sánh kịp. Di Lặc dịch là Từ Thị, là có lòng thương rộng lớn. Sở dĩ gọi là Từ Thị, là vì khi mẹ Ngài chưa thọ thai thì từ tâm của bà rất kém, khi thọ thai Ngài thì bà phát tâm từ bi.

Lại trong một kiếp trước, Ngài làm vị tiên tên là Nhất-Thế-Trí-Quang. Nhờ đức Phật dạy pháp tu Từ tâm tam muội, Ngài tu pháp ấy đến khi thành Phật, nên gọi Ngài là Từ Thị.

II. Tiền kiếp (kiếp trước) của Ngài

Trong một kiếp trước, đời đức Phật-Đại-Thông-Trí-Thắng. Ngài cùng đức Phật Thích Ca đồng thời phát Bồ Đề tâm, tu các pháp lành. Đền đời đức Phật Nhật-Nguyệt-Đăng, Ngài cũng xuất gia tu hành, nhưng Ngài Di-Lặc có lòng từ bi lại thiếu hạnh tinh tấn, nên khi đức Phật Thích Ca thành Phật, Ngài mới lên địa vị Bồ Tát bổ xứ, nghĩa là sẽ thành Phật trong một đời sau, và được đức Phật Thích Ca thọ ký cho Ngài sẽ được thành Phật sau này tại hội Long Hoa.

III. Hạnh tu, hạnh nguyện của Ngài

a/- Hạnh tu: Ngài nhờ đức Phật Nhật-Nguyệt-Đăng dạy tu pháp Duy Thức mà ngộ nhập được viên thông, chúng sanh đều chấp trước các pháp, các danh tướng của thế gian là có thực (kiến-kế) cho nên bị danh tướng đó ràng buộc, các pháp đều y nơi nhưn duyên giả hợp, có sanh, có diệt (y tha) không ra ngoài chơn tánh tự thành viên mãn.

b/- Hạnh nguyện: Hiện nay Ngài ở trên cõi Đâu-Suất nội viện, độ thoát cho vô số chúng sanh. Ngài thường ngồi trên pháp tọa sư tử, thân thể trang nghiêm, trí hạnh đầy đủ.

Do lòng từ bi và hạnh nguyện rộng lớn của Ngài, nên những ai sanh lên cõi Đâu-Suất thì không còn bị thối đọa, vì tất cả những hiện tượng trên thế giới ấy đều là tiếng thuyết pháp, khuyến tu của Ngài và được Ngài hỗ trợ.

Ngài sẽ hiện sanh và thành Phật dưới cây Long Hoa khi nào nhân loại sống lâu đến tám vạn tuổi.

IV. Một hóa thân của Ngài

Một thời kia, sau khi đức Phật Thích Ca nhập diệt. Ngài hiện thân làm một vị Hòa Thượng tại đất Minh Châu, huyện Phụng Hóa tên là Khê-Thử. Thân Ngài rất to lớn, tánh tình hoan hỷ, nói năng khác thường, ngữ nghé không chọn sang hèn. Ngài thường quày dầy vải đi khất thực, đem về nuôi trẻ con và làm những việc rất ly kỳ, mắt phàm không thể hiểu được. Người đời thường gọi Ngài là Bồ-Đại-Hòa Thượng (vị Hòa Thượng mang dầy vải).

Trước khi chết, Ngài có di chúc bài kệ như sau:

*"Di-Lặc thật là ta, phân thân như hằng sa
Thường hiện làm thường dân, mắt phàm không thấy ta"*

Hiện nay người ta thờ Ngài tại chùa Nhục-Lâm ở Trung Hoa.

V. Biểu tượng và lòng qui ngưỡng của Phật Tử

Hiện nay tại các chùa thờ tượng: Đức Phật Thích Ca là đức Phật hiện tại, ngồi ở giữa. Đức Phật A-Di-Đà là đức Phật quá khứ, ngồi

bên trái đức Phật Thích Ca. Đức Di-Lặc là đức Phật tương lai, ngồi bên tay mặt đức Phật Thích Ca. Tượng của Ngài Di-Lặc cũng giống như tượng của các đức Phật khác. Nhưng có chỗ tạc hình Ngài thân thể to lớn, mặt mày vui vẻ, để biểu hiện lòng từ và sự hoan hỷ của Ngài. Lại có 6 đứa con nít (lục tặc) bu chung quanh chọc phá và quấy rầy Ngài. Sáu đứa con nít đó là biểu hiệu cho 6 thức. Nhưng Ngài đã tu quán Duy Thức, nên dù bị vậy, Ngài vẫn tự tại và vui vẻ như thường.

(Tượng này là phỏng theo sự tích của Ngài Bồ-Đại Hòa Thượng)

Phật Tử niệm danh hiệu của Ngài tức là:

- Niệm hạnh hoan hỷ, luôn luôn vui vẻ tự tại, không bị hoàn cảnh chung quanh chi phối.
- Cầu mong Ngài trở về hóa độ và hộ trì cho lòng thành kính của mình.
- Kết duyên với Ngài mong sau này được dự vào hội Long Hoa và được Ngài giáo hóa.

•Thiện Căn

(Tham khảo Phật Pháp GDPT)

ĐẠI HỘI HUYNH TRƯỞNG THƯỜNG NIÊN CỦA CÁC HUYNH TRƯỞNG GDPTVN TẠI ĐỨC QUỐC

Một Đại Hội mở rộng của các Huynh Trưởng thuộc các đơn vị Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại Đức Quốc do Ban Hướng Dẫn GDPTVN/Đức Quốc tổ chức được triệu tập tại Chùa Viên Giác, Hannover, từ ngày 20 đến 22.12.1996 vừa qua. Thành phần tham dự Đại Hội này gồm có: Đại diện BHD/GDPTVN/Ấu Châu, các Bác Gia Trưởng GDPTVN/Đức Quốc, Ban viên BHD/GDPTVN/ Đức Quốc, HT truyền thống và các HT các đơn vị GDPTVN tại Đức Quốc.

Trong số các bác Gia Trưởng có bác Quảng Ngộ Gia Trưởng của GDPT Tâm Minh về tham dự và gồm có 27 HT thuộc các đơn vị Gia Đình.

Nghị trình các phiên họp trong Đại Hội:

I. Các đơn vị GDPT và BHD/ĐQ báo cáo tổng kết các kết quả sinh hoạt và Phật sự trong năm 1996.

II. Chương trình sinh hoạt riêng và Phật sự chung cho năm 1997.

III. Linh tinh.

I. Khai mạc Đại Hội vào ngày thứ bảy (21.12.96)

- Mở đầu cho các phiên họp của HT - HT Trưởng Ban BHD/GDPTVN/ĐQ thay mặt cho các Ban viên ngỏ lời chào mừng đến tất cả quý vị Đại diện và HT về tham dự Đại Hội.

- HT Thị Lộc Đại diện BHDTU/GDPTVN/ẤC chào mừng Đại Hội và trong dịp này Ban Thường Vụ (BTV) Ấu Châu cũng ngỏ lời để bàn thảo một số vấn đề và họp chung với các HT thuộc BHD/ĐQ.

- HT Tâm Ngọc, Tổng Thư Ký (TTK) thuộc BHDTU/ GDPTVN/ẤC nhắc lại sự sinh hoạt

của GHPGVN và GDPTVN ở trong nước cũng như nói lại lời của anh HT Nguyễn Trí rằng: Tất cả sinh hoạt không rời nội qui của GDPTVN, bởi vì đây là kết tinh của con tim, khối óc và trí tuệ của GDPTVN. GDPT Vụ là một vụ thuộc Tổng Vụ Thanh Niên của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. GDPT là một tổ chức giáo dục, nhằm đào tạo lớp người biết phục vụ xã hội trong tinh thần Bi-Trí-Dũng. Đồng thời HT cũng chúc mừng Đại Hội thành công.

- Bác Thị Tâm, Hội Trưởng thay mặt Hội PTVNTN tại CHLB Đức gửi lời chào mừng đoàn kết trong tinh thần Bi-Trí-Dũng của người Phật Tử. Bác nhắc nhở vai trò và vị trí của người Phật Tử đối với Đạo Pháp và Dân Tộc.

Số GDPT tại Đức Quốc gồm có 7 GD.

- GDPT Tâm Minh tại Hannover - GDPT Minh Hải tại Norddeich - GDPT Pháp Quang tại Hamburg - GDPT Chánh Niệm tại Bá Linh (Berlin) - GDPT Chánh Dũng tại Nürnberg - GDPT Chánh Giác tại Bremen - GDPT Chánh Định tại Saarland

Tổng số HT và Đoàn Sinh của các đơn vị GD trên gồm có:

HT có cấp: 6 - HT chưa có cấp: 48 và ĐS: 194.

II. Chương trình sinh hoạt và Phật sự cho năm 1997

1. Khóa Giáo Lý được tổ chức tại Aschaffenburg từ 8 đến 11.5.97. Nhân dịp này Ủy viên ngành Thanh dự định tổ chức ngày Dũng và Hạnh, nếu số lượng đăng ký trước ngày 10.2.96 đồng đều.

2. Lễ Phật Đản tại Chùa Viên Giác từ 23 đến 25.5.97.

3. Khóa Giáo Lý Ấu Châu kỳ 9 tổ chức tại Đức Quốc, dự từ từ ngày 01 - 10.8.97.

về tham dự. Mọi công tác và nhân sự do BHD/Đức Quốc đảm trách.

- HT và ĐS theo học khóa Giáo Lý Ấu Châu ngày 2 thời, còn một thời sinh hoạt theo GDPT. - Dành 1 đến 2 buổi làm ngày Hiếu cho ngành Oanh - BHDTU/ẤC phát hành áo thun trong khóa Giáo Lý Ấu Châu. - Gian hàng bán trái BHD/Đức Quốc phát hành. - BHDTU/ẤC sẽ triệu tập Đại Hội bất thường vào dịp khóa Giáo Lý Ấu Châu để báo cáo kết quả công tác đã qua.

- Về Lễ Kỷ Niệm 10 năm thành lập GDPT/Đức Quốc. Mời thêm các cựu HT, ĐS cũng như những ân nhân trong 10 năm nay đã đóng góp và xây dựng cho GDPT về tham dự.

Ban Thường Vụ sẽ có thư ngỏ đăng ở Báo Viên Giác.

Ngày Chủ Nhật (22.12.96) phiên họp tiếp theo.

Thảo luận và biểu quyết để thi hành những việc phải làm sắp tới đồng thời đề cử HT Ủy viên đảm trách.

1. Xin Thượng Tọa Đặc Ủy Thanh Niên - GDPT Vụ một bài viết về GDPTVN Đức Quốc và BHDTU/ẤC một bài viết có tính cách tiêu biểu nhìn về GDPTVN Đức Quốc. HT Thị Hiện Nguyễn Hữu Lộc viết tường trình sinh hoạt tại Đức Quốc trong 10 năm qua. Bài vở đăng vào Kỷ yếu gửi về trước lễ Phục Sinh năm 1997. Nội dung và đề mục Ủy viên Báo chí sẽ thông báo sau.

2. Tiếp theo là những phần vụ khác và đề cử HT đảm trách:

21. Hình ảnh triển lãm. 22. Kỹ thuật chiếu phim ảnh. 23. Quà lưu niệm. 24. Thi đua văn nghệ với chủ đề. 25. Ban tiếp tân. 26. Thiệp mời. 27. Tài chánh cho phần in ấn cuốn Kỷ Yếu. 28. Phát hành 29. Thành lập Ban Tổ Chức.

III. Linh Tinh

Thành viên HT trong Đại Hội đóng góp ý kiến để thực hiện các đề mục sau:

- Sự in ấn và bài vở cho tờ Nội San Sen Trắng.
- Quỹ hưởng về quê hương.
- Giải thưởng cho các Đoàn Sinh xuất sắc.
- Kinh doanh để gây quỹ cho Gia Đình (GDPT) v.v...

Đại Hội Huynh Trưởng đã hoàn mãn, kết đầy thân ái và chia tay vào hồi 11 giờ cùng ngày.

• Thiện Căn



Buổi họp tổng kết cuối năm của các Ban HT /GDPT Ấu Châu, Đức Quốc

4. Lễ Vu Lan tại Chùa Viên Giác từ 15 đến 17.8.97.

5. Khóa họp khoáng đại Huynh Trưởng và khóa tu dưỡng HT vào ngày 25 - 28.12 tại Chùa Viên Giác.

Đặt trọng tâm nhất trong năm 97 là khóa Giáo Lý Ấu Châu. Lồng trong khóa Giáo Lý có phần sinh hoạt của GDPT với chủ đề "Kỷ niệm 10 năm thành lập GDPT tại Đức Quốc".

- Vào thượng tuần tháng 7/97 có Đại Hội Huynh Trưởng GDPTVN Hải Ngoại. Đa số quý anh chị HT trong Ban Thường Vụ Ấu Châu đi tham dự, do đó BHDTU/ẤC không đứng ra tổ chức cho các GDPT/ẤC được, nhưng gửi văn thư kêu gọi các HT và ĐS trong toàn Ấu Châu

Hoa Tư Tưởng

*Thuyền lướt nhanh, thuyền không
lạt là khi thuyền thuận buồm, biết theo
dòng sông.*

*Luân vào đời, người sẽ hiền ngay
thiết tha sự sống là khi biết chiêm ngắm
bầu trời luôn mở rộng trên đỉnh đầu ta.*

•Hà Đẩu Đồng

VĂN NGHỆ



SAU LỄ TRÀ TỖ, MỘT PHẬT TỬ TẠI THỊ XÃ CARROLLTON, QUẬN DENTON, TIỂU BANG TEXAS, ĐÃ LƯU LẠI XÁ LỢI

• Thiện Hỷ

Tôi hiểu rằng tôi sẽ đi về đâu

(Phạm-Công-Thiện)

C hị Huỳnh-Ngọc-Tuyết và tôi, mười năm trước đây là bạn đồng nghiệp. Chúng tôi cùng làm việc với nhau ước chừng trên ba tháng. Buổi sáng cuối cùng làm việc nơi ấy tôi nói lời từ giã chị. (Chị Tuyết tuy mang tên họ Việt Nam nhưng chị là người Tàu, nói tiếng Việt rất ít, cho nên chúng tôi trao đổi với nhau bằng Anh ngữ):

- Chị ở lại đây mạnh giỏi, may mắn. Ngày mai tôi về nhiệm sở mới cách đây khá xa.

Chị Tuyết mở to đôi mắt, nhìn tôi ngạc nhiên:

- Anh được tin này từ bao giờ, sao anh kín miệng quá vậy?

- Tôi biết tôi được chuyển về nhiệm sở mới từ hơn mười ngày nay nhưng tôi không nói cho ai biết vì việc ấy đối với tôi không có chi quan trọng.

Bỗng chị nở nụ cười rất tươi nói với tôi:

- Hôm nay là ngày đầu tiên tôi lái chiếc xe mới tinh đi làm.

- Xe của chị đậu nơi đâu?

Chị đưa tay chỉ về phía cửa kính:

- Xe của tôi màu xanh dương.

Tôi nhìn xuyên qua cửa kính thấy dấu hiệu của xe, tôi nói liền:

- Ái chà, chiếc Cadillac! Nó không lớn, có phải chỉ sáu máy không chị? Đắt tiền lắm, tôi không dám mở ước.

- Vâng, chỉ có sáu máy. Loại tám máy tốn xăng lắm. Chiếc xe này do ba mẹ chồng tôi cho tôi nhân ngày sinh nhật của tôi.

Tôi nghĩ thầm: "Người đàn bà này đã đóng tròn vai trò người con dâu hiếu thảo cho nên được cha mẹ chồng quý trọng".

Bỗng chị Tuyết nói với tôi:

- Vợ chồng tôi định mở một cơ sở thương mại nhỏ, chủ đi làm công như thế này, không khá được...

- Anh chị định mở loại nào?

- Có thể một tiệm hấp tẩy quần áo, hoặc một nhà hàng nhỏ theo lối Fast Food hoặc một tiệm tạp hóa nhỏ hay một trạm xăng... Còn vậy?

- Chúng tôi không đủ tiền và hầu như tôi không có khả năng về phương diện thương mại. Chúc anh chị luôn luôn thành công và may mắn.

- Cảm ơn anh.

Chúng tôi chúc tụng nhau và nói lời từ biệt nhau. Tôi bước ra khỏi cửa, đứng ngắm chiếc xe của chị khá lâu. Tôi cũng tỏ mò nhìn xuyên qua cửa kính để xem cảnh trang trí đẹp đẽ, tối tân, xa hoa bên trong.

Vừa lái chiếc xe cũ mềm về nhà tôi vừa nghĩ thầm: "Chiếc xe cũ của mình đây giá không bằng một cái bánh xe mới tinh của chiếc Cadillac! Xe là một phương tiện, thôi thì mình cũng phải nhờ đến con trâu già này để kiếm cháo, kiếm cơm mỗi ngày. Nhờ ngày nào mình vừa mới có việc làm, chưa có bằng lái, chưa có xe, vùng mình ở, Richardson, Texas, không có xe Bus, phải cưỡi bộ đến sở làm trong tuyết trong mùa mỗi bận trên tám dặm Anh. Đến sở làm thì mưa rả rượi là việc rất thường vì Bắc Dallas rất lạnh vào mùa đông: có những ngày tuyết rơi không ngớt, trên mặt đường tuyết đóng thành băng. Vừa đi bộ vừa cầm theo một thanh cây dài. Minh đi bộ ngang nhà của họ, mấy con chó ấy chạy ra sủa rân rấn tôi tấn công mình. Mỗi lần như vậy mình phải quay lại dùng cây đập mạnh xuống đất, đứng trong thế thủ dường như muốn tấn công lại, bầy chó mới chịu lui đi. Cũ "hù" mấy con chó như vậy cả chục lần bằng cây gậy "dã cẩu" mỗi ngày trên khoảng đường dài hơn tám dặm Anh một bận. Ngày hôm nay được cỡi lên con trâu già rẻ tiền này kể cũng thoải mái lắm. Đầu dám mở chiếc xe mới tinh, tiện nghi như, đắt tiền như trong các loại xe Mỹ.

Bảng đi rất lâu tôi không có dịp gặp lại chị Tuyết. Thời gian trôi qua, hơn một năm sau, một hôm tôi đọc tin tức trên tờ nhật báo địa phương Dallas Morning News, nơi trang trong tôi thấy có đăng một tin dữ sau đây: "Một vụ cướp của giết người xảy ra trong một trạm xăng tại góc đường Denton Drive và Regal Ron, Dallas phía sau phi trường Dallas Love Field. Hung thủ thừa lúc vắng khách, khoảng gần một giờ trưa đã đột nhập vào trạm xăng rút dao đâm vài nhát người chủ tiệm khiến ông ta chết liền tại chỗ. Tên sát register), sau đó tẩu thoát. Nạn nhân họ Trần, người Việt gốc Hoa tự nạn tại Mỹ từ năm 1980". Đọc xong tin trên tôi thở dài ngao ngán, nghĩ ngợi miên man đủ thứ, cảm thấy u sầu, buồn bã, bứt rứt, xốn xang cho

thân phận của người phiêu bạt trên đất khách tìm kế mưu sinh. Hai ngày sau tôi lại theo dõi cái hung tin ấy trên báo Dallas Morning News. Ký giả tóm lược tin ấy và báo rằng liền sau đó cảnh sát Dallas phối hợp với FBI (1) đang truy lùng thủ phạm rất gắt.

Vài ngày sau bỗng có người đến nói với tôi:

- Anh có biết anh Trần cách nay gần tuần lễ bị giết trong trạm xăng ở Dallas?

- Tôi được biết tin ấy nhưng tôi không quen với anh ấy.

Lục soát cùng khắp ký ức, không có người nào tôi quen mang họ Trần, người Việt gốc Hoa, tự nạn tại Mỹ từ năm 1980.

- Anh Trần ở Carrollton rất gần nhà anh, anh không biết sao?

- Ai vậy? Quả thật tôi không hề quen biết anh ấy.

- Anh ấy là chồng của chị Tuyết đấy!

Tôi ngớ ngẩn cả người, dở dẩn. Nếu biết sớm như thế tôi đã đến chia buồn cùng chị ấy, đưa linh cữu của anh ấy đến nơi an nghỉ cuối cùng. Tôi nghĩ thầm: "Gần tuần lễ trôi qua, việc ma chay chắc đã xong xuôi nhưng mình phải đến chia buồn với chị ấy cho dù đã quá trễ". Tôi vội lái xe đến nhà anh Huỳnh Đức, em ruột của chị Tuyết. Chị Tuyết và tôi không hề trao đổi số điện thoại và địa chỉ cho nhau. Tôi đã từng tới lui nhà anh Đức để hướng dẫn cho Huỳnh Kiệt, con trai anh ấy trong việc học hành - tôi giữ chức vụ "Vietnamese Community Liaison" cho Sở Giáo Dục tại Carrollton và Farmers Branch từ năm 1986, thông-dịch-viên cho hai mươi chín trường Trung và Tiểu học tại hai thị xã nhỏ nói trên - nhờ đó tôi được biết anh Đức là em ruột của chị Tuyết. Trước đây anh Đức cho tôi biết nhà của chị Tuyết cách nhà tôi hai ngọn đèn xanh đỏ, còn nhà của anh Đức chỉ cách nhà tôi một ngọn đèn. Tôi quý anh chị Đức và cháu Kiệt vì những người này rất mực chơn chất, thật thà. Tôi cũng rất quý mến mẹ của anh Đức, cũng là mẹ của chị Tuyết, năm nay 1996, gần chín mươi tuổi, luôn luôn niệm "Nam Mô A Mi Thọ Phọ" (Nam Mô A Di Đà Phật), mỗi ngày cả chục ngàn câu.

Vừa gặp anh Đức (anh Đức nói tiếng Việt khá rành, khác với chị Tuyết) tôi nói liền những hây còn dè dặt đôi chút:

- Cách nay gần tuần lễ, tôi có đọc một tin dữ trên tờ Dallas Morning News....

- Mời anh ngồi ghế đã. Phải, người ấy là anh rể của em, chồng chị Tuyết. Buồn quá anh ơi, em không muốn nhắc đến chuyện ấy nữa.

Tôi nói như khẩn khoản:

- Bây giờ đã trễ... Có thể nào em đưa vợ chồng anh đến nhà chị Tuyết để chia buồn với chị ấy.

- Cảm ơn anh, nhưng không được đâu. Sau khi chôn cất anh ấy xong, chị Sáu (anh Đức gọi chị Tuyết bằng thủ, thủ Sáu) của em không muốn gặp bất cứ người nào, đầu người ấy là bà con hay bạn bè. Ngay cả em là em ruột của chị ấy, chị ấy cũng không muốn tiếp cho dù bằng điện thoại. Chị ấy khóc suốt ngày đêm đến sáng cả đôi mắt.

- Thôi thì, tình huống đã như thế, khi nào có dịp gặp chị Tuyết hay nói chuyện bằng điện thoại với chị ấy nhờ em nói với chị em có vợ chồng anh gởi lời chia buồn với chị ấy

và nguyện cầu hưởng linh của anh ấy sớm được siêu thoát.

- Vàng, nếu có dịp em sẽ không quên.

Thời gian trôi qua. Lâu sau tôi gặp lại anh Đức, tôi hỏi thăm chị Tuyết, anh ấy nói:

- Chị Sáu của em dạo này mỗi ngày đều ở tại ngôi chùa Tàu tại Richardson. Ban đêm chị ấy mới về nhà. Chị của em trước kia đến chùa Pháp Quang, Grand Prairie làm công quả, học Phật Pháp với Thầy Thích Trí Hiền những hiện nay chị ấy thường xuyên đến ngôi chùa Tàu, còn gọi là chùa Đài Loan ở Richardson vì tại đây chị không bị vướng kẹt ngôn ngữ. Thịnh thoảng chị của em mới trở lại chùa Pháp Quang. Suốt ngày chị ấy ở trong chùa, tụng kinh, niệm Phật, làm công quả cho chùa, ban đêm chị ấy mới về nhà. Sáng sớm lại lái xe lên chùa.

Viết đến đây tôi sực nhớ đến hai câu thơ của Vương Dung: "Nhất sinh kỳ hủ thường tâm sự? Bất hưởng không môn, hà xử tiêu?" (*Ở đời bao chuyện thường tâm, Không về của Phật biết làm sao khuây?* - Trần Trọng San dịch) (2).

"Đến chùa Pháp Quang, đến chùa Tàu, trở lại chùa Pháp Quang, suốt ngày ở trong chùa. Đêm về nhà. Sáng sớm lại trở lên chùa". Tôi lẩm nhẩm như vậy rồi bỗng chợt nghĩ: "Củ như vậy mà trong một sát-na cực kỳ quý báu nào đó chị bỗng giác-ngộ. Cái sát-na giác-ngộ ấy xảy ra lập tức, cực kỳ nhanh chóng, nhanh hơn sự kiện Đức Phật đưa tay nhận hạt châu báu của Long Nữ vì sự giác ngộ ấy xảy ra trong tâm. Sự kiện mỗi ngày lên chùa chứng tỏ một ý chí cương quyết, không thối chuyển như Long Nữ từ nữ biến thành nam vì người nam thường thường có ý chí mạnh hơn người nữ. Nhanh hơn một chớp mắt, Long Nữ ngồi vào cõi Vô-Cấu". Lúc bấy giờ một đoạn kinh ấy trong phẩm "Đề Bà Đạt Đa" của Kinh Pháp Hoa củ lẩn khuất trong trí tôi.

Năm 1982 tôi đã từng cử ngụ tại Richardson, ngôi chùa Tàu ấy lúc bấy giờ chưa được xây cất. Ngụ tại Richardson chưa tròn một năm tôi giặt về Carrollton, trôi đến Irving, rồi tấp trở lại bến Carrollton, xuôi về Farmers Branch, tấp lại Carrollton lần nữa cho đến ngày nay, bằng bành quanh vài thị xã ấy thuộc Bắc Dallas.

Ít lâu sau vợ chồng tôi gặp chị Tuyết tại chợ. Vừa chạm mặt chị, chúng tôi cùng nở nụ cười với nhau nhưng tôi cảm thấy cổ họng như bị tắt nghẽn, khô cứng, không biết phải nói với chị lời nào cho phải. Trong một tí-tắc bỗng tôi biết rằng tôi không thể bùng một lời nào về một chuyện đau buồn đã cũ. Tôi kính trọng vết thương nơi chị. Tôi chỉ nói được với chị câu này (Chúng tôi vẫn trao đổi với nhau bằng Anh ngữ):

- Tôi nghe anh Đức nói lúc này chị thường xuyên đến chùa.

Chị gật đầu:

- Phải.

Và chị nói với tôi nguyện văn như sau, có pha lẫn tiếng Việt trong ấy, nay tôi ghi lại đây như một kỷ niệm khó quên: "I go to Buddhist Temple every day in order to purify my mind and at the same time I hope to get some "phước báu" (Mỗi ngày tôi đều đến chùa để thanh lọc tâm đồng thời hy vọng gặp được vài phước báu).

Chị hỏi tôi:

- Nghe nói ông bà có làm vài việc liên quan đến Phật sự?

- Phải, hiện nay vợ tôi đang quyên một ít tiền từ những Phật tử tại Carrollton và vài vùng phụ cận đóng góp để trùng tu vài ngôi chùa tại Việt Nam.

Chị gật đầu khen: "Tốt lắm!" rồi nói lời từ giã với vợ chồng chúng tôi.

Từ đó về sau chúng tôi không còn gặp chị Tuyết nữa.

Vài ngày sau anh Đức bảo tôi đến nhà anh ấy nhận một ít tịnh tài do chị Tuyết gửi để trùng tu chùa tại Việt Nam. Tôi nhờ anh Đức chuyển lời cảm ơn của vợ chồng tôi đến chị Tuyết.

Năm ngoài, 1995, anh Đức đến nhà tôi chơi, báo tin chị Tuyết đã vướng phải bệnh ung thư. Anh Đức nói:

- Kể từ ngày ấy chị Sáu của em không còn đủ sức để tự lái xe đến chùa nữa.

- Bác sĩ trị bệnh ung thư cho chị em như thế nào?

- Bác sĩ tiêm vào cho chị thuốc Kemotherapy (3), thuốc này được hòa chung đường như với nước glucose (người mình thường gọi là nước biển vì vị của nó lờ lợ, không ngọt, không mặn, không lạt, giống như vị của nước biển) để đưa thẳng vào máu. Bác sĩ bảo rằng thuốc ấy là thuốc cực mạnh để chặn đứng hoặc để trị ung thư. Bệnh nhân chỉ có thể chịu được đến lần thứ bảy. Thường thường bệnh nhân phải chết vào lần tiêm thuốc thứ hai hoặc thứ ba. Chị Sáu của em không cho Bác sĩ tiêm liên liều thuốc ấy vào người, chị yêu cầu được suy nghĩ một thời gian. Tất cả Tu sĩ và bạn đạo tại chùa Tàu, bạn bè, con cái, anh chị em ruột đều khuyên chị của em không nên dùng thuốc quá mạnh ấy.

Anh Đức kể tiếp:

- Nhưng chị Sáu của em không chịu nổi những cơn nhức do bệnh ung thư hành hạ nên chị đến bệnh viện để chịu mũi thuốc Kemotherapy đầu tiên. Mũi thuốc ấy khiến chị của em bị rụng hết tóc. Bệnh tình vẫn không thuyên giảm nên chị của em quyết định không chịu thêm liều thuốc Kemotherapy thứ hai. Được tin ấy tất cả Tu sĩ tại chùa Đài Loan đều rất đổi hân hoan. Bác sĩ biết được quyết định ấy của chị cũng rất mừng vì Bác sĩ bảo rằng có thể chị không thể chịu nổi mũi thuốc thứ ba.

Từ đó chị không dùng thuốc Tây-y nữa, vạn bất đắc dĩ nếu phải dùng thuốc chị dùng thuốc Đông-y. Chị cũng đã tìm đến bà Bác sĩ Zhou Afu, tại Dallas Chinese Medical Center, Richardson để trị bệnh theo lối Đông-y và châm-cứu, nhưng bệnh của chị vẫn không thuyên giảm. Sau đó chị ngưng tất cả các thuốc, chỉ chuyên tâm niệm lục tự Di Đà suốt ngày đêm chỉ trừ lúc ngủ. Chị Sáu nói với em rằng chị hoàn toàn giao phó thân mạng của chị cho Đức Từ Phụ.

Vài tháng sau, một hôm tôi đến nhà anh Đức. Sau khi chúng tôi ăn vài miếng dưa hấu do chị Đức xẻ, anh Đức kể chuyện về chị Tuyết:

- Từ ngày chị Sáu của em đến chùa Tàu chị ấy tụng kinh, niệm Phật, lay Phật, biết gõ mõ, đánh chuông, mặc áo trắng màu đen, tụng kinh Vô-Lượng-Thọ, về sau chị của em thuộc lòng cuốn kinh ấy. Cũng kể từ đó chị của em trưởng trai. Chị khuyên tất cả con

cái, anh chị em phải ăn trai (đúng chữ là trai, nghĩa là tinh khiết, người mình nói trai ra là chay), niệm Phật, không nên ăn mạng (đúng là chữ mạng, mạng sống của sinh vật, người mình đọc trai ra là mặn). Một hôm, Ái Nhi, con gái út của chị em, gọi em bằng cậu, đến nhà em để thăm bà ngoại của nó và vợ chồng em. Nó nói rằng mẹ của nó (tức chị Tuyết) bảo nó đến mở tủ lạnh của em ra xem coi có thịt có cá hay không. Em bảo nó cứ tự nhiên, nó không dám. Thật ra trong tủ lạnh của em thịt, cá rất ít. Mẹ của em và Kiệt đã trưởng trai lâu rồi, còn vợ chồng em ăn rau, đậu, tàu hủ, trái cây nhiều hơn thịt cá. Có nhiều ngày không thịt, không cá... Ái Nhi còn kể cho em nghe chuyện này: Một hôm nó và bạn của nó trò chuyện ngoài phòng khách. Bỗng chị Sáu của em bước ra phòng khách, nói: "Sao các con phí thì giờ vào việc nói chuyện tào lao, băng quố? Các con phải dùng nhiều thì giờ để niệm Phật, được nhiều lợi ích hơn". Nói xong, chị của em trở vào phòng tiếp tục niệm Phật, tụng kinh. Nghe anh Đức kể đến đây tôi bỗng nhớ đến lời dạy của Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát: "Ít nói một câu chuyện; Nhiều niệm một câu Phật". Anh Đức nói tiếp:

- Đứa cháu ngoại trai của chị em năm nay, 1996, khoảng sáu tuổi được chị em dạy niệm Phật bằng tiếng Đài Loan. Cháu ấy niệm Phật rành rẽ lắm.

- Em cho phép tôi tò mò và vô lễ hỏi em câu này, nếu như em thấy không tiện trả lời thì thôi... Vấn đề tên hung thủ...

- À, có vài bạn bè của chị em khuyên chị ấy nên muốn nhân viên của sở trình thám tử tiếp tay với cảnh sát Dallas và FBI, nhưng chị của em không nghe theo. Chị Sáu nói với em rằng chị đã yêu cầu cảnh sát Dallas và nhân viên FBI ngưng truy lùng thủ phạm. Chị ấy nói nếu như nó bị bắt, bị tù đầy thì lại thêm khổ cho nó. Chị của em đã xả bỏ hết. Chị ấy bảo rằng Đức Phật đã dạy không nên lấy oán kết oán. Chị Sáu nói có lẽ từ bao nhiêu kiếp trước giữa hai người có mối dây oan nghiệt chi đó mà chị của em không sao biết được. Nếu như nó bị tù tội thì chính mình lại làm thêm điều ác. Nghe anh Đức nói đến đây tôi bỗng nhớ trong một tuồng Cải lương, một soạn giả viết: "*Người nào cũng có một ông Phật ở trong lòng, sao ta lại nở nào định làm điều ác*". Câu hát nghẹn ngào, tràn đầy nước mắt ấy đượm nhuần Phật vị đã thấm sâu vào tận tâm hồn của mọi người. (Năm 1946 tôi đã từng khóc khi xem tuồng Cải lương Quan-Âm Thị-Kính và Phạm-Công Cúc-Hoa, vài năm sau: Lan và Điệp, Tô Ánh Nguyệt).

Chị Tuyết đã hành được chữ "nhẫn", một trong mười Pháp độ Ba-La-Mật gồm lục độ và tứ vô lượng tâm: "nhẫn nhục nghĩa là gặp những việc ác mà tâm có thể nhẫn được không ôm lòng báo thù" (4). Trong Kinh Phạm Võng (5) Đức Phật cũng đã dạy: "*Lá Phật tử, dầu cho đến cha mẹ bị người giết, còn không báo thù*" (6). Đức Phật dạy Phật tử luôn luôn trải lòng từ bi đến tất cả mọi người: "*lấy oán báo oán, oán chấp chồng; lấy đức báo oán, oán tiêu tan*". Phật tử nào hành xử ngược lại lời Phật dạy, Phật tử ấy phạm "Bồ-Tát Ba-La-Di-Tội" (7). Trong kinh Báo Tạng đức Phật cũng đã dạy: "*Lời dạy không*

oan thù là lời Phật dạy, lời dạy không kiện tụng là lời Phật dạy".

Anh Đức nói tiếp:

- Chị Sáu của em nói với em rằng chị ấy đã nhiều lần dâng lời cầu an cho tên hung thủ ấy.

Nghe anh Đức nói như vậy tôi tưởng chừng như thoang thoảng bên tai lời kinh xưa: "... nguyện kẻ ác cũng an lành như tôi". (8)

- Chị Sáu của em chỉ biết niệm Phật cả ngày lẫn đêm. Bệnh ung thư tiếp tục tấn công chị nhưng chị không hề rên siết.

Vào đầu tháng 3 năm nay, 1996, tôi nghe vợ tôi bảo rằng chị Tuyết đã liễu đạo và theo lời của Châu-Gia-Vi - Phật tử thuộc pháp môn Tịnh Độ, thường xuyên đến ngôi chùa Tàu tại Richardson - Bà Tuyết đã lủi lủi xá-lợi.

Nghe vợ tôi nói như thế tôi liền tìm đến anh Đức và trách anh Đức:

- Sao em không báo tin cho vợ chồng anh biết ngay khi chị Sáu của em trút hơi thở cuối cùng.

- Ngay chính vợ chồng em và con của em cũng hay tin ấy trễ và đến nhà chị ấy trễ. Chị Sáu của em đã trở lại với các con của chị ấy rằng trong lúc chị hấp hối, các con chỉ gọi điện thoại cho quý Thầy, quý Cô ở chùa Đài Loan, Richardson, và Thượng Tọa Thích Trí Hiền, chùa Pháp Quang, Grand Prairie... Ngoài ra không được phép báo tin ấy cho Mẹ của em, cũng không báo tin ấy cho các cô, cậu, dì, chú, bác và dĩ nhiên không báo tin ấy cho bạn bè. Anh hiểu cho em.

Cho đến cuối tháng 5 năm nay, gần đến ngày làm lễ ba tháng mười ngày cho chị Tuyết mà Mẹ của chị Tuyết, hiện ở chung với vợ chồng anh Đức, vẫn chưa biết chị Tuyết đã ra đi vĩnh viễn.

- Em cho tôi biết vài chi tiết trước và sau khi chị Sáu của em vĩnh biệt cõi trần.

- Kể từ tháng mười năm ngoái, 1995, chị tị sắp đặt vài việc. Chị đến nhà em, nói lời vĩnh biệt Mẹ: "Con đến thăm Mẹ lần này là lần cuối cùng. Con sẽ không bao giờ gặp lại Mẹ nữa. Mẹ phải niệm lục tự Di Đà luôn miệng, vừa niệm Phật vừa lần chuỗi. Con tặng Mẹ bức ảnh Tam-Thánh chính giữa là Đức Phật A Di Đà, hai bên là Đức Đại Thế Chí và Đức Quán Thế Âm mà con đã thỉnh nơi chùa Đài Loan. Mẹ phải để bức ảnh này trên đầu giường, luôn luôn niệm Phật". Dịp này chị cũng cho vợ chồng em bức ảnh Đức Phật A Di Đà mà chính chị cho vào khuôn gỗ quý.

Trong phòng của chị chỉ kê một giường ngủ, không nệm, nơi đầu giường để ảnh Tam-Thánh. Cạnh đầu giường để một chiếc ghế. Chiếc ghế này chỉ để dành cho quý Thầy, quý Cô đến trợ niệm cho chị, chỉ cần một Thầy hoặc một Cô mà thôi. Chị không dùng thuốc nữa, không nghe điện thoại, không tiếp bạn bè, thân quyến, không tiếp cả ba đứa cháu ngoại gồm một trai và hai gái, chỉ tiếp quý Thầy, quý Cô, không nói chuyện này chuyện nọ với quý Thầy, quý Cô, chỉ thỉnh một Thầy hoặc một Cô đến ngồi vào chiếc ghế duy nhất ấy để niệm lục tự Di Đà hoặc tụng kinh Vô-Lượng-Thọ.

Ba đứa con gái của chị đoán chừng chị sắp ra đi vĩnh viễn nên cả ba đều xin phép nghỉ giả hạn không lương để thay phiên túc

trực săn sóc cho chị cả ngày lẫn đêm - Bệnh ung thư tiếp tục hành hạ chị - Liệu thuốc Kemotherapy khiến cho chị rụng tóc, ốm đi, chỉ còn da bọc xương - Chị không ra khỏi phòng, đến giờ thọ thực, con của chị đem cơm, canh vào cho Mẹ, rồi bước ra khỏi phòng, nếu ở nán lại, không được phép nói bất cứ chuyện gì, phải ngồi vào ghế, niệm lục tự Di Đà hoặc tụng kinh Vô-Lượng-Thọ. Chị luôn miệng niệm "sáu chữ", tha thiết khẩn cầu Đức Phật A Di Đà như con thờ rớt xuống hố sâu kêu cứu Cha và Mẹ.

Vài ngày trước khi chị mất, quý Thầy, quý Cô từ chùa Đài Loan, Richardson, đến thay phiên trợ niệm cho chị đến khuya. Những ngày cuối cùng ấy, chị rất ốm, nhưng đôi mắt rất sáng đầy vẻ tinh anh mặc dầu hơi thở càng ngày càng yếu dần, nhưng lúc nào cũng niệm Phật. Cho đến lúc mỗi chị chỉ mấp máy, nhưng mọi người chung quanh đều biết chị vẫn còn đang niệm "sáu chữ".

Về sau, Thầy Thích Trí Hiền nói với tôi:

- Đang lúc chị Tuyết hấp hối, Thầy vừa niệm Phật vừa sờ vào trán của chị ấy, thấy hây còn nóng, Thầy biết chị ấy sẽ vãng-sanh. (9)

Anh Đức kể tiếp

- Đến ngày 28 tháng 2 năm 1996, vào lúc mười một giờ trưa, chị Sáu của em trút hơi thở cuối cùng. Vừa lúc ấy một luồng ánh sáng lạ chiếu vào phòng chị, sáng khắp cả nhà. Đồng thời có mùi thơm lạ thơm khắp cả nhà. Nhưng vợ chồng em và con của em không thấy ánh sáng lạ ấy cũng không ngửi được mùi thơm lạ ấy vì như em đã nói với anh, vợ chồng và con của em mãi đến bây giờ rười rượi mới đến nhà chị em.

Chị của em đã xin phép Bác sĩ được để thi hài tại nhà trong thời hạn hai mươi bốn giờ đồng hồ, thể theo cổ tục của người Trung Hoa. Bác sĩ ưng thuận và đã ký giấy phép. Trong suốt hai mươi bốn tiếng đồng hồ ấy không ai được phép sờ, vào thi hài của chị. Theo lời khuyên của quý Thầy, không ai được phép khóc lóc, kể lể. (Trong "Liễu Sanh Thoát Tử, Cú sĩ Lưu Dịch Nguyên đã dẫn dò rõ ràng: "Chỉ có một điều rất cần là: gia nhân quyền thuộc phải dè dặt chỗ có khóc lóc rộn ràng. Vì sợ làm cho kẻ chết bị tình thương lời quẩn, tham đắm theo cảnh thế gian, chướng ngại cho sự vãng sanh vậy; cũng không nên gấp rút động dấy như dọn dẹp mền nệm, chùi rửa, thay đổi quần áo và nhập liệm. Nếu không theo như thế, thì khi nghiệp thức chưa hoàn toàn bỏ thân, bị xúc động phải cảm thọ sự đau đớn nhân đó mà sinh ra sân-hận tức phải đọa vào ác đạo") (10). Trong suốt thời gian ấy và về sau nữa chỉ có tiếng niệm Phật của nhiều người, niệm liên tục không dứt suốt cả ngày đêm.

Bốn ngày sau, khi vài người chạm vào thi hài của chị em để đưa đến nghĩa trang Restland, nhục thân của chị vẫn còn mềm dịu, không một chút mùi hôi nào xông lên. Khi đoàn người đưa linh cữu của chị em đến nghĩa trang ấy, trước giờ làm lễ hỏa táng, một lần nữa mọi người lại được ngửi thấy mùi hương lạ từ trên cao tỏa xuống. Ngày hôm sau quý Thầy, Cô và các cháu của em trở lại nghĩa trang Restland để lấy tro, bồng tất cả đều thấy có xá-lợi lẫn lộn trong mộ tro ấy. Đại Đức Wu-Kai đem xá-lợi ấy về chùa Tàu

ở Richardson để trên điện thờ dưới chân ảnh và tượng Tam-Thánh.

Vài ngày sau tôi đến ngôi chùa Tàu tại Richardson. Bên cạnh ngôi chùa Tàu là đền thờ Khang trang và cổ kính với dòng chữ Amitabhà House (Điện thờ Đức Vô Lượng Quang Phật tức Đức Phật A Di Đà). Ngôi chùa Tàu ấy mang tên Dallas Buddhist Association, còn gọi là Tịnh-Trung Học-Viện, tọa lạc tại Richardson. Tuy được tọa lạc tại Richardson nhưng tên ngôi chùa này vẫn dính theo chữ Dallas vì Richardson là một thị xã thuộc Bắc Dallas. Carrollton cách Richardson khoảng ba mươi dặm Anh. Khoảng 5 năm về trước hằng ngày bà Tuyết lái xe lướt đi lướt về khoảng sáu mươi dặm Anh một ngày từ Carrollton đến Tịnh-Trung Học-Viện, Richardson. (11)

Đến Tịnh-Trung Học-Viện tôi chiêm ngưỡng rất lâu những xá-lợi của bà, một phần được đặt nơi điện thờ Phật ở tầng trệt, một phần được đặt nơi điện thờ Phật trên lầu, còn một phần được đem về nhà riêng của bà để thờ.

Trong khắp Tịnh-Trung Học-Viện lúc nào cũng văng vẳng sáu chữ "Nam-Mô A-Mi-Thọ-Pho" do nhiều người niệm được phát ra từ cái máy niệm Phật (Buddha name Chanting machine). Tại ngôi chùa này luôn luôn có buổi lễ niệm "lục tự Di Đà" từ 9 giờ sáng đến 12 giờ trưa và từ 2 giờ đến 5 giờ chiều vào ngày Thứ Bảy và Chủ Nhật mỗi tuần dưới sự hướng dẫn của Đại Đức Wu-Kai. Bốn chữ "Ai Mi Thọ Phọ" có khi là "A Mi Thọ Phơ", có khi là "A Mi Thọ Phô" lúc khoan lúc nhặt theo tiếng chuông, tiếng mõ, đôi khi có chen lẫn tiếng trống lên bổng xuống trầm như một dòng nhạc bất tận. Trong suốt ba giờ đồng hồ ấy Phật tử được ngồi thiền hai lần, mỗi lần khoảng mười phút, được ngồi nghỉ ngơi tại chỗ hai lần, mỗi lần khoảng chừng trên 5 phút. Tất cả đều ngồi trước chánh điện niệm "Nam-Mô A Mi Thọ Phô", sau đó đi kinh hành trong chánh điện vừa đi vừa niệm Phật. Mỗi đầu buổi lễ tất cả đều tụng trọn cuốn Kinh A- Di-Đà mở đầu bằng câu: "Ru shr wuo wen. Yi shr fuo dzai she wei guo. Chi shu ji gu du yuen... *Như thị ngã văn, nhưt thời Phật tại Xá-Vệ-Quốc, Kỳ-Thọ Cấp-Cô-Độc Viên...*" Sau một thời niệm sáu chữ "A Mi Thọ Phô" (A Mi Tuo Fuo) trong suốt ba tiếng đồng hồ ấy tất cả tụng bốn câu cuối trong sám Tử Văn (còn gọi là Hồi Hưởng): "Yuan sheng shi fang jing tu jung. Jiou ping lien hua wei fu mu... *Nguyện sanh Tây Phương Tịnh Độ Trung. Cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu...* *Nguyện về Tịnh Độ một nhà, Hoa sen chín phẩm là cha mẹ mình...*", bài kệ tán-thán Phật: "A Mi Tuo Fuo shen jin se... *A-Di-Đà-Phật thân kim sắc...*", chú vãng sanh: "Na muo A Mi Duo puo ye... *Nam-Mô A Di Đà bà-già...*", sau cùng là bài Tam Quy: "Dz guei yi Fuo. Dang yuan jung sheng... *Nguyện quy y Phật, đường nguyện chúng sanh...*". Riêng Phật tử Việt Nam niệm "Nam-Mô A-Di-Đà-Phật", câu niệm này hòa lẫn trong câu "Nam Mô A Mi Thọ Phô" không chút chi trở ngại. Nơi đây tôi đã gặp bà Lynne Bolender, người Mỹ gốc Âu Châu, mặc bộ quần áo màu đen như tất cả Phật tử khác vừa lần chuỗi, vừa niệm luôn miệng

"Nam-mô A Mi Thọ Thọ". Bà cũng thường xuyên dự buổi lễ niệm "lục tự Di Đà" mỗi tuần. Vào một buổi chiều Thứ Bảy tôi cũng đã gặp ba người đàn ông Mỹ gốc Âu Châu, mặc quần áo màu đen dự lễ niệm Phật ấy.

Ít lâu sau tôi đến chùa Từ-Đàm, Irving, Texas, do Thầy Thích Tín Nghĩa trụ trì tôi cũng nghe sáu chữ "Nam-mô A Mi Thọ Thọ" được phát ra từ cái máy niệm Phật ấy. Cái máy này giống như cái máy Cassette nhỏ, loại bỏ túi, nhưng trong ấy không có băng cassette, chỉ có cái "chip" cho nên không ngại bị nhào băng, bị giãn băng hay bị đứt băng. Hiện nay tại nhà tôi cũng đã có cái máy ấy do Diệu Tấn thỉnh từ Tịnh-Trung Học Viện, Dallas.

Sư Cô Wu-Shian nói với tôi (chúng tôi trao đổi nhau bằng Anh ngữ vì quý Thầy và quý Cô trụ trì nơi chùa này đều là người Đài Loan):

- Xá-lợi do bà Tuyết lưu lại gồm có hai loại, một loại hơi tròn gọi là hạt xá-lợi, một loại dẹp tựa ra nhiều nhánh như san-hồ được gọi là bông xá-lợi hay san-hồ xá-lợi - Tất cả được gọi chung là xá-lợi. Như anh đã thấy những xá-lợi ấy có cái màu trắng, có cái hơi ngả, ngoài ra có những xá-lợi màu trắng nhưng có đường chỉ màu đỏ, hoặc có đốm màu xám, hoặc có đốm màu đen tuyền, có hạt, màu xanh lục như cẩm thạch, có hạt màu đỏ tươi như máu. Còn xá-lợi của Đức Phật Thích Ca rất nhiều hạt có đủ năm màu (ngũ sắc xá-lợi) lóng lánh, tuyệt đẹp.

Sư cô Wu-Shian, sau một lúc trầm ngâm, nói với tôi:

- Ngay cái giây phút linh thiêng ấy, Bồ Tát không còn mang bất cứ một tên nào khác nữa.

Vừa nghe Sư cô nói thế lập tức những lời thuyết giảng của Đức Phật Thích Ca, trong Đại Bát Niết Bàn Kinh, về chôn ngà và bốn đức của chôn ngà: thường, lạc, ngã, tịnh hiện bày rất rõ rệt trước ý thức tôi như những lần chỉ trên bàn tay của tôi.

Vài ngày sau, cháu Lý-Thị Ngọc-Bích, cử ngụ tại đường Crosby, Carrollten, sinh viên trường Brookhaven College, Dallas, đến nói với tôi:

- Hôm qua cháu đã đến chùa Đài Loan tại Richardson để chiêm ngưỡng ngọc xá-lợi-phất của bà Tuyết.

Tôi chậm rãi giải thích:

- Đó là xá-lợi. Người Anh gọi ngọc xá-lợi do Đức Phật Thích Ca lưu lại là "precious geur sarira"; sarira, chữ Phạn có nghĩa là linh-cốt, hoặc còn gọi một cách đơn giản là Buddha relic. Còn Xá-Lợi-Phất là tên một vị đại đệ tử của Đức Phật Thích Ca, thủ tọa của pháp tràng. Bác sẽ đưa cho cháu cuốn Xá-Lợi-Phất của Thích Nữ Trí-Hải.

Bạn của tôi, Lê-Văn-Đặng, cựu giáo sư Vật-Lý và Hóa Học tại trường Trung Học Nguyễn-Đình-Chiếu, Mỹ Tho, thuộc nhỏ tụng kinh A-Di-Đà cử tụng ba chữ "Xá Lợi Phất!" có nghĩa là: "Đây là lời Phật dạy".

Cháu Ngọc Bích hỏi tôi:

- Thưa bác, chữ xá-lợi còn có nghĩa gì khác nữa?

- Xá lợi còn là tên một loài chim màu sắc xinh đẹp lạ thường ngày đêm diển nói pháp màu trên cõi Tây Phương Cực Lạc. Chim ấy là do Đức Phật A Di Đà biến hóa ra.

Buổi tối hôm ấy tôi đọc lại đoạn kinh trong "Kinh Nhứt Thiết Như Lai Tâm Bí Mật Toàn Thân Xá Lợi Bảo Nhiếp Ấu Đà-La-Ni" để hiểu thêm một nghĩa nữa của hai chữ "xá-lợi". Đoạn kinh ấy dài 12 trang được tôi tóm tắt như sau: "Có một thời Đức Phật ngự tại nước Ma-Già-Đà. Một ngày nọ Đức Phật đến khu vườn Phong Tai gặp một cổ tháp xưa hư nát như một đồng đất cũ. Đức Phật lễ đồng đất cũ ấy, nhiễu quanh ba vòng và rời lệ. Đức Phật khóc là vì trong cổ tháp mục ấy (xưa kia là một đại bảo tháp) có chứa Bảo Khiếp Ấn Đà-La-Ni. Ấn Đà-La-Ni này cực kỳ quý báu như "đại toàn thân xá-lợi của Như Lai". Nhân dịp đó, Đức Phật bảo rằng vào cuối đời mạt pháp giáo pháp của Ngài bị ẩn mất chủ không bị hoại diệt giống như trường hợp Bảo Khiếp Ấn Đà-La-Ni này vậy". (12)

Trong kinh Pháp Hoa, Đức Phật cũng đã thuyết: "*Pháp bửu ở đâu không khác gì châu thân xá-lợi của Phật*". Pháp bửu tức là tất cả những kinh điển mà Đức Phật đã thuyết trong suốt hơn 49 năm. Tất cả những kinh điển ấy chính là châu-thân hay pháp-thân xá-lợi của Phật.



Tuần sau tôi lại đến Tịnh-Trung Học Viện lần nữa. Lần này tôi gặp cháu Trần-Ái-Nhi, ái nữ của bà Tuyết. Cháu Nhi thường xuyên đến ngôi chùa này, mặc áo tràng màu đen, niệm Phật, tụng kinh, ăn trai. Cháu Nhi nói với tôi:

- Để cháu nói về mùi hương lạ và ánh sáng ấy cho bác nghe. Mùi hương lạ ấy tỏa khắp nhà của cháu và tỏa xuống nghĩa địa Restland. Người này cố gắng tà mùi hương ấy cho người khác nghe thì hóa ra mỗi người đều ngửi mùi hương ấy một cách khác nhau. Thật là huyền diệu lắm, thưa bác.

Nghe cháu Nhi nói đến mùi hương lạ ấy tôi bỗng nhớ đến Thượng Tọa Thích Thiện Tâm trong Niệm Phật Thập Yếu bảo rằng mùi hương lạ ấy không giống mùi trầm-đàn cũng khác với hương lan.

- Còn ánh sáng?

- Bác còn nhớ thời tiết vùng Carrollton vào cuối tháng hai năm nay?

- Vâng, bác nhớ rõ lúc ấy vùng bắc Carrollton vẫn còn mùa đông, lạnh, âm-u, nhiều mây đen, thỉnh thoảng có mưa, nhiều ngày không có ánh mặt trời.

- Vậy mà trong nhà của cháu, vừa lúc Mẹ của cháu thở hơi cuối cùng đầu đầu cũng

sáng trưng. Ánh sáng huyền diệu ấy không cho bóng.

Nơi Tịnh-Trung Học Viện có bài viết bằng hán-tự "Vãng sanh Cực lạc chuyên tập chỉ như" của Đại Đức Wu-Kai (Rev. Wu Kai) về trường hợp được vãng sanh của bà Huỳnh-Ngọc-Tuyết. Bài viết này được hai liên-hữu Lý-Tuyết-Mai (Dallas) và Châu-Gia-Vi (Colony) chuyển sang Việt ngữ.

Trong bài viết này Đại Đức Wu Kai tường thuật lại năm năm cuối cùng của bà Tuyết (lúc trước bà cũng thường xuyên đến chùa Pháp Quang, Grand Prairie) từ lúc bà đến Tịnh-Trung Học Viện khởi sự tu, làm nhiều công quả, bố thí, cúng dường cho đến khi bà lưu lại xá-lợi - Thầy khen bà Tuyết là một người mẹ hiền, một người con hiếu thảo, một người bạn quý. Thầy khuyên Phật tử cố gắng niệm lục tự Di Đà càng nhiều càng tốt: "Bạn có biết người bị bệnh trầm trọng (như bà Tuyết) mở miệng niệm lục-tự Di Đà cảm thấy khó khăn. Câu đó (lúc bấy giờ) rất khó phát âm mà bà cũng ráng niệm. Bà rất sợ quên câu đó. Một hôm, muốn đi ngủ, nhưng hễ ngủ thì không niệm Phật được, phải làm sao đây? (Bà tiếc rằng trong lúc ngủ không niệm Phật được). Bà nói rằng bà bị bệnh nặng, bệnh khó như vậy mà còn niệm Phật được, còn những người còn trẻ, còn khỏe mạnh sao lại không chịu niệm lục tự Di Đà?".

Niệm Phật không ngừng nghỉ như bà Tuyết với "nhứt tâm bất loạn" tức là "niệm Phật tam-muội". Thượng Tọa Thích Trí Hiền đã giải thích hai chữ "tam-muội" cho tôi nghe như sau:

- Niệm Phật tam-muội tức là niệm Phật một cách an-nhiên, tự tại... Trong lúc niệm Phật, hành giả không còn nghĩ điều gì khác, không có một tạp-niệm nào xen vào. Cho chí đến giây phút cuối cùng lâm chung cũng phải niệm Phật liên tục, không ngừng nghỉ. Người nào niệm Phật như thế mà không được vãng sanh thì cứ lấy gươm bén hoặc dao bén chém đứt đầu của Thầy - Thầy đã từng thề thốt như vậy nhiều lần trong những lần Thầy thuyết pháp tại chánh điện chùa Pháp Quang - (13)

Tôi nhớ lại Cử sĩ Trần-Phong-Sắc, quê ở Long An, tác giả cuốn Lão-Nhơn-Đắc-Ngộ, cũng đã buông lời thề thốt như trên: "... niệm Phật ngày đêm cho tôi lâm chung, thời thấy Phật nước (...). Cách (niệm Phật) này độ vượt hết. Tôi cứ theo pháp Tịnh Độ trong Kinh Đại-Tạng lập ra mà độ giúp với Phật, "độ tận chúng sanh". Nếu bày huyền hoặc, gạt dối cho mất công vô ích, tôi thề bị hủy hết công tôi trường trai bốn mươi sáu năm, thác bị cầm hồn tại địa ngục, ba mươi muôn năm mới được đầu thai làm ong kiến. Tôi ước nhiều vị khuyên độ tận tâm như tôi". (14) (Về cuối đời, Cử sĩ Trần Phong Sắc biết trước ngày ông vĩnh biệt cõi uế-độ, "cõi đầy đầy những điều khổ sở, những sự không lành" (15), cõi mà Đức Phật gọi là cõi "uế-ác" (16)

Xưa, Ngài Trí Húc Đại Sư cũng buông lời sắc bén hơn thế nữa: "Đúng như vậy (niệm Phật tam-muội) mà không được vãng sanh thời tam thế chú Phật là vọng-ngữ" (17). Ba lời nói đoan chắc trên đây giống như mũi gươm nhọn Thái-A chạm vào lòng khiến tôi không thể nào lùi bước. Nếu có thể mòn, sông có thể cạn, biển có thể hết nước nhưng tôi không bao giờ rời pháp môn niệm Phật.

Cho dù bị đẩy vào đồng lửa lớn cũng không bị thối thác.

Tóm lại, tôi hun đúc tín tâm trong tôi như người nông dân nuôi trâu mập, mạnh theo lời dạy của Tổ-Sư Đạo-Nguyên: "Người nên nuôi dưỡng trâu, cưỡng tráng". (Nhiều quân bảo-đồng ngưu phi trắng).

Trong cuốn: "Sự Chuyển Động Toàn Diện Của Tâm Thức Trong Tủ Tủng Phật Giáo..." Phạm-Công-Thiện đã để lại cho muốn thế hệ năm chữ: "chỉ cầu niệm Phật thôi". Trong khi niệm Phật chúng ta đã cầu vãng sanh rồi cho nên trong sách Phật gọi là "cầu mà không cầu", không cầu mà cầu". Lúc bấy giờ chúng ta đã thực hiện được "vô sở cầu hạnh", một trong bốn hạnh do đức Đạt Ma Tổ Sư truyền đạt: "bồi niệm tức là cầu rồi". Hiểu được như thế chúng ta mới lý-hội hết câu sau đây của Phạm Công Thiện trong cuốn sách nói trên: "sau cùng chỉ cầu niệm Phật thôi, chẳng cầu vãng sanh Cực-lạc gì cả, lúc ấy Tha-Lực chuyển hóa thành Vô-Lực: Vô-Lực chuyển thành Diệu-Lực của Không-Tính, và tất cả mọi Ý-Lực đã được hủy diệt, và tiếng "Nam Mô A Di Đà Phật" (Namo Amitàbhaya Buddhaya) trở thành tiếng kêu của Kê Giác Ngộ" (trang 98).

Niệm Phật với tâm bất loạn, một lòng không xao lãng, không có tạp-niệm xen vào, niệm cách an nhiên, tự tại, một cách tướng-tục không ngừng nghỉ, đó chính là niệm Phật tam-muội. Hòa Thượng Tuyên Hóa nói rõ ràng về niệm Phật tam-muội như sau: "Các bạn dùng chân tâm mà niệm Phật. Niệm một tiếng Phật thì hư-không sinh một đạo hào quang. Nếu bạn khẩn thiết chí thành niệm Phật thì đạo hào quang này sẽ biến-chiếu Tam-Thiên thế-giới, khiến cho không khí trong ba ngàn Đại Thiên thế giới trở nên kiết tủng - bao nhiêu thủ không khí, ô nhiễm, độc địa, tai ương đều biến cái hết.

Kẻ tu pháp niệm Phật phải ở mọi thời mọi nơi niệm không gián đoạn, không ngừng nghỉ sáu chữ "Nam-Mô A Di Đà Phật". Lúc tỉnh niệm, lúc ngủ cũng niệm. Sáu chữ hồng danh "Nam-Mô A-Di-Đà Phật" phải niệm làm sao mà cắt không đứt, bẻ chẳng gãy, lấy kiếm chém chẳng đoạn. Phải dùng sức kiên-cố như kim-cuồng. Nếu bạn không cách gì phá hoại nổi chuỗi hồng danh "Nam-Mô A-Di-Đà Phật" thì đó mới gọi là thực hành "Tam-Muội Niệm Phật". Niệm Phật như vậy thì niệm kinh, trì chú cũng như thế (18). Người nào niệm Phật tam-muội như thế khác nào đã chứa sẵn châu báu trong ché áo. Trong đoạn văn trên, Hòa Thượng Tuyên Hóa nói: "Niệm Phật như vậy thì niệm Kinh, trì chú cũng như thế", nghĩa là hành giả vừa thực hành Tam-Muội Niệm Phật vừa thực hành niệm Kinh và trì chú - chú vãng sanh còn gọi là "vãng sanh quyết định chơn ngôn" hoặc chú bát nhã rất dễ thuộc, Ba tôi đã dạy cho tôi chú vãng sanh lúc tôi chưa được tám tuổi, chỉ chưa đầy một buổi, tôi đã thuộc lòng chú ấy - khác nào như voi mọc thêm móng vuốt cạp học trên đầu sử tử bỗng được gắn thêm cặp sừng trâu.

Tôi nói với Thượng Tọa Thích Trí Hiền:

- Thầy đã có được tín-tâm cực kỳ mạnh mẽ.

- Phải, có tín-tâm mới có nguyện thiết, như vậy Thầy mới truyền thụ tín tâm vững

mạnh, rắn chắc ấy cho Phật tử và chỉ cho họ cách nguyện-thiết.

Trở lại bài viết của Đại Đức Wu-Kai. Đại Đức viết: "Bà Tuyết là một Phật tử cung kính Tam-Bào, quá đạo tràng, lập hạnh bố thí, cúng dường... Năm cuối cùng, 1995, vì uởng phải bệnh nan y bà không tới lui chùa nữa. Bà quyết tâm thoát khỏi ác mộng của lục đạo luân-hồi, sanh-tử luân-hồi... Bà quyết tâm thoát khỏi tam-giới. (19). Bà bỏ hết tất cả kinh sách (bà đã thuộc lòng cuốn Kinh Vô-Lũng-Thọ), chỉ luôn luôn niệm lục tự Di-Đà. Bà rất nhớ, rất thương ba đứa cháu ngoại, nhưng bà không muốn gặp chúng nó. Bà chỉ muốn gặp ba đứa con gái. Bà không muốn gặp bất cứ người nào khác. Bà không bắt điện thoại. Mấy tháng cuối cùng chỉ có sáu Thầy của Tịnh-Trung Học Viện, Dallas, đến nhà hộ niệm. Bà quyết tâm vãng sanh Cực Lạc. Bà chặt đứt tất cả tình cảm, vật chất; ngoài con đường giải thoát bà không còn muốn gì nữa. (Bà đã nói rằng) nếu không đứt tất cả thì minh đi không còn kịp nữa".

Trong cuốn Niệm Phật Thập Yếu, Thượng Tọa Thích Thiên Tâm đã ân cần dặn dò tất cả hiện hữu: "Nên nhớ khi bệnh đã nặng, hành giả phải buông bỏ tất cả mọi việc xung quanh, cho đến chính thân-tâm của mình, chỉ chuyên nhứt niệm Phật, một lòng mong cầu vãng sanh Tây Phương. Làm như thế, nếu thọ-mạng đã hết, quyết được vãng sanh" (20).

"Chặt đứt tất cả", trong kinh Phật gọi là "Vĩnh ly thân tâm não" : Vĩnh viễn xa lìa những khổ não của thân; vĩnh viễn lìa xa những khổ não của tâm.

Phật tử phải quyết chí nhập-lưu lập tức nếu không "sẽ không còn kịp nữa", vì cái chết đến với tất cả mọi người một cách bất chợt, thỉnh linh, không hẹn trước như một tên trộm. Đừng bao giờ hẹn lần hẹn lữa, đừng bao giờ nói rằng nay tôi còn trẻ mà, tôi chưa già, tu chỉ cho sớm. Cổ-đức có câu: "Đừng tưởng tuổi già mới niệm Phật, Đờng xanh mờ trẻ thấy đông nhiều". Cho nên ở bất cứ tuổi nào Phật tử cũng phải tu ngay lập tức, nếu là liên-hữu của pháp môn Tịnh-Độ thì "chỉ cầu niệm Phật thôi" càng nhiều càng quý, thêm vào đó phải trường trai, nếu trường trai không được thì ăn nhiều ngày trai trong tháng để tránh phạm tội sát sanh. Phải tu một cách nghiêm túc như thế, chuẩn bị tử lương cho chuyển ra đi cuối cùng của chính mình, không được phép tu lên tu xuống, tu quanh tu quẩn, tu qua tu lại, tu tới tu lui, tu lạp-xạp, lúc tu lúc không, tu lấy lệ, "tu tà tà" như Phạm-Công-Thiện đã khuyến cáo trong cuốn sách Phật Giáo nói trên. Nói cách khác, Phật tử chân chánh phải chọn một pháp môn và chỉ một pháp-môn trong tám vạn bốn ngàn pháp-môn do Đức Phật để lại. Sự lựa chọn này giống như chim ưng sau khi bay vài vòng trên bầu cừu, bỗng nhanh như chớp sa xuống quặp lấy một con, cất cánh bay thẳng không quay đầu nhìn lại.

Gia đình tôi đã chọn pháp môn Tịnh-Độ tức Niệm-Phật môn tử cả chục năm nay. Đứa cháu nội trai của tôi lúc gần ba tuổi đã biết "tử tự". Vài năm trước đây, câu nói sau đây của Ấn Quang Đại Sư đã khiến cho tín-tâm trong chúng tôi càng thêm vững mạnh hơn nữa: "Sự lợi ích như thế (được Cực lạc Tam Thánh tiếp dẫn vãng sanh) trọn một đời giáo

hóa của Phật, trong trăm ngàn muôn ức pháp-môn, chỉ thấy ở môn Niệm Phật". (Lá Thơ Tịnh Độ, Liên Du dịch, trang 12).

Đại Đức Wu-Kai kể tiếp: "Khuôn mặt của bà càng ngày càng ốm dần, thể lực yếu, chỉ còn da bọc xương, nhưng đôi mắt rất sáng, lanh lợi, vẻ mặt trang nghiêm như lúc còn khỏe mạnh. Bà không chịu uống thuốc, không muốn ăn, ít ngủ. Trước khi bà ra đi vĩnh viễn, chỉ có Pháp Sư (người Thầy giảng Phật Pháp) của Tịnh-Trung Học Viện đến nhà bà, bà không muốn người ngoài đến trợ niệm. Bà muốn rằng tám giờ đồng hồ sau khi bà mất con của bà mới báo tin cho thân nhân biết. Trong suốt hai mươi bốn tiếng đồng hồ không ai được chạm tới nhục thân của bà. Bác sĩ đã cho phép được để nhục thân của bà tại nhà trong suốt hai mươi bốn tiếng đồng hồ - Tại nước Mỹ, theo thông tục, người vừa mới qua vãng phải được đưa vào nhà quàng lập tức - Đức Phật đã dạy rằng sau hơi thở cuối cùng thân thức chưa rời khỏi thân xác. Ít nhất, sau tám tiếng đồng hồ mới được di chuyển nhục thân. Trong tám tiếng đồng hồ ấy không thay quần áo, không tắm rửa, không đưa vào phòng lạnh, không ai được chạm tới nhục thân".

Bạn đọc chịu khó đọc đoạn văn sau đây trong Niệm Phật Thập Yếu của Thượng Tọa Thích Thiên Tâm, trang 281: "Người mới tắt hơi, điều thiết yếu là không nên vội di động. Hoặc kẻ chết thân mình dính chất dờ cũng không nên gấp lau rửa, phải đợi qua tám tiếng đồng hồ, hay ít nhất cũng ba giờ, mới được tắm rửa thay đổi y phục. Trước và sau khi chết, người thân không được khóc lóc. Bồi khóc là vô ích mà lại có hại, vì làm cho kẻ mạng chung sanh niệm quuyến luyến, không được giải thoát. Chỉ nên gắng sức niệm Phật mới thật có ích cho vong-nhôn. Nếu muốn khóc lóc phải đợi tám giờ sau. Tại sao thế? Vì bệnh nhôn tuy tắt hơi nhưng thức-a-lại-da còn chưa đi. Nếu khi ấy lay động, tắm rửa, thay y phục, hoặc kêu khóc, họ vẫn còn cảm giác đau đớn hoặc sanh buồn giận bi thương mà phải sa đọa. Điều này rất quan hệ rất cần thiết, nên để ý ghi nhớ kỹ (...). Sau khi bệnh nhôn tắt hơi, người trợ niệm vẫn phải tiếp tục niệm Phật cho đến ba giờ đồng hồ sau, để cho sự vãng sanh được bảo đảm. Trợ niệm xong, liền đóng cửa phòng lại cho kỹ, kéo loaì mèo, chó hoặc kẻ không am hiểu đổ xô vào xúc chạm, dội mần tám giờ sẽ tắm rửa, thay đổi y phục. Nếu luôn trong tám giờ, có người ở gần bên niệm Phật, là điều rất tốt. Ngoài ra cấm tuyệt không nên làm điều chi khác. Xin nhắc lại trong khoảng thời gian này, người chết vẫn còn cảm giác".

Song song với chủ trương "sống-là-sống-vi-người-khác" (être-c'est-être-pour-autrui), Jean Paul Sartre, triết gia Pháp thế kỷ 20, còn có quan niệm "sống-là-sống-với" (être-c'est-être-avec). Thật vậy, hầu như không ai sống lẻ loi, cô độc. Robinson Crusse, nhân vật chính trong tiểu thuyết của Daniel Defoe, lúc đầu sống sót trên hoang đảo một mình nhưng về sau cũng sống với anh chàng thổ dân chồn chất, thật thà. Do vì "sống-với-người-khác" cho nên mỗi người đều có tình cảm kết chặt vào những người khác ấy, như tình ông cháu, tình cha con, tình mẹ con, tình anh em, tình chị em, tình thân quyến, tình thầy trò, tình láng giềng, tình vợ chồng,

tình đồng hướng, tình dân tộc, tình bằng hữu... Nhưng đến giây phút lâm chung, chúng ta phải có can đảm dứt hết tất cả những tình ấy. Lúc bấy giờ không còn "sống-với" ai cả, không còn "être-avec", không còn "live with" gì nữa hết, chỉ có tâm ta với tâm Phật giao tiếp nhau, tiếng niệm Phật của người sắp lâm chung cùng tiếng hộ niệm của những người chung quanh khác nào tiếng ghé đi lạc gọi mẹ không ngừng nghỉ. Tình vợ chồng là một trong những tình quý báu trên cõi thế này, chúng ta cũng phải có can đảm dứt luôn, như vậy bản nguyện của chúng ta mới thành tựu được. Chẳng hạn, Cú sĩ Trần Bình lúc sắp về cõi Tây Phương Cực Lạc, vợ đến gần ông, ông khoác bảo đi (21). Vợ của ông cũng trưởng trai niệm Phật, về sau xuất gia làm Ni.

Tôi xin ân cần, trân trọng nhắc lại một lần nữa: Không ai được phép kêu khóc bên cạnh thi hài của người vừa mới mãn phần. Cú sĩ Thiện Tâm dặn dò mọi người rất rõ ràng bằng lời lẽ mộc mạc, đơn sơ như sau: "Nhứt là dặn người nhà, lúc ngặt mình, người bệnh niệm Phật, nội nhà niệm tiếp, cấm không cho kêu khóc. Nếu kêu khóc thì Phật-Di-Đà trở về không rước, rất uổng công tu. Có việc chi cần thì trở trước, đừng để tới chừng đó, làm rộn cho người bệnh, loạn tâm xáo lãng sự niệm Phật, khó vãng sanh". (Con Đường Tu Tắt, Pháp Môn Tịnh Độ, sách đã dẫn, trang 51).

Trong bài viết này của tôi, tôi lập đi lập lại vài điều khẩn yếu sau khi một người vừa mãn phần, ước mong không làm nhảm tai, xốn mắt bạn đọc vì tôi nghĩ những nghi thức ấy hết sức quan yếu và hữu ích. Điều cần nhứt là không được khóc than, kể lể bên cạnh nhục thân của người quá vãng. Đức Phật đã dạy rằng khóc lóc, kể lể cho lảm bèn cạnh người chết là điều vô ích, vì làm như thế người chết vẫn không sống lại được. Hãy tuyệt đối không khóc, không than, không kể lể, với tín tâm mãnh liệt hãy niệm tưởng tục "Nam Mô A Di Đà Phật" bên cạnh người vừa mới mãn phần. Boris Pasternak trong tiểu thuyết Bác Sĩ Zivago đã nói rằng trong đời người có hai lần quan trọng nhứt: lần kết hôn và lần nằm sâu dưới lòng đất lạnh. Lần đầu tiên, cả hai vợ chồng trẻ sửa sửa đây đủ từ lương để sẵn sàng cho một cuộc đời mới. Lần sau cùng, mỗi người phải ra đi một mình, cũng phải sửa sửa ít nhiều hay dư dả từ lương trước khi cất bước và người ở lại phải có bổn phận thêm từ lương cho người vừa mới thờ hời cuối cùng.

Người mình có câu: "khóc như khóc đám ma". Ấy, cái câu nói ấy đã sai rồi, không nên như thế, trăm vạn ngàn lần không nên khóc lóc, kể lể bên cạnh bất cứ một thi hài nào. Hãy chuyển lập tức những lời than, tiếng khóc thành câu niệm Phật hoặc đọc lớn chú vãng-sanh để hộ niệm cho người vừa mới nằm xuống.

Nói tóm lại, chết là việc hết sức hệ trọng của đời người, chúng ta không nên xem thường nghĩa là không được phép làm trái với những điều trong kinh Phật và trong sách Phật đã dạy.

Trong bài viết của Đại Đức Wu-Kai, theo tôi, có ba đoạn văn quan trọng nhứt. Đây là đoạn văn quan trọng thứ nhứt:

"Ngày 28 tháng 2 năm 1996 vào lúc 7 giờ 20 sáng, Trần Ái-Nhi gọi điện thoại cho Pháp Sư Tịnh-Trung Học Viện bảo rằng mẹ của cháu sắp mất. Tám giờ rưỡi Pháp Sư đến, vào phòng của chị, bắt đầu hộ niệm. Lúc bấy giờ bà Tuyết chỉ còn thở rất yếu, không nhúc nhích nữa. Sau mười một giờ trưa, ánh sáng có màu giống như màu hạt gạo vàng chiếu xuyên qua cửa sổ qua tấm màn màu trắng. Cả gian phòng đều sáng rực. Vừa khi ánh sáng xuyên vào phòng lập tức khuôn mặt của bà Tuyết thay đổi. Ngày hôm ấy là một ngày u-âm, không có ánh sáng mặt trời. Căn nhà kế bên thật cao. Cả năm không có ánh sáng chiếu vào nhà của bà, nhà của bà thường âm-u. Bấy giờ toàn nhà đều sáng rực. Hoàn toàn sáng rực những không có bóng của mình -(Ánh sáng lạ ấy) sáng hơn ánh sáng mặt trời. Không thể nói được. Chữ nghĩa dân gian không thể tả được ánh sáng ấy. Ánh sáng ấy chiếu qua (người và vật) liền làm mất tất cả bóng (của người và vật). Trong Kinh Vô-Lượng-Thọ, Đức Phật đã thuyết: "A Di Đà Phật tức là Vô-Lượng Quang Phật, Vô-Biên Quang Phật, Vô-Ngay Quang Phật, Vô-Đẳng Quang Phật... Trí Huệ Quang, Thường Chiếu Quang, Thanh Tịnh Quang, Hoan Hỷ Quang, Giải Thoát Quang, An Nhãn Quang, Siêu Nhứt Nguyệt Quang, bất tư-nghi quang, như-thị quang minh cùng chiếu khắp thập phương thế giới". Vào lúc 11 giờ 23 phút bà Tuyết đi vào thế giới Cực Lạc. Bà đi trong ánh hào quang của Phật một cách an nhàn, thanh thản (...). Ba đứa con gái của bà Tuyết biết rằng Mẹ đã được vãng sanh, cả ba đều vui mừng. Tình mẫu tử như thế, người ngoài khó hiểu được".

Một trong những hồng danh của Đức Phật A-Di-Đà là Vô-Lượng Quang Phật: "Chính trong tiểu bản kinh chữ Phạn Sukhāvati Vyūha, Đức Phật đã giải thích ý nghĩa danh hiệu Phật A-Di-Đà như sau: "Ô Sàriputta (Xá-Lợi-Phất), ông nghĩ thế nào, vì lý do gì bậc Như Lai (Tathāgata) ấy có tên là AMITĀBHA (A-Di-Đà)? Amitābha có tên như thế là vì Tựa Ánh Sáng Rực Rỡ (ĀBHA) của Ngài chiếu sáng lộng lẫy không ngăn ngại, chiếu sáng vô biên, vô hạn, vô lượng (AMITA) trên khắp cõi Phật". Chữ "amita" (vô lượng) kết hợp với chữ "ābha" (tựa sáng lộng lẫy) thành ra: "AMITĀBHA" (A-Di-Đà) mà Tàu dịch là "Vô-Lượng-Quang" (22).

Một trong vô-lượng-vô-biên TUA ÁNH SÁNG RỰC RỠ (ĀBHA) của Phật A Di Đà chính là ánh sáng giải thoát (giải thoát quang). Nghiệp thức của bà Tuyết đã nung theo ánh sáng cực kỳ huyền diệu ấy để đến nước An-Dưỡng.

Thượng Tọa Thích Trí Hiền nói với tôi:

- Ánh sáng huyền diệu ấy chính là Đức Phật A-Di-Đà, Đức Quán Thế Âm và Đức Đại Thế Chí tức Tây Phương Tam-Thánh "lai lâm phóng quang tiếp dẫn".

Ánh sáng mặt trời, ánh sáng mặt trăng, ánh sáng ngọn đèn chiếu vào vật gì đều cho bóng đen của vật đó. Ánh sáng màu nhiệm, bí ảo của Cực Lạc Tam-Thánh rọi xuống khắp nhà chiếu soi tất cả mọi vật nhưng không cho một cái bóng nào cả. Ánh sáng ấy thật là kỳ ảo, bí nhiệm, cho nên Đại Đức Wu-Kai bảo rằng ngôn ngữ của chúng ta không thể nào diễn tả được ánh sáng lạ ấy.

Trong những sách viết về pháp môn Tịnh Độ những soạn giả thường kể những câu chuyện vãng sanh có ánh sáng lạ của Tam-Thánh. Tôi kể ra đây hai trường hợp trong vô vàn trường hợp:

"Vào khoảng năm 1958, một cô giáo ở Chợ Lớn, 19 tuổi, quy y với vị Hòa Thượng Thích Khánh Anh (về sau Hòa Thượng được làm Pháp-Chủ Hội Phật Giáo Tăng Già Nam Việt). Cô giáo được đặt pháp danh là Diệu Tâm, cô ăn chay trường, nuôi mẹ góa, sớm chiều công phu niệm Phật. Ngày 14 và 30 có thường đến chùa lạy sám hối. Đến năm 21 tuổi bị bệnh, cô nhờ mẹ của cô rước thầy đến tụng niệm. Đến giờ lâm chung, cô bảo đồ ngồi đây, vì Quan-Âm Bồ-Tát đến rước, lúc ấy hào quang sáng rực trên nóc nhà. Lối xóm tưởng nhà cô giáo cháy chạy tới chữa lửa" (23).

Sứ-Ni Pháp-Thạnh họ Nghiệp, người Thanh-Hà. Năm 70 tuổi xuất gia tại chùa Kiến-Phước ở Kim Lăng. Cô bẩm tính rất thông minh, từng nói với các pháp hữu Đàm Kinh, Đàm Ái rằng: "Tôi lập thân hành đạo, quyết về Tây Phương Cực Lạc Thế Giới mà thôi".

Năm Nguyên Gia thứ 16 ngày 27 tháng 9, Ni-Cô đến dưới tháp lễ Phật, chiều ngày ấy nhuốm bệnh. Đến đêm 30 tháng 9, cả chùa trong ngoài bỗng sáng rực như ban ngày. Đại chúng đồng lấy làm lạ. Ni-Cô bảo: "Đó là Đức A-Di-Đà Phật cùng Quan-Thế-Âm và Đại-Thế-Chí đến nên sáng như vậy... Dứt lời, Ni-Cô im lặng. Chúng lại gần xem, thò ra cô đã ra đi. Thọ 72 tuổi, cô xuất gia mới được hai năm" (24).

Đọc những chương "tử chúng vãng sanh truyện" chúng ta gặp nhiều truyện vãng sanh trong đó Tây Phương Tam-Thánh phóng quang tiếp dẫn tất cả chúng sanh một lòng niệm Phật chí thành chí thiết: "Do vì quang minh của A-Di-Đà Phật chiếu khắp pháp giới nhiếp lấy chúng sanh niệm Phật không bỏ rời - Thánh và Phạm đồng thể, hễ có tâm niệm Phật thời Phật đến rước, đó là có-cảm tương-ứng" (25)

Và đây là đoạn văn quan trọng thứ hai trong bài viết của Đại Đức Wu-Kai:

"Ngày 4 tháng 3 năm 1996 đoàn xe tang đưa linh cữu của Tuyết vào nghĩa trang Restland, thuộc thị xã Garland, Texas, để làm lễ an táng. Mọi người làm lễ cáo biệt, tất cả tụng kinh A-Di-Đà để đưa Bồ-Tát ra đi. Lễ xong, đưa nhục thân của Bồ-Tát đến chỗ hỏa thiêu. Một đoàn xe đưa tiễn vừa đi vừa niệm Phật, bỗng từ trên không trung tỏa xuống mùi thơm không rõ từ đâu tới".

Cú sĩ Lưu-Địch-Nguyên trong "Liễu Sanh Thoát Tử" nói rằng có hai loại tiên tri cho người ngay khi vừa được vãng sanh Cực Lạc. Loại tiên tri thứ nhứt chỉ có người lâm chung mới thấy được như chánh báo, y báo trang nghiêm, hoa sen báu, Tây Phương Tam-Thánh... Loại tiên tri thứ hai khiến cho mọi người chung quanh đều thấy, đều nghe, đều cảm biết - Loại tiên tri này trong Kinh Phật gọi là thoại-ứng, ứng điềm hay ứng nghiệm - Trong Liễu Sanh Thoát Tử, Cú sĩ Lưu-Địch Nguyên kể ra mười thoại ứng. Nhưng theo Thiên Như Thiền Sư có đến muôn ngàn thoại ứng (26). Mọi người chung quanh kẻ lâm chung đều được thấy một hay nhiều thoại ứng này khiến cho tín tâm nơi họ

càng thêm sâu sắc hơn nữa: "Như vậy làm cho đời thấy nhân tiền tin chắc tu theo" (27).

Thượng Tọa Thích Trí Tịnh kể chuyện bà Lý-Thị-Cúc chuyên tâm cần mẫn niệm lục tự Di-Đà ngày và đêm trong suốt cả mấy chục năm... Sau khi bà Cúc vừa liễu đạo, trong tóc của bà có mùi thơm trầm phát ra ngát mũi. Tôi đã lược kể chuyện này trên tập-san Chân Nguyên số 26 và 27, tháng 8 năm 1995, trang 157.

Đọc tất cả truyện tích "tử chúng vãng sanh" trong *Đường Về Cực Lạc* của Thượng Tọa Thích Trí Tịnh chúng ta được biết nhiều trường hợp vãng sanh có mùi thơm lạ tỏa khắp. Chẳng hạn, "lúc Tế-Tĩnh Đại Sư, triều nhà Thanh, vừa viên tịch, cả chúng đồng nghe mùi hương lạ ngào ngạt" (trang 201). Đức Phật A-Di-Đà có "trăm nghìn thứ hương hiệp chung lại mà thành" và "mùi thơm xông khắp thập phương thế giới" (28).

Cuối thế kỷ 20, Vệ Tinh Nhân Tạo Khám Phá Vũ Trụ (29) do cơ quan Huê Kỳ Đặc Trách Các Vấn Đề Không Gian (30) chế tạo đã nhìn thấy cụm mây khổng lồ, làn sóng vi-ba điện tử tức vết tích của Big Bang cách trái đất của chúng ta một tỷ năm ánh sáng: "Vệ Tinh Nhân Tạo Khám Phá Vũ Trụ đã nhìn vào quá khứ cũng như đã nhìn vào không gian, quá khứ mà Vệ Tinh ấy đã nhìn ra là ba trăm ngàn năm về trước và khoảng cách trong không gian là một tỷ năm ánh sáng từ trái đất" (31). Theo Albert Einstein, vận tốc của ánh sáng đo được ba trăm ngàn cây số trong một giây. Trong một năm ánh sáng đi được 5888 tỷ dặm Anh. Từ đó bạn có thể tính được khoảng đường dài từ trung tâm trái đất của chúng ta đến vết tích của một Big Bang bằng cách lấy con số nói trên nhân cho một tỷ, nghĩa là xa, nhưng không phải xa lắm như bạn đọc sẽ thấy trong đoạn văn tiếp theo đây.

Từ trái đất của chúng ta đến cõi Tây Phương gồm muôn ức Phật độ mà "mỗi Phật độ gồm một nghìn triệu thế giới (một nghìn triệu thái dương hệ). Vậy thì xa lắm, xa không thể tưởng tượng được" (32). Một nghìn triệu thái dương hệ là một Phật độ mà khoảng cách từ trái đất của chúng ta đến cõi Tây Phương gồm muôn ức Phật độ. Tôi thử để ra mỗi ngày mười tiếng đồng hồ để tính khoảng cách ấy trong vài chục năm, tôi cũng không thể có được đáp số, vì con số ấy dài đến nỗi không thể viết hết ra được cũng không thể đọc lên được, cho nên chúng ta chỉ có thể nói rằng "xa lắm, xa không thể tưởng tượng được". Xưa, đức Mục-Kiền-Liên cậy mình có thần thông, thử dùng thần thông ấy để đến cõi Tây Phương Cực Lạc - Nhưng Ngài chỉ đến được cõi của đức Phật Tu-Di-Tưởng, rất gần với quốc độ Ta-Bà, nghĩa là chẳng đi đến đâu cả - Cho nên thần thức của mỗi chúng sanh không thể nào đến được cõi Tây Phương Cực Lạc vì quá xa xôi, xa không thể nào tưởng tượng được phải nương nhờ từ lực của Tây Phương Tam Thánh vì như một hạt cát nhỏ rơi xuống biển tất nhiên phải chìm sâu xuống đáy biển, còn một hay nhiều tảng đá lớn được chở trên thuyền lớn nên được đến bờ bên kia. Đoàn Trung Còn trong Phật-Học Từ-Điện (quyển 1, trang 194) đã nói một cách rõ ràng như sau: "Kìa đã có

sức ngoài mạnh mẽ vô ngần: sức cứu độ của Đức A-Di-Đà".

Xa xôi diệu vợi dường ấy, xa không thể nào tưởng tượng được nhưng chỉ trong một "loáng" Tây-Phường Tam-Thánh đến với con của các Ngài trong cõi uế độ này nói riêng và trong vô lượng biên giới thế giới khác nữa. Cho nên Thượng Tọa Tuệ-Nhuận viết: "Khi nào chúng ta lâm chung thì chỉ "một thoáng" là Phật, Thánh đem dì-hướng, thiên nhạc đến đón chúng ta đi". (33)

Thế nào là một "loáng"? Đối với chúng ta một giây, một tí-tắc đã là nhanh. Nhưng một giây lại được chia ra làm nhiều phần hơn nữa, Phật-ngôn gọi là một sát na, một phần rất nhỏ của một giây. Đến cuối thế kỷ 20 những nhà thiên văn học đã có ý niệm về một phần tỷ, tỷ, tỷ của một giây (mười lữ-thừa trừ ba mươi lăm giây) để chỉ vận tốc cực kỳ nhanh của cực-vi điện-tử trong sự nổ của Big Bang (34). Những nhà thiên văn học đã có ý niệm về một phần hết sức nhỏ của một giây, chỉ có ý niệm như vậy thôi chứ chưa thể phát minh ra được một máy móc cực kỳ tinh vi nào để đo được khoảng thời gian quá ngắn ngủi ấy. Cái khoảng thời gian một phần tỷ, tỷ, tỷ của một giây hay nhỏ hơn thế nữa, nghĩa là nhanh hơn thế nữa chính là một sát na hay một niệm (35). Chúng ta có thể tưởng tượng được chẳng hàng trời, người trong nước An Lạc của Đức Phật A-Di-Đà lướt nhanh như thế nào: "Lúc tôi thành Phật, nếu hàng nghìn thiên trong cõi nước tôi chẳng được thần-túc, khoảng một niệm, ít nhất là lướt qua khỏi trăm nghìn ức na-do-tha thế giới, thời tôi không ở ngôi Chánh giác" (36). Na-do-tha là đơn vị đo lường xưa tại Ấn Độ tưởng dường với một ực. Chỉ trong khoảng một sát na mà hàng nghìn thiên trên cõi nước An Dưỡng lướt qua trăm nghìn ức thế giới (một thế giới là một thái dương hệ) trong khi đó ánh sáng mặt trời phải mất 8 phút 31 giây để đi từ mặt trời đến trái đất khoảng đường chỉ 93 triệu dặm Anh. Ánh sáng mặt trời bị ngăn lại bởi hơi, khí trong vũ trụ, bởi mây và sương mà... trong vùng khí quyển.

Vào cuối thế kỷ 20, phi thuyền không gian chưa đi đến Kim Tinh, Mộc Tinh... của thái dương hệ chúng ta nghĩa là chưa đi đến đâu hết. Đến đây chúng ta được phép kết luận rằng đối với chư Phật trái đất của chúng ta và vết tích của Big Bang - cách nhau một tỷ năm ánh sáng - chỉ là láng giềng với nhau và vận tốc ba trăm ngàn cây số trong một giây chỉ là vận tốc của con rùa bị lật ngửa. Cho nên Nghiêm-Xuân-Hồng bảo rằng: "Cảnh giới siêu xuất của chư Phật được kết tập bởi những thủ quang-minh vi-diệu nhất, nhanh hơn ánh sáng rất nhiều" (37)

Tóm lại, vận tốc của ánh sáng mặt trời là thủ vận tốc tương đối, có giới hạn vì bị ngăn ngại còn "hào quang của Ngài vô-lượng, chiếu đến các cõi mười phương, không gì che ngăn được" (38). Cho nên Đức Phật A-Di-Đà còn có hồng danh là Vô-Ngai-Quang-Phật, ánh quang minh của Ngài xuyên thấu cả núi đá và sắt, thép, cực kỳ nhanh chóng không thể tưởng tượng nổi, không thể nghĩ bàn.

Và đây là đoạn văn quan trọng thứ ba trong bài viết của Đại Đức Wu-Kai:

"Ngày 5 tháng 3 năm 1996, chúng tôi đến phòng thiền (nơi nghĩa trang Restland)

để lấy tro, trong mộ tro ấy có xá-lợi gồm có hạt xá-lợi và hoa xá-lợi. Những xá-lợi này được đưa về Tịnh-Trung Học Viện, Dallas, để mọi người chiêm ngưỡng".

Đoàn-Trung-Còn trong Phật-Học Từ-Điện đã viết một cách khái quát về ngọc xá-lợi như sau: "Hồi Đức Phật Thích Ca được 84 tuổi, Ngài tịch gần thành Câu-Thi-Na. Chư đệ tử bèn đem xác Ngài lên giàn hỏa mà thiêu, tro tàn của Ngài thành ra từng viên đẹp đẽ và chiếu sáng như ngọc, kêu là xá-lợi".

Xá-Lợi của Đức Phật được để vào trong tám ché vàng, mỗi ché dung lượng một học. Tám ché vàng đựng Xá-Lợi của Đức Phật được đặt trên tám tòa sư tử được trang nghiêm bằng bảy báu (39).

Độc giả muốn biết thêm về Xá-Lợi của Đức Phật Thích Ca vui lòng đọc ba phẩm cuối của Đại Bát Niết Bàn Kinh: "Phẩm Ứng Tận Huân Nguyên, Phẩm Trà Tỷ, Phẩm Cúng Dường Xá-Lợi".

Trước khi nhập Niết Bàn, Đức Phật bảo Ngài A-Nan: "Này A-Nan! Nhân đến cung kính cúng dường một phần tư xá-lợi, một phần tám, một phần trăm, một phần ngàn, một phần muôn, một phần hàng hà sa, hoặc chững bằng hạt cải, người này được phước cũng đồng như người cung kính cúng dường đức Như-Lai hiện tại (...). Sau khi ta nhập Niết Bàn, tất cả chúng sanh hoặc thiên-thượng hay nhân gian, được xá-lợi của ta mà vui mừng thường cảm cung kính lễ bái cúng dường, thời được vô lượng vô biên công đức - Này A-Nan! Nếu thấy xá-lợi của Như-Lai thời là thấy Phật, thấy Phật là thấy Pháp, thấy Pháp là thấy Tăng, thấy Tăng là thấy Niết Bàn" (40)

Bài viết nào cũng có câu mở và lời kết. Câu mở đầu của bài viết "Vãng Sanh Cực Lạc Chuyên Tập Chi Nhũ" (Một trong những trường hợp vãng sanh trong tập sách này) của Đại Đức Wu-Kai như sau: "Một người đàn bà đã trải qua một đêm dài thăm thẳm". Và đây là lời kết của bài viết ấy: "Tứ giả Bồ-Tát, xin chúc mừng Bồ-Tát đã thoát khỏi một đêm dài luân hồi. Chúng tôi không để cho Bồ-Tát đợi lâu, chúng ta sẽ cùng gặp nhau trên cõi Tây Phương Cực Lạc". Cũng như hai chữ "một đêm" trong tựa đề "Đi Cho Hết Một Đêm Hoang Vu Trên Mặt Đất" của Phạm-Công-Thiện, hai chữ "một đêm" trên đây để chỉ trọn một kiếp người - Và hai chữ "một đêm" trong bốn chữ "một đêm luân hồi" có nghĩa là hơn một kiếp. Câu nói quyết liệt: "Chúng ta sẽ cùng gặp nhau trên cõi Tây Phương Cực Lạc" chúng tỏ tin tâm cực kỳ vững mạnh nơi Đại Đức Wu-Kai.

Tần thức của Bà Huỳnh-Ngọc-Tuyết đã được Tây Phương Tam-Thánh lai lâm phóng quang tiếp dẫn; di hưởng của các Ngài đã tỏa xuống tứ thất của Bà và tại nghĩa trang Restland; sanh thân của Bà đã lúu lại xá-lợi. Cứ mãi miết nghĩ tưởng về những thoại ứng trên đây tôi mạo muội đi đến một kết luận rồi tôi đem lời kết ấy hỏi Thượng Tọa Thích Trí Hiền:

- Thừa Thầy, Bà Huỳnh-Ngọc-Tuyết đã thành Phật?

- Thủ thà, để Thầy đáp câu hỏi của anh theo kinh Phật. Thần thức của Bà liền sau sát-na lâm chung được gá vào hoa sen báu.

- ... trên cõi Tây Phương Cực Lạc (41).
- Vâng, chính thế, rồi sau đó Bồ-Tát sẽ được ngôi-vị bồ xú... Trên cõi nước An-Lạc thì gian ấy không là bao.

- Xin Thầy vui lòng đáp cho câu hỏi này: "Bà Huỳnh Ngọc Tuyết chỉ là một chúng sanh, luôn luôn tinh-tấn trên bước đường tu, Phật tử thuần thành của pháp môn Tịnh-Độ, và theo Thầy Wu-Kai, sau sát na lâm chung Bà đã là Bồ-Tát trên cõi Tây Phương Cực Lạc. Vậy Bà là một chúng sanh đã thành A-Bệ-Bạt-Trí (Avaivapti: Bồ-Tát bất thối) hay Bà đã là một vị Phật hóa thân xuống cõi đời "uế ác" này, gánh chịu những khổ đau như thế, như thế, sau đó thị-hiện tinh tấn trên bước đường tu-tập như thế, như thế, nếu gương sáng chói để giáo hóa, dạy dỗ chúng sanh? (Câu hỏi dài dòng, luộm thuộm trên đây được rút gọn lại như sau: Bà là một chúng sanh đã thành Phật hay Bà đã là một vị Phật hóa thân thị-hiện xuống cõi thế này?).

- Ấy, câu hỏi của anh sâu sắc lắm, đáng giá lắm. Và đây là câu trả lời: Cả hai cách nghĩ như thế đều đúng cả.

Muôn vàn cảm tạ Thượng Tọa Thích Trí Hiền đã khai sáng thêm cái tâm thức hãy còn quá u-trê của tôi.

Vào sáng thứ bảy ngày 8 tháng 6 năm nay tôi đến Tịnh-Trung Học Viện, Dallas, để dự lễ kỷ niệm trăm ngày kể từ ngày Bồ-Tát vào ngôi bất-thối... Dịp này tôi có gặp cháu Trần-Huệ-Nghi, chị của Trần-Ái-Nhi.

Cháu Nghi nói với tôi:

- Vài tháng trước khi Mẹ cháu mất, bà gọi ba đứa con gái vào phòng, nói như sau: "Mẹ biết Mẹ sắp vĩnh biệt các con. Mẹ chỉ muốn đi thôi. Mẹ không còn muốn vướng vào lục-đạo luân hồi. Mẹ không còn muốn trở lại cõi đời nhớp nhúa này nữa. Các con cứ để yên cho Mẹ đi. Các con đừng khóc".

Nghe cháu Nghi nói đến đây tôi thầm nghĩ: "Lúc bấy giờ Bà đang bước trên một đoạn đường mà không ai tránh khỏi".

Bác biết không, tuy nói như thế nhưng tất cả bốn mẹ con đều khóc, khóc tức tưởi, khóc rất lâu.

Cổ-đức nói: "Nước biển không nhiều bằng giọt lệ chia ly". Những giọt nước mắt ấy, những dòng nước mắt ấy đã chan hòa vào nước mắt bốn bề của chúng sanh.

Giây phút xót xa nói lời vĩnh biệt ấy với ba đứa con gái không khác nào giây phút đứa Xá-Lợi Phát ôm lấy chân của Đức Phật Thích Ca nói lời cuối: "Bây giờ đã đến lúc con phải ra đi!" (Giờ đây chúng ta không có chân của Đức Phật để mà ôm lấy vì chúng ta đang bị vướng vào một trong những chuỗi nạn: ra đời vào lúc Đức Phật đã nhập diệt).

Mẹ cháu nói tiếp:

- Mẹ rất thương, rất yêu, rất quý ba đứa con gái của Mẹ. Nhưng các con thương Mẹ, các con phải cùng tu với Mẹ. Các con phải niệm luôn miệng "Nam Mô A Mi Thọ Phọ" và hàng ngày phải đọc, tụng Kinh Vô-Lượng-Thọ. Bốn mẹ con chúng ta cùng tu. (Nghe cháu Huệ-Nghi nói đến đây lập tức trọn phẩm Dược Thảo Dụ của Kinh Pháp Hoa hiển bày trước mắt tôi: Chúng ta đồng tu mặc dù căn tánh không đồng nhưng rồi cũng sẽ

được cùng quả vị như nhau như các loài thảo mộc tuy lớn nhỏ khác nhau vẫn được thấm nhuần nước của cơn mưa lớn).

Sau này Mẹ con không còn ở trên thế gian này nữa, các con phải tiếp tục như vậy, không được lùi bước, không được buông lung. Mẹ đã quy-y với Pháp Sư Tịnh Không, như các con đã biết - Mẹ đã thực hành theo đúng lời dạy của Ngài.

Đại Đức Wu-Kai viết: "Năm 1991, bà Tuyết thọ pháp với Pháp Sư Tịnh Không. Pháp Sư dạy bà chuyên tụng Kinh Vô-Lượng-Quang".

Hiện nay Pháp Sư Tịnh Không trụ trì tại một ngôi chùa tại Đài Loan. Thịnh thoàng Ngài ghé qua Dallas, Texas. Ngài đi khắp đó đây.

Mẹ cháu nói như trời trăn:

- Đến giây phút cuối cùng của Mẹ, Mẹ chỉ muốn ba đứa con gái ở bên cạnh Mẹ và quý Thầy, quý Cô, ngoài ra không thêm bất cứ một người nào khác nữa. Ba đứa con không được phép khóc mà phải luôn miệng và lớn tiếng niệm "Nam Mô A Mi Thọ Phọ" để hộ niệm cho Mẹ.



Bác biết không, từ nhỏ đến lớn, tụi cháu thường xuyên đến chùa, nghe thuyết pháp, nghe tụng Kinh, nghe niệm Phật, thấp nhang, lễ Phật, lạy Phật chủ tụi cháu đâu biết niệm Phật cũng không biết tụng Kinh. Nhưng kể từ lúc ấy tụi cháu phải mở miệng niệm "Nam Mô A Mi Thọ Phọ" và tụng Kinh Vô-Lượng-Thọ. Cho đến ngày nay thì tụi cháu đã rất quen. Mẹ cháu ốm lắm, nhưng tâm trí lúc nào cũng sáng suốt, riêng đôi mắt rất sáng. Cháu biết mẹ cháu rất đau đớn do bệnh ung thư hành hạ nhưng mẹ cháu đã nói rằng thay vì rên siết, Mẹ cháu đã chuyển những lời rên la vô bổ bằng câu "A Mi Thọ Phọ" rất có ích lợi.

Một hôm, trước mặt Thầy Trí Hiền và các cháu, Mẹ cháu vừa bước đi hết sức chậm rãi, thủ thỉ vừa niệm Phật, cứ đến bước thứ chín thì Mẹ cháu dừng lại. Trong khi đó thì tất cả chúng con và Thầy Trí Hiền cũng niệm Phật liên tục.

Trước khi ra về, Thượng Tọa Trí Hiền nói với cháu:

- Vừa rồi Mẹ của cháu chọn phẩm. Những bước chân ấy là những bước chân chọn phẩm.

- Con không hiểu Thầy muốn nói gì.

- Một ngày kia con sẽ hiểu. Bây giờ Thầy không thể nói thêm điều gì được nữa.

Tôi nghĩ thầm: "Lúc bấy giờ chính là lúc đào giếng trên cao nguyên đã thấy đất ướt, giây phút lâm chung vàng trán hãy còn nóng ấy là đã thấy nước và cái sát na cực kỳ linh thiêng, cực kỳ quý báu được Cực Lạc Tam Thánh lai lâm phóng quang tiếp dẫn ấy là lúc uống được nước. Sanh diệt đã chết. Vắng lặng".

Tôi hỏi cháu Huệ-Nghi:

- Bây giờ cháu đã hiểu chưa?

- Vâng, cháu đã hiểu rồi. À, còn về xá-lợi thì cháu quý nhất những viên tròn có màu xanh lục như cẩm thạch và màu đỏ tươi như máu. Chính cháu cầm trên tay những viên xá-lợi ấy. Trên bàn tay của cháu lúc bấy giờ hãy còn vướng những bụi, những phấn màu cẩm thạch và màu đỏ. Những bụi ấy vẫn được quý Thầy, quý Cô trân trọng để vào hộp, cúng quý như xá-lợi.

Trong suốt gần năm mươi năm du phương giáo hóa Đức Phật Thích Ca với nhơn duyên mở bày chơn tánh khiến cho chúng sanh ra khỏi luân hồi lục đạo nghĩa là "xa lìa các ưu-hoạn: sanh, bệnh, lão, tử" (42). Đức Phật đã để lại tám vạn bốn ngàn pháp môn trong đó có Niệm-Phật-Môn, cách thức thù thắng nhất để cầu đời-nghiệp vắng sanh về nước An Lạc của Đức Phật A-Di-Đà. Huỳnh-Hữu-Cửu viết: "Người tu theo pháp môn Tịnh Độ cầu vắng sanh về cõi Cực Lạc của Đức Phật A-Di-Đà (nơi đó không có sanh tử luân hồi) để tu thêm cho đến ngày thành Phật quả rồi đi độ sanh" (43).

Vậy một khi chúng sanh chết thì không đơn giản là chết mà chính là đang rũ bỏ thân này để thọ một thân khác (44). Đức Phật Thích Ca đã huyền-ký cho chúng sanh bốn chữ: "trí tử hữu sanh", có chết đây thì có sanh kia (45). Trong bốn chữ ấy, hai chữ "trí-tử" (có chết đây) mọi người đều hiểu được vì đã từng thấy người này chết, người kia chết, hoặc đã từng nghe người kia, người nọ chết, nhưng hai chữ "hữu sanh" (có sanh kia) thì không phải bất cứ người nào cũng có thể "ngộ" được.

Nói cách khác, Đức Phật Thích Ca đã chỉ cho chúng sanh con đường giải thoát, con đường dứt bật sanh, bệnh, già, chết. Nếu không có Đức Phật, chúng sanh cứ mãi mãi lần quẩn trong lục đạo luân hồi như "trâu chửa hết kiếp, cố gắng vung vẫy cho gãy tay ách lại bị nông phu tròng vào cổ tay ách khác" (46). Cho nên đức Xá-Lợi-Phất đã tôn xưng Đức Phật Thích Ca là "Bậc Đại Phước Đức" (I ti pi so Bhagava). Chẳng những Đức Phật là "Bậc Đại Phước Đức" mà còn là "Bậc Đại Trí Huệ": Đấng Lưỡng Túc Tôn (Kinh Pháp-Hoa - Phẩm Dược Vương Bồ-Tát Bốn Sự).

Trong chốn Ta Bà nhớp nhúa này ta có hai lần sanh ra; lần đầu tiên từ trong bụng mẹ chui ra kể từ khi hít hơi thở đầu tiên, lần trút hơi thở cuối cùng là lúc ta sanh ra. Nói cách khác nghịch lý những không khó hiểu, ta có hai lần sanh ra, lần đầu tiên và lần cuối cùng. Có "ngộ" được như vậy mới liễu hết nghĩa câu nói sau đây của Phạm-Công-Thiện: "... bởi chỉ sống có một lần duy nhất, lần đầu tiên và cuối cùng" (47). Lần cuối cùng là lần sống chủ không phải chết. Đạt được lẽ ấy, Phật tử chân chính không còn sợ

chết bởi đã rõ "sanh-tử chẳng can hệ gì" (48) mà ngược lại vui vẻ, an nhiên, tự tại chờ đợi sự chết, vì "tôi thực sự hiểu rằng tôi sẽ đi về đâu". Câu nói trên của Phạm-Công-Thiện nằm trong đoạn văn trên đây tho mộng sau đây: "... nhờ Phật Giáo Mật Tông Tây Tạng mà vào những lúc đầu hiu cô tịch tôi mới thực sự hiểu rằng tôi là ai, tại sao tôi sống ở đây, tôi sẽ đi về đâu, tôi phải làm gì và tôi đi dừng như thế nào trong cái thế giới hoang liêu rừng rợn này". (Sự Chuyển Động Trong Tâm Thức... trang 192-193).

Trong đoạn văn trên đây Phạm-Công-Thiện đã đáp một cách quyết liệt vào hai câu hỏi của Kant, triết gia Đức, thế kỷ 18, *tôi phải làm gì và tôi được phép hy vọng gì?* Đọc đi đọc lại nhiều lần đoạn văn trên đây đến độ nhập tâm - tôi rất khoái mấy chữ: *điu hiu cô tịch, hoang liêu rừng rợn* - tôi mới hiểu rằng đoạn văn ấy cũng nhằm đáp vào hai câu hỏi khác nữa của Kant: *tôi có khả năng biết được những gì* (có những cái biết mà ta cần phải dẹp nó qua một bên, cái biết mà đức Lục-Tổ Huệ-Năng bảo rằng: "chúng sanh trí kiến", vì không ích lợi gì) *và thế nào là tính-thế của tôi, tính-thế của con người?* Cả bốn câu hỏi ấy, theo tôi, không những do Kant nêu ra trong lúc tìm lại căn nguyên của siêu-thể-học mà hầu như đã tiềm ẩn từ lâu trong tâm thức của tất cả mọi người.

Karl Jaspers, triết gia Đức, thế kỷ 20, bảo rằng con người luôn luôn bị trôi buộc vào những hoàn-cảnh-giới-hạn-bất-dịch (Grenzsituationen) như những khuôn khổ giam hãm hiện sinh. Những hoàn-cảnh-giới-hạn-bất-dịch ấy chính là sanh, bệnh, lão, tử (tê ra Jaspers lập lại một trong nhiều chân lý trong Phật Giáo), bốn nỗi khổ, bốn giới hạn của thân phận con người (les quatre limites de la condition humaine) mà Jaspers gọi là những xiềng xích của cuộc đời. Mỗi người luôn luôn muốn bứt tung những xiềng xích ấy và "ước vọng của con người là chỉ muốn được giải thoát" (49). Đọc những trang sách triết lý ấy, vài trang viết về tu sĩ Ấn Độ về thời trục (période axiale), về những thống khổ và tội lỗi của nhân loại, tôi tưởng chừng như đang nghe Jaspers rao giảng Phật pháp. Câu nói "ước vọng của con người là chỉ muốn được giải thoát" được trích dẫn trong cuốn "Triết Học Nhập Môn". Bạn đọc có thể tự hỏi trong cuốn "Triết Học Nhập Môn" sao Jaspers không luận bàn những điều chỉ thuộc giới hạn triết học, triết lý mà lại viết những dòng đượm mùi Tôn giáo như vậy? Thưa rằng luôn luôn có một triết lý vĩnh-hằng (philosophia perennis) đó là triết lý nằm trong Tôn giáo.

Như trên đã nói tôi đã đến Tịnh-Trung Học Viện, Dallas, để chiêm ngưỡng xá-lợi của Bồ-Tát. Tôi đã cầm trên tay những hộp đựng xá-lợi ấy, tôi đã xem, tôi đã ngắm rất lâu những xá-lợi ấy trong niềm ngưỡng vọng, khao khát vô biên. Con người của tôi, trong hiện-kiếp, tài hèn, trí ngu, nghiệp nặng chướng đầy, phận bạc đức mỏng hoặc giả tiền kiếp của tôi thân mang lông, đầu đội sừng hoặc thuộc loài ăn uống đồ bất-tịnh cho nên ánh linh quang và dị hướng của Cục-Lạc Tam-Thánh vào ngày hai mươi tám tháng hai năm nay vào lúc hơn

muối một giờ trưa đã hiển bày cách nhà tôi chỉ có hai ngọn đèn xanh, đỏ, khoảng không gian rất ư ngắn, chứa bằng một phần tỷ, tỷ, tỷ móng tay của Bồ-Tát Vô-Biên-Thân mà khốn nạn thay chính mắt tôi không được diễm phúc trông thấy, chính mắt tôi không được diễm phúc ngửi thấy. Ôi! biết đến bao giờ tôi mới sống lại được cái ngày ấy, cái ngày cực kỳ quý báu nhất, cực kỳ linh thiêng nhất cho những ai đã có được nghiệp-căn thanh-tịnh, phúc báu tròn đầy.

Tôi không được diễm phúc thấy ánh linh quang, tôi không được diễm phúc ngửi "mùi đại hương vân thơm ngát" (50) của Tây Phương Tam Thánh, nhưng tôi tin. Tôi tin chắc như thế bằng vào bài viết của Đại Đức Wu-Kai, vào lời xác quyết của Thượng Tọa Thích Trí Hiền, vào lời xác nhận chân thành bộc trực của cháu Trần-Ái-Nhi, Trần-Huệ-Nghi, của Sư cô Wu-Shian... Tôi không thấy, tôi không ngửi nhưng tôi tin. Tín-tâm ấy trong tôi cực kỳ vững mạnh như núi đá, núi thép. Trên cõi đời này có nhiều điều mình không thấy nhưng mình tin. Tôi tạm dùng một thí dụ tầm thường như sau: Thuở nhỏ tôi thấy ba tôi, tôi thấy ông nội tôi, tôi tin chắc rằng tôi có ba, tôi có ông nội hay nói theo thể điệu triết lý Descartes: *ba tôi có, ông nội tôi có*. Tôi cũng tin chắc rằng tôi có ông cố nội tôi, tôi có ông sơ tôi, tôi có cả cữu-huyền thất tổ của tôi và trên nữa mặc dầu tôi không bao giờ thấy được những bậc ấy - Tôi họ Phạm, dòng dõi Phạm-Ngũ-Lão, chính mắt tôi có bao giờ trông thấy Phạm-Ngũ-Lão đâu nhưng tôi tin chắc đã có dòng tộc trước Phạm-Ngũ-Lão truyền cho đến ngày nay và cả trong tương lai - Chính tại tôi đâu đã được nghe Đức Phật Thích Ca thuyết Vương Kinh Diệu Pháp Liên Hoa tại núi Kỳ-Xà-Quật nơi thành Vương Xá cách nay hai ngàn năm trăm bốn mươi năm, nhưng mà mỗi khi tôi tụng Vương Kinh Diệu Pháp Liên Hoa tôi trực cảm dường như Đức Phật Thích Ca vẫn cỡi đàng thuyết Vương Kinh Diệu Pháp Liên Hoa tại Linh-Thủ Sơn. Ấy, cái thấy của tôi, cái tín tâm của tôi như thế mặc ai nghĩ sao cũng được.

Kể từ năm tháng nay, mỗi lần tôi đi ngang khu nhà chỉ cách nhà tôi hai ngọn đèn xanh, đỏ, tôi luôn luôn mừng tượng đến ánh linh-quang, đến dị-hướng của Tây-Phương Tam-Thánh, đến một vị Phật đã, bằng ứng-thân tạm mang lấy báo thân dường như chỉ trong một chớp mắt rồi kể từ cái sát-na ấy, cái sát-na huyền diệu của ngày cuối tháng hai năm nay báo-thân ấy đã khoát lại pháp-thân.

Củ mỗi lần đi ngang khu nhà ấy tôi bởi hồi nghĩ tới vài phẩm cuối của Đại Bát Niết Bàn Kinh được tóm gọn trong năm chữ: "*thân Kim Cang chẳng hoại*".

Trước đây tôi đã gặp Đại Đức Wu-Kai vài lần nhưng chúng tôi không nói chuyện với nhau đượm vì Đại Đức nói tiếng Đài Loan, tức tiếng Phước Kiến. Vào ngày 20 tháng 7 năm nay Đại Đức đã giảng cho tôi nghe một cách tỉ mỉ (qua công dịch viên) về ánh linh-quang và về một vài thoại-ứng khác nữa của Cục-Lạc Tam-Thánh.

Mười năm trước đã có lần tôi cất lời từ giã Bà để về nhiệm sở mới.

Lời giã biệt ấy dường như chỉ vừa mới được thốt ra vào buổi sáng hôm nay.

Rồi một ngày kia tôi sẽ giã biệt Carrollton cũng như trước kia tôi đã từng rời bỏ nó để về thị xã Irving, rồi lần thứ hai giã biệt Carrollton để về Farmers Branch. Trước khi rời khỏi Carrollton tôi sẽ leo lên tận đỉnh ngọn đồi cao nhất ở thị xã Flower Mound để nhìn xuống Carrollton lần cuối. Tôi sẽ nhìn xuống khu nhà trong đó có căn nhà của tôi, tôi sẽ nhìn xuống khu nhà kế cận với một niềm tôn-kính vô biên cách khu nhà của tôi chỉ hai ngọn đèn xanh, đỏ, tôi sẽ nhìn xuống không chớp mắt rất lâu để mừng tượng đến ánh linh-quang huyền-diệu và dị-hướng bí ảo của Cục-Lạc Tam-Thánh đã từng tự tại vô-ngại chiếu xuống và lan tỏa trong một ngôi nhà của khu nhà ấy. Tôi như con thỏ lạc cha lạc mẹ đang đi tìm một chút hơi hừng của mẹ của cha, hoặc giả như kẻ tha-hưởng mà trong tâm thức tràn đầy niềm viên-ly cách-biệt.

Vào cuối thế kỷ này, thời Chánh Pháp đã qua đi, thời Tượng Pháp không còn nữa, chúng ta đang sống trong thời kỳ đã khởi thời Mạt Pháp, chúng sanh càng ngày càng xa Phật (như gã cùng-tử từ lúc bé thơ đã bỏ cha, bỏ nhà, bỏ quê, bỏ xứ đi hoang, càng rong ruổi bốn phương càng nghèo càng khốn khổ, đói khát chỉ mong có được đồ ăn mặc, vật ăn - Kinh Pháp Hoa, phẩm Tin Giải), tôi lối dầy dầy, thập thiện lần lần sẽ biến thành thập ác, cho nên ít người tu hành đắc đạo. Chỉ tu theo Niệm Phật-Môn tức pháp môn Tịnh Độ, nhờ sức của mình và từ-lực của đức Phật A-Di-Đà nương nhau, đến chừng lâm chung được vãng sanh về cõi Cục-Lạc, lúc bấy giờ thân ra khỏi ba nghìn thế giới, chừng quả-vị Bồ-Tát bất-thối, thấy Phật A-Di-Đà trong hiện-kiếp, chừng quả đạo trong tương lai.

Trong Kinh Đại-Tập Đức Phật Thích Ca đã huyền ký cho chúng ta: "*Trong thời mạt pháp, ước người tu hành, ít có kẻ nào đắc đạo, chỉ nương theo pháp-môn Niệm Phật mà thoát khỏi luân hồi*". (Mạt-pháp ước ước nhơn tu hành, hân nhưất đắc đạo, chỉ y Niệm Phật Pháp-Môn, đắc liễu sanh tu).

Nguyễn bài viết này tuy vẫn còn trong vòng đối đãi, chưa lia khỏi tử cú, chưa tuyệt được bách-phi, thường được lưu-thông trên đời để đem quả lành tốt ráo tín lạc đến cho mọi người và cho tất cả chúng sanh trong pháp giới.

*Nam-Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
Nam Mô Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di-Đà Phật*

(Carrollton, Texas,
ngày 22 tháng 7 năm 1996)

Chú thích:

(1) FBI: Federal Bureau of Investigation: Cơ quan điều tra Liên Bang (Mỹ)

(2) Trích theo Phạm-Công-Thiện trong Triết Lý Việt Nam Về Sự Vượt Biên, trang 217, Việt Triết Lý Việt Nam và Triết Học Thế Giới xuất bản, 1995.

(3) Tên thuốc này tôi viết theo cách phát âm của anh Đức và cháu Ái-Nhi.

(4) Kinh Vị-Tằng-Hữu thuyết nhân duyên, Sa-môn Thích Hành-Trụ dịch, trang 63, Phật Học Viện Quốc Tế xuất bản năm 1990.

(5) Kinh Phạm Võng, bản dịch của Hòa Thượng Thích Trí-Tịnh, PHVQT xuất bản, 1992, Kinh này thuộc về luật.

(6) Kinh Phạm Võng, trang 26.

(7) Kinh Phạm Võng, trang 17.

(8) Đại Bảo Tích Diệu Huệ Đồng Nữ Kinh, bản dịch của Thích Thiện-Huệ, trang 58, GĐPT Canada ấn tống, 1992. Nguyên văn như sau: "Bồ-Tát vì thường xót kẻ ác nên rải lòng từ đến họ, bằng cách quán tưởng: "Ta nay chịu khổ vì ác tâm, nên nguyện không khởi tâm ác với bất kỳ ai để họ khỏi bị khổ não. Nguyện cho riêng ta chịu quả này để chúng sanh an-lạc (...). Nhờ kẻ ngu-si đó dùng ác pháp hại tôi khiến tôi trừ được ác này, tăng trưởng thêm pháp thiện, nên nguyện cho kẻ ác cũng được an lành như tôi". Bồ-Tát Mã-Minh đã dạy: "*Nường vào hận thù để bề gãy hận thù*". Luận Đại Thừa Khởi Tín, Cao Hữu Đỉnh dịch, trang 153, Viện Triết Lý Việt Nam và Triết Học Thế Giới xuất bản năm 1994.

"*Thế nào là tu hành môn nhẫn nhục? Ấy là nhẫn chịu các khổ đau mà người khác gây ra cho mình, không ôm lòng thù hận*". Bồ-Tát Mã-Minh, Luận Đại Thừa Khởi Tín, trang 240. Trong Đại Trí Độ Luận, Bồ-Tát Long-Thọ cũng khuyên Phật tử nên "tu hành nhẫn nhục": "*Nên tu Nhẫn Nhục sẽ chứng đắc Tử Bi*". Bản dịch của Văn Nguyễn, trang 72, VTLVN&VTHG xuất bản, năm 1992.

Trong Luận Nhiếp Địa-Thừa, Đức Phật dạy: "*Quán tất cả chúng sanh đều đã chịu khổ, sao lại làm cho khổ thêm*".

(9) Cả thân đều lạnh, chỉ đỉnh đầu còn nóng. Phàm người sau khi chết mà đỉnh đầu nóng sau cùng đó là triệu chứng được siêu phàm nhập thánh. Người vãng sanh Cực Lạc dự hàng Thánh, trụ bực "bất thối chuyển", thoát hẳn vòng sanh tử luân hồi, nên đỉnh đầu nóng sau cùng". Đường Về Cực Lạc, Hòa Thượng Thích Trí-Tịnh soạn, trang 144, PHVQT xuất bản 1986.

(10) Liễu Sanh Thoát Tử của Lưu Dịch Nguyên, bản dịch của Thích Quang Phú, Hội Đồng Kiểm Duyệt Giáo Lý Phật Giáo Trung Việt xuất bản năm 1949, trang 16 và 17.

(11) Bắc Dallas gồm các thị xã Richardson, Plano, Nam Carrollton, Farmers Branch, Addison, Sachse, Rowlett, Garland... Nhà tôi thuộc Bắc Carrollton nên thuộc quận Denton

(12) Kinh Nhứt-Thiết Như-Lai Tâm Bí Mật Toàn Thân Xả-Lợi Bảo khiếp ấn đà lani, Sa-môn Thích Viên Đức dịch, từ trang 14 đến trang 26, chùa Pháp Vương, Paris, xuất bản năm 1986.

(13) "*Ở Tiểu Bốn Kinh, đức Bốn Sư dạy môn tri danh niệm Phật. Chấp tri danh hiệu đến nhứt tâm bất loạn là được sự niệm Phật tam muội*". Đường Về Cực Lạc, sdd, trang 93. Muốn hiểu rõ "nhất-tâm bất loạn" là gì đọc giả vui lòng xem Sự Chuyển Động Toàn Diện Của Tâm Thức Trong Tứ Tưởng Phật Giáo... của Phạm Công Thiện từ trang 61 đến trang 98.

(14) Con Đường Tu Tắt của Cư sĩ Thiện Tâm, trang 77, sách ấn tống, năm 1969.

(15) Đường Về Cực Lạc, sdd, trang 260.

(16) "*Do súc thệ-nguyện mà ta sanh nơi cõi uế-ác này*". Đại Bát Niết Bàn Kinh, bản dịch của Hòa Thượng Thích Trí Tịnh, tập 2 trang 577, Tịnh xá Minh Đăng Quang, Cali. Xuất bản năm 1990. Vào đầu thập niên 90, trong một buổi thuyết pháp nơi một ngôi chùa tại Canada, Thượng Tọa Thích Viên-Giác nói: "Quý Phật tử ơi, càng sống lâu càng thấy cõi đời này thiệt là gồm ghê, ghê sợ".

(17) Đường Về Cực Lạc, sdd, trang 176. Trong Lời Bạt của cuốn Lá Thờ Tịnh Độ, của Ấn Quang Đại Sư, Thượng Tọa Thích Thiện Tâm viết: "Nên biết pháp môn Tịnh Độ do chính Đức Thích Ca Mâu Ni nói ra, sáu phương chú Phật đều khen ngợi; các bậc đại Bồ-Tát, đại Tổ Sư như đức Văn-Thù, Phổ-Hiền, Mã-Minh, Long-Thọ đều tuân giữ; các kinh đại thừa như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Đại Bảo Tích, Đại Bát Nhã đều tuyên dương". (trang 161). Trong Kinh Quán Phật Tam Muội, Đức Phật Thích Ca cũng chỉ bày pháp môn Niệm Phật cho Phụ-vương (Vua Tịnh Phạn): "*Chỉ hay chăm niệm luôn chẳng dứt, quyết định sanh ngay cõi Phật*".

(18) Nguyệt san Bồ-Đề-Hải, Cali, số 15, Xuân 1994.

(19) "Ba cõi hiểm không an, Dường như nhà lửa cháy" (Kinh Pháp Hoa, phẩm Thí Dụ).

(20) Niệm Phật Thập Yếu, sdd, trang 275.

(21) Đường Về Cực Lạc, sdd, trang 487.

(22) "Sự Chuyển Động Toàn Diện Trong Tâm Thức Phật Giáo" của Phạm-Công-Thiện, sdd, trang 71.

(23) Con Đường Tu Tắt, sdd, trang 33.

(24) Đường Về Cực Lạc, trang 239.

(25) Đường Về Cực Lạc, trang 249.

(26) Tịnh Độ Hoặc Vấn của Thiện Như do Thượng Tọa Thích Thiện Tâm dịch, được in chung trong Tịnh Độ Thập Nghị Luận, trang 83, PHVQT xuất bản 1985.

(27) Con Đường Tu Tắt, sdd, trang 51.

(28) Điều nguyện thứ 32 của đức Phật A-Di-Đà được tóm gọn trong bốn chữ "bào hường diệu nghiêm": "*Lúc tôi thành Phật, trong cõi nước tôi từ mặt đất vàng lên đến hư không, lầu nhà, cung điện, ao nước hoa cây, tất cả vạn vật đều là vô lượng chất báu và trăm nghìn thứ hương hiệp chung lại mà thành. Vạn vật đều xinh đẹp kỳ diệu, mùi hương xông khắp thập phương thế giới: Bồ-Tát các nơi ngửi đến mùi thơm ấy thời đều tu hạnh của Phật. Nếu chẳng như vậy, tôi không ở nơi Chánh Giác*".

(29) COBE: Viết tắt chữ Cosmic Background Explorer Satellite.

(30) NASA: Viết tắt chữ National Aeronautics and Space Administration.

(31) Trên USA Today, xuất bản tại Dallas mỗi tuần hai lần, ngày 24 tháng 4 năm 1992, trong bài "Relics of universe's birth found". It's like looking at God", nhà vật-lý-học thiên thể Paul Hoversten đã viết như thế. Đoạn văn ấy được trích dẫn trong bài: "Sự Thành Lập Giải Ngân Hà" của ThiệnHỷ, được in trong Trữ Bình Bằng Phép Màu, trang 175, tác giả xuất bản năm 1993.

(32) Kinh Dược Sư do Tuệ-Nhuận dịch, Chùa Phật Quang Houston, Texas, tái bản năm 1983, trang 51.

(33) Tuệ-Nhuận, Kdd, trang 62.

(34) Trữ Bình Bằng Phép Màu, sdd, trang 172.

(35) "Tiếng Phạn là sát-na, dịch là niệm, tức là khoảng thời gian mau lẹ như một ý tưởng thoáng qua". Đoàn Trung Còn, Phật Học Từ Điển, tập 2, trang 330.

(36) Điều nguyện thứ 9 của Đức Phật A-Di-Đà được tóm gọn trong bốn chữ "thần túc vô ngại".

(37) Lời tựa của Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Phổ-Hiền do Hòa Thượng Thích Trí-Tịnh dịch, trang 13, kinh ấn tống, không rõ năm in.

(38) Kinh A-Di-Đà (pháp môn cao vô cùng, sâu vô tận và huyền diệu vô biên) do Giáo sư Lê Văn Đặng sao lục và phiên dịch, trang 19, Hải Biên Washington xuất bản, 1996.

(39) Kinh Đại Bát Niết Bàn, Kdd, tập 2, trang 607-608.

(40) Kinh Đại Bát Niết Bàn, Kdd, tập 2, trang 569.

(41) "Sin vào thế giới Cực-Lạc là do hoa mà sinh (hóa sinh). Song hóa sinh có nhiều loại, các cõi trời và địa ngục đều là hóa sinh. Nay hóa sinh này là mượn thai sen mà sinh (...). Thế nào mới được vào thai sen (liên bào)? Chính là con cái của chính giác (Phật) tử hoa sen mà hóa sinh, giống như chúng sinh vốn do cha mẹ sinh vậy, nên đều thành quyến thuộc của A-Di-Đà Phật". Vãng Sanh Tịnh Độ Luận giảng ký của Ấn Thuận do Nhất Chân dịch, trang 72, Chùa Khánh Anh, Paris, xuất bản, không rõ năm in. "*Người ấy tự thấy mình sanh trong hoa sen báu*" (Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Hạnh Nguyện). "*Lúc thần thức được Phật và Bồ-Tát rước về Cực Lạc liền gá vào hoa sen, khi hoa còn búp gọi là ở thai sen. Dầu thân hình chưa ra khỏi búp hoa, nhưng cảnh tượng và những sự hưởng-thụ ở trong hoa đã vui đẹp hơn các cõi trời ở Ta-Bà*". Đường Về Cực Lạc, sdd, trang 72.

(42) Kinh Vị Tằng Hữu Thuyết Nhân Duyên, Kdd, trang 17.

(43) Huỳnh-Hữu-Cửu, Sông Mỹ Sông Việt, tác giả tái bản, 1996, trang 331-332.

(44) Phật-ngôn: cách-ấm.

(45) Kinh Vị Tằng Hữu Thuyết Nhân Duyên, Kdd, trang 50.

(46) Qui-Sơn Cảnh Sách của Tổ Qui-Sơn, trang 127, PHVQT xuất bản, 1990.

(47) The First and Last Freedom: "Tự Do Đầu Tiên và Cuối Cùng" của Krisnamurti, bản dịch của Phạm-Công-Thiện, trang chót, dòng chót, Đại Nam, Cali, tái bản, 1984.

(48) Đại Bảo Tích Diệu Huệ Đồng Nữ Kinh (Kdd, trang 66).

(49) Introduction à la Philosophie, Triết Học Nhập Môn của Karl Jaspers, bản dịch của Lê-Tôn-Nghiêm, trang 75, đã được tái bản tại Hoa Kỳ.

(50) Kinh Nhứt Thiết Như-Lai..., Kdd, trang 39.

Phụ Lục:

Nguyên văn bài viết: "Vãng Sanh Cực Lạc Chuyên Biệt Chi Nhứt" của Đại Đức Wu-Kai:

MỘT TRONG NHỮNG TRƯỜNG HỢP VẮNG SANH CỰC LẠC TRONG TẬP SÁCH NÀY.

• Đại Đức Wu-Kai

(Một người đàn bà đã trải qua
một đêm dài thăm thẳm)

Bà Huỳnh-Ngọc-Tuyết rời cũng đến hồi thở cuối cùng; ba năm bị bệnh ung thư, sau đó được giải thoát, ngày nào cũng nghĩ tới Đức Phật A-Di-Đà, từ tháng 2 năm 1996, ở trong tiểu bang Texas. Đó là câu chuyện của người Việt gốc Hoa tại Mỹ.

Mọi người đều kính trọng bà, tuy bà rất ốm yếu, chỉ còn da bọc xương nhưng bà có nội tâm độc lập và kiên cường, tử bi bác ái, thân thiện với mọi người, học về đạo Phật khoảng năm năm. Tâm hồn của bà rất thoải mái, bà thích làm việc công quả, tánh tình hồn nhiên như trẻ con, có thiện duyên với người khác, bất cứ đến đâu cũng vui vẻ với mọi người. Bà có lòng cung kính Tam-Bào, hộ-tri đạo tràng, ra công ra sức không tính toán. Lúc còn khỏe mạnh bà thường ở luôn trong chùa. Từ lúc bà bị bệnh bà nói với bà Bác sĩ Châu-Tài-Phú rằng bà đòi thọ tất cả phí tổn cho những tu-sĩ trong chùa mỗi khi những tu-sĩ ấy đi khám bệnh và trị bệnh. Tuy bà bị bệnh nhưng bà không lo lắng cho chính bà, bà chỉ lo cho người khác, bà lo luôn bệnh hoạn của người khác.

Bà Tuyết không ngờ mình chết sớm như vậy. Bà là một người mẹ hiền, một người con có hiếu, có cháu ngoại vui vẻ; những trách nhiệm chưa tròn, chưa xong... không ngờ lại mất sớm như vậy, một cách đột ngột, nhanh chóng.

Bà Tuyết là một Phật Tử có rất nhiều người thân trong chùa. Bà được quý Thầy, quý Cô diu dắt. Bà là người hay quan tâm lo lắng cho người khác, bà luôn luôn hòa thuận với mọi người.

Tại sao bà Tuyết phải ra đi? Chỉ mỗi một mình Pháp-sư (người Thầy giảng Phật pháp) Tịnh-Không biết. Pháp-sư là người quản-lý chùa, là bạn đạo. Sao bà lại bỏ họ?

Tất cả đều làm việc chung cả ngày, sao bà lại bỏ đi? Nếu được sống hạnh phúc thì không lý do gì từ bỏ thế giới này. Rất nhiều người cần bà Tuyết giúp đỡ. Bà không thể bỏ lại... Bà Tuyết thông minh, có lòng tử bi, tâm hồn thanh thản. Chuyện gì bà cũng suy nghĩ kỹ càng, không ai bằng.

Năm năm trước, 1991, bà Tuyết thọ pháp với Pháp-sư Tịnh-Không. Pháp-sư dạy bà chuyên tụng Kinh Vô Lượng Quang. Bà thuộc lòng trọn cuốn Kinh Vô Lượng Quang. Bỗng nhiên bà vướng phải bệnh khiến bà thấy khó khăn trong việc tụng kinh.

Năm cuối cùng, phải từ bỏ hết, bà không còn giúp người khác được nữa, không tới lui chùa. Bà vẫn kiên nhẫn. Bà nhất quyết thoát khỏi ác mộng của lục đạo luân hồi, sanh tử luân hồi... Bà cố gắng làm việc - Bà quyết tâm thoát khỏi tam giới - Bà không còn muốn làm người phàm phu, ngu si nữa.

Bà đi thăm em, thăm người mẹ hiền. Bà gặp họ lần này là lần cuối cùng. Bà muốn mẹ của bà luôn niệm Phật, bỏ hết kinh Phật, sách Phật, chỉ chuyên tâm niệm lục tự Di-Đà. Bà thương, bà nhớ mấy đứa cháu ngoại nhưng bà không muốn gặp chúng. Bà chỉ muốn gặp ba đứa con gái, ngoài ra không còn muốn gặp bất cứ ai khác. Bà không bắt điện thoại, cũng không muốn bạn bè đến nhà tụng kinh. Mấy tháng cuối cùng chỉ có sáu vị Pháp-sư của Tịnh-Trung Học Viện, Dallas, đến nhà niệm Phật. Bà quyết tâm vãng sanh cực lạc. Bà chặt đứt tất cả tình cảm, vật chất. Ngoài con đường giải thoát bà không còn mong muốn gì nữa: "Nếu như không đứt tất cả thì mình sẽ đi không kịp nữa".

Bà dứt hết tất cả tình cảm gia đình, tình bằng hữu, bạn đạo, cho dù họ muốn bà tụng kinh bà cũng từ chối. Bà nhất quyết ra đi. Bà không tiếc một điều gì. Bà chỉ biết bố thí. Trong phòng của bà chỉ có một bàn thờ, một tượng Phật, một giường, một ghế. Người nào đến hộ niệm thì ngồi vào chiếc ghế duy nhất ấy.

Bạn có biết một người bị bệnh trầm trọng mở miệng niệm một câu Di Đà cũng khó khăn. Bấy giờ câu đó rất khó nói nhưng bà cũng rần niệm. Bà rất sợ quên câu đó. Bà nói rằng bà cảm thấy mệt mỏi, muốn đi ngủ nhưng khi ngủ rồi mình không thể niệm Phật được nữa thì làm sao đây? Bà nói: "Tôi bị bệnh như vậy mà còn phải niệm lục tự Di Đà luôn luôn, còn những người khác hãy còn trẻ, mạnh khỏe sao không chịu niệm Phật".

Bà đứa con gái của bà rất hiếu thảo. Thấy mẹ như vậy tất cả đều xin nghỉ giả hạn không lương, chuyên lo cho mẹ, tụng kinh, niệm Phật, cùng với mẹ tu hành. Khuôn mặt của bà càng ngày càng ốm dần, thể lực yếu, từ từ chỉ còn da bọc xương, những đôi mắt của bà rất sáng, lanh lợi; vẻ mặt trang nghiêm như lúc còn khỏe mạnh. Bà không chịu uống thuốc, không muốn ăn, ít ngủ.

Trước khi bà trút hơi thở cuối cùng chỉ có Pháp-sư của Tịnh-Trung Học Viện, Dallas, đến nhà của bà. Bà muốn như vậy, bà không muốn người ngoài đến hộ niệm. Bà muốn rằng tám giờ đồng hồ sau khi bà mãn-phần, con cái mới cho thân nhân biết và trong suốt hai mươi bốn tiếng đồng hồ sau đó không ai được chạm tới nhục thân của bà. Bà đã xin phép Bác-sĩ được phép để nhục thân của bà trong nhà hai mươi bốn tiếng đồng hồ, Bác-sĩ đã đồng ý và đã ký giấy phép, vì về phương diện luật pháp, có thể được. Trong nước Mỹ, người chết được đưa vào nhà xác lập tức. Trong Phật Giáo, sau khi chết, linh hồn chưa rời khỏi thân thể cho nên ít nhất sau tám tiếng đồng hồ mới được di chuyển xác. Trong tám tiếng đồng hồ ấy, không thay quần áo, không tắm rửa, không đưa vào phòng lạnh nghĩa là không chạm tới nhục thân. Không đưa vào phòng lạnh để tránh cho người chết không đau khổ, lúc ấy tâm sân nổi lên, thân thức sẽ xuống địa ngục.

Ngày 28.2.1996, vào lúc 7 giờ 20 sáng, cháu Trần-Ái-Nhi gọi điện thoại cho Pháp-sư Tịnh-Trung Học Viện cho hay mẹ của cháu sắp mất. Đến 8 giờ 30, Pháp-sư vào phòng của chị bắt đầu hộ niệm. Lúc bấy giờ bà chỉ còn thở rất yếu, không nhúc nhích nữa. Sau mười một giờ trưa, ánh sáng giống màu hạt

gạo hơi vàng chiếu qua cửa sổ, xuyên qua bức màn màu trắng khiến cho nguyên cả phòng đều sáng rực. Ánh sáng ấy xuyên qua như thể thi khuôn mặt của bà thay đổi. Hôm ấy là một ngày u-âm, không có ánh sáng mặt trời. Ngôi nhà kế bên thật cao cho nên suốt cả năm không có ánh sáng chiếu vào nhà của bà, căn nhà của bà thường âm-u. Lúc bấy giờ tất cả căn nhà của bà đều sáng rực, hoàn toàn sáng rực nhưng không có bóng của vật, cũng không có bóng của người. Ánh sáng ấy sáng hơn ánh sáng mặt trời, không thể nói được, chữ nghĩa dân gian không thể tả được ánh sáng ấy. Ánh sáng ấy tỏa xuống làm mất hết tất cả các bóng.

Trong Vô-Lượng Thọ Kinh Đức Phật thuyết: "A Di Đà Phật tức là Vô-Lượng Quang Phật, Vô Biên Quang Phật, Vô Ngại Quang Phật, Vô Đẳng Quang Phật... Trí-Huệ Quang, Thường Chiếu Quang, Thanh Tịnh Quang, Hoan Hỷ Quang, Giải Thoát Quang, An Nhãn Quang, Siêu Nhứt Nguyệt Quang, bất tử nghị quang, như thị quang minh cùng chiếu thập phương thế giới. Mười một giờ hai mươi ba phút bà đi vào Thế-giới Cực-Lạc, đi trong ánh hào quang của Phật một cách an nhàn, thanh thản.

Sau đó, con của bà bắt đầu báo tin cho những bạn đạo biết để đến hộ niệm cho bà. Có tất cả khoảng chừng từ năm mười đến sáu mươi người bạn đạo đến trợ niệm, thay phiên nhau trong vòng ba mươi tiếng đồng hồ.

Sau ba mươi tiếng đồng hồ phải di chuyển nhục thân của bà; nhục thân ấy vẫn còn mềm, không có mùi hôi. Thực sự, trong vòng một tháng trước, bà không tắm, không gội rửa mà lúc ấy nhục thân của bà vẫn không hôi.

Thân nhân của bà lúc bấy giờ không khóc lóc, ngược lại rất vui vẻ. Bà đứa con gái của bà biết được rằng mẹ của họ đã được vãng sanh, họ rất đổi vui mừng. Tình mẫu tử như thế, người ngoài khó hiểu được. Bạn bè của bà cũng lộ vẻ vui mừng.

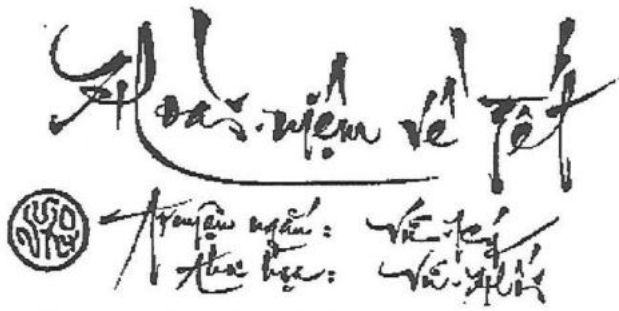
Vào ngày 4 tháng 3 năm 1996 đoàn xe tang đưa linh cữu của bà Tuyết vào nghĩa địa Restland, thị xã Garland để làm lễ an-táng. Lễ cáo biệt, mọi người cùng nhau tụng kinh A Di Đà để đưa Bà-Tát ra đi. Lễ xong đưa nhục thân của Bà-Tát đến chỗ hỏa thiêu. Một đoàn xe đưa tiễn vừa đi vừa niệm Phật, bỗng từ trên không trung tỏa xuống mùi thơm không rõ từ đâu tới.

Ngày 5 tháng 3 năm 1996, chúng tôi tới phòng thiêu để lấy tro, trong mộ tro ấy có ngọc xá-lợi gồm có hạt xá-lợi và hoa xá-lợi. Những ngọc xá-lợi này được đưa về Tịnh-Trung Học Viện, Dallas, để mọi người chiêm ngưỡng.

Từ già Bồ-Tát, xin chúc mừng Bồ-Tát đã thoát khỏi một đêm dài luân hồi. Chúng tôi không để cho Bồ-Tát đợi lâu, chúng ta sẽ cùng gặp nhau trên cõi Tây Phương Cực Lạc.

Đại Đức Wu-Kai

Lý-Tuyết-Mai (Dallas) và
Châu Gia Vi (The Colony) dịch sang
Việt ngữ.



Chiều xuống dần dần ở miền quê xứ Quảng. Nhìn ra ngoài cổng nhà, khói lam vờn trên những mái tranh, ngồi trên chiếc ghế sành, cạnh hòn non bộ, có núi, có hồ, có mục đồng ngồi trên lưng trâu, có nhà sư ngồi thiền hoặc tụng kinh dưới ngọn tháp chùa cao ngêu ngạo, bên cạnh hàng thông xanh bên bờ suối. Cả một cảnh vật thiên nhiên thu hẹp lại ở góc sân nhà - trong khi bà mẹ già, dưới nhà bếp lợp ngói đen sì sửa soạn tươm tất từng đĩa bánh tét, bánh tổ, bánh "chính", bánh chung, có cả xôi nem, đòn chả... đặt cúng trên các bàn thờ đầy đồ đồng đồ sơn sáng loáng, trong buổi chiều tắt niên, gió hiu hiu lạnh...

Tết đến rồi. Trong các lễ tục Á Châu và Tây Phương, có lẽ chỉ có Tết Việt Nam là mang đầy tính chất nghi tiết, có sắc thái siêu hình và tâm lý hơn hết, ghi đậm nét từ nghìn xưa đến giờ trong đáy sâu thẳm của mỗi người con dân đất Việt.

Nghe nói đến Tết thì cả người lớn đến trẻ con đều vang dậy trong lòng mình những rung động, xúc cảm rộn ràng, có khi là những chứng tích lảng vảng về một thời hoài niệm nào của đất nước thân thương thuở nào chừ đây lặng chìm trong bóng mờ của thời gian ly biệt và chiều dài của khoảng cách hơn nửa vòng trái đất. Gặp nhau đâu đây, chỉ cần nói đến tiếng Tết, Tết với tình rưng rưng, ý rưng rưng là mình cùng nhau nhận diện được lý lịch, cội nguồn đích thực của mình. Cho hay nền văn hóa một nước không cần phải thuyết minh nhiều, cả chiều sâu lẫn chiều rộng mà chỉ cùng nêu lên một ý niệm đặc thù, cùng nói lên một tiếng rất thương yêu rút ra từ gia phong, quốc phong là "ta cùng có với nhau đây", xóa đi ngàn dặm khoảng cách của tâm tình để đứng về một biên giới, một tập đoàn bất khả phân, cùng lên núi, cùng xuống biển, xây dựng vạn lý trường thành bất diệt cho cội nguồn quốc tổ.

Tết Nguyên Đán đúng theo nghĩa của từ là buổi sớm mai đầu tiên trong năm nhưng đối với dân Việt lễ Tết bao hàm nhiều ý tưởng sâu kín hơn thế nữa: Có một sự phục hưng tái tạo toàn diện, một sự cải sắc của vũ trụ, rất huyền bí trong tinh chất của sự vật và sinh vật, có một sự giao hòa thâm lặng mà mâu nhiệm giữa thiên nhiên - vạn vật - với con người - Người sống và người chết, chúng ta đây và Ông Bà Cha Mẹ Tổ Tiên. Trong linh khí của Trời Đất buổi đầu năm, cây cỏ đâm chồi nảy lộc, xanh ngát, thấm đượm vườn trời. Những giờ khắc đầu năm bắt đầu một sự chuyển biến của vạn hội. Vạn hội mới của mỗi người trong cái thái cực của không, thời gian vô tận. Sau mỗi chu kỳ 365 ngày, lễ Tết hân hoan đến trong tâm tư người Việt là một suối nguồn hy vọng mới, một mong ước thiết tha những tín hiệu của bình minh quang đảng nào chắc sẽ đến với mình. Xa rồi, xa lắm rồi, những đau buồn, bất trắc, khổ khổ, sóng gió của ngày tháng vừa qua. Kia hạnh phúc lại lóe sáng bên kia chân trời hứa hẹn biết bao nhiêu, trước cảnh Chùa Xuân đang đổi màu sắc xiêm y huyền diệu.

Ngồi thủ người trong vắng lặng trên thêm hè để nhìn bước đi của thiên nhiên mà nghe rưng rưng vọng lại những ý nghĩ rộn ràng dấy lên từ tâm tư đang nhập thần với Trời Đất. Cảnh vật quện vào nhau tạo luồng sinh khí mới tinh như thuở nào trong buổi trình nguyên của Tạo Hóa. Tất cả đều hợp ca đồng tấu để tôn vinh sự ra đời của thời gian vô cùng được ngắt quãng thuận lợi thành Năm Tháng phục vụ cho công dụng thế tục của con người.

Năm nay là năm Đinh Sửu rồi đó. Năm 4634 của Âm Lịch mà người Việt chúng ta đã xử dụng. Lịch mặt trăng ấn định mỗi năm chỉ có 355 ngày trong khi lịch mặt trời là 365 ngày. Cho nên Tết ta đến sớm hơn Tết tây có hơn cả tháng. Chu kỳ lớn của Âm Lịch - năm giáp lại đúng năm - là 60 năm. Còn nhớ thuở nào, có ông cụ đồ láng giềng, ngày

29 Tết không mua được cuốn lịch mới chữ Tàu bìa đỏ ôi của chú khách dưới Vạn Tam Kỳ để xem ngày tháng kiết, hung (tốt, xấu). Thế là ông ta đành đem cuốn lịch vạn niên do ông thân sinh để lại đúng 60 năm qua mà nghiên cứu, mà lập lại.

Lễ Tết Việt Nam! Ôi! Thiêng liêng và đầy nghi tiết, những ngày đầu năm với cổ tích, truyền thuyết của đất nước gắn liền với lễ tục, quốc phong của nước bạn mà cũng là bậc thầy ụ t đến. Để thường công không lỗ của văn hóa của một miền Đông Á.

Hộp ngum trà, cụ đồ chậm rãi kể lại huyền thoại về tên năm tháng

"Ngày kia, thiên đình ra lệnh triệu tập tất cả sinh vật mà Ngài đã dày công tạo dựng để về chầu. Ngày đã đến mà chỉ có 12 con vật đến yết kiến Thiên nhan. Đầu tiên là con Chuột, kế đó là con Trâu, rồi con Hổ, con Mèo... và cuối cùng là con Heo ụ t đến. Để thưởng công các con vật ngoan ngoãn, Trời phong cho mỗi năm theo thứ tự được mang tên các con vật ấy và từ đó chúng ta có 12 con giáp..."

Rồi đến "Tháng Giêng là tháng ăn chơi". Ăn chơi theo sau ngày Tết thì là cả tháng, đối với người dân suốt cả năm dài lam lũ, cần cù trong một xã hội thuần chất nông nghiệp và thủ công nghệ bán khai. Nhưng đúng ra "ăn Tết" nghĩa là cúng tế Ông Bà, vui chơi trọn vẹn theo tập tục thì còn tùy theo địa phương và khả năng vật chất, điều kiện tâm lý, tinh thần của mỗi tầng lớp xã hội mà kéo dài ngày hay rút ngắn.

Đồng Phương Sóc, nhà văn học nổi danh đời Hán ở Trung Hoa, có tài khôi hài, hoạt kê, thường lưu lại hậu thế biệt tài của mình và cũng dùng thuật trào phúng ấy để can gián các bậc vua chúa lỗi lầm. Người đã thuật lại về thời gian ăn Tết như sau:

"Thuở khai thiên lập địa, có Trời Đất rồi thì Tạo Hóa, ngày thứ nhất ông sinh ra giống gà, ngày thứ nhì ông sinh ra giống chó, thứ ba giống heo, thứ tư giống dê, thứ năm giống trâu, thứ sáu giống ngựa, thứ bảy sinh ra người và thứ tám sinh ra các giống ngũ cốc, cho nên Đông Phương Sóc đề nghị ta ăn Tết từ mồng một đến mồng bảy thì thôi không ăn Tết nữa. Vì con người từ đó đã được hóa công dựng nên rồi".

Lại khuất trong sương mù, phía bên kia huyện lý Tiên Phước, một thôn xóm nhỏ núp mình gập ghềnh bên triền núi, tiếp giáp với miền Thượng du, nơi đó dân làng thường vỗ tay khoái trá và gọi nhau ới ới ra xem một chiếc máy bay trực thăng bay phấp phật trên nền trời mà thổ dân nhất định rằng đó là một chiếc máy bay chưa ráp xong hai cái cánh. Ở đây người ta ăn Tết, nghĩa là cúng Ông Bà, đến ngày mồng mười tháng Giêng Âm Lịch. Và đúng vào ngày 23 tháng Chạp Âm Lịch thì họ làm lễ đưa ông Táo về Trời cũng trọng thể hơn ở đâu hết. Theo đạo Lão, ngày 23 của tháng cuối cùng, Táo quân về tâu cùng Ngọc Hoàng mọi hành động, cử chỉ, cả xấu lẫn tốt, trong mỗi gia đình mà Táo quân ngự trị. Treo 2 bên bàn thờ bằng gỗ đặt sơ sài trong góc bếp, gia chủ thường mua 2 chiếc mũ cánh chuồn và 1 con cá chép bọc bằng giấy màu đen, đỏ sặc sỡ làm trang phục và phương tiện di chuyển cho Thần Táo về triều kiến Ngọc Hoàng Thượng Đế. Đặc biệt là các Thần Táo này đều sống chung với nhau - 2 ông, 1 bà - các ông không mặc quần, chỉ mang hia đội mũ, bận áo rộng mà thôi. Huyền thoại Việt Nam, giàu tưởng tượng thù dệt chung quanh việc thờ cúng Táo quân nhiều cổ tích hoang đường, khá hấp dẫn:

"Ngày xưa, ngày xưa, có hai vợ chồng là Trọng Cao và Thị Nhị không có con nên sinh ra cái cọ suốt ngày. Bữa nọ Thị Nhị bị chồng đánh và nàng bực tức quá bỏ nhà ra đi.

Đọc đường một nhòai, nàng ngồi bên triền núi thở than, một chàng thanh niên đi ngang qua đây, ngạc nhiên vì sự có mặt khác thường của người thiếu phụ giữa miền sơn cước hoang vu, rập rập, bên lối hỏi chuyện nàng. Thế là hai người có cảm tình với nhau và từ đó thương nhau, chàng tên là Phạm Lang. Về phần Trọng Cao, chàng vô cùng hối hận vì mình nóng giận mà vợ bỏ đi, chàng quyết tâm đi tìm và lang thang khắp nơi, một ngày nọ tình cờ chàng đến trước cửa nhà Phạm Lang, Thị Nhị ra mở cửa, đối diện bất ngờ với người chồng cũ của mình. Nàng mời vào và dọn cho ăn. Đoạn nàng bảo Trọng Cao nhanh chân trốn vào đồng rơm cao ngêu ngạo trước sân nhà vì chồng nàng bất thần có thể trở về nhà. Còn nàng thì vào buồng sửa soạn hành trang để theo chồng cũ trở về tổ ấm năm xưa.

Cây bừa xong, Phạm Lang về nhà, sức nhỏ mình cần phân tro bón ruộng nên chàng nổi lửa đốt đống rơm để lấy tro. Lửa cháy ngùn ngụt, Thị Nhị hốt hoảng liều mình nhảy vào cứu người chồng cũ. Nhưng than ôi! Chàng đã chết ngộp rồi. Tội cùng đau xót, nàng xả thân vào lửa chết theo. Đến lượt Phạm Lang muốn cứu vợ cũng nhảy vào đống rơm hứng hực cháy và thiêu mình trên ngọn lửa hồng.

Thiên tình sử tay ba đây bị lụy này làm cho dân gian thường xót, về với thêm, biến cả ba người thành các Thần Táo quân. Tuy không nghiêm khắc lắm, không hạnh hợ người trần, nhưng Thần Táo rất chăm chỉ, thính tai, sáng mắt, nghe ngóng hành động của các gia nhân trong mỗi gia đình, để rồi cuối năm về Trời trình tấu với Ngọc Hoàng. Do đó, ở vùng quê thường nhồi ba ông Táo bằng đất sét hoặc làm cái kiềng có ba chân trên đó đặt nồi cơm hay ấm nước để nấu. Căn bản huyền thoại này vẫn còn tác dụng khuyến thiện của Đông Phương.

... Phát phở trong gió chiều Ba Mươi Tết, chòm lá lơ thỏ trên đầu chót vót của thân tre dài được chặt nhẵn cành và lá: đó là cây nêu được trồng phía bìa sân nhà chính.

Gió thổi mạnh, cây nêu càng phát ra một hợp âm rộn ràng rùng rùng vì có buộc ở đầu thân cây tre một cái khánh - loại chuông rất đẹp - với con cá bằng đất sét treo cột vào một mảnh sành, chum vỡ. Cũng lại tưởng tượng chiếc bùa làm cho hồn ma, bóng quỷ chồn vờn đầu đây phải khiếp sợ và cũng để mở đường đón rước phúc thần.

Đêm trừ tịch - tức đêm Giao Thừa - riu riu đến trong bóng tối cùng với các tràng pháo nổ càng lúc càng giòn tan. Nửa đêm, giờ Tý, tháng Dần (tháng Giêng): lễ Giao Thừa thiêng liêng và trọng vọng làm sao! Lễ chính của ba ngày cúng Tết. Sướng đêm bay trong gió thoảng. Hưởng trầm thơm ngát, ngào ngạt quyện vào ánh sáng bập bùng của đèn nến lung linh tỏa khắp nhà từ các bàn thờ sơn son thếp vàng chứa đầy lễ vật: nào hoa, nào nem, nào chả, nào thịt, nào rượu, nào trà, nào bánh trái... Cũng có đủ bộ tranh tứ linh rực rỡ, 4 con vật thiêng liêng mang phúc lợi đến cho gia chủ: long (rồng), lân (kỳ lân), quy (rùa), phụng (phượng) kèm theo 4 bức tử quý vẽ 4 loại cây tượng trưng cho mùa tiết trong năm mà cũng còn bao hàm ý nghĩa đạo hạnh của con người: cây mai, cây lan (có khi thay vào là cây sen), cây cúc, cây trúc. Tranh rực rỡ tươi màu bao trùm các cây cột gỗ hoặc treo thông thừa cân đối hai bên vách ván trang trí tô điểm cho căn nhà thêm chút hưởng sắc ngày xuân. Pháo càng nổ, càng đi sâu vào giữa lòng cảnh sắc tưng bừng náo nhiệt tập thể của mùa xuân. Pháo nổ là sự kích động gây niềm niềm cảm náo nhiệt, đẩy thần trí con người lên đỉnh cao HY Vọng! Tết không đốt pháo, không còn là Tết nữa. Thời xưa, thời xưa, chưa tìm ra chất nổ làm bằng diêm sinh (?) người dân quê lấy ống tre khô, cang khô cang tốt, đun vào lửa đốt, lửa cháy tới mắt tre thì phát nổ đùng đùng... Hai thân tre dài nổ rền bằng hơn 10 cây pháo trống lớn...

Trước mẩu bàn thờ nhỏ nhỏ dựng giữa sân nhà, trong bóng tối của cảnh vật lập lờ ánh sáng yếu ớt của vài cây nến nhỏ, gia trưởng - là một nhà nho - thấp bó nhang, đốt nắm trầm thơm trong chiếc lư đồng, khói bay nghi ngút, rót loại rượu trắng nồng men tử cái bình sành nhỏ xiu trắng xanh chảy dài vào các chén xinh xinh, to bằng quả trứng... Khăn màu huyền vắt trên đầu tóc bởi, áo dài nhiều xanh biếc, ông lâm râm ngân nga các ngôn từ cung kính đã trở thành công thức để tiễn đưa chào mừng hai linh thần hành khiển trong năm: kẻ vô hình ra đi, người vô hình trình trọng bay về nhậm chức trong gió thoảng.

Rất chậm rãi, cụ lui gót bước lên thềm nhà, nhìn khoảng mở mịt trước mặt, lặng người đứng đấy, để nghe dòng suối tâm linh của mình giao hòa với thiên nhiên âm thầm cái sắc, vạn vật đang chuyển hóa mà cũng để lắng nghe động tĩnh xung quanh mình. Mỗi âm thanh vang lên trong giây phút thiêng liêng này thẩm định cho điều hung, điều kiết (cái xấu, cái tốt) trong suốt năm sắp đến.

Không biết từ nghìn xưa, ai đã quy định rằng một tiếng (tiếng người, tiếng vật) xuất hiện đầu tiên buổi Giao Thừa báo hiệu cho một điềm, lành có, dữ có. Nếu lúc ấy nghe tiếng trẻ con là sẽ gặp may mắn suốt năm. Tiếng khóc sẽ gặp chuyện buồn. Trâu bò kêu: suốt năm khỏe mạnh. Chó sủa: lông bông vô định. Mèo gào: đau yếu. Ngựa hí: phát tài. Và cổ nhiên, có quạ là có tin buồn.

Bỗng đâu có tiếng sột soạt bên cạnh mình... Cụ quay đầu nhìn lại. Thì ra là con hoàng oanh nhỏ xíu trong lồng nan giặt mình tinh giặc

và khẽ kêu riu rít một hồi dài. Nét mặt hân hoan nở ra trong đêm tối, cụ bỗng thở phào: Cát thanh (tiếng lành) Cát tường (điềm tốt) rồi! Vì tiếng chim như chim se se kêu là phúc lợi suốt năm đấy rồi. Cụ bước ra phía trước, mở cổng chính, đi một vòng rồi trở vào nhà. Cụ tự xông đất lấy nhà mình, khỏi cần nhờ ai và cũng không lo đóng cửa nhà suốt Mồng Một Tết, lỡ người ta vừa không tốt, số không may, tài cán đạo đức thua mình mà lạng quạng bước vào nhà mình sáng sớm tinh sương Mồng Một thì chắc là cả Ông lẫn Bà không vui, lo lắng pháp phùng cho cả năm xui xẻo. Có khi ngày 30 gia chủ đã phải đến nhà một cụ già nổi tiếng là giàu có phúc đức trong vùng mời họ ngày Mồng Một sáng sớm đến xông đất nhà mình để rước cái may suốt cả năm dài.

Lại cũng vào năm ấy... Màn đêm lặng lẽ buông xuống một vùng ngoại ô Sài Gòn, giữa lúc cuộc chiến đang hồi ác liệt... Từ sáng sớm, đã thấy một bày trẻ nít bận quần áo mới đủ màu, tay cầm những bao lì-xì đỏ chói, từ các căn nhà trong xóm nhỏ túa chạy ra, chạy nhày, cười đùa rộn rịp trên đường trải đá sẫm màu... Chúng rủ nhau tổ chức một cuộc múa lân và ông Địa "bò tút" vào trưa nay, có mời Ca đoàn thiếu nhi từ Ngã Ba Ông Tạ đem đàn sáo đến cùng nhau hợp xướng và nhảy múa.

Nhìn xuống vườn người hàng xóm bên cạnh, mấy chòm hoa thuộc được tím biếc, lảng muốt như nhung, chen lẫn các cây hướng dương cao vút đầy hoa vàng ối, cánh hoa nở rộ, li ti điểm giọt sương đêm, vài ba cô gái nhớn nhỏ cười nói trong gió sớm hiu hiu, ánh nắng vàng nhạt nhạt. Chàng buột miệng khẽ ngâm tiếp:

Ngày xưa
 trong sân trước sân
 có kẻ theo chồng
 đi cuộc chơi
 Xuân
 Xuân

Không hiểu do một sự liên tưởng tâm tình nào, chàng bỗng thiết tha nhớ đến người em gái xinh như mộng đồng quê vùng Hậu Giang sắp trở nên vị hôn thê của mình, nếu chuyển đi Kinh Kha của chàng năm này rực rỡ thành công cho đại nghĩa.

Trong khi ấy trên tầng lầu của căn nhà sát bên cạnh ngôi chùa mới xây mái ngói đỏ tươi, có chàng thanh niên xử lý mà cuộc sống hải hồ, mạo hiểm, lang thang từ Nam chí Bắc, từ thành thị đến bưng biển, vào sinh ra tử, đấu trí bao phen với địch lộ làng gập Tết đến bất ngờ trên hành trình của sứ mệnh. Không kịp về quê, chàng đành tạt vào nhà ăn Tết vui Xuân với bạn thân đồng khóa... Khe khẽ, chàng ngâm lên mấy câu thơ nhỏ vợ nhỏ vàng:

Nhóm này làm nghẹn bực giữa
 trong lòng quê là phố và sân

Khuê là phong sương hiện gác trọ
 Tầng nhện thien hạ đon đuan sau.
 Thế...
 Vũ...

Bùi ngủi nhỏ quê mình nằm dưới triền núi gần sông Bến Hải, ở đây có người mẹ già chưa bao giờ "chu du" ra khỏi làng để chiêm ngưỡng cố đô Huế mà Bà vô cùng mong ước, có hai đứa em vị thành niên, có bà chị đã là chinh phụ hơn 5 năm trời, hẳn bây giờ trong khí lạnh điu hiu của một miền sơn cước, ngày đầu xuân này mọi người chắc đang tưởng nhớ đến mình, không biết mình dùng gót chân giang hồ mạo hiểm ở chân trời góc biển nào hay đang nằm trong lòng sào huyết địch cũng nên... Chàng nhắm mắt, mở màng...

Đang suy nghĩ, tú tưởng mộng lung thì Vân Anh, cô em gái của bạn vừa cười nói nói bước lên lầu mời chàng xuống:

- Ba em nói: đây là một lễ tục đầy truyền thống văn hóa và cũng rất là linh ứng. Anh hãy xuống bói Kiều với chúng em. Thế là 3 anh em cạ bạn (Lễ và hai em gái là Nguyệt, Hường) và chàng đến xúm xít chung quanh một bàn tròn cùng nhau khấn nho nhỏ theo lời ông cụ dạy: "Xin thành tâm vái lạy hồn thiêng của cô Thúy Kiều cho chúng tôi một quê đầu xuân cho thực là linh nghiệm..." Tự kiểm chế cho được trang nghiêm đến đoạn cuối cùng của lời khấn thì cả 4 người đều phá lên cười giòn giã.

Hường, cô gái nhỏ mới 19 tuổi học lớp 12 trường Gia Long bói trước. Tay run run, giờ tập Kiều và cô chích nhanh với ngón trỏ vào dòng chính giữa bên trang tay mặt. Rồi nàng ngáp ngừng đọc lớn:

Xuân Hương đẹp nhất, kiều đầu tiên
 Mặt trời hướng nhất, lòng ngựa vằn lông

- Ý! Nào em có yêu ai đâu mà cũng không ai trồng cây si mình sao lại thế này? lại nói chuyện tướng tử vô vấn!

- Đừng hiểu theo cái nghĩa thông thường của câu thơ mà phải lấy ý mà bàn rộng hoặc lấy nghĩa bóng hoặc cái nghĩa lác léo của nó, hoặc nhận chân cái nghĩa thâm kín giữa hai dòng chữ mà đoán mới đúng được.

- Lễ vội nói: Cứ theo hai câu này mà xét hoàn cảnh của Hường thì năm nay em học gạo đến mệt là người, học chúm mũi chúm mắt để đi thi Tú Tài II cuối năm cho nó đậu đó. Học từ đầu hôm đến sáng, học suốt tháng trời, học hết tuần trăng, học đến cạn đầu trong đĩa mà!

- Đền điện làm gì có dầu mà hết, hử Anh? Hường cười rộ.

Đến lượt Nguyệt, nàng xin vong hồn Kiều cho nàng với vài câu có ý nghĩa rõ, không lờ mờ, không úp mở, quanh co gì cả. Và nàng bật ngửa cuốn Kiều đọc dòng thứ 14 tay trái, đúng như nàng vái:

Người lên ngựa, kẻ chia bào
 Rừng sâu phong
 Đã đơm mưa...

- Thôi rồi, chị Nguyệt phải chia tay với anh Hồ rồi. Anh bị gọi đi lính vào tháng 8 này! Mùa thu ly biệt. Hường liếng thoảng giải hai câu thơ và liếc nhìn Nguyệt đắc chí.

- Mày chỉ được cái nói tầm bậy! Ly biệt thì có thể nhưng chắc anh phải đổi số, không còn được ở Sài Gòn nữa - Nguyệt cãi lại - Đoán như thế mới đúng. Cái miệng mày ăn mắm ăn muối, nói trật lất mà lại xui xẻo nữa. Thôi nghỉ đi Bà!

- Chị ăn cái gì, tôi ăn cái nấy chớ bộ! Nào có ai ăn riêng mắm bát bao giờ mà chị được ăn cá thịt còn tôi ăn mắm muối - Hường rần rần cổ nói lại. Nhất định, em đoán đúng đó!

- Thôi, đến lượt Anh Phong (bạn của Lễ), anh bói đi, xem Kiều ứng cho anh què gì. Mà anh sĩ quan văn phòng hay sĩ quan tác chiến? Anh khấn lại, thành tâm đi! Hường nói tiếp.

- Tôi làm ở văn phòng. Phong giấu các công tác đặc vụ xuất quỷ nhập thần của mình. Chàng dở cuốn Kiều và đọc hai câu ở dòng thứ 20 bên tay phải:

Phong tay mặt vân phúc phúc
 Tiểu về đông chất
 Một thành tâm chuy

- Thôi rồi phen này anh đổi ra tác chiến. Về điều binh khiển tướng, đại thắng trước cộng quân là cái chắc. Nguyệt mừng dùm cho Phong.

- Nếu đúng như lời các cô đoán thì Tết sang năm tôi sẽ mang nhiều chiến lợi phẩm về biếu cụ, các cô và anh Lễ.

- Nhưng phải đọc thêm các câu kế xem ý tiếp diễn thế nào mới chắc ý hơn, anh Phong ạ - Nguyệt nói thêm - Để em đọc cho:

... Tóc tơ các tỉnh mỗi khi
 Oán thì trả oán, ân thì trả ân
 Đã nên có nghĩa có nhân
 Trước sau trọn vẹn, xa gần ngợi khen

Hay lắm và cũng rõ nghĩa quá. Vinh quy bái tổ rồi. Đại thắng đến rồi! Nhưng sao chỉ thấy nói "trả ân trả oán" mà Kiều không cho biết "trả tình" hay tỏ tình làm sao, hử anh Phong? Hường tình nghịch dò ý Phong.

Ông Cụ vừa chăm sóc xong mấy chậu thuộc dược màu hồng, màu tím sẫm và các chậu cúc trắng, vàng trước sân nhà, bước vào phòng và góp ý:

- Để thầy nói đến chuyện bói Kiều có liên hệ đến việc quốc sự mà nhà văn Lăng Nhân có nhắc đến như trường hợp của Đảng trưởng Nguyễn Thái Học:

"Thơ Kiều tà tâm trạng từng hạng người trước mỗi diễn biến của cuộc đời, cho nên cảnh ngộ nào cũng có một vài câu Kiều thích hợp. Những lúc ấy, thơ Kiều dường như lời tiên tri, và rồi quyển Kiều trở thành sách bói, ngoài sự toan tính của tác giả. Xin thuật lại sau đây một vài trường hợp điển hình:

Một ông vì bất đồng chính kiến bị hãm trong Chí Hòa. Ngồi bóc lịch hoài cũng ngán, nhân có cuốn Kiều trong tay, bèn xướng xuất nghề "thầy bói miễn phí" để giải trí. 3.245 câu, chia thành 651 đoạn 5 câu, ông cắt giấy bia làm mỗi đoạn một thẻ nhỏ ghi số thứ tự, tùy khách hàng thấp hướng khấn vái rồi rút ra một thẻ để đoán. Một buổi chiều, một can phạm tội giết người đến xin xóc què, xem sáng hôm sau ra tòa bị xử nặng nhẹ thế nào. Anh ta lắc ống thẻ một lúc lâu rồi run rẩy rút ra thẻ số 481. Ông thầy giờ sách tìm đọc đoạn ấy:

Nhớ ngày hành cước phương xa
 Gặp sư Tam Hợp vốn là tiên tri
 Bảo cho hội hợp chí kỳ
 Năm nay là một, nửa thì năm năm
 Mỗi hay tiên định chẳng lầm...

Thầy vừa đọc xong, người tù ngẩng lên thờ phào:

- Cám ơn thầy, thế là khỏi tử hình rồi!

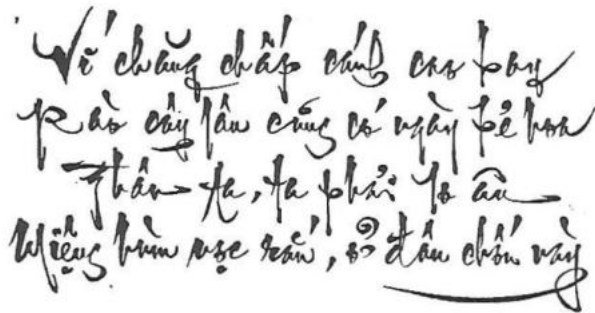
Hôm sau, thật là kỳ dị, tòa xử đúng năm năm tù ở...

Thơ Kiều có khi linh ứng thật không, sao mà biết được. Chỉ thấy một vài hiện tượng thật là kỳ quái, nên chúng ta không ngạc nhiên khi thấy liệt sĩ Nguyễn Thái Học cũng bói Kiều! Từ ngày 21.12.1927 thành lập Việt Nam Quốc Dân Đảng, tại trụ sở Nam Đồng Thư Xã ở số 6, đường 96, bờ hồ Trúc Bạch, Hà Nội, Đảng trưởng Nguyễn Thái Học chăm lo kết nạp thêm đảng viên và chuẩn bị võ trang khởi nghĩa. Đến chiều 9.2.1929 vụ bắt chết Bazin, tên trùm mộ phu đi đồn điền cao-su Nam Kỳ và Cao Miên, khiến cho nhà đương cuộc Pháp tăng cường canh phòng và bắt bỏ tình nghi, lập Hội Đồng Đề Hình xét xử. Rồi ngày 8.7.1929 thả 152 người, cho 26 người án treo, kết 47 người từ 2 đến 15 năm tù. Thái Học còn tại đào, bị kêu vắng mặt 15 năm. Một giải thưởng 5 ngàn đồng cho ai nộp được đảng trưởng. Từ đó đảng trưởng cùng một số đồng chí phải giữ tung tích bí mật. Ngày 31.1.1930 (Mồng 2 Tết Canh Ngọ) trú chân nhà một tá điền xã Hưng Thắng, huyện Nam Sách, Hải Dương, một số đồng chí tuy nặng lòng việc nước nhưng ngày Tết xa nhà không khỏi băng khuâng, khó vào giấc ngủ. Thái Học lom khom pha trà, thấy anh em yên lặng, muốn tìm chuyện cho khuấy, bỗng rút được trong bọc ra cuốn truyện Kiều vẫn thường mang theo, lật vài trang rồi lẩm nhẩm: Đầu năm thử bói một quẻ xem sao...

Mấy đồng chí cười:

- Làm cách mạng mà cũng tin bói toán nhì!

Rồi cùng xúm lại quanh ngọn đèn dầu. Học ngồi xếp bằng, hai tay chắp vào quyển Kiều, thì thảm mấy câu rồi mở đọc đầu trang bên trái:



Vì chàng chấp chưởng cao bay
Rào dấy lầu cũng có ngày sẽ hoa
Thần hạ, ta phải ta an
Miếng bím sọc rằn, ở đâu chốn này

Một đồng chí lớn tuổi rụt rè nói:

- Chúng nó bùa vây tử phía, nội bộ lại có mấy tên phản trắc, mình tấn công ngay không phải dễ, hay là hãy chờ dịp thuận tiện hơn...

Ký Con vùng vằng:

- Hỡi đầu mà bận tâm về chuyện mê tín! Thời đi ngủ lấy sức đối phó với quân thù đang rình rập khắp nơi kia kìa!

Thái Học nói thêm:

- Chúng ta làm việc nước phải vững tâm bền chí, không thành công thì cũng thành nhân, lời thánh hiền đã nói. Hướng chi lòng người đang sôi sục trông về chúng ta, không thể nào chúng ta lùi bước được. Và lại lệnh tổng động binh ngày 10.2.1930 này đã truyền đi rồi, anh em phải nhất tề đứng lên hiến thân cho tổ quốc!

Lệnh tuy đã ban ra nhưng việc giao liên phải tránh tai mắt thám, tránh cả những đảng viên chứa tin cậy được, nên tin không đến đích đúng hạn. Xứ Nhu chờ sốt ruột, đêm 9.2 cầm quân đánh Hùng Hóa và Lâm Thao, bị thương và cầm tù, đập đầu vào tường tự sát. Ngày 10.2 Ngô Hải Hoàng và Bùi Tú Đoàn đánh Yên Bái giết 10 sĩ quan và hạ sĩ quan Pháp nhưng rồi phải rút lui. Chiều ngày này Ký Con cho ném tạc đạn vào nhà Chánh Mật Thám nhà pha Hòa Lò, Sở Cảnh Sát Hàng Trống và Hàng Đậu, không gây thiệt hại quan trọng... Ngày 13.2 đánh đồn binh Kiến An thất bại. Ngày 15.2 đánh huyện Phụ Dực (Thái Bình), tri huyện trốn thoát, ta tịch thu súng đạn và công văn rồi hợp với cánh quân đánh Vĩnh Bảo giết tri huyện Hoàng Gia Mô. Để khủng bố, Pháp cho ném bom làng Cổ Am. Đến 21.2.1930 Thái Học cùng hai đồng chí định do ngã Đông Triều vượt biên giới sang Quảng Tây thì khi qua địa phận ấp Cổ Vịt bị sa lưới.

Ví thử đảng trưởng tin dị đoan, nghe thơ Kiều mà dửng dưng không với tổng động binh, rồi "xa chạy cao bay" thì biết đầu đại sự sau này không đến nỗi thảm bại như thế... (Lãng Nhân).

- Các con bói Kiều nhưng sao không thấy đứa nào thử khai bút đầu năm xem nào! Các cụ thuở trước và thầy đây cũng vậy, sáng Mồng

Một có lệ làm bài đường thi hoặc lục bát để vịnh cảnh, vịnh tình (tự vịnh, tự thuật...) hay giải bày niềm tâm sự của mình. Tuy là cảm hứng xuất thần trong linh khí của ngày đầu xuân nhưng có tưởng quan mật thiết kỳ diệu với cuộc đời và nhân thế của tác giả trong suốt một năm dài. Vì bài thơ, do một sự huyền bí nào vậy nên gieo vào tâm linh thi nhân ngòi bút sẽ phản ảnh hành động, sinh lực, vận mệnh của chính họ. Thi văn nhân thuở trước nâng cao việc khai bút đầu năm này thành một nghi lễ đầy cung kính. Áo quần chỉnh tề, tắm rửa sạch sẽ, họ cầm cây bút thảo những dòng chữ Hán tài hoa như rồng bay phượng múa trên các vuông giấy màu đỏ choét làm thành những bức tranh tuyệt mỹ giống như các bức họa của họa sư. Để rồi long trọng treo vào chỗ danh dự nhất của ngôi nhà, thường thì hai bên nhà thờ, nơi cúng tế gia tiên. Thầy đọc cho các con nghe một bài khai bút mừng xuân mà nhà cách mạng Phan Bội Châu đã gởi gắm thâm kín trong đó tâm sự "xoay đổi thời thế" của mình để cứu nước:

"Quần bất kiến Nam, Xuân tự cố đa danh sĩ? (1)

Đã chơi xuân đừng quên nghĩ chi chi

Khi ngâm nga xáo lộn cổ kim đi,

Lùa tám côi nếm về trong một túi.

Thơ rằng:

Nước non Hồng Lạc còn đây mãi,

Mặt mũi anh hùng há chịu rời?

Giang sơn còn tỏ vẽ mặt nam nhi,

Sinh thời thế, phải xoay nên thời thế.

Phùng xuân hội may ra, ừ cũng để,

Nắm địa cầu vừa một tí con con,

Đạp toang hai cánh càn khôn,

Mẫu hậu:

Đem xuân về lại trong non nước nhà,

Hai vai gánh vác sơn hà,

Đã chơi, chơi nốt, ở chầu chầu xuân".

(Chơi Xuân) - (Sáng tác trước 1905)

Cụ đồ đứt lời, Phong vội tiếp:

- Các con không có lệ khai bút như Ba, nhưng con đọc trong báo xuân năm nay, có bài thơ xuân trúng giải cuộc thi thơ do Đài Phát Thanh Sài Gòn tổ chức. Tác giả là một vị giáo sư ở một miền duyên hải. Bài thơ rất đặc sắc gọi lên những rung cảm dạt dào tình ái mà cũng mang một sắc thái hào hùng đầy thi vị trong cuộc hội ngộ mừng xuân giữa chinh phụ với người yêu chiến sĩ của mình:

Xuân Chiến Đấu

Ly rượu này anh uống cạn đi

Lòng nên nguôi lại chuyện biên thù

Hôm nay xuân đến rồi anh ạ

Anh hãy vì em uống cạn ly

Nàng với tay nâng rượu đến tôi

Ngoài kia xuân nhón gót qua đồi

Bướm bay hoa nở, tôi nâng thấy,

Im lặng nhìn nhau, chỉ thế thôi

Nào! Uống đi anh! Rượu khai hoàn

Tuổi anh vừa đứng tuổi hiến ngang

Tóc xanh anh đã nhiều sương gió

Thì mỗi hôm qua biệt chiến trường

Để trở về đây đón lấy xuân

Vì anh! tay chèo rượu em nâng

Vì anh! Em sẽ khâu lành lại

Áo chiến anh tôi rách mấy lần

Khi áo khâu rồi cả nút khuy

Và khi rượu cạn cả vành ly

Anh nên đứng dậy rồi quay mặt,

Sương gió chờ anh, anh cử đi...

Nguyễn Văn Ty (1961)

Cụ đồ bảo con đọc lại bài thơ lần thứ hai. Rồi lớn giọng cụ bình thơ: Hay lắm! Xứng đáng được giải thưởng.

Ly rượu tân xuân! Một nguyên cớ để khiến hứng cho nhà thơ, để gợi tình cho nhân vật.

Bức tranh gói trọn vẹn một thiên anh hùng ca đẹp nói lên những rung cảm dạt dào của người còn ở lại, những kích cảm sôi nổi của kẻ

ra đi đã trở về để rồi sẽ ra đi nữa vì sự mệnh, đại nghĩa chưa chu toàn.

*Ly rượu này anh uống cạn đi
Lòng nên người lại chuyện biên thù
Hôm nay xuân đến rồi anh ạ,
Anh hãy vì em uống cạn ly...*

Chén rượu khai hoàn tân xuân chỉ là một cơ hội nghỉ ngơi tạm thời của người chiến sĩ, để ôn lại những chiến công còn ghi trên "tóc xanh nhuộm đầy sương gió" để hưởng những giây phút đắm say tuyệt vời bên cạnh người yêu trong khi bên ngoài, chiếc áo xuân phủ tràn trên Đất Nước:

*Nàng với tay nâng chén đến tôi
Ngoài kia xuân nhón gót qua đời
Bướm bay hoa nở, tôi nàng thấy...*

Các tiếng "nhón gót qua đời" tuyệt diệu, đáng khuyển những vòng son đỏ chói! Hay lắm!

Lời chúc rượu tuy còn phảng phất một ít phong khí yêu đương kín đáo của người chinh phụ thuở nào của thế kỷ cổ điển trước những diễm tình, tuổi vui và đầy khích lệ hơn nhiều.

*... Nào uống đi anh, rượu khai hoàn,
Để trở về đây, đón lấy xuân
Vì anh, tay chúc rượu em nâng
Vì anh, em sẽ khâu lành lại*

Áo chiến anh tôi rách mấy lần...
Tuyệt nhiên, không có những cử động giả tạo đầy kịch tính của một cảnh:

*Múa giỡn, cười đùa chưa tàn
Chỉ ngắm ngắm xuân
Và ngắm hàng tre
(Chinh phụ ngâm)*

Và cũng không hề tỏ tình âu yếm một cách mềm yếu như nỗi lòng chinh phụ một thuở nào:

*Xin vì chàng xếp bào cỡi giáp
Xin vì chàng rũ lớp phong sương
Vì chàng tay chúc chén vàng
Vì chàng điểm phấn đeo hương nào nung*

(Chinh Phụ ngâm)

Không! Trong lần gặp lại ở đây, nàng chỉ kịp nhận thấy ở người yêu: "Tóc xanh, anh đã nhiều sương gió" và "áo chiến anh tôi rách mấy lần" thôi. Chỉ có thể nhưng ai biết đâu những rạo rức sóng gió trong lòng mình! Để mà kính nể, cảm phục. Lòng ngưỡng mộ khích động được tượng trưng bằng ly rượu nồng gợi cảm những ngày xuân chiến thắng, dâng đến cho ai, trong cảnh bướm bay hoa nở bên ngoài.

Tuyệt! Hai câu cuối lại càng đặc thế lắm. Ý thơ không chút nào bị lụy mà lại hùng tráng đầy khích động và phấn khởi.

*Anh nên đứng dậy rồi quay mặt
Sương gió cho anh, anh cứ đi*

Hay và đạt lắm! Cụ đồ phụ họa với các con và khen nức nở... hờn thờ và cảm khái của thi nhân diễn xuất cảnh mừng xuân không được vui trọn vẹn bên cạnh vợ hiền của người chiến sĩ oai hùng dăm dăm nhìn về cõi biên thù ngập tràn khói lửa. Đó cũng là điểm hẹn quyết tử của người lính biên phòng trong những ngày hiểm nguy đầy vinh quang sắp đến.-

GIẢI ĐÁP ĐỐ VUI

"XEM HÌNH ĐỌC TÊN" của họa sĩ Bùi Bảo Thạch đăng trong báo Viên Giác số 96 trang 151

- | | |
|--------------------------------|---------------------------------|
| 1- Trọng bệnh hoặc Tải-thương | 52- Trèo cây |
| 2- Trảng pháo | 53- Trẻ nhỏ |
| 3- Tranh ảnh | 54- Trò-truyện |
| 4- Trâu nước tức Hà-mã | 55- Trị-vi hoặc Thiên-tử |
| 5- Tướng hát Tuồng | 56- Trén-lâm |
| 6- Trơn tuột hoặc Tể ngựa | 57- Tre hay Trúc |
| 7- Trái khản | 58- Tàu-hỏa hoặc Trật đường rầy |
| 8- Trùn | 59- Trí-não |
| 9- Tròng hoặc Thông-lọng | 60- Trâu |
| 10- Trang-phục hoặc Tráng-sinh | 61- Trỏ đường |
| 11- Truyền-hình hoặc Ti-vi | 62- Tàu-trình |
| 12- Trồng cây | 63- Trói |
| 13- Trốc gốc | 64- Trũ trái |
| 14- Trơ-trụi | 65- Thầy-đồ viết chữ |
| 15- Trống cái | 66- Trảng hạt trần châu |
| 16- Trống com | 67- Trang sách |
| 17- Tủ-sổ | 68- Tranh-đua hoặc Thi chạy |
| 18- Tường gạch | 69, Trang-su (Luật-su) |
| 19- Trái tim | 70- Trao tặng huy-chương |
| 20- Tượng (voi) | 71- Trọc đầu |
| 21- Tòng-teng | 72- Tráng-sĩ |
| 22- Tuổi cây | 73- Tràn đầy |
| 23- Tuổi cười hoặc Toác miệng | 74- Trâu không |
| 24- Túc-giận | 75- Trái đất |
| 25- Tóc mai | 76- Trầm-ngâm hoặc Tu-lự, |
| 26- Tổ chim | 77- Trục bánh xe-hơi |
| 27- Tòa án hoặc Thám-phán | 78- Tuần-lộc (Hươu, Nai kéo xe) |
| 28- Tóc thề | 79- Tinh-tu hoặc Tuệ-tĩnh |
| 29- Tơ nhện | 80- Trông-ngóng |
| 30- Tườu (khí) | 81- Tủ-thần |
| 31- Thực-quản hoặc Tiêu-hóa | 82- Tùm-hụp |
| 32- Tiêm (chích) | 83- Tiền giấy |
| 33- Tĩa cảnh | 84- Thông |
| 34- Thương-binh | 85- Trường đua ngựa |
| 35- Tở ong | 86- Tu-huyết hoặc Thối còi |
| 36- Từ-tính (nam-châm) | 87- Tụng-niệm |
| 37- Tỉ-thí | 88- Trượt băng |
| 38- Thuốc gấp | 89- Thế-vận-hội |
| 39- Thiên-nga | 90- Tung-tóc |
| 40- Thực-đơn | 91- Tủ |
| 41- Thu-lôi | 92- Thuốc lá |
| 42- Thỏ | 93- Thập-tự |
| 43- Thọ-duòng (hòm, quan-tài) | 94- Từ-mẫu |
| 44- Thọ mộc | 95- Tuấn-mã |
| 45- Thủ-môn Túc-cầu | 96- Tiền lẻ |
| 46- Tra tự-diễn | 97- Tôm hùm |
| 47- Tự-diễn | 98- Tu-sĩ khát thực |
| 48- Trát vữa | 99- Từ-nhân |
| 49- Trai Hương-dạo | 100- Trợn tròn mắt |
| 50- Trẻ rồn | 101- Trán |
| 51- Trẻ môi | 102- Trượt tuyết |
| | 103- Trung-đoạn |



Bùi-Bảo-Thạch
11-11-1996

Tôi có một ông bác, nay tuổi đã trên 80, thuở thiếu thời, vì sinh kế, đã bốn ba khắp tứ xứ, rồi cuối cùng trời nổi đến tận miệt Sóc Trăng khi ho gà gáy, chó ăn đá, gà ăn muối, những lòng người lại rất thuần hậu.

Trong cuộc sống ly hương, lòng ông lúc nào cũng hướng về quê cha đất tổ, bà con dòng họ.

Cũng như những người Quebecois, sau bao nhiêu thế hệ lập nghiệp ở Canada, thường tìm về miền Bắc nước Pháp để truy tầm tông tích cội nguồn.

Với mộng ước của ông là nếu có dịp sẽ ra Bắc tìm cho được ngôi làng nguyên quán, chỗ mà ngày xưa ông tăng tổ họ Nguyễn chúng tôi đã bỏ nơi chôn nhau cắt rốn, theo Chúa Nguyễn Hoàng vào lập nghiệp ở Đàng Trong. Mộng ước của ông đã không thành sau khi đất nước chia đôi bởi Hiệp định Genève. Sau ngày thống nhất cũng không thực hiện được, một phần vì tuổi tác chông chênh, một phần vì những thủ tục rườm rà phiền toái của guồng máy chính quyền Việt Cộng.

Tôi cũng có một tấm lòng hoài cổ, một sở nguyện như ông, nên hồi còn ở Việt Nam, mỗi lần bác cháu gặp nhau, chuyện trò rất hứng thú, không dứt, thường thì tôi chỉ đóng vai thính giả nghe chuyện, cùng lắm là nêu lên một vài ý kiến nhỏ phải ghi lại trên giấy trắng mực đen, hoặc phải hệ thống hóa gia phả theo đường lối khoa học.

Tháng rồi có người từ Việt Nam qua, tôi nhận được một thùng đồ khá lớn toàn là sách vở, có cuốn thật cũ, giấy bằng gỗ ép, gần như mực nát viết bằng chữ Nôm, có cuốn mới hơn, bìa đóng gáy cẩn thận, tôi nhận ra ngay chữ viết của bác tôi. Đây là những tài liệu về dòng họ chúng tôi mà bác tôi đã tích lũy, gìn giữ từ mấy chục năm qua.

Tôi mở thư ra đọc:

"Gần mười mấy năm nay, bác đã về hưu, nên có nhiều thời giờ tìm tòi, sưu tập thêm nhiều tài liệu hầu hoàn tất cuốn gia phả dòng họ nhà mình, nay tuổi đã già, sức yếu, không biết về với ông bà lúc nào, bác gởi cho con tất cả để con hoàn thành, một cuốn gia phả chính thức cho các thế hệ về sau.

Bác tin tưởng ở con nhiều lắm vì cũng như bác, con nặng tình với Tổ Tiên và con còn biết một ít chữ Nôm nữa. Con ráng viết bằng tay vài ba bản, chỗ đứng đánh máy hay cho vào máy điện toán gì đó, làm như vậy là thất kính với các cụ...

Thôi chết rồi, nhìn lại những cuốn sách dày cộm mà ngao ngán, nếu làm đàng hoàng như ông bác tôi muốn, ít nhất cũng phải mất vài ba năm, và lại chuyện này đâu phải là trách nhiệm của tôi, tôi bèn điện thoại cho ông anh cả, người con thừa tự.

Ông cười ha hả:

- Thôi, chú mi ráng làm đi cho bác hài lòng, bác tin tưởng lắm mới giao cho mi, mi làm việc cẩn thận, lại biết chữ Nôm, thôi bắt đầu đi, phần tao, để tao ráng thu thập đầy đủ thế hệ của tụi mình với bầy con cháu, kể ra cũng năm, sáu chục đứa cháu đầu có ít. Nhiều đứa có tên Tây, tên Mỹ tùm lum, thế nào cũng bị ông già cản nhần.

Tôi bèn gọi mấy đứa em dò hỏi ý kiến, tụi nó trả lời:

- Tuồng chuyện gì, chỗ chuyện ấy để ợt hà, để tụi em cho vào máy điện toán, cỡ một tuần là xong, anh muốn mấy bản cũng được.

- Ông già không chịu đâu, ông có dặn phải viết bằng tay, đánh máy cũng không được nữa, chỗ gửi về bàn giấy điện toán, ông dám



xuôi rồi đi luôn lắm.

Tôi định bụng mở những tập tài liệu, đọc từng dòng chữ rất nắn nót cẩn thận của bác tôi, rồi nghĩ ngợi vẩn vơ, những dòng chữ bỗng nhạt nhòa, một thời thơ ấu chợt hiện ra trước mắt.

Trong những ngày khói lửa của những năm 45-46, ba tôi lên đường bỏ nhà ra đi, tính làm chuyện lớn. Mẹ tôi bỗng hai con nhỏ về nương náu quê Nội. Trên con đường đất sét, đầy lỗ chân trâu, mẹ tôi khấp khểnh bước thấp bước cao, nhiều khi trượt té lộn mào.

Tội nghiệp mẹ tôi, một tiểu thư xứ Huế, được nuông chiều từ nhỏ, chưa hề đụng đến công việc tay chân, nay phải về làm dâu quê Nội, lại không có chồng bên cạnh. Bây giờ tôi vẫn còn nhớ rõ những nét úu tu, những giọt nước mắt long lanh trên khuôn mặt thanh tú của mẹ tôi.

Trái với nỗi sợ hãi của mẹ tôi, bên Nội đã rước chúng tôi với tất cả tình thương thật thà, chất phác, nồng nàn, bộc lộ trên từng khuôn mặt, từng cử chỉ, câu nói, giọng cười.

Chẳng mấy chốc, chúng tôi đã hòa mình vào đời sống đại gia đình.

Có ngôi bên Nội tôi nằm dựa lưng vào dãy Trường Sơn, gồm mấy chục mẫu ruộng, một vườn hồ tiêu, một vườn cây ăn trái, một gian nhà kang trang năm căn ba chái. Nhờ vào hoa lợi của ruộng vườn, cả đại gia đình sống khá sung túc, và Nội tôi đã đủ sức gởi ba người con trai ra Huế học.

Nội tôi là một ông Khóa, sau mấy lần thi trượt bèn bỏ lều bỏ chông vui thú điền viên.

Đời sống của Nội là đời sống của một điền chủ bực trung.

Sáng sớm, sau củ thuốc phiện, chè tàu, cơm cháo, Nội thay quần áo rồi thung thủng ra vườn, ruộng, coi sóc qua loa. Mặt trời đứng bóng, Nội trở về nhà ăn cơm. Nội ăn một mình, nhắm nháp cà giở, thức ăn của Nội phải nấu riêng, tôi còn nhớ người thích nhất là cá trạch, một loài lươn biển, trước nhà có một hồ lớn, sáng nào tôi cũng ra đứng nhìn cả hàng trăm con cá Nội nuôi uốn lượn, hoặc nhảy lên đớp mồi. Những món ăn của Nội tôi chỉ có cô út nấu, Nội mới vừa miệng.

Sau giấc trưa, Nội thay quần áo mới, khăn đóng giày hài, mặt trời vừa xuống lưng đồi là Nội dùng đĩnh đi thăm đàn bà con gái.

Nội tôi có số đào hoa chiếu mạng, ngoài một chính thất, một nàng hầu ở nhà, Nội còn bốn, năm tình nhân trong làng, vài ba cô các làng kế cận, thành thử thời khóa biểu của Nội buổi chiều và buổi tối rất nặng nề, được một cái là Nội cứ xử rất êm đẹp, không có cái cảnh ghen tuông giận hờn chi cả, chỉ khổ ba tôi và các chú bác, sau này phải lặn lội khắp nơi một khi nghe tin phong phanh có người anh em cùng cha khác mẹ ở đâu đó.

Nội tôi thường nói:

- Tao khi ngủ hoặc nằm phải ôm một cái gì mới chịu được.

Cũng vì cái tật đó, mà Nội đã phải mất mạng.

Năm 49, 50 gì đó, Tây càn quét làng tôi, kêu tất cả mọi người trong nhà ra trình diện trước sân, Nội lật đật theo sau, tay ôm chiếc gối dài. Bọn Tây sợ Nội giấu súng hay lựu đạn trong đó nên bắn ngay một phát trúng tim.

Nội chết tức khắc.

Sau này nghĩ lại, nếu Nội còn sống sót, chắc chắn sẽ bị chết nhục nhã trong những đợt đấu tố địa chủ của Việt Cộng.

Thời gian tôi sống ở quê Nội là những ngày thần tiên. Tôi được Nội cưng chiều nhất trong đám cháu chắt. Sáng nào, tôi cũng dậy sớm lò dò lên nhà trên, ngồi trong lòng Nội, thở hít hương thơm quyện trong không gian, mùi thơm của thuốc phiện, mùi trà tàu, mùi trầm hương còn đọng lại từ hàng tháng, hàng năm, không biết đã có tự bao giờ. Có lúc Nội cháu bày cờ tướng ra chơi, hoặc Nội dạy tôi võ vẽ làm thơ, làm phú.

Lúc Nội đi thăm đồng áng, thì tôi tha hồ rong chơi.

Tôi là một đứa trẻ nghịch ngợm, rần rật quí quai, muốn làm gì thì phải làm cho bằng được, có lúc phá quá, mẹ tôi nổi giận, bắt nằm ra đánh, tôi nằm im chịu đòn, không khóc một tiếng, đến lúc Nội về, tôi đem cái đít đầy lươn lên trình diện Nội. Nội tôi nói nặng, nói nhẹ mẹ tôi một hồi rồi lấy dầu Khuynh Diệp ra xoa bóp cho tôi. Mẹ tôi chỉ biết thở dài, từ đó không còn ai làm phật ý tôi nữa.

Thường thì ăn trưa xong, mẹ tôi bắt hai anh em tôi đi ngủ, rồi dạy học bài vở, nhưng ít khi tôi theo đúng thời biểu.

Đội mọi người nhắm mắt là tôi lên ra vườn trái cây âm u tho thẩn tha hồ thám hiểm phá phách.

Có bữa tôi lang thang đi tuốt ra sau vườn phía chân núi, chợt thấy một căn lều nhỏ, một người râu tóc xồm xoàm, chân bị xiềng

sắt vào một cây cột khá lớn, đang nhìn xa vắng, nói năng lảm nhảm. Về sau, hỏi ra mới biết đó là chú Hùng. Chú tôi học rất giỏi, đẹp trai, đậu xong bằng Thành Chung thì ra làm việc nhà nước, chú bị đổi lên Lào, yêu một cô gái Lào, hai người ăn ở với nhau một thời gian thì chú tôi được đổi về xuôi, trước khi ra đi, chú đã thề thốt sẽ trở lại đón người yêu, nhưng sau đó, chú lại gặp một người thiếu nữ khác rồi thay lòng đổi dạ. Mấy tháng sau chú phát điên, ai cũng bảo chú đã bị cô gái Lào thứ ếm. Sau này, tôi cũng có chút máu điên điên, có lẽ do ảnh hưởng của chú truyền lại.

Thuở đó, người điên ở thôn quê hầu như bị bỏ rơi, có bữa người nhà quên đem thức ăn tới, chú phải bốc củt mà ăn.

Hồi đầu tôi cũng sợ lắm, nhưng sau vài lần đến thăm chú, thấy chú thuộc loại điên hiền, nên tôi càng ngày càng thân thiết với chú hơn, tôi thường đem bánh, trái cây cùng ăn với chú.

Lúc tinh trí, chú nói chuyện đàng hoàng, tiếng Tây như gió, thỉnh thoảng lại thêm những tiếng lạ hoắc, chú bảo đó là tiếng Lào. Có bữa chú bảo tôi:

- Mì thào công cho tao rồi tao dẫn mi đi tìm thím bên Lào.

Tôi vào nhà, lấy trộm khóa mở còng chân cho chú, rồi chú dẫn tôi lên núi, đi lòng vòng suốt đêm. Sáng ra, cả nhà đi tìm, thấy chú cháu tôi ôm nhau ngủ vui trong hốc núi.

Vài năm sau tôi được tin chú bị bệnh nặng rồi chết trong cơn binh lửa vì không ai săn sóc.

Trong cơ ngơi của Nội tôi, các tá điền trai tráng độ ba bốn người ăn ở thường trực trong nhà, kẻ chăn giữ trâu bò, người lo vườn tược, cây ăn trái, đến mùa gặt cấy hay mùa hồ tiêu thì số người tăng lên gấp bội. Các cô tôi lo lắng công việc nấu ăn bận bịu, chân chạy không chấm đất. Phía đàn bà con gái cũng gần một chục O. O thì lo nấu ăn bếp núc, O thì lo bầy gia súc gà vịt, heo nái, heo con. Suốt ngày ai nấy đều bận bịu, cả đến mẹ tôi, thấy không khí vui vẻ cũng theo giúp các cô tôi. Không ai kèm kẹp, tôi tha hồ chạy nhảy rong chơi.

Trong đám trai tráng giúp việc, tôi khoái nhất chú Năng, chú mồ côi, mồ cút, được Nội tôi đem về nuôi từ nhỏ, coi như người trong nhà, khi tôi gặp chú thì chú đã trên ba mươi, nghe nói chú cũng có vợ con, nhưng bị Tây giết trong một vụ ruộng bở. Tính tình chú vui vẻ, chất phác, không làm mất lòng ai bao giờ, đặc biệt là chú rất thương con nít. Chú thường cho tôi ngồi trên cổ, trên lưng rồi chạy long nhong trong vườn, chú chỉ cho tôi hái những trái chín, bắt những tổ chim chào mào, chim manh manh, chim chích chòe. Chú thuộc lòng những cây trái ở trong vườn, cây cam nào ngọt, cây ổi nào trái dòn, ngày nào chú cũng dúi vào tay tôi một vài ba quả vừa chín tới.

Nội tôi có một đàn trâu bò gần 20 con, tất cả mọi chuyện đều do chú lo liệu, tuy không phải là một thú y sĩ nhưng con nào biếng ăn, con nào nhác uống là chú định bệnh ra ngay và điều trị bằng các thủ cò cây thuốc gia truyền. Có lần tôi thấy chú đỡ đẻ cho một con bò cái, chú vừa lúi con bê con,

vừa thủ thi với bò mẹ y như một bác sĩ sản khoa chính cống. Chú thường đàn bò, đàn trâu của chú như con cái. Chú đặt tên cho từng con, hình như tụi trâu bò cũng hiểu được tiếng chú. Chú chỉ cần nói vài ba câu là cả đàn rầm rập nghe theo. Mỗi khi đám dân cây đem trâu bò về trả lại chú sau một ngày cây cấy, trước khi nhận, chú sắm soi đi khám xét từng chút và sẵn sàng lớn tiếng gây lộn nếu con vật có thương tích.

Mỗi lần kỳ giỗ hay quan, hôn, tang, tế, Nội tôi ra lệnh hạ bò là chú u ê cả tuần. Ngày giết bò, chú lạng lẽ bỏ đi lang thang ngoài đồng ruộng. Nội tôi cũng biết tình cảm nhạy của chú với đám sự vật nên không bao giờ giao một công việc nào trong những ngày sát sanh.

Chú Năng không ở đây nhà sau như các tá điền giúp việc khác, chú che một căn lều nhỏ sát cạnh chuồng trâu bò.

Trong chòi, chỉ có một cái giường con, một chiếc võng, vài vật dụng như chiếc điếu cày, một ấm trà sắt vòi và vài chén đất còn lạnh lặn, dưới giường là một thùng gỗ lớn, đó là tất cả gia tài của chú gồm có vài bộ áo quần, vài cuốn sách, vài tấm hình mà chú quý như vàng.

Thường thường chiều về, cơm nước xong tôi lên xuống nằm chơi với chú, tôi nằm võng, chú nằm giường, thỉnh thoảng chú lấy chân đạp cho võng đong đưa, rồi tôi bắt chú kể chuyện trên trời dưới đất, chuyện đồng áng, chuyện đặt bẫy bắt thú, bắt chim, ới thời đủ thủ chuyện. Có lúc cao hứng chú lấy bộ Đồng Châu Liệt Quốc, cắt tận đáy rương ra, vừa đọc vừa diễn nghĩa, những lúc này chú say sưa, nói năng lưu loát nhẹ nhàng, khác hẳn với thường lệ.

Tôi nằm nghe một lát rồi ngủ thiếp đi theo nhịp lắc đều đều của chiếc võng, tai mơ hồ nghe tiếng cóc nhái, ếch ương lẫn với tiếng nói vắng vắng của chú. Sáng hôm sau thức dậy, ngạc nhiên thấy mình nằm đắp mền ấm áp trên chiếc giường con nhà trên.

Mấy năm sau, khi tôi đã trở lại tình tự đổ vào đội du kích xã rồi bị bắt chết trong cuộc càn quét của lính Lê Dương.

Thường thường, khi mặt trời đứng bóng, người lớn tạm nghỉ công việc để nghỉ ngơi giải lao chốc lát, tôi lên ra đồng, tụ họp với đám mục đồng chơi đùa thỏa thích. Biết tôi là cháu ông phú hộ, cha chú bọn chúng đều làm vườn cho ông tôi, nên tôi được bầu làm đầu đàn, chúng nó dạy tôi lấy mủ bắt chim, những con chim xanh đỏ rực rỡ thấy thân cây trở trụ, xà xuống đậu, chân dính chặt vào mủ nhựa, đập cánh mãi mà không làm sao bay lên được. Bọn nó bắn ná thật cừ, củ mỗi viên đạn là một con chim, có đứa chuyên môn bắt rắn, bắt ếch, câu cá, câu tôm, đá đế, thả diều. Tôi dạy chúng nó những trò chơi tinh thành như đá banh, bóng chuyền, có lúc cao hứng dẫn đội banh qua làng bên dựng độ, những lúc thẳng trận, tôi bắt chước ông Đình Bộ Lĩnh về bắt trộm mấy con gà nấu cháo thết đãi ba quán.

Những buổi chiều về, sương lam bao phủ, núi rừng mang một vẻ đẹp hoang vu, huyền bí, tôi thường rủ tụi mục đồng lên thám hiểm, nhưng đứa nào cũng từ chối, không dám bỏ trâu bò lang thang một mình ngoài đồng nội.

Tôi rủ chú Năng, chú cũng không chịu đi:

- Trên nỏ có nhiều chuyện dễ sợ lắm, mi muốn đi thì tìm thằng Kha, cái thằng đen đen thường ngồi gần người bên tế tề.

Chú Kha là người Chàm, chú ít nói, ít giao thiệp với mọi người, chú chuyên lo chăm sóc vườn tiêu, vườn cây ăn trái, vườn cảnh của Nội tôi. Thỉnh thoảng chú lên rừng đốn cây làm củi. Những ngày cận Tết, chú được Nội tôi cho chú nghỉ để lên núi đào hầm, gài bẫy bắt thú rừng.

Tôi lân la làm quen với chú, lúc đầu chú lạnh lùng không bắt chuyện, tôi phải năn nỉ hết lời chú mới cho tôi theo lên núi, dưới những tàng cây rậm rạp, tiếng chim kêu vượn hú, tiếng côn trùng rên rì, tôi thấy mặt chú rạn rỏ hằn ra như kẻ tha hương cầu thực phưởng xa được về lại quê nhà.

Chú cười nói huyền thuyên, chỉ tên từng loại cây, công dụng của các dược thảo, chú dẫn cho tôi đi xem những tổ ong rừng, hái những trái cây ngon ngọt. Hồi đầu, tôi còn sợ hãi cảnh âm u thần bí của núi rừng, rồi dần dần dần ra dạn dĩ, có bữa tôi chạy chơi một mình rồi lạc đường lúc nào cũng không hay, sợ quá bụng đánh lỏ tở, chột nhỏ lại lời chú dặn là nếu có lạc thì cứ đứng yên một chỗ rồi ráng hú to.

Quả nhiên giấy lát sau, tôi nghe tiếng chú hú lại trầm bổng ngút ngàn.

Lâu dần rồi tôi trở thành người thân thiết của chú, những lúc rảnh rỗi tôi đi dò theo chú làm vườn, chú chăm bón cây cảnh cẩn thận từng ly từng chút, tôi đi theo nghe chú giảng giải, thỉnh thoảng chú lại nói thì thầm lẫn lẫn với cây cối như nói chuyện với những người thân tình.

Một bữa nọ, chú ăn mặc sạch sẽ đàng hoàng, mặt mày dăm chiêu tay xách lễ mễ một gói đồ lớn sắp sửa lên núi, tôi xin chú đi theo, nhưng chú nhất quyết không chịu, tôi bèn lẩn theo sau, đi được nửa đường, chú nhìn quay trở lại bắt gặp tôi, tôi lại năn nỉ gây cả lũ, chú mới cho theo, những bắt phải thề là không được nói lại với bất cứ ai những gì thấy được. Sau mấy tiếng đồng hồ trèo đèo lội suối, chú nhìn quanh quẩn rồi vạch lá tiến vào cửa động, chúng tôi lỏ mò rỏ rẫm chui vào con đường hầm âm u sâu hun hút, lát sau, đường rộng dần rồi chúng tôi tiến vào một động đá ánh sáng chói lòa. Đây là một thạch động thiên nhiên được tu bổ lại không biết từ bao lâu, không khí mát mẻ, trang nghiêm, không một tiếng động, chính giữa động là một bức tượng điêu khắc tỉ mỉ, đặt trên một bục đá cao quá đầu tôi. Hình tượng có dáng đẹp như những tượng cổ ở Bảo Tàng Viện Chàm.

Chú Kha mở gói ra, bày biện cẩn thận chặm rãi những đồ tế lễ, xong rồi chú thấp nhang làm rầm cầu nguyện bằng một thủ tiếng mà tôi không hiểu nổi, có lẽ là tiếng Chàm. Chú lạng lẽ ngồi nhìn tượng đá một hồi lâu, rồi thu xếp lễ vật mang về.

Ra khỏi động, chú đem xôi gà, trái cây vừa cúng ra rồi mời tôi ăn, vừa ăn chú vừa nói:

- Tượng đá mi vừa thấy là ông tổ của dân Chăm, nếu tượng bị mất hay bị hư hại thì dân Chăm sẽ bị diệt chủng. Mi nhớ kỹ, đừng nói lại với ai những chuyện mi thấy nghe.

Vài tháng sau chú bỗng bỏ đi biệt tích, không một lời từ giã, có lẽ chú đã trở lại núi rừng, trong một hang động nào đó, để sống cuộc đời riêng tư của chú.

Kể cũng lạ, không hiểu sao trong kỳ ức khoảng thời gian thờ ấu của tôi, các người bà con ruột thịt, như các bác, các chú, các cô gì, chỉ lơ mờ ẩn hiện. Có lẽ vì họ còn sống cả và tôi vẫn được tiếp xúc thường xuyên.

Các bác, chú tôi tưởng đối đã thành công trên đường đời, còn các cô tôi thì đa số long đong, duyên phận lỡ làng, có lẽ Nội tôi đã làm khổ nhiều đàn bà nên đám con gái phải chịu hậu quả. Cha ăn mắm thì con khát nước mà.

Hai năm sống bên quê Nội đã để lại trong lòng tôi nhiều kỷ niệm khó quên. Xóm làng cũng giống như bất cứ xóm làng bình thường miền quê được tà trong Quốc Văn Giáo Khoa Thư, có lũy tre xanh bao bọc, ruộng đất miền Trung hiếm hoi, cần cỗi, khí hậu lại khác nghiệt, nên đời sống tạm gọi là đầy đủ, những năm được mùa, không thiên tai, dân làng mở hội liên miên bù lại những năm bão lụt, cơm độn sắn, độn khoai qua ngày.

Tôi còn nhớ mãi những đêm trăng sáng, trai gái đập lúa giã gạo, hát hò trên gheo nhau...

Nhỏ những buổi tế lễ trang nghiêm ở đình làng trong những dịp hội lớn. Nhỏ nhất là những ngày rằm hoặc mùng một tại chùa, mà sự cụ trụ trì hiền từ thường hay ban phát chè, xôi, chuối cho chúng tôi.

Cuộc sống bình thản của dân làng bỗng chốc bị xáo trộn khi Việt Minh lên nắm chính quyền, rồi rút lui tiêu thổ kháng chiến rồi theo vận nước nổi trôi, quê tôi tan tác tiêu điều. Hết Tây càn quét thì đến Việt Minh thu góp thóc gạo. Dòng họ tôi thuộc thành phần địa chủ bị đấu tố tới bởi. Sau năm 54, đất nước bị chia đôi, quê tôi bị kẹt lại bên kia vĩ tuyến. Từ đó cho đến năm 75 thì không còn tin tức gì nữa.

Sau 75, các cô tôi có người trở về quê cũ, viết thư qua cho biết thì làng xóm đã bị san bằng, có ngôi của Nội tôi hầu như không còn dấu vết gì nữa.

Tôi trịnh trọng, cẩn thận giở từng trang giấy bản màu nâu viết bằng chữ Nôm, đọc thoáng qua vì tôi đã quên gần hết chữ nghĩa. Xong tôi mở tập tài liệu do ông bác tôi viết, đọc từng dòng chữ nắn nót cẩn thận:

- "Ông Tổ dòng ta nguyên quán tại Hải Dương, Bắc Việt -à thì ra mình cũng là dân Bắc Kỳ cũ đây- theo chúa Nguyễn Hoàng vào Đàng Trong lập nghiệp. Nhờ trung thành và can đảm cho vào hàng tùy tướng thân cận, đến gần 30 tuổi mới lập gia thất, lấy tổ mẫu người Chăm tên Ma Sao -úi chao, thì ra mình có dòng họ Chiêm Thành trong người nên chỉ lúc nào cũng thường mến dân tộc này-.

Tổ sinh được ba trai, hai gái, các con đều theo phò tá chúa Nguyễn đắc lực, sau về già, Nội Tổ được chúa cất đất để lập ấp sinh sống.

Họ chúng ta có ba chi: Nguyễn Gia, Nguyễn Bá và Nguyễn Chánh; Nguyễn Gia là trưởng tộc, về sau các chi Nguyễn Bá, Nguyễn Chánh di dân vào Nam, đời nào cũng có người theo chúa lập được nhiều công trạng, hoặc đỗ đạt cao làm quan lớn.

Tôi chậm rãi lần mò đọc tiếp, cuốn gia phả chính được viết bằng chữ Nôm nên mất rất nhiều thời giờ tra cứu. Cái tài liệu của chi Nguyễn Bá, Nguyễn Chánh rất lộn xộn, không theo đúng thủ tự thời gian, chức tước, bằng cấp đầy đủ.

Đọc lại từ đầu, tôi thấy nhiều điểm đặc biệt lý thú.

Nhánh Nguyễn Gia là chi chính thì phần đông theo văn học, có nhiều vị đỗ đạt ra làm quan to, có vị cáo lão về hưu mở trường dạy học. Nội tôi là người chốt dự khóa thi triều đình nhà Nguyễn, thi mãi mà không đậu nổi tú tài, bèn bỏ học, xoay ra canh tác, tạo nên cơ nghiệp khá vững vàng.

Các chi Nguyễn Bá, Nguyễn Chánh thì có nhiều vị theo võ nghiệp, lập nhiều công trạng. Trong thời Cộng Hòa cũng có vài vị lên đến cấp Tuồng.

Cả ba chi, thời nào cũng có vài vị mắc bệnh điên cuồng, thời nay thì có tôi và vài đứa em thúc bá mắc bệnh lang trí điên điên khùng khùng.

Có nhiều vị lập gia đình với người Chăm, người Chiêm Thành theo mẫu hệ cho nên trật tự loạn xạ ngẫu, có lúc tôi không còn biết cụ nào là đàn ông, cụ nào là đàn bà nữa.

Cũng có những điều khá buồn như chuyện tranh tụng của các chi để giành đất hưởng hỏa, có lúc đi đến chỗ không nhìn mặt nhau.

Cuốn gia phả vừa viết lại xong, dày trên trăm trang, tôi nhìn lại tác phẩm với đôi chút tự hào. Xong tôi bay qua Mỹ tưởng trình với ông anh cả.

Ông cười khà khà:

- Tao phục chú mi đó, dám bỏ cả năm trời để viết lại cuốn gia phả dày như thế này, phần tao đây là danh sách của thế hệ chúng mình và con cháu.

Nói xong ông đưa cho tôi một xấp giấy dày, loại giấy phát ra từ các máy điện toán.

Liếc đọc sơ qua, tôi tá hỏa tam tinh, tên tụi con cháu toàn là tiếng Tây tiếng Mỹ, con trai thì David, Pierre, Dominique..., con gái thì nào là Helène, Suzanne... Tôi nhân mặt nói với ông anh:

- Cái điệu này thì hồng kiểu rồi, đem rập tụi này vào gia phả chắc các cụ chửi nát nước.

Anh tôi cười hề hề:

- Biết thế nào được, sự thực là thế, tên tụi nó sao thì chú mi cứ viết vậy rồi gửi thư giải thích cho các cụ là xong.

Tôi lẳng lặng ngẩn ngơ, quả thật cái tên có nghĩa lý gì mà thối mác. Cây tre trăm đốt từ mấy thế kỷ trước đã mọc dài, nay vượt đại dương bắt rễ vào Bắc Mỹ thì phải chịu ảnh hưởng của thổ ngữ, khí hậu của xứ này.

Chỉ mong sao, tụi nó còn nghĩ đến quê hương nguồn gốc của mình là đủ, nếu không thế hệ này thì các thế hệ sau như dân Do Thái rồi cũng tìm về Jerusalem, dân da đen sẽ tìm về "Roots".

Tôi bỗng có ý định dịch cuốn gia phả ra tiếng Anh, tiếng Pháp, để lỡ ra sau này con cháu có đứa nào muốn tìm lại nguồn gốc sẽ có tài liệu sẵn sàng.

Biết đâu sẽ có đứa lần mò về Hải Dương Bắc Việt để tìm lại ngôi Tổ Đình của dòng họ.

VIỆT NAM NGÀY VỀ, TỪ THỨC trên quê hương

• Trời Một Phưởng

Đã 42 năm anh xa quê hương miền Bắc. Ngày ra đi chỉ là một đứa trẻ thơ, giờ tóc đã nhiều sợi bạc. Anh đã đi giáp vòng trái đất, thế mà sau năm 1975, Sài Gòn-Hà Nội chỉ hơn ngàn cây số mà anh cũng không muốn trở về: về làm chi khi lòng anh còn trĩu nặng bi hận đau thương. Trí óc và thân xác anh còn in hằn những nhục nhằn của trại tù nơi rừng núi Bù Gia Mập.

Rồi một mùa Xuân...

Máy bay cất cánh rời phi trường Pháp một ngày đông âm đạm. Lòng anh đứng đung y như 17 năm trước lúc chia tay vợ con ra đi trong đêm tối. Đất nước còn đó, quê hương vẫn còn đó, phải chăng chế độ bạo tàn đã làm thui chột tình cảm con người!

Trong lòng máy bay, ngoài một số hành khách Pháp, đa số còn lại là người Việt. Một số lớn tuổi gương mặt trầm ngâm. Có lẽ họ đang nghĩ đến gia đình, đến mẹ mà ông bà trong lúc cuối năm. Có lẽ họ về để nhìn lại một lần cuối rồi sẽ gửi thân xác nơi quê người. Còn lại là một số trẻ và tuổi trung bình. Mấy chị phấn son rực rỡ tính chuyện làm ăn, những hàng mang về, những thủ sẽ mang đi để kiếm lời. Mấy anh có vẻ thích thú bàn chuyện ăn chơi, chỗ nào rẻ, chỗ nào con gái đẹp. Anh nhìn họ và tự hỏi phải chăng đây là những Việt kiều yêu nước, khúc ruột ngoài ngàn dặm mà Cộng Sản kêu gọi trở về để xây dựng quê hương?

Mấy cô nữ tiếp viên cũng áo dài màu xanh da trời như của Hàng Không Việt Nam ngày xưa. Nhưng nhìn nhân dáng và nghe giọng nói của họ, anh có một cảm giác khó chịu; được trả lương 7000 quan Pháp một tháng,

chắc chắn họ là con cháu đảng viên thủ bị được đưa vào làm mặc dù chưa đủ tiêu chuẩn làm nữ tiếp viên đường bay quốc tế, và cách phát âm của họ the the nặng mũi bắc đàng. Chắc mấy cô này khi bé đã từng là "cháu ngoan bác Hồ" và chuyên đi biểu tình hò hét đả đảo Mỹ-Ngụy.

Một cô đẩy xe nước giải khát mời hành khách. Anh hỏi một câu bằng tiếng Việt. Cô ta ngó anh với ánh mắt lạ lùng rồi trả lời bằng tiếng Pháp. À thì ra vậy! Con cháu bác đảng giờ vẫn minh không thêm nói tiếng Việt với người Việt.

Trời đã sáng rõ. tiếng Phi công trường loan báo vữa vào không phận Việt Nam. Máy bay đã rời Bangkok, giờ này chắc đang ở trên địa phận miền bắc Trung Phần. Anh ngó qua cửa kính lòng chợt bồi hồi: quê hương là đây, sông núi vẫn còn đó, nhưng bây giờ, những con người sống trong đó giờ ra sao?

Mấy bay đảo một vòng trên trời Hà Nội. Tết sắp đến và thành phố chìm trong lớp mưa phùn mờ nhạt. Cũng những cơn mưa phùn này đã thấm ướt tuổi thơ của anh những lần cấp sách đến trường, những lần theo bố mẹ dạo chơi Hà Nội 36 phố phường.

Cửa máy bay mở, anh ngừng một lát trước khi xuống thang, đảo mắt một vòng để ghi nhận cảm tưởng đầu tiên của mình khi đặt chân xuống quê hương. Phi trường Nội Bài vắng vẻ, trước kia nó là phi trường quân sự Đa Phúc, lúc Mỹ ném bom nhiều, các phi cơ Cộng Sản được đem sang lánh nạn ở bên Tàu, giờ được đổi thành phi trường dân sự quốc tế. Nhà ga nhỏ bé làm anh liên tưởng tới những phi cảng xứ người, không đâu xa, phi cảng Bangkok so với Nội Bài thật một trời một vực.

Lúc sắp hàng để khám hành lý, lại những Công An, những con "bò vàng" mà dân miền Nam đã gọi sau năm 75, ném những tia nhìn soi mói vào hành khách và đồ đạc. Các hành khách Việt Nam và một số ngoại quốc nếu kẹp theo một tờ 5 đô-la vào Thông hành đều được đi qua mau lẹ. Thì ra nạn tham nhũng của Cộng Sản giờ đã được quốc tế hóa. Anh không cho tiền để xem sao, thì lập tức cùng một số du khách ngoại quốc bị giữ sang một bên. Đồ đạc bị lục tung, nấn từng nẹp áo, gấu quần... sau hơn 2 giờ anh mới được cho qua. Nghe những lời cần nhằn của du khách, anh cảm thấy xấu hổ lấy cho mình.

Đường từ phi trường về thành phố độ 15 Km, Taxi đòi 20 đô-la, 200.000 đồng tức một nửa tháng lương công nhân viên. Được hỏi thì trả lời đó là giá biểu áp dụng cho du khách nước ngoài. Đầu óc Cộng Sản ở đâu cũng vậy, như tại Nga 6 năm sau khi chế độ cũ sụp đổ. Nhưng ở đây, người Việt ngay trên đất nước mình cũng vẫn bị coi là những con bò sữa để khai thác. Xe chạy qua cầu Thăng Long trên sông Hồng, niềm hãnh diện thứ 2 của hơn 40 năm xã hội chủ nghĩa sau nhà máy thủy điện Thác Bà. Cây cầu này lúc đầu do Tàu xây cho, những năm 78 lúc tình đồng chí đổi thành thù địch, Tàu rút nhân viên về, công việc bỏ dở một thời gian, sau đó Nga sang làm tiếp. Cả một công trình của

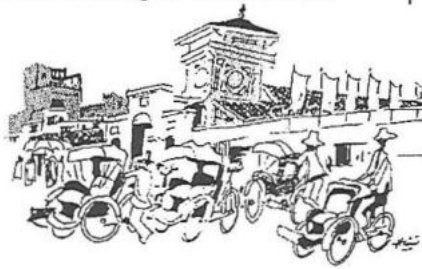
hai đàn anh vĩ đại so ra còn thua cây cầu Sông Ba ở Phú Yên do Công Binh Việt Nam Cộng Hòa làm năm nào.

Xe qua Ô Cầu Giầy vào thành phố. Cảm tưởng đầu tiên của anh là Hà Nội giờ bụi bặm, rác rưởi, đông đúc và vô trật tự. Đi bộ, xe đạp, xe gắn máy mạnh ai nấy đi, bất kể phải trái, bất chấp công an đứng điều khiển ở các ngã tư thay cho đèn xanh đèn đỏ.

Vì muốn tìm hiểu đời sống người dân Hà Nội bây giờ, anh về nhà một người anh họ xa ở khu tập thể Thanh Nhân phía Nam thành phố. Nhà có hai vợ chồng, 2 con, là công nhân bậc 6 nên được cấp 2 phòng, mỗi phòng 9 thước vuông, nhà bếp, cầu tiêu, nhà tắm chung cho cả tầng lầu. Như vậy đã là được ưu đãi lắm. Gặp nhau sau mấy chục năm xa cách, ngoài nỗi vui mừng còn có cái gì không được ổn, hai đứa nhỏ ngó anh như người đến từ một thế giới nào khác.

Anh dự định ở lại nhà người anh 2 tuần. Ông bác trước năm 1954 cũng thuộc loại khá giả, có nhà ở phố Hàng Đào và Hai Bà Trưng. Khi chia đôi đất nước vì tiếc của nên ở lại. Cộng Sản tiếp thu Hà Nội, tính thuế từ năm 1945 và tịch thu 2 căn nhà. Ông buồn mà chết sau đó. May bà vợ còn ít nữ trang đem hối lộ cho cán bộ cải tạo nên mẹ con khỏi phải bị đẩy đi kinh tế mới nơi núi rừng Hoa Việt.

Gọi là để phụ tiền chợ, anh đưa bà chị 3 triệu tiền Hồ và mượn chiếc xe đạp để đi dạo. Xe đạp để dưới đất sợ bị ăn cắp nên hàng ngày anh phải vác xe đạp lên xuống lầu thủ tú bốn lần. Anh chợt nghĩ tới chuyện bà Hoàng Xuân Sinh, tiến sĩ khoa học ở Pháp, sau 54 về miền Bắc xây dựng xã hội chủ nghĩa. Được bổ làm Giáo sư Đại Học Tổng Hợp Hà Nội, mua được chiếc xe đạp, phải vác lên xuống lầu 4 mỗi khi đi làm.



Cái sân của khu nhà tập thể có thể gọi là bãi đất hoang thì đúng hơn: cỏ dại mọc đầy, từng ổ nước mưa, nước cống rãnh làm thành những vũng sinh nhầy nhụa. Những gia đình may mắn được ở dưới đất nuôi thêm heo, gà, vịt thả rong trong sân. Đứng từ xa nhìn vào, khu nhà rêu mốc, loang lổ từ 30 năm nay chưa được sơn sửa lại, quần áo giăng mắc phủ kín mặt tiền, các em nhỏ chơi đùa bên các vũng nước và đàn gia súc... thật đúng là một bức tranh hiện thực xã hội.

Từ chỗ ở, anh đạp xe vào trung tâm thành phố. Đường phố nhầy nhụa và trời thì rét căm căm. Tuy đã rất cẩn thận mà anh cũng vẫn suýt bị té vì ổ gà và bị xe khác húc vào. Hà Nội giờ đã có nhiều xe hơi, xe cán bộ lớn thì vẫn che rèm kín mít như trước 75, xe du lịch thì chỉ có ngoại giao, công ty ngoại quốc hay của đám tư bản đồ mặt mũi vênh vang.

Nói tới Hà Nội là phải nói tới Hồ Guôm, Tháp Rùa. Anh làm một vòng quanh hồ qua các đường Lý Thái Tổ, Đinh Tiên Hoàng: nước hồ một màu xanh đục ngầu, Tháp Rùa mới được quét vôi lại từ ngày đổi mới, hàng cây phượng đầu cầu Thê Húc như cần cổ thêm.

Anh đã đi thăm lại ngôi nhà cũ nhưng không còn, cả xóm đã bị phá đi làm một khu ở tập thể. Anh đã đến Văn Miếu, Giảng Võ, Chùa Một Cột, Hồ Tây... Cảnh cũ vẫn còn đó mà những gương mặt, ngôn ngữ, giọng nói giờ khác lạ làm anh chạnh nghĩ tới Bà Huyện Thanh Quan:

*Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo
Nền cũ lâu đài bóng tịch dương
Đá vẫn tro gan cùng tuế nguyệt
Nước còn cau mặt với tang thương...*

Nói tới Hà Nội bây giờ không thể không nhắc tới nhà mồ của Hồ Chí Minh. Cả một đất nước nghèo khổ mà vào năm 1969, khi Hồ chết, đám cầm quyền đã cải di chức, dời ngày chết, tăng công phí công sức, tiền của để xây nhà mồ và ướp xác Hồ chỉ với một mục đích là tuyên truyền. Cái xác giờ càng ngày càng thối rữa nhưng nhà mồ của Hồ vẫn sừng sững giữa công trường Ba Đình như thách thức với ý chí đòi hỏi cơm no áo ấm, tự do dân chủ của cả một dân tộc.

Có một buổi chiều im vắng và lạnh lẽo, ngồi trên băng ghế bên Hồ Tây, nghĩ đến những biến cố của lịch sử 50 năm qua, với những Hồ Chí Minh, Ngô Đình Diệm... không biết thời thế đã đào tạo nên con người hay ngược lại, hoặc hai thứ ảnh hưởng lẫn nhau để cho bánh xe lịch sử tiếp tục quay. Sau bao nhiêu công sức, âm mưu, thủ đoạn... Kết quả là đất nước như ngày nay. Những kẻ thẳng như Hồ Chí Minh, Lê Duẩn..., những kẻ thua như Ngô Đình Diệm... đã được, mất những gì trước lịch sử và trong lòng cả một dân tộc.

Định ở lại 2 tuần, nhưng sau 5 ngày đã là quá đủ. Nghe mãi những lời than thở của chủ nhà, mắt phải thấy, những thái độ hỗn láo, tai phải nghe những câu chữ bởi tục tĩu của đám con nít mà anh coi đó là hậu quả đường nhiên của nền giáo dục lấy cảm thù làm nền tảng, anh ra ga Hàng Cỏ lấy xe lửa về Nam. Lại giá vé tính gấp đôi cho người "ngoại quốc" như anh. Xe lửa giờ đã khá hơn một chút, hạng nhất giường nằm, hạng nhì ghế nệm và hạng ba ghế gỗ. Tuy vậy hành khách vẫn giành giật nhau lên tàu. Một bộ đội dáng chừng đi phép đã bị một kiến soát viên đâm rơi khỏi thành cửa sổ khi định leo qua. Các toa hàng hóa cũng đầy ắp những người cãi vã, chửi rủa nhau.

Anh ngồi toa hạng nhì để khỏi phải nằm chung phòng với 3 người khác ở toa hạng nhất với những ánh mắt nghi ngờ, mặc dù anh chỉ có một va-li hành lý nhỏ. Tàu lần lượt qua Thanh Hóa, Vinh, Đồng Hới, cái nghèo và tưởng phản càng hiện ra rõ hơn: bên cạnh các trụ sở đảng mới được xây cất đồ sộ vẫn là những túp lều tranh lụp xụp của người dân. Và những người dân đều ốm yếu, rách rưới,

quần minh trong một tấm vải nhựa để che mưa gió.

Trên tàu, các cửa sổ đều được gắn một lớp lưới sắt. Anh cũng như một vài người ngoại quốc lấy làm lạ hỏi thì được giải thích là để tránh trẻ con ném đá lên tàu. Nhân viên xe lửa hành điện nói đây là một sáng kiến lớn sau khi có nhiều hành khách bị thương, làm anh nhớ tới lời khoe của một cán bộ coi tù khoe về xe cải tiến và hố xí hai ngăn của miền Bắc.

Anh ngừng lại Huế và Đà Nẵng 3 ngày để thăm lại những nơi chốn mà đời lính của anh đã đi qua: của Thượng Tũ, Ngọ Môn... vẫn chưa hoàn toàn như ngày xưa trước Tết Mậu Thân 1968, mặc dù Liên Hiệp Quốc đã bỏ tiền ra giúp đỡ, chùa Linh Mục tiêu điều, làng vàng một vài bóng Công an thường phục. Ăn một tô bún bò Gia Hội, uống một ly cà-phê Lạc Sơn, hưởng vị không được như xưa hay cảm giác của anh đã thay đổi?

Đà Nẵng, nơi đóng quân của anh ngày xưa. Bến Bạch Đằng, bờ sông lờ lỏi. Bên kia sông Hàn, vẫn những mái nhà tranh lụp xụp. Ngũ Hành Sơn: vẫn mấy người dân hàng ngày gò lưng đục đá làm tượng đem bán. Ôi miền Trung nghèo khó, sau hơn 20 năm hòa bình, xây, đất vẫn cần và người vẫn khổ.

Xe lửa tiếp tục chạy qua Quảng Ngãi, Quy Nhơn, Tuy Hòa... vẫn cái nghèo khó của miền quê hướng cần cỗi. Từ Nha Trang, Phan Thiết trở đi, phong cảnh và con người đã có phần thay đổi với ảnh hưởng của Sài Gòn lan ra. Tàu qua Biên Hòa, Thủ Đức và ngừng lại ở ga Hòa Hưng, ga chính của Sài Gòn bây giờ. Từ ga Hà Nội giá lạnh, ượt ắt, bước chân xuống ga Sài Gòn là cả một bầu trời nắng vàng rực rỡ. Cũng vẫn những cảnh chen lấn, xô đẩy, những anh nhìn những con người, nghe những tiếng nói thấy gần gũi hơn, phải chăng vì đây là Sài Gòn của anh thuở nào?

Các gia đình nội ngoại của anh đều đã ra đi trước hay sau 75, bạn bè thân thuộc đa số cũng đã ra đi, những người còn ở lại thì mất liên lạc, nên anh về ở tại một khách sạn tư nhân đường Phạm Ngũ Lão. Đã từng coi những phóng sự về Việt Nam trên truyền hình Pháp, anh vẫn bị choáng váng của sinh hoạt Sài Gòn bây giờ: trong cái nóng bức, bụi bặm, người đi bộ, xe đạp, xe gắn máy, xe hơi mạnh ai nấy chạy loạn xạ ngẫu. Người lái chiếc xe ôm chở anh lượn qua lượn lại, leo lên lề, lấn qua mặt đường bên trái, quệt các bộ hành... thật đúng là hình ảnh lưu thông bây giờ. Sài Gòn trước năm 75 có 3 triệu dân, bây giờ có 5 triệu. Đầu tiên là đám bộ đội công nhân viên từ Bắc vào, sau đến là những người dân từ kinh tế mới bỏ về. Gần đây là những nông dân từ miền Đông, miền Tây, miền Trung vào với hy vọng kiếm được miếng ăn nơi thành Hồ đổi mới. Vì vậy, ngoài một số đảng viên to đầu tham nhũng, một số tư bản đỏ và đám gian thương Chợ Lớn, dân Sài Gòn bây giờ nói riêng và Việt Nam nói chung, người nghèo đã nhiều mà người khổ còn nhiều hơn.

Như trước của các nơi ăn chơi sang trọng: New World Hotel, Palace, Majestic, tiền

phòng có khi lên tới 2000 quan Pháp một ngày, thì đây đây các em nhỏ ăn xin. Mỗi lần có người ra vào là bu lại để hy vọng xin được vài trăm tiền Hồ. Nền kinh tế thị trường kiểu xã hội chủ nghĩa chỉ có mục đích làm giàu cho đám cầm quyền và tư bản ngoại quốc, nên căn bản là nền giáo dục cũng bị bỏ rơi: giáo viên bỏ nghề, trẻ em bỏ học, từ năm 75 đến giờ không xây thêm được trường mới, có khi còn phá trường cũ để bán đất cho tư bản Hồng Kông, Đài Loan, Tân Gia Ba xây khách sạn, nhà hàng. Một xã hội mà ở Sài Gòn bây giờ, khách sạn nhiều hơn trường học.

Anh trở lại thăm căn nhà xưa: sau khi gia đình anh vượt biên, Cộng Sản lấy cấp cho một tên Đại úy ở Sở Công An thành phố. Căn nhà do công lao dành dụm của vợ chồng anh sau bao nhiêu năm đã bị phá đi, giờ thay bằng một căn nhà 3 tầng đồ sộ trị giá khoảng 70.000 đô-la hay 200 lạng vàng, trong khi đó lương Đại úy Công an 80 đô-la một tháng. Thảo nào mà một chuyên viên kinh tế ngoại quốc đã tính tổng cộng tài sản của khoảng 1000 tên Cộng Sản chớp bu trị giá khoảng 20 tỷ đô-la cả ở trong nước lẫn ở ngân hàng ngoại quốc. Nếu số tiền này được sử dụng đúng đắn thì trong vòng 10 năm dân Việt Nam đã giàu, nước Việt Nam đã mạnh. Ba năm gần đây, khi mà dân Thanh-Nghệ-Tĩnh, quê hương của Hồ Chí Minh, còn bị nạn đói thì Hà Nội vẫn xuất cảng gạo, chỉ với mục đích kiếm đô-la bỏ túi.

Sài Gòn đang vội vã vào Tết. Phải nói là vội vã vì sau bao nhiêu năm bị kềm kẹp trong đói khổ, bây giờ với kinh tế đổi mới, ai cũng lo chạy theo đô-la. Anh đi thăm lại chợ hoa Nguyễn Huệ, cũng vẫn những cây cảnh ngày xưa, anh hỏi thủ giá một cây mai cao độ 2 thước: 50 đô-la, tức một tháng lương trung bình; thế mà vẫn có những gương mặt cán bộ phồn phở mua đi để dâng. Một ly kem Givral 2 đô-la, 1 lon bia Thu Hoàng 2 đô-la... tất cả đều căn cứ vào đô-la. Một bà ở cùng khách sạn than thở cúng nhà thờ quen 100 đô-la, Cha sở tỏ ý không hài lòng. Anh vào thăm một ngôi chùa lớn, người gác thấy anh dáng dấp Việt kiều đòi tiền vào cửa. Được hỏi thì nói đó là quy định của chùa. Mỗi có 21 năm mà chế độ Cộng Sản đã làm biến chất con người và các nơi thờ cúng.

Một điểm khác Hà Nội là giờ đây ở Sài Gòn không thấy bóng dáng một cái nón cối, hình ảnh lạc lõng giữa Sài Gòn sau 75. Con cháu bác, dáng giấu kỹ gốc tích của mình, có khi còn trung diện, ăn chơi hơn dân Sài Gòn chính gốc. Tuy nhiên vẫn có một cái gì khác trong ngôn ngữ, cử chỉ như tại Hà Nội sau năm 54 giữa dân Hà Nội cũ và Hà Nội gốc Liên Khu 5.

Anh trở lại thăm các ngôi trường cũ: nhìn các em nhỏ hay các bạn trẻ trước cổng trường, anh như thấy lại những ngày cấp sách của mình: 30, 40 năm trước, cũng những lối đi này, những hàng cây này, những niên học thanh bình, rồi những tháng năm mà cái học bị ám ảnh bởi chiến tranh. Các em nhỏ, các bạn trẻ ngoài phần trí dục, có còn được dạy dỗ về đức dục: yêu anh em,

cha mẹ, đồng bào, kính thầy, mến bạn, tôn trọng người già cả, giúp đỡ người tàn tật... hay chỉ được dạy dỗ yêu bác, yêu đảng, yêu nước là yêu xã hội chủ nghĩa... Anh nhớ tới các bạn học, giờ đứa mất, đứa còn phân tán nơi nơi, đứa theo Cộng Sản vào khu sau Tết Mậu Thân 1968, năm 75 trở về trong men say chiến thắng, nhưng chỉ một năm sau đã phải than thở: chúng tao giờ khổ hơn tụi mày vì bị lợi dụng và lừa gạt.

Bối cảnh của anh giữa Sài Gòn vào Xuân 97 tuy khác với Trần Dần giữa lòng Hà Nội mùa thu 1955:

Tôi bước đi

không thấy phố

không thấy nhà

Chỉ thấy mưa sa

trên màu cỏ đỏ...

nhưng có những chiều vắng trên bờ sông Sài Gòn, anh cảm thấy cô đơn, lạc lõng. Ngày xưa Từ Thúc (*) trở về sau 100 năm xa quê hương, gia đình, bè bạn không còn ai nên buồn bã mà ra đi. Còn anh mới 21 năm nay trở lại. Anh nhớ tới lời một chị bạn sau khi về Việt Nam: cảnh thì còn đó mà vô hồn, người thì lạ hoặc mà vô duyên. Anh đã từng cảm thấy xa lạ khi bước chân trên những con đường cũ giờ đổi tên, ngỡ ngàng khi nghe những danh từ lạ tai không hiểu, hụt hẫng khi thấy cảnh giao tiếp giữa người và người chỉ trên căn bản quyền lợi, tiền bạc.

Trên máy bay trở về Pháp, lòng anh xa vắng: lại thêm một lần bỏ quê hương ra đi. Ngày xưa Từ Thúc chỉ lia bỏ xóm làng cũ để vào núi. Còn anh, anh bỏ lại cả một quê hương để trở lại xứ người. Anh nghĩ tới lời một nhà lãnh đạo Tiếp Khắc: Chúng tôi chỉ cần 6 tháng để lật đổ chế độ Cộng Sản, 6 năm để thay đổi nền kinh tế, nhưng có lẽ phải 60 năm để xây dựng lại con người. Cái gì duy lý, duy nhân thì mới tồn tại. Chẳng lẽ chế độ phi lý, phi nhân của Cộng Sản Hà Nội cứ tồn tại mãi?

Anh nghĩ đến một ngày có lẽ không xa, trong vòng 5 năm, 10 năm, khi mà đồng bào trong nước và hải ngoại chung sức, chung lòng tranh đấu, khi mà đám lãnh đạo Cộng Sản chém giết nhau vì địa vị, vì đô-la, chế độ nó sẽ tự sụp đổ mau lẹ như tại Nga, tại Đông Âu, lúc đó, cũng như nhiều đồng bào khác, anh sẽ hân hoan trở về, sẽ không còn cảm thấy như Từ Thúc lạc lõng ngay trên quê hương của mình.

Chú thích: () Từ Thúc làm quan Tri Huyện Tiên Du, khi đi xem hoa mầu đón nữ, thấy người con gái lả tay làm hoa rụng, bị người canh hoa bắt giữ. Từ Thúc động lòng thương, xin đem áo mình chuộc tội cho nàng - đó là Giáng Hương.*

Thời gian sau Từ Thúc đi viếng điện Quỳnh Hư, động Bích Đào, gác Dao Quang gặp lại nàng Giáng Hương và kết duyên với nàng. Sống với nhau một thời gian ở tiên cảnh, Từ Thúc động lòng nhớ quê và đòi về thăm nhà. Giáng Hương can gián không được, đành để Từ Thúc ra đi.

Rồi cũng như Lưu Thần - Nguyễn Triệu, Từ Thúc khi về trần thấy quê nhà thay đổi tất cả. Bấy giờ muốn trở lại với Giáng Hương thì đường cũ không còn tìm thấy nữa! (Phủ Vân)

TUỔI CON TRÂU

Thu Trang

Trong 12 con Giáp phải kể trâu là con vật giúp ích cho người ta nhiều nhất. Ngày ngày trâu phải làm việc cực khổ để giúp nhà nông trong việc cấy bừa ruộng sâu ruộng cạn dưới cảnh mùa dầm nắng dãi... Chẳng thế mà trong "*Lục Súc Tranh Công*" con trâu đã than thở với những con vật khác trong nhà:

"Làm không kịp thờ, ăn chẳng kịp nhai..."

Mặt khác con trâu có vẻ lờ đờ chậm chạp nhúng không đến nổi đàn độn u mê, đôi mắt lơ lơ giống như nhà hiền triết đang miên man suy gẫm những triết lý cao xa. Thường người đời chỉ so sánh kẻ không được khôn ngoan là đồ "ngu như bò" hoặc "ngu như lợn", chứ không ai nói "ngu như trâu". Tôi không nói trâu thông minh nhưng ít ra nó không ngu như bò, lại được nhiều tính tốt như siêng năng chăm chỉ, cần cù chịu khó, lại hiền lành an phận.

Người Việt Nam ta từ xưa đã quan niệm hễ ai sinh ra vào năm con gì, không nhiều thì ít đặc tính của con vật đó sẽ ảnh hưởng đến số mệnh của người ấy. Trong phạm vi bài này chúng tôi không lạm bàn đến những tuổi khác mà chỉ muốn nói về cuộc đời của vài người mang tuổi con trâu trong gia đình tôi nhân dịp năm Đinh Sửu sắp đến.

Trước nhất là má tôi tuổi Quý Sửu, bác Ba gái tôi cũng cùng tuổi với má tôi nhưng tính tình bác không giống má tôi chút nào: người thì luôn vui vẻ lạc quan dù đời người cũng lắm long đong; người thì ít nói, buồn bã, khép kín... Má tôi thường nói: cũng thời mang tuổi con trâu nhưng có nhiều thú trâu, như bà Hoàng hậu Nam Phương là trâu vàng, má tôi là trâu bạc, còn bác gái tôi là trâu đen!

Những bác gái không phải là ruột thịt nhưng tôi thường quý bác gần giống như đối với một người mẹ do những đức tính của người và mối liên hệ giữa hai bác cháu tôi. Nghe má tôi kể lại thì cuộc đời bác từ lúc lấy chồng chẳng được bao ngày vui vẻ hạnh phúc mặc dù bác Ba trai là một người đàn ông rất tốt, một công chức gương mẫu, chăm chỉ đi làm mỗi ngày "sáng vác ô đi, tối vác về" để nuôi sống gia đình và dạy bảo con cái trong khuôn khổ một gia đình đạo đức. Không biết có phải vì cái tuổi nó vận vào mình hay vì bác gái tôi thấy cuộc đời không có gì vui thích mãi nguyện nên giường mặt bác lúc nào cũng buồn rầu, khi bác cười lại càng thâm não hơn vì nụ cười méo xệch làm cho gương mặt bác càng thêm nhăn lại. Nghe họ hàng thường kể là từ lúc đi lấy chồng, bác đã phải làm dâu rất cực khổ đắng cay mà không biết than vãn cùng ai. Suốt

cuộc đời bác chỉ lúc thức bên bếp núc để lo từng bữa ăn cho chồng cho con được tươm tất mà không đòi hỏi một điều kiện gì, không se sua chúng điện dù bác trai tôi có một địa vị đáng kể trong xã hội. Thường ngày bác nấu những thức ăn có thịt có cá cho cả nhà, còn bác chỉ dùng tưởng chao rau cải, nên bác thường ăn riêng một mình. Ngày tôi xách va-ly từ Phan Rang vào Phan Thiết chấm thi, bác nấu cho tôi ăn những món tôi rất ưa thích, nào là mực tươi hoặc cá nục tươi hấp cuốn bánh tráng chấm mắm nêm, nào là bác đúc những chiếc bánh căn nóng hổi ăn với mắm nêm hay nước cá ngừ kho. Nghệ thuật kho cá của bác thật là ít ai bì kịp, vừa thơm ngon, vừa bùi, vừa béo...

Còn nói về các món chay, bác tôi càng "chuyên nghiệp" hơn. Trong nhà bếp chỗ nào cũng lủ khủ nào khạp, nào hũ, nào keo đựng tàu hũ, tương, chao... để ngày rằm mừng một bác đem vào chùa hợp cúng các bà làm đủ thủ môn chay cúng chùa và dọn cho khách thập phương. Thuở đó nếu tôi đứng ham "ăn mặn quên chay" và ưa thích học nấu chay như bây giờ thì chắc tôi học được nghề ruột của bác rồi.

Sau khi bác trai tôi mất vì bạo bệnh khi chưa tới tuổi về hưu, cuộc sống bác lại càng khép kín hơn. Những người con trai lớn đã trưởng thành, nhưng vì nghề nghiệp đi tú tẩn mỗi người mỗi ngả. Người con trai thứ ba, anh Phiền, là người vui tính thông minh lại rất hiếu thảo. Vừa đậu xong Tú Tài II vào lúc các chiến trường miền Nam vô cùng sôi động, anh không an tâm học tiếp lên Đại Học, đã tình nguyện vào quân trường Thủ Đức thụ huấn và sau đó gia nhập ngành Thủy Quân Lục Chiến. Chiến tranh ngày càng leo thang, anh đi hành quân biên biệt, khi ra tận Đông Hà, Quảng Trị, khi vào tận Cà Mau, Sóc Trăng. Và rồi sau Tết Mậu Thân (1968) cả nhà được tin Trung Đệi anh bị mất tích trong một khu rừng phía Bắc Khánh Hòa.

Sau những cuộc tìm kiếm và dò hỏi tin tức vô vọng, bác đành lấy ngày mất tích của anh để tụng kinh cầu nguyện và làm ngày giỗ mỗi năm cho anh. Người con trai trưởng, anh Định, may mắn hơn, học hành thành tài chiếm một địa vị khá quan trọng trong ngành Ngân Hàng, làm việc tại Thị xã Nha Trang. Anh được nhà nước cấp cho ngôi biệt thự hai tầng đầy đủ tiện nghi, có xe hơi riêng bóng loáng cùng tài xế và kẻ hầu người hạ không thiếu. Nhưng bác gái một mực về quê bác ở ngoại ô thành phố Nha Trang, lập một cái am nhỏ ngày ngày gõ mõ tụng kinh, ăn chay trường, sống cuộc đời cô đơn thanh tịnh. Tình thoảng bác rời am tay xách tay mang nào dứa, nào chuối, nào cam, nào quýt... từ quê đem lên thành phố cho gia đình con trai và các con gái, rồi lại trở về quê sống cuộc đời nẫu sòng bên chuông mõ.

Sau mùa hè đó nữa (1972), chúng tôi đã đi tản vào Sài Gòn, khi trở ra Qui Nhơn tiếp tục dạy học thì nghe tin chiếc am nhỏ của bác trong một đêm gió lớn đã bị cháy thiêu rụi, có lẽ vì nợ đời chưa dứt bác may mắn thoát ra được khỏi ngọn lửa tàn bạo. Bác lại trở ra thành phố Nha Trang sống với các con gái trong một căn phố nhỏ. Trước ngày tôi qua Đức sum họp với chồng và con trai lớn, tôi được gặp bác một lần cuối cùng. Ngày đó

bác cùng chị Thuần - người con gái lớn cũng ăn chay trường như bác - vào Sài Gòn để mang tro cốt của bác trai ở một ngôi chùa trong Chợ Lớn đem về quê hương khói. Trước khi về Nha Trang bác lên Thanh Đa thăm các chị em tôi. Khi ra về bác ôm hôn tôi và nói lời vĩnh biệt khiến tôi vô cùng xúc động, cả hai bác cháu ôm nhau một hồi lâu nước mắt ràn rụa. Vài năm sau tôi nghe tin bác qua đời một cách lặng lẽ ở quê bác, phút chót không được thấy mặt hai người con trai lớn đã vượt biên qua Mỹ từ những ngày đầu Việt Cộng vào chiếm Sài Gòn.

Cuộc đời của má tôi cũng long đong vất vả không kém gì bác mà lại có phần sóng gió hơn. Nhưng má tôi là người nhiều nghị lực, lại nhìn đời bằng con mắt lạc quan, dù ở hoàn cảnh trái ngang nào cũng luôn tin tưởng ngày mai sẽ sáng sủa hơn. Tôi không bao giờ quên một giai đoạn đen tối nhất đã phủ lên gia đình tôi mà má tôi là người phấn đấu và chịu đựng nhiều nhất, không một lời than thở oán trách.

Vào một buổi chiều thứ bảy mùa hè năm 1951, tôi đang đứng trên lan can ngoài hiên nhà tay cầm ống đu đủ, tay kia cầm lon sữa bò đựng nước xà bông, vừa chăm ống đu đủ vào lon vừa thổi những bong bóng đủ màu bay lấp lánh trước ánh mặt trời chiều. Bỗng nhiên tôi thấy một chiếc xe Jeep dân sự từ phía Chợ Lớn chạy trở tôi và đậu bên kia đường. Trên xe bước xuống hai người đàn ông mặc thường phục, họ băng qua đường nhìn tử số nhà, một người bước đến hỏi tôi:

- Này em nhỏ, đây có phải nhà ông H. không?

Tôi đáp dạ phải thì hai người liền bước nhanh vào nhà. Tôi vẫn vô tâm đứng thổi tiếp và thích thú nhìn ngắm những chiếc bong bóng xanh đỏ tím vàng bay lượn trước mặt.

Hè năm ấy tôi vừa học xong tất cả các bài vở để luyện thi vào lớp đệ thất (năm ấy theo chương trình Việt đầu tiên) trường Trung Học Gia Long. Trước đó khoảng hơn tháng, do sự khuyến khích của cô Hàn dạy tôi "Cours des Certifiées" và sự chỉ dạy thêm của ba tôi, tôi đã dự thi vào trường Marie Curie. Đêm nào tôi cũng phải làm cả chục bài toán giải bằng tiếng Pháp, viết ít nhất hai bài "Compte rendu", ban ngày thì lo "gạo" những bài học Histoires, Géographies, Sciences naturelles... Má tôi dẫn tôi đi khắp các gian hàng vải trong nhà lồng Chợ Bến Thành để tìm cho được thủ vải vừa ý bông lấm chấm màu hồng và xanh da trời để may cho tôi một chiếc áo đầm tay phồng, cổ xây, trước ngực thêu "points de Paris" rất xinh xắn để tôi mặc đi thi vào Cours de 6ème trường Marie Curie. Trong khi chờ đợi kết quả, tôi vẫn ghi tên dự thi vào trường Gia Long, định nếu đậu cả hai thì sẽ chọn học trường đầm, còn rớt trường này sẽ học trường kia, khỏi sợ xôi hỏng bỏng không. Thuở đó ba tôi đang làm công chức chánh ngạch ở Phủ Thủ Tướng, thỉnh thoảng Cựu Hoàng Bảo Đại về nước lại tặng bao thứ lì-xì vài trăm bạc. Lương công chức khá cao, vật giá lại rẻ nên còn tiêu phở phê cũng không tới nửa số lương, nên ba má tôi định cho tôi học chương trình Pháp để sau này có thể qua Tây du học. Nhưng số mệnh tôi không vượng về đường công danh, nên về sau dù

đá đậu nhưng vì hoàn cảnh gia đình không học được trường đấm và bỏ mộng du học, mà chỉ vào được Sư Phạm theo nghề "godautre" (1).

Khoảng chừng 15 phút sau tôi thấy hai người lúc này đi ra với ba tôi, rồi ba người bước lên xe Jeep rồi máy chạy ra hướng Sài Gòn. Trời đã sẩm tối, tôi vào nhà thấy đèn vẫn chưa thấp lên, bước vô buồng, trong bóng tối nhá nhem tôi thấy má tôi ngồi ở đầu giường khóc thút thít. Lúc này người đã mang thai gần đến ngày sinh, bụng khá to, đi chuyển chậm chạp. Mấy chị em tôi xúm xít quanh má tôi hỏi chuyện gì đã xảy ra, má tôi chỉ buồn bã lác đác không nói gì cả. Có lẽ người thấy chúng tôi còn nhỏ quá, cái tuổi "ăn chưa no lo chưa tới" hoặc sợ chúng tôi bị phân tâm không học được, nhất là tôi trong khi ngày thi đã gần kề, nên chưa vội cho chúng tôi biết tin dữ về ba tôi.

Khuya hôm đó khoảng 2 giờ sáng, tôi đang ngủ bỗng giật mình thức giấc vì nghe có tiếng nhiều người quát tháo. Tôi nằm im trong mùng với mấy đứa em không dám cựa quậy. Nhìn ra thấy hai, ba người đang lục soạn xáo trộn tất cả các ngăn sách, mở tung các tủ áo như muốn tìm giấy tờ gì rất quan trọng. Ba tôi thì vẫn mặc bộ đồ tây lúc ban chiều nhưng đi chân đất, áo sơ-mi đã bèo nhèo bỏ ngoài quần, đầu tóc ướt sũng rồi xù phủ xuống trán, hai tay bị còng ra sau lưng, gương mặt hốc hác xanh xao. Còn má tôi thì đứng trong góc nhà sững sờ nhìn cảnh lục soát, thỉnh thoảng nhìn ba tôi mà nước mắt tuôn trào. Sau một hồi khám xét tứ tung biến căn nhà như bãi chiến trường, không tìm thấy gì, họ lại dẫn ba tôi đi. Khi đó tôi mới hiểu mang máng việc gì đã xảy ra cho ba tôi. Sau này má tôi thường kể lại là mỗi chiều lúc chạng vạng tôi thường có người đến nói chuyện thì thăm với ba tôi trong bóng tối ở phòng khách, lần nào ba tôi cũng không cho thấp đèn lên. Má tôi đã linh cảm việc làm của ba tôi, nên người thường khuyên:

"Minh có gia đình rồi, con cái lại đông và còn nhỏ dại, đừng nên làm chính trị làm gì, rủi có bề gì thì khổ cho vợ con.

Nhưng ba tôi gạt ngang:

- Đàn bà mà biết gì!

Đó là thời thực dân Pháp còn nắm quyền cai trị ở miền Nam Việt Nam. Không ít người trí thức miền Nam đã nghe theo chiêu bài kháng chiến chống thực dân xâm lược, một số vào bung biển hoạt động, một số ở ngoài thành ngấm ngấm liên lạc như trường hợp ba tôi và một số công chức khác. Về sau một vài người bị Phòng Nhì Pháp bắt được, bị tra tấn nên khai ra những người liên hệ với họ. Biết bao nhiêu người lần lượt vào nằm khám lớn Sài Gòn, vợ con ở ngoài nghe nhốt đói khổ.

Ngày hôm sau mới tờ mờ sáng, má tôi bảo cho các chị em tôi biết là ba chúng tôi đã bị bắt, rồi vội vã đến nhà cậu Hai tôi để báo cho cậu biết tin này hay cậu ra cậu có giúp đỡ gì được chăng, vì cậu là Đốc Phủ Sứ lúc ấy đang giữ một chức vụ quan trọng ở Bộ Nội Vụ.

Buổi chiều má tôi kêu tôi vô buồng dặn dò:

- Ba má định cho các con ăn học đến nơi đến chốn, nay không ngờ ba con bị bắt không biết ngày nào ra. Sau này không biết

má có thể lo cho các con đủ ăn đủ mặc không, nói gì tới việc đi học. Vậy ngày mai đi thi con hãy cố gắng thật nhiều, nếu đậu thì con hy vọng học tiếp, còn rớt thì chắc má không đủ khả năng đóng học phí trường tư mỗi tháng cho con!

Tôi vừa khóc vừa hứa với má tôi là sẽ hết sức cố gắng. Mà thật tôi đã không phụ lòng kỳ vọng của ba má tôi, không uống công dạy dỗ của các cô giáo trường T.T.T., một trường Nữ Tiểu Học nổi tiếng ở Sài Gòn lúc bấy giờ. Tôi chẳng những đã không lọt sàng trong cuộc thi tuyển cam go cùng mấy ngàn thí sinh vừa ở Sài Gòn vừa ở Lục Tỉnh lên thi, mà lại còn đậu khá cao (hạng 4 trên 300 thí sinh trúng tuyển). Niềm vui tuy lớn nhưng không bù đắp được nỗi đau buồn trước sự bất hạnh của gia đình.

Mười ngày sau má tôi sanh ra em trai thứ chín, đặt tên Hợp với hy vọng gia đình được sum họp một nhà, vì sau đó má tôi treo bảng sang lại căn phố gạch kang trang ở đường Hai Mười trước vườn Bà Lớn (sau đổi là đường Phan Thanh Giản). Cậu Hai tôi nhận nuôi dưỡng chị Liên Hương và tôi, còn hai đứa em trai kế thì được bác Ba tôi từ Phan Thiết vào đem về dạy dỗ. Má tôi cùng mấy đứa em nhỏ thì đến nương nấu cơm nhà đi Sáu tôi hăm hút cháo rau để dành tiền thăm nuôi ba tôi mỗi tuần hai lần. Má tôi còn bán tất cả những gì có thể bán được, đi vay mượn thêm nơi mà con để đủ số tiền khá lớn mua một chiếc xe T.Đ.Dz. nổi tiếng ở Sài Gòn lúc bấy giờ, và một luật sư giàu kinh nghiệm khác nữa.

Cậu tôi lúc bấy giờ ở căn biệt thự rộng lớn đường Phan Thanh Giản gần trường Gia Long nên chúng tôi đi học cũng gần. Tuy vậy không ngày nào là hai đứa chúng tôi không chạy vắt giò lên cổ cho kịp đến trường trước khi bà "Concierge" khép hai cánh cổng sắt nặng nề, tới trễ một phút cũng đứng hòng vó trong được! Tuy cậu tôi đang lúc ở vào địa vị cao sang, nhà cao cửa rộng và cũng có lòng thương xót chúng tôi, nhưng cảnh ăn nhờ ở đậu khiến chúng tôi tui thân vô cùng. Mẹ tôi tuy là người hiền lành nhưng lại là người rất ham công tác việc. Nhà có đủ tài xế, bồi, bếp, nhưng hai chị em tôi phải làm không biết bao nhiêu việc lật vật trong nhà từ sáng sớm đến lúc đi học, và khi đi học về cũng phải bỏ ngay sách vở để làm việc nhà đến tối mới được rảnh rỗi để làm và học bài, vì vậy đêm nào cũng phải thức khuya mới học xong. Cũng may tôi nhờ có căn bản từ tiểu học lại đã được ba tôi dạy kèm thêm mỗi buổi tối trước kia, nhất là môn tiếng Pháp, mà lúc bấy giờ chương trình học còn rất nặng về Pháp văn, do đó tháng nào tôi cũng đứng nhất lớp. Mỗi tháng chúng tôi mang học bạ về cho má tôi ký tên là mỗi lần người lấy làm hạnh diện và được an ủi rất nhiều.

Được non một năm khi em Hợp đã biết đi lững chững thì má tôi mượn một căn nhà lá nhỏ ở khu Bàn Cờ, gom tất cả chị em tôi lại để mẹ con được gần gũi nhau, và lại má tôi cũng không muốn lạm dụng lòng tốt của bà con quá nhiều. Má tôi không quen việc bon chen mua bán, cũng không làm được việc nặng nhọc nhưng may mắn rất khéo léo nên người đi lãnh những chiếc áo gối cùng nón vải và áo trẻ em về thức thâu đêm bên ánh đèn dầu cặm cụi thêu lấy tiền công, cộng với

một phần tư lương của ba tôi nên mẹ con cũng tạm sống khắc khổ qua ngày. Nhưng khi không lãnh được đồ thêu hoặc khi má tôi đau yếu không làm việc được, cả nhà phải ăn khoai ăn cháo thay cơm. Bấy giờ nhớ lại việc xưa tôi còn thấy ghét ời là ghét cha Chệt bán đồ tạp hóa ở xéo trước cửa nhà tôi. Ngày nào chúng tôi cũng chạy qua tiệm mua, nếu không lết gạo thì cũng chén nước mắm, vài ba bó củi... Vậy mà có hôm má tôi không còn đồng bạc nào, biểu tôi qua mua chịu một lít gạo về nấu ăn đỡ, hẹn ngày mai sẽ trả tiền mà hấn cứ nhất định:

- Hà, cái lấy hồng có tiền thì ngộ hồng có bán lờ!

Báo hại cả nhà nhịn đói suốt cả ngày. May sao đến chiều tối, không biết trời xui đất khiến thế nào lại có một người cậu họ xa từ Nha Trang vào thăm. Nhằm lúc cậu đang hồi làm ăn phát đạt lại tính tình rất hào sảng, thấy hoàn cảnh gia đình tôi như vậy liền móc túi tặng má tôi hai tờ "giấy xàng" mới tinh. Số tiền đó đối với chúng tôi thật là lớn lao, thật không khác nào "hạn hán gặp mưa rào"!

Má tôi cần dành dụm một số tiền để lo "tạ ngoại hầu tra" cho ba tôi nên cả nhà phải thất lưng buộc bụng. Ngày ngày hai chị em tôi đi học về ngang qua chợ Bàn Cờ, gặp buổi chợ trưa gần tan, những cửa ế của ôi họ thường bán đồ bán tháo để dẹp hàng ra về. Chúng tôi mua rẻ mạt những ổ bánh mì nguội, những nài chuỗi sứ chín rục, vô thăm đen, có trái bị hư úng, họ chỉ bán có một, hai đồng bạc, đem về cả nhà ăn được một ngày.

Sau gần hai năm ba tôi được tạm thả ra với tấm thân gầy gò mang nhiều bệnh tật. Tinh thần người càng sa sút rõ rệt, thần kinh càng thẳng nên nóng nảy vô chừng. Má tôi lại phải làm việc nhiều hơn nữa để lo chạy chữa thuốc thang, một mặt an ủi khuyến khích ba tôi an tâm chờ đợi ngày ra tòa và hy vọng một tương lai sáng sủa hơn.

Tương lai chưa thấy sáng sủa hơn chút nào mà tai họa lại như cơn gió lốc thổi đến phủ lên gia đình tôi một lần nữa. Một đêm khuya trong lúc mọi người đang ngủ say, bỗng có tiếng đập thùng tiếc, thùng phuy inh tai, cùng những tiếng kêu la "Cháy nhà! Cháy nhà!". Chúng tôi tức tốc vùng dậy, mỗi người chỉ kịp ôm đại một mớ áo quần, đồ dùng lật vật không lấy gì làm quý giá (mà thật trong nhà chúng tôi đâu còn gì quý giá để mà lấy ra!). Tôi chỉ lo khư khư đem cái "cartable" cùng sách vở của tôi và nôi cá kho, sợ cháy hết không còn gì để ăn! Ban đầu ngọn lửa phát xuất từ một căn nhà ở đường Phan Thanh Giản nổi dài, rồi từ đó lan dần về phía vườn Bà Lớn gần đường Hai Mười. Khu nhà chúng tôi tưởng đã thoát nạn, không ngờ ngọn gió thổi ngược chiều khiến bà hòa dùng dùng chạy về phía đường Hui Bon Hoa và Nguyễn Thiện Thuật. Cả một khu Bàn Cờ rộng lớn bị thiêu rụi trong thoáng chốc. Chúng tôi đứng túm tụm đường Hui Bon Hoa có thể nhìn rõ xe cộ chạy trên đường Hai Mười. Thế là gia đình chúng tôi cùng số gia đình khác phải chịu cảnh màn trời chiếu đất một thời gian cho tới khi chính phủ cấp phát mỗi nhà vài ba tấm "tôle" để tạm che mưa nắng. Lũ chúng tôi bình thường đã chỉ có vài ba bộ áo quần cũ kỹ để thay đổi, nay lại càng thêm rách rưới. Tội nhất là chị Liên Hương của tôi, vài ngày sau chị mặc chiếc

áo dài cũ vài phin trắng độc nhất, chiếc quần vài sắng đậm bạc màu và mang đôi guốc vòng đã mòn gót, cặp giấy bút đi thi bằng Brevet (tưởng đương Trung Học Đệ Nhất Cấp sau này). Cũng nhờ ba tôi về nhà kịp thời, đêm nào cũng kèm chị tôi môn Toán và Pháp văn nên dù đã bị một mẹ khiếp vía vì bà hỏa đến viếng, chị cũng làm bài tưởng đối suôn sẻ nên được xướng danh trong ngày tuyên bố kết quả, đó là niềm vui lớn đối với gia đình chúng tôi.

Giữa năm tôi học lớp 8, ba tôi được tòa xử trắng án, một mặt nhờ luật sư biện hộ xuất sắc, một mặt xét ra ba tôi cũng không có tội gì ngoài việc liên lạc với một người tên L.V.L., mà từ ngày ba tôi vướng vòng lao lý gia đình tôi phải chịu bao nỗi đập vùi đắng cay, cho đến ngày ba tôi nhắm mắt cũng không gặp lại người ấy lần nào nữa!

Nếu má tôi là một người đàn bà hèn yếu tầm thường, không thấy xa hiểu rộng, không kiên cường phấn đấu, thì bầy con thơ của người chắc phải chịu cảnh thất học và sống vất vưởng trong một xã hội đang hỗn loạn vì chiến tranh và nghèo đói.

Ba tôi trở lại cuộc đời công chức bình thường, chúng tôi được đùm bọc dưới mái gia đình êm ấm và tiếp tục ăn học đến nơi đến chốn.

Trong số các chị em chúng tôi có đứa em gái thứ tám, Lệ Hân tuổi Kỷ Sửu, rất thông minh học hành xuất sắc, từ Tiểu học đến Trung học năm nào cũng đứng nhất nhì lớp. Ngày Lệ Hân đậu Cử nhân Anh văn hạng bình và năm sau tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm khóa đặc biệt đứng thủ khoa, thì má tôi đã qua đời không được thấy cây lúa non ngày nào giờ đã trở bông rực rỡ.

Nhỏ ngày em Lệ Hân còn nhỏ mới học lớp Tư (tức lớp 2 bây giờ) mấy mẹ con tôi còn nướng nấu một thời gian nơi nhà bà đi tôi trước khi dọn ra ở Bàn Cờ. Một buổi trưa má tôi vừa ngồi vá áo, vừa chỉ em Lệ Hân tập viết. Chợt em lỡ tay làm bình mực tím đổ ra bộ ván gỗ nơi nhà ngang. Má tôi và tôi sợ xanh mặt vội lấy nước xà bông cùng bàn chải chà rửa, thấy không hết bèn lấy vài chấm nước giấm, hai mẹ con hi hục chùi tới chùi lui cho tan vết mực, nhưng than ôi! dấu mực vẫn còn mờ mờ mà bộ ván bị một vết loang khá lớn trắng nhách khác xa với màu gỗ nâu! Bữa đó bà đi tôi đi chơi về thấy vậy trợn mắt chửi má tôi một trận thậm tệ, bà xỉ vả:

- Chồng ở tù không lo mà bày đặt dạy con học với hành làm gì! Bộ lớn lên nó đậu tú tài củ nhân được sao?!

Đĩ nhiên là má tôi chỉ biết cúi đầu không dám cãi nhưng trong tâm tâm người cho lời nói đó là hoàn toàn không đúng.

Chúng tôi có thằng con trai thứ sáu tuổi Quý Sửu (sau má tôi đứng 5 con Giáp), cháu Hoài Viễn, tuy không thông minh lanh lợi gì, nhưng cả nhà chúng tôi phải khen phục đức tính nhẫn nại và ý chí học hỏi của nó. Nhờ từ thuở mới đặt chân lên Tây Đức mà khoa học tiến bộ vượt bực so với các nước văn minh

khác, Viễn đọc và viết tiếng Việt chưa được rành rẽ. Khi còn ở bên nhà Viễn mài rong chơi suốt ngày ngoài vườn cây, sông rạch, tụ tập trẻ con lối xóm không bán bi đánh đáo, thả diều, bắn chim, tắm sông, bắt cá, mò cua... Nó sống thoải mái tự nhiên như muôn ngàn cây cỏ đại khác. Tôi đã phải khổ tâm nhọc trí răn dạy và điu dắt nó từng bước trong việc học hành, giảng giải từng bài toán phân số, hình học, dẫn dắt từng câu văn, sửa chữa từng lỗi chính tả... để nó có thể hoàn tất lớp cuối cùng bậc tiểu học. Bước vào lớp năm trường Trung học Đức với một hành trang kiến thức thật nghèo nàn nên Viễn vô cùng ngỡ ngàng trước một sinh ngữ mới lạ, một hoàn cảnh học tập hoàn toàn khác xưa...

Trong những ngày đầu cả nhà chúng tôi xúm lại chỉ dẫn từng môn học, dạy bảo thêm những điều cần bản cần thiết. Từ đó Hoài Viễn đã phấn đấu học hỏi không ngừng để từng năm bước lên lớp. Và khi chỗ ngồi của hai chiếc ghế xoay nơi bàn viết đã rách tả tơi vì ngày đêm miệt mài đèn sách, là lúc Viễn tốt nghiệp Trung Học với số điểm khá cao.

Giờ đây Viễn đã lên Đại Học gần hai năm, vẫn với phong cách "học chết bỏ", với quyết tâm khắc phục mọi khó khăn, con trâu nhỏ nhất trong gia đình tôi hy vọng sẽ thu lợi được nhiều thành quả trong ngành kỹ thuật không gian là một ngành hiện đại và luôn có những khám phá mới lạ của một nước văn minh tiên tiến.

Còn tôi nữa, "cái tôi thật đáng ghét" (Le Moi est haïssable), nhưng vẫn phải nói đến, vì cũng là một thành viên "con trâu" trong gia đình. Nếu kể về "cái tôi" thì chắc kể hoài kể mãi không dứt như chuyện dài Nhân Dân Tự Vệ. (Thực ra tôi cũng đã nói chuyện về tôi trên đây cũng khá nhiều rồi!). Phần đời còn lại là những chuỗi ngày phấn đấu không ngừng để vươn lên, để ngừng mặt nhìn đồng nghiệp mà không thấy thẹn vì thua kém. Ngày nào còn sử mệnh dạy dỗ là ngày tôi còn tìm tòi học hỏi, trau dồi đạo đức cho xứng đáng là một nhà mô phạm.

Sau ngày nước nhà rơi vào tay Cộng Sản độc tài, cũng như bao người dân miền Nam, cuộc đời tôi gặp bao nỗi truân chuyên khổ ải kể sao cho xiết! Chồng đi tù, một bầy con nhỏ dại, đó là lúc tôi tận lực "cày bừa" để những hạt giống đủ sức lớn thành cây lúa và bây giờ sắp trở bông sum sê.

Năm Đinh Sửu tôi đây tôi vừa đúng lục tuần, cái tuổi không còn trẻ nữa mà cũng chưa lấy gì làm già lắm, nhưng "con trâu" trong tôi đã thấy kiệt sức, lờ đờ chậm chạp, nay đau mai yếu, không biết ngã quỵ lúc nào! Phải chăng nó đã "cày sâu cuốc bẫm" trong mấy chục năm trời, cày vỡ những mảnh đất hoang, khai phá trí óc của bầy lớp thanh thiếu niên, từng thế hệ nối tiếp nhau...

Tôi mong ước sao rồi đây sẽ có những thế hệ nối nghiệp ông cha mưu tìm tự do hạnh phúc dân chủ cho nước nhà và dân tộc.

(Đức Quốc, một mùa đông lạnh giá chưa từng có)

(1) Gõ đầu trẻ.

THƠ

Huy Giang

Hương

Luân



Mùa xuân lên mắt em tôi
Chia hai mái tóc đường ngôi vụng về
Môi thơm hương buổi hoa lê
Phớt hồng đôi má, để mẹ gọt hài
Thường ơi... ngón búp lòng tay
Chấp vào thanh tịnh trang đài tuổi

thơ

Say men cho bướm dật dờ
Cất cao cánh mộng vẽ thơ dịu dàng
Văn thơ ị đẹp mệnh mang
Cúc, lan nụ trở rộn ràng lộc hoa
Thanh thanh tiếng nhạc hoan ca
Để cho tuyệt ở ngoài xa vụng đây
Về treo nhánh mỗi mai gầy
Đổi vàng thay sắc trắng ngây ngây

màu

Vi vu gió thổi, ôi chao...
Ngập trời buốt giá, cỏ cây bồi hồi!

*

Mùa xuân lên mắt em tôi
Chia hai mái tóc đường ngôi vụng về.

GÁNH CHÈ

NGÀY CUỐI NĂM

.Vũ Nam

Gió bắc thổi vù vù hai bên tai của chị Thoa làm chị buồn thêm. Nhìn nỗi chèn vãn chưa hết được phân nửa, lòng chị buồn vô hạn. Chị định bụng nếu hôm nay mua may bán đắt, xong sớm, chị sẽ ghé qua buổi chợ chiều mua ba bộ quần áo mới cho ba đứa con của chị. Ngày mốt là mừng Một Tết. Cứ ngày Ba Mười Tết mà chưa có quần áo mới là ba cô cậu lo sốt cả ruột. Còn sáng mừng Một không có cho các cô cậu là cô cậu sẽ khóc cho mà coi, ở đó mà còn sai với báo. Mà như vậy ở đầu năm thì suốt cả năm nhà sẽ làm ăn không ngóc đầu lên nổi. Chị tin như vậy từ những ngày còn nhỏ ở với cha mẹ lận. Vừa ngồi chị vừa nhẩm tính, đợi khi nào nỗi chèn lung lung chị sẽ gánh đi bán dạo. Chờ nó còn đầy thì gánh đi nặng lắm. Gánh đã đi không được xa mà tiếng rao cũng không còn được thanh. Vì mệt nên chỉ còn thở thôi thì làm sao mà thanh cho được. Một cặp tình nhân đi ngang qua gánh chè chị mới mọc ngay:

- Ăn chè đi cô cậu! Chè số nước tôi bỏ gừng nhiều, thơm và ngon lắm!

Đôi tình nhân đồng loạt nhìn chị bán chè, không nói năng chỉ cười rồi tiếp tục bước đi. Chị Thoa quen với cảnh như vậy rồi, nên không còn biết mắc cỡ như những ngày đầu tiên vừa tập tành gánh chè đi bán. Có rao hàng, có mời mọc người ta mới mua! Chị thường dặn lòng như thế. Ngọt mật chết ruồi mà. Lấy tay mở nắp nồi chè chị lại thấy lòng mình chùn xuống, buồn vô tận, y như lúc xuống câu vọng cổ trong những ngày còn nhỏ tập tành học ca ở nhà ông Tám Cò, trong con hèm nhỏ xíu nằm trên đường Phạm Ngũ Lão vậy.... *Vì xác thân anh đã vùi sâu dưới đáy mộ hoang tàn*, dứt câu ông thầy nhịp song lang kêu một cái cất nghe muôi tận mạng. Dù chị là gái nhưng ông thấy mấy ngày đầu cứ kêu ca thử bài Lương Sơn Bá, Chúc Anh Đài không. Bài này ngày đó chị thường nghe Minh Cảnh ca trên Radio lắm. Gốc dân quê cùng cha mẹ chạy về Sài Gòn lánh nạn trong thời buổi chiến tranh đã lâu rồi, nhưng ghiền cổ nhạc làm như nó có từ trong máu của chị vậy. Ông thấy lúc mới nhận dạy còn tán thêm ra:

- Ráng học đi, tui sẽ giới thiệu theo mấy gánh cải lương mà tui quen. Ông còn chỉ tay lên mấy khuôn hình có lọng đầy hình đào kép như Thành Được, Út Trà Ôn, Phượng Mai, Phượng Liên... rồi khoe: Mấy người này toàn là từ lò này ra không đó! Tui thấy cô em có thể trở thành như Phượng Liên được. Vừa đẹp lại vừa có giọng ca ngọt ngào quá xá! Chắc không lâu đâu, sẽ nổi tiếng ngay thôi. Ráng lên!

Bà xã ông thầy ngồi cạnh chồng nhìn chị còn nói thêm vớ:

- Tui ít khi gặp cô gái người Nam nào tên Thoa lắm nha. Sau này, nếu cô đi ca thì lấy tên là Ngọc Thoa hay Phượng Thoa gì nghe cũng được đó. Bà quay sang ông chồng tiếp: Ông nói đúng. Con nhỏ này đẹp không thua gì Lệ Thủy, Phượng Liên đâu.

Nghe ông bà thầy khen đẹp chị cũng vui. Không đẹp thì anh bỏ tên Liễu, hạ sĩ Không Quân, đâu có đang theo chị ngày tối sáng đêm như vậy. Còn cái tên Thoa bà thầy vừa khen, thì chị nghe như vậy. Sở là ông già đặt cho chị cái tên là Thao, để hợp với cái tên người chị lớn nhất nhà là Thúng, và đứa em trai kế tên là Rõ như cái tục lệ ở nhà quê cứ đặt tên con cho có vần có điệu mà chị biết từ những nhà chung quanh chị khi chị còn nhỏ ở dưới quê. Nhưng khi chạy giặc từ quê lên Sài Gòn, vì giấy tờ mất hết, nên phải đi khai báo tên tuổi lại. Có lẽ Sài Gòn là nơi thành hoa đô hội, nhân viên làm khai sinh họ không nghĩ đến cái tên Thao kỳ cục cho một cô con gái vừa đến tuổi dậy thì và có nhan sắc như chị. Cũng có thể ông già đánh vần lộn, viết lộn khi khai lại giấy tờ khai sinh. Không biết ai đúng ai sai, chỉ biết kể từ đó chị được một cái tên khác đẹp hơn đó là



Thoa. Nhưng rồi chuyện học ca cổ nhạc cũng không theo nổi ở tháng thứ hai, ông bà già cũng muốn cho con gái mình theo học ca cải lương để trở thành một Lệ Thủy một Phượng Liên thứ hai với người ta, nhưng ngặt một nỗi tiền học phí cao quá, lo không nổi. Lại cứ bàn Lương Sơn Bá, Chúc Anh Đài ca tới ca lui hoài chị cũng nản. Cuối cùng mộng thành ca sĩ cải lương tan thành mây khói ngay từ những ngày vừa trưởng thành. Nhưng nhờ vậy mà sau này khi nổi tiếp bà già gánh chè đi bán chị cũng xử dụng được giọng ca của chị trong những lời rao chè ngọt xớt, mỗi khi chè bị ế ẩm như chiều nay. Chị lại giờ nắp nồi chè xem lần nữa để đo lường sức gánh của mình đi khoảng được bao xa. Chưa hết được phân nửa chị ngấm nghĩ chắc là gánh đi gần gần đây thôi, kiếm nhà nào quen quen, gần gần quanh xóm này để có thể mời mọc và bán được một chút ít cho nỗi chè lung xuống, rồi mới tiếp tục gánh đi xa được.

Bỗng chị nhớ lại. À, phải rồi, nhà bác Sáu, ba má của anh Liễu, người tình của chị trước năm bảy mươi lăm, nằm ở góc hèm trong khu nhà sau lưng chị đang ngồi bàn chè.

Năm ngoài cũng vào dịp gần Tết này, tình cờ gánh chè đi ngang, được bác Sáu gái kêu lại để mua cho con trai, con dâu và đàn cháu nội của bác từ Mỹ lần đầu tiên về Việt nam ăn Tết. Chị trong chốc lát nỗi chèn chè còn nữa đã xuống gần muốn hết. Lòng chị mừng rỡ. Bây giờ, nghĩ lại chuyện năm ngoài lòng chị còn thấy vui. Nhất là chuyện của Liễu và chị. Liễu đã chạy đi Mỹ vào ngày hai mươi tám tháng tư năm bảy mươi lăm. Ngày đó anh có rủ chị nhưng chị nào có chịu đi. Đã cưới hỏi gì đâu mà theo trai như vậy, ông bà già la chết. Bác Sáu cũng biết việc của chị và con trai bác, nên sau ngày đó mỗi khi gặp mặt, chị và bác vẫn chào hỏi bình thường, nhưng đặc biệt là chị chưa bao giờ hỏi tin tức gì về Liễu, con của bác. Chị coi đó là chuyện của quá khứ, đã qua. Bây giờ Liễu được xem là Việt kiều. Bỏ qua những Việt kiều chỉ biết về nước ăn chơi trác táng, chị thấy mấy anh chị Việt kiều hiện tại khi về nước để thăm viếng thân nhân, cũng giúp đỡ được nhiều cho những người nghèo hèn, buôn bán hàng rong lam lũ như chị, trong đó có Liễu. Không có những người đem tiền về tiêu xài như họ thì bọn buôn bán như chị bán buôn cho ai ăn ai xài đây. Các anh chị đa số xài tiền như nước. Kể gì ba cái chén chè, tổ bún tính ra chưa đầy một Cent của Mỹ. Chị còn nhớ lại, ngày hôm đó, khi đang ngồi hồi hộp mức chè cho mấy đứa cháu nội của bác Sáu, Liễu đi ra, tình cờ thấy chị anh ta nhìn trần trần. Dù sao cũng là người tình cũ mà, không hẹn cũng gặp. Chị vừa mức chè mà tay vừa run, bởi vì chị không ngờ gặp lại Liễu thình lình như vậy. Đã trên hai mươi năm chưa hề gặp mặt. Chị dẩu dẩu nhìn thẳng vào mặt Liễu, sau khi nói vài lời chào hỏi vô thường vô phật lúc cổ vợ của anh còn trong nhà chưa ra tới. Mỗi tình còn con trong xóm đã hai mươi năm qua để gì ai còn nhớ! Lúc đang ăn chè, vợ Liễu hỏi chị mỗi ngày gánh chè đi bán kiếm được bao nhiêu tiền. Chị trả lời. Cô quay qua nói với chồng: Tính ra là chưa đến hai Đô mỗi ngày hả anh. Vậy thì làm sao sống! Vậy mà chị đã sống được mười mấy năm nay với nỗi chè mỗi ngày cùng chồng nuôi ba đứa con. Liễu chắc vì muốn biết về gia cảnh của người tình cũ nên hỏi thêm, nhưng vẫn kín đáo để cho vợ không nhận ra chuyện ngày trước của hai người.

- Còn anh nhà chắc kiếm được khá hơn... có?

Chuyện về chồng con hà cơ gì phải than thở hoặc kể ra cho người tình cũ. À không! Người... ngoài... đừng biết. Chị nói đại cho qua câu chuyện:

- Dạ anh kiếm được mỗi ngày hơn... tôi... chút ít thôi... anh. Dân lao động mà! Làm gì mà có thể tìm đâu ra tiền nhiều.

Chị nói vậy rồi nhìn Liễu thấy mặt anh buồn rười rượi.

Buổi chiều bán chè hôm đó chị về nhà sớm đến nỗi ba đứa con không ngờ trước được. Ngay chính chị cũng không ngờ là có thể về sớm như vậy, mặc dù chè vẫn còn một ít trong nồi. Có như vậy là vì lúc bán xong, lựa lúc vợ không có mặt, Liễu đã nháy mắt ra hiệu cùng lúc để tờ giấy một trăm Đô trong chén chè của anh rồi trao qua cho chị. Chị mừng quá. Gánh gánh chè rời khỏi nhà bác Sáu rồi mà đôi chân vẫn còn run vì mừng, sẵn trốn chị gánh chè về nhà luôn.

Thế là chị còn có thì giờ để dẫn mấy đứa con ra chợ Tân Định để lựa cho mỗi đứa một bộ quần áo mới, cùng với thịt thà gà vịt bánh trái để về chuẩn bị cúng ông bà tổ tiên nhân dịp đầu năm.

Những ngày cuối trong năm ngoài đã được gia đình Việt kiều bác Sáu giúp đỡ, không biết năm nay gia đình anh Liêu con của bác có lại về quê ăn Tết nữa không? Nếu có cũng đỡ cho chị lắm. Nhất là một trăm Đò. Nghĩ đến đây chị thấy mắc cỡ: nghèo mà tham! Nhưng chị hy vọng ở chiều hai mươi chín Tết năm nay lắm. Không những có thể được tiền, mà còn có thể nhìn lại được mặt người tình cũ nữa. Lâu lâu, sau ngày đó, thỉnh thoảng chị cũng ghé chợ đi bán ngang nhà bác Sáu, nhưng thường chỉ thấy căn nhà vắng lặng êm ru. Những lúc như thế làm chị buồn bằng qươ đôi chút. Giờ đang gánh chè đi đến nhà bác Sáu chị thấy hỏi hộp quà chừng. Chị thều dẹt trong đầu. Nếu bán hết sớm, lại được tiền lì xì từ Liêu, cũng giống như năm ngoài, chị sẽ về nhà ngay để dẫn ba đứa con ra chợ mua cho mỗi đứa một bộ đồ. Năm nay tụi nhỏ biết đôi nào là áo thun hiệu Nike. Quần Tây hiệu Levis. Dù là những hiệu nổi tiếng, nhưng ở Việt Nam chỉ là giả hiệu mà thôi. Mặc dù giả hiệu nhưng đối với vợ chồng chị giá quần áo như vậy cũng là giá đắt đỏ. Nếu còn ít tiền chị mua thêm... Đang nghĩ đến đây thì trước mặt chị đã thấy nhà bác Sáu xuất hiện. Chị cất tiếng rao thật lớn, cố ý để mọi người trong nhà phải nghe cho được: Ai ăn chè... chè... sôi...sôi... nước... nước... không. Sao em ru vậy kia! Chị thấy buồn. Cố gắng cất tiếng rao một lần nữa: Ai ăn chè... sôi... sôi... nước... nước... không. Lại em ru. Năm ngoài như vậy đã có tiếng trẻ con chạy kêu la đòi ăn chè um sùm rồi. Thế là cái hy vọng của chị đành tiêu tan theo mây khói! Chị lại cảm thấy mắc cỡ. Nghèo mà tham! Chị tiếp tục gánh chè đi, đành bỏ nhà bác Sáu lại sau lưng. Thình lình bác Sáu từ trong nhà người hàng xóm kề bên nhào ra chặn đường chị lại:

- Thoa! Chờ bác một chút! Có cái này cho cháu đây.

Chưa hết giây phút ngạc nhiên, bác Sáu vừa vỗ nhà lại ra ngay, trên tay có cầm một cái bao thư.

- Đây, của thằng Liêu gởi cho cháu. Định nhờ người mang qua nhà cháu thì cháu tới. Thiệp Chúc Tết... lại... có... Thôi cháu mở ra rồi sẽ biết. Bác chúc cháu vui vẻ trong năm mới nha. Bác phải về ngay để mấy bà khởi chợ. Đánh tử sắc cho vui trong ba ngày Tết mà cháu.

Gánh chè rời khỏi xa nhà bác Sáu, lựa một chỗ vắng rồi chị Thoa mới dám đứng lại để mở bao thư ra coi. Chị hỏi hộp quà chừng. Bỗng nhiên chị hoa mắt bởi tờ giấy bạc một trăm Đò mới tinh, được kẹp trong tấm Thiệp Xuân màu mè xanh đỏ. Bên cạnh một tờ giấy trắng nằm riêng, trong đó có tuồng chữ của Liêu: Trong năm nay anh phải về quê vợ để ăn Tết, ở Sa Đéc lận! Anh có nghe ba má kể về hoàn cảnh của em từ năm ngoài. Vì tình cũ nghĩa xưa, năm nay anh lại gửi tặng em một trăm Đò để ăn Tết. Chúc em năm mới nhiều vui vẻ với chồng con. Anh. Liêu. Người tình cũ.

Chuyện tình miệt vườn

• *Thiện Tịnh Hồ Trường An*

Cô Hai Ngọc Lựu không phải tự xưng mà có cái tên đẹp. Cô là con gái ông Hương Kiểm Tồn, gia đình khá giả, nhà nếm về làng Cái Sơn Bé, cạnh Đình Khao nằm trên hữu ngạn sông Cổ Chiên, ngày ngày thường nghe tiếng sóng trộn lẫn tiếng phi lao mọc trên bãi đất trống, nổi tiếp những bãi bắn. Số là cô có một ông chú nổi tiếng khoa Tử Vi. Sau khi má cô sanh ra cô, ông lấy cho cô một que, thấy cô tốt về cung Phu Quân lẫn cung Tử Tức và cũng Phúc Đức. Ông khuyên tía má cô nên chọn cho cô một cái tên đẹp, để mai sau nếu lấy được chồng sang, cô sẽ không hổ thẹn vì cái tên xấu háy quê mùa của mình. Má cô sực nhớ tới trước khi biết mình cần thai cô, bà nằm chiêm bao thấy mình được một mụ già lạ hoắc tặng cho bà một trái lựu, nên bà nhất định đặt tên cô là Lựu. Nhưng không lẽ cô mang cái tên Đặng Thị Lựu suông trơn thì làm sao cái tên đó được văn huê bóng bẩy, cho nên chú cô thêm chữ Ngọc trước tên Lựu kia. Thử đó, dân miệt vườn hể muốn cho tên con gái mình được đẹp thường kèm chữ Kim hoặc Ngọc vào tên của mình. Do đó, về sau cô Hai Ngọc Lựu không lấy làm lạ trong hàng đào cài lương xuất thân từ giới bình dân hay giới không có văn hóa cao thường có những cái tên Hán và Nôm lẫn lộn như Đào Kim Nền, Đào Ngọc Nuôi, Đào Ngọc Giàu... Ngọc Lựu dù không phải là tên đẹp tuyệt trần và thơ mộng ác ôn, nhưng vẫn là tên một thứ ngọc màu đỏ để cần vào nhẫn đeo tay hay vào miếng mẽ-dai của sợi dây chuyền, đọc lên cũng đủ bù ngận cả lỗ tai.

Nhà ông Hương Kiểm Tồn gồm một căn hai mái, căn rộng chái vùn, mái lợp ngói âm dương, vách ván bồ kho, nền lát gạch tàu, sân trước tráng xi-măng. Nhìn vào, khách đến viếng biết ngay đây là gia đình bực trung, đang hồi ăn nên làm ra, nhưng lợi tức cũng chỉ vượt hơn bình thường đôi chút chứ không phải là thứ lợi tức hoành phát hoành tài. Trong nhà, tủ thờ đặt ở gian giữa cũng chỉ là thứ cẩm lai, có đường viền và nét hời văn bằng gỗ mun. Tuy không phải là loại tủ thờ bằng gỗ trắc khảm xa cừ, nhưng tủ thờ như vậy cũng là xuê xoang lắm rồi, nhất là khi ông Hương Kiểm Tồn sắm được bộ lư hương, chân đèn bằng đồng, sắm được hình ông bà cụ thân sanh của mình theo kiểu họa truyền thần được đóng khung và lộng kiếng. Ngoài ra, trước bàn thờ là chiếc bàn dài bằng gỗ trắc. Hai bên bàn là cặp trường kỷ chạm hình con chi, con sóc, chùm nho. Còn ở mỗi bên chái, gia chủ đặt bộ ngựa bằng gỗ, màu nâu đỏ như cánh gián và lên nước bóng lộn.

Ông Hương Kiểm Tồn lo canh tác 15 mẫu ruộng và chăm sóc hai mẫu vườn của mình. Còn bà Hương Kiểm Tồn lo việc nội trợ. Cô Hai Ngọc Lựu thì đã có một lò bún đặt sau nhà. Cô chỉ học tới lớp nhứt, thi xong

bằng Tiểu Học là cô phải ở nhà giúp đỡ cha mẹ việc sanh lợi. Hai cậu em của cô nhờ Trời thương Phật độ nên năm ngoài thi đậu vào trường Cao Tiểu Cần Thơ, phải ở nội trú, gặp kỳ nghỉ học ăn Tết, kỳ lễ Phục Sinh và kỳ bãi trường mới được về thăm nhà.

Cô Hai Ngọc Lựu tuy là gái miệt vườn, nhưng nhờ có ăn học chút đỉnh nên cô biết đọc tiểu thuyết lai rai, biết đánh lưới sửa giọng khi nói chuyện. Cho nên cô vẫn bông hoa lạ, con chim hiếm quý ở xóm cổ.

Cô Hai Ngọc Lựu hồi 15 tuổi mà đã trở má sung mãn rồi. Cô cao lớn hẳn lên, móng ngực vun chùn, vai đầy đặn, eo thiết thon, thân hình chắc như cây chuối hột. Đã vậy, má cô hồng hồng; môi, nước, răng, lòng bàn tay, gót chơn cô đỏ au au; mắt cô vừa sáng ươi và có vẻ say say. Ba má cô không bắt cô mua thùng bán bưng nên cô không dang nắng; nước da cô nhờ vậy mà trắng như bông bưởi, bông lai, ngọc mà mát mát. Bởi bà Hương Kiểm Tồn muốn chừng dọn con gái mình như một phụ nữ sang trọng, nên cô được ăn mặc sô sa nhiều lụa, chớ không ăn mặc vải bô thô xấu như mấy cô gái trong xóm, trong làng.

Cô Hai Ngọc Lựu có tài làm bún và bánh hời. Dân ở vùng đất Vĩnh Long không biết cách làm bún sao cho mềm, sao cho nuốt vào cổ là thực khách thấy mát rười rượi. Sợi bún ở đất Vĩnh Long thô tháp lắm, để chừng nửa buổi là trở mình khô khốc. Có lẽ dân ở đây xài thứ bột xay bằng cối đá và chỉ xay được một lần mà thôi chăng?

Cô Hai Ngọc Lựu bắt hai đứa trẻ gái là con Thành và con Ni xay bột nhiều lượt nên bột thiệt nhuyễn nhừ. Hôm nay bột xay không hết thì đem phơi khô để dành hôm khác. Cô chỉ phú thác cho tụi nó xay bột cho thiệt kỹ, thiệt nhiều mà thôi. Còn lấy trùng cho bột và ép bún là phần của cô. Ba má cô đôi khi cũng phải giúp cô xay bột hoặc ra chợ chọn gạo tốt mùa đem về nhà.

Bún của cô Hai Ngọc Lựu vừa mịn, vừa mềm, vừa có thể để lâu hơn các loại bún ở nơi khác trong đất Vãng. Nó trắng nà trắng nuốt, phở về nước sắc ngà trên những phiến lá chuối xanh tươi cắt hình tròn, nuốt vào là ta tiếp nhận ngay cảm giác mát rượi từ khẩu cái xuống cổ họng. Lâu lâu, cô Hai còn trở tài làm bánh hời và bánh nghệ. Bánh hời của cô cắt bằng nhau, dài cỡ ba lóng tay trở, khi được trải mỏng trên đĩa bàn trệt thì đẹp như reng thêu, ai cũng thích mua đem về nhà để ăn cặp với tôm nướng và thịt quay. Còn bánh nghệ của cô lớn cỡ múc dưa được cô khoanh từng cụm tương vắn, từng cụm hời vắn trên nền lá chuối, mỗi cụm chỉ lớn cỡ khu tổ, trông thì đẹp, còn cắn thì vừa dẻo lại vừa mềm. Thứ bánh nghệ này mà dùng ăn cặp với thịt nướng, mít luộc và huyết heo luộc xắt miếng nhỏ, rau sống, dưa leo và chấm nước mắm giã tỏi ớt thì ngon ác ôn!

Nhờ có lò bún nổi tiếng, cho nên cô Hai Ngọc Lựu chỉ ở nhà đợi chờ những kẻ mua thùng bán bung đến mua bún, bánh hỏi đem bán lại ở các chợ trong vùng hoặc ở chợ tỉnh. Những bà, những cô bán bún thịt nướng, bún thịt xào, bì bún cũng thường đến lò của cô để mua những sản phẩm độc đáo của cô. Kề sành ăn thường thích mua bún của cô về đem rau xắt ghém rồi chan canh cá đuông nấu ngót hoặc chan nước cá dôi kho lạt có dấm ớt dòn cũng đủ cảm thấy ngon tuyệt, chẳng cần phải đem thịt heo hoặc thịt bò hay tôm càng nướng. Thậm chí, nếu không có thức ăn sẵn trong nhà, nhưng ai đó chỉ cần mua bún của cô về chan nước mắm vắt chanh và dấm ớt cũng đủ cảm thấy ngon rồi. Ai chờ bà Giáo Lợi ở đầu xóm có thể ăn bún của cô trừ cơm suốt cả tuần mà vẫn không ngán. Nhờ lò bún, cô Hai Ngọc Lựu giúp cho cha mẹ một cuộc sống phong lưu và còn sắm cho mình cả chục lượng vàng để làm của hồi môn sau này. Vốn hiểu thảo, nên mùa nào thức ấy, cô không tiếc tiền mua trân cam cho cha mẹ. Bà Hương Kiếm Tôn thích ăn cá chái kho lạt rồi chan lên bún đem rau xắt ghém cũng như ông Hương Kiếm Tôn thích uống trà ngon, cà-phê rang bơ; cho nên hề tìm được cá chái tươi ngon hoặc gặp thứ trà quý thì cô mua về tặng cho tía má của mình. Còn cà-phê rang bơ ở ngoài tiệm Huệ Phong thì ngon nhưt tỉnh, cô mua thiết nhiều để dự trữ cho cha, để mỗi sáng ông pha một tách nhâm nhi trước khi ăn điểm tâm.

Từ lâu, cô Hai Ngọc Lựu lọt vào cặp mắt hay chớp lia chớp lịa của thầy giáo Thông, thầy dạy lớp nhứt trường Thiêng Đức. Thuở đó, trường ở gần Cầu Đào, tức là khoảng giữa dốc cầu Thiêng Đức và khu xóm Cầu Dài. Thầy ở trọ nhà ông bà Hương Giáo Rạng, nằm trong cuộc đất khít khuôn viên của ông bà Hương Kiếm Tôn, cách con rạch nhỏ. Cô Bảy Kim Khuê, con ông bà Hương Giáo là bạn hàng xóm chí thân của cô Hai Ngọc Lựu. Qua cô Bảy, cô Hai mới biết rằng thầy giáo Thông là con nhà chú của cô Bảy. Tía má thầy là ông bà Hương Quán Ngồi ở Tam Bình, gia đình thuộc hạng điền chủ trung lưu, có tới 60 mẫu ruộng và bốn mẫu vườn.

Thầy giáo Thông có vóc vạc roi roi, nước da trắng trẻo, nụ cười tươi, kèm theo hai lúm đồng tiền. Tánh của thầy hay lí lắc, hay khi khộn; nhưng cách pha trò của thầy thiệt đậm đà, duyên dáng.

Vườn của ông Hương Kiếm Tôn có trồng vài cây măng cầu Xiêm, vài cây măng cầu dai. Ngoài ra, vườn còn có cây lê sai trái. Đây là thứ lê có trái cỡ trái chanh, tròn thiệt là tròn, nhưng không phải là loại lê mà người miền Nam kêu là trái xá lỵ. Đây chỉ là loại mận, loại điều có da màu vàng, khi trái chín thì vị cũng hơi ngọt, nhưng vẫn hơi chất chát, tuy nhiên mùi hương nó khá thanh. Ngoài ra, cô Hai Ngọc Lựu có trồng ngoài cửa sổ căn buồng của mình một cây lựu đỏ và một cây lựu bạch. Ngoài xèo, ngoài rạch, bên phía khuôn viên cô, từng đám bình bát mọc sồn sột. Trái bình bát cỡ bụm tay, hình vóc thuôn thuôn, tuy thơm sực nức và sướng sã, nhưng vị lạt lèo, ăn không ngon. Vậy là khuôn viên cô có bộ trái cây tứ quý là lựu, lê, bình bát, măng cầu. Không hiểu có phải cô Bảy Kim

Khuê thày lay hay không mà thầy giáo Thông biết được bốn thứ trái độc đáo của miền thôn dã vùng phù sa sông Cù trong vườn cô Hai Ngọc Lựu nên hề thầy cô Hai ra xèo vo gạo, rửa rau hoặc giặt quần áo là bên kia nhà ông Hương Giáo Rạng, thấy ứng lên hát:

*Lựu, lê, bình bát, măng cầu
Bốn cây tứ quý, anh sầu một cây.*

Chưa hết đâu! Qua cô Bảy Kim Khuê, thầy giáo Thông còn biết cô Hai Ngọc Lựu tuổi Mẹo, nên mỗi khi cô cấp rổ đi chợ ngang qua nhà trọ của thầy là thầy tăng háng rồi cất giọng ầm áp như khói chiên đàn lên ngâm:

*Tuổi Mẹo là con mèo ngao
Hay quấu, hay quào, ăn vụng thành tinh.*

Cô Hai Ngọc Lựu tức mình lắm. Cho nên vào một buổi trưa, cô Bảy Kim Khuê đem xấp hàng lá môn qua nhà cô Hai để cùng may quần đay giữa cho có bạn thì cô Hai mắng vồn:

- Em coi bộ lóng rày thầy giáo thành qui lộng chùa hoang rồi đó. Hề đụng mặt em là thầy trở mòi ve vãn một cách suông sã. Ngó cái bàn mặt hí hờn của thầy mà em ủa gan. Ai mà đang lúc hấp hối, lỡ thầy cái mặt của thầy là sau khi chết hết mong dầu thai. Lại còn nụ cười cầu tài của thầy nữa, vừa khi thầy banh miệng ra cười là em muốn nổi dóa.

Cô Bảy Kim Khuê nguyền cô bạn hàng xóm của mình một cái bẹn ngót:

- Em đừng có nói vậy. Chú thím của chị sanh ra thằng Thông không phải để cho em chê tàn chê mặt đâu. Coi vậy chờ nó kén vợ lắm; nó được biết bao cô gái ở xóm Thiêng Đức mê mẩn rưng rờ. Tại vì nó thầy em có bóng sắc hực hờ nên nó mới động lòng thờ dạ chồn ve vãn em như vậy; chớ gặp mấy cô không hợp nhãn nó, nó đương thêm ngó tới.

Cô Hai Ngọc Lựu không nói gì hơn, chỉ biết đưa đẩy cây kim, nhưng má cô đỏ au au như bông lồng đèn, bông bụp. Hề mỗi khi cô Bảy Kim Khuê xách dít qua chơi thì thể nào cô Hai Ngọc Lựu cũng được nghe một vài tánh tỉnh, sở thích của thầy giáo Thông. Nào là thầy không hề ăn cá không vậy cũng như không thích hạng phụ nữ có nước da không trắng. Nào là thầy thích đọc tiểu thuyết đường rừng của Lan Khai hoặc tiểu thuyết dã sử của Nguyễn Triệu Luật chớ không thích loại tiểu thuyết đả kích cô tục của nhóm Tự Lực Văn Đoàn. Nào là thầy còn biết mần thơ tình yêu theo loại thơ mới cũng như loại thơ tự trào theo thể thất ngôn bát cú. Và rồi cô Bảy ngó chăm chăm vào cô Hai, cất giọng thoét thọt:

- Thằng em con nhà chú của chị thiệt tình lắm. Hề nó yêu ai thì nó không hề che giấu tình cảm của nó. Nó chơn thành, khàng khái, không úp mở, mòi miêng. Tuy nó ưa giỡn hớt với em, chớ thiệt ra nó chiêm ngưỡng em như chàng thi sĩ chiêm ngưỡng bóng trăng rằm, như chiêm ngưỡng một bông hoa quý.

Cô Hai Ngọc Lựu cười hăng hắc. Cái mụ Bảy Kim Khuê nầy lậm mấy cuốn tiểu thuyết tình uớt át nên ngôn ngữ mụ vãn huê bồng bày đường ấy! Chưa chắc thầy giáo Thông kia ưa nói những câu phưởng tưởng như vậy.

Tuy lí lắc, nhưng thầy giáo Thông nhưt nhát lắm, đâu dám tỏ tình với cô Hai Ngọc Lựu. Rồi một hôm nọ, cô Hai đi chùa Sơn

Thắng để dung hương, Hôm đó nhằm buổi trời trong nắng tốt, cô mặc chiếc áo hàng Thượng Hải màu hột gà thêu những chùm nho tím, mặc quần bằng cảm nhung trắng. Tay cô che dù lụa đỏ, tay trái cô xách chiếc bóp đầm da láng. Ánh nắng lọc qua tàn dù, nhuộm mặt cô ứng hồng rạng rỡ. Từ chỗ Đình Khao đi bộ chừng hơn một cây số là tới chùa. Nắng đầu tháng chạp không ất, tiết trời lại hơi mát mẻ nên cô đi bộ cho giãn gân cốt. Dè đâu, thầy giáo Thông từ mạn bên bắc Cổ Chiên cỡi xe đạp trở tới. Thấy vừa chạm mặt cô liền hát hai câu đầu của bài "*Thú Bình Bárt*":

*Vui, mừng vui, khoái vui
Vui như vậy quá xá là vui!*

Thầy vút qua mặt cô rồi cho xe đạp chạy về hướng Đình Khao. Cô Hai Ngọc Lựu không thềm ngó ngoái lại, lằm bằm lằm bằm:

- Vui cái con khỉ mốc! Thấy cái bàn mặt hí hùng mà phát ghét!

Nhưng làm sao cô ghét được cái khuôn mặt trắng trẻo khôi ngô kia? Chèn ơi, nụ cười của nhà mỗ phạm kia sao mà có duyên quá đỗi! Cặp môi của thầy khi ngậm thì chỉ có duyên tới một. Nhưng cặp môi đó mà cười thì cái duyên đáng kia tăng lên tới mười.

Từ khi được thầy giáo Thông ve vãn, cô Hai Ngọc Lựu vụt cảm thấy mình hơi quê quê. Thầy là bực tân học, có bằng Thành Chung, biết nói tiếng Tây, biết hát vài bản Tây, biết coi sách Pháp. Còn cô mới đậu bằng Tiểu Học, biết nói chút đỉnh tiếng Tây, biết coi được vài cuốn cổ tích bằng tiếng Pháp; nhưng từ khi lao đầu vào việc mưu sinh, cô trả hết chữ nghĩa cho quãng đời mải dưng quần dười mái trường nữ tiểu học ngoài chợ tỉnh rồi. Cái lò bún coi vậy mà quái ác, nó chiếm hết thời gian của cô. Có khi cả tháng cô mới đi ra chợ tỉnh một lần. Lúc đó, cô mới có dịp mặc áo dài, chải đầu bầy ba, chơn đi giày nhưng thêu cườm, tay trái xách bóp đầm da láng, tay mặt che dù tía. Bởi cô nhưt nhát nên cô không dám giới phần thoa son, mà chỉ dám đeo một vài món nữ trang mà thôi. Chèn ơi, cô Bảy Kim Khuê nhờ cái nghề làm gái bao cho những người đồn ông hào huê nên cô ta lúc nào cũng rành rang. Đã vậy, cô ta còn có chiếc xe máy hiệu Urago nên cô ta siêng đi chợ tỉnh như cơm bữa. Lại nữa, cô ta có mấy chun hụi ở ngoài đó nên cô ta có cỡ để vào hà ra hờn và đeo cảm thạch hột xoàn, để giao thiệp với phụ nữ văn minh kim thời. Mỗi khi đi dự tiệc, đi ăn cưới, cô Bảy Kim Khuê không dùng xe đạp mà dùng ghe hầu sơn màu xanh da trời do con ở của cô chèo từ bến nhà ra bến chợ. Những dịp đó, cô Bảy mặc áo gấm hay áo nhung hoặc áo the bông nhưng ép, đeo vài món nữ trang cần hột xoàn sáng lập lèo và tỏ son giới phần hực hờ như đay hát cải lương.

Chỉ nghĩ mình đứng gần thầy giáo Thông, cô Hai Ngọc Lựu cảm thấy nhột nhột bút rút gì đâu! Coi bộ mình hơi quê quê, hơi nùng nùng dị dị nếu mình đến bộ quần áo nửa cổ nửa kim, nửa quê nửa tỉnh. Gái tỉnh thành thời buổi này biết mặc "xú-cheng", biết mặc áo dài bựng bựng bó eo, biết đeo bông dầm, biết đi giày cao gót, biết chải đầu kiểu mới với chín lượn mười mống. Cô Chín Túy Huệ, con gái bà Bang Biện Chánh tuy hơi lùn mà nhờ biết đi giày cao gót và chải đầu

phùng mà cô ta cũng có vẻ cao sang yếu điệu như ai. Còn cô Bảy Kim Khuê nào có hồng hào trắng trẻo gì, nhưng cô ta biết xài son phấn nên mỗi khi cô ta đi dự tiệc thì khác nào con công, con bướm choáng lộn màu thanh vẻ lịch.

Chèn ơi, cô Bảy Kim Khuê và cô Chín Túy Huệ mà gặp nhau rồi thì cái vẻ tân thời và phong cách tinh thành được dịp phô trương xả láng. Họ khoe đọc cuốn sách này, xem cuốn phim nọ, khen anh chàng tài tử Âu Mỹ này hào huê, khen nàng danh ca Tây Phương nọ có giọng oanh vàng lãnh lót. Họ trầm tiếng Tây, tiếng Ấng-lê lổp lổp. Đó rồi họ khoe mua được xấp lụa này, thời son nọ, chai dầu thơm kia, dĩ nhiên nhân hiệu bằng tiếng Tây nghe bùi ngận cả lỗ tai!

Một hôm, cô Chín Túy Huệ từ bên kia ngọn rạch Cái Sơn Bé qua thâu tiền hụi. Cô Hai Ngọc Lựu mời cô cùng cô Bảy Kim Khuê ăn ốc gạo chấm nước mắm chanh ớt cùng ốc lác và ốc bươu chấm nước mắm giã gừng và tỏi ớt. Sau mấy phen sục sè e ngại, cô Hai Ngọc Lựu liều mạng yêu cầu:

- Từ bây lâu nay, mãng lo mản ăn cùng coi sóc việc nhà mà em quên o bẻ dung nhan và trau tria bóng sắc. Nhưng em không biết chải chuốt trang điểm cách nào cho bớt quê. Xin hai chị bày biểu cho em với nào.

Cô Chín Túy Huệ cười:

- Em có cái vẻ đẹp thiên chơn, ăn diện như tụi chị thì coi bộ trật đường rầy, coi bộ lạc què rồi ã.

Cô Bảy Kim Khuê nhắm nhía cô Hai Ngọc Lựu:

- Con này coi bộ vậy mà có tướng sang, dáng đẹp thanh tân yếu điệu. Nó không cần son tô phấn trét, không cần đeo nữ trang rườm rà và mặc áo rằn ri lõe loét. Nó chỉ cần mặc chiếc áo dài tân thời bự ngực bó eo, chỉ cần đi giày cao gót, chải đầu phùng và tía cặp chơn mày vòng nguyệt thì... ăn tiền!

Cô Chín Túy Huệ sốt sắng:

- Vậy hôm nào rảnh, em Lựu hãy theo chị ra ngoài chợ tình, chị sẽ chọn giùm em loại tơ lụa có màu nhu nhả rồi đưa em đến tiệm may Thái Bình. Chủ tiệm may là người Bắc, cắt may áo dài theo kiểu *Le Mur* khéo không thua mấy ông thợ may ở ngoài Hà Nội. Rồi đó, chị sẽ dắt em đi mua giày cao gót...

Cô Bảy Kim Khuê hứa:

- Còn chị, chị sẽ dạy em chải đầu phùng như sóng lượn ngoài bờ biển Ô Cấp. Và chị sẽ dạy em tía cặp chơn mày lá liễu cong như cái mỏng trời.

Rồi cô nói giỡn:

- Lựu à, em mà đầu có tướng sang thể mảy thì cũng chỉ là thím giáo là cùng. Chị có tài nhắm tướng, không bao giờ sai, không bao giờ trật chĩa.

Cô Chín Túy Huệ nguyệt dài cô Bảy rồi luận việc đời:

- Chị nói sao phải. Con này có tướng vượng phu ích tử. Tên thầy giáo nào mà làm chồng nó sẽ lần hồi leo lên chun đốc học, rồi trở thành phó thanh tra mấy hồi. Người ta gọi bà đốc học hoặc bà phó thanh tra chớ có ai gọi thím đốc học hoặc thím phó thanh tra bao giờ đâu. Để rồi chị coi em có đoán đúng hay không?

Cô Hai Ngọc Lựu chỉ biết cười hềnh hếch chớ không nói không rằng thêm tiếng

nào. Khi khách về rồi, cô vo gạo nấu cơm chiều, lòng bàng hoàng khắp khi nghĩ tới bộ cách tân thời mai sau của mình.

Đêm đó, giữa canh tư, cô Hai Ngọc Lựu tỉnh giấc. Ánh trăng hạ huyền như thoa dầu bóng lờng những phiến lá mít, lá măng cầu xiêm. Hương dạ lý bên hè thoảng tận vào buồng cô bát ngát. Cô lồm cồm ngồi dậy, ngó qua vuông cửa sổ. Bên kia con rạch, cô có thể thấy vuông cửa sổ của buồng thầy giáo Thông. Chu chơa ơi, mắc mở gì mà vào thời khắc này thầy hầy còn thức, còn chong đèn sáng? Thấy đọc sách hay viết thơ o mèo đây? Tuổi niên thiếu là tuổi ham ăn ham ngủ; vậy mà cái anh thầy giáo mắc dịch kia vẫn còn ngồi bên song cửa để ngắm bóng tà nguyệt và ngọn hàn đặng trông thiệt là tội nghiệp, trông thiệt là dễ thương quá trời quá đất! Chắc thầy không dè, bên này song cửa có người con gái núp trong bóng tối để nhìn lên thầy, sóng lòng cô xao xuyến, trái tim cô thốn thốn từng cơn. Cô gái ấy muốn hò lên những câu ngụ tình, nhưng vào thời khắc này cô mà hò mà hát thì người trong nhà và chòm xóm sẽ tưởng cô nổi cơn điên. Cho nên cô chỉ biết núp trong bóng tối để nhìn ánh đèn và bóng dáng chàng trai tân học bên kia khung cửa cho tới khi hai cánh cửa sổ khép chặt và ánh đèn phụt tắt mới trở vào giường của mình. Thiệt là:

Ai buồn có chốn thờ than

Em buồn như ngọn nhang tàn thấp khuya!

Sau đó hai hôm, hai thằng em của cô Hai Ngọc Lựu về nhà chuẩn bị ăn Tết. Cô Hai Ngọc Lựu nhứt định đãi tụi nó một bữa bánh xèo. Cho nên xế hôm đó, cô cấp rỏ vào rẫy Chệt Lớn để mua rau cải. Dè đâu vừa băng qua con lộ đá đẽ vào nút ngọn rạch Cái Sơn Bé thì cô gặp thầy giáo Thông xách cần câu từ đầu về. Vừa đụng mặt nhau, thay vì hát hai câu đầu của bài "*Thú Bình Bárt*" như hôm trước, thầy giáo Thông ré lên:

Bậu nói với qua bậu không hái lựu bé đào

Vậy chớ lựu đâu bậu bọc, đào nào bậu cầm tay?

Cô Hai Ngọc Lựu nguyệt thầy một cái thiệt dài sọc, xí một tiếng thiệt nhọn hoắc rồi ngoe nguẩy đi mau. Thấy giáo Thông lèo đèo theo cô. Cô nghĩ thầm:

- Chắc là có chuyện lớn, chớ không chơi đầu. Lạy Trời, lạy quí thần, lạy cô hồn các đảng đừng khiến mặt con đỏ thén vì sựong sùng, coi kỳ cục lắm!

Khi nghĩ như vậy, cô cảm thấy trái tim cà chớn của mình bắt đầu nổi lên một loạt trống châu. Cô bước chậm lại, chun căng cổ bunn rùn, tâm thần cô dao động bàng hoàng khó tả. Thấy giáo Thông áp úng:

- Dạ thưa cô Hai!

Cô Hai Ngọc Lựu im lặng. Chung quanh vắng ngắt. Khoảng đường đất nầy băng qua miêng vườn làng hoang phế. Những bụi chuối, những khóm cây tầm vông, những cây đầu miên dưới, cành lá rườm rà che mắt một phần ánh sáng của buổi sáng đầu xuân. Bỗng đứng, cô cảm thấy sờ sờ, vừa thú vị mà cô không hiểu tại sao. Còn thầy giáo Thông đã lờ đăm lao thì phải theo lao. Thấy áp úng:

- Dạ thưa cô Hai... Lựu!

Cô Hai Ngọc Lựu đứng lại, nhưng không nhìn về phía thầy. Cô tự nghĩ mình phải nói lên điều gì vì thiệt ra cô mắc cỡ lắm, sựong tẻ sựong điếng rồi đây! Lòng cô bở rết như sắp tan lổng. Cô muốn rung eng phát rết rồi đây! Cô trở giọng bắt bẻ, không phải muốn hù thầy mà là cốt để lấy sự bạo dạn:

- Thưa thầy giáo. Thầy cứ kêu em bằng cô Hai sựong trơn được rồi. Còn bày đặt Hai Lựu, Hai Đào làm chi cho rườm rà?

Thầy giáo Thông biết ngay là cô Hai hôm nay không lãnh đạm với thầy, dù cách ăn nói của cô hơi trặc trẹo một chút. Thấy cười mơn:

- Dạ... xin cô Hai bỏ lỗi cho. Lựu đào gì cũng là thứ trái quí, đem chưng dĩa đẹp, mà ăn vô thì nhứt định là phải ngon. Dạ thưa cô, hôm nay tui có chuyện muốn thưa với cô. Chẳng biết cô có sẵn lòng nghe không đây?

Cô Hai Ngọc Lựu chớp rêm mi như cánh bướm và hạ thấp giọng nói:

- Dạ, thầy giáo muốn dạy em điều chi? Xin thầy chớ ngại.

Mặt thầy giáo Thông đỏ bừng. Mặt thầy cũng chấp chới. Chính thầy cũng nghẹn lời vì thầy mắc cỡ lắm rồi. Còn cô Hai Ngọc Lựu cũng thừa biết rằng hôm nay, việc phải tới sắp tới. Cô bạo dạn ngược lên nhìn thầy. Thiệt, cái mặt của kẻ si tình có vẻ thiếu não, thầy mà... thương đứt ruột đứt gan chớ không chơi đầu! Thấy giáo Thông loay hoay hoài mà không tìm được chuyện gì để nói, nên hỏi cho có chuyện:

- Cô vào rẫy, phải không cô Hai?

Cô Hai Ngọc Lựu lấy lại bình tĩnh, nụ cười cô rạng rỡ như nắng xuân, cặp mắt cô cũng long lanh tươi tắn. Cô bảo giọng thiệt mỏng như lụa the:

- Dạ thưa thầy giáo, em vào rẫy của Chệt Lớn mua rau cải ăn cặp với bánh xèo.

Thầy giáo Thông lẩn thẩn một cách buồn cười, nếu không bảo là hơi lỗ bịch:

- Ủ, tui biết cô vào rẫy mà. Vậy là cô... vào rẫy, hén cô?

Cô Hai Ngọc Lựu thừa biết thầy giáo Thông vì hoảng hốt nên mới ăn nói lảm cẩm như vậy. Lòng cô mềm rục hẳn đi. Cô phải tạo cho thầy một chút vững lòng. Cô nguyệt thầy một cái thiệt vuốt ve, nụ cười cô âm áp chưa từng có. Cô dụ dằng:

- Thấy không có chuyện gì nói với em. Vậy em xin phép kiều thầy vậy.

Thầy giáo Thông vừa thấy cô xoay mình toan dời gót thì lộ vẻ hoảng hốt. Thấy đến đứng chặn đường cô, áp a áp úng:

- Khoan đã cô Hai! Tui chưa cạn phần hết lời mà cô nỡ nào dời gót ngọc sao đành, hà cô? Hôm qua, chị Bảy tui có cho tui biết cô sắp vào rẫy nên tui thủ sẵn cái này để gởi cô. Hồi sáng, tui vào tuốt ngọn rạch đợi cô cả buổi, bỏ cả cơm nước mà mãi tới bây giờ cô mới đến đây.

Thầy đặt vào cái rổ lót lá chuối của cô một cái phong bì màu xanh da trời, trên có đề hàng chữ bằng mực tím: "Kính gởi quí nương". Chèn ơi, nét chữ nhà giáo sao mà đều đặn, sao mà sắc mềm thiệt dễ thương quá Trời quá đất! Cô Hai Ngọc Lựu giả dờ không nhận phong bì. Cô chun chím nụ cười làm cho đôi lúm đồng tiền xoáy sâu ở hai bên mép cô làm cho lòng thầy mở cờ, dạ thầy nở bông nở huê, tâm thần thầy lao xao cánh bướm cánh én. Xa xa, tiếng chày quết

bánh phồng văng vẳng. Trong cơn gió chướng lao rao, mùi nhang trầm từ bên chùa thoảng tới. Cô Hai Ngọc Lựu ngọt giọng:

- Thưa thầy giáo, còn thầy đi câu phải không? Em biết mà, vậy là thầy đi câu.

Cả hai cùng cười rộ. Thấy giáo Thông liếc về phía cái rổ thì thấy miếng lá chuối xanh tươi đã đầy kín cái phong bì rồi. Biết là mình vừa gõ cửa nhầm chỗ nên thầy cảm thấy phần khởi hơn bao giờ. Thấy nhìn cô thiết thiết tha trừu mến:

- Thưa cô Hai, từ bấy lâu nay, tui có làm điều chi méch lòng cô không? Hình như có ghét tui lắm thì phải?

Cô Hai Ngọc Lựu cười phơi phới:

- Dạ, đâu có chuyện đó, thầy giáo! Em mà có ghét thầy thì khi em ra đường, xe hủ lô cán nát em đi. Thấy muốn nói gì với em thì nói đại đi, để em vào rẫy mua rau kèo má em ở nhà trông đợi.

Thầy giáo Thông lấy lại bình tĩnh, nhưng thầy không biết mình phải ăn nói ra sao, mở đầu cách nào cho lời ngọt mà tình ý thêm tha thiết mặn nồng:

- Thú thiệt với cô, đêm hôm qua, tui nghĩ rằng gặp cô tui sẽ nói cả trăm ngàn câu chuyện. Dè đâu vừa chạm mặt cô, tui lại quên tuốt tuốt. Vậy có kỳ cục không?

Cô Hai Ngọc Lựu cười cảm động; sóng thu cô lai láng một tình ý bù ngùi, đôi má cô hồng rạo rực như da trái chuối chà bôm lửa. Thấy giáo Thông bỗng cảm nhận mùi da thịt tươi non của cô cùng hương bồ kết trên mái tóc cô. Thấy than thở:

- Cô Hai ôi, không hiểu mắc mớ gì mà khi gặp cô tui tưởng chừng mình ăn cháo lú nên quên đầu quên đuôi hết mọi chuyện mà tui muốn kể cho cô nghe. Thiệt tình, nói cho cô thương, tui là thứ đại ngọc đại ngu...

Cô Hai Ngọc Lựu cười mơn, muốn liếc truyên ý nhưng không dám. Nhưng cô nói:

- Dạ thưa thầy giáo, em chỉ biết thương cha, thương mẹ, thương em út trong nhà. Em không dám thương người đứng đầu thầy.

- Thiệt không có? Cô có già ngộ không?

- Coi, em nói láo với thầy té vàng té bạc gì hay sao?

Thầy giáo Thông sụ mặt, ra tưởng thất vọng lắm, nhưng nụ cười trên môi thầy tươi ới là tươi! Thấy biết giờ đây cá bắt đầu cắn câu. Thấy già bộ rên ri:

- Ủy chu choa! Cô nói như vậy thì tui có nước tự vận mà thôi.

- Phải rồi, thầy nên về nhà, nhào lên giường đập đầu vào gối mà tự vận.

Thầy giáo Thông cười thiết tình, cất giọng thiết ấm áp:

- Cô đừng chơi ác với tui nghe cô! Cô dành lòng nào... không thương tui hay sao, cô Hai?

- Coi kìa, em chỉ nói "không dám thương", chứ em đâu có nói "không thương". Thấy là người có ăn học, hãy suy nghĩ thử coi, "không dám" khác "không" rất xa.

Cô xập cây dù xuống, tránh chỗ vũng nắng và đứng nép mình dưới bóng tàn cây dâu miền dưới. Cô ồng ẹo:

- Thôi, em xin kiêu thầy. Hôm nào rảnh, mời thầy qua đánh cờ với tía em.

Thầy giáo Thông van lơn:

- Khoan mà cô Hai... Không hiểu tại sao mỗi khi gặp cô thì tui mừng, còn có thì có vẻ

hối hả, muốn đi chỗ khác cho thiết lẹ. Rõ ràng là cô kỳ tui.

Nhưng cây dù đã sập xuống, cái khăn màu hột gà đội trên đầu cô gái cũng đã trật xuống cổ cô. Vậy có nghĩa là cô Hai Ngọc Lựu chưa chịu vào rẫy. Cô nhìn đác đác xung quanh, ra tưởng e dè sợ sệt lắm:

- Ở đây nói cà kê dè ngỗng với thầy, rùi có ai đi ngang qua bắt gặp, chắc khi về tới nhà, em chỉ có nước lấy mo bó đít. Thầy cũng đủ biết tía má em nghiêm lắm. Em không còn bụng dạ nào đứng nán ở đây nói chuyện với thầy mà trí óc em cứ nghĩ tới cái roi mây của ông bà.

Thầy giáo Thông năn nì:

- Ở nán thêm chút nữa mà, cô Hai. Nói chuyện chơi trong giây lát gắm chằng... hại chi đó. Cô mà đi rồi, chắc tui sẽ buồn suốt ngày, nói cho cô thương.

Cô Hai Ngọc Lựu làm mặt nghiêm:

- Em không biết nói chuyện chơi. Em chỉ biết nói chuyện thiệt, thầy giáo à.

- Cô muốn sao cũng được. Muốn chơi thì chơi. Muốn thiệt thì thiệt. Còn riêng tui, hể có tính thiệt thì tui sẽ tính tới. Tui đây đâu phải như ai khác cứ tính lui để cho chuyện chung thân rã tan như bọt nước đâu cô.

Mắt cô Hai Ngọc Lựu sáng lên. Cô chậm rãi bảo:

- Ủ hén, lui cũng do thầy; mà tới cũng do thầy... Phận em là gái, còn tùy tía má em định liệu cho cuộc đời em. Em nói ít, chắc thầy cũng hiểu nhiều. Ở đây là chỗ dọc đường dọc sá, em đứng lâu e có điều bất tiện.

Thầy giáo Thông hỏi gặng:

- Nhưng tui muốn biết cô Hai có thiệt bụng... tính tới hay không?

- Thấy giáo ơi, em là gái đâu dám mở miệng dèo bông. Thầy cứ tính sao cho vuông tròn thì em mừng lắm vậy.

Thầy giáo Thông thờ phào một cách khoan khoái:

- Cô nói như vậy là tui dù vui để tính... tới rồi.

Cô Hai Ngọc Lựu đội khăn lên đầu và giương dù lên. Cô mừng lắm, cần phải tìm chỗ thanh vắng để nghiên ngắm cái vui đang nở rộ trong trái tim cô. Cô nhìn thầy giáo Thông. Chu choa ơi, mặt thầy giáo giờ đây được niềm vui chiếu sáng nên hực hỡ như tấm kiếng soi mặt chớ không chơi. Cô ớn thốt bả:

- Thôi, em kiêu thầy ghen.

Thầy giáo Thông khổ sở:

- Khoan mà, cô Hai!

- Khoan cái gì! Thầy đã nói tính tới mà cứ... khoan thì còn non nước gì!

Cô liếc xéo thầy một cái, cười ngòn ngòn rồi đi về phía rẫy. Thấy mẹ mẩn ngó theo, tưởng chừng như vừa tỉnh giấc chiêm bao.

Chiều hôm đó, cô Hai Ngọc Lựu sai con Thành mời cô Bảy Kim Khuê qua ăn bánh xèo với cả nhà mình. Bánh xèo của cô vỏ mỏng và giòn rụm, nhưng lại nhiều tôm thịt. Món rau ăn cặp với bánh xèo ngoài rau húng, rau bắp cá, ngò, còn có đợt điều và đợt chiết thay thế cho cải xà-lách, còn có dưa leo thay giá sống.

Cô Bảy Kim Khuê sáng hôm nay có ra ngoài chợ tỉnh lấy xấp ảnh mà cô chụp hồi

tuần rồi. Nhon dịp qua nhà bạn ăn bánh xèo, cô khoe ảnh luôn. Cô Bảy có nước da hơi ngăm, nhưng mặt cô rất ăn son phấn và nhứt là rất ăn ảnh. Mèn ơi, cô chụp tới bốn kiểu ảnh, mặc bốn cái áo dài khác nhau, đeo bốn bộ nữ trang cũng khác nhau. Người trong ảnh đẹp như đào cải lương, như gái Sài Gòn chớ không phải là cô Bảy Kim Khuê, vốn là gái nửa chợ nửa quê, sống nhờ nghề làm bé thiên hạ, thường ló mồi lần áp bà vợ của người bạn đồng sàng đồng tịch của mình. Cô Bảy mà đội khăn "soạt" thì nhứt định là giống cô đào Bảy Phùng Há. Cô mà cầm bó bông thì bông kia mặt nạ hỗ trợ cái đẹp cho nhau. Cô mà đứng bên màn nhung thì giống như gái khuê các đứt đuôi rồi. Cô mà cưỡi duyên và trừng liếc thì cái lẳng của cô là lẳng mộng lẳng thơ, đáng làm đề tài và cảm hứng cho mấy ông thi sĩ miệt vườn. Cô Hai Ngọc Lựu nhìn bạn xốt xa ghen tức. Cái phong lưu của cô Bảy chắc già đời cô cũng không làm sao theo kịp. Nhưng cô thầm tính rằng rồi đây nhờ cô Bảy chỉ vẽ cho cô cách ăn mặc trang điểm, cách sống phong lưu tao nhã cô sẽ nịch ái thầy giáo Thông, để thầy không thể tìm được đâu vết quê mùa nào ở cô.

Tối đến, sau khi giăng mùng giữ chiếu và sắc thuốc cho cha mẹ, cô Hai Ngọc Lựu tắm rửa sạch sẽ. Cô thấp nhang trên bàn thờ ông bà và trên tầng trang thờ Đức Quán Thế Âm Bồ Tát, khấn khứa rất lâu rồi mới rút về buồng riêng của mình. Cô khêu ngọn đèn Huệ Kỳ cho thiết sáng rồi mở lá thư màu hường ướp dầu bông lài thơm ngát ra đọc:

Vinh Long, ngày ...

Cô Hai Ngọc Lựu nhả giấm,

Thưa cô, chắc cô còn nhớ hồi xưa hồi xưa nào đó, một anh chàng thi sĩ miền quê có lần đã hát:

Lựu, lê, bình bát, măng cầu,

Bốn cây tứ quý anh sâu một cây.

Chắc chàng thi sĩ kia yêu cô Lựu, cô Lê gì đó. Chắc chẳng có cô nào tên Bình Bát hay tên Măng Cầu đâu. Nhưng ở đời, biết đâu có những người thiếu nữ xinh đẹp như tiên nga, nhưng có cái tên hơi kỳ cục. Riêng kẻ hèn này thì đang "sầu" vì cái cây đứng đầu trong bốn cây tứ quý kia, cô có thấu lòng tui không, cô Hai? Cây đó có lá nhỏ lán lán, mùa hè nó trở bông đỏ hay bông trắng tùy theo giống loại, còn trái của nó kết hạt hường hay trắng cũng tùy theo bông. Bông huê của cây đó được cụ Tiên Điền Nguyễn Du đưa vào thơ như sau:

Dưới trăng quỳn đã gọi hè

Đầu tường lửa lựu lập lòe đơm bông.

Cô Hai ôi, từ đầu hè năm nay, tui dọn về cuộc đất Đình Khao ở trọ, tui đã từng chiêm ngưỡng cây đó. Cho nên tui bắt đầu "sầu" cho tới bây giờ. Vậy mà cây đó hể gặp tui cứ nguyệt hấy ra và ghé bỏ tui, làm tui tui thân hết sức nên càng "sầu" hơn nữa. Vậy xin cô ban cho tui một cái ơn huệ là nói với hai bác Hương Kiểm bằng lòng cho tía má tui cầm trầu cầm cau đến rước cây ấy về trồng tại cuộc đất quê Tam Bình của tui. Nếu chuyện cầu hôn này mà xuôi chèo mát mái tức là Tạo Hóa xuôi cho tôm tép chung bầu, dứa cau chung đất, đường mật đi đôi đó đó.

Thơ bắt tận ngôn. Xin phép cô Hai cho tui dùng bút. Kính chúc cô và bừu quỳn được vạn sự như ý

Mong tin cô
Nguyễn Văn Thông

Cô Hai Ngọc Lựu nhắm mắt. Dòng nước mắt nóng hổi trào ra nơi khoe cổ. Cô áp lá thơ lên ngực. Ngoài sông cái, tiếng sóng ào ạt. Khi cơn gió thoảng qua thì tiếng phi lao reo vi vút, hòa cùng tiếng sóng. Ngoài hè, còn trùng đồng hòa tấu từng loạt nhạc xôn xao. Bông lài, bông sứ, bông công chúa tuông từng đợt hương bát ngát. Vạn vật như đồng lõa tâm trạng xôn xao của cô. Ngọn đèn dầu đặt trên bàn đêm trở hoa, từng tia sáng túa ra như ngọn pháo bông. Quí thần ơi, gặp lá thơ lâm ly như vậy thì đêm nay làm sao cô có giấc cho được? Thấy kệ, cô sẽ thức trắng năm canh để nghiêng ngả những đợt sóng hạnh phúc cứ vang náo nức khắp ngõ ngách của trái tim cô. Hết thức càng nhiều, cô càng thấy tâm hồn mình càng gần gũi tâm hồn thầy giáo Thông hơn.

Sáng hôm sau, cô Hai Ngọc Lựu sửa soạn vào rẫy. Cô mặc chiếc áo bà ba bằng lụa tím, quần cạp tự đen, đội nón Gò Găng với mặt trong có thêu chỉ ngũ sắc. Y như cô tiên đoán, thầy giáo Thông đang chờ cô ở khoảng đường gặp gỡ hôm qua. Thấy nhìn cô bán khoán, mắt thầy thâm quầng. Chắc hẳn đêm qua, thầy cũng thao thức như cô. Thấy hỏi:

- Cô Hai, cô có phiền tui không?

Cô Hai Ngọc Lựu cất giọng ôn nhu chưa từng có:

- Dạ không. Làm gì có chuyện đó? Từ đêm qua tới bây giờ, em "sầu" thầy giáo à.

Thầy giáo Thông âu yếm nhìn cô, giọng mềm như rau cải trung nước sôi:

- Tại sao cô sầu? Chắc trong thơ, lời lẽ tui sơ sài làm cho cô mích lòng, phải vậy không cô Hai?

Cô Hai Ngọc Lựu nhõng nhẽo:

- Em đã nói em "sầu" mà. Em cũng giống như thầy vậy.

Thầy giáo Thông lộ mắt ngọc nhiên:

- Giống ở chỗ nào?

Cô Hai Ngọc Lựu trẻ môi:

- Thì thầy nói thầy "sầu" cây đứng đầu trong bốn cây tứ quý. Em cũng "sầu" một cây đây, thầy! Hết ai "sầu" vì mình thì mình cũng phải "sầu" lại cho công bằng.

- Cây gì vậy cô? Cha chả, sao mà tui hồi hộp quá, cô ơi!

- Cây này không trồng, cũng không mọc được ở cuộc đất này. Nó vốn mọc ở vùng cao nguyên, ở Đà Lạt. Vậy mà bấy lâu nay nó lại được ông Trời búng về trồng trong cuộc đất Đình Khao, được gấn cây lựu mới là ngộ chứ?

Thầy giáo Thông tươi nét mặt, hỏi gặng:

- Mà cô có chắc cô "sầu" vì cây đó không?

Cô Hai Ngọc Lựu mùi lòng rơi nước mắt:

- Em xin thề, em mà có nói dối nói gian thì Trời đất đùng có dung mạng em. Đêm qua, em thương cây đó nên em ngủ không ngon, thầy giáo à. Sầu thương lẫn lộn đó thầy ơi! Xin thầy chớ cười em tội nghiệp!

Thầy giáo Thông ghen ngào bởi một ý tình lạ lắm:

- Cô Hai ôi, tui... khó nói quá!

- Thì thầy cứ nói cho em nghe với nào.

Đùng ngại gì hết, cứ coi em như em út trong nhà.

- Tui mừng quá, cô Hai à.

Nước mắt thầy lại tuôn rơi, nhưng cặp môi thầy nở một nụ cười tươi sáng chưa từng có. Cô Hai Ngọc Lựu rút khăn tay đưa cho thầy lau nước mắt rồi mới lau nước mắt của mình. Cô dặn dò:

- Thầy cứ tính tới như đã viết trong thơ thì em càng mừng hơn nữa. Thôi, em xin kiểu thầy nghe thầy giáo.

Thầy giáo Thông vội giục cái khăn tay của cô Hai Ngọc Lựu đưa lên hun hít rồi cất trong túi áo. Cái khăn nẩy màu xanh da trời, có thêu cặp bướm vàng bay song song với

nhau trên khóm bông bường. Thầy ôm chặt lấy cô:

- Cưng ơi, bây giờ hai đứa mình chuyển "sầu" thành mừng, phải không cưng?

Cô Hai Ngọc Lựu vui mặt lên ngực người yêu trước khi cho thầy giáo Thông đặt cái hun lên cặp môi ửng hồng của mình. Cô thỏ thẻ:

- Riêng em, em thích cái tiếng "sầu" mà anh đã viết trong thơ.

THƠ

Tùy Anh

竹報平安
梅迎春意
添新色
吉祥

Xuân Cảm

Cảm tác theo câu đối của cổ nhân:

Mai nghinh xuân ý thiêm tân sắc

Trúc báo bình an lệ cát tường

do nhà thơ Huyền Thanh Lữ viết tặng.

Mai một ai về thăm cổ hương

Nghinh ngang ca hát giữa đêm trường

Xuân khơi chuyện cũ - không còn hận?

Ý gọi niềm xưa - chẳng vẫn vương?

Thiêm thiếp bên trời quân lữ thứ

Tân quang góc bể, nhạt phong sương

Sắc son một thuở dành quên lãng

Trúc biếc muôn đời vẫn nhớ thương

Báo đáp thâm ân, người cổ cụ

Bình tâm hồi hương, kẻ tha phương

An nhiên chưa thuận lòng trời đất

Lệ đã chan hòa giữa đại dương

Cát lộ đất bồi - xây dựng lại

Tường vôi vách lá - đượm tình thương!

(Hamburg, 20.12.96)

THƠ ep

NỤ CƯỜI

Bao năm qua vẫn nhớ

Nụ cười em hồn nhiên

Có những lúc thâm-thúy

Hay bất chợt làm duyên.

Anh như con thuyền nhỏ

Đắm chìm lòng đại dương

Nụ cười theo sóng gió

Vượt qua mọi bất thường.

Đã bao lần anh mơ

Ngắm em cười ngây thơ

Nghe tiếng em giòn giã

Như pháo cười quê nhà.

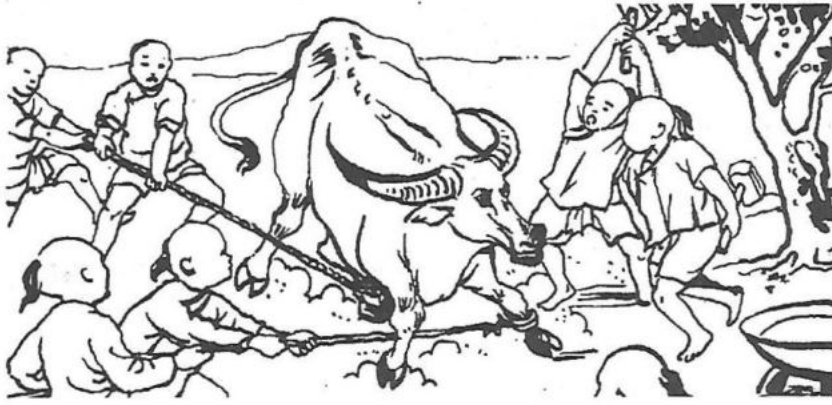
Chừ ta xa, thật xa

Em với nụ cười đầy

Chỉ còn trong tâm thức

Những chiều nhìn mưa bay.





Năm Sưu, Chuyện Trâu

• NGUYỄN VĂN BA

Họ hàng nhà trâu

Trâu là súc vật rất gần gũi với loài người. Một cách đại cương gia tộc nhà trâu được xếp vào ngành động vật có xương sống, lớp hữu nhũ nuôi con bằng sữa, bộ nhai lại, họ trâu bò (Bovidae). A. Wunschmann chia họ Bovidae làm 4 giống (genera) chính: Trâu Á Châu (Asiatic buffalos), trâu Phi Châu (African buffalos), trâu bò thịt (true cattle) và bò xù (bisons). Bốn giống này lại được chia làm 7 giống phụ (subgenera), 9 loài (species) và 21 loài phụ.

Trâu, bò, heo (bộ ăn tạp), nai và lạc đà có chung một nguồn gốc, chân có ngón bằng nhau. Trâu xuất hiện vào cuối cận sinh nguyên đại, tương đối trẻ so với các động vật có vú khác như mèo, cạp, beo... thuộc bộ ăn thịt sống, đã có mặt vào đầu và giữa nguyên đại cận sinh. Ở Á và Phi Châu trâu còn gặp sống hoang dã, trong khi ở Âu Châu và Bắc Mỹ chúng gần như hoàn toàn thuần hóa thành gia súc. Trâu Việt Nam thích đầm mình trong nước nên thường được gọi là trâu nước (water buffalo), tên khoa học Bubalus depressicornis, to con, lông thưa, sừng to dài và hơi gập, hình cánh cung, một hàm răng. Người Trung Hoa gọi trâu là thủy ngưu để phân biệt với bò, gọi là ngưu.

Theo màu sắc nông dân chia ra trâu đen và trâu trắng. Trâu thường đen, ít khi trắng. Trâu trắng còn gọi là trâu cò, người ta thường chế nhạo những người nói ngọng âm tr: "Con trâu trắng buộc bờ tre tụi tụi, ăn no bụng tròn như tổng teo" (Con trâu trắng buộc bờ tre trúc trụ, ăn no bụng tròn như tổng teo). Tục ngữ có câu: "Trâu trắng đi đến đâu mắt mùa đến đó" bởi nhiều người tin rằng nuôi trâu trắng là điềm xui xẻo.

Trâu còn được chia ra nhiều loại theo những tiêu chuẩn khác. Trâu đực to con, vai rộng, cổ lớn là trâu cổ, người mình có câu "Bộ dạng như trâu cổ mà ních cái áo của người ta cho rách". Sừng to và mọc chúi xuống, sức mạnh là trâu cui. Sừng dài bạnh ra, hung dữ là trâu chàng. Trâu đực lớn và mạnh còn gọi là trâu mộng. Trâu cái đã có con gọi là trâu nái.

Trâu còn nhỏ thì gọi là nghé. Bài hát sau đây thường được lũ mục đồng dùng để gọi nghé về đàn: *Nghé ơi là nghé! Nghé không theo mẹ, Nghé dại theo đàn, Nghé chớ ăn cà, Người ta đánh nghé... Một nhát đến tai, Hai nhát đến đầu, Lấy tiền đầu, cau đầu, Chuộc lấy đầu lâu, Mang về trả mẹ nghé!*

Hippopotamus là trâu nước hay hà mã thực sự không phải là trâu, loại thú này lớn hơn trâu nhiều, da lại dày và sần sùi, đầu to, mõm bằng và nở lớn, sống dưới nước thường hơn là trên bờ. Ta gọi trâu nước, người Tàu gọi là hà mã (ngựa sông) chẳng biết ai đúng ai sai!

Bên nước Thiên Trúc có giống Phật ngưu. Sách Đường thư mô tả trâu này sừng nhỏ, màu đen, thân hình rất cao, thịt cắt rời lại mọc, uống máu nó được thì sống lâu, giống trâu đó gọi là giống trâu Phật ngưu...

Trâu trong chiến tranh

Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa, một trong Thất Tài Tử Thủ nổi tiếng của Trung Hoa có kể chuyện trâu dùng trong chiến tranh để dụ địch. Gia Cát Đàn xua quân Ngô đánh gấp quân Tào Tháo (Ngụy) - tướng nước Ngụy là Thành Toái giả thua, bỏ chạy. Đàn thúc quân đuổi theo. Quân Ngụy chạy xa, bỏ lại trâu bò và vật dụng ngắn ngang. Quân Ngô tranh nhau thu nhặt trâu bò cũng chiến lợi phẩm. Bỗng đâu pháo lệnh nổ vang, hai cánh quân mai phục xông ra đánh tụi, rồi hai bên tà, hữu cũng có địch quân ập vào, quân Đàn rối loạn hàng ngũ và thua to.

Tam Quốc Chí còn có một chuyện khác về trâu. Khi Tào Tháo vượt qua sông Vị, bỗng bị Mã Siêu đuổi theo, hàng ngũ rối loạn, Tháo bị nguy kịch, mười phần chết hết chín, mặc dù có vệ tướng Hứa Chủ hết lòng bảo vệ. Giữa lúc mạng sống của Tào như chỉ mảnh treo chuông đó, bỗng đâu có viên huyện lệnh Ví Nam là Đinh Phi, đứng trên núi Nam Sơn thấy được, bèn sai mở các cổng trại, thả hết trâu ngựa xua ra đầy đồng khắp núi. Quân của Mã Siêu trông thấy, đua nhau trở lại cướp trâu, quên cả việc đuổi đánh, thành ra Tháo đã được trâu ngựa thế mạng mà thoát nạn.

Thời Đông Châu Liệt Quốc có chuyện trâu ra trận như sau: Hai nước Tề và Yên đánh nhau đã lâu. Hơn 70 thành của nước Tề đã bị nước Yên triệt hạ, chỉ còn 2 thành nữa là Yên thôn tính trọn nước Tề. Điền Đan được cử làm tướng để ngăn giặc. Điền trúng dụng tất cả trâu trong thành được hơn nghìn con, khoác cho chúng những tấm áo đỏ, vẽ rồng năm sắc trên đó, đồng thời lấy những đồ nhọn sắc bén buộc vào sừng trâu, lại lấy cỏ khô tẩm dầu buộc vào đuôi trâu, kéo lê dằng sau như cái chổi lớn. Trước một ngày, xếp đặt đầu vào đấy, ai nấy đều không hiểu ý. Điền cho giết trâu làm tiệc đãi quân sĩ trước, đợi đến lúc hoàng hôn, truyền lệnh năm ngàn quân củng tráng đã ăn uống no say, vẽ mặt rần rện, cầm khí giới chạy theo sau đàn trâu. Lại sai dân chúng đào thành mấy chục chỗ làm hang, dồn trâu chui qua hang ra ngoài, đoạn châm lửa đốt bó cỏ buộc sau đuôi trâu, lửa cháy gần đến đuôi, trâu bị nóng, rống lên chạy thẳng sang doanh trại quân Yên, năm nghìn quân sĩ ngậm tâm âm thầm theo sau đàn trâu. Quân Yên ý thế mạnh, không phòng bị, lại nghe tin sáng mai quân Tề sẽ mở cửa thành đầu hàng, nên yên chí ăn no ngủ kỹ. Bỗng nửa đêm có tiếng chạy thình thịch bèn giật mình tỉnh dậy, thấy mấy ngàn ngọn đuốc sáng rực như ban ngày, lại thấy hàng ngàn dị vật mình rờn hùng hục xông đến, dùng sừng bén húc người. Thêm năm ngàn binh sĩ của Tề theo sau, như qui sủ, ma vương, chẳng nói chẳng rằng, đao to búa lớn, thẳng tay chém giết quân Tề, khí thế hăng hái bằng mấy vạn quân. Điền Đan lại mở cửa thành reo hò trợ lực, người già yếu và phụ nữ thì đánh trống mõ, đồ kim khí, tiếng vang dậy đất dậy trời khiến quân Yên càng thêm kinh hãi, ai nấy đều quang khí giới bỏ nhau chạy lấy thân, giày xéo lên nhau, chết vô số kể. Tướng Yên bị giết, quân Yên đại bại. Điền Đan chính đồn hàng ngũ thừa thắng đuổi theo, đánh đầu được đấy, thu lại 70 thành.

Mục đồng và nghề chăn trâu

Nói về nghề chăn trâu, sách Quốc Văn Giáo Khoa Thư (Lớp Dự Bị) có đoạn như sau: "Ai bảo chăn trâu là khổ. Không, chăn trâu sướng lắm chứ! Đầu đội nón mê như lợn che. Tay cầm cành tre như roi ngựa. Ngất ngưỡng trên mình trâu. Tai nghe chim hót trong chòm cây. Mắt trông bướm lượn trên đám cỏ. Trong khoảng trời xanh, lá biếc. Tôi với con trâu thành thời vui thú. Tuổi không còn gì sung sướng cho bằng!". Đó là hình ảnh thanh bình, tươi đẹp như tranh vẽ của quê hương chúng ta.

Cùng trong ý tưởng đó, nhà thơ Tú Xương có viết về cái thú cuối trâu: "Được tiền thì mua rượu. Rượu xong rồi cuối trâu, Cuối trâu thế mà vui, Có ngã cũng không đau..."

Thật ra chăn trâu là một nghề cực nhọc, vất vả chứ không được thành thời như vậy. Nhiều người chăn trâu nói rằng họ muốn tác giả Quốc Văn Giáo Khoa Thư trực tiếp giữ trâu đôi ngày để biết sự khó nhọc.

Nói chuyện chăn trâu, ta liên tưởng đến anh mục đồng mê con gái Ngọc Hoàng. Đó là chuyện Ếch Chàng Ngưu. Thiên tình

sử bị dát ấy được nhắc nhở hàng năm mỗi khi mùa ngâu "sụt sùi" rồi xuống ướn cả "tháng bảy nhân gian", có người cho rằng đó là nước mắt của đôi trai gái đổ ra mỗi lần tái ngộ.

Những không phải gã mục đồng nào cũng đa tình như chàng Ngưu. Mục đồng Ninh Thích của nước Tàu ngày xưa, người đất Vệ, đã giúp Tề Hoàn Công làm nên nghiệp bá. Sách Đông Châu Liệt Quốc ghi, buổi đầu Ninh Thích gặp Tề Hoàn Công, khí đại binh của Tề Hoàn Công kéo đến, Ninh Thích đã gõ sừng trâu mà hát rằng: "Mặt thường lan nhấp nhỏ đá trắng, Thân lý ngủ thềm lạng xuôi dòng, Đồi không hiền sĩ, Đất thiếu minh quân, Thường thân ta lại tủi thềm, Hối con trâu trắng, Hối cụm rừng thềm, Hùng anh sống với âm thềm mãi ư?". Rõ ràng là khẩu khí của bậc hiền sĩ, chần trâu chỉ là một việc tạm bợ để chờ thời cơ.

Nước ta cũng có Ninh Thích như của Tàu. Người này lúc chúa gặp vận cũng đã làm nghề giữ trâu, đó là Đào Duy Tử. Ông sinh năm 1572, mất năm 1634, người làng Hoa Trai, huyện Ngọc Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Học rất giỏi, nhưng lại sinh nhằm một gia đình làm nghề quản giáp trong phường hát, nên theo luật hồi đó, không được đi thi. Phần chí, ông bèn bỏ đất Bắc lên đường vào Đàng Trong, mưu lập công danh sự nghiệp. Dừng chân ở tỉnh Bình Định, lúc đầu chăn trâu cho một nhà giàu làng Tùng Châu, huyện Bồng Sơn. Sau được Khâm Lý Trần Đức Hòa (tức Cống Quận Công) là một trọng thần đương thời đem về nuôi, gả con gái cho rồi tiến cử đề bạt lên Chúa Sãi (Nguyễn Phúc Nguyên). Chúa sau khi hỏi chuyện Tử, bằng lòng lắm, liền thu dụng cho làm Nha Ủy Nội Tấn, phong tước Lộc Khê Hầu. Ông đã từng làm bài Ngọa Long Cương Văn hàm ý ví mình như Gia Cát Lượng, lại có công trong việc xây thành đắp lũy. Lũy Trường Dục và Lũy Nhật Lệ (tức là Lũy Thầy) để chống cự với họ Trịnh ở Đàng Ngoài.

Mổ Trâu

Trâu trẻ, trâu tở là công cụ lao động đắc lực của nông dân, nên thông thường người ta chỉ làm thịt trâu già hay trâu bị tai nạn như bom đạn chiến tranh.

Thịt trâu không ngon bằng thịt bò, lại dai và hôi cỏ, nên thường phải nấu lâu, hao củi lửa, có người nấu với đu đủ cho mau mềm, dùng nhiều sả cho bớt hôi... Hàng thịt hay lửa gạt người mua, nói dối là thịt bò để bán được giá. Thịt trâu sạm màu, thô to, phải để ý lắm mới phân biệt được. Các bà mới sinh nở nên cũ thịt trâu vì tính làm mát lạnh của nó. Người bị bệnh thũng ăn thịt trâu là khỏi ngay.

Theo cổ lệ, máu trâu dùng bôi chuông. Khi đúc xong một cái chuông thì ngà trâu lấy máu bôi vào làm phép theo lễ bôi chuông. Thời Pháp thuộc, các bà, các cô hay dùng bong bóng (bao tử) và lòng trâu đựng rượu để dễ dàng qua mặt tào cáo là người khám xét rượu lậu.

Sừng trâu dùng ép làm lược, hoa tai, nan quạt, cán dao, cán quạt, con cờ, chén rượu, tù và, mõ để đánh...

Xương trâu chế biến thành phân bón rất tốt. Tài vị yếu hay xi-dầu thường chế tạo với xương trâu. Các ông lang bằm dùng xương trâu để giã cao hổ cốt, gạt người khổ khạo, ham rẻ.

Da trâu cạo sạch phía trong, đem căng ra, rồi phơi khô để bịt trống. Tục ngữ có câu "Trâu chết để da, người ta chết để tiếng" là theo ý ấy. Da trâu còn dùng chế ra *a-giao* (một hình thức keo) để trộn với vôi quét tường cho khỏi bở.

Thậm chí cho đến phân trâu là thủ tướng bỏ đi, nông dân cũng trân quý, dùng trét bò để dưỡng lúa hay làm phân xanh bón ruộng.

Sưu tập trâu

Thời Đông Châu Liệt Quốc, có Vương Tử Đồi, con vua Trang Vương nhà Châu thích chơi trâu và sưu tập trâu giống như ngày nay người ta sưu tập tem thư, xe hơi, hộp quẹt cũ... Đồi nuôi tới hai trăm con trâu, đủ các giống ở khắp nơi.

Hàng ngày Đồi quán quít với trâu bò cả việc nước. Đồi tự cho trâu ăn uống, lại cho trâu mặc đồ gấm vóc thêu thùa rực rỡ. Trâu ra vào có người hầu, có tên riêng cho mỗi con. Đi chơi đâu thì có cả đàn trâu theo, dẫm nát ruộng đồng, vấp cây, không kiêng nể gì cả làm cho dân chúng khắp nơi ta thán.

Khi Đồi lên ngôi vua, nước Trịnh và nước Quắc kéo quân đánh, tình trạng mười phần nguy ngập. Quân sĩ báo nguy đồn dập, nhưng Đồi vẫn bận bịu cho trâu ăn. Giặc vào thành, Đồi chạy ra cửa Tây môn, sai bá quan đưa đàn trâu đi trước. Trâu mập mạp, nặng nề, do đó di chuyển rất chậm, giặc đuổi kịp, Đồi bị bắt và bị giết.

Trâu trong cổ tích

Có rất nhiều chuyện cổ tích, sự tích, huyền thoại, giai thoại dân gian... liên quan đến trâu, xin kể ra đây mấy chuyện thường được nói đến.

Trước hết xin kể chuyện "*Trâu Nhà và Trâu Rừng*":

Một hôm, có một nông dân thả trâu ăn gần vùng núi rừng hoang dã. Bỗng có một đàn trâu rừng đến dụ dỗ trâu nhà:

- Chúng tôi xem anh sức mạnh, mình to, sừng nhọn và cong vút thế kia, sao anh lại chịu cho một thằng bé con xỏ mũi, bấc ách lên vai, đi cày bừa. Nắng mưa cũng chịu, đói khát không than, vất vả cả đời không lúc nào được thông dong, sung sướng. Anh xem chúng tôi đây, sống chung với bè bạn đồng đúc, lấy rừng xanh, núi thẳm làm chỗ vui chơi, tự do không xiết, muốn ăn ngủ lúc nào cũng được, không ai quản thúc. Bây giờ nhân lúc thằng bé nó thả anh nơi này, anh nên nhân cơ hội mà đào thoát theo chúng tôi.

Trâu nhà trả lời:

- Các anh nói vậy thì tôi nghe vậy. Nhưng tôi nghĩ khác. Tôi ở với loài người đã lâu, khi ăn uống, nghỉ ngơi đều có mục đồng làm bạn. Lúc nằm, lúc ngủ có nhà có chuồng rộng rãi. Kể cũng thuộc hạng phong lưu. Chuyện cây bừa xem như công báo nghĩa đền, người hay vật, ai cũng phải làm việc để

hữu dụng, không xem là khó nhọc vất vả. Tôi không muốn bỏ đi để mang tiếng bội nghĩa, vong ân. Phần các anh ở nơi núi cao rừng rậm, không ai cai quản, không vuốt bận, kể ra thật là vui sướng. Tuy nhiên các anh phải rày đây mai đó, dãi nắng, dầm mưa, ăn thì bữa đói bữa no, đời sống thật bấp bênh. Đó là chưa kể cọp beo rình rập, thợ săn gài bẫy, săn bắn... các anh trốn đi đằng nào. Thôi thì cảm ơn các anh, tôi chà theo các anh để bữa đói bữa no, cái chết cận kề.

Nói xong hai bên giã từ nhau, mỗi bên đi một đường.

Xin kể tiếp sự tích "*Tại sao trâu không biết nói và có một cái nốt dưới cổ*".

Ngày xưa, xưa lắm, trâu nói cùng một thứ tiếng với người. Nhờ thế người dùng lời nói để sai khiến trâu và bọn mục đồng không dám đánh đập hay cho ăn không đầy đủ vì sợ trâu mệt chù.

Một nông dân nuôi một con trâu cày và thuê một thằng bé để chăn trâu. Người và vật lúc đầu thương mến, quán quít nhau. Nhưng rồi thằng bé bắt đầu lêu lộng bỏ đói trâu. Một thời gian thằng bé mê đánh đập, nhúng sợ trâu ăn lúa, nó cọt trâu lại một chỗ không cho đi ăn. Chê mất chủ, thằng bé lấy mo cau áp vào bụng trâu rồi trét bùn bên ngoài. Cú thế ngày ngày nó dẫn trâu về chuồng, người chủ thấy bụng trâu lớn thì hài lòng lắm, phần trâu thì đói và tức giận.

Một hôm thằng bé mê chơi bỏ trâu đói từ trưa đến chiều. Trâu định hét chủ, nhưng thằng bé khôn ngoan dùng lời lấp liếm không cho trâu có dịp nói. Sáng hôm sau, người chủ dắt trâu đi cày. Trâu già bộ đi không nổi. Chủ quát: "Mau lên đồ lười!". Trâu trả lời: "Không phải lười mà tại đói!". Chủ nói: Ngày nào thằng bé cũng cho mày ăn một bụng no nê mà đói nổi gì. Trâu thổ lộ: "Nó chỉ lo đánh đập rồi nói láo trâu no. Nó gì mà no, trong mo ngoài đất sét". Người chủ lột cái mo trét bùn dưới bụng trâu và đánh thằng bé một trận nên thân. Từ đó, ngày nào trâu cũng được ăn no và tắm rửa chu đáo. Bốn ngày sau, chỗ bị đánh vẫn còn sưng, thằng bé ngồi khóc trên bờ ruộng. Bỗng một ông lão hiện ra hỏi han, thằng bé trình bày sự việc. Ông lão dỗ thằng bé và hứa giúp. Thằng bé than thở: "Vi trâu biết nói làm con phải đòn. Bây giờ phải làm thế nào cho trâu không nói được nữa". Ông lão rút trong người ra một nén nhang, đốt lên rồi đi vào cổ con vật. Trâu đau, kêu khan cả cổ, tiếng nói dần dần mất. Sau cùng khi nào muốn nói, trâu chỉ phát ra được tiếng "nghe... ọ". Ở chỗ bị thương sau đó mọc thành một cái sẹo như nốt ruồi. Từ đó trâu sinh ra đều không nói được và đều mang cái nốt ở dưới cổ.

Trâu và cổ tục

Con trâu đã đi vào một số phong tục, tập quán của dân tộc ta. Nếu ở Tây Ban Nha có tục lệ đấu bò rất hào hứng thì nước ta có tục "chọi trâu" vô cùng sôi nổi. Chỉ khác một điều là "đấu bò" thì người ta đấu với bò, trong khi chọi trâu thì chỉ có trâu chọi nhau. Tục chọi trâu được thấy tổ chức ở một vài vùng như huyện Lập Thạch tỉnh Vĩnh Yên hoặc ở

Đình Bảng, Hà Đông. Nhưng đặc biệt nhất là ở Đồi Sơn, Kiến An.

Ca dao còn truyền tụng về ngày hội "chọi trâu" của miền này:

*"Dù ai bán dẫu, buôn dẫu,
Mùng mười tháng tám chọi trâu thi về
Dù ai buôn bán trăm nghề,
Mùng mười tháng tám nhớ về chọi trâu"*

Những trai tân thanh khiết được chỉ định nuôi trâu chọi xem đó là cả một sự may mắn và hạnh diện. Làng giao tiền cho, phải ra sức tìm kiếm khắp nơi, từ tỉnh này đến tỉnh khác để mua cho được trâu hay, trâu tốt, lắm khi tiền túi bỏ làm bộ phận lại vượt quá tiền mua trâu. Mua trâu xong, người nuôi trâu dắt trâu về, sắm sóc để dự giải năm sau.

Thanh niên được cử nuôi trâu, không những chữa vợ con, còn phải chay tịnh thanh khiết trong một năm nữa, kiêng ăn thịt chó, hành tỏi sống, trai giới trong những ngày rằm, mùng một hoặc tuần tiết để cầu nguyện cho trâu.

Cổ rơm cho trâu chọi ăn phải rửa sạch tận. Có khi phải dùng lúa tẩm bỏ cho trâu, không dám tiếc. Đặc biệt là trâu chọi không bao giờ được thả rong. Sở nó "phải lòng" một nàng trâu cái nào thì người khuất mày khuất mặt sẽ vật nó chết.

Ngày chọi trâu đến, dân làng tụ họp đông đây, cờ bay phất phới, trống giục liên hồi. Trước trận đấu, mục đồng cho trâu uống rượu để được hăng máu.

Dân làng cho bắt thăm để biết thủ tục con nào, chọi với con nào trước. Được xống ra sau một năm trời buộc, trâu hăng máu tấn công nhau, sừng xuống, sừng lên, chân lui, chân tiến, bụi đất bay mù tời. Mọi người hồi hộp, nín thở, yên lặng theo dõi đấu trường. Chủ trâu lo âu, chỉ sợ ra đến gióng, trâu giờ quê không chịu chọi thì vạ làng. Tiền phạt và không đáng kể, danh dự mỗi quan trọng, vì điều đó chứng tỏ rằng người nuôi trâu không giữ sự thanh khiết để bị quở phạt. Hết cặp này đến cặp kia. Sau cuộc đấu chọi, trâu được làm thịt thết đãi mọi người.

Nước ta xưa kia còn có tục lệ nhà nào có con gái chưa hoang thì phải nộp phạt một con trâu. Phú ông, cha của Thị Mầu trong truyện Quan Âm Thị Kính đã phải làm theo lệ này, vì vậy, ca dao có câu:

*"Phình phình ở giữa phình ra,
Mẹ ơi, con chẳng ở nhà được dẫu.
Ở nhà, làng bắt mất trâu,
Vậy nên con phải đâm đầu ra đi".*

Trâu trong thành ngữ, tục ngữ, ca dao...

Trâu được nhắc đến nhiều trong văn chương bình dân, từ giới nông dân, do công việc sản xuất nông nghiệp.

Trước hết là những thành ngữ như "Trâu chậm uống nước đục, trâu ngờ ăn cỏ héo" để chỉ kẻ chậm chạp thường bị thiệt thòi. "Trâu chết để da, người ta chết để tiếng", có ý khuyên ta 'sống sao cho đáng sống' để sau khi chết đi, người đời còn nhắc nhở tiếng thơm. "Trâu lấm vấy quàng (cản)" là có lỗi lại đổ tội cho người khác. "Trâu ăn cỏ đồng ta, tuy rằng có cứt nhưng mà có thơm" ý tự lực cánh sinh, không ỷ lại vào người khác, vào

người ngoài, tương tự câu "Ta về ta tắm ao ta, dù trong dù đục ao nhà vẫn hơn". "Trâu bò húc nhau, ruồi muỗi chết" ý nói những kẻ mạnh, có quyền thế, xung đột, đánh nhau, kẻ yếu bị vạ lây. Rồi còn "Trâu cọt ghét trâu ăn", "Trâu cọt ghét bò cọt".

Ngôn ngữ Trung Hoa cũng có nhiều thành ngữ liên hệ đến chủ Ngưu "Ngưu âm Hoàng Hà" là bò, trâu uống nước sông Hoàng Hà, chỉ sự đầy đủ thỏa thích mà không thấm vào đâu. Câu "Ngưu giác quai thủ" nói đến sự tích ông Lý Mật xưa ở đời nhà Đường, nhà nghèo nhưng hiếu học, vừa chăn trâu, vừa đọc sách và treo sách trên sừng trâu. "Ngưu dầu mã điện" là dầu trâu mặt ngựa, chỉ bọn quý sử ở chốn địa ngục. "Ngưu đình phanh kẻ" là vạc bỏ mà nấu gà, chỉ người có tài lớn mà dùng vào việc nhỏ bé, tầm thường...

Ca dao, tục ngữ về trâu thật không thiếu. Đề cập đến tầm quan trọng của con trâu: *Con trâu là đầu cơ nghiệp. Tậu trâu, lấy vợ, làm nhà. Trong ba việc ấy thật là khó thay.* Chỉ sự liên hệ mật thiết giữa người và trâu: *Trên đồng cạn, dưới đồng sâu, Chồng cày vợ cấy con trâu đi bừa.*

Khuyên nhủ trâu:

*Trâu ơi ta bảo trâu này
Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta
Cấy cày vốn nghiệp nông gia
Ta đây trâu đấy ai mà quản công
Bao giờ cây lúa còn bông
Thì còn ngọn cỏ ngoài đồng trâu ăn.*

Công việc đồng áng vất vả cho cả trâu lẫn người:

*Rạng ngày vác cuốc ra đồng
Tay cầm mồi lửa, tay dòng thừng trâu
Ruộng dầm nước cỏ bùn sau
Suốt ngày cùng với con trâu cày bừa
Việc làm chẳng quản nặng mùa
Cơm ăn đắp đổi muối dưa tháng ngày.*

Khuyên nhủ trâu nghe:

*Nghé đi, ta bảo nghe này
Nghé ăn cho béo, nghé cày cho sâu
Ở đời khôn khéo chỉ dẫu
Chẳng qua cũng chỉ hờn nhau chủ cần.*

Kinh nghiệm nuôi trâu:

*Trâu hoa tai, bò gai sừng
Làng dưới thì bán, làng trên thì cày
Trâu cổ cỏ, bò cổ giải
Trâu tóc chóp, bò mũ mấn
Trâu nghiên hàm, bò bạch thiết
Đầu thanh, cao tiền, thấp hậu
Chẳng lậu thì sao
Trâu thịt thì gầy, trâu cày thì béo
Cây trâu loạn, bán trâu đỡ
Trâu quá sạ, mạ quá thi
Muốn giàu nuôi trâu cái
Muốn lụn bại nuôi bò đực
Buộc trâu dẫu, nạt rào dấy
Buộc trâu trúa nạt chuông.*

Trâu quý hơn bò:

*Trâu gầy cũng tầy bò giống
Trâu bé cũng bằng bò khỏe
Trâu dắt ra bò dắt vào
Đồng chiêm xin chở nuôi bò
Mùa đông tháng giá bò dò làm sao
Trâu năm sáu tuổi còn nhanh
Bò năm sáu tuổi đã tranh về già.*

Các cô thôn nữ thường hỏi con trai câu hỏi đối: "Hò d! Em nghe anh hay chứ, Em xin hỏi thử anh đôi câu: Thuở xưa ông vua Thuấn cày trâu hay bò?".

Không phải chỉ có trâu nghe là dễ bị lạc vì tuổi nhỏ, thơ ngây. Miền rừng núi, trâu kiếm ăn ở những nơi vắng vẻ, cây cối rậm rạp, chủ phải đeo vào cổ mỗi con một cái mõ để đến đâu đều phát ra tiếng kêu.

Nhạc sĩ Phạm Duy trong bản nhạc *Nường Chiều* đã đề cập đến việc này: *Trâu bò về giục mõ xa xôi, hỏi chiều...* Miền thượng du là nơi "Trâu đeo mõ, chó treo thang" bởi toàn nhà sàn cao để tránh dã thú.

Trâu trong văn chương

Tác phẩm *Con Trâu* của Trần Tiêu ra đời năm 1940, là một truyện hay, thể hiện sự đau khổ của người dân dưới chế độ thực dân và phong kiến, đến nay còn được nhiều người nhắc nhở. Truyện kể một nông dân tên Chính, cần cù lao động, cả đời chỉ mơ ước có lấy một con trâu mà nguyện ước không thành, để cuối cùng phải chết trong cảnh nghèo khổ.

Khi cộng sản cướp chính quyền miền Bắc, đưa nửa nước tiến nhanh, tiến mạnh lên "thiên đường" xã hội chủ nghĩa bằng cuộc cách mạng ruộng đất, với thành tích hàng ngàn người bị đấu tố đến chết oan uổng, thì cùng lúc, hàng trăm văn nô, dã bệ cong ngời bút, phóng tay ca tụng việc làm sai trái của chế độ. Trong số đó, văn nô Nguyễn Văn Bồng đã viết một quyển *Con Trâu* khác. Lần này, khác với Trần Tiêu, Bồng cho anh nông dân có được con trâu. Mừng chúa kịp thì cay đắng thay, anh nông dân phải vui vẻ đem nộp trâu vào Hợp Tác Xã Nông Nghiệp theo lệnh của đảng. Rõ khổ! Cộng sản còn thâm độc hơn cả phong kiến và thực dân mấy lần!

Ngày nay tại quê nhà, con người đang lâm vào kiếp trâu cày ngựa cuội dưới chế độ đỏ. Cùng lúc tay hải ngoại, người Việt cũng bận rộn "đi cày" quanh năm suốt tháng. Sự khác biệt là ở quê hương bà con ta "cày trả nợ" cho Đảng và Bác, còn ta ở đây, "cày trả nợ" nhà, xe, cho nhu cầu của chính bản thân mình.

Về thơ, *Lục Súc Tranh Công* có lẽ là tác phẩm mô tả đời sống các loại gia súc một cách dí dỏm và trung thực nhất. Ước đoán truyện này ra đời ở Huế dưới triều đại nhà Nguyễn, nhằm ám chỉ sáu bộ ở triều đình là: Lại, Lễ, Hộ, Binh, Hình, Công. Đây là quyển thơ ngụ ngôn ghi lại cuộc tranh luận của sáu loài gia súc: Trâu, Bò, Chó, Ngựa, Dê, Gà và Heo. Sáu loại gia súc này kể công mình đồng thời khích bác kẻ khác. Trước nhất Trâu kể công lao và khích bác Chó, Chó biện hội rồi ganh tị với Ngựa, Ngựa với Dê, Dê với Gà, Gà với Heo. Sau cùng, chủ nhà trong vai trọng tài, hòa giải, khiển sáu con vật thông cảm nhau và vui vẻ với bốn phận của mình. Hãy nghe mấy đoạn Trâu kể công lao:

*Một mình trâu nghe nỗi gian nan
Lóng canh gà vừa mới gáy tan
Chủ đã gọi thẳng chân vội vã
Dạy rằng: đuổi trâu ra thảo dã
Cho nó ăn ba miếng đồ lòng
Chúa bao lâu thoát đã rặng đồng
Vừa đến buổi cày bừa bua việc
Trước cổ đã mang hai cái niệt
Sau đuôi thêm kéo một cái cày*

Miệng đã dầm, mũi lại dòng dầy
Trên lưng ruồi bâu, dưới chân đĩa cần
Trâu mệt đã thờ dài thờ vắn
Người còn hằm hét máng ngược máng
uổi

Liệu vừa dùng bóng mới thôi
Đổi hòa mệt, bước khôn dời bước
Ai thông thả, trâu nào bén dặng
Trâu nhọc nhằn, ai dễ thế cho
Cây ruộng sâu, ruộng cạn cho no
Lại vườn đậu, vườn mè khiến trở
Lâm không kịp thở,
Ăn chẳng kịp nhai
Tắm mưa, trải gió chi nài
Đạp tuyết, giày sương bao sái!

.....
Thuở sống đã không dạ yêu thương
Khí thác lại đoạn tình siêu độ
Bảo nhau sấm con dao cái rỏ
Khiến nhau vô mỡ cùi, nắm mè
Rằng trâu này là cốt Phật xưa kia
Phát đĩnh liệu cho hồn thăng thiên giới
Còn hình tích giống chi để lại
Người người đều bàn bạc với nhau:
Kẻ thì rằng: Tôi linh cái đầu
Người lại nói: Phần tôi cái nọng
Kẻ giành lòng bóng ép gối mà kê,
Còn sừng đem về ép thoi, làm lược,
Kẻ thì chuốt hoa tai, làm ngạt quạt
Người lại tiện chén rượu, bầu liêu
Lâm tú và mà thoi cũng kêu
Tiện con cở mà đánh cũng tốt
Kẻ thì làm cái mõ, cái hộp
Người lại tĩa cán quạt, cán dao
Còn giò chia nhau
Lâm nham, lâm thấu...
Và rồi Trâu khích bác Chó:
Như loài muông (Chó), vô tướng, vô tài
Nuôi giống ấy làm chi cho nhọc?
Ăn cho lớn, dưỡng vai, dưỡng vóc
Giữ với nhau vạch cửa, vạch sân
Một ngày ba bữa chục ăn
Thấy đến việc lén mình lét lét
Chứa rét đã phò rắng rết
Xo ro đuôi quít vào tròn
Vấy bếp người, tro trấu chẳng còn
Ba ông Táo lộn đầu, lộn óc
Chứa sốt đã nắm dài thờ dốt
Le luối ra phỏng uộc đứ gang
Lại thấy người lờ đĩnh lờ hoang
Tài ăn vụng thoi thì hơn chúng...

Bài "Con Trâu" sau đây thuộc loại thơ yêu nước của Học Lạc. Học Lạc tên Nguyễn Văn Lạc, hiệu Sầm Giang, quê làng Mỹ Chánh, Mỹ Tho. Học giỏi nhưng thi không đỗ, về làm thầy thuốc, dạy học trò. Ông bất mãn với thời thế, khinh ghét bọn làm tay sai cho Pháp và bọn ác bá, cuồng hào:

Mài sừng cho lâm cũng là trâu
Ngắm lại mà xem thật lớn đầu
Trong bụng lam nham ba lá sách
Ngoài cảm lém đém một chòm râu
Mắc mưu dốt dít tới bởi chạy
Lâm lễ bởi chuông nhón nhắc sầu
Nghé nợ già đời quen ghé nợ
Năm dầy đàn gày biết chi đầu.

(Xuân Đình Sủ)

DƯỠNG GIÀ

• Lê Thị Bạch Nga

Tôi hỏi bác ở đây bao lâu rồi??
Bác trả lời:
- Tôi qua Canada đã được 10 năm nhưng mới dọn vào ở Trung tâm Dưỡng già này độ một năm thôi. Tôi dời con tôi làm thủ tục nhập viện, thuê một phòng ở đây vì bà bạn tôi cũng ở đây.

Bác Hai năm nay chưa quá bảy mươi, trông bác còn nhanh nhẹn lắm. Hồi mới đến Montréal, bác ghi tên học Pháp văn lớp COFI 6 tháng, tại đây bác gặp chị Thu Hà và cũng là Giáo sư Pháp văn của bác do đó bác lui tới với Hội Phụ Nữ luôn, nhất là vào các dịp lễ, Tết và sau này bác trở thành hội viên của Hội Cao Niên Montréal và Hội Rồng Vàng.

Bác tâm sự:

- Ở đây thoải mái tự do, khỏi phiền hà đến con cháu. Bác có một phòng riêng, bày biện như ý muốn, cửa sổ nhìn ra vườn hoa rộng. Ngày ăn ba bữa*khỏi nấu nướng, khi nào thèm cơm thì nhấc con bác đem vào. Nhà thờ cũng gần, chủ nhật bác đi lễ. Pharmacie và nhà Banque ở ngay góc đường cạnh một Siêu thị lớn, cần gì cũng có. Muốn lên Hội sinh hoạt thì mất nửa giờ đi xe Bus.

- Bác dời vào ở Viện Dưỡng Lão mà anh chị H. (con của bác) có buồn lòng không? Bác "giận con cháu bỏ nhà ra đi cho bố ghét" phải không? Bác cười vui:

- Hồi đầu tụi nó cũng ngăn ngừa lắm, bác phải đòi riết mới được. Mà nói thiệt với con, tụi nó không cho bác đi thì bác cũng đi. Bà bạn ở đây 3 năm nay rồi nay bác mới vào theo. Bà ta cũng vui mà bác cũng vui. Mỗi tháng các con đón bác về nhà một cuối tuần chơi với các cháu...

Bà bạn của bác là bà Suzanne, người Gia Nã Đại gốc Ý, già hơn bác độ 10 tuổi, hồi mới đến Canada, hai gia đình ở cùng một chung cư. Bà Suzanne ngoan đạo lắm, từ ngày gặp nhau trong nhà thờ, nhìn bà con xóm giềng với nhau, hai bà thành bạn đi chợ và đi xem lễ. Vào mùa thu 3 năm trước, hai bà dắt nhau đi chợ, một chiếc xe hơi đựng nhẹ vào bà cụ, bà té ngồi xuống đất và không đứng dậy được vì đã gãy xương hông. Xe cứu thương chở luôn hai bà già vào nhà thương, một bà xi xô xi xa tiếng Tây chen tiếng Ý, một bà lấp bắp tiếng Việt trộn tiếng Tây... Vậy mà không hiểu làm sao nhà thương cũng kiếm được ra số điện thoại kêu con bác đến đón bác về.

Sáu tháng sau bà Suzanne mới ra khỏi nhà thương và đi thẳng vào Viện Dưỡng Lão OASIS ở Longueuil. Mỗi tháng một lần, bác Hai lại tay gởi tay xách qua cáp linh kính đi xe Bus vào thăm bà bạn Suzanne.

Trường hợp bà Suzanne cũng giống bà cô của tôi. Cô tôi đã 90 tuổi, khá già, đi đứng khó khăn và mắt đã mờ, tính lại thích dọn dẹp, đêm đêm ít ngủ được, cụ dạy lục đục dọn nhà, kiểm cái này, tìm cái khác. Có lần làm việc ngoài vườn cụ vấp té, chân sưng vù

đau cả tháng. Tôi đến thăm thấy không ổn nên đã bàn tính với các em đưa cụ vào Viện Dưỡng Lão để được săn sóc chu đáo hơn. Đề nghị đưa ra bị cả gia đình bác bỏ quyết liệt. Nhất là mẹ tôi, dù rằng mẹ tôi cũng đã 75 tuổi, đau nhức kinh niên.

- Minh là người Việt Nam, sống đại gia đình quen rồi. Mẹ và bà Cô ở với nhau hơn 40 năm dù gì cũng là chị em, để bà cô vào Viện Dưỡng Lão thì mẹ buồn!

Mẹ buồn nhưng mẹ bị bệnh, bệnh già, chân đau, tim yếu, tension cao... Chúng tôi chia phiên nhau đến nhà mẹ thăm chùng, chăm sóc... nhưng đến vụ nấu ăn thì nan giải quá đành phải gọi cơm tháng, rồi tìm người đến phụ mẹ dọn dẹp nhà cửa, thay drap, nệm... giặt áo quần và tắm rửa cho bà cô... Hai bà già ở nhà một mình với nhau. Con cháu làm việc, đi học suốt ngày... tối mới về... gây ra không biết bao nhiêu là phiền toái và lo ngại cho cả gia đình... và việc tệ nhất đã xảy ra... Bà cô tôi bị tệ cầu thang trong đêm khuya mà mẹ tôi không biết gì cả vì đã đang uống thuốc an thần để đỡ giấc ngủ. Mãi cho đến lúc cậu em tôi ngủ tận lâu 3 nghe tiếng lục đục, ú ó dưới sour-sol, tưởng là có trộm vào nhà, chạy xuống xem thì thấy bà cô đang nằm cợ quây dưới một đồng thùng giấy và thùng gỗ. Thì ra bà cụ muốn tìm cái valise của cụ để sắp dọn lại mở áo quần cũ đi dùng đến nữa!

Sau tai nạn đó. Tôi quyết định đưa cụ vào Viện Dưỡng Lão. Tôi muốn xin cho cụ vào chỗ tôi làm việc ở gần nhà, đầy đủ tiện nghi, để tôi có thể lui tới chăm sóc thăm viếng cụ, nhưng thủ tục nhiều khê và phải đợi từ 3 - 6 tháng. Trong khi chờ đợi thì đem gởi bà ở Viện Rồng Vàng, ở đây đã có bác Chức là người Việt Nam, dù sao bà cô tôi (không nói được tiếng ngoại quốc) cũng có người đồng hương làm bạn và giúp đỡ. Quả nhiên trong mấy tuần đầu bác đã giúp đỡ chỉ dẫn cho bà cô tôi rất nhiều.

Mọi bước đầu đều khó khăn và rắc rối nhưng ngày tháng qua đi rồi cũng yên ổn. Sau 6 tháng với sự chăm sóc tận tình của Bác sĩ, Y tá và nhân viên tại Viện Rồng Vàng, bà cô tôi đã lên cân, mặt mày tươi nhuận vì ăn nhiều ngủ được và không quên uống thuốc vì mỗi ngày 2 bữa, Y tá nhân viên đưa thuốc hầu tận miệng (Bà cụ bị huyết áp cao, bao tử yếu và lằng trệ).

Mỗi tuần mấy chị em chúng tôi chia nhau lên thăm bà cô hoặc đón bà về chơi cuối tuần. Mẹ tôi cũng hết phàn nàn và lo lắng. Nhìn bà cô mẹ cười vui.

- Nếu trời cho đều đều như vậy, bà cô có thể sống đến 100 tuổi như chơi.

Chúng tôi cũng vui mừng:

- Mẹ và bà cô phải biết dưỡng già (già rồi thì phải dưỡng) để có sức khỏe sống lâu cho đến lúc mấy đứa cháu nội cháu ngoại nhà này lấy vợ lấy chồng đẻ ra một lô chất... chút... chít rồi hãy về với Tổ tiên...

Ở Canada có hai loại Viện Dưỡng Lão. Tự và Công, những Viện Dưỡng Lão tự do các tư nhân, công ty hay Hội đoàn lập ra, làm chủ và điều hành. Cơ cấu điều hành tương tự nhau, dựa theo những điều lệ được quy định và chấp thuận bởi chính phủ Canada. Có nhiều Viện hoặc người cư trú tại Viện được cấp thêm một số chi phí đặc biệt cần thiết.

Cách đây vài năm, Hội Phụ Nữ tại Montréal cũng đã nỗ lực tạo lập một Viện Dưỡng Lão Việt Nam để đáp ứng nhu cầu tăng dần của người Việt Nam cao niên tại hải ngoại những chưa có kết quả.

Tại Montréal hiện có ít nhất là trên 100 Viện Dưỡng Lão tư nhân như vậy. Phần đông là để dành cho các cụ dưới 70 còn tự đi chuyển đi đứng dễ dàng và có thể tự lo lấy phần vệ sinh cá nhân như tắm rửa, thay áo quần (Autonome)... Phần ăn uống, dọn dẹp nhà cửa, đi thăm Bác sĩ, đi nhà thờ hoặc vui chơi, du ngoạn thì đã có một ê-kíp nhân viên cáng đáng.

Tôi làm việc bénévoles (thiện nguyện không ăn lương) trong một Viện Dưỡng Lão khá lớn do chính phủ điều hành và trợ cấp. Những vị cư ngụ tại đây phần đông là những cụ già hơi mất khả năng tự túc (vì tuổi tác, vì bệnh hoạn về thể chất hoặc tâm trí) cần nhiều sự chăm sóc giúp đỡ tế nhị.

Do đó Viện Dưỡng Lão này giống như một loại nhà trung gian giữa bệnh viện và gia đình. Tại đây cũng có một nhà thờ nhỏ để quý Cha đến làm lễ hai lần mỗi tuần. Trong tương lai, nếu có nhiều người Việt Nam Phật tử cư ngụ, tôi cũng có thể mời quý Thầy, quý Sư đến hành lễ.

Tôi làm việc trong Ủy ban Thăm hỏi (Comité de visite amicale). Công việc của tôi là một tuần ghé Viện 1, 2 lần, đến thăm vài ông bà già mà tôi đã thỏa thuận chọn lựa làm kẻ đỡ đầu. Tôi đến nói chuyện với họ, lắng nghe, nhận xét, kiểm soát, giúp đỡ... đôi khi tháp tùng theo họ trong những sinh hoạt hàng ngày... Sau đó, nếu cần sẽ góp ý kiến với Ban Giám Đốc về một vài trường hợp đặc biệt.

Ở đây, hiện có 3 cụ người Việt Nam trong số 185 vị cư ngụ mang đủ quốc tịch. Trong tương lai tôi cũng thầm mong ước được tiếp nhận thêm nhiều vị cao niên người Việt nữa. Tại sao mình lại không tạo lập một gia đình Việt Nam giữa đại gia đình Canada cho các cụ giống như mình đã làm cho gia đình mình từ 20 năm nay kể từ ngày ly hương?

Bên ngoài, tuyết đã rơi, mùa đông đã trở lại, lạnh giá đang bùng trùm xuống đất trời Bắc Mỹ, nhưng lòng tôi vẫn thấy ấm khi nhớ đến mẩu chuyện trao đổi với các em trong Gia Đình Phật Tử. Các em muốn nhân dịp Tết sắp đến, các em sẽ tổ chức một buổi thăm viếng các Viện Ròng Ràng của người Việt, các em đến thăm, tặng quà, chúc mừng năm mới và để chứng tỏ với các cụ rằng, tuy tuổi còn trẻ, các em vẫn hằng nghĩ đến và kính trọng giá trị tinh thần của giới cao niên. Các em còn mong ước được tiếp tay với chúng tôi trong một vài dịch vụ khác ví dụ:

- Kiểm xe đưa đón các cụ về chùa dự lễ, nhất là trong những dịp có lễ lớn như Phật Đản, Vu Lan hoặc trong dịp các Thầy về chùa dạy Phật pháp...

Được phỏng vấn về lý do gì mà các em quyết định làm những chuyện hay ho như vậy và tiền đâu mà chi phí. Các em tiết lộ bí mật:

- Gia Đình Phật Tử mà chị! Ý chí có thừa, sức lực có đủ, thời gian, thì giờ không có vấn đề... chỉ có tiền (\$) hơi khó! Nhưng không sao, mỗi năm chúng em nấu cơm chay, làm đại tiệc, mời quan khách đến ủng hộ, rồi tại

em còn tổ chức rửa xe... tiền kiếm được phụ vào "Quỹ Ròng Vàng".

Nghe các em nói, vô tư, vui vẻ và ngồi ngồi thiện ý, tôi cảm thấy ấm lòng và thấy còn nhiều hy vọng ở cuối đường đời. Có lẽ thiện duyên đã tới và ổn trên phủ hộ, xếp đặt chẳng?

Tôi xin cảm ơn Trời Phật và cầu mong những Cộng đồng Việt Nam trên khắp thế giới đều có những người trẻ tuổi, những thế

hệ tương lai đầy thiện tâm, thiện chí kề vai gánh vác cho quý vị cao niên giúp giải quyết những vấn đề nan giải của tuổi già nơi hải ngoại. Có như vậy đời sống sẽ được hạnh phúc hơn.

Như vậy, nhìn qua thì rắc rối cuộc đời, nhưng nhìn lại thì thật chẳng khó khăn chi. Và mùa Xuân thứ 21 qua đi trong niềm hy vọng.

THƠ

Ôi tuyệt vời! Đây mảnh đất Việt Nam!

(Thân yêu tặng thành phố Sài Gòn xưa và Hà Nội xưa)

Sài Gòn đây ư? Thành phố mà cộng sản thường nhồi vào trí óc mỗi người dân :
"Thành phố Mỹ chiếm đóng : muôn dân khổn khổ điều linh..."
Tôi ngáy ngất nhìn... không biết mình mơ hay tỉnh?
"Ôi tuyệt vời! Đây mảnh đất Việt Nam?"

*

Tôi nghĩ mình lạc vào một vùng đất xa xăm...
Thành phố ngập tràn ánh điện, người, xe...
Và các bà, các chị, các thiếu nữ... khoác những chiếc áo dài cổ truyền, hấp dẫn đến say mê...
"Tôi như thấy mình... Gặp lại Hà Nội xưa..."

*

Tôi đi suốt cả ngày, cả tháng, cả nhiều năm trên thành phố ánh nắng chan hòa,
Đâu đâu cũng gặp những con người thanh lịch và những tiếng: "Cảm ơn! Xin lỗi!",
Mà những tiếng này - Tại thủ đô Xã hội Chủ nghĩa - Hà Nội - Tràng An xưa, đã mất từ lâu rồi
"Hà Nội ơi! Sao nhức nhối trong tim!"

*

Tôi cố nghe, cố chú ý, cố tìm trên đường phố Sài Gòn và khắp cả miền Nam, trong nhà trường, từng trẻ em...
Không một lời nói tục, không một lời chửi thề, ai ai cũng lễ phép, dễ thương!
Mà ngày nay, ở miền Bắc (từ khi có chế độ Xã hội Chủ nghĩa) những câu nói tục tằn, chửi thề đã trở thành như bữa cơm thường!
Người ta chửi cả tổ tiên, cả ông bà, cả cô bác, cả những người lớn tuổi, cả các thầy cô giáo, cả những khách nước ngoài, cả những người đã sinh ra họ", "đau đớn thay dòng giống Lạc Hồng!"

*

Tôi thầm biết ơn một phần người Pháp, người Mỹ, dẫu sao, cũng đã giữ lại cho chúng tôi nét cổ truyền dân tộc, nếp sống văn minh, lịch sự, là lẽ thường cuộc sống!
(Sài Gòn ơi! Nay còn giữ nếp xưa?)
Và thương thay cho mình, cho thế hệ đã được sinh ra từ cộng sản!

Nội xốt thương khiến nước mắt chảy tràn...
Hòa quyện nên thơ - Rửa sạch mầm cộng sản - Đời tiếp nối đời không thẹn với tổ tông!

Trần Thị Kim Lan
(Hannover, 8.11.96)



NGÀY XUÂN BỎ PHIẾU TÌM... CHÓ SẴN

hay là

ĐIỀM LÀNH ĐẦU XUÂN

Nguyễn Việt Nữ & Thanh Vũ

Trong sinh hoạt dân chủ, bỏ phiếu là một việc làm rất quan trọng. Qua hơn hai mươi năm lưu vong nơi đất khách, người Việt tỵ nạn khắp thế giới hẳn đã có nhiều dịp đi bỏ phiếu bầu Tổng Thống và chọn người đại diện cho mình tại diễn đàn Quốc hội của quốc gia tạm dung.

Nay trước thềm năm mới Đinh Sửu, chúng tôi xin mời quý vị cùng tiếp tục tham dự cuộc bỏ phiếu khác, những kỳ này là để tìm... chó sấn!

Mỗi nghe thì thật lạ lùng nhưng bảo đảm là rất hào hứng và nhất là cũng rất quan trọng đến vận mạng chúng ta. Quan trọng không kém gì việc bỏ phiếu chọn mặt gửi vàng khác.

Cuộc bầu cử này được khởi nguồn từ bài Đại Sát Lệnh của tác giả Bạch Long diễn ra trên diễn đàn tạp chí Văn Nghệ Tiền Phong (VNTP) số 483 và 484.

Rồi cũng chính vài cây bút thuộc bộ biên tập VNTP như quý ông Thuộc Sát Trùng, Phan Thiệt... viết bài phản đối cái Lệnh Giết Người này, trong đó có tác giả Tú Nuy, (với tựa đề "Văn bài lật ngửa", trang 78 VNTP số 491), không đề cập đến tên ai, nhưng cho rằng biết đâu những người có "lối chống Cộng đao to búa lớn đòi tẩm máu Cộng Sản", ra "lệnh giết to, lệnh giết nhỏ" tất cả những người chống Cộng trong và ngoài nước đó, lại chính là bọn chó sấn của Cộng Sản Việt Nam thả ra hải ngoại để làm công tác bảo vệ đảng".

Rồi liền sau đó, trong VNTP số 492, tác giả Bách Linh "đáp lễ" Tú Nuy bằng bài "Lật Tẩy Cộng Sản Nằm Vùng", đồ ngược lại Tú Nuy chính là chó sấn của CS!

Thuộc Sát Trùng cho rằng BL viết như vậy nhục chung cả bộ biên tập nên phải lên tiếng bằng bài "EM CHÀ!" trên trang 25, VNTP số 501 rằng: "Ông Tú Nuy không đụng chạm tới Bách Linh, không gọi Bách Linh là kẻ đánh hôi giúp đảng CSVN thanh toán những kẻ chống Cộng. Ông ấy viết chung chung, ai có tật thì giết mình. Mặc gì bác Bách Linh bút chiến với ông ấy thành "lạy ông tôi ở bụi này"... Người ta không gọi mình ra si và, tại sao lại cay cú, chắc là bị điểm đúng huyệt"?... Lập luận của Tú Nuy có phần hữu lý và vững chắc. Bách Linh tở

ra nông nổi nên có thái độ hằn học thiếu lễ độ với Tú Nuy".

Thì ra Bạch Long viết Đại Sát Lệnh chính là Bách Linh (BL), cũng thuộc bộ biên tập VNTP, một cây bút từng viết nhiều bài chống Cộng rất sắc máu, khiến tạp chí VNTP (và những báo có đăng bài của BL) bị mang tiếng từ nhiều năm nay là chuyên đánh phá người Quốc Gia và nhất là Phật Giáo, như Thuộc Sát Trùng đã diễn tả rất trung thực: "Nhiều vị trong Bộ biên tập khoái tài viết chống Cộng của, bác Bách Linh và Chủ nhiệm Hồ Anh cũng ừ ả bác lắm khi các bài của bác thường được đặt lên phần đầu của số báo vì chất chống Cộng nổ như sấm động nam bang". Nhưng nay thì ngoài tiếng Sấm kiểu BL, ông Chủ nhiệm Hồ Anh lại mở rộng diễn đàn để cho những tiếng sấm khác được lên tiếng. Cho nên thật là hi hữu, qua các bài nêu trên, những cây viết từng múa bút trên cùng diễn đàn VNTP lại cùng tặng nhau cái chữ "chó sấn" của CSVN.

Vậy ai là chó sấn thật? Ai giả? Ông Thuộc Sát Trùng kêu gọi độc giả bỏ phiếu để lấy quyết định. Nhận thấy lá phiếu này vô cùng quan trọng cho đại cuộc giải thể chế độ CS, giải cứu quê hương, nên tuy hiểu biết rất giới hạn, chúng tôi cũng cử bạo dạn tham gia. Vì ông Chủ nhiệm VNTP đã thông báo "sẵn sàng đăng bài vở của tất cả mọi tác giả bất kể người viết là ai miễn là có thiện ý góp phần vào sự nghiệp tiêu diệt cộng sản, quang phục quê hương trong hòa bình".

Và trước khi "bỏ phiếu" tìm thật giả, xin phân tích tóm lược nội dung Đại Sát Lệnh của BL

Bài viết của Bách Linh (BL) theo Thuộc Sát Trùng (TST), là viết dài, viết dài, viết lặp đi lặp lại, viết lòng vòng lối tròn ốc phóng theo nghệ thuật tuyên truyền của Cộng Sản.

Thật vậy, chẳng những phỏng theo nghệ thuật tuyên truyền của Cộng Sản, mà BL còn bắt chước rập khuôn nghệ thuật giết người của Hồ Chí Minh (HCM) thời ông ta du nhập chiến dịch Cải Cách Ruộng Đất của Mao Trạch Đông vào miền Bắc VN để giết hết địa chủ. Đó là chiến thuật "muốn giết chó phải phao là chó dại". Muốn giết hết địa chủ và đảng viên yêu nước mà không yêu chủ nghĩa CS ngoại lai thì chế độ HCM đã vu cáo

những người này "mang bệnh dại" như "Viết gian bán nước", như "làm tay sai cho thực dân Pháp" và "phản cách mạng". Rồi để mặc cho "nhân dân" phóng tay phát động chiến dịch đấu tố mà HCM thì chỉ còn biết... khóc nhận trách nhiệm sau khi hàng chục ngàn "con chó dại" ấy đã bị giết chết.

Kỹ thuật giết người tinh vi ấy được hiện rõ trong Lệnh Đại Sát này của BL.

Với tiêu đề: Công bố đại sát lệnh trích y nguyên văn điều thứ 3 (nơi trang 73 VNTP số 484) như vầy: "Xét rằng: Tập thể lãnh đạo Cộng Sản Hà Nội tiếp tục lừa dối bịp bợm bằng cách cho bọn cán bộ phản gián trung kiên trung thành nhất của chúng như là những con chó sấn phản gián như Bùi Tín, Dương Thu Hương, Trần Mạnh Hào, Đoàn Viết Hoạt, Hoàng Minh Chính, Hà Sĩ Phu, Đỗ Trung Hiếu, Nguyễn Khắc Viện, Nguyễn Hộ, Bầy Liếm, Lê Hồng Hà, Tiêu Dao Bảo Cự, Nguyễn Phong Hồ Hiếu, các sủ quốc doanh Thích Huyền Quang, Thích Quảng Độ v.v... các Linh mục quốc doanh như Chân Tín, Nguyễn Ngọc Lan, Nguyễn Thiện Cần, Phan Khắc Tử v.v... cùng với bọn sủ quốc doanh, cú sĩ và chính trị gia con sủ quốc doanh, văn nô bồi bút, báo "đồng" chí, báo đảng hải ngoại hồ hào kiểu "bánh vẽ" đổi mới, dân chủ đa nguyên, nhân quyền, đòi hòa giải hòa hợp bất bạo động, phê đảng, chống đảng, đòi tự do tôn giáo, ở tù già, xử án già, được viết bài bịp bợm bánh vẽ đăng tải ở hải ngoại để đánh lừa người Việt chống Cộng. Chúng tôi tuy ở trong bóng tối nhưng đã vạch mặt chỉ tên lũ khốn nạn chó sấn nằm vùng văn nô bồi bút quốc doanh. Khi nào thi hành Đại Sát Lệnh tiêu diệt cộng sản chúng tôi sẽ tiêu diệt luôn bọn chúng".

Hạ lệnh như vậy là BL đã dùng một viên đạn mà bắn được nhiều con chim đem về cho CSVN. Thật vậy, khi cho rằng Nguyễn Đan Quế, Đoàn Viết Hoạt, Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Thích Quảng Độ v.v... là ở tù già thì chính tác giả Bách Linh:

--- đã bạch hóa tội ác của CSVN với thế giới, vì chúng từng tuyên bố với quốc tế là trong nước Xã Hội Chủ Nghĩa của chúng không hề có giam giữ tù chính trị hay tù nhân lương tâm nào cả.

--- Chẳng những thế, BL còn chủ trương giết cả những người trong tổ chức hải ngoại đang tranh đấu đòi nhân quyền và tự do tôn giáo cho VN; vì họ đã dùng những người tù lương tâm này để làm bằng chứng về tội ác vi phạm nhân quyền, dân quyền của CSVN, trong đó có cả những cơ quan quốc tế đang tranh đấu rất hữu hiệu cho Việt Nam.

Đoạn viết sau đây trong Đại Sát Lệnh chứng minh điều đó: "những tổ chức nhân quyền như Asia Watch, Human Rights Watch, Amnesty International can thiệp cho vài tên đảng viên cộng sản đầy thành tích dẫm máu và gọi chúng là tù nhân lương tâm, tù nhân nhân quyền, rồi góp tiền cho chúng ăn sướng miệng, rồi tặng huy chương giải thưởng cho chúng..."; từ đó, BL kết luận rằng ông không cần các tổ chức quốc tế trên đây

tranh đấu môi mếp ở hải ngoại, vì họ chỉ nhân danh "can thiệp nhân quyền để cứu toàn Bộ Chính Trị, Trung Ương Đảng và sự quốc doanh trong Mặt Trận Tổ Quốc..." Ở trong nước không ai dám lên tiếng đòi quyền làm người cho những tù nhân này; còn các tổ chức ngoài nước làm thay việc đó thì bị BL cho là "cứu Trung Ương Đảng". Rõ ràng BL trối gỏ dân tộc VN cho CS tha hồ bán giết, hảnh hạ?

--- Lệnh Đại Sát của Bách Linh còn giết cả những người Cộng Sản gạo cội đang bất mãn chế độ của họ, đang gây rạn nứt trong hàng ngũ lãnh đạo CS, đang có khả năng làm sụp đổ chế độ CS của họ mạnh nhất, như Hoàng Minh Chính, Hà Sĩ Phu, Đỗ Trung Hiếu, Nguyễn Khắc Viện, Nguyễn Hộ, Lê Hồng Hà, Bùi Tín, Dương Thu Hương v.v...

--- Lối cáo buộc độc đoán của BL chẳng những gây lũng đoạn hàng ngũ Quốc Gia, dùng bàn tay người Quốc Gia tiêu diệt người Quốc Gia đang tranh đấu chống Cộng hiện tại; mà còn giết cả người Quốc Gia trong quá khứ, kể cả người đã nằm xuống, đã đặt viên đá đầu tiên cho nền Dân Chủ Đệ Nhất Cộng Hòa như Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Bằng chứng?

Đây, sau khi Công Bố 5 điều "xét rằng" mà điều 3 gồm những danh sách "tử tội" như nêu trên, tác giả BL viết tiếp (nguyên văn):

"Đại sát lệnh tiêu diệt cộng sản" được ban hành với những chi tiết sau đây:

Điều 1. Thành lập chiến dịch "truy nã Hoạt Động Tội Ác Cộng Sản" với các cuộc hành quân như "Truy Tầm Tài Sản Cộng Sản", "Tố Giác và Truy Nã, Dẫn Độ các nhân sự và tổ chức hoạt động cộng sản, sự quốc doanh tại hải ngoại", "Tố Giác và Truy Tầm những nhân sự hoạt động thân Cộng, các văn nô bồi bút, các tổ chức cộng sản và các tổ chức "yêu nước" của cộng sản tại hải ngoại. Thành lập "Chiến Dịch Tra Xét và Truy Tầm bọn tội phạm Đệ Nhất Cộng Hòa". Thành lập "Chiến Dịch Tra Xét và Truy Tầm bọn tội phạm Đệ Nhị Cộng Hòa"...

Bản Công Bố Đại Sát Lệnh Tiêu Diệt Cộng Sản gồm 21 điều khoản mà điều 1 như trên, mỗi nghe như tiêu diệt Cộng Sản mà khai thác những điều kế tiếp theo lối tròn ốc thì chính là âm mưu tiêu diệt Cộng Hòa. Thí dụ: Điều 8: "Lập tòa án Lịch Sử đặc biệt xử theo Quân Luật các tội ác giết người quốc gia, giết đối lập, triệt hạ lãnh đạo các giáo phái Hòa Hảo, Cao Đài của Đệ Nhất Cộng Hòa". Tức là xử tội chế độ Ngô Đình Diệm. Rồi kế tiếp lại "xử tội Dương Văn Minh và các tướng lãnh trong vụ hạ sát Tổng Thống Ngô Đình Diệm". Kế đó là "xử tội Nguyễn Văn Thiệu và những nhân sự tham nhũng, bỏ chạy cho CS để chiếm miền Nam của Đệ Nhị Cộng Hòa". Kế nữa là "xử tội các giáo gian và sự gian, các nhân sự thuộc thành

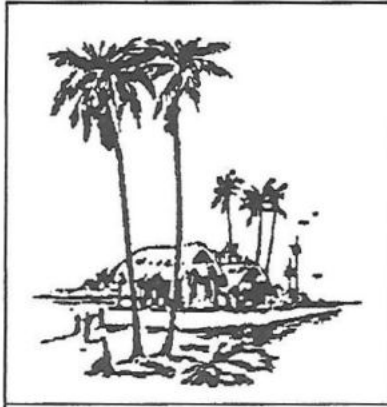
phần thủ ba không chiến đấu chống CS và âm mưu liên hiệp đầu hàng dâng hiến miền Nam cho CS ngày 30 tháng 4 năm 1975". Tiếp theo là "xử tội tập thể sự quốc doanh Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (tức Ấn Quang) đã nằm vùng đánh phá các chính quyền quốc gia từ 1955 đến 1995".

Ồ đây cần chú ý là trừ khi người đánh máy làm lỗi, chữ sau năm 1975 làm gì còn có chính quyền Quốc Gia mà bảo tập thể sự quốc doanh nằm vùng đánh phá các chính quyền quốc gia từ 1955 đến 1995???

Có thể BL muốn nói "các sư Phật Giáo đánh phá chính quyền "nhà nước đảng ta cho đến năm 1995" thì đúng thực tế và hợp thời gian tính hơn?

Bởi vì có thể nói rằng sau khi miền Nam bị CS cưỡng chiếm từ năm 1975 cho đến hiện nay, chỉ có mỗi Phật Giáo là chống Cộng quyết liệt và qui mô nhất. Điển hình là chỉ nửa năm sau khi CS cai trị miền Nam, tức tháng 11 năm 1975, đã có vụ tu thiêu tập thể của 12 vị tăng ni tại Thiền Viện Đức Sư thuộc tỉnh Cần Thơ để phản đối CS đàn áp Phật Giáo. Việc này bị CS ém nhem cho tới tháng 12 năm 1976, Viện Hóa Đạo thuộc chùa Ấn Quang tức Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN) mà đại diện là Thượng Tọa Thích Thiện Minh, Hòa Thượng Thích Huyền Quang cùng Hòa Thượng Thích Quảng Độ tích cực đem vụ tu thiêu ra ánh sáng.

Theo Hòa Thượng Thích Quảng Độ cho



biết, từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 cho tới năm 1976 đó, GHPGVNTN đã gửi 62 văn thư tới nhà nước CS để phản đối việc bắt bớ tăng ni và đập tượng phá chùa... Do đó mà quý vị tu sĩ trên đây bị bắt. Riêng Thượng Tọa Thích Thiện Minh bị giết chết trong tù VC. Còn hai vị Hòa Thượng Thích Huyền Quang và Thích Quảng Độ tiếp tục tranh đấu chống đàn áp Phật Giáo, chống việc thống nhất Phật Giáo Nam Bắc để biến Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất làm công cụ khuyến mã cho nhà nước CSVN; chính vì vậy mà những vị lãnh đạo Phật Giáo này hết bị CSVN bắt giam chặt rồi giam lỏng...

Rồi liên tục, năm 1992 rồi 1993 Hòa Thượng Thích Huyền Quang gửi nhà nước CS "Yêu sách chín điểm" và "Tuyên Cáo Giải Trữ Quốc Nạn và Pháp Nại"; còn Hòa Thượng Thích Quảng Độ thì dù bị bắt giam

tại nhà tù miền Nam, rồi bị lưu đày 10 năm ra Bắc, Ngài cũng dũng cảm gửi cho Đỗ Mười, Lãnh Đạo Đảng CSVN bản "Nhận định về những sai lầm tai hại của Đảng CSVN đối với Dân Tộc và Phật Giáo" (Sách này đã xuất bản tại hải ngoại).

Trong cả 3 tập tài liệu trên đây, hai vị Hòa Thượng Thích Huyền Quang và Thích Quảng Độ, lãnh đạo GHPGVNTN đều thẳng thắn nói rõ với lãnh đạo Đảng về tội ác của CSVN từ năm 1945 và khẳng định rằng tội ác đó sẽ bị tiêu diệt, rằng chế độ CS sẽ không tồn tại lâu dài...

Vậy mà BL cứ khăng khăng nhập đề "Đại Sát Lệnh" rằng: "Từ đầu năm 1990, sau khi CS Quốc Tế tan rã... Cục phân gián VC liền thu xếp cho những tên (gồm danh sách như trên) và sự quốc doanh Thích Huyền Quang và Thích Quảng Độ... là những tên cộng sản gốc loại công an phân gián trung kiên với nhiều chục năm tuổi đảng với đầy thành tích dẫm máu hàng triệu nạn nhân người Việt... lần lượt ra mặt về "bánh vẽ" hô hào đòi cải tổ..., đòi hòa hợp hòa giải, đòi dân chủ đa nguyên, đòi nhân quyền, đòi thả tù nhân... để làm tan loãng ý chí cầm tù CS dồn nén từ mấy chục năm qua...; nhưng không một tên phân gián khôn nạn nào "dám" kể tội ác ngập trời của VC đối với dân tộc và tổ quốc VN trong 50 năm qua". Và: "Trước năm 1990, người Việt Quốc Gia "không hề" nghe thấy tên tuổi bọn chó săn phân gián trung kiên nhưng cục kỳ lưu manh này". Tác giả Tú Nuy cho rằng viết như vậy là "Lập luận vô bằng, là kẻ mộng du hoặc là kẻ lưu manh cam tâm làm chó săn cho CSVN tung hỏa mù hóa giải những chống đối còn non yếu trong nước...". Vấn đề chỉ vì các tài liệu gửi thẳng cho đảng CSVN của Hòa Thượng Huyền Quang và Quảng Độ nêu trên cũng như tin tức về hoạt động Phật sự trong nước đã được lọt ra hải ngoại nhanh chóng bằng nhiều hình thức theo phương tiện truyền tin hiện đại, nên bị BL cho là giả, là cò mồi. Có lẽ BL còn tranh đấu theo thời HCM còn ở hang Pác Pó chăng?

Cho nên Tú Nuy đã trả lời BL rằng: "báo VNTP có một cây viết đao to búa lớn gọi các kẻ chống Cộng bằng máy Fax kia là chống cuội, là cò mồi để cứu đảng... đó là lập luận tầm bậy và đú tr'".

Độc đáo nhất là sau khi liệt kê tên các sư của GHPGVNTN, cùng danh sách dài tên các tội phạm Đệ nhất và Đệ nhị Cộng Hòa như Nguyễn Văn Thiệu, Trần Thiện Khiêm, Đặng Văn Quang, Nguyễn Văn Hào v.v... cùng những "văn nô, bồi bút" (là những người được VC bắt rồi thả ra và cho xuất ngoại như Hoàng Hải Thủy, Hồ Văn Đồng v.v...), vợ Đoàn Viết Hoạt, vợ Bs Nguyễn Đan Quế, Vũ Ngự Chiêu, Trần Bình Nam v.v...; BL chỉ thị rằng "tất cả chừng 500 tên trong nước và hải ngoại... (khi thi hành Đại Sát Lệnh) đều phải chịu theo điều 7.2: "Truy nã và dẫn độ về nước thẩm vấn, định tội và đưa ra tòa xử theo Quân Luật".

Thử hỏi 500 tội phạm của người QG nếu bị "dẫn độ về nước" thì nước nào đây? Và "quân luật" nào đây ngoài nước và luật Xã Hội Chủ Nghĩa VN hiện hành??

Điểm đặc biệt là khi lập chính sách đối với đảng CS chính cống thì lời lẽ của tác giả BL trong Đại Sát Lệnh lại vô cùng nhân đạo, rằng: "nếu người CS hồi tâm, giao nạp thẻ đảng viên là được khoan hồng". Chẳng những khoan hồng mà còn được cam kết nói điều 2 rằng:

"Đặc biệt công an, cảnh sát, bộ đội lương tiền quá ít sẽ được tăng lương tối đa. Theo qui chế mới... tất cả các cấp chỉ huy bộ đội phục viên nếu còn đủ sức khỏe và tinh thần phục vụ có thể được tái thu dụng với lương bổng cao và đầy đủ quyền lợi..."

Sau khi hứa hẹn và trấn an đảng viên CS như vậy và nêu danh sách khoảng 500 người cần tiêu diệt như trên, điều 6 của Đại Sát Lệnh còn cổ vũ sự khủng bố tinh thần người QG chống Cộng: "*Cá nhân hay tập thể tiêu diệt hay bắt sống được các đối tượng trên đây khi chúng trốn tránh, ẩn núp, trá hành làm Sứ và Linh mục quốc doanh... đều được thưởng tiền bạc từ một vạn đến một triệu đô-la tiền mặt tùy theo đẳng cấp của tên cộng sản bị giết hay bị bắt sống... Bất cứ ai bắt sống hay giết chết những tên cộng sản cao cấp nêu trên đều được trọng thưởng kể cả khi người bắt hay giết là vợ con, thân nhân họ hàng hay bạn bè, đồng chí. Nhân sự và tư gia chứa chấp cộng sản phải bị tiêu diệt, bắt giam và cơ sở bị tiêu hủy ngay tức khắc*".

Hèn gì tác giả Thuốc Sát Trùng có ý kiến là: "Bác Bách Linh đang buộc tiếng ác cho người Quốc Gia, vẽ họa bộ mặt khủng khiếp của người quốc gia còn ác hơn cả cộng sản, nhằm bôi bẩn chính nghĩa của người quốc gia, cổ lập người quốc gia với bầu không khí hòa dịu của thế giới ngày nay". Tác giả TST còn hỏi Bách Linh: "bác là kẻ tu hành, tại sao bác thích giới sát quá thế? (Người QG) Bách Linh viết rải rác trong nhiều số báo đòi tẩm máu CSVN, cuộc tẩm máu sẽ kinh hồn, xác VC sẽ vứt cho điều quạ tha mổ, người !quốc gia" sẽ nhay đầm trên xác chết VC... Nghe quảng cáo cái Đại Sát Lệnh của bác mà lạnh mình, nhưng cũng có kẻ bụm miệng cười cho là "ngáo ộp"..."

Thí dụ nếu có vợ hay con người "Quốc Gia" nào đó khát máu hơn CS, vì tiền mà giết chồng, giết cha mình đi nữa, thì tiền đâu mà bác BL phát giải thưởng đó? Tiền đâu để BL giữ tròn lời hứa khi cổ động "đấu tố" như điều 12, Đại Sát Lệnh đã ghi rõ:

"Mở Chiến Dịch Ấn đền, Oán trả" để giúp nhân dân thanh toán hận thù và tội ác trong quá khứ. Chi tiết sẽ cho biết sau?"

Chưa hết,, ngoài thủ đoạn "muốn giết chó phải phao là chó dại" đó, tác giả Bách Linh còn kể thừa lãnh tụ CS là HCM kỹ thuật

cho người nghèo ăn bánh vẽ một cách xuất sắc.

Trong chiến dịch Cải Cách Ruộng Đất vào thập niên 1950, HCM hứa với bần cố nông là khi đấu tố địa chủ trước Tòa Án Nhân Dân để chiếm đất đoạt của thì bần cố nông sẽ được chia đất, chia của; sẽ được làm chủ và làm giàu.

Bốn mươi năm sau, bằng Đại Sát Lệnh năm 1996, Bách Linh hứa ở điều 13: "*trong khi cả nước cùng nghèo nên phải có qui chế chung cho tất cả người nghèo: Mỗi người phải có nhà ở với công việc làm và lương thực, tiện nghi đủ sống..."*

Cho nên Thuốc Sát Trùng cười, gọi đó là "ngáo ộp" và hỏi: "*bác BL bảo rằng thi hành xong cái Đại Sát Lệnh của bác thì lợi tức đầu người VN sẽ tương đương với bất cứ nước nào trên thế giới, mỗi gia đình và người độc thân sẽ có nhà của đảng hoàng... Dám hỏi bác Bách Linh vậy (lúc giết CSVN xong lợi tức đầu người VN sẽ tương đương với bất cứ nước nào? Nước Thụy Sĩ có lợi tức đầu người cao nhất thế giới hay nước Somalia ăn mày không có ông bố??) Bác lấy của cái ở đâu để phát cho dân??*

"Bác còn bảo rằng (giết xong CS) "xã hội sẽ được tổ chức trên căn bản kinh tế nhân dân"

Theo chỗ tôi (TST) biết, trong kinh tế học chỉ có kinh tế tư bản và kinh tế chỉ huy (CS). Nay bác chế thêm "kinh tế nhân dân" tức là bác siêu hơn bậc thầy đại học, còn đồng bào mời nghe tiếng "nhân dân" đã sợ muốn "són"... trong quần, vì nó hao hao giống kiểu tòa án nhân dân... của Việt Cộng. Bác đem kinh tế nhân dân ra quảng cáo có mục đích gì?

Để kết luận, tác giả Thuốc Sát Trùng cho rằng những cây bút như kiểu BL là đã tạo ra "*những bài viết hai mặt mà mặt lợi nghiêng về phía Cộng Sản Việt Nam*". Và những người lập luận theo kiểu BL "*là những người hăm hồ lớn tiếng chống lại những kẻ chống Cộng Sản Việt Nam*".

Tác giả TST kêu gọi độc giả hãy bỏ phiếu xem ai là kẻ chống Cộng thật, ai là kẻ chống Cộng rơm bằng những mưu mô ma chước quỷ ta khó nhận ra?

Tác giả Phan Thiết, cũng buộc bộ biên tập VNTP đã bỏ phiếu bằng hai bài "Ngán Thay Cái Mũi Vô Duyên" trên VNTP số 497, bài phục ông Tú Nuy đã "*nhìn xa trông rộng nên lý đoán về bọn người đánh hôi những kẻ chống Đảng Cộng Sản Việt Nam nghe được lắm, rất đáng khen*".

Ông Phan Thiết (PT) đùa ra hai phán đoán, thủ nhất, "*những kẻ đánh hôi giúp đảng CSVN thuộc đảng phái "quốc da" nào đó mà quốc dân đều biết thành tích chỉ là "ăn hại đãi nết", "ăn tục nói phét" mục đích giành quyền lực để kiếm xôi thịt. Đảng này chuyên phá thối, đảng không có khả năng giành quyền lực và cứu nước nhưng ai ngoài đảng chống Cộng đều không được phép. Họ lồng lộn lên khi thấy Cộng chống Cộng, Cộng xoay chiều từ 90 độ lên 100... rồi lên*

180 độ. Họ e sợ quyền lực quốc gia sẽ rơi vào tay phe nhóm khác khi đó họ sẽ bỏ mỏ, xối hồng bông không nên nay họ chụp cho những kẻ kia là chống Cộng cuội, chống Cộng rơm..."

Phiếu dự án thủ hai của ông PT rằng, nếu BL không là kẻ đánh hôi, thì lối lý luận kiểu BL thuộc *những phần tử Quốc Gia chống Cộng thật, nhưng đầu óc họ chỉ một chiều, như con bò ở trường đấu hề thấy màu đỏ của CS là húc; họ có biết đầu màu đỏ cũng có khả năng làm tiêu vong CS. Chống VC ngày nay phải lấy Cộng chọi Cộng. Từ màu đỏ sang màu cam... rồi sẽ ra vàng. Phải có màu chuyển tiếp chứ đừng mong nháy vọt. Những kẻ chống Cộng một chiều cũng sợ Cộng chống Cộng giành miếng dính chung khiến họ hụt hắng nên họ lên tiếng kếm... thông minh. Kìa xem ông Gò-Ba-Chóp vốn là CS nói làm sập tiệm để quốc tội ác Liên Xô... Vậy ta lo chi?*

Còn tác giả Thuốc Sát Trùng, sau khi phân tích bài viết hai mặt của BL, tuy cho rằng bài BL viết có lợi cho CSVN nhưng lại bỏ phiếu "trắng" rằng "*chưa*" nghi bác Bách Linh là Việt Cộng nằm vùng, nên thành thật khuyên bác xem lại hệ thần kinh của mình xem có bị va chạm gì chăng? (Trích "EM CHÀ!" VNTP số 501, tr.79).

Trong hệ thống luật pháp nhân bản, khác với CS vô nhân, ta tôn trọng nguyên tắc "thà tha lằm hơn bắt lằm". Nhưng bài viết hai mặt kiến BL hiển nhiên có lợi cho CSVN nhưng ta cũng chưa vội kết luận họ là CS nằm vùng, là chó săn cho CS. Vậy lá phiếu của chúng tôi là phối hợp phiếu rất "*khoan hồng*" của ông Thuốc Sát Trùng: *coi họ là những người Quốc Gia tâm trí không bình thường và cả phiếu của ông Phan Thiết: coi họ là người QG nhưng suy nghĩ chỉ một chiều, chỉ biết ghi tâm khắc cốt những thủ đoạn lừa bịp phản trắc trong quá khứ của CS nên đưa đến lý luận... kếm thông minh* (chữ dùng của ông Phan Thiết) mà lại quá hiểu sát.

Mẫu người Quốc Gia này cũng gây đau thường cho dân tộc không kém gì CSVN. Trong giai đoạn chống Cộng, họ vô tình phá hoại tình đoàn kết Quốc Gia. thành thủ họ chống Cộng thật tình, nhưng hậu quả trở thành giúp Cộng rất tích cực! Rồi thời hậu Cộng Sản, nước ta có được thật sự hòa bình thịnh vượng không cũng là do thái độ của số người cố chấp và hiểu sát này.

Chúng tôi sẽ đề cập đến việc đối phó với nhóm người Quốc Gia (không Cộng Sản) này trong bài sau.

Bây giờ xin trở lại việc đóng góp ý kiến: làm sao tiêu diệt cộng sản, quang phục quê hương trong hòa bình. Muốn lấy lại nước từ tay Cộng Sản trong hòa bình tức phải dùng Chính Trị, là một trận chiến tranh tâm lý đòi hỏi một số tổ chức qui mô chặt chẽ gồm hệ thống ngang, dọc, v.v... để đặc nhân tâm. Chủ không như "người Quốc Gia" Bách Linh viết rằng:

"Chúng tôi có kế hoạch tiêu diệt cộng sản vô cùng hữu hiệu và hoàn hảo (mà) không cần có tổ chức, đoàn thể chính trị hay giáo hội gì ráo... Chúng tôi cứ tiêu diệt nhân sự lãnh đạo cộng sản là tiện nhất, ít tốn kém nhất và mau chóng nhất... Toàn thể dân tộc Việt Nam chúng tôi sẽ thích thú vui mừng nháy mắt trên xác chết nhân sự cộng sản và lũ chó săn bồi bút của chúng". (Lật Táy Nằm Vùng Cộng Sản, VNTP 492, tr.28). ~

"Kế hoạch" tiêu diệt CS này thật là thất nhân tâm, kém chính trị và chẳng có kế hoạch gì cả. Kế hoạch chống cộng đây tâm lý chính trị như là chủ trương của ông Phan Thiết: *lấy Cộng chọi Cộng. Ta nên sử dụng những người CS phản tình để dùng gậy ông đập lưng ông.*

Tức là trong trận chiến tranh chính trị hiện tại, chính Bách Linh ta vẫn coi là người Quốc Gia để dùng đẩy ông ta về phía địch, để gây tình đoàn kết, và cần đoàn kết với cả những người CS đã hồi tâm, chống đảng.

Đến đây ta thử sớ tra "lá phiếu" của ngục sĩ anh hùng của chúng ta về việc này xem sao? Thì chính ngục sĩ Nguyễn Chí Thiện là người có kinh nghiệm cả đời với CS và hiểu rõ lòng dạ trá trở của CS qua 27 năm tù ngục, mà cũng kêu gọi hải ngoại nên sử dụng người CS phản tình để chế độ vô nhân sớm sụp đổ.

Khi chủ trương như vậy, Nguyễn Chí Thiện cũng gặp phải vấn nạn là *làm sao biết được ai phản tình thật? Ai phản tình có mồi?*

Thí sĩ cho ý kiến là hiện nay ở hải ngoại còn nghi ngờ Nguyễn Hộ, Hoàng Minh Chính, Bùi Tín v.v... là cò mồi, nhưng vi sau lưng họ còn có bao nhiêu ban bè đồng chí nên sử dụng chống đảng của họ có tiếng vang, có ảnh hưởng lớn trong nội bộ đảng CS... vì thế ta nên cố vô họ, để làm đảng CS trên đà tan rã và phân hóa, khi ta sử dụng họ thì sử rã tan nó nhanh hơn.

Vi vậy, thí sĩ Nguyễn Chí Thiện đưa ra tiêu chuẩn để sử dụng người CS phản tình: nếu người CS nào tranh đấu có cùng chung với ta 3 điểm chính sau đây thì ta nên ủng hộ họ:

- Thứ nhất: Phải tán thành đa nguyên đa đảng, dân chủ tự do thật sự.
- Thứ hai: Phải giải thể chế độ CSVN, là nguyên nhân của mọi tai họa cho đất nước.
- Thứ ba: Phải nhìn nhận chủ nghĩa Mác-Lê là chủ nghĩa ngoại lai không tưởng, lỗi thời, là nguồn gốc của mọi đau khổ cho dân tộc, cần xóa bỏ, trả quyền cai trị cho toàn dân.

Nếu những người CS phản tình nào tranh đấu có ba điểm chung đó, Nguyễn Chí Thiện kêu gọi hải ngoại ủng hộ những điểm chung ấy, không cần phân biệt lý lịch hay quá khứ của họ; còn những điểm khác nhau, ta sẽ bàn riêng với họ sau. Chẳng hạn có người hiện quyết liệt chống Cộng, nhưng lại cho Hồ Chí Minh là người dân tộc, đạo đức v.v... dù điều đó không đúng, nhưng ta nên thảo luận sau với họ. Còn bây giờ cứ ủng hộ để họ

giúp sức mạnh giải thể chế độ của họ trước đã. Vì như Hoàng Minh Chính là ông tổ dạy CS về thuyết Mác-Lê, mà nếu nay ông nhìn nhận là chủ nghĩa đó không tưởng, thì tức nhiên có đồng đảng viên CS tin theo hơn là người Chống Cộng nói lên điều đó. Nếu mỗi đầu họ hăng hái đòi cả 3 điểm, nhưng càng về sau họ lơ đãn, chỉ đòi điểm một thôi, chẳng hạn, thì mình biết, có thể đây là người phản tình già.

Như vậy, tiêu chuẩn tối thiểu để khả dĩ tin được người CS phản tình là, không những họ nổi lên đòi dân chủ, đa đảng; mà còn phải đòi giải thể chế độ CS và nhìn nhận chủ nghĩa Mác-Lê là không tưởng... Lập trường 3 điểm của Nguyễn Chí Thiện đủ để vừa cứu dân tộc VN thoát ách CS một cách nhANH chóng, vừa là tiêu chuẩn để khám phá ra CS cò mồi khi họ trở cò.

Vậy thì ngoài những lá phiếu "chống" Bách Linh như trên của Thuộc Sát Trùng, Phan Thiết và Nguyễn Chí Thiện, còn có tác giả Tú Nuy, viết trên VNTP số 491 rất tách bạch chống lý luận của Bách Linh rằng:

"*CSVN hiện nay không sợ những kẻ chống Cộng bằng nước bọt với lời đao to búa lớn (như nhóm BL), mà chúng rất sợ Phật Giáo phe Ấn Quang qui tụ quần chúng, rất hiếm nghèo cho đảng, nên chúng bèn thả chó săn ra hải ngoại đánh phá và bôi bẩn Ấn Quang; đồng thời có những đóm lửa trong nội bộ đảng như Hoàng Minh Chính, Nguyễn Hộ, Hà Sĩ Phu v.v... vì những đóm lửa này dơi gió là trở duyên thổi bùng thành đám cháy đốt ngôi nhà Đảng CSVN nên đảng lo sợ lắm. Cho nên một mặt chúng bắt hại họ ở trong nước, một mặt chúng thả chó săn ra hải ngoại bôi bẩn và cò lập họ với Cộng Đồng Người Việt vốn chống Cộng ở ngoài nước.*

Tú Nuy cho rằng: "*Bọn chó săn cũng dùng thủ đoạn 'nước vô lựu máu mào gà' hòng gạt mấy anh chống Cộng 'cà quỳnh' bằng những lời chất chứa chủi bởi chế độ và lãnh đạo Đảng Cộng hoặc bằng tử đao to búa lớn muốn ăn tươi nuốt sống cộng cha cộng con. Đồng thời không tiếc lời thóa mạ thầy chùa và các người chống lại Đảng Cộng Mafia chính hiệu.*

Tác giả Tú Nuy kêu mọi người "*phải tình táo nhận ra thủ đoạn và mưu kế của bọn này". Rằng bọn này "đao to búa lớn đòi tẩm máu CS ư? Sức lực được bao lâu mà miệng hùm gan sứa?... Rồi lệnh giết to lệnh giết nhỏ, quyền lực nào ra lệnh, quyền lực nào thì hành lệnh đây?... Tất cả những việc trên chỉ là cái vỏ bao cái ruột là đánh cho chết cái đám đám nổi lên chống Đảng CSVN. Hãy chụp cho nó cái mặt cò mồi, tay sai CSVN, chống đối cuội tất người Việt hải ngoại phải xa lánh bọn chống đối ròm và cò lập bọn này tức "đảng ta" thành thang một mình một chợ.*

"Sách lược là phải đánh cả hai, CSVN không chết mà thầy chùa, tù nhân lương tâm tập tễnh làm chính trị phải chết!"

Vậy là hàm oan của những người chống Cộng cùng các Tăng Ni Phật Tử, nhất là qui

vi lãnh đạo Phật Giáo tại quốc nội cũng như hải ngoại, đã được giải tỏa. Vì từ lâu, Phật Giáo đã bị vài cây bút viết trên tạp chí Văn Nghệ Tiền Phong và vài báo khác, cáo buộc là CS, hay chó săn cho CS nên đã gây tội lỗi đáng bị... giết tập thể như kiểu BL hạ Đại Sát Lệnh trên đây.

Những hàng ngũ Phật Tử không ai phản đối gì, vì theo giáo lý nhà Phật là "*oan ức không cần biện bạch, vì có biện bạch là nhân quả chưa xả.*"

Nay thì chính VNTP đã tự động "xả" cái "nhân quả" ấy bằng bài biện bạch và đính chính lại rằng: "*Cả ngàn lần không, không bao giờ Phật Giáo là cộng sản, kể cả Phật Giáo Ấn Quang, kể cả sư Trí Quang mà anh nhà báo bố lão nào đó gọi là Thiếu tướng Tỉnh báo Việt Cộng!*"

"Đây quả là "điềm lành" trước ngưỡng cửa vào thiên niên kỷ thứ hai mươi mốt.

Như vậy, năm nay khi tiễn ông Tý đi, đón Tết Đinh Sửu đến, không khí chính trị hải ngoại đã sáng sủa nhiều, vì cuộc Bỏ Phiếu Tim... Chó Săn đã kết thúc rất đẹp.

Vi áng mây mờ chống Cộng kiểu BL trên diễn đàn VNTP đã được chính các cây viết của báo này mạnh dạn vén lên và thổi tan đi.

Như vậy, trước ngưỡng cửa Tết Đinh Sửu, cùng với cái đẹp rực rỡ của mùa Xuân, lực lượng Chống Cộng và Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất đã được nhiều lá phiếu cũng rất lộng lẫy như hoa mùa Xuân.

Còn vấn nạn của của tác giả Tú Nuy: "*Phật Giáo chống Cộng để làm gì? Để thay thế CS tri vi đất nước canh tranh với Thiên Chúa Giáo theo tham vọng của các "thầy chùa"??*" Đây cũng lại là vấn đề trọng đại cho dân Việt trong hiện tại và nhất là tương lai, thời Hậu Cộng Sản. Xin quý độc giả suy nghĩ và "bỏ phiếu" cho đề tài này. Chúng tôi sẽ trình lá phiếu của mình vào bài kế tiếp.

Bây giờ thì xin kính chúc quý vị đã và đang dẫn thân tranh đấu giải trừ quốc nạn CS, tất cả tin đồn và lãnh tụ nắm tôn giáo lớn tại Việt Nam như Phật Giáo, Thiên Chúa Giáo, Tin Lành, Cao Đài, Hòa Hào v.v..., cùng tất cả đồng bào trong nước và hải ngoại vui hưởng Tết Đinh Sửu, trút bỏ tất cả tị hiềm cố chấp trong quá khứ; rồi sau Tết, tích cực bắt tay cùng lo việc xây dựng đất nước Việt Nam với tinh, thần đoàn kết keo sơn như "con Trâu và Cái Cày" cùng lo việc nông gia theo truyền thống cao đạo Việt Nam, tuy mộc mạc mà rất đậm đà thâm thúy tinh dân tộc, như sau:

*"Trâu ơi ta bảo trâu này.
Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta.
Cấy cây vốn việc nông gia.
Ta đây trâu đấy ai mà quản công.
Bao giờ cây lúa còn bông,
Thì còn ngọn cỏ ngoài đồng trâu ăn".*

Miền Bắc Cali, trước thềm Xuân Đinh Sửu
Ngày 12 tháng 12 năm 1996

GIỚI THIỆU



Trần Đại Sỹ lấy tên làm bút hiệu. Sinh giờ Thìn, ngày 1 tháng 9 năm Kỷ Mão (1939). Được ông ngoại là một đại khoa bảng triều Nguyễn, giảng dạy rất sâu về Nho học, lầu thông kinh, sử, tử, tập, Bách gia, Chú tử, Cửu lưu, Tam giáo. Lại học đạo với các Thiền sư thuộc dòng Yên Tử, vì vậy ghi thêm bốn chữ "Yên Tử Cư Sĩ" để tỏ lòng nhớ lại cội nguồn. Song thân đặt tên với ước vọng sau này tác giả thành một thầy thuốc, đeo túi đi khắp nơi thuyết pháp, trị bệnh, chuộc tội cho bầy kiếp phụ mẫu (Đại là cái túi, Sỹ là đứng chờ). Tốt nghiệp Đại Học Y Khoa Paris (Cochin Port-Royal) và Thượng Hải. Để thực hành ước vọng của ông, cha, tác giả dành hầu hết thì giờ từ năm 1968 đến nay, thuật ngữ thiên anh hùng ca của dân tộc Việt. Từ năm 1976, làm việc cho cơ sở nghiên cứu, tổng hợp y học Đông Tây, vì vậy có phường tiên rộng rãi, cùng nhiều dịp đi Trung Quốc, Mông Cổ, Tây Tạng, Thái Lan, Trung Đông hầu tìm lại vết tích tộc Việt. Đã biên tập hơn hai mươi tác phẩm về y học do ARMA, và Institut Franco-Asiatique xuất bản. Về lịch sử tiểu thuyết, đã sáng tác 9 tác phẩm, tổng cộng trên 11.000 trang. Do các nhà xuất bản Nam Á (Paris), Xuân Thu và Đại Nam (Hoa Kỳ) ấn hành.

Sách đã xuất bản

1. Anh hùng linh nam. Trọn bộ 4 quyển, 1318 trang. Nhà xuất bản Nam Á, Paris, 1987.
2. Động Đình Hồ Ngoại Sử. Trọn bộ 3 quyển, 886 trang. Nhà xuất bản Nam Á, Paris, 1989.
3. Cấm Khê Di Hận. Trọn bộ 4 quyển, 1305 trang. Nhà xuất bản Nam Á, Paris, 1990.
4. ANH HÙNG TIÊU SƠN. Trọn bộ 3 quyển, 907 trang. Nhà xuất bản Xuân Thu, Hoa Kỳ, 1990.
5. Thuận thiên dị sử. Trọn bộ 3 quyển, 909 trang. Nhà xuất bản Xuân Thu, Hoa Kỳ, 1991.
6. ANH HÙNG BẮC CUÔNG. Trọn bộ 4 quyển, 1254 trang. Nhà xuất bản Xuân Thu, Hoa Kỳ, 1992.
7. Anh linh thần võ tộc Việt. Trọn bộ 4 quyển, 1334 trang. Nhà xuất bản Xuân Thu, Hoa Kỳ, 1992.
8. NAM QUỐC SƠN HÀ. Trọn bộ 5 quyển, 2232 trang. Nhà xuất bản Đại Nam, Hoa Kỳ, 1996.
9. Cốt Tủy Tử Vi tuổi tý, 350 trang. Nhà xuất bản Đại Nam, Hoa Kỳ, 1994

Sách sắp xuất bản

- Anh hùng đồng a
- Dựng cờ đồng a

Từ Nam-Thiên tử đại thần khí đến

HUYỀN SỬ VỀ CON TRÂU VÀNG Ở HỒ TÂY

•Yên-Tử Cư-Sĩ Trần Đại-Sỹ

Trong bộ Triệu-Thị Chinh tiêu Giao-Chỉ ký (TTCTGCK), viên phó nguyên soái, chỉ huy quân Tống sang đánh Đại Việt (1076-1077) là Triệu Tiết; tự biện luận cho cái thất bại của mình bằng cách để hẳn ra một chương, nói về độc khí của Viêm-bang (tức Đại Việt), linh khí của Viêm-nhạc. Theo Tiết thì Thánh Tăng Minh Không đã nói trong buổi hội quân của Tướng sĩ Đại Việt như sau:

"... Trong Thiên hạ này, nơi nào tụ được nhiều linh khí, thì sẽ có chúa thánh, tới hiền ra đời; mùa hòa, gió thuận, dân chúng ấm no. Ngược lại, nơi nào có nhiều ác khí nảy sinh, thì sẽ có quỷ vương, ma quái đội lốt quan; gió bão, hạn hán nảy sinh, dân chúng đói khổ. Xưa, khi vua Minh tế cáo trời đất, chia Thiên hạ làm hai, Bắc thành Trung Nguyên, Nam thành Viêm Bang. Trong khi linh khí miền Bắc tàn ra khắp nơi, thì Linh khí Viêm Bang tụ về vùng Giao Chỉ, Cửu Chân. Thế nhưng cuối đời Tây Hán, linh khí miền Bắc phân tán ra khắp nơi, bởi vậy mới có nạn Vương Mãng cướp ngôi. Linh khí Viêm Bang cực thịnh, nên mới có việc vua Trưng cùng 162 tướng khởi nghiệp, suýt làm đổ triều Hán".

"... Đời Đường, vua Đường thấy linh khí Đại Việt quá thịnh, mới sai Cao Biền sang làm Thủ sử Giao Châu, để yếm tất cả các thế đất linh. Biền thành công hầu hết, duy hai nơi thất bại là núi Tản và Cổ Pháp. Thế đất Tiêu Sơn ở Cổ Pháp tụ khí thiêng Nam Nhạc, nên mới sinh ra đức Thái Tổ nhà ta (Lý Công Uẩn), lập ra họ Lý. Họ Lý sẽ hưởng trên hai trăm năm phúc khí. Trong khi Biền yếm đất thiêng Đại Việt, thì y quy hưởng tất cả hồn, phách linh khí vào bụng ba mươi sáu con trâu vàng, rồi đem về chôn ở trong lòng núi Thái Sơn".

Nhưng thế truyền sử Việt, dưới hình thức chuyện cổ tích giải thích rằng: Cao Biền thu ba mươi sáu ngôi sao ở Thiên Hà chiếu xuống Đại Việt, rồi đem về giam ở núi Thái Sơn. Sao là tinh thể, kết hợp khí của vũ trụ mà thành. Sao chiếu xuống Thiên hạ thành linh khí. Linh khí bằng bạc trong trời đất, gặp cây nuôi cây, gặp hoa nuôi hoa, gặp người tạo có thể con người thành hùng tráng, thần minh sáng suốt. Cái thần minh đó gọi là hồn và phách. Con người ta: Lột quần áo ra, thì một đại tướng quân với đứa trẻ chẵn trâu

cũng giống nhau. Nhưng sao một người làm đại tướng, trí dũng có thừa mà đứa trẻ lại là mục đồng chất phác? Cái mà hai người khác nhau đó là do phách, và hồn tạo ra. Khi sao ở Thiên Hà chiếu xuống thế gian, con người thấu, cảm ánh sáng đó, hợp với mưa, nắng, núi, sông cho nên thể thì giống nhau, mà phách và hồn thì khác nhau. Thế thì tử con sâu, cái kiến, con chó, con mèo cho đến con người đều có hồn và phách. Nhưng mỗi cơ thể thấu cảm linh khí của tinh hoa sơn xuyên, nhật nguyệt mà khác nhau. Nay Cao Biền yếm hết thể đất thiêng, đào lấy những kết tinh của thể đất đem đi.

Thế nhưng sao y lại bỏ vào ba mươi sáu con trâu vàng? Mà không bỏ vào con rồng, con phượng? Giản dị thôi! Tộc Việt là con cháu vua Thần Nông. Tộc Hoa cũng là con cháu vua Thần Nông. Nhưng sau triều đình Thần Nông phượng Bắc bị vua Hoàng Đế đánh bại. Vua Hoàng Đế là dân du mục, săn bắn. Người Hoa sau tôn vua Hoàng Đế là Quốc Tổ. Bởi vậy Biền mới bắt tinh hoa 36 ngôi sao, bỏ vào bụng trâu, đem về chôn ở núi Thái Sơn, để diệt linh khí Nam phương, cái linh khí dùng sức trâu để canh tác. Đến đời vua Thái Tông nhà Tống, sau khi bị bại ở Chi Lăng, Bạch Đằng; nhà vua sai bảy Đạo sĩ của phái Hoa Sơn lên núi Thái Sơn đào trâu đem về, rồi lấy đồng đen đúc thành hộp. Mỗi hộp để chín lá bùa, giam một con trâu. Sau đó cất vào một nơi cực mật trong kinh thành Biện Kinh. Hồi Khai Quốc Vương, con thủ Lý Thái Tổ đi sứ Tống, người đã sai người em kết nghĩa là Trần Tự Mai đột nhập ngục thủ phòng vua Tống Nhân Tông tìm di chúc của vua Thái Tông nói về việc này, nhưng không ra manh mối. Hơn bốn chục năm liền, triều đình Đại Việt sai người sang Tống tìm kiếm, mà cũng chỉ biết rằng ba mươi sáu hộp đồng đó để ở trong kho tại Hoàng cung. Mà các kho tại Hoàng cung thì nhiều vô kể, lại canh phòng cực kỳ nghiêm mật.

Sau đó hai Thánh Tăng Minh Không, Đạo Hạnh giả vân du Trung Nguyên thuyết pháp, trị bệnh. Huyền thoại trong Thiên-sử Việt nói rằng, hai ngài đã trị bệnh bán thân bất toại cho một công chúa Tống. Còn TTCTGCK, thì nói rằng, hai ngài làm phép bắt tà trong nội cung. Trong thời gian này, hai ngài dò ra manh mối: ba mươi sáu cái hộp đồng để tại kho đồng đen ở nội cung.

Sau khi trị bệnh (hay bắt tà) Tống Thần Tông ban thưởng gì, hai ngài cũng không nhận. Hai ngài đưa ra cái túi, và tâu rằng: chỉ xin được vào kho đồng trong Hoàng cung chọn một túi đồng đen, đem về đúc tượng.

Nhà vua truyền quan giữ kho dẫn hai ngài vào kho tà, trong khi ba mươi sáu hộp đồng để ở kho hữu. Hai ngài giả chọn đi, chọn lại hết kho tà, mà cũng không được đồng như ý muốn. Viên Thái giám đưa hai ngài sang kho hữu, thì hỏi đi! Vừa vào kho, hai ngài đã thấy ngay: ba mươi sáu cái hộp được đặt trên một bệ theo hình Tiên Thiên bát quái. Xung quanh đầy những tượng hổ, báo, rắn, cùng mô hình núi sông Đại Việt. Hai ngài vỗ như không biết gì. Sau khi lựa đồng, lẳng lẳng cáo tử ra về, đến đêm hai

ngài lên vào trộm ba mươi sáu cái hộp đó, rồi sáng hôm sau trốn về nước.

Truyện cổ tích dân gian kể: Hai ngài làm phép lấy hết kho đồng. Hôm sau quan giữ kho khám phá ra, tâu lên vua Tống. Nhà vua sai thị vệ đuổi theo, tới bờ biển thì bắt gặp. Hai ngài bèn tung cái nón tu lờ xuống biển. Cái nón hóa ra con rồng cực lớn, hai ngài cỡi rồng, hồi hướng. Đám thị vệ kinh hãi, hoảng theo hai ngài, người người đều vái bốn vái.

Sau khi về tới Đại Việt, hai ngài đem linh khí Đại Việt đặt vào chỗ cũ. Còn ba mươi sáu cái hộp với bùa, thì hai ngài tìm ba mươi sáu cái xứ sở của tướng sĩ Tống tử trận bỏ vào, rồi đem chôn ở khắp các cửa sông, cửa biển Đại Việt, làm quỷ trấn áp quân Trung Nguyên. Còn ba mươi sáu con trâu thì đem ném xuống đáy Hồ Tây để làm thần trấn Thăng Long. Kể từ đấy, cho đến muôn ngàn năm sau, Trung Nguyên không bao giờ có thể cai trị Đại Việt quá hai kỳ (một kỳ là 10 năm). Cho nên cuối đời Trần, sau khi đánh tan giặc Hồ Quý Ly, người Minh cai trị Đại Việt trong hai kỳ, từ 1407-1428. Rồi từ đấy về sau, không bao giờ họ có thể cai trị Đại Việt ta nữa.

Ghi chú của thuật giả: Đại Việt có hàng ngàn Cao Tăng đắc pháp thành Bồ Tát, nhưng hai Thiền sư Minh Không, Đạo Hạnh được thiên sử tôn là Thánh Tăng. Hai ngài được thờ ở khắp nơi, được coi là hai vị Tăng có tu tưởng nhập thế bậc nhất. Xét chung về hành trạng của hai ngài, tôi thấy hai ngài thoát ra ngoài khuôn khổ Phật Giáo Đại Thừa, Tiểu Thừa từ Ấn Độ truyền vào. Hai ngài đã hòa lẫn tinh hoa của Phật Giáo Ấn Độ vào với tinh hoa chủ đạo tộc Việt thành Phật Giáo Đại Việt, với tinh thần nhập thế, đem đức từ bi hỷ xả của đức Thế Tôn bảo vệ đất nước.

Vua Lý Thánh Tông làm chùa Thiên Phúc niên hiệu Long Thụy Thái Bình thứ 4 (1058) ngài Đạo Hạnh tu ở đây. Vua Lý Nhân Tông không có con trai, xuống chiếu chọn con trai trong hàng tôn thất để lập làm Thái tử. Em vua là Sùng Hiền hầu cũng chưa có trai. Bấy giờ Thánh Tăng Đạo Hạnh đến chơi nhà hầu. Hầu tỏ ý muốn có con trai. Ngài dặn: "Bao giờ phu nhân sắp lâm bồn thì báo cho bần tăng biết". Ba năm sau phu nhân của Sùng Hiền hầu họ Đỗ có thai. Lúc lâm bồn trở dạ mãi không đẻ được. Hầu nhờ lời ngài Đạo Hạnh dặn trước, vội sai người báo với ngài. Lập tức ngài tắm rửa, rồi vào hang xuất hồn đầu thai làm con Sùng Hiền hầu. Phu nhân sinh ra con trai ngay sau đó, đặt tên là Lý Dương Hoán. Niên hiệu Hội Tường Đại Khánh thứ 8 (1117) Dương Hoán được vua Lý Nhân Tông lập làm Thái tử. Khi vua Lý Nhân Tông băng, Thái tử Dương Hoán lên nối ngôi vua, tức vua Lý Thần Tông.

Thời còn là Thái tử, vua Lý Nhân Tông bị bệnh Zona, đầu đờn găm thét như cạp, da sần sùi trông giống da cạp, nên người đương thời đồn rằng ngài hóa hổ. Bấy giờ trong dân gian trẻ con truyền nhau hát rằng:

*Tập tầm vồng
Có sứ Nguyễn Minh Không
Chùa được bệnh Thái tử.*

Triều đình sai sứ về Thần Quang tự mời ngài Minh Không về Thăng Long trị bệnh cho Thái tử. Bệnh khỏi. Khi Thái tử lên ngôi vua, (tức Thần Tông) phong ngài Minh Không làm Quốc Sư, truyền lập đền thờ sống. Đền đó nay là chùa Quán Sứ, ở số 73 phố Quán Sứ Hà Nội.

Chuyện dân gian kể: Hai ngài Minh Không, Đạo Hạnh dùng số đồng lấy trong kho Tống đem về đúc quả chuông lớn, khi đánh lên, tiếng kêu boong-boong. Con Kim Ngưu nằm trong lòng núi Thái Sơn nghe tiếng kêu, tưởng mẹ gọi con, con bèn lờng về Thăng Long. Nhưng khi tìm không thấy mẹ đâu, nó chạy nhảy lung tung, thành những vũng nước lớn, tức hồ Tây. Minh Không thiên sử quảng quả chuông đồng xuống hồ, rồi nguyện rằng: *Nhà nào một vợ, một chồng, sinh ra mười con trai, thì kéo được con Kim Ngưu với quả chuông này.*

Những sự thực thì, hai ngài dùng số đồng mang từ Tống về, khuyên giáo thêm cho triều đình, của dân chúng; rồi đúc thành *Nam Thiên tử đại thần khí*. Sự thực như sau:



**Thần khí thủ nhất:
Đình tháp Báo Thiên**

Thần khí thủ nhất mà ngài đúc là đình tháp Đại Thắng Báo Hiên. Tháp nằm trong khuôn viên chùa Sùng Khánh Báo Thiên. Chùa Sùng Khánh Báo Thiên dựng vào tháng tư, năm Bình Thân, nhằm niên hiệu Long Thụy Thái Bình thứ ba đời đức Thánh Tông (1056). Sở dĩ chùa có tên Báo Thiên, vì ngày lễ Thượng Nguyên, tức Rằm Tháng Giêng năm ấy, vua xa giá ra hồ Tây xem cá. Khi đến bờ đê, thì gặp một người trang phục như thẳng điện, máng vua rằng: "Nhà vua làm chúa trời Nam, sao không tu đức, sửa

sang chính sự, mà lại rong chơi? Như vậy là làm gương xấu khiến cho bọn quan lại tham ô, hà hiếp dân chúng. Ta là thần, được Thượng Đế sai xuống giữ việc mùa vụ này. Nay thấy dân khổ, nên hiện ra báo cho vua hay". Lập tức đức Thánh Tông bỏ cuộc đi chơi, trở về giảm yến tiệc, giảm chi tiêu nội cung, cách chức bọn tham quan, sai làm chùa để tạ ơn trời. Chùa mang tên Sùng Khánh Báo Thiên là tích đó. Nơi tọa lạc chùa, được mang tên phường Báo Thiên, thuộc thôn Tiên Thị, huyện Thọ Xương, Thăng Long.

Năm sau, Đinh Dậu, niên hiệu Long Thụy Thái Bình thứ tư (1057) đức Thánh Tông lại cho dựng tháp ở trong sân chùa. Tháp cao hai mươi trượng (40 thước), gồm 12 tầng. Nay hai Thánh Tăng lấy đồng đen, là tinh hoa linh khí núi Thái Sơn bên Trung Nguyên đúc cái đình tháp. Từ khi đình tháp được an vị, linh khí Trung Nguyên, tinh dầu phương Bắc đều chiếu về trời Nam. Tương truyền thời ấy, đêm đêm hào quang chiếu sáng rực đất Thăng Long.

Chùa Sùng Khánh Báo Thiên, tháp Báo Thiên cho đến đời Trần vẫn còn. Nhà thơ Phạm Sư Mạnh, cuối đời Trần có làm bài thơ *Đề Báo Thiên Tháp* như sau:

*Trấn áp Đông, Tây cùng đế kỳ
Khuy nhiên nhất tháp độc nguy nguy.
Sơn hà bất động kinh thiên trụ;
Kim cổ nan ma lập địa chùy.
Phong bãi chung linh thời ứng đáp,
Tinh di dăng chúc. dạ quang huy.
Ngã lai dục thủ đề danh bút,
Quần linh xuân giang tác ngiên tri.*

Đào Thái Tôn dịch như sau:

*Trấn áp Đông, Tây giữ đế đô,
Hiên ngang ngọn tháp đứng trở trời.
Non sông vững chãi tay trời chống,
Kim cổ khôn mòn đỉnh tháp nhỏ.
Thinh thoảng gió lay, chuông ứng đáp,
Đem đêm sao xé đức khôn mờ.
Tôi đây những muốn dăm ngòi bút,
Chiếm cả dòng sông mài mực thơ.*

Năm 1406, vì giặc Hồ Quý Ly cướp ngôi nhà Trần, linh khí trời Nam mất hết, đình tháp bị gãy rơi xuống. An phủ sứ Đông Đô là Lê Khải thấy điềm gở, không dám báo cho giặc Hồ biết, vì vậy bị biếm một t. Sau đó đình tháp được hàn, đem lên như cũ.

Năm 1427, quân Minh bị Bình Định Vương Lê Lợi vây ở Đông Đô (Thăng Long) chúng cho rằng tháp Báo Thiên là nơi hút linh khí thiên hà, vì vậy xuống thành công, chúng phá tháp với hy vọng tuyệt linh khí trời Nam; nhưng thác rằng lấy đồng làm súng. Chỗ nền tháp được đổ đất thành gò cao để dựng đàn tràng.

Đến cuối thời Lê, chùa bị bỏ hoang phế. Khu đất gần nền tháp cũ biến thành chợ, gọi là chợ Tiên. Đến thời Tây Sơn, năm Giáp Dần, 1782, dân chúng đào gò lấy gạch, đá, tu bổ thành Thăng Long, nhật được tượng đá chạm hình tiên, chim muông, chén bát sứ không biết bao nhiêu mà kể. Trên gạch đào

được có chữ "Lý gia đệ tam đế Long Thụy Thái Bình tử niên tạo" (*Làm năm Long Thụy Thái Bình thủ tử đời vua thủ ba nhà Lý*).

Định Vương Trịnh Căn có bài thơ: Đề tháp Báo Thiên như sau:

*Tử bề chân ngắt gấm chuông sinh,
Cành lạ muối phân, chín khác thường.
Thăm thẳm liền dài, nhuần diệu sắc,
Thênh thênh phúc chí nức thanh hương.
Vây nên cõi phép trũng tha tình,
Tốt được lòng người lạc thiên phương.
Gió đạo thổi đưa hòa hây hây,
Trong khi ngoạn thường rất thú lương.
Bình phong tám bức mọi đồ châu,
Đầm ám trời xuân ngọc một bầu.
Mây Thụy soi soi tuyền bảo các,
Non nhân rập rập đối chung lâu.
Mở đường tể độ là ơn rộng,
Song cửa tử thông tỏ đạo mầu.
Thắng lâm luận đây làm phẩm nhất,
So trong tình giới há nhường đâu.*

Đến thời Nguyễn, đời vua Tự Đức, Tổng đốc Hà Nội là Tôn Thất Bật theo nền chùa cũ, xây lại, giữ được một số đá xanh chạm hình hoa sen là đá ở tháp Báo Thiên, đá chạm hình bát giác là đá ở bệ tháp từ thời Lý.

Hồi người Pháp sang cai trị, họ phá chùa này, lấy đất xây nhà thờ lớn Hà Nội. Vị trí chùa cũ nằm từ phía bên phải đền Lý Quốc Sư đến đầu phố Nhà Chung, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Đọc giả muốn tham cứu thêm về chùa Sùng Khánh Báo Thiên, tháp Báo Thiên có thể tìm đọc các sách:

Trung Quốc: *Quách Thị Nam Chinh, Triệu Thị Chinh tiểu Giao Chỉ ký*.

Việt Nam: *Việt Sử Lược (Lý kỷ), Đại Việt Sử Ký Toàn Thư (Lý kỷ, Thánh Tông kỷ), Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục, Đại Nam Nhất Thống Chí, Hoàng Việt Địa Dư Chí, Bắc Thành Địa Dư Chí Lục, Thăng Long Cổ Tích Khảo, Hà Nội Địa Dư, Hà Nội Sơn Xuyên Phong Vực, Đại Việt Địa Chí, Hoàng Việt Thi Thuật, Khâm Định Thăng Bình Bách Vịnh, Ngự Đề Thiên Hòa Doanh Bách Vịnh, Toàn Việt Thi Lục, Tang Thường Ngẫu Lục, Long Biên Bách Nhi Vịnh*.

Thần khí thủ nhĩ: Tượng Phật Quỳnh Lâm

Thần khí thủ nhĩ là một tượng Phật Thích Ca Mâu Ni cao hai trượng. Trên thân tượng ngài cho yếm 18 viên Xá Lợi của 18 vị bồ tát Đại Việt, 360 hạt đá linh khí lấy từ 360 đền thờ chư thánh Đại Việt. Theo quan niệm thời Lý thì: Phạm các bậc đại giác như Phật, Bồ Tát, La Hán, thường phân thân đi khắp nơi, làm đủ mọi loài để cứu độ, để thuyết pháp. Các vị ấy có thể là Bồ Tát phân thân, cũng có thể là quý A-Tu-La. Danh hiệu 18 Bồ Tát Đại Việt như Tỳ ni Đa Lưu Chi, Pháp Hiền, La Quý An, Sùng Phạm, Bồ Đại, Vạn Hạnh v.v... Còn 360 thánh là Phù Đổng Thiên Vương, thánh Tản, Chủ Đạo Tổ, Công chúa Tiên Dung, Vạn Tín hầu Lý Thân, Cao Cảnh hầu Cao Nỗ, Trung Tín hầu Vũ Bảo Trung,

Phượng Chính hầu Trần Tự Minh, vua Trưng cùng 162 anh hùng thời Lĩnh Nam v.v...

Cũng theo quan niệm đời Lý, như vậy pho tượng là tượng đức Thích Ca Mâu Ni, nhưng yếm tâm toàn là chữ Bồ Tát, chư Thần linh Đại Việt. Do thế anh linh của các ngài tập trung lại, mạnh vô cùng. Tượng đúc xong hai ngài cho đặt ở chùa trong núi Quỳnh Lâm, thuộc trấn Đông Triều, mặt hướng về phường Bắc. Như vậy linh khí chữ Bồ Tát, chư Thần vũ trấn Bắc, vũ trấn biển Đông. Từ đây, và mãi mãi, khi pho tượng còn, thì Trung Nguyên không thể đánh chiếm Đại Việt ta được nữa.

Chùa Quỳnh Lâm được kiến tạo vào đời Lý Thái Tổ (1010-1028), tường xây bằng đá, mái lợp ngói, rất hẹp, là nơi cho dân làng tới niệm Phật, chứ không có Tăng Ni trụ trì. Năm 1070, Thiền sư Từ Đạo Hạnh quyền giáo được rất nhiều tiền. Ngài cho xây dựng qui mô, rồi đúc tượng. Từ ngày an vị tượng, đêm đêm hào quang chiếu sáng rực một vùng, dân chúng đến lễ bái rất đông. Chùa tọa lạc tại núi Quỳnh Lâm, xã Hà Lôi, huyện Đông Triều, tỉnh Hải Dương. Nay thuộc tỉnh Quảng Ninh. Từ khi ngài Minh Không, Đạo Hạnh an vị tượng quốc bảo, chùa trở thành danh tiếng. Sang đời Trần, Thiền sư Pháp Loa trụ trì tại đây. Chùa có viện Quỳnh Lâm rất lớn, làm nơi giảng kinh. Từng truyền viện có thể thu nhận tới ba nghìn người một lúc. Lại có am Bích Động để tọa thiền. Một Phò mã họ Vũ đời Trần cúng 20 mẫu ruộng. Quan Tú Đồ Văn Huệ Vương Trần Quang Triều và Công chúa Thượng Trân cúng 900 lượng vàng để đúc tượng Di Lặc. Chùa sở hữu tới trên nghìn mẫu ruộng, tá điền nghìn người. Đường thời chùa được tôn làm "*Thiên Nam Đệ Nhất Danh Lam*". Trong thời gian 1285 đến 1315 chùa nổi danh cùng với chùa Vân Yên ở núi Yên Tử, chùa Báo Ân (Tứ Quang) ở làng Siêu Loại.

Khi giặc Minh xâm lược Đại Việt (1407) chùa bị phá hủy, tượng Phật Quỳnh Lâm bị cướp mang về Kim Lăng. Đầu đời Lê, chùa được dựng lại.

Vào thời Vĩnh Khánh (1729-1732) Uy Nam Vương Trịnh Giang cấp tiền, rồi lấy dân ba huyện Đông Triều, Thủy Đường, Chí Linh, tu tạo qui mô, bày trí lộng lẫy. Đến đầu đời Vĩnh Hựu (1735-1746), lại lấy dân các huyện Hiệp Sơn, Thủy Đường, Đông Triều, Kim Thành và Thanh Hà sửa sang lần nữa, rộng lớn hơn.

Đến thời Nguyễn, nên hiệu Thiệu Trị thứ sáu (1845) chùa bị bọn Thổ-phi người Tàu đốt cháy mất chính điện và tiền đường. Tất cả các tượng gỗ đều cháy, duy tượng vua Trần Nhân Tông là còn nguyên.

Đọc giả muốn tham cứu thêm về chùa, tượng Phật Quỳnh Lâm, có thể tìm đọc thêm các sách:

Trung Quốc: *Quách Thị Nam Chinh, Triệu Thị Chinh tiểu Giao Chỉ ký, Nam Hải Chú Thần Cáo Lục*.

Việt Nam: *Lục Vân Địa Chí, Kiến Văn Tiểu Lục, Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí, Hoàng Việt Địa Dư Chí, Thoái Thúc Ký Văn, Đại Nam Nhất Thống Chí, Đồng Khánh Địa*

Dư Chí Lược, Bắc Kỳ Giang Sơn Cổ Tích Danh Thắng Bị Khảo, Việt Nam Địa Dư Chí, Đại Việt Địa Chí.

Thần khí thủ ba: Vạc Phổ Minh

Thần khí thủ ba là cái Vạc lớn an vị tại chùa Phổ Minh thuộc trấn Thiên Trường. Nguyên niên hiệu Thuận Thiên thủ mười chín (1028), trong lúc chư vương nổi loạn, Ngô Quốc quận vương Trần Tự Mai (người Việt) cùng Công chúa Huệ Nhu (người Tống) đem anh hùng võ lâm Trung Nguyên về giúp Khai Quốc Vương đánh dẹp. Nhân đó Vương xây chùa Phổ Minh tại trang Thiên Trường để cầu phúc cho thân mẫu. Nay hai Thánh Tăng cho đúc Vạc, xây bệ đặt tại chùa. Vạc nặng ba vạn cân (13 tấn ngày nay), phía ngoài có hình rồng quấn xung quanh, và hình chim âu dang bay. Đầu rồng, đầu âu nghếch lên trên vành Vạc để quy linh khí của Quốc Tổ Lạc Long Quân, Quốc Mẫu Âu Cơ. Thành Vạc khuyết 100 lỗ hình như quả trứng, trong mỗi lỗ khuyết đặt một tượng rồng vàng, để quy liễm linh khí trăm con của Quốc Tổ, Quốc Mẫu. Bệ Vạc khắc tên tất cả các vị vua tộc Việt. Cao nhất là vua Kinh Dương, gần nhất là vua Thánh Tông; để anh linh các tiên đế tụ lại, phù hộ cho dân giàu, mưa thuận gió hòa. Sau khi an trí Vạc xong, thì ngay đêm đó, trên không có tiếng nhã nhạc vang lừng, rồi hàng vạn con hạc từ đâu về bay lượn, hào quang từ trong chùa chiếu ra sáng rực. Ngài Minh Không thấy vậy, mới nói rằng: "*Không ngờ linh khí tụ nhanh như vậy. Sau đây hơn trăm năm, sẽ có giặc phương Bắc, thiên hạ không ai đương nổi. Đất này sẽ có một vị đại thánh giáng trần phá giặc đờ*".

Chùa Phổ Minh ở xã Tức Mặc, nay là Lộc Vương, ngoại ô thành phố Nam Định. Từ khi Bồ tát Minh Không đúc Vạc, an vị, thì chùa trở thành danh tiếng. Đây là nơi phát tích ra dòng dõi các vua Trần sau này. Sau khi họ Trần lên làm vua, các thân vương được cất đất phong khắp nơi, nhưng mỗi thân vương đều được cấp một khu đất nhỏ ở Tức Mặc, gọi là cổ trạch, có nghĩa là đất cũ.

Đúng như lời tiên đoán của Minh Không bồ tát, sau khi an vị Vạc Phổ Minh, vùng Tức Mặc quy liễm được nhiều khí thiêng của trời Nam, nên Đức Thánh Trần mới giáng sinh, đánh bại quân Mông Cổ ba lần.

Đức Thánh là con của vua An Sinh Vương Liễu, sau khi thắng giặc, vua Nhân Tông cất nhiều ấp giàu có phong cho ngài, ngài không nhận, và vẫn ở Yên Bang là ấp của An Sinh Vương. Tại Tức Mặc, cổ trạch của ngài nằm ngay cạnh chùa Phổ Minh.

Niên hiệu Thiệu Long thủ nhĩ (1262) đời vua Trần Thánh Tông, dựng cung Trùng Quang ở gần và cho tu sửa chùa, làm chỗ nghỉ ngơi của Thái Thượng Hoàng.

Niên hiệu Hưng Long thứ 13 (1305) đời vua Trần Anh Tông, cho xây tháp 14 tầng trên 12 bậc gạch, cao hơn 20 thước bằng đá quý, gạch nung trang trí hình rồng lượn, với chữ "Hưng Long Thập Tam Niên".

Sau khi vua Trần Nhân Tông băng hà, nhục thể đem thiêu, triều đình đem bảy viên Xá Lợi đặt trong tháp để thờ phụng. Chính vua Trần Minh Tông có thơ đề:

Đề Phổ Minh tự thủy tạ

*Huân tận hưởng dầu mỡ tỏa hương,
Thủy lưu sơ khởi bắt da lưng.
Lão dung ảnh lý tăng khai bế,
Đệ nhất thiên thanh thu tử trường.*

Đào Thái Tôn dịch như sau:

Đề ở nhà thủy tạ chùa Phổ Minh

*Hương cháy ngàn tấm khắp chốn thơm,
Nhẹ thơm dòng nước khởi lan nồng.
Đa già rợp bóng, sử cài cửa,
Một tiếng ve kêu, thu rộn buồng.*

Năm 1426, Vương Thông bị Bình Định Vương Lê Lợi đánh bại, có người mách với y rằng: Sở dĩ người Việt nổi lên bại được quân Minh là do Nam Thiên tử khí. Vương Thông sai quân hủy Vạc Phổ Minh cùng với đỉnh tháp Báo Thiên, tượng Phật Quỳnh Lâm, nói thác rằng để đức sủng đạn.

Tiến sĩ Bùi Huy Bích (1744-1818) có bài thơ Du Phổ Minh Tự dưới đây:

*Loạn hậu trùng tầm đảo Phổ Minh,
Nhân hoa dã thảo mẫn nham quyên.
Bi văn tước lạc hòa yên bích,
Phật nhân thế lưỡng chiếu dạ thanh.
Pháp giới dữ đồng thiên quang đại,
Thổ nhân do thuyết địa anh linh.
Liều liêu cổ đỉnh kim hà tại?
Thức đắc vô hình thắng hữu hình.*

Ngô Đức Thọ dịch như sau:

*Sau loạn tìm về đến Phổ Minh,
Hoa đồng cỏ nội ngút trời xanh.
Văn bia sứt mẻ nhòa mây khói,
Mắt Phật ầu sầu chiếu ngũ canh.
Cõi phép cùng trời bao rộng lớn,
Người đây vẫn nói đất linh thiêng.
Nào lòng đỉnh cổ rày đâu tá?
Mới biết vô hình thắng hữu hình.*

Hiện nay (1996), Vạc không còn nữa, nhưng tháp, chùa Phổ Minh vẫn còn đó. Chùa, tháp cùng với đền thờ các vua Trần, đền thờ Hùng Đạo Vương ở cạnh nhau. Du khách muốn hành hương, có thể về Nam Định, rồi dùng xe, đi về hướng Bắc thành phố, qua khu Lò Trâu, tới những đoạn sông Vỹ Hoàng chỗ còn, chỗ bị lấp, quẹo trái là đến khu di tích lịch sử này. Đầu tiên là cái sân ngoài, có cây đa cổ. Qua lần cổng thứ nhất tới cái hồ. Đi vòng qua bờ phải hồ, tới đền thờ Đức Thánh Trần. Vòng qua trái hồ là đền thờ các vua Trần. Bên trái đền thờ vua Trần là tháp và chùa Phổ Minh. Trong đền thờ Đức Thánh Trần cũng như các vua Trần còn giữ được khá đầy đủ tượng, câu đối, hoành phi cổ.

Tháp Phổ Minh hiện được các nhà sản xuất tranh sơn mài, các họa sĩ dùng làm

cảnh tiêu biểu cho di tích lịch sử, văn hóa Việt Nam. Nếu đi sâu vào Túc Mặc còn có lăng Đức Thánh Trần và vương phi, nhưng lăng này là lăng vọng, chủ không phải lăng thực.

Độc giả muốn tham cầu về chùa, tháp Phổ Minh, có thể đọc thêm các sách:

Trung Quốc: *Quách Thị Nam Chinh, Triệu Thị Chinh tiểu Giao Chỉ Ký, Giao Chỉ Linh Thần Ký Sự.*

Việt Nam: *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư (đệ ngũ kỷ), Hoàng Việt Nhất Thống Địa Dư Chí, Đại Việt Địa Chí, Nam Định Tỉnh Địa Dư Chí, Phương Đình Mạn Hủng Tập, Tồn Thi Cảo, Đại Nam Nhất Thống Chí, Đồng Khánh Địa Dư Chí Lược, Toàn Việt Thi Lục.*

Thăng Long cổ tích khảo lại chép rằng: Đền Kim Ngưu ở thôn Tây Hồ, phường Vông Thị, Thăng Long; nay thuộc quận Ba Đình, Hà Nội. Tương truyền hồi Cao Biền làm An Nam đô hộ phủ, thường đi khắp các danh lam, địa linh nước ta đặt bùa yểm long mạch. Khi Biền đào sông yểm núi Long Đọi (huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam Ninh), sơn thần núi ấy thấy nguy, hóa hình thành con trâu vàng, bơi qua sông Đuồng Giang lên phía Bắc, rồi dừng lại ẩn náu ở vùng hồ Tây gần thành Đại La (Thăng Long). Những đêm trời đẹp, dân chúng thấy trâu vàng hiện lên ở bãi sông. Nhân đó lập đền thờ.

Thuyết này không hợp với các sự kiện lịch sử, tôi bỏ qua.

Bào khí thủ tú: Chuông Ngân Thiên

Bào khí thủ tú là chuông Ngân Thiên, để tại chùa Chúc Thánh trên núi Phả Lại, thuộc lộ Đông Triều. Huyền sử nói: Hai ngài, chỏ chuông về treo ở chùa Chúc Thánh là nơi xuất thân của Minh Không bồ tát. Sau khi dùng chuông Ngân Thiên gọi con Kim Ngưu từ núi Thái Sơn về hồ Tây (Tín ngưỡng, người Hoa tin rằng con Kim Ngưu tượng trưng cho linh khí Thiên hạ), ngài Minh Không, Đạo Hạnh thấy rằng thần linh Đại Việt tuy nhiều, nhưng ác quỷ, ác ma không thiếu. Lại nữa sau những lần chiến tranh Hoa-Việt, binh tướng Trung Quốc bỏ mình tại Đại Việt không biết bao nhiêu mà kể. Một số đã trở về quê quán, một số đã đi đầu thai. Một số vì quá uất ức không siêu thoát được, vẫn chập chờn đi lại trên đất nước ta. Hai ngài bèn chiêu hồn họ về chùa Sùng Khánh Báo Thiên để làm chay giải oan cho họ. Kốn thay, có một số không tuân, cứ vô vấn chỏ quân Tống đến Thăng Long là trợ giúp. Các ngài đành thu tất cả hồn phách họ vào chuông Ngân Thiên rồi dùng thuyền chở về chùa Chúc Thánh. Trong khi đi đường, có không biết bao nhiêu oan hồn tử sĩ Trung Quốc trầm dưới đáy sông, không sao lên được. Chúng làm sóng làm gió giúp quân Tống. Vì vậy, hai ngài đành tung quyền thu hết hồn chúng vào trong chuông, rồi ném xuống sông Lục Đầu.

Nhiều thuyết nói rằng Nam Thiên tử khí là tượng Phật Quỳnh Lâm, đỉnh tháp Báo Thiên, Vạc Phổ Minh và chuông Quy Điền, thực làm lớn. Vì chuông Quy Điền không do ngài Minh Không, Đạo Hạnh đúc.

Chùa Chúc Thánh còn gọi là chùa Phả Lại. Đây là một trong những ngôi chùa danh tiếng trong Thiên Sư Việt Nam. Chùa ở trên núi xã Phả Lại, huyện Quế Dương, tỉnh Bắc Ninh. Nay là huyện Quế Võ, tỉnh Hà Bắc. Chùa được xây vào niên hiệu Thuận Thiên thứ mười tám (1027) đời vua Lý Thái Tổ. Chính sư Minh Không, Chân Không đã tu ở đây. Sau này, vua Trần Nhân Tông đi tu cũng có lần đến đây giảng kinh.

Vị đại thần cuối đời Trần là Nguyễn Suông qua đây cảm tác một bài thơ nhan đề Phả Lại sơn tự:

*Thế áp ngao đầu, thống bách man,
Chủ ba cô diệu tịch đường gian.
Giang bàn lão tưởng luận binh địa,
Vân ứng tiên hoàng trách tích san.
Tuế nguyệt xâm xâm phong bán lạc,
Thủy tiên mạc mạc diệu song hoàn.
Thắng du phủ ngưỡng thành trần tích,
Liêu vị bằng cao phá lũ nhan.*

Huệ Chi Phạm Tú Châu dịch như sau:

*Thế đè cá dữ cần trăm nơi,
Sóng bãi, chiều buông cánh nhọn côi.
Vua dùng gậy thiền, non khói phủ,
Tướng bàn chiến sự, bãi sông bồi.
Lá phong rụng nửa, năm theo tháng,
Chim chóc về đôi, nước lẫn trời.
Chớp mắt cuộc chơi thành dấu cũ,
Lên cao, lũ khách hãy tưới cười.*

Còn rất nhiều danh sĩ làm thơ ca tụng cảnh chùa Chúc Thánh, chép hết vào đây, e dài dòng quá.

Độc giả muốn tham cầu thêm về chùa Chúc Thánh, xin đọc thêm các sách:

Trung Quốc: *Quách Thị Nam Chinh, Triệu Thị Chi tiểu Giao Chỉ Ký. Giao Chỉ Linh Thần Ký Sự.*

Việt Nam: *Toàn Việt Thi Lục, Lã Đường Di Cảo, Hoàng Việt Thi Tuyển, Nam Việt Địa Dư Chí, Hoàng Việt Địa Dư Chí, Thiên Uyển Tập Anh, Đại Nam Nhất Thống Chí, Bắc Thành Địa Dư Chí, Bắc Ninh Tự Miếu Bi Văn, Bắc Ninh Toàn Tỉnh Địa Dư, Đồng Khánh Địa Dư Chí Lược, Nam Sử Lược Biên.*

Đây, huyền sử về con Kim Ngưu ở hồ Tây là như thế đó. Nhân đầu năm Đinh Sửu, tôi lược thuật, để giúp những độc giả còn chút lưu luyến quê hương, đọc... trong lúc chốc quý độc giả khỏe như trâu và Vạn sự nguyện đắc như sở cầu. Những vị nào muốn hiểu cận kề về con Kim Ngưu cũng như Nam Thiên tử đại thần khí xin đọc Nam Quốc Sơn Hà, cùng tác giả, 5 quyển, 2230 trang, do Đại Nam, Hoa Kỳ xuất bản.



LÒNG CON, QUÊ NỘI

• *Thiện Vân*
Nguyễn Văn Chương

Thay lời tựa

Khởi đầu ngồi viết bài này, tôi chỉ mang trong tâm một niềm tin có được khi về đất Phật, tôi muốn kể lại đây để các bạn đồng hành cùng nhớ lại những hình ảnh nói Thánh địa, cùng tưởng lại những rung cảm tùy mức độ trước hào quang của Đức Thế Tôn tại mỗi Động tâm. Tôi không nghĩ tới tiêu đề của bài này. Nay hoàn tất, ngồi đọc lại, tôi thật bối rối khi các tác giả viết về các cuộc hành hương chiêm bái đều cho bài viết của mình một tên như: Đường Không Biên Giới, Lòng Tử Đức Phật, Trở Về Thánh Địa, Viếng Thăm Vùng Đất Hỏa... thì kẻ hậu sinh này sẽ phải chọn một tên mới sao cho thích hợp và không trùng với tên đã đặt của các bậc Tiền bối. May mắn thay khi cầm tới cuốn sách của hai Thầy Hạnh-Tấn, Hạnh-Nguyên viết về chuyến hành hương năm trước với tên *Xứ Phật Tinh Quê*, thì tôi liền viết ngay một số tiêu đề: *Đường Về Quê Nội, Về Thăm Quê Nội, Quê Nội Nhiệm Mầu, Quê Nội và Đức Tin, hay quá khích hơn, Nội Ở Con Về Đây!*, để dung hòa tôi chọn **LÒNG CON, QUÊ NỘI**.

Ngày 23/11/96

Suốt đêm 22 rạng ngày 23, tôi không tìm được một giấc ngủ bình thường như mọi ngày, lòng nao nức như chờ mong một cái gì, giống như một đứa trẻ được mẹ hứa ngày mai cho về thăm quê nội sau nhiều năm tháng ước mơ, mặc dù đã cố trấn tĩnh rằng cái gì đến sẽ đến, nhưng vẫn không thể tự tại được.

03g00 sáng, kiểm soát lần chót những gì mang theo, mặc dù đã hình dung được sự nặng nhọc vất vả của cuộc hành trình sắp tới, nhưng vẫn có ý niệm làm sao có đủ thuốc men cần thiết cho mọi người và cho mình, quần áo nhẹ và nhất là dụng cụ khâu hình, cũng ước mơ sao không để phí bất cứ một chi tiết nhỏ nào của cuộc hành trình ngoạn mục ngàn năm một thuở này.

04g30 sáng, Bác Thiện Nghĩa, người đồng hành cùng tính tới để cùng chờ xe đón, đưa đi phi trường Stuttgart.

04g45 sáng, xe tới đón, cả hai anh em "lão ông" lên xe nói chuyện như hai đứa trẻ đùa hề về thăm nhà, sau một thời gian vắng bóng, bên cạnh những người bạn Đức cùng

chuyến gặt gù vì giấc ngủ chưa được no tròn.

06g00 tôi phi cang Stuttgart, sau khi tái ghi chỗ ngồi trên phi cơ, gọi hành lý và được hướng dẫn ra của nơi phi cơ đậu, hai anh em ngồi nhìn đồng hồ lặng lẽ chậm chậm "đi" với lòng nôn nóng như trẻ chờ quà của mẹ hứa cho trước khi đi chợ.

07g15, theo đoàn người cùng lên phi cơ, chúng tôi gặp một anh bạn trẻ tại Spaichingen tới cùng tháp tùng, cả ba ngồi bên nhau trên tuyến bay Stuttgart-Amsterdam. Sau khi nhận phần quà sáng tử tay cô chiêu đãi viên hàng không kèm tấm giấy nhỏ "phần ăn chay" không ai bảo ai có cùng một ý tưởng. Thầy chu đáo quá, đến ngay cả chi tiết nhỏ này cũng không quên. Tôi nghĩ, trăm công nghìn việc, mà phong thái cử xử thận trọng, tế nhị, tỉ mỉ như một bà mẹ hiền, Ôi cao quý thay!

08g30, phi cơ hạ cánh tại phi trường quốc tế Amsterdam, sau một giờ bay. Cả ba đi về cửa F6 để chuyển chuyến bay đi New Delhi. Vừa ra khỏi trạm kiểm soát đã thấy Thầy đứng đón với nụ cười hiền hòa, Thầy hỏi thăm sức khỏe, và cho biết đã đến đây với Phật tử tại Hannover và Berlin. Thầy chỉ chỗ và dặn nghị cho khỏe vì còn tiếp tục cuộc hành trình với 8 giờ bay kế tới. Rồi Thầy lại ngồi lặng một mình gạch tên những người đã tới, tự tại chờ những người sắp đến. Tuần tự, tất cả các nhóm từ Pháp tới, Hoà-Lan tụ tập về, Đức sang, ngồi vui vẻ nói về các dự tính cho chuyến hành hương này.

10g30, chỉ còn 25 phút nữa là phi cơ cất cánh, sao hai nhóm Köhl và Düsseldorf chưa thấy tới, ai cũng nôn nóng trong im lặng, nhìn về phía Thầy, nơi tiếp nhận, Thầy vẫn bình thản, tự tại như thủ thỉ thách với thời gian. Cái tú thế trầm lặng và khoan thai của Thầy, tôi nghĩ, đây là một bài học quý giá về chủ nhân mà chỉ có nơi các thiền sư mà thôi!

10g40, tất cả đã tề tựu đủ, Thầy tập hợp và trao hai lá cờ Phật Giáo cho hai vị cao nhất để hướng dẫn phái đoàn, vì đoàn còn quá xa lạ với một cuộc hành hương đầy phần khởi, lần đầu tiên trong cuộc đời.

Tất cả hí hửng cười nói, quên đi sự yên lặng cần phải có của một phi trường Âu Châu vẫn bình.

Họ theo Thầy như một đoàn chiến lành theo Chúa, Thầy đi nhanh, họ đi nhanh, Thầy đi chậm, họ đi chậm, Thầy quay nhìn để kiểm soát, họ cũng nhìn theo, sợ như mình không làm giống thì e có sự gì sai trái. Cầu xin Phật Tổ cho Thầy có đầy đủ sức

khỏe để chỉ đạo, khai sáng cho chúng con biết làm sống tâm Phật, sống đúng theo ý nguyện của Đạo.

11g30, chậm đúng 35 phút, phi cơ chuyển mình, lần từ từ ra phi đạo. Tất cả phái đoàn đều đã nịt chặt trên ghế trong lòng con chim sắt 747 khổng lồ mang tên Kim-Loan (KLM) với 875 tuổi đời chông chất (số máy bay 875).

Sau một phút chạy gấp gành trên phi đạo, con tàu sắt rú lên lấy đà, tung cánh từng bậc bậc cao cho tới 8488m, bỏ lại sau lưng những gì không đáng nhớ của đám người lưu vong nhận Âu Châu này làm đất hứa. Càng lên cao, nhiệt độ càng xuống thấp. Trên màn ảnh truyền hình, người hoa tiêu cho biết: cao độ đã đạt trên 8000 m, tốc độ 900 km/h trong cái lạnh -52 độ khủng khiếp, những đám người hành hương không cần chú ý đến các chi tiết ấy, họ chỉ biết đứng bay về Thánh Địa. Họ sắp thấy những gì mà họ đã đọc trong kinh sách, hay qua các lời giảng mà khi đó không một hy vọng mong manh thấy được hay sờ mó được. Họ nôn nóng, giết thì giờ bằng những câu chuyện hài hước qua thuyết định mệnh vu vơ. Họ vui như các cô cậu tú báng hồ đề tên. Thầy vẫn trong tú thế thiền bất động, mà động, Thầy ngồi đây mà chắc Thầy đường kiểm soát từng chương kế hoạch cho cuộc hành trình, cho việc chùa cuối năm, cho Phật sự Âu Châu, Phật sự thế giới. Thầy, thân xác ở đây với "bầy trẻ" háo hức, nhưng tú tưởng Thầy đang bao trùm cả một vùng bao la Phật Tử hải ngoại, cho Phật Tử và đồng bào trong nước. Xin Phật Tổ gia hộ cho Thầy có đủ nghị lực và sức khỏe trường tồn để chỉ đúng đường nẻo cho chúng con cầu tu về Tịnh Độ và cứu nguy cho Phật tử, đồng bào trong nước.

Sau một giờ bay, vú già Kim-Loan mang tới cho chúng tôi một phần ăn chay tay cầm với đủ loại đậu hấp chà nhũ, với bobo nấu bấp, cùng cam, quýt, nho, olive, táo... cát con cò, trộn lẫn với nhau như món "tả pín lủ" của Trung Hoa hay "bui-a-bét" của Tây, mà do các em nhỏ nấu chơi đình đám của thời đại 50 năm về trước khi Việt-Nam còn một thuở thanh bình với chính phủ Trần Trọng Kim.

19g30, giờ Âu Châu và 00g45 giờ Ấn Độ, phi cơ giảm tốc và độ cao, từ từ đáp xuống phi trường quốc tế Tân-Đề-Li. Vừa ra khỏi cầu thông tú phi cơ tới phi cang, thì ôi thôi! Tại sao đây cũng có cảnh tượng bến xe An-Đông, bến xe Bình Tây, của một Saigon trước 75?

Cái không khí trang nghiêm yên lặng của các phi trường Frankfurt, De Gaulle, Toronto, Boston, Texas, Orly... tan biến, nhường chỗ cho một cảnh náo nhiệt, ồn ào vô trật tự.

Thầy dặn, Thiện Vân ra đó trước đi, hành lý nào có buọc dây màu vàng là của đoàn, lấy xuống gom vào một chỗ. Tôi vừa đi vừa nghĩ, lấy hành lý cho một đoàn người từ bốn phương tới, không biết tên không biết số lượng thì làm sao mà làm việc, nhưng tôi đã nghĩ sai, Sợi dây vàng là cái kinh nghiệm già dặn, một bài học cho tôi, khi Thầy dẫn đoàn người ra tới vòng quay trả hành lý, thì chúng tôi cũng vừa hoàn tất công tác, kiểm soát xong, Thầy cho lệnh di chuyển ra khỏi phi cang.

Ra khỏi phi cảng thì cảnh níu kéo của "lữ" xe tại các bến Cần-Thở, Mỹ-Tho, Long-An, lại tái diễn. Tôi không biết hiện giờ tôi ở đâu? tại nhà ga Huế, Nha-Trang hay Sài Gòn? tôi đi là bị dồn đứ, không chủ đích, mãi đến khi nghe thấy tiếng "Mô Phậ" của Thầy Hạnh-Tấn chào, tôi mới trở về thực tại... Sài Gòn yêu ơi! những cảnh bến xe xưa, nhà ga cũ, đã kéo tôi lui lại hơn 20 năm về trước. Tôi đã ngỡ ngàng trong thực tại, tôi đã quên tôi tại Tân-Đê-Li, tôi nhìn quanh để kiểm những hình ảnh xưa, những người yêu dấu xưa đã cùng tôi trên các bến ấy, mà ngày nay chỉ còn là các bóng hình trong ký ức... Chiếc khăn quàng trắng chòng vào cổ tôi và tiếng Thầy nói "Người ta chúc phúc đấy" kéo tôi về hiện tại. Trước tôi là một nhà sư Tây-tạng với áo cà sa màu dả, nhìn tôi thật hiền từ, người nói gì tôi không hiểu, nhưng cảm nghĩ đây là lời chào chân thành và chúc mừng cho tôi có cái cơ may về thăm viếng đất lịch sử này.

01g15, giờ địa phương, Thầy Hạnh-Tấn, cùng với các quý vị Tăng, Ni đứng du học tại đây hướng dẫn hai chiếc xe Bus đưa phái đoàn Âu Châu về lưu trú tại một khách sạn. Xe số 1, đường lác lủ trên đường đay ổ gà, Thầy Hạnh-Tấn cũng nghiêng ngả chào mừng Phái đoàn, nói qua về những bước khó khăn của tổ chức, nhưng với quyết tâm thắng khó thắng khổ để mang lại an vui cho Phái đoàn, đã khiến tôi liên tưởng tới bài giảng về bốn chữ "Tứ Bi Hi Xả" của các giảng sư trong khóa tu học Phật Pháp Âu Châu kỳ 8 tại Hòa-Lan.

Thầy Hạnh-Tấn, còn dường tuổi thanh niên, hăng say với chủ đích, mà Thầy đã biết quên Thầy vì mọi người, ánh đạo vàng đã hun đúc thành những con người như thế sao?

Xe thắng dần, cắt đứt luồng tư tưởng của tôi, Thầy hướng dẫn mọi người vào khách sạn, tụ tập, phân phối, trao chia khóa và dặn công việc ngày kế tới. Tất cả nhẹ nhõm, chia tay về phòng tắm rửa và tìm một giấc ngủ ngon lành sau một ngày bay mệt mỏi.

Ngày 24/11/96

Sau 3 giờ miên thiền, không mộng mị, tôi đã tỉnh giấc và vào lúc này tôi mới có đủ tỉnh thần để ngắm nhìn quanh mình. Khách sạn 5 sao này so với Âu-Châu thì chỉ kém về các máy móc tối tân mà thôi, nó cũng có đủ tiện nghi một phòng hai người có tủ lạnh truyền hình, điện thoại 2 chiếc, bàn ghế cố có dáng của thế kỷ thứ 18, 19. Bồn tắm tuy xưa song cũng có nước nóng nước lạnh, khăn tắm xà phòng dao cạo râu..., trong phòng ngủ có giấy viết thư, giá biểu giặt đồ, cách thức gọi phục vụ,

05g30, thành phố đã thức dậy, tiếng xe, tiếng còi, tiếng gọi nhau đi đi đã xua đuổi màn đêm yên tĩnh. Từ cửa sổ nhìn xuống cảnh tượng giao thông, buôn bán đã tấp nập ở đường xa, những quanh tôi, khách sạn vẫn còn ngủ, bể bơi, vườn dạo, thảm cỏ, sân banh vẫn lặng lẽ trong ánh vàng hữu hắt.

07g00, chúng tôi xuống tụ tập nơi phòng ăn sáng, dùng điểm tâm với bánh mì nướng, bánh croissants, bánh bía bánh bông lan, các loại mứt, cà chua nướng... trái cây gồm chuối, cam, quýt, măng cầu...

07g30, tất cả kéo xuống phòng khách để chờ đi xem một vài thắng cảnh tại New Delhi.

08g00, hai chiếc xe Bus đến đưa chúng tôi đi, đường phố trong thành xe chạy như mắc cửi tuy có đèn xanh đèn đỏ, làn trắng cho khách bộ hành băng qua, làn vàng ranh giới cho hai chiều lưu thông, các bảng chỉ dẫn... song các thủ đó chỉ để làm cảnh, ở những nơi không có cảnh sát công lộ. Ấy thế mà không có nạn kẹt xe hay tai nạn. Chúng tôi ngồi trên xe đôi lúc nín thở vì sợ. Nghĩ rằng sau 15 ngày theo bác tài này thì chắc khi trở về Đức sẽ mang bệnh đau tim. Đường ở ngoại ô, thì ôi thôi, ổ gà cách nhau không đầy thước, đường nhựa lầy đất làm bờ, ai non tay lái thì lúi xe ra bờ đất, tung bụi đường mờ mịt, ai gan dạ thì đường nhựa phong phong, xe chạy 30 km/h mà ai cũng muốn nhào ruột... Chúng tôi đường lác lủ vận mình thì Thầy hướng dẫn cho biết ở phía bên trái là Thành Đỏ (Red Ford). Từ xe nhìn vào Thành Đỏ là một bức tường màu đỏ xây gạch cao khoảng 18 m ở mé sông, cứ cách khoảng 100m lại có một vọng gác hình trụ, mé thành phố thì cao hơn độ 33 m, dài chừng 2 km, bao bọc một khuôn viên rộng lớn thuộc cứu Delhi. Thành xây khoảng 10 năm (1638-1648). Tôi liên tưởng tới bức tường Bá-Linh, không biết mặt trong có bãi mìn và dây kẽm gai hay không?, nhưng phía ngoài thì dân vô gia cư của thành phố thì cắm dùi khá đông đảo, căng lều ở tạm muốn nằm và phóng uế vô trách nhiệm, nên Thầy hướng dẫn khuyên nên ngồi xe mà xem còn chút cảm tình chủ xuống coi thì chắc không bao giờ dám sang xứ Ấn! Về phía phải là nghĩa trang của dòng họ Thánh Cam Lộ (Gandhi).

10g30, chúng tôi dừng lại trước Viện Bảo Tàng Quốc Gia với nhiều di tích khai quật ở khắp Ấn Độ. Trong Viện Bảo Tàng chúng tôi được chiêm bái ngọc Xá Lợi của Đức Thế Tôn, có rất nhiều tượng Phật, tượng Thánh bằng đồng, đá, gỗ... có từ thế kỷ 2, 3 trước TL đến thế kỷ 15, 16 sau TL. Tại đây vì quá cứng nhắc tuân hành kỷ luật như ở Âu Châu, nên tôi đã nộp máy quay phim một cách ngu xuẩn, nên không có hình cho các bạn, trong khi đó các du khách Âu, Mỹ đã quá quen thuộc với kỷ luật "lót tay" nên họ có hình.

12g00, chúng tôi rời Viện Bảo Tàng lên xe về ăn cơm trưa, tại một nhà hàng Tàu do người Ấn nấu và quản lý. Tại đây chúng tôi được ăn một bữa duy nhất hợp với khẩu vị trong suốt 12 ngày trên đất Ấn với canh rau cải nấu đậu hủ, mì xào chay thập cẩm, nấm kho mặn...

14g10, chúng tôi đi thăm nơi hòa thiêu Thánh Cam-lộ (1869 - 1948). Nơi đây là một gò cao, rộng khoảng 2 mẫu tây, lối vào qua hai cánh cổng sắt màu đen, đi qua một sân rộng, chui qua một cửa tò vò thì đến một khoảnh đồi cao ở chính giữa có một nhà mồ bằng đá cẩm thạch màu đen mỗi chiều chừng 4m, một miếu thờ nhỏ với ngọn đèn đầu cháy muốn thuo. Thánh Gandhi thuộc dòng quý tộc, con một Bộ Trưởng. Ngài từng du học tại Luân-Đôn. Lập gia đình năm 13 tuổi. Ngài là Thủ Lãnh các cuộc đấu tranh bất bạo động với người Anh để giành quyền độc lập cho Ấn. Ấn được trả độc lập vào năm 1947. Sau vì cuộc nội chiến Ấn-Hồi, vì cuộc hiểu lầm của một thiếu số người Ấn cuồng

tín, Ngài bị ám sát vào ngày 30.01.1948. Nay tại Thánh Địa mệnh mông này làm cho tôi nhớ tới nghĩa trang Quang Trung, nghĩa trang Cộng Hòa, và tất cả nghĩa trang lớn nhỏ nằm rải rác trên toàn cõi Việt Nam đã chôn thây cả triệu chiến sĩ hai miền Nam Bắc vì muốn hòa bình tự do độc lập thực sự cho Việt Nam. Họ đã thực sự chết, nhưng con cháu họ đã nhận được gì? Miền Nam sự đói khổ tù đầy, miền Bắc cái bánh vẽ tuyệt vời của nhà cầm quyền hiện tại về lý tưởng của họ.

16g00, chúng tôi đi thăm một kiến trúc loại mới của đạo Ba-Hai, đền thờ này nằm ở phía nam Tân-Đê-Li, có hình một bông sen đường hàm tiếu, tọa lạc trên một ngọn đồi. Toàn thể kiến trúc là một màu trắng, nổi bật trên một khuôn viên xanh màu cỏ. Đền là một thiền phòng rộng lớn, mà bất cứ ai cũng có thể vào đó thiền theo ý mình, tôn giáo mình. Chúng tôi được hướng dẫn vào một thánh phòng, nơi đó một vị Mục-sư đã giới thiệu: Đạo Ba-Hai xuất phát từ Trung Đông, mang ý nghĩa hòa đồng Tôn giáo, đem con người về niềm tin dị biệt xích lại với nhau. Ngôi đền này là ngôi đền thứ bảy trên toàn thế giới, được xây bằng đá cẩm thạch của Hy-Lạp, xi-măng trắng của Đại Hàn.

18g10, chúng tôi rời đền trong cảnh chiều xuống để trở lại khách sạn Cash.

19g30, chúng tôi từng nhóm 5 người một Taxi, đi ăn tối tại một nhà hàng Nhật-Bàn ở gần nơi cư ngụ. Thật là hú vía, lên xe không biết nơi đến, nói chuyện với tài xế toàn bằng ngôn ngữ quốc tế "tay chân", xuống xe tại một khu đông đảo toàn người Ấn, hỏi bác tài, bác ta chỉ chỉ vào đồng hồ dò tiền và ra dấu loạn cào cào, nên bốn người phải đứng một chỗ, một người đi kiểm. 15 phút sau, gặp Thầy Hạnh-Tấn, tất cả mới thả ra nhẹ nhõm, rồi theo Thầy vô quán ăn.

Đây là một nhà hàng Tàu, mang tên Nhật, do người Ấn nấu, nên món ăn trở thành quốc tế, có nghĩa là chỉ cần thâu tiền chủ không cần phục vụ thực khách và món ăn. Cơm nước xong, trở về khách sạn để nghỉ lại một đêm và chuẩn bị sáng ngày hôm sau bay đi Patna, điểm gặp phái đoàn Mỹ.

Trong hai ngày đầu tại Tân-Đê-Li, đoàn đã có hai biến cố xảy ra:

1. Bác Bào, theo đoàn Frankfurt, khi tôi phi trường Tân-Đê-Li, đã tự ý tách đoàn theo nhu cầu cần thiết, khiến các Thầy hướng dẫn lên ruột, may mà bác tỉnh trí đứng "chết lạng" tại chỗ, nên khi phát hiện "thất tung", khoảng nửa giờ sau, các Thầy trở lại tìm gặp ngay, nếu bác "động tâm" chạy loạn thì giờ này chả biết bác đi về mô?

2. Tại nơi thiêu nhục thể Thánh Cam Lộ, một Phật Tử theo đoàn Hannover, đã bị "bỏ thi" tất cả tài sản mang theo cho cuộc hành hương, may thay giấy tờ lại để nơi khác, nếu không thì không biết cái gì sẽ xảy ra? *Que sera sera?*

Ngày 25/11/96

05g30 sáng, chúng tôi xuống dùng điểm tâm lần chót tại khách sạn Cash, vì 06g30 phải có mặt ở phi trường để bay đi Patna.

08g00, máy bay cất cánh, mang chúng tôi xuôi về miền Tây Nam Ấn, trên tuyến đi Calcuta.

10g00, chúng tôi có mặt tại phi trường Patna, một phi cảng nhỏ giống như phi trường Chu-Lai chỉ có một phi đạo nằm cô đôn giữa các đồng gạch, xi-măng, của các kiến trúc còn dang dở và một nhà ga bệnh hoạn rên xiết vì thời gian.

Bốn chiếc xe Bus đưa hai phái đoàn về khách sạn, trên xe tôi mới biết phái đoàn Mỹ đến từ đêm hôm qua, tá túc tại một khách sạn khác tại New Delhi và Patna là điểm xuất phát của chuyến hành hương này cho hai phái đoàn.

Trong phòng khách rộng lớn của khách sạn, các Phật Tử ngồi tụ tập làm quen, trong khi các Thầy đi lo các thủ tục cần thiết. Phái Tăng Ni bên phái đoàn Mỹ tôi nhận thấy có Hòa Thượng Pháp chủ Giác Nhiên, Thượng Tọa Giác Lương, Thượng Tọa Chơn Trí, Thượng Tọa Giác Đăng, Thượng Tọa Minh Tuyên, ... một số các Thượng Tọa, Đại Đức, Ni Sư mà tôi không được giới thiệu Pháp danh. Về phía Phật Tử tôi gặp lại ông bạn Hiến, một máy nổ trước kia ở binh chủng Không Quân, mà chỉ hai ngày sau đã chứng ngộ, xuống tóc, để trở thành chuẩn sư Bồ-đề. Một bạn đồng nghiệp, Anh Liêm, Hiệu trưởng Trường Quốc Gia Nghĩa Tử Sài Gòn, nay là một Phật Tử thuần thành do sự cảm hóa của chị Liêm một đạo. Tổng số người của hai phái đoàn đã đạt con số 120 người, khiến tại đây không chứa nổi. Phái đoàn Âu Châu phải rời sang một khách sạn khác cách nhau chừng nửa giờ xe.

12g00, chúng tôi dùng bữa trưa tại đây, rồi lại rước phái đoàn Mỹ cùng đi Tỳ-Xá-Ly.

Tỳ-Xá-Ly là vương quốc phần thịnh một thời, cách thủ phủ Patna của tiểu bang Bihar khoảng chừng 60 km. Phái đoàn từ Tỳ-Xá-Ly ngày tại trụ đá của vua A-Dục lúc 16g30. Tại đây phái đoàn đã tung một thời kinh. Trong lúc đó ở nền kế cận cũng có một phái đoàn Trung Hoa thì phải? đường dành lễ. Ngay nơi Thánh tích này chỉ còn một trụ đá, mang tượng một con sư tử ở đỉnh, đứng sừng cõ độc bên một gò đất cao và các thềm nhà rải rác đó đây.

Vì thời gian eo-hẹp, phái-đoàn phải ra xe để tới Tịnh xá, nơi có cất giữ ngọc Xá-Lợi. Tới Tịnh xá trời đã chạng vạng tối, phái-đoàn dành lễ đi nhiều ba vòng quanh tháp rồi chuẩn bị ra xe để trở về lại Patna. Trong Tịnh xá lúc đó cũng có một phái-đoàn Á-Châu khác đường chiêm bái, tung kinh quanh một bàn thờ, chắc nơi đó là nơi chứa Xá-Lợi.

Ngay tại hai địa danh này, chúng tôi được nghe các Thầy kể các chuyện lịch sử như sau:

1/- Sau lời van xin hữu lý của Ngài A-Nan, Đức Phật đã cho phép Bà Mahabaxabade, là nhà mẫu và là di của Đấng Thế Tôn, được phép lập Ni đoàn, sau khi bà tự xuống tóc, dẫn một số mệnh phụ phu-nhân đi chân đất từ thành Ca-Tỳ-La-Vệ đến thành Tỳ-Xá-Ly để xin xuất gia, chịu nhận 8 giới chánh thua-thiết trước Tỳ-Kheo.

2/- Vương quốc Tỳ-Xá-Ly là một liên-bang xưa nhất với ba bộ-lạc Lichavi, Vidacha, Malla hợp lại nhận Vaishali làm thủ-đô và vị Tổng-Thống liên-bang là Tomara. Vào một năm kia vương quốc bị bệnh dịch hoành-hành, dân chúng chết nhiều, Tổng-Thống Tomara phải thỉnh Thế-Tôn đến Tỳ-Xá-Ly

cửu nạn. Dân chúng lũ-lược ra biên-giới để rước Ngài. Ngài đi đến đâu thì sấm-sét trời dậy, mưa tuôn tràn đồng. Nhờ ân-phước đó mà mọi tật bệnh được tiêu-trừ và dân được an-cư lạc nghiệp. Sau đó Phật thuyết kinh Tam-Bảo và rao giảng những giáo-lý chơn-thật và độ cho vô-lượng người dân trong xứ này. Do đó hàng vạn dân-chúng xin được qui-y và chính-phủ đã cất một Tịnh-Xá cúng-dường để làm chỗ nghỉ chân mỗi khi Tăng đoàn của Ngài tới.

3/- Một lần khác khi Tăng đoàn của Ngài đường dừng chân tại thành-phố này thì có một kỹ-nữ, tên là Amsapal, đi ngang qua, nhận được tướng trang-nghiêm, lực hóa-độ của Đức Thế-Tôn, bà ta đến gần dâng-lễ và cầu được nghe pháp - Ngài giảng cho Bà ta nghe về các thiện-pháp thù-thắng và những mối nhớ nhớt của dục-lạc. Nghe xong bà ta cảm ngộ, xin qui-y Tam-Bảo và xin chủ Tăng lại thăm nơi bà ở để bà được cúng dường.

Ngày hôm sau chủ Tăng tới. Bà đã cúng dường một vườn soài. Đức Thế-Tôn chuẩn nhận và dạy cho nàng về sự lợi-ích của hạnh bố-thí, về tri giới, về tính đở-bần bất tịnh của ái-dục. Rồi Ngài dạy tôi Tỳ-Diệu-Đế. Sau đó nàng đặc được pháp nhãn, xa lìa cõi tục, xuất-gia tu-hành và cuối cùng đắc quả vị A-La-Hán.

4/- Đồng thời với chuyện trên thì cũng có 500 người Lichavi ồn ào đi rước Đức Thế-Tôn để xin dâng-lễ. Trước cảnh huyền-náo của đám người trên, Phật đã chỉ cho các Tỳ-Kheo thấu-nhiếp thân tâm, giữ gìn oai-nghi và Ngài giảng một thời kinh về các phép này:

"Này các Tỳ-Kheo thế nào là thấu-nhiếp thân tâm? - là trước phải quan-sát nội thân mình, rồi sau quan-sát thân người, rồi quan-sát một lượt cả thân mình thân người một cách siêng-năng không biếng-nhác, ghi nhớ mãi không quên, để xả bỏ lòng tham-dục luyến-ái thế-gian. Tiếp đến quan-sát về thọ, ý, pháp cũng thế".

"Này các Tỳ-Kheo giữ gìn oai-nghi như thế nào? - Hàng Tỳ-Kheo phải biết làm những điều đáng làm, phải bỏ những điều đáng bỏ. Tất cả từ những cử-chỉ cho đến việc ăn uống dừng để mất oai-nghi, dừng để ngũ ấm và ngũ cái che lấp tâm trí. Từ hành-động đến lời ăn tiếng nói đều phải nhiếp tâm không loạn động. Đó là những oai-nghi mà Hàng Tỳ-Kheo phải giữ".

Sau khi giảng cho Tỳ-Kheo xong, thì 500 người Lichavi đến xin dâng lễ và xin được nghe pháp. Đức Thế-tôn khai thị cho mọi người về những phước báu của con người và những điều hy-hữu mà thân người có được.

5/- Năm 80 tuổi, Ngài trở lại vườn soài của Bà Amsapali lần chót và Ngài nói đã đến hồi Ngài sắp phải bỏ lại xác thân vô-thường. Ngài ôn-tập lại quang đời 49 năm hoàng-pháp và dẫn độ chúng-sanh. Tại đây, Ngài A-Nan vì quá thương-xót đã phạm một trọng tội là không thỉnh Phật ở lại thế, mặc dầu Đức Thế-Tôn đã ba lần gọi ý, do đó Ma Vương đã thỉnh được Phật nhập Niết-Bàn.

6/- 110 năm sau khi Phật nhập Niết-Bàn, Tỳ-Xá-Ly là nơi kết tập kinh-diển lần thứ hai của Hội-Đồng Tăng-Già gồm 700 vị A-La-Hán.

7/- Khoảng 300 năm sau khi Phật nhập-diệt, vua A-Dục có đến Tỳ-Xá-Ly chiêm-bái và cho xây một trụ đá có tượng con sư-tử và

một tháp thờ Xá-Lợi Phật mà nay như tả ở trên.

8/- Tại vương quốc này Phật đã thuyết kinh Duy-Ma-Cật và cũng là nơi Ngài Xá-Lợi-Phất đã chứng quả A-La-Hán.

20g15, chúng tôi về lại khách-sạn, khi tôi gần khách-sạn của phái đoàn Âu-Châu, thì chúng tôi có may mắn được thấy hai đám cưới đường tổ-chức tại khách-sạn, một chọn nơi này làm tiệc cưới, một chọn nơi này làm nhà cưới. Đám cưới Ấn-Độ cũng ồn-ào và chúng-diện, song có điều ngược lại với phong-tục chúng ta vì cô dâu Ấn thì hân-hoan vui-vẻ, nhà gái mừng rỡ, nói cười huyền-thuyền, ngược lại chàng rể thì bơ-phờ, râu-rỉ, nhà trai thì nước mắt lưng tròng. Theo phong tục của Ấn nhà gái phải chung một số tiền với sự đồng ý của nhà trai, ngược lại chàng rể phải về sống tại nhà gái như phong tục mẫu hệ.

Sau một giờ ăn tối, phái-đoàn về phòng ngủ để chuẩn-bị cho cuộc hành-trình kế-tiếp.

Ngày 26/11/96

05g30, chúng tôi đã hành-lý chỉnh-tề phân theo xe Bus để lên xe xếp vào cho gọn, sau đó dùng sáng, rồi sang khách-sạn của phái-đoàn bạn cùng họ di chuyển về Bồ-Đề Đạo-Tràng.

Trên đường đi, được biết Đoàn sẽ ghé Linh-Thủ sơn trước nhất. Đường còn dài, xe chỉ chạy với tốc-độ 30 km/g nên các Thầy đã chia nhau trên 4 xe để kể cho chúng Phật-Tử nghe về lịch-sử các Thánh-tích mà đoàn sắp chiêm-bái cùng các thời pháp ngắn gọn để Phật-Tử ôn-cổ kinh tạng. Mỗi Sư một vẻ, ngoài kinh điển, lịch-sử, chúng Phật-Tử đã thấu-hoạch được thêm một số đạo-hạnh. Tỳ như: Tánh an-lạc tự-tại nơi Hòa-Thượng Giác-Nhiên, tánh trang-nghiêm oai-nghi tritúc của Thượng-Tọa Như-Điển, cái trí-huệ bao la và sự hùng-biện của Thượng-Tọa Giác-Đăng. Lòng tử-bi và nét hiền-hòa trên gương mặt Sư Bà Như-Tuấn tại chùa Phổ Đà tại Marseille. Ngoài ra còn có những vẻ đẹp tôn-nghiêm khác nơi các Thượng-Tọa, Đại-Đức, Ni, Sư mà kẻ viết này không có cơ duyên được diện kiến.

Chúng đệ-tử được nghe pháp, nghe các lịch-sử Thánh-tích quên khoảng đường dài, quên mệt-nhoc và luôn luôn vui-vẻ trông chờ một khi xe dừng lại để xả nghỉ hay đi bộ vô chiêm-bái. Tuy vậy, về phần chúng tôi trên xe số 1, cũng có những mẩu chuyện, những đề tài thuộc về các trường-phái hiện-sinh (thấy cảnh trước mắt đặt chuyện) hay phái huê vốn (nửa đêm, giờ tí, canh ba, ...) để vui-cười, những mẩu chuyện đó tôi không thể viết ra đây được mà chỉ để cười thầm trong nhóm chúng tôi Hòa-Lan, Đức, Pháp mà thôi.

Đường gập-gheñh, đoàn người trong xe nghiêng-ngả, kẻ cười gò bụng, kẻ gật gù đầu chạm vai bạn. Lâu lâu độ gần 2 tiếng đồng hồ thì các bạn nữ lại làm reo đời "thay tài" vì chề tài lái của máy chủ "bây chầy" làm họ tức bụng. Thế là xe phải ngừng lại bên vệ đường, đôi lúc hai bên có cây, có tường thì còn khả-đi, khi hai bên là đồng không mông quạnh thì đành phải lấy chiếc xe dò làm ranh-giới nữ nam.

Đoàn xe 4 chiếc, song mạnh ai nấy chạy, phải công nhận rằng tài lái xe của các

chú bày đưng vào bậc nhất trong các nước thuộc loại xã-hội chủ-nghĩa, không biết các chú đó có thi bằng lái hay không? Hay bằng do cha truyền con nối. Các chú lái so với Âu-Châu là chậm, song với Ấn là nhanh. Lầm lúc cả xe tưởng chừng được đi thăm Hà-Bá hay Sơn-Thần. Quảng đường từ Patna đến Bồ-Đề Đạo-Tràng tôi đếm có cả thầy 4 tai-nạn lật xe, riêng đoàn xe chúng tôi chỉ bị một tai-nạn nhẹ cho xe số 2 vì tài ý lớn hiệp bé khi qua trái.

Khoảng 10g30 đoàn xe chạy vào tổ-giới rặng núi Linh-Thủ, từ xa chúng tôi đã trông thấy tháp Hoà-Bình của người Nhật xây chót vót trên đỉnh núi. Tháp như một cái nấm trắng đặt trên một đĩa hình tròn mang trên đỉnh, một tháp 5 tầng và chót vót là ngọn lửa vàng 4 cánh, nổi bật trên nền xanh của núi.

Đoàn xe dừng lại ở chân núi, tất cả xuống để chuẩn bị dùng xe cáp - một loại xe kéo bằng dây sắt từng người một đi từ chân lên đỉnh giống như ta thường thấy ở các vùng núi cho du-khách đi trượt tuyết- Đọc mấy dòng chữ ghi trên bản sắt, tôi mới biết đây là ngọn Bảo-Sơn (Ratna Guri) và bảo-tháp mang tên Shanti. Nhìn các chiếc ghế treo tòn teng trên dây cáp giăng qua các cột sắt rì đưng ngả-nghiêng theo chiều dốc đứng, mà tim tôi muốn ngừng đập. Ngồi trên ghế du tôi không dám nhìn xuống vực, ghế leo độ 5 phút thì bỗng nhiên dừng lại vì lý do trục trặc nào đó, một lúc sau mới chạy tiếp. Ghé mắt nhìn xuống các ghế kế tiếp, tôi không thấy nét hân-hoan của các bạn như lúc xuống xe, tôi cười thầm tu đạo giải-thoát mà sợ giải-thoát. Sau 15 phút thì chúng tôi lần lượt tới một thềm đón, phải tự-động nhảy ra cũng như tự động chạy theo nhảy vào ngồi vắt vẻo trong lòng ghế, các ghế này tự-tại chạy vòng xuống như chạy vòng lên không đợi chờ. Phái-đoàn leo thêm 50m nữa thì tới cổng tháp, qua cổng không ai bảo ai cùng tìm một chỗ nghỉ chân để thở.

Tháp thật hùng-vĩ, hình tròn đường kính 144m, vòm mái 72m, chiều cao 125m, trên năm tháp có 4 khung tò-vò ẩn sâu vào phía trong với tượng của Đức Thế Tôn thuộc 4 Thánh-tích - Đản-Sanh - Thành Đạo - Chuyển-Pháp-Luân - Nhập-Niết-Bàn- Chân tháp là đường kính-hành bằng đá cẩm-thạch hình tròn có lan-can. Cạnh tháp là một ngôi chùa do Hòa Thượng Nichi-Dastu Fujai xây vào năm 1978.

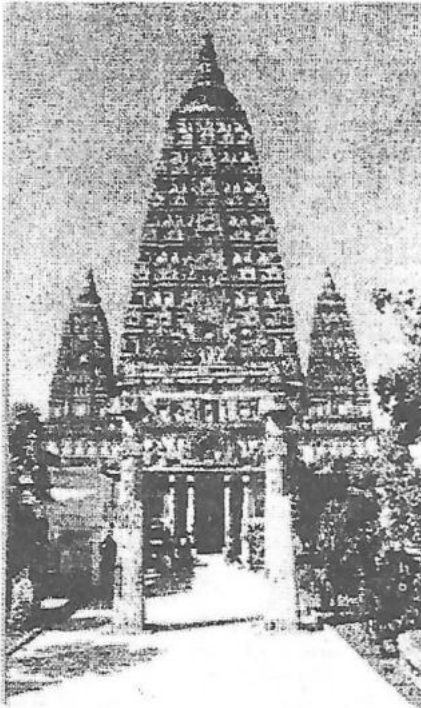
Sau khi chụp tấm hình lưu-niệm, tất cả đoàn đã đi kinh hành 3 vòng rồi xuống tham quan chùa kế bên. Chùa trang-trí rất trang-nhà với các tượng Phật mỹ thuật, tại chánh-điện có thờ bài vị một nhà sư, phía bên trái có một cái trống lớn được đánh liên tục cầu-nguyện cho hoà-bình thế-giới.

Sau phần dành lễ ở đây, Đoàn lần lượt theo chân Thầy Viên-Giác đi xuống đỉnh Linh-Thủ Sơn, cảnh tượng ở đây thật là bao-la vĩ-đại. Từ trên cao nhìn xuống, đỉnh Linh-Thủ có hình tượng hai con chim đại bàng đậu chầu ở bên, hai nền nhà một là thư phòng, là nơi tạm trú của Đức Thế Tôn khi Ngài lưu lại ở đây. Theo lời kể lại, Đức Phật ở đây trên sáu lần. Mười sáu năm sau khi giác-ngộ, tại đây, Ngài đã tuyên-thuyết những kinh-điển Đại-Thừa, như Diệu-Pháp Liên Hoa Kinh, Kinh Lăng-Nghiêm Đại Định, Kinh Bát-Nhã-Ba-La-Mật, cũng tại đây Ngài Ca-Điếp

đã đưng ra chủ-tri việc kết tập kinh-điển sau đó.

Đi gần tới đỉnh ta thấy có một nền nhà khoảng 4mx5m và một tấm bàn ghi cho biết nơi đây nhà vua Tần-Bà-Xa-La đã xuống ngựa để tiếp-tục lên núi dành lễ Phật.

Sau khi vượt Linh-Sơn Kiều, ở bên phải có một động đá nhỏ, đó là nơi mà Ngài A-Nan thường ngồi tu-tập, sau động có một đường nứt lớn, tương truyền rằng mỗi khi Ngài A-



Nan bị vọng tâm, thì Đức Thế Tôn đã dùng thần-lực đưa tay mình ấn trên trán Ngài A-Nan qua đường này để trấn-an. Leo thêm khoảng 10m nữa ta lại thấy một động đá có mái che nằm sâu trong lòng núi. Có hình một con rắn, đó là động Thiên-dịnh của Ngài Xá-Lợi-Phất. Theo lời kể của Thượng Tọa Như-Điển thì Ngài còn là Giáo-thọ cho Ngài La Hầu La, con của Đấng Thế-Tôn.

Tất cả phái-đoàn đã chinh-tề trên nền thiên-phòng của Đức Thế Tôn, theo tiếng chuông của Tăng-đoàn tất cả cùng dành-lễ và một thời kinh được tiếp-điển. Tiếng chuông chùa xa xa, tiếng linh, tiếng tụng kinh vang vang hoà với tiếng chim hót, tiếng gió rền qua các triền núi..., tạo thành một âm-thanh kỳ-diệu linh-thiêng. Nắng ban mai chan-hòa trên đỉnh núi như hào-quang của Đấng Tử Phụ đấng tuổi trên tâm-hồn của những người con lạc-lòng tùy mức độ đang đất-điều nhau đi theo nẻo chỉ của Ngài.

Thời kinh chấm dứt, phái-đoàn xuống theo đường mòn xuống núi, tại mỗi thánh-tích Thầy Như-Điển, thầy Giác-Đẳng thường dừng lại kể sự-tích, như con đường vua Tần-Bà-Xa-La lên thăm Phật. Marda Kuchi nơi đây Đê-Bà-Đạt-Đa đã lần đá hại Phật, nhưng chỉ làm chân Phật chảy máu... (vì thời-gian và bài viết cần giới hạn, Quý-vị độc-giả nếu muốn có đầy đủ chi-tiết xin thỉnh tại chùa Viên-giác 2 cuốn Video để thấy đầy đủ hình ảnh và phụ-chú).

Mặt trời tới đỉnh, đoàn lữ-hành đã thấm mệt vì leo dốc, đổ dốc, đều tụ ở chân núi, mua sắm một vài kỳ-vật rồi tiếp-tục lên xe để

về Trúc-Lâm Tịnh-Xá. Nơi đây Thầy Hạnh-Tấn và hòa-đầu-quần đã về nấu cơm khi phái-đoàn leo núi chiêm-bái.

Trên đường đi vì thời gian eo hẹp nên các Thầy hướng dẫn trên các xe chỉ chỉ và kể cho biết: nơi đây là ngục giam vua Tần-Bà-Xa-La, nơi kia là Amaravana, vườn soài của Bác-sĩ Kỳ-bà, Tapoda Nadi, suối nước nóng..., tất cả chỉ còn lại hoặc nền nhà hoặc tường thành nằm rải-rác đó đây hai bên quan-lộ.

Tôi Trúc-Lâm-Tịnh-Xá sau nửa giờ xe, đoàn dừng lại đi bộ vào vườn. Xưa đây là vườn Ngự-Uyển của vua Tần-Bà-Xa-La, người đã dâng cúng Phật. Trong vườn trồng toàn trúc, nhưng có lẽ không còn các cây xưa nữa, nhưng hiện nay với các cụm gốc to này thì cũng được kể là cổ. Ở khoảng giữa vườn có một hồ nước. Hồ này do Ông Karanda cúng dường để chú Tăng tắm giặt. Chúng tôi tìm một khoảng đất trống vừa đủ ở bên hồ để "picnic". Chú Tăng và Phật-Tử đã dùng một bữa cơm đạm tinh đạo-pháp, trong tiếng kinh cầu, tiếng thuyết-giảng, tiếng cười hòa với tiếng chim hót và tiếng gió lùa qua các khóm trúc xanh tươi.

14g30 Đoàn hành hướng lại tiếp-tục lên đường, mệt vì đường xấu, vì leo núi, vì cái nóng miền nhiệt đới và mệt nhất vì bụi đường nên các bạn tôi, trên xe số 1 đã một phần đi vào giấc ngủ lác lác không biết tỉnh.

16g15 Chúng tôi dừng xe xuống thăm Đại-học Na-Nan-Đà. Được kể rằng: Nơi đây chính là cái nôi của các đại-tử-tướng gia Phật-Giáo Ấn-Độ nổi tiếng như Ngài Long-Thọ, Ngài Mã-Minh, Ngài Vô-Trুদ্ধ, Ngài Thế-Thân, Ngài Sãn-Đề-Đề-Bà, các học-giả Trung-Quốc như Ngài Huyền-Trang, Ngài Nghĩa-Tĩnh... và cũng mỗi gần đây tại Đại Học này xuất thân, chúng ta có Ngài Minh-Châu, Ngài Huyền-Vi, Ngài Thiện-Châu...

Chúng tôi bị dồn cục ở cổng để lấy vé, sau đó từng nhóm thông-thả đi qua một con đường dài cả 100m, hai bên trồng toàn cây Vô-Uu thẳng tắp, dẫn vào cổng chính của Đại-Học.

Qua cổng tôi thấy toàn là nền nhà ở rải rác trong một khuôn viên rộng lớn, phải leo lên cao mới nhận diện được toàn bộ Đại-Học. Sau khi các Thầy đã chọn một cao-điểm trên một tầng tháp cổ và các Phật-Tử đã đứng yên-vị, Thầy Giác-Đẳng với giọng nói sang-sảng kể về quá khứ của Đại-Học này. Chúng ta hiện đang đứng tại thềm tháp số 3, đây có lẽ là trung-tâm Đại-Học Xá, cũng là chánh-điện xưa, phía trái con đường vô là Tầng-xá 1A và 1B, Tầng-xá này là nơi được xây cao nhất với chín tầng và có các trụ đá chống đỡ, có lẽ nơi đây tàng-trữ các quý vật và các kinh-điển của Đại-Học.

Tầng-xá 1 có lẽ nơi đây là giảng-đường vì có các bậc đưng cho Giáo-thọ. Tầng xá này 2 tầng, mỗi tầng cao độ 3m và chung quanh có các phòng cá nhân dành cho các lưu-trú sinh.

Tầng-xá 6, Tầng-xá này ở giữa sân có hai dãy lò dùng làm bếp, những bếp này chỉ dùng làm nơi nhậu y vi thuở xưa không được phép nấu ăn trong Tịnh-Xá, (theo sự giải-thích của Ngài Minh-Châu).

Ngoài ra, ngày nay, còn một Viện Bảo-Tàng gìn giữ các Thánh-tích mà chính-phủ

khai-quật được và một đền kỷ-niệm Ngài Huyền-Trang.

Rất tiếc, vì đoạn đường về Bồ-Đề Đạo-Tràng còn xa nên chúng tôi không thể dừng chân ở đây lâu để chiêm-bái cùng nghe toàn bộ lịch-sử Đại-Học này. Tuy nhiên Thượng Tọa / Viên-Giác cũng có một vài phút vui, Thầy gặp lại người bạn đồng tu 35 năm về trước, Thầy trao địa chỉ và giã-tử sau khi chụp vài bức hình kỷ niệm.

17g10, tất cả phái-đoàn lần lượt ra xe, kể từ giờ phút này, đoàn lữ-hành thăm mật để mặc cho bác tài và người hướng dẫn, hai nhà sư Tây-Tạng mặc thường phục, muốn cho xe chạy sao thì chạy và chỉ nửa giờ sau mới số đông trên xe số 1 đã đi vào cõi mộng. Họ mở gì? chỉ họ biết, riêng tôi ngồi đây mà tâm tôi không có mặt.

Từ ngày buông chuỗi, lần tràng đến nay, tôi cố-gắng tạo cho tâm mình bất nhị. Đối với người, tôi cố dần lòng để thương yêu hơn giận trôi qua, đối với vật, thì bỏ sự so-đo mà chỉ nhìn trên nhu-cầu hiện-hữu của sự-việc cần có, thế mà hôm nay, tại đây, tôi lại sanh tâm so sánh giữa bốn thánh-tích.

Tôi nghĩ :

- Nơi Đản-Sanh có, thì mới có Phật,
 - Nơi Chuyển bánh xe pháp-luân có, thì mới có giáo-lý đạo Phật,
 - Nơi Nhập Niết-Bàn có, thì mới biết được cái màu-nhiệm của đạo Phật,
 - Nơi Thành đạo có, thì cả ba Thánh-tích trên mới trở thành Thánh-tích,
- đó là theo tôi chẳng biết đúng hay sai?

Cái tư-tưởng vô-nghĩa này nó cứ luẩn quẩn theo tôi, muốn bỏ mà không bỏ được, vì Thánh-tích nào tự nó cũng có một ý-nghĩa thiêng-liêng riêng biệt, một màu-nhiệm riêng biệt, một động cơ xoáy vào tâm-tử của mỗi người một cảm-nhận riêng biệt, tùy theo khả năng hiểu đạo và mức độ hành đạo của mỗi cá-nhân.

Xe vẫn tung bụi dờng đều qua các làng-mạc thôn-xóm với tãi lải khil-khao trong các ngõ hẹp tôi nhìn sự sinh-hoạt chợ búa của người dân Ấn và các công-trình xây cất của chính-phủ tự nhiên tôi nghĩ đến Bác Hồ vĩ đại của "Đàng ta", phải chăng Bác đã qua đây thấy cảnh trẻ em đi lượm bao ny-lông đem xuống sông giặt sạch để bán hay con lũng đi lượm bìa cứng, rồi về tạo ra "kế-hoạch nhỏ" cho học sinh, sinh viên Việt-Nam học tập và đánh lừa bằng khẩu-hiệu "*Lao-động là vinh-quang*", hay thấy cả trăm người dân Ấn chung vai khuân một đà cầu xi-măng trong chương-trình mở xa-lộ của chính-phủ, giống như một đàn kiến đang kéo một miếng dôi thịt, mà chính-phủ đã quên đi các cơ-giới cần-thiết đang có. Thấy cảnh sinh linh, Bác đã về tịch thu các cơ-giới của miền Nam vốn có, để chở sang các nước anh em trong thế giới xã-hội chủ-nghĩa làm quà chiến thắng, và chụp lên đầu thằng dân câu "*Với sức người sỏi đá cũng thành cơm*". Bác đã hà hệ lồi tuột cái thằng dân Việt miền Nam trước 1975 lên ngang hàng với người dân Ấn hiện tại 1996 để đàng ta dễ trị. Mô Phật, con xin sám hối.

Trời càng về chiều, bóng tối càng xuống lạ, đèn trời đã lên, (hôm nay 15 âm-lịch thì phải?), đèn đầu leo lét thấp sáng và đoàn xe cũng giảm tốc độ khi đi ngang Bồ-Đề Đạo-Tràng, với các bóng tháp cao vút đen ngòm

như muốn vướn tôi mặt trăng tròn như ngón tay của Phật, khi chỉ nẻo đạo cho chúng sanh.

Từ từ 4 chiếc xe đỗ lại bên bờ ruộng, tất cả lội ruộng khò để vào chùa Việt-Nam. Nơi đây Thầy trụ-tri, Thầy Huyền-Diệu, vui vẻ đón tiếp. Ban tổ-chức đã nhanh chóng phân chia phòng-ốc, ban trai-soạn đã có ngay một bữa cơm chiều đã chiến cho mọi người. Sau khi đánh lễ ở chánh-điện và cùng nhau dùng bữa cơm tối xong thì Chú vị Tăng Ni, cùng phái-đoàn Mỹ ở lại Việt-Nam Quốc Tự, phái-đoàn Âu-Châu tiếp tục ra xe số 1 và số 4 để về chùa Thái-Lan tạm trú. Chúng tôi được biết sẽ lưu lại đây hai ngày 27, 28/11.

Về chùa Thái, Thầy Hạnh-Tấn vì mắc bận, nên sau khi chia phòng và giao chìa khóa xong cho mọi người, Thầy phải đi ngay trao quyền lại cho chị Cam qua ánh mắt. Thế là có chuyện chuyển phòng, phải khen Phật-Tử Đức dễ thương thật, ai bảo sao nghe vậy, không phàn nàn đôi co, chỉ cười chấp nhận. Các chị, các cô còn đường tuổi thanh xuân mạnh-khoẻ thì chuyển xuống dưới nhà tầng trệt, còn các lão ông từ 60 mười xấp lên tới 80 thì chuyển lên cao, phải leo một cầu thang xi-măng hai cấp, mỗi cấp độ 20 bậc, ngoài trời tối thui và trơn trượt. Sau khi "bồng bế" dắt díu nhau leo lên chỗ ở, nghỉ để thở (vì có những vị không thấy đường phải bò từng bậc) thì lại Chị Cam, vì lòng tốt, mời các vị lớn tuổi cảm phiền xuống dưới nhà cho đỡ vất vả, thế là có sự chuyển trại, lên còn đỡ, xuống thì các thanh-niên, người đi trước cản ngã, người đi sau nứ, vì giấy phép xây cầu thang này có lẽ được cấp phát vào thời kỳ người Anh chưa xâm chiếm Ấn-Độ. Sau nửa giờ chuyển trại, các lão ông vui-vẻ để nguyên cả quần áo, hôn-hòm đi vào giấc ngủ sau một ngày dài mệt nhọc và leo thang. (Chỉ kẻ viết này lảm chuyện, Mô Phật, con xin sám-hối).

Chỉ chớp mắt được chừng hai tiếng đồng hồ, tôi lại thức tỉnh, nằm nhìn trần, nghe tiếng nước nhỏ giọt trong phòng tắm. Chung quanh tôi thật yên lặng, lâu lâu vẳng nghe tiếng gà gáy sang canh. Cái tư-tưởng bốn Thánh-tích lại trở về với tôi, tôi nghĩ đến Bồ-Đề Đạo-Tràng như nghĩ đến trường thì tốt nghiệp. Nô muốn tượng như có một cái gì mới lạ, có cái gì thay đổi, mà tôi không nhận định ra được, nó sẽ xây đến!

Cái cảm-nhận này đến với tôi không phải là lần thứ nhất, và mỗi lần như vậy là một lần chấp nhận một sự đổi thay không tiên liệu nổi.

Lần thứ nhất là lần tôi theo mẹ đi nộp đơn vào Cao-Đảng Sư-Phạm sau khi quyết định bỏ cái kết quả được tuyển đi học Thuyền trường hàng-hải tại Pháp.

Lần thứ hai là lần tôi vì hăng say giúp đỡ không hậu ý, tôi đã từ giã cuộc sống độc thân để lập gia đình và sống trong khuôn nếp.

Lần thứ ba là lần vì mắc cảm yếu-hèn không đủ khả năng che chở cho vợ con trước nghịch cảnh, tôi đã quyết định đóng tàu, lái tàu và vượt đại dương đưa gia-đình tôi bỏ an-toàn, để đổi một cuộc đời mới mà không bao giờ nghĩ tới.

... và đây là lần thứ ... cái gì sắp xảy ra?, cái gì sẽ là hướng đi mới của tôi? có hay không? ...

Tôi cứ ngỡ mình trên phàn gỗ, không tài nào nhắm mắt được. Trời sáng dần, bỗng nghe thấy tiếng gọi nhẹ nhàng của Thầy Hạnh-Tấn: Có ai đi xem trăng ở Bồ-Đề Đạo-Tràng không? Tôi bật dậy thật nhanh, chạy vào buồng tắm nhúng đúng 3 ngón tay vô nước lạnh giá quệt vội lên mặt, rồi ôm gọn máy quay phim chạy theo Thầy ra sân, hướng về phía Bồ-Đề Đạo-Tràng.

Trời lúc này chưa sáng hẳn, mới 04g30 sáng, nhưng sự sinh-hoạt đã bắt đầu, xe kéo, xe lôi, xe lam đã chạy chờ người ra chợ, xe đồ đã vào bến đón khách sớm. Bầy Thầy trò im lặng rào bước trong ánh trăng, hình như ai cũng niệm Phật chỉ có tôi là dáo dác nhìn quanh. Trăng treo thật đẹp ở lưng chừng trời quang đãng không một gợn mây, tôi phải vòng quanh tháp để chọn một cảnh trí cho thật đẹp ghép trăng và tháp, chụp xong quay lại thì mọi người đã mất hút, tôi đoán họ đi vào đánh lễ, vội vàng ba chân bốn cẳng chạy vào chân tháp, tay đây mọi người xuống lễ, tôi buông máy lại theo, một lúc sau Thầy dẫn ra bên hông cột Bồ-Đề nơi có dấu chân của Đấng Thế Tôn in trên phiến đá. Thầy Hạnh-Tấn ngồi thiền, Thầy Minh-Tánh tam bộ nhất bái, vài người theo Thầy Hạnh-Tấn, vài người theo Thầy Minh-Tánh, còn tôi đi vòng cột cây Bồ-Đề, nhìn vào kim cang tòa, nơi Phật đã tìm ra chân lý, tự nhiên tôi nghĩ tới mẹ tôi, người đã cho tôi ý đạo, tôi Trí, người vợ đã để cho tôi tự do theo con đường tôi chọn, tất các con tôi... tôi gục đầu vào hàng rào sắt bao quanh phiến đá tôi khẩn nguyện. Tôi xin cho tôi được sáng suốt và đầy đủ nghị-lực trong quyết tâm về tương-lai, con đường tôi chọn sẽ đầy dẫy trở-ngại và khó có sự đồng ý của mọi người thân. Nhưng tôi sẽ cố-gắng phấn-đấu. Tôi thân-thờ đi quanh Đạo-Tràng, đến trước tượng Quan-Âm và được người bạn đứng đó giải-thích. Tôi đã khẩn thắm và nhắm mắt đi thẳng trên những phiến đá linh-thiên, tôi đã tôi dưới chân Ngài, bạn tôi tiến lại mừng cho tôi toại nguyện. Thật ư! đầu tôi rỗng tuếch, tôi trở lại chỗ phiến đá mang dấu chân Phật với vòng pháp luân. Tôi quỳ xuống, úp mặt trong lòng bàn tay, ti trên phiến đá, tôi xin cho tôi thấy một sự linh-thiên nào đó để cái hoá cái nhị tâm của tôi. (Nếu nói rằng tôi là kẻ báng bổ thần thánh thì điều đó là quá, nếu nói rằng tôi tin vào những hiện tượng nhiệm mầu thì điều đó là sai, vì bất cứ sự việc gì xảy ra tôi đem phân-tách, cắt-nghĩa cho thoả-đáng để tránh sự mê-tín vu vơ).

Tôi ngồi bất động trên bờ tường bên tấm đá, nhìn Thầy Hạnh-Tấn tọa thiền, mấy nhà sư Tây-Tạng với lối lạy dấn người trên thềm đá, thì tự nhiên, một cơn gió lốc thổi mạnh thẳng vào tôi, mang đặt trước tôi một lá Bồ-Đề còn tươi, tôi nhìn các màu vài dù màu treo trên tôi và trước tôi không thấy một mây may lay động, hai bạn ngồi nghỉ như tôi cũng không một cảm nhận, tự nhiên tôi sợ, cúi đầu lễ tạ. (Cái cảm giác này vẫn còn trong tôi khi viết lại những dòng này).

Độ nửa giờ sau thì Thầy Hạnh-Tấn gọi về để kịp sang chùa Việt-Nam dùng điểm-tâm.

Ngày 27/11/96

07g30, sau khi điểm tâm, phái-đoàn lên xe ra Bồ-Đề Đạo-Tràng, xuống xe Thượng-Tọa Viên-Giác nói đi vào lối này, tôi buột miệng

nói con biết, sáng nay con đã tởm đây. Thầy nói: Thật vậy! Tôi chúng hùng, không hiểu gì cả. Tuy nhiên tôi vẫn theo đoàn đi vào sân trước cổng tháp để cùng chờ mọi người tụ tập đông đủ. Bỗng Bác Định gái đến bên tôi khẽ nói: "ăn vụng mà còn đem khoe"; Tôi cãi: Tôi nói thực chứ có giấu điều gì đâu!

Các Thầy đứng giữa, chúng tôi chia thành hai bên một bên thiện nam, một bên tín nữ rồi tất cả đều vào tháp sau khi gửi giày dép lại bên ngoài. Phái đoàn trải dài từ cổng xuống cho đến chân tháp để nghe Thượng Tọa Giác-Đẳng nói về lịch-sử của tháp và bố trí công việc trong ngày. Sau đó phái-đoàn tề tựu trước chánh điện dành-lễ rồi, đi kinh-hành, cuối cùng tất cả ra sau tháp, dưới tầng cây Bồ-Đề, quay mặt về hướng đông, tức là nhìn vô gốc cội cây Bồ-Đề và kim-cang toà để nghe Thượng Tọa Giác-Đẳng nói về sự thành đạo của Đức Thế Tôn rồi tụng một thời kinh theo sự hướng dẫn của Quí Tăng trong ba Tông phái: Bắc Tông, Nam Tông và Khất-Sĩ. Xong vào dành lễ tại gốc cội cây Bồ-Đề và kim-cang toà. Phái-đoàn tụ tập tại góc phải sau tháp nghe Thượng Tọa Giác-Đẳng kể công việc trong bảy tuần sau ngày thành đạo của Đức Thế Tôn, ngôi tháp Ngài đã ngồi để tạ ơn cây Bồ-Đề, nói qui-y nhị bào (thời này chưa có Tăng) cho hai người lái buôn Miến Điện, với kỷ-niệm 8 sợi tóc của Ngài, nơi Ngài tắm sau khi đắc đạo và sự tích rắn thần đã giúp Ngài, ngày nay hồ nước vẫn còn đây, trụ đá Asoka tưởng nhớ tới Ngài vẫn còn đây, tượng thần rắn giúp Ngài vẫn còn đây, nhưng Ngài và giáo lý của Ngài không biết có bằng bạc ở nơi đây hay không? ở trong tâm chúng con hay không?... Xin Ngài hãy phủ hộ độ trì cho các Thầy của chúng con để Thầy khai sáng cho chúng con đúng theo nẻo chỉ của Ngài.

Nếu chúng ta chỉ ngồi nhà đọc sách hay xem một phim truyền hình về tất cả các Thánh tích, để tìm hiểu về các pháp màu nhiệm, cái oai-thần của Đấng Linh-Thiên thì tôi tin chắc tôi cũng như các bạn đứng đứng và đôi khi còn có các tu-tưởng lệch lạc cho đó là một sự thù ghét để tạo những huyền thoại cho một Tôn-giáo. Nhưng nếu đứng tại đường trường, mắt thấy, tai nghe với cảm-xúc thực tiễn thì sự cảm nhận những hiển thông của Đấng Linh-Thiên, những phép màu nhiệm của giáo-lý là có thật, cái đó không ai ép ta, mà tự ta nhận thấy như vậy với lòng thành kính. Tôi đã đến chiêm bái Thánh tích của Chúa Kitô, các di vật của Ngài, xuống tận cùng lòng đất để coi các kỷ vật của các vị Giáo-Hoàng... tôi được nghe các Cha kể lại các sự-tích và phép màu-nhiệm của Chúa, tôi cũng có những cảm nhận như ngày hôm nay. Nhưng khung cảnh của các Thánh tích ấy đã được người ta lồng vào các giới cảnh âm u, được trang điểm với các đèn nến lung linh, những âm-thanh u-uất. Còn đây, tất cả ở ngoài trời trong những bình điện bao la, khách hành hương không bị gò bó bởi các qui-luật ở nơi Thánh địa. Tại đây, trên gương mặt của người nghe dù là tiếng Trung Hoa, tiếng Nhật, tiếng Anh... tiếng Việt đều có sắc thái an-lạc, tin-tưởng, dẫn tới cuồng tín và tự khép mình trong kỷ luật khiến không gian và thời gian chùn hẳn lại. Phải chăng cái oai-nghi hiển hữu của chú Phật ở đây đã độ và tạo thêm nghị lực tin-

tưởng cho chúng sinh để tiếp tục đi đúng và đi nốt con đường mình đã chọn.

Lạy chú Phật, chú Bồ-Tát hãy độ cho các Thầy có đủ sức khoẻ để phát triển mọi tài năng hướng dẫn, hãy độ cho chúng con có đủ nghị lực, kiên trì, sống nốt cuộc đời còn lại trong Thánh-giáo của Ngài.

10g45, phái-đoàn giải-tán ngay trên Thánh địa và hẹn gặp nhau lúc 13g tại chùa Việt-Nam dùng bữa. Thông thường được các giờ phút tự-do này, mọi người sẽ ồn ào kéo phe kéo nhóm tung ra chợ để hoặc mua sắm các kỷ-vật cho người thân hay bạn bè, hoặc đi thăm dân cho biết sự tình, hôm nay trái với lệ thường, họ cũng chia nhau thành nhóm, bám theo các Thầy, mặc dù đã chào già tử, để gọi các câu hỏi còn dè dặt tâm-tử về Thánh-tích Bồ-Đề Đạo Tràng, họ thềm được biết những mẩu chuyện của từng trụ đá, nền nhà, hay gốc cây... như trẻ khát sữa mẹ đã lâu ngày. Họ bồn chồn khi đồng hồ chỉ 12g30, rồi 12g45... họ hà tiện từng giờ một, họ nấn ná... và cuối cùng họ cũng ăn bớt được một vài phút của Thượng Tọa Trưởng phái-đoàn, trước khi đi đã dặn phái về đúng 13 giờ.

13g20 tất cả dùng bữa trưa do phái-đoàn Mỹ nấu với sự trợ giúp của "con dao phay" Hannover -Chị Cam- Tôi biết tài nấu nướng thực sự của Chị từ đây!

15g00 trong cái nắng hanh của Bồ-Đề Đạo Tràng và khi cái bao-tử vừa đầy tôi mới có thì giờ ngoi quanh ngôi chùa mà tôi đến từ tối hôm qua. Chùa có hai kiến trúc xa nhau chừng 100m. Chánh-điện mới cất xong chưa tô-bôi sơn phết, với mái cong đặc biệt Việt Nam và tam cấp đủ làm mệt cho một thanh-niên trai tráng khi leo, chánh-điện nằm trên một cao độ vừa đủ để khách thập phương trong một phút nhàn du có thể đứng ở đó nhìn không sót một Thánh-tích của Bồ-Đề Đạo Tràng (theo lời kể của vị Trụ-tri). Dưới chánh điện là các tủ phòng, văn phòng, thư viện. Tầng xá là một dãy hai tầng lầu và một gác chuông có mái cong dáng của Chùa Một Cột ở Hà Nội xa xưa. Tầng xá này có nhiều trú phòng cho các Giáo thọ và chúng sinh, con số có thể lên đến 50 người. Đây là công trình tự biên tự diễn của Thầy Huyền-Diệu đã hơn 30 năm qua với sự tiếp tay của Phật-Tử trên thế-giới và Việt Nam. Khoảng giữa Tầng-xá và chánh điện là một bếp tạm và ba dãy bàn ghế bằng đá chạy dài, nằm ẩn trong bóng mát của dàn bầu, bí, đậu... cạnh đấy là một khu vườn trồng các cây thuốc và cây ăn trái như ổi, xoài...

15g10, Sau một giấc ngủ tròn con mắt, tôi tỉnh dậy trong cái oi-ả nặng nề của cái nắng vùng nhiệt đới, quanh tôi không còn ai, tất cả đều đi chợ, kể cả ông bạn già gần 80 của tôi, bác Thiện-Nghĩa, cũng đi mua kỷ vật cho bà-xã. Tôi kiểm soát lại các dụng cụ thu hình rồi cũng lững thững đi ngắm cảnh xem dân.

Người đàn ông Ấn có tài giấu vợ. Tôi thấy rất ít bà Ấn ở ngoài đường hay trong các dịch-vụ buôn-bán. Các bà chỉ xuất hiện đông đảo trong các bộ quần áo lòe loẹt đủ màu ở các rạp hát khi tan. Sự buồn-bán ở đây tôi thấy số đông là trái cây đủ loại của vùng nhiệt đới, rau cỏ y như tại Việt Nam, vài-vóc, mền thơm, tranh thêu..., các đồ thủ công nghệ hoặc bằng gỗ, đá... Giá cả thường tính theo: "coi mặt mà bắt hình dong" nên nhiều vị khi đem so giá thấy mình bị hớ bèn tặc lưỡi

nói "bổ-thì" cho bớt thẹn thùng, một cách vô-nghĩa.

Tôi trở về chùa Thái sớm để tắm, vì chỉ tắm khi nào còn mặt trời thì mới chịu đựng được cái lạnh buốt cát da của giếng nước tại đây, rồi thả bộ về chùa Việt Nam.

Ngày 28/11/96

Như thường lệ, sau khi điểm-tâm, phái-đoàn lên xe ra Bồ-Đề Đạo Tràng để tụng một thời kinh. Tiếp tới Thượng-Toạ Như-Điền làm lễ truyền giới Thập thiện cho gần 20 Phật-Tử và truyền giới Bồ-Tát tại-gia cho: Thiện Nghĩa, Thiện-Vân, Thị-Lộc, Thiện - Minh, Thiện-Liễu, và Bác Định gái. Ngày tôi qui-y tại chùa Viên-Giác, sự đông đảo, cái ồn-ào đã lấy mất sự chú-ý của tôi nên không có một cảm nhận nào đặc biệt cả. Hôm nay qui tại nơi đây, cái lạnh của đá cẩm-thạch đã len lén làm đông cái động tâm của tôi. Những thanh sắt đen vô-tri, hàng rào quanh cội cây Bồ-Đề, sau lưng Thầy cho tôi một ấn-tượng một nghị-lực, một kiên-trì cùng thời-gian. Phiến đá Kim-cang toà, chốn ngồi của Đấng Thế-Tôn khi Ngài trở thành Đấng Vô-Thượng chánh-đẳng chánh-giác, cho tôi một sự vững chãi của đạo pháp; Những viên ngọc đá long lanh trong ánh nến nơi bàn Phật khiến cho tôi nghĩ đến sự nhiệm màu của thánh-giáo; Cội Bồ-Đề và tầng cây che phủ là lòng tử-bi phổ-độ của Đấng Tự-Phụ. Tiếng Thầy đọc giới vang vang trầm trầm, tiếng đáp run run của chúng-tử "Mô Phật".... tai tôi vẫn nghe, mắt hí mờ, miệng tôi trả lời, rồi bỗng tự nhiên chỉ trong một thoáng hình dáng Thầy và ba vị Tỷ Kheo thị-giá mờ đi trong ánh chói lòa vàng sáng, tôi bỗng tỉnh sau cái vô nhẹ vào vai trái của tôi, tôi quay trái thì bác Thiện-nghĩa đẩy tôi trước tôi một lá Bồ-Đề còn xanh và bác mừng cho tôi có duyên may chứng giám, sợ mất trang nghiêm tôi chỉ cúi đầu thăm cảm ơn, cùng lúc ấy ở phía phải tôi cũng có một lá Bồ-Đề tương tự nằm ngay trước mặt Thiện-Minh và Thầy Hạnh-Tấn nhìn như có ý nói Thiện-Minh hãy nhận lấy.

Truyền giới xong, Thầy phát một số giấy chứng nhận tượng-trung. Tôi nhận thấy, không biết có chú-quan không?, nét mặt Thầy tôi rạng rỡ hân-hoan, Người cười như chưa bao giờ thấy, Người mất hẳn cái oai-nghi nghiêm-nghị ngày thường mà chỉ còn sự hiền hoà thướt cảm, Người sắp-xếp khăn khăn, trái với thường lệ là ra lệnh, cho mọi người đứng, ngồi vào vị trí để chụp bức hình lưu-niệm.

Sau đó chúng tôi lại có những phút tự do đi mua sắm. Thầy dặn sau bữa cơm trưa nay phái đoàn sẽ đi chân tế và tham quan một số chùa của các nước Á-Châu trong vùng. Việc chân-tế thì hình như đều được tiếp diễn mỗi khi có cuộc hành hương vì Giáo-Hội đã đỡ đầu cho một làng Phật-Giáo ở đây, mỗi lần như vậy Thượng Tọa Trưởng phái-đoàn đều có trao cho giới chức địa phương một số tịnh-tài cả ngàn đô-la Mỹ và cấp phát hiện kim Ruppie cho dân làng dàn hàng tiếp đón. Số tiền trợ giúp không ngoài mục đích xây thêm các phòng cho nhà trường, trường học... Sự đi thăm viếng các chùa ở đây cũng như các chùa ở Ba La Nại, ở Cầu Thi Na đều giống nhau nên tôi sẽ kể ở mục sau để không nhàm lặp lại.

Tối hôm đó đúng 19g00 cả phái-đoàn trở lại lần chót nơi tháp để dự lễ thấp nền và kính hành. Lễ rước nến đối với tôi không có gì lạ, nhưng của Phật-Giáo thì đây là lần đầu tiên tôi được dự. Tất cả Phái-đoàn thì tựu trước cổng tháp, khi trời vừa chạng vạng tối, tôi vội thâu hình vì chỉ 15 phút nữa là vô vọng, với một quảng trường bao la không đèn thì đối với các máy quay chỉ còn là một màn đêm có tiếng nói mà thôi. Phái-đoàn đi men theo đường quanh tháp phía ngoài từ cửa Đông qua cửa Bắc tới cửa Tây rồi vào một ngôi Tịnh-Xá. Tại đây chúng tôi vừa thấp nền vừa tụng kinh Bát-Nhã. 15 phút sau cả ngàn ngàn ngọn nến được thấp sáng trên các sạp trong Tịnh-Xá ở phía ngoài ánh nến cũng bùng lên trên các tầng tháp, các tường bao quanh, các cột cây. Bồ-Đề Đạo Tràng lúc này mang hình ảnh một cung trời mới với ngàn sao. Chúng tôi phát-xuất đi kính-hành cũng từ đây. Đoàn người tay cầm nến miệng niệm Phật làm lủi đi trong ánh sáng lung linh như những thiên-thần đi lên Cung trời Đâu xuất hay xuống Long Cung rước Đức Từ-Phụ trở về địa giới. Chúng tôi đi trong tiếng kinh cầu tại Đạo Tràng, trong vũ-trụ bao la đen đặc, với ngàn sao lấp-lánh. Phải chăng chúng tôi đường được các Thầy dẫn về cõi Tịnh-Độ?

Buổi cầu kinh được chấm dứt tại chánh-điện đại tháp sau ba lần đánh lễ Đấng Từ-Tôn.

Cũng tại đây, riêng với phái đoàn Mỹ đã có một kỷ niệm đáng ghi mà tôi không được biết để tham dự, đó là lễ xuất gia của người bạn Không Quân khi xưa. Anh ta, bấy giờ tôi phải gọi cũng sẽ bằng Sư Bồ-Đề, đã xuống tóc, rửa sạch ngàn ngàn tội, khoác áo Sa Di, tắt máy nói "non stop" và chỉ mỉm cười đáp lễ mọi người. Thật là một thay đổi màu nhiệm của đạo-pháp, chỉ trong giây phút đã chấn chỉnh cái phong-thái của con người đủ nửa vòng quay 180 độ, từ cái có sang cái không hay nghịch lại.

Sau ba ngày tại Bồ-Đề Đạo Tràng, dù muốn dù không, các Phật-Tử nhận cuộc hành hương chiêm-bái này làm mục đích điểm đạo, thì phải nhận thấy mình có điều gì khác lạ mà chưa khai thông được. Riêng tôi, có những lúc đi trong đoàn mà thấy mình có đốn lạc lõng, nhìn các nền móng chớ vớ của các đại tháp xưa, các cột đá, các hình tượng Thánh tích: "trở gan cùng tuế-nguyệt" mà tưởng đến hai chữ VÔ-THƯỜNG, nhìn cội cây Bồ-Đề với lịch-sử tàn nhẫn về sự hiện hữu, nhìn kim-cang toà, vật cúng dường của vua A-Dục, mà hiểu được TÍNH KHÔNG BÁT-NHÃ ... Gục đầu trên thớt đá tạc hình hai bàn chân của Phật ngang cội cây Bồ-Đề để tưởng nhớ tới Đấng Từ-Phụ tôi đã tự hỏi: Ta là ai? xuống cõi trần này làm chi?... Tôi không biết còn "ỒM" cái ào-giác và cái hiểu biểu-kiến này đến bao giờ khi tôi trở lại đi làm việc thi đua với đồng hồ ở Âu-Châu.

Ngày 29/11/96

Phái-đoàn dự tính thức dậy 5 giờ đem hành lý ra xe, 5g30 sang chùa Việt-Nam dùng điểm-tâm, 6g30 lên đường đi Ba La Nại với cơm vắt muối mè mà nhóm Phật Tử Đức đã dùng tay nén đêm qua. Bàn tay của vùng nước lạnh cắt da và bụi đường bay dày như không khí. Nhưng tới 5g45 phái đoàn Đức

chưa di-chuyển được vì bốn bạn trẻ nhất trong đoàn được báo-cáo là thất tung, phòng khoá, hành lý còn bừa bãi trong phòng, Thầy Hạnh-Tấn đã cho người chui qua cửa sổ thông hơi vào trong mô của những cũng dành thức thú, Thầy ra lệnh di chuyển sau khi dẫn lại mấy vị coi chùa. Tất cả xe nín thở ái-ngại. Dùng điểm-tâm xong, thì cảnh xảy ra



cho phái-đoàn Đức nay lại tái diễn tại đây. Thầy Hạnh-Tấn cho lệnh xe di chuyển trong cái nóng nóng phàn nàn và mất bình tĩnh của một số Phật Tử. Nhưng, không đi về Ba La Nại mà đi về hướng Bồ-Đề Đạo Tràng, tới nơi, các Thầy Hạnh-Tấn, Hạnh-Nguyên, Minh-Tánh đổ xuống thật nhanh chạy vào đại tháp như các chiến-sĩ xung kích lao vào mục-tiêu để bắt ngờ chiến thắng, mà thật vậy, các Thầy đã "dẫn độ" được các vị trẻ lạc với lý do: không thông đạt được bốn chữ "sinh-ly, tử-biệt" trước tình "quê cha đất tổ" mà trở lại đây để đong đầy ký-ức làm hành trang hiểu đạo trước khi lên đường vĩnh-biệt (có thể). Còn sốt nóng vừa qua thì cơn rét trở lại: Chị Bảo trong phái đoàn Đức hốt hải nói, chị đã hết tài-sản cùng trắng hạt quên dưới gối trong phòng ngủ, thế là đoàn xe được quay về chùa Thái một lần nữa để giải quyết mọi rắc rối có-duyên, rồi lên đường sau 1 giờ chậm trễ.

Đối với Thầy Viên-giác, mọi sự trẻ nài, không đúng giờ đều không được chấp nhận vì thiếu nghiêm-túc, Thầy tử-bi không la mắng nhưng thủng cau mặt, gương mặt lạnh-lùng của Thầy khiến Phật Tử phải tự hiểu mà sợ-sệt sám-hối. Nhưng lần này, Thầy rất điềm-tĩnh, gương mặt thật hiền-hòa như muốn bênh vực cho những kẻ "phạm-pháp" là đảng khác nữa. Tôi không dám phỏng đoán, nếu ai muốn biết tại sao thì khi nào có dịp và nhờ chuyện này hỏi nơi Thầy.

Trong phái-đoàn có người dùng chay, có người dùng mặn nên tất cả khách sạn mà chúng tôi qua đều có một thực đơn như nhau: cơm chiên, bánh mì nướng, khoai hấp chiên bột, đậu các loại hấp tấy đều, sà-lát rau thập cẩm, rau sống... Phần tráng miệng: trái

cây đường mùa với chuối làm chuẩn bánh ngọt hay caramen loại Ấn-Độ. Ngoài ra còn có thịt gà, thịt cừu nướng hoặc chiên bơ. Sự lấy phần ăn tùy theo ý-thức.

Ngày 30/11/96

Mới 05g00 sáng mọi người đã tề-tụ lên xe để ra ngắm cảnh mặt trời mọc trên sông Hằng. Xe Bus đỗ cách bến độ 300m, chúng tôi đi bộ xuyên qua vài khu phố nhỏ rồi đổ xuống bến đò khúc sông có nhiều đền thờ và Ghat cũng là nơi để tắm và cầu nguyện của người Ấn. Nơi đây bốn chiếc thuyền be sơn trắng để khách để nhận khi xuống thuyền. Trời còn tối chưa nhìn rõ mặt người, bến không đèn, chỉ có vài tia sáng ẻo-uột từ các đèn bấm của vài người dẫn lộ, trên nền cát ướt, tiếng gọi nhau, níu kéo xuống ghe cho có bạn làm tôi liên tưởng tới cảnh 16 năm trước đây đã một lần xuống ghe đêm để bỏ lại vĩnh viễn sau lưng những gì thân thường nhất, để chọn một cái viên ngọc mà mình chưa bao giờ ngờ tới, nhưng đêm nay xuống bến với quyết tâm từng bước tìm hiểu và hành lý 12 nhân duyên hầu hầu rõ cái nghĩa của bánh xe pháp luân 12 nan mà đã được các Thầy khai sáng tại vườn Lộc-Uyển, đồng thời từng bước ép mình trong giáo lý để thể hiện điều tâm nguyện.

Trên ghe số 2 Thượng Tọa Giác-Đẳng đã giới thiệu về sông Hằng và lịch sử thiêng liêng của nó, Thầy đã giải-thích cái ý nghĩa về cảnh mặt trời mọc trong ánh sáng ban mai vẽ thành một vệt đỏ lung linh trên sông Hằng, lịch-sử các đền đài, các nghi-thức tắm xả tội của người Ấn, cái lòng tin tín ngưỡng của các cây nêu lá phướng, sự thiếu xác, rai tro..., Thầy cũng giải thích cái nghĩa khác biệt giữa bờ phía Đông và bờ phía Tây ở khúc sông này.

Con sông này bắt nguồn từ rặng núi Hy-Mã-Lạp Sơn chảy dài ngang Ấn-Độ với 5575km cung cấp nhiều nguồn nước cho kỹ-nghệ Ấn, nhưng chỉ nổi tiếng vì tính chất thiêng liêng của nó tại khúc sông đặc biệt này. Hằng năm vào những ngày lễ lớn, người dân thường qui tụ về hành lễ theo các phong tục Tôn-giáo và cũng thu hút được nhiều sự hiếu kỳ của du-khách. Do đó nếu đem sự hiểu biết về vệ sinh thường thức của Âu Châu để đánh giá về sự sạch sẽ của nước sông tại khúc này là một điều "ngu xuẩn". Vì tại nơi đây rác rưởi của thành phố đổ xuống qua các đường xuống lộ thiên, rác người xác vật trôi ngang nhiên, tro thiêu rai từng giẻ trên mặt nước, những cảnh cung kính tắm rửa của người dân bản xứ, cảnh giặt giũ quần áo, mền thảm, với đủ mọi thứ xả phòng, cảnh cắm nêu, rắc hoa trên dòng sông để khấn nguyện... và không tả xiết được những gì mà dòng sông "oan nghiệp" này phải đón nhận để tạo cái tính linh thiêng cho nó.

Mặt trời vừa lên đến đầu sào thì chúng tôi ghé bến, lên xe, về lại khách sạn dùng sáng.

9g15 chúng tôi di chuyển tới vườn Lộc-Uyển, sau khi trả tiền qua cổng, phái đoàn vào vườn và tề-tụ trước đại tháp mang tên Dhamekhasupa (tháp chuyển pháp-luân). Tại đây tất cả đánh lễ, tụng kinh, đi kính hành và nghe Thượng Tọa Giác-Đẳng nói về lịch-sử của các Thánh-tích:

1.- Tháp chuyển pháp-luân là di-tích do nhà khảo-cổ Cunningham tìm thấy và khẳng

định nơi đây Đức Phật đã giảng bài pháp đầu tiên cho năm anh em Kiều Trần Như. Tháp này do vua A-Dục xây vào khoảng năm 300 trước TL; cao 31,3m và đường kính 28,3m, hình dạng của phần trên tháp thì không rõ song đầu dó trên tường tháp còn sót lại những đường nét chạm trổ có giá trị điêu-khắc về thời dó.

2.- Trụ đá Asoka, trụ này được vua A-Dục cho xây vào khoảng 250 năm trước TL, trụ cao 21,33m trên đỉnh có tạc một con sư tử bốn đầu. Ngày nay tại đây chỉ còn vài khúc, được bảo-vệ bằng một hàng rào sắt, phần đỉnh, con sư-tử bốn đầu, thì cất tại bảo-tàng viện gần đó Truyền thuyết cho rằng xưa kia mặt trụ bóng láng, ai muốn rửa tội thì soi mặt mình vào vách trụ cho đến khi thấy bóng mình trong đó.

3.- Các nền tháp tu viện, theo ký sự của Ngài Huyền-Trang thì đây có Tăng-viện chứa khoảng 3000 Tăng sĩ tu-học trong 30 Tầng xá rải rác sau tháp, mà nay chỉ còn là các nền móng mà thôi.

4.- Vườn Lộc-Uyển xưa kia chỉ là nơi hoang-vu, dành riêng cho các thánh nhân tìm đến tu-tập và chia sẻ những tri-kiến giác ngộ với nhau. Chính nơi đây năm anh em Kiều Trần Như đã về tu tập sau khi Đức Thế Tôn bỏ lối tu khổ-hạnh để tìm con đường giác ngộ. Nơi đây là chốn thanh-bình của muốn thú và là nơi của các ẩn sĩ ép xác để cầu quả vị giải-thoát.

5.- Vườn nai, là một vườn rất rộng, nay có hàng rào kẽm gai bao quanh, nuôi rất nhiều loại nai, nhưng khi phái đoàn qua chỉ có một gia-đình nai bốn con ra mừng.

6.- Tịnh xá Hội Đại Bồ-Đề (Mulgandha kuti). Đây là Tịnh Xá có lối kiến trúc của Đại tháp ở Bồ-Đề Đạo Tràng do hội Mahabodhi xây cất vào năm 1931, cao 30,48m, chính nơi đây vào lúc 19g00 chiều cả phái-đoàn được phép đặc-biệt vào chiêm bái, dâng-lễ, tụng kinh và tụng cá nhân khấn nguyện trước ba viên ngọc Xá-Lợi của Đấng Tỳ-Phụ, đây là duyên may hi-hữu của phái đoàn lần này do tài ngoại giao khéo léo của ban tổ-chức. Trong phòng nguyện Tịnh-Xá lúc 10giờ sáng cả phái-đoàn sau phần dâng-lễ, tụng kinh, đã được nghe Thượng Tọa Viên-Giác giảng tường tận cho chúng Phật-Tử về cuộc đời của Đức Phật từ Đản-Sanh đến khi Nhập Diệt theo như bức họa trên tường phòng nguyện. Bên phải của Tịnh-Xá có một khu nhỏ với hàng rào xây và nằm dưới cội cây Bồ Đề, cây này được chiết từ cây ở Tích Lan mang sang trồng vào năm 1931, một cảnh tượng có mái che, gồm: tượng Đức Phật ngồi thuyết giảng kinh Tứ Diệu-Đế cho năm anh em Kiều Trần Như, Phật mặc Tăng bào, còn năm anh em thì mặc áo đạo sĩ, các tượng đều to lớn hơn người thật. Nơi đây, theo lời kể, Phật đã đánh đổ được ý-niệm của phép tu giải-thoát qua con đường ép xác khổ-hạnh. Ngài đã giảng kinh chuyển pháp luân đầu tiên trong hào-quang và ánh sáng muôn sắc, lúc đó hú-không muôn ngàn tiếng nhạc trời trời dậy quyện với các hương thơm của hoa chiên-đàn, cả thầy ba ngàn thế-giới rung chuyển, chú thiên tử các cõi trời giáng xuống, hoa mạn thú sa và các loài hoa quý trên đây thêm đất để cúng dường.

Mở đầu bài kinh Phật nói đến đường tu trung-đạo xa lìa các kiến-chấp, Ngài cho

rằng hai cực đoan một là mê đắm dục-lạc, hai là tu khổ-hạnh, đều là phạm phu và và đau khổ không xứng với phẩm-hạnh của thánh nhân, phải từ bỏ hai điều này mới thấy được con đường trung đạo, con đường đem đến pháp nhãn, trí-huệ, đem lại thanh-lĩnh, thượng tri và giác-ngộ niết-bàn. Lần này Ngài A-Nhã Kiều-Trần-Như liền đắc quả thánh A-La-Hán. Sau đó Phật lại thuyết lại bài kinh chuyển-pháp-luân lần thứ hai với tánh chất vô-thường của vạn pháp, tức là nói về kinh Tứ-Diệu-Đế. Lần này bốn vị còn lại chứng quả vị A-La-Hán.

Và cũng chính nơi này Phật đã gửi 60 vị A-La-Hán, đệ tử đầu tiên của Ngài, đi khắp nơi để hoằng truyền giáo lý.

8.- Cuối cùng Thượng Tọa Giác-Đẳng đưa phái-đoàn tới trước chân tượng Ông Thamapala là một trong ba người có công hàng đầu trong việc bảo tồn các Thánh tích Phật-Giáo tại Ấn-Độ (ba vị là Vua A-Dục, Ngài Huyền-Trang, Ngài Thamapala).

Tại đây phái đoàn chia tay, Phật-Tử được tự do đi thăm thú hay mua sắm, còn các Thầy thì đi lo giấy phép đặc-biệt cho phái-đoàn chiều nay trở lại Tịnh-Xá một lần nữa để chiêm-bái ngọc Xá-Lợi vào lúc 19g00.

Lợi dụng khoảng thời gian trống vắng từ 13giờ đến 19g00, tôi đã đi thăm Viện Bảo-Tàng tại đây. Viện không lớn, gồm hai gian nhà xây hình chữ L, trong chứa các Thánh tích bằng đá mà chính phủ đã khai quật được, trong đó có tượng con sư vương bốn đầu của trụ Asoka và tượng Phật được tạc theo tư thế chuyển pháp luân là có giá trị nhất, tượng rất sống động với những đường nét an-tịnh của bậc giác-ngộ, Viện này nằm trong một khuôn viên khá lớn, rất tiếc là máy quay của tôi bị-tích thu nên không có hình trong cuốn video.

Sau đó tôi theo chân hai Thầy Hạnh-Nguyên, Hạnh-Tấn đi thăm Viện Phật Học Quốc-Tế tại đây, Viện này khá lớn, sơn phết đủ màu, nằm trong một khuôn-viên xanh màu lá, Viện này khởi xưởng từ năm 1970 nhưng phải mất 7 năm (1977) mới được chính-phủ Ấn tài trợ. Nơi đây đào tạo các Sinh-viên Cử-nhân và Cao-học về Phật-Giáo cho thế-giới. Viện chứa khoảng 300 sinh-viên cho mọi tầng lớp. Viện có một nhà in khá tốt tần với microfilm và micro fiche có thể in một lúc 35.000 cuốn kinh tiếng Tây-Tạng. Thư-viện chứa rất nhiều tạng kinh điển bằng chữ Pali, chữ Hán, chữ Anh, chữ Phạn, chữ Ấn. Rất tiếc là đến thăm không chính thức nên không được vào trong, tuy nhiên gặp được vài sinh viên nam nữ đứng nói chuyện với hai Thầy, họ cũng rất hiếu khách, dễ thương nhất là nụ cười luôn dính theo câu chuyện.

Đúng 19g00 Thầy Viên-giác dẫn phái-đoàn vào trong Tịnh Xá lần thứ hai để chiêm bái, tụng kinh và khấn nguyện trước ngọc Xá-Lợi. Đây là lần thứ hai phái đoàn Âu-Châu được chiêm bái Xá-Lợi.

Ngày 01/12/96

Cũng như thường lệ, đúng 05g00 sáng, mọi người phải hoàn tất hành lý, mang xuống để vào chỗ của nhóm hầu tránh thất lạc một khi di chuyển đi nơi khác không trở lại, rồi vào phòng ăn dùng điểm-tâm. Hôm nay là ngày thứ bảy của cuộc hành-hướng nên mọi người đã quen với thời khoá biểu sát sao của

Ban Tổ-Chức, khiến độ căng về giờ giấc và trật-tự của các Thầy cũng chùng xuống. Đúng 06g30, cả đoàn xe bắt đầu lăn bánh đi Cầu-Thi Na (Kushinagar).

Cầu Thi-Na là một thị trấn nhỏ, dân cư sống hiền hòa và rất mộ đạo Phật, theo truyền thuyết thì Đức Phật đã kể rằng: "Trong tiền kiếp Kushinagar từng là thủ đô của nước Kusavati có một vị vua trị vì tên là Mahasudassana, dưới triều đại này người dân sống sung-túc, thịnh vượng, giàu có, rồi trải qua các triều đại kế tiếp, thành phố này lớn rộng và trở thành một trung tâm tu học với nhiều cổ tháp và tu viện, mỹ-thuật, nghệ thuật, Phật-Giáo ở đây cũng đạt tới đỉnh cao nhất của nền văn minh văn-hoá Ấn. Tiếng trầm vang của Ni cô đọc kệ cho chúng tôi nghe đã chấm dứt khi đoàn xe đỗ nghỉ lại tại một lữ-quán ven đường. Lữ quán này mới cất, chắc chưa đầy một tuổi, tọa lạc trên quan-lộ dẫn tới Kushinagar, Motel này cũng có vẻ kiêu-sa như các khách sạn tại các thành phố lớn, đầy đủ tiện nghi cho một tiếng đồng hồ dừng chân của phái-đoàn. Phái-đoàn nghỉ chờ nhân viên lữ-quán đi mua gạo, thức ăn về nấu nên khúc đường còn lại họ có dịp ngồi quan sát tài lái xe của chú Bảy... Xe số 1 dẫn đường rồi kế-tiếp số 2, số 4, số 3 thay phiên nhau hưởng đạo, chúng chạy xuyên qua các thị trấn nhỏ theo ký ức bản đồ, vì trên quan lộ không thấy một bản chỉ nào hết, mãi tới Kushinagar mới thấy bảng chỉ màu xanh chữ trắng như ở Đức giảng ngang trên quốc lộ. Chúng tôi tới chùa Linh-Sơn khoảng 16g, sau khi đỗ xuống thì được biết xe số 4 đã nằm đường, nên xe số 1 phải trở lại tiếp cù. Ban Tổ-Chức đã phân-phối thật nhanh chỗ ở cho các phái-đoàn, phái-đoàn Âu-Châu lần này mỗi được ở chung với Thầy Trưởng đoàn và một số Tăng Ni. Phái-đoàn Mỹ ra ở ngoài, một Hotel gần đó.

Chùa Linh-Sơn, theo lời kể của Thượng Tọa Viên-Giác và Sư cô Trí-Thuận, xưa kia là chùa của người Hoa mang tên Song-Lâm-Tự xây cất trong hai năm 1948-1950, sau đó Ni cô trụ trì viên tịch và chùa này được cúng lại cho Hòa-Thượng Huyền-Vi, Viện chủ chùa Linh Sơn tại Pháp, vào năm 1993. Hòa-Thượng cử Sư cô Trí-Thuận sang lo việc điều hành và tổ bồi Phật sự ở đây. Được nghe kể Sư cô là người hoạt bát, siêng năng và có nhiều sáng kiến trong việc kiến tạo cho ngôi chùa này trở nên khang trang và đầy đủ tiện nghi cho các phái đoàn hành hương hay du-lịch tới con số 50 người có thể trú ngụ tại đây. Chùa có tượng Đức Bốn-Sư tọa thiền trong một bảo tháp ở chính giữa nóc, ngôi nhà hai tầng, mỗi tầng có bốn phòng đôi và một phòng cho gia-đình từ 6 đến 8 người, ngôi chánh điện khiêm nhường, trên chánh điện cũng có một dãy Tăng xá, ngoài ra bên hông trái chánh điện và phía sau cũng có một số Tăng phòng, phía bên phải chánh điện là nhà bếp với hai phòng ăn khá rộng. Ngay lối cổng vào chùa có tượng Phật Quan-Âm màu trắng đứng trên tháp nhìn xuống bể phun nước tam cấp xây vòng, chiếm khoảng giữa sân, quanh bể là một lối đi dùng để kinh hành sau mỗi khóa lễ. Vườn chùa còn rộng, cây còn mới, cây già nhất có lẽ chùa đến 30 năm, tuy nhiên cảnh chùa thanh tịnh đến có cảm công thường chọn mái cổng chùa làm chỗ tắm nắng ban mai. Đặc

biệt chùa có thờ ngọc Xá-Lợi và phái đoàn Âu-Châu hữu duyên, mỗi người được cúi đầu dành-lễ, tay ôm bảo-tháp, tận mắt chiêm bái và khấn nguyện cùng giải bày tâm tư kỳ-vọng theo đức tin đạo pháp của mỗi cá nhân. Đây là lần thứ ba mà phái đoàn Âu-Châu được chiêm bái ngọc Xá Lợi, có lẽ đây là cơ may bất nhị của phái đoàn Âu-Châu kỳ này (1996) đối với các phái-đoàn hành hương trước.

Theo tôi, cái cơ-duyên may mắn được thấy ngọc Xá Lợi mỗi lần là động cơ chuyển hoá ý, tâm, trí và thức của người Phật-Tử hưởng thụ trong ánh hào quang của Phật Pháp.

Sau khi phái-đoàn đã yên ổn nơi chốn tại thị xã, thì tất cả đều đổ về chùa Linh-Sơn dùng bữa cơm chiều với mì xào chay và bún riêu chay, thường thức tài nấu nướng của Chị Cam, Trưởng Ban Trai-Soạn dã-chiến của đoàn. Nửa giờ sau khi ăn cơm xong, Thượng Tọa Viên-Giác họp phái đoàn Âu-Châu lại, người trình bày nhu-cầu cần thiết của Vị sư trụ trì về sự phát triển chùa Linh-Sơn đường xây cất tại Lâm-Tỳ-Ni. Tất cả Phật-Tử đã hoan hỉ thỏa mãn trên số nhu cầu về tịnh tài cần của Ni sư, mặc dầu trước đó, trên chuyến xe đi Bồ-Đề Đạo Tràng, đã đóng góp vào các quỹ giúp Tăng Ni du học hay các Phật sự khác con số 10.000 đô-la có lẻ. Thầy hoan hỉ nhận, trước khi giã từ Linh-Sơn, Thầy đã trao trọn cho vị Trụ trì và góp ý với số tiền lẻ nên để một bia khắc lưu-niệm tán thán công-đức của phái đoàn Âu-Châu trong khuôn viên chùa Linh-Sơn tại Lâm-Tỳ-Ni.

"Phái thức đêm mới biết đêm dài" Cổ nhân xưa nói không bao giờ sai! Tất cả các buổi họp của Thầy, chúng Phật Tử tại Đức bao giờ cũng chịu ảnh hưởng nghiêm-túc của Thầy, ngay cả hôm nay chúng tôi cũng phân làm hai, bên thiện nam, bên tín nữ, sau khi phát tâm làm hạnh của Bồ-Tát xong có một vài vị nữ, vì sợ ý ngồi xen lẫn vào bên nam. Thầy cười thoải mái và nói để kết thúc buổi họp: "Mỗi có chút tâm bố thí mà đã có ý-nghuyện kiếp sau đổi phái!". Mấy chị bên lên đứng lên, Thầy mang nguyên nụ cười đó theo ra.

Từ ngày biết Thầy qua các cuộc họp hay biểu-tình, khi tôi còn là thành viên của Liên Hội NVTN tại Đức, cho đến khi theo Thầy học đạo, tôi luôn luôn có ý nghĩ trước cái oai nghi, mực thước trang nghiêm, gói xếp quạt lông, mực tàu kẻ thẳng, những nay đi theo Thầy trong những công tác phúc thiện, nhìn ánh mắt và nụ cười của Thầy, tôi mới thấy mình quá biểu-kiến, cái trang nghiêm khó khăn của Thầy chỉ là cái vỏ bề ngoài đối đãi, bao bọc một tâm hỉ xả tử bi, thể hiện tấm lòng bao dung rộng lớn của một Quan-Âm thị hiện.

Chúng con xin học cái đạo hạnh này nơi Thầy. Cái hình ảnh này và tiếng cười đó chắc đã in sâu vào tâm khảm của các Đạo Hữu có mặt hôm đó, không thể quên được.

(Gói xếp quạt lông ý nói là người: nói đúng làm đúng, y phục chỉnh tề thẳng nếp như các bậc phụ mẫu chi dân; Mực tàu kẻ thẳng ý nói: con người bất nhị, một là một, hai là hai, không có trường hợp khác)

Ngày 02/12/96

Sau thời công phu khuya với Thầy, Sư Bà và các Cô, chúng tôi xuống bếp dùng sáng

thì phái đoàn Mỹ cũng vừa qua, các mẫu chuyện một đêm qua tại khách sạn với muỗi mòng và chuyện thượng thọ hạ thụ được kể lại trong tiếng cười vui.

7g00 Chú-tăng các chùa lân cận đến chào mừng, chụp vài bức hình kỷ niệm với phái đoàn, sau đó Thượng Tọa Giác-Đẳng bố-trí các công việc trong ngày.

7g30 Tất cả đi bộ sang chùa Niết-Bàn, người gác gian đã mở cổng cho phái đoàn, trước khi vào Tịnh Xá, phải băng ngang một khu vườn rộng với nhiều cây cổ thụ, phải leo một tam cấp khá cao. Tịnh Xá có kiến trúc giống như một nhà ga xe lửa xưa với trần nhà nửa hình trụ hai đầu có hai cửa kính hình tròn lấy sáng, chánh-điện là một gian phòng lớn độ 6m x 15m x 5m, giữa điện là một sập đá cẩm-thạch, trên đó tượng Đức Thế-Tôn nằm nghiêng, đầu hướng Bắc, chân hướng Nam, mặt nhìn ra phía cửa theo hướng Tây, lưng hướng Đông. Đức Thế-Tôn nằm gối đầu lên tay phải, tay trái để xuôi theo thân mình, đắp y màu vàng ngoài phủ một y bằng vải màu đà do các Phật-Tử cúng dường. Sau khi chú tôn đức đã yên vị trước sập đá, các Phật-Tử lần lượt kế tiếp ngồi quanh kim cang bồ toà, trừ pháy trên, hướng Bắc dành cho các Sư người Tây-Tạng trụ trì, Thượng Tọa Giác-Đẳng đã cho biết: nền móng của ngôi chùa này và đại tháp chính sau chùa là một và theo một số khảo cổ gia thì nền móng này được xây lại vào thế-kỷ 11-12 sau TL khi nền móng nguyên thủy đã bị phá hủy, nền móng này được tìm thấy năm 1876 do một nhà khảo-cổ tên là Carleyle, đồng thời với pho tượng nằm bị bể, sau này người ta ráp nối và tu sửa lại thành y dạng của tượng theo từ thế nhập niết bàn. Được biết pho tượng này tác vào thời đại Gupta (415 - 456 sau TL) do một vị Tăng tên là Haribhadra, dài khoảng 6m. Toàn vùng này đã đi vào quên lãng từ thế kỷ thứ 10, sau sự san bình địa của quân đội Hồi-Giáo. Để tưởng nhớ đến công lao của Đấng Tử Phụ, phái đoàn đã dành lễ, tụng một thời kinh và đi nhiều quanh 3 vòng. Kết thúc buổi lễ, một nhà Sư người Tích-Lan đã kể lại di ngôn của Đức Thế-Tôn bằng tiếng Anh và tiếng Pháp, sau đó Thượng Tọa Giác Đẳng đã lược dịch lại rất là thâm thúy và cho chúng Phật Tử thấy được tính vô thường của sự vật (xin nghe trong băng Video).

Trên thềm Tịnh Xá, Thượng Tọa Giác-Đẳng đã nói về lịch sử của khu vườn, các nền tháp, tu viện... cuối cùng, Thượng tọa đã sắp xếp một lễ khất thực cho một số Tăng Ni, khởi đi từ Tịnh Xá qua các ngả trong khuôn viên. Dẫn đầu là Hoà Thượng Giác-Nhiên sau tới các Thượng-Tọa, Đại-Đức, Ni Cô. Các vị đều chào trước ngực một bình bát màu bạc lót trong iếm khăn vàng, nhận các thí phẩm trên tay các Phật Tử trong không khí trang nghiêm. Các Phật-Tử hân-hoan, sung sướng được thực- hiện hạnh bố thí, các Tăng Ni trầm-tĩnh siêu-xuất, ánh mắt chứa chan tình cảm, trên khuôn mặt tử bi phổ-độ chúng sinh.

Khoảng 10 giờ hơn tất cả đã có mặt nơi tháp hỏa thiêu nhục thể của Đức Thế Tôn, tại đây Đoàn cũng đi nhiều quanh ba vòng, rồi tụ lại trước thềm tháp để nghe nói về lịch sử của tháp. Tháp này được cất khoảng thế kỷ thứ 1 sau TL. Cùng với một số chùa

quanh vùng mà nay chỉ còn nền móng, ta không rõ kích thước và lối kiến trúc của tháp, nhưng tháp này được kể là một đại tháp. Ngày nay, cả vùng này được coi là quốc tích của chính phủ và vẫn nằm trong chương trình khai quật của nhà nước.

Từ chân tháp nhìn lên, các Tăng Ni đang đứng thành hàng, những chiếc áo vàng chói chang trong nắng ban mai, khiến tôi liên tưởng tới lời giảng của Sư Giác-Đẳng. "Đức Thế-Tôn sau khi nhận bộ y sắc vàng của Tôn-giá Pushaka và nói với Ngài A-nan hãy đắp lên mình Ngài, chiếc y vừa phủ kín nhục thể thì thân Ngài bỗng trở nên sáng rực, do thần lực của Ngài, đó là dấu hiệu báo hai hiện tượng sắp xảy đến, một là, Sự đắc quả chánh đẳng chánh giác; Hai là Đức Thế-Tôn sắp nhập Niết-Bàn. Vào cuối đêm đó, Đức Thế-Tôn nghỉ trên chiếc võng giảng ngang hai cây sa la, mà nay không còn nữa vì sự nở rộng Thánh tích, bỗng nhiên cây sa la hoa nở rồi rơi phủ kín thân Ngài, đồng thời các loài hoa khác như hoa chiên-đàn, hoa mạn đà từ các nơi trên không trung đã bay về như mưa rào nơi khuôn viên tạo thành một tấm thảm rực rỡ muôn màu và nhuộm không gian một hương thơm ngào ngạt, đồng thời thỉnh không rêu rất nhạc trời như để cúng dường lần chót Đức Thế-Tôn.

"Này các Tỳ Kheo, ta nhận sự cúng dường màu sắc, hương thơm, của các loài cây sa la, chiên-đàn, mạn-đà, các loại nhạc trời rêu rất, không phải là để tạo sự tôn kính, sung bái về sự vẻ vang như lai đâu! bất luận ai: Tăng, Ni, nam nữ Phật-Tử, ai thực hành theo đúng lời ta dạy, đúng theo giới pháp ta trao và sống trang nghiêm theo con đường chân chính thì cũng sẽ nhận được sự tôn-kính, sùng bái, vẻ vang Như Lai một cách cao thượng và cũng nhận được sự cúng dường như ta. Vậy các con hãy gắng công tu tập, y theo giới pháp và sống đời phạm-hạnh...

Đức Thế-Tôn đã nhập-diệt; con mắt pháp của thế-gian đã đi vào hư-vô, tan biến trong không-gian, thời gian như chùng xuống, nét hoan-lạc trên mặt mọi người đã ra đi, nhường chỗ cho sự sầu bi thương-tiếc... Sư Chơn-Trí, Sư Giác-Đẳng... đã qui xuống gập mình trước bảo-toà dành-lễ, tiếp sau một số Tăng Ni, Phật-Tử làm theo ...

Bài học về duyên sinh, về tính vô-thường của sự vật, về tính không bất-nhã đã trở về trong óc tôi. Mô Phật, Tôi lặng lẽ dành-lễ Ngài, chỉ có cái vi-diệu tối thượng của Tử-Diệu Đế, Bát Chánh-Đạo áp đặt trên lý duyên sinh mới cho ta thoát khỏi mọi đau khổ của kiếp con người và muôn kiếp luân-hồi... Mắt tôi mở đi và làm lui theo đoàn người ra xe về lại Linh-Sơn Tự mang theo một cảm giác buồn lâng lâng bàng-bạc.... Cả ngày hôm đó, mặc dù đi theo đoàn tới một trường trung tiểu học, phát phần thưởng tinh-thần cho các học sinh, quà tặng cho giáo viên, tịnh tài cho giới chức để trợ giúp xây thêm một lớp học. Cái cảnh ồn ào vui vẻ của người nhận lễ phát không lời cuốn được tôi, tôi chỉ làm việc như một cái bánh răng trong một bộ máy mà thôi! Chiều về, theo Thầy Viên-Giác đi bộ đến các chùa quanh vùng, như chùa Miến-Điện, Thái-Lan, Tích-Lan, Tây-Tạng, Đại-Hàn, Nhật-Bàn... để cúng dường một số tịnh-tài khiêm nhường hầu tạo cơ-duyên hữu nghị. Nhìn cử chỉ vui vẻ biết

ón, cái phong thái an nhiên tự tại, cái ánh mắt cương nghị, chủng tỏ một sức mạnh vô-biên chấp nhận hiện tại của các Vị sư trụ trì nơi đây, để hoàng pháp tại một vùng mà đời sống khốn cùng nghèo nàn thiếu thốn như đời sống của người Việt miền Bắc vào năm 1945, hay những năm chiến tranh cao độ cho dân tại Ba Tở, Đức Phổ, Sa Huỳnh uyển tại Quảng Ngãi Qui Nhơn, cái ý tưởng này lại nhen nhúm thúc đẩy cái tâm tử buối sáng của tôi nói hòa thiêu nhục thể Đấng Thế-Tôn...

Tôi không so-sánh, tôi chỉ nhận xét theo nhãn quan của tôi khi theo Thầy đi tham quan các chùa, ở Bồ Đề Đạo Tràng và ở Kushinagar. Phật-Giáo của các nước bạn, lòng tin được thể hiện theo các kiến trúc và cách thờ phụng như sau: Người Nhật tin theo trí huệ tu học của mình, biểu lộ trên các công trình xây cất vĩ đại. Người Đại-Hàn thể hiện lòng tin trên âm thanh về sự rêu rắt của giọng kinh. Người Tây-Tạng lòng tin Phật với tất cả sự thần bí, họ thờ Tượng Đấng Thế-Tôn trong khung cảnh thiếu tôn ti trật tự. Người Tích-Lan họ tin Phật như tin chính cha mình nên có vẻ cuồng tín, nơi thờ phụng họ trưng bày tất cả cái gì họ có. Người Ấn tin Phật trong sự chấp nhận nghiệp quả mà họ có, thờ Phật có tính cách sám hối. Người Thái họ tin Phật trong nội tâm nên họ có một đặc thù cá nhân riêng biệt mặc dù họ chấp nhận sống chung trong một Tăng đoàn, do đó chùa Thái có một lối kiến trúc khác biệt với tất cả các chùa Miến và Ấn. Người Trung-Hoa tin Phật với lòng thành tự nhiên trong ảnh hưởng Khổng Giáo, sự thờ phụng của họ trong tôn ti trật tự lổp lang, nên kiến trúc của họ rất là cân đối trên dưới, trái phải, trước sau... Người Miến tin Phật với lòng biết ơn, nên việc thờ cúng và kiến trúc, tùy theo vị trụ trì và Tông phái, không đồng nhất... Người Việt-Nam? tôi xin dành để quý vị độc giả phán quyết, ý của riêng tôi: phức tạp vì chúng ta chịu ảnh hưởng của hai luồng Phật Giáo Bắc Nam.

Chiều xuống cơm nước xong, tôi lên chánh điện dâng lễ để nhận thêm tha lực của Ngài, rồi tìm gặp Sư Cô trụ trì tôi ý muốn được cầm tháp đựng ngọc Xá Lợi để nguyện. Sư cô Trí-Thuận có vẻ ngập ngừng chỉ cho thấy Xá Lợi đặt trong tháp thủy tinh và khóa trong một tủ kính. Tôi nhìn thẳng vào ánh mắt của sư cô với ý nghĩ cầu khẩn là được cầm Xá Lợi, đến giờ ngồi viết các dòng này tôi hứa xin sám hối về hành động của tôi, Sư cô tự nhiên đứng dậy, lấy chìa khóa mở tủ và gọi tôi lại giúp Sư cô mang tháp xuống vì trọng lượng. Tay tôi cầm tháp, mắt nhìn Xá Lợi qua chụp kính, đặt xuống bàn thờ, tôi tự động mở chụp kính ra để tự do thấy tận mắt Xá Lợi trong khoảnh khắc rồi cúi đầu dâng lễ và khẩn nguyện khá lâu. Tôi nghĩ tới các bạn chưa được may mắn như tôi nên tôi xin phép thầy hình Xá Lợi để các bạn chiêm bái. Sau đó là bác Thiện Nghĩa rồi lần lượt các bạn trong phái đoàn Đức vào dâng lễ trong lời kể về sự nhiệm mầu như hoang đường của Xá Lợi thờ tại đây: Sự bay xuyên lục địa của Xá Lợi hay sự bay trở về chùa Linh-Sơn sau khi Xá Lợi đã đem dâng tặng một chùa ở châu khác. Đây là lần thứ ba mà chúng tôi may mắn được chiêm bái.

Ngày 03/12/96

Như thường lệ, 05g00 tất cả đã tề tựu ở trước chánh điện với hành lý thủ tự từng nhóm để chờ sắp xếp lên xe. Đứng 06g00, Thầy, Sư Bà, Sư cô trụ trì, các cô, cùng một số Phật Tử đã tụng chú Lăng Nghiêm sau thời công phu khuya xong, Thầy trao cho Sư cô trụ trì sổ tịnh tài theo nhu cầu xây cất tại Lâm-Tỳ-Ni và bảo trợ học sinh nghèo tại Kushinagar, ngược lại, Sư cô trong lời nói thành kính cảm ơn Thầy và phái đoàn cùng trao tặng kỷ vật lưu niệm cho mọi người.

07g00 cả hai phái đoàn cùng dùng sáng, rồi lên xe hướng về xứ Nepal, đi chiêm bái vườn Lâm-Tỳ Ni, nơi Đản Sanh của Đức Thế-Tôn.

Lâm-Tỳ-Ni, một thành phố được nhà khảo cổ người Đức tên là Führer tìm thấy vào năm 1895 qua trụ đá Asoka với dòng chữ khắc trên đó: "nơi đây Đức Phật đã sanh ra vào ngày vesak (15.05 lịch Ấn, khoảng năm 624, 625 trước Thiên Chúa giáng sinh, Thánh tích này là một ngọn đồi nằm dưới chân dãy Hy-Mã Lạp-Sơn thuộc rừng Churia, nay thuộc xứ Nepal.

11g05, đoàn xe ngừng tại trạm kiểm soát biên giới để làm thủ tục nhập nội, các hướng dẫn viên Tây-Tạng và các Thầy có vẻ lo lắng về cái lễ lối làm việc rườm rà của công nhân viên chức biên-phòng, họ ngồi viết tập đồ trên các bản viết đơn sơ trong các quán gác xiêu vẹo lợp tranh dựng tạm bên lộ, như các trạm thu thuế lưu động của Mặt Trận Giải-Phóng ở thời xa xưa tại Việt-Nam trong những vùng xôi đậu. Các Thầy ở lại, đoàn xe vượt biên và dừng lại tại một khu chợ ven biển để chờ. Nepal khác Ấn là đàn bà ăn mặc lộ liễu và có mặt ở ngoài đường nhiều hơn. Nepal không bảo thủ như Ấn họ có vẻ vọng ngoại, nhưng cái cảnh ồn ào vô trật tự, sự sống nghèo nàn, quê mùa chất phác tự tại thì cả hai nước đều giống nhau. Nhờ "thủ tục đầu tiên", mà sự kiểm soát được chấm dứt nhanh chóng, đoàn xe tiếp tục lên đường đến thẳng khách sạn Niết-Bàn.

Phân phối phòng ốc xong, chúng tôi dùng bữa trưa rồi chuẩn bị lên đường đi thăm Lâm-Tỳ-Ni. Đường sá bên này tương đối ít xe và khá hơn bên Ấn song lại quá nhiều trạm kiểm soát với các cần tre kéo lên để thu thuế, hình như mỗi đầu làng có một trạm thì phải? Họ không lấy nhiều, hình như mỗi lần nộp chừng 10 ruppie (độ 50 pf). Chúng tôi tới Lâm-Tỳ-Ni khoảng 16g00 chiều mà trời đã chạng vạng hoàng hôn, tôi không biết sự rộng lớn của ngôi vườn này, nhưng có lẽ là rất rộng vì xưa kia là vườn Ngự Uyển quê ngoại của Đức Thế-Tôn. Qua một khoảng đường dài cả 200m mờ bụi đất và hai bên biểu ngữ đón tiếp treo đầy của một ngày hội nào đó, cùng các dây nhà rạp cất tạm cho quan khách đã bỏ lại, chúng tôi dừng lại trước một trụ đá Asoka, rồi nhanh chóng tranh thủ thời gian, các Thầy cùng chúng Phật Tử lên tọa trên một nền tháp cũ, tung kinh, tôi không biết là kinh gì? song tôi đoán là kinh mừng khánh đản. Sau thời kinh Thượng Tọa Giác-Đẳng ngắn gọn tóm tắt lịch sử khu vườn này, rồi tất cả đi nhiều quanh trụ đá ba vòng trong ánh nến và tiếng kinh cầu.

Trụ đá cao bao nhiêu không biết, con số từ trên ngọn cũng không còn, phần còn lại

cao độ 5m với đường kính 0,5m và một hàng chữ Pali khắc chìm trên cột đá nằm giữa hai vòng đai sắt có nghĩa sau: "Sau 20 năm lên ngôi, vua Priyadarsi, vương hiệu của vua A-Dục, người được chú thiên mệnh yêu đã thân hành đến đây chiêm bái và dâng lễ vì nơi đây là nơi đản sanh của Đức Phật, Thánh nhân của dòng họ Thích". Ngày nay trụ đá được bao quanh một hàng rào sắt vuông vắn. Cách trụ đá không xa là một nền móng, xưa kia là đền của Hoàng Hậu, thân mẫu của Đấng Thế Tôn, đang được chính phủ trùng tu nên các Thánh tích được rời ra một căn nhà ở phía ngoài cổng, nơi đây có một hình tượng diễn tả lại cách sinh Thế-Tử, Ngài sanh từ hông bên phải của Mẫu hậu khi Bà đưa tay lên hái hoa Ưu Đàm. Gần đó, hiện còn hồ nước mà các cận thần đã dùng nước này để tắm cho Ngài. Bên hồ có cội cây Bồ-Đề rất lớn, nếu trời còn sáng thì cảnh nên thơ hữu tình của bóng cây, mặt nước này sẽ được đem về Mỹ Châu, Âu Châu không ít. Ngoài xa nữa là các nền móng của các tu viện rải rác trong bóng tối im lìm. Chúng tôi lăm lăm ra xe ngang qua những nơi đường xối đào Thánh tích và căn nhà tạm chứa các di vật lịch sử của mẫu hậu.

Chúng tôi vào thăm Việt-Nam Quốc Tự do Giáo sư Huyền Diệu Lâm-Trung-Quốc tạo dựng trong chương trình kiến thiết Lâm-Tỳ-Ni do Liên Hiệp Quốc tài trợ và sự đóng góp của Phật Tử Việt-Nam lưu vong trên thế giới. Chúng tôi được nghe Thầy Huyền Diệu thuyết minh, Người cho biết, Phật Tử Việt Nam trên toàn thế giới mỗi khiêm nhượng đóng được 2%, và 98% do các đệ tử của Thầy đóng góp nên Thầy gọi nơi này là căn nhà Mầu Nhiệm. Xin ôn trên phụ hộ độ trì cho Thầy có đủ sức khỏe và trí sáng tạo để hoàn thành các công trình Thầy đương trách nhiệm để Thầy trọn giấc mơ và Phật Giáo Việt-Nam thêm uy tín.

19g00, tất cả ra xe về lại khách sạn Niết-Bàn, bữa cơm chiều nay được gọi là bữa cơm chia tay giữa hai phái đoàn hai Châu Âu-Mỹ. Cơm nước xong, các Thầy dẫn hàng ngang ngồi trước chúng Phật Tử hai Châu. Trước hết Thượng Tọa Giác-Đẳng tuyên bố lý do buổi họp mặt giữa từ này, Thượng-Tọa nêu lên điểm son của phái đoàn là tinh thần lục hòa của ánh đạo giữa các Tông phái Bắc Tông, Nam Tông, Khất Sĩ ngoài sự tiên liệu của mọi người, Thầy cũng xin tất cả hi xá nếu có sự gì đáng tiếc xảy ra. Tiếp đến Hoà Thượng Pháp chủ Giác-Nhiên, Ngài nói những nhận xét tốt về chuyến hành hương này đối với lão, thiếu, nữ. Thầy nói về tinh thần đoàn kết hài hoà của Tăng Ni, Phật Tử, và kết luận: biệt ly chưa phải là vĩnh biệt. Tiếp đến Thượng Tọa Như-Điển nói về tinh thần Hội Nghị Diên Hồng của phái đoàn này. Tiếp đến Thượng Tọa Chơn-Trí nói tới điểm hội tụ của Tăng Ni và chúng Phật Tử, nếu còn tu thì bỏ giác chính là nơi gặp lại, của cuộc chia tay này. Tiếp theo, một nữ Phật Tử, đại diện phái đoàn Mỹ, Chị Thuỳ Văn Vĩ dâng lễ trước hàng Chư Tôn Giáo Phẩm, chị cảm ơn Ban Tổ Chức và các Thầy đã cho chúng Phật Tử một cuộc hành hương đầy hứng thú, chị nói lời giã từ phái đoàn Âu-Châu trong tinh cảm mừng nồng. Tiếp theo một Phật Tử, đại diện phái đoàn Âu-Châu đến dâng lễ trước chú Hòa Thượng, Đại Đức,

Tăng Ni cảm ơn các Thầy đã dạy cho nhiều thời pháp trong chuyến hành hương, đã cho chúng Phật Tử thấy các đạo hạnh nơi các Thầy, đó là khuôn mẫu tác động mạnh vào tâm đạo của các con. Mừng các Phật Tử ở Mỹ Châu có nhiều Thầy để học hỏi và ngó ý xin các Thầy ở Mỹ Châu cố gắng tạo cơ duyên cho chúng Phật Tử ở Âu Châu được cơ hội nghe pháp hầu giúp cho Thầy Viên-Giác bớt căng thẳng trong vấn đề giảng pháp vì chúng Phật Tử tại Đức không để Thầy nghỉ. (với 14 Chi Hội, mỗi Chi Hội, ít thì một năm hai kỳ nhiều thì ba, không kể các đại lễ!). Anh cảm ơn các anh chị em đã hoà mình với tinh thần lạc hoà trong 12 ngày qua, đã để lại nhiều cảm tình đẹp, hình ảnh tốt trong chuyến hành hương này, hy vọng sẽ tạo nhiều nhịp cầu thông cảm Mỹ-Âu trong ánh đạo mai hậu.

Bữa cơm già từ diễn tiến trong ý niệm vô thường của biệt ly, nhưng cũng không thoát được thất tình, nên tuy trang nghiêm mà vẫn có những nét buồn của buổi chia tay chưa ngày tái ngộ.

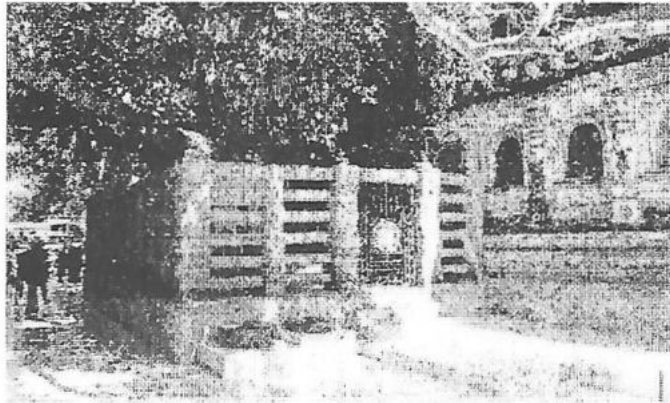
Ngày 04/12/96

Như thường lệ, cả đoàn đã chinh tề, tụ tập đông đủ ở phòng đội di chuyển về Xá-Vê thành lúc 06g00 sáng. Đường về thành Xá Vê rất xấu, mặc dù Thầy Viên Giác có cảnh cáo các thanh niên ngồi sau nên cẩn thận. Họ còn trẻ và sau 10 ngày đường, họ đã quen với những cái gọi "Tinh thổ" của xe khi họ đứng "thức tỉnh". Trên đoạn đường này Thượng Tọa Viên-Giác đã kể rất nhiều chuyện về thành Xá Vê.

Ngoài câu chuyện tại đây mà ai cũng biết, là chuyện Trưởng giả Tu Đạt Đa, người lái buôn, chuyên lo việc thương mại, khi hay tin Đức Phật tới vườn Trúc Lâm, Ông xin được dành lễ, vì Ông cho đó là cơ duyên muôn một được thỉnh pháp nơi Phật, một vị minh triết, một bậc giác ngộ hoàn toàn. Cuộc đánh lễ này đã thành tựu do sự chiến thắng mãnh liệt của nội tâm Ông, trước các trở lực ngăn cản tới ba lần. Sau khi được nghe giảng về ý nghĩa cao quý của kiếp sống, phúc báu của con người, lý chân thật của các pháp giải thoát, Ông xin dành lễ để được qui y, Ông mời Đức Phật và Tăng đoàn về thành Xá Vê để Ông được cúng dường. Phật chuẩn nhận, chuyện kiếm vườn, mua vườn bằng cách lót vàng, việc thỉnh Ngài Xá Lợi Phất làm cố vấn trong việc xây cất, và việc đón Tăng đoàn..., hay là chuyện nàng Chinchí mana, giả làm Ni, rồi vu khống Đức Phật với chiếc bụng giả đã bị đọa vào ngục vô ký..., hay là chuyện Đức Phật dùng tài hùng biện thắng 6 nhà triết học nổi tiếng tại Ấn-Độ thời vua Ba-Tử-Nặc trị vì, dưới gốc soài... hay là chuyện 500 tên cướp tàn ác bị vua Ba-Tử-Nặc bắt được và bị móc mắt, trong lúc tuyệt vọng, họ đã hưởng về Tịnh Xá của Phật xin sám hối, họ đã được Phật độ cho sáng mắt tại khu rừng mang tên Phục Thị Lâm... hay là chuyện Bà Tỳ-Khả Khử một tài chủ, đứng hàng thứ hai sau Ông Cấp Cô Độc xin qui y và các bạn của Bà được hóa độ. Các nữ Đạo Hữu, nếu

có dịp, xin Thầy giảng cho một thời về lời dạy của Đức Phật: "Phụ nữ đối với cách gìn giữ hạnh phúc gia đình" của câu chuyện này... Nhưng trong các câu chuyện trên tôi chỉ nhớ và thích câu chuyện sau:

Trong một lần thí pháp, Đức Phật đã giảng cho vua Ba-Tử-Nặc, lần đầu khi Ông tới gặp, và tỏ ý coi thường Đức Phật, khi thấy Ngài là một vị chánh đẳng chánh giác mà còn quá



trẻ so với các bậc trưởng lão đức hạnh như Ngài Purna, Ngài Kaciapa, Ngài Gocala... Đức Phật đã phá kiến chấp ấy qua câu chuyện "Tứ Tiểu Khôi Điềm" (4 điềm nhỏ bắt đầu):

- là Vị Thái Tử còn ấu thơ,
- là Con rắn nhỏ độc
- là Đốm lửa que diêm.
- là Vị Tỳ Kheo trẻ.

1.- Vị Thái Tử rời sẽ có một ngày thay vua cha trị vì thiên hạ với uy quyền tối thượng.

2.- Con rắn độc nhỏ, có thể giết muôn loài to lớn và khôn hơn nó.

3.- Đốm lửa diêm quẹt tuy nhỏ nhưng sự đốt phá tàn hại có thể to lớn ngoài sức không tưởng.

4.- Vị Tỳ kheo trẻ với pháp học cao siêu thành tựu, đắc thành thánh quả để độ muôn dân, đem quả vị an lạc cho chúng sanh... thì... Nhà vua nghe đến đây, cúi đầu dành lễ. Đức Phật lại giảng tiếp cho nhà vua về bốn phận và trách nhiệm khi trị vì ...

"Các hành động thiện, ác của ta sẽ theo ta như bóng với hình, nên tinh thường là điều phải có, hãy coi muôn dân như con, coi người cộng sự như chân tay. Đừng tạo sự nghiệp uy quyền trên xác các kẻ khác. Phải gần gũi thường yêu những người nghèo khổ. Hãy sống theo chánh pháp và áp dụng chánh pháp vào sự sống. Hãy đem chân lý giải thoát để phá tan thành sầu, tất cận bề khổ cho toàn dân. Hãy ghé tòm những thú vui xác thịt để hèn để sống trọn vẹn cho trí tuệ. Chim khôn không thể nào đậu trên cành cây đứng chầy, thì chơn lý thể nào hiện hữu cùng lúc với cuộc sống đầy dục vọng. Phải luôn luôn khai sáng tâm linh; cuộc sống sẽ trở nên vô nghĩa nếu không có trí tuệ. Chơn lý không phải của riêng ai, tu sĩ, quan quyền hay thần dân, ai để cho dục vọng lôi cuốn, nhận chìm, thì kẻ ấy sẽ bị đọa, ai muốn thoát khỏi dục vọng, thì phải nương vào thuyền trí tuệ để tránh quả báo của hành động do dục vọng gây ra, muốn thế phải thực hành điều thiện, kiểm soát tư tưởng đừng để nghĩ tới điều ác, vì chúng ta sẽ gặt hái cái gì ta gieo. Hãy sống đời sống thanh khiết bằng cách sống theo đức hạnh và trau dồi trí tuệ. Muốn

có một cuộc sống đúng theo phẩm hạnh của con người thì phải có một định kiến rõ ràng về vật dục, về phiền não của cuộc đời. Đừng chạy theo vật chất bên ngoài mà phải tìm được hạnh phúc chính trong lòng mình.

Ngài kết luận: Tất cả giáo lý của Tôn giáo phải phụng sự cho trí tuệ loài người, nếu không nó không có lý do tồn tại. Tôn giáo chơn chánh là Tôn giáo thức tỉnh mọi người để tự họ có thể cứu mình ra khỏi mọi cạm bẫy của Ma vương".

Đến đây nhà vua đành lễ, xưng tán công đức và xin qui y. Sau vua Ba-Tử-Nặc trở thành một đệ tử thuần thành và Ngài là người đầu tiên xin được phép tạc tượng bằng gỗ chiền đàn để tưởng nhớ Phật mỗi khi Phật đi tới các cung trời khác để giảng pháp. Bài học này là bài học gây ấn tượng mạnh nhất trong tôi mà Thầy tôi đã trao cho chúng tôi như một kim chỉ nam trong cuộc sống hiện tại. Bạch Thầy con chỉ biết cúi đầu tuân nhận và nỗi thâm hai chữ cảm ơn.

10g10, đoàn xe dừng lại tại một lữ điếm để cả hai phái đoàn cùng nghỉ xả hơi dùng cơm trưa và thực thụ chia tay. Phái đoàn Mỹ ở lại đây thêm chốc lát rồi sẽ đến chiếm bãi vườn Ông Cấp Cô-Độc sau còn Phái đoàn Âu-Châu thì đi trước để rồi còn về Lucknow lấy xe lửa đêm về lại New Delhi cho kịp chuyến bay về Âu-Châu. Không có cuộc chia tay nào mà không có cảnh tay nắm tay, quyến luyến, mắt nhìn mắt như quen nhau từ muôn thuở, mặc dù chỉ vọn vẹn có 12 ngày, nay chia tay trong tiếc nuối. Cả hai phái đoàn đã chia nhau miếng cơm nắm bẻ đôi, thìa muối vừng سه nửa, họ trao nhau những mảnh giấy ghi địa chỉ và hẹn vô vọng ngày tái ngộ. cuối cùng tất cả đứng chung, các Thầy nói lời từ giả, kẻ ở vui vẻ nốt cuộc hành hương, người về thượng lộ bình an. Tấm hình chụp chung kết thúc cuộc tinh 12 ngày ngắn ngủi trên mọi nẻo đường quê nội, kẻ ở tay cầm chai nước dờ, tay vẫy chào, người đi ngồi nhìn qua khung kính mở thẫn thờ cho đến khi bụi đường xóa tan hình bóng nhỏ. Trên đoạn đường này người quay phim cho một hãng truyền hình Ấn nói lời từ giả tử và chúc chúng tôi thượng lộ bình an.

13g15, chúng tôi tới vườn của Ông Cấp Cô-Độc, ngay tại cổng Thượng Tọa Viên-Giác đã cười nói: Ráng để ý dưới chân xem còn sót tằm vàng nào hay không? Vườn quá rộng, tầm mắt không thấy hết, trước tiên chúng tôi dành lễ ở cội cây Bồ Đề A-Nan và đi nhiều quanh ba vòng. Thầy kể: Cây Bồ Đề này được Đức Mục Kiền Liên chiết nhánh từ cây Bồ-Đề ở Bồ-Đề Đạo Tràng mang về trồng theo lời thỉnh cầu của Đức A-Nan để cho các chú Tăng, Phật Tử và du khách chiêm bái tại đây tưởng nhớ tới Đức Bồ Tát. Sau đó tất cả theo Thầy đến thăm hương thất (Gandaruti Vihara), Đây là một Tịnh Thất kiến trúc bằng gỗ cao 7 tầng trên một nền móng gạch đỏ, bên trong có thờ một tượng Phật bằng gỗ trầm hương và cũng trong Tịnh Thất này trong 25 mùa An-cử Kiết hạ Đức Phật đã ở đây và thuyết giảng nhiều bộ kinh lớn như kinh Lăng Nghiêm, kinh A-Di-Đà, kinh Dược Sư, kinh Vu-Lan... Tất cả

cùng dành lễ, Thầy nói tụng kinh Vu Lan, mọi người cất giọng vang vang theo tiếng linh của Thầy, riêng mình tôi không thuộc, chỉ theo được hai bài, Chú Đại Bi vào, kinh Bát-Nhã ra, cùng với hồi hướng và tam qui. Đó thật là một khuyết điểm lớn, tôi xin cố gắng.

Qui trên thềm hướng thất nhìn cảnh trời bao la trong nắng hanh tháng chạp, nghe tiếng tụng trầm trầm, điểm tiếng linh trong vát, gió thổi nhẹ nhẹ đã đưa tôi ra khỏi thực tại, tôi nhớ tới hai mảnh vườn của cha tôi, đó là tài sản dành dụm suốt cuộc đời của Ông, một tại Bắc, thuộc tỉnh Hải-Phòng, huyện Hải An, làng Ba Xã, nơi đây tôi còn bé đượng học trung học nên chỉ nhớ vườn này gồm một căn nhà ba gian bằng gỗ lợp rạ có ao thả cá, có vườn mì vườn sắn, có bờ tre, có ruộng lúa, có bụi chuối sau hè một tại Thủ-Đức, khu nhà dòng Đồng Công, trồng toàn cây ăn quả và khoai mì, có rặng tre, bụi chuối, có giếng nước, bể cá... Người những tưởng nơi đó là chốn dưỡng già, là nơi thờ tiên tổ, rồi để lại cho con cho cháu làm nơi hưởng hòa. Ai ngờ khi người nằm xuống thì lại một nơi đất tuyết mùa đông, hai bên toàn người xa lạ, không cùng một ngôn ngữ. Đồi thật đúng là vô thường!

Cha mẹ tôi có 6 người con, đều chịu sự giáo dục phóng khoáng và thực tiễn, nên tất cả đều xuất thân Đại Học và chọn cho mình những Tôn giáo hợp với lý tưởng và nhân sinh. Mẹ thọ Bồ Tát giới từ năm Bà 39 tuổi, Cha tôi qui y từ hồi còn trẻ, tôi không nhớ năm nào, nên khi tuổi đã xế chiều, và gần ngày Ông biết sẽ xa gia đình vĩnh viễn, muốn tôi qui y để có cuộc sống ít ra như Ông khi xưa... tiếng cầu kinh vang vọng như thúc đẩy tôi, như dồn vào trong tôi những nguồn nghị lực để tôi mạnh tiến trên con đường Phật đã chỉ, Thầy đã khai, Cha mẹ đã mong, Vợ đã nhường, Bạn bè khuyến khích. Tôi cúi xuống thăm cảm ơn và khấn nguyện. Tiếng kinh ngân, tiếng ồn ào, tiếng cười nói làm tôi bàng hoàng. Tôi dành lễ, đứng dậy, nhìn mọi người như dường nhìn tôi. Tôi muốn tượng anh linh của cha tôi còn phảng phất đâu đây, mím cười mừng cho thằng con được nhiều cơ duyên may mắn trên cào nèo đường về thăm Quê Nội. Tôi theo đoàn người ra xe, mà tại tôi vẫn còn như được ai nhắc tôi công ơn khai tâm của Thầy, công đường dục và chỉ cho tôi thấy con đường sáng ở cuối nẻo đường hầm đời tôi. Tôi nghĩ đến Mẹ tôi chắc giờ này đang nguyện cầu cho chuyến đi được bình an rồi trở về tiếp tục nhận bồi dưỡng nơi người mà tu cho tâm an lạc. Tôi nghĩ tới công hy sinh của người bạn vong niên, cho tôi được tới tại trong hành động chọn lựa... Tôi cầu xin Phật Tổ hướng dẫn vong linh người về miền Tịnh Độ, phù hộ độ trì cho kẻ còn sống thân tâm thường an lạc, tật bệnh tiêu trừ, khi mất, trở về với Phật thọ kỳ miền đất hứa của Đức A-Di-Đà. Bác Thiện Nghĩa vỗ mạnh vào vai tôi nói: Bộ mặt hả? Một thoáng ngỡ ngàng rồi tôi cười thay tiếng đáp. Đoàn xe hai chiếc dừng lại trước thềm nhà của Ông Cấp Cô-Độc. Tôi không lường được sự giàu sang của Ông, nhưng nhìn vào nền thấp nơi Ông ở với các đường ngang ngõ dọc thì biết đây phải là một lâu đài của các tiểu vương một thời xa xưa. Tháp này có tên là Kachchi Kutli. Rồi nói đây

chúng tôi đi bộ sang gần đó để tới tháp của Ngài Vô Nã, mang tên Kakkī Kutli. Vô-Nã (Angulimala), kẻ đã giết 99 người chặt lấy ngón tay làm pháp để mong vữa đứng với ngón tay thứ 100 là thành Phật và người đã chọn mẹ làm vật tế thần thứ 100. Vì lòng cứu độ quần sanh, với túc thần thông Phật đã cảm hóa được Vô Nã, Phật giải thích với pháp môn đó không bao giờ có thể trở thành bậc giác ngộ được. Sau Vô-Nã đã trở thành một vị A-La-Hán.

Trời đã ngả về chiều, ngày của Ấn mùa này ngắn, cả phái đoàn ra xe trực chỉ tiến về thành phố Lucknow, nơi đó, chuyến tàu đêm đã đợi đưa đoàn người về lại New Delhi.

Chỉ sau một lần dừng xe để đổ dầu tại một trạm xăng bên quan lộ, trước sự ngạc nhiên đến giận dữ của người chủ trạm xăng về sự ồ ạt của khách thập phương qua đây tự tạo tác ở khắp gốc cây ngọn cỏ, để dấu lần chót trước khi rời đất Ấn... Tới nhà ga Lucknow, lúc 17g25, phái đoàn tuồng trẻ vì cuộc hành trình chót này phải dừng đóng tiền trạm khá nhiều, 20g30 tàu chạy, theo lời dặn của Thầy Hạnh Tấn, khi tới ga, ai nấy đều lo lắng cái lo thường tình của người Việt-Nam tu thiền miệng nhưng chưa tu thiền tâm, nên ai cũng giành lấy hành lý của mình ra khỏi xe trước, nhưng không thể ôm nó đi chuyển đi một lúc, vì một phút bị ái dục che lấp, khi nghĩ tới người thân thương, mà có cái hiện nghiệp lúc này.

Cảnh chợ chiều bến Bắc Lục Tỉnh, cảnh bến xe miền Tây, cảnh nhà ga xe lửa miền Trung, lại tái diễn ở đây. Nhưng cuối cùng, với sự điềm tĩnh của Quý Thầy và sự trợ giúp đắc lực của hai nhà sư Tây-Tạng, chúng tôi đều có mặt lúc 8g10 ngay tại toa xe đã dành chỗ trước với đầy đủ hành lý mà vì chúng đã làm một vài vị, trong một phút đã quên đi cái đạo hạnh đã hấp thụ trong 12 ngày qua, mà để sân nổi dậy, khiến cho kẻ viết những dòng chữ này phải đành lậm sấm hối.

20g30 rồi 20g45, con tàu nằm yên như ngủ quên trong miền thiên xứ Ấn. Thầy Hạnh-Tấn, phe phẩy trong tà áo cà sa nâu, từ xa đi lại với nụ cười cổ hủ. Thầy nói, trong một lúc bất cần và cũng tại cái vé xe của Hòa xa Ấn in không đủ mực, nên Thầy đã đọc lộn từ 22g30 ra 20g30, thôi bà con cảm phiền ngồi nghỉ thêm chốc lát cho giãn gân cốt để tới ngủ cho ngon, chúng ta sẽ dùng bữa cơm chiều tay cầm nơi đây, tất cả hoan hi thờ phào rồi Thầy tiếp tế nước, bánh mì, mứt trái cây... Phái đoàn chia thành hai nhóm, ngồi tại hai nơi, cùng dùng bữa cơm chiều trên sân ga bên cạnh đồng hành lý căng tròn tình huống trong đó. Các Thầy đi lại trông chừng và dặn các điều cần thiết khi lên tàu, khi xuống bến và chăm lo bữa cơm chiều thanh đạm. Hai nhà sư người Tây-Tạng đến chụp chung vài tấm hình với chúng tôi vì khi xuống ga tại Tân Đề Ly là họ chấm dứt công tác.

20g00 là tàu đến dán tên hành khách và số giường tại các toa xe, lần này các Phật Tử đã thuộc bài chữ nhần nên đã tự tại từng người thông thả đến xem rồi mang hành lý lên xe với tinh thần đồng lao cộng nhọc. Vì người Ấn đánh máy tên tiếng Việt nên từng đợ chiêm bái về đã được đổi tên, tuy nhiên số chỗ dành cho chúng tôi không thiếu chúng tôi, nhóm München, Karlsruhe, Spaichingen

và vài người bạn thuộc phái đoàn Mỹ tháp tùng về sớm để kịp chuyến bay về quê hưởng thủ ba của họ vào ngày mốt, cùng chung ngủ một phần cuối toa nên rất thoải mái nói tiếng Việt và cười hồn nhiên không ngưng ngáp. Mỗi ngăn có 6 giường, ba cặp trên dưới, đã được ghi thường thì già trên trẻ dưới những những bài học của chuyến đi này còn in hằn trong tâm khảm, nên các bạn trẻ đã có những hành động và lời nói rất dễ thương khi đổi chỗ cho các vị lớn tuổi. Thánh tích thật nhiệm màu! Cabine nào cũng có quạt gió, máy lạnh, giường nào cũng có tấm trải mỗi màu trắng ngà, chăn ni chống lạnh ban đêm. Giường có kích thước khiêm nhường về cả chiều dài lẫn chiều ngang, chắc Thầy phải nằm co thì mới không có cảnh thượng thọ hạ thụ, riêng tụi con thì tôi bỏ biên giới nằm dưới còn khả dĩ, nằm trên thì pháp phùng lo sợ. Nên đêm xuống, tàu gập ghềnh lao trong bóng tối, tôi chỉ nghe được tiếng thối sáo của dân Ấn khi gọi rần mà không được nghe tiếng đàn bầu, đàn gáo của Việt-Nam chêm đệm.

Ngày 05/12/96

07g00, chúng tôi đã có mặt tại nhà ga Tân Đề Ly, với sự sắp xếp có lớp lang và ý thức đi đoàn của mọi người trong ngày cuối nên chúng tôi đã nhanh chóng thủ tục chuyển hành lý ra xe Bus, lên xe và già từ hai nhà sư theo giúp. Chúng tôi tới khách sạn rất lớn, sau khi nhận phòng, cất hành lý, tắm rửa qua loa, xuống phòng khách chờ Thượng Tọa và hai Thầy hướng dẫn để cùng đi ăn sáng và mua sắm tự do lần chót. Hôm nay đối với chúng tôi, sự ăn uống ngủ nghỉ, không còn là vấn đề hàng đầu nữa, ai cũng sắp sẵn trong đầu cái gì phải mua? mua cho ai mua cái gì cho thích hợp với số tiền còn lại?

Mỗi lần đi mua sắm tự do như thế này, dù bất cứ ở đâu, nhìn các bà đổi tiền, tôi đều thấy thương cho số phận các Ông, hai sườn một nắng đi cày, và thông cảm sự sung sướng của các Ông khi đưa, khi đón các Bà trước và sau cuộc viễn du, cũng là lúc các bà bày lên trên bàn những món quà kỷ niệm mà các bà đã mất bao thì giờ suy nghĩ lựa chọn cho con cái, họ hàng, bạn bè rồi tuổi cười nói với một vẻ thật âu yếm: chắc các thủ này Ông không cần! Tôi hối hận, và thương cho người bạn vong niên đã hy sinh nhiều cho tôi. Cầu Phật phù hộ cho Bà ta có đầy đủ sức khỏe và tâm đạo tăng trưởng.

Mẹ, các em, các con, đã đóng góp: tiền cho cuộc đi của tôi, tiền cúng dường, tôi đã làm đầy đủ với lời khấn nguyện tại mọi nơi là xin cho mọi người khỏe mạnh, thân tâm an lạc. Hôm nay tôi mới tiêu tới số tiền của riêng tôi, tôi nghĩ tới bạn bè Đạo Hữu, đời có, đạo có, người thân có và sự lựa chọn các kỷ vật đánh dấu cuộc đi này. Thầy Minh Tấn đã giúp tôi làm tròn nghĩa vụ này. Cho nên khi về nhà và trong một buổi kinh cầu tại Karlsruhe ngày 13.12.96 tôi đã trao quà cho người thân, bạn bè. Trước câu hỏi: Cuộc hành hương này phí tổn có tới 5000 DM hay 8000 DM không? tôi đã trả lời khiến các bạn ngạc nhiên, ngoại trừ số tiền phải có cho cuộc hành hương là 3700 DM, ngoại trừ số tiền của các chị em bằng hữu đã đưa cho tôi bằng đủ mọi loại tiền trên thế giới trừ tiền

hiện hữu Việt-Nam để cúng dường, tôi tiêu không tới 500 DM.

Các Thầy dẫn chúng tôi tới một trung tâm thương mại nằm dưới lòng đất với đầy đủ các mặt hàng máy móc điện tử, nhạc cụ, nhạc khí, đĩa hát, băng... hàng vải vóc, mền thảm... các đồ thủ công nghệ... Tất cả đều hấp dẫn đối với các hạng tuổi, và ý thích của du khách. Giá cả thì "Tùy mặt mà bất hình dong" Sự hiếu khách của người Ấn đứng bán thì tuyệt hảo. Sau khi khách ngó ý muốn mua một món hàng mà họ có thì trước tiên họ khép cánh cửa hiệu lại, trải các mặt hàng cùng loại lên mặt bàn rồi ví mình như cảnh sát lấy cung phạm nhân tại ty hình cảnh, cho đến khi khách hàng phải ôm món hàng nào nê ra khỏi tiệm.

Cạnh đấy, trên mặt đất, là một chợ trời, giống như chợ Cầu Ông Lãnh Sài Gòn, vừa bán vừa chật chội, với các quán, lều, sạp... ọp ọp tạm bợ, nhưng các mặt hàng lại rất hấp dẫn: Ối xá lị, măng cầu, sa-bô-chê, miá, nước miá ép.... bánh cam, bánh cay... đủ thứ như chợ Tân Định về chiều, nếu có thiếu thì chỉ thiếu có chè các loại mà thôi.

Sau bữa cơm trưa tại một tiệm tên Nhật do người Tây-Tạng nấu, chúng tôi được dẫn bộ tới một khu thương mại thứ hai, giống như khu Chợ Cũ tại Sài Gòn trước và sau 1975. Các gian hàng mọc trên vỉa hè, các mặt hàng đủ loại, thượng vàng hạ cám, đủ khả năng móc trọn túi tiền của kẻ ngu ngốc. Cũng có cảnh ồn ào, vô trật tự, níu kéo, cò mồi, đủ mảnh khoé để dụ du khách nhẹ dạ lấm tiền.

17g00 chúng tôi trở về chỗ hẹn, một xe về trước để chuẩn bị hành lý rời xứ Ấn vào đêm nay, xe thứ hai về sau vì còn chờ mấy lữ khách muộn màng vì bị quyến rũ.

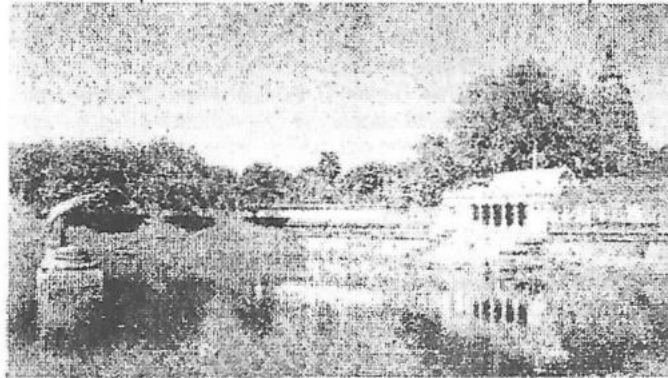
18g00, phái đoàn theo Thầy tới phòng ăn của nhà hàng "Hòn Ngọc Viễn Đông", nơi đây Thầy khoản đãi 33 vị Tăng Ni từ Việt-Nam qua Ấn du học tự túc và phái đoàn. Sau lời khai thị đầy tình thương của Thầy đối với các du sinh và đầy mến cảm đối với các thành viên của phái đoàn Âu Châu, là đáp từ của một Tăng sinh nói sự cảm kích, sự biết ơn sâu xa của nhóm về sự giúp đỡ của Thầy và các Phật Tử. Sau cùng kết thúc bằng sự giới thiệu tên nhà hàng và ý nghĩa khi chọn nó làm nơi ăn chiều nay của Thầy Hạnh-Tấn. Bữa chiều dài này được diễn ra cùng lúc với sự trao tặng tài tử nơi Thầy tới tay từng du sinh, họ đứng ngồi xen kẽ với đoàn hành hương trò chuyện, trao đổi về Phật pháp, chính trị hoặc đời sống tại nước nhà và tiếng đồn tiếng ca của một ban nhạc quen, lúc này ca sĩ đứng ca một bản nhạc quen thuộc tại các vũ trường Sài Gòn vào thập niên 60 của nữ ca sĩ người Mỹ Doris Day là *Que sera sera* (Biết ra sao ngày sau) làm tôi nhớ tới bài kinh "Người biết sống một mình của Thượng Tọa Nhất-Hạnh".

Quá khứ bỏ, không thương tiếc, Tương lai bỏ, vì không biết ra sao ngày sau, chỉ biết tới hiện tại mà thiên quán. Phải chăng đó là hai ý thức khác biệt của Âu-Á. Bữa tiệc chấm dứt vào hồi 20g15, chúng tôi chỉ còn 15 phút về lại khách sạn thu xếp hành lý mang

xuống xe để chuẩn bị ra phi cảng Tân-Đê-Li, phi cơ sẽ cất cánh lúc 01g00 giờ địa phương.

Trên xe ra phi trường, Thượng Tọa và Thầy Hạnh-Tấn đã dặn đủ điều, nhưng khi xuống xe, lấy hành lý, chuyển hành lý vào phi cảng, chờ đợi được check in, gửi hàng lên phi cơ... thì Tăng-tục là hai thái cực.

Sự ích-kỷ, sự nôn nóng, sự chen lấn, sự kết nhóm, ồn ào vô trật tự, của một số người vì họ nghĩ nếu không nhanh thì không kịp chuyển bay, mặc dù lúc ấy căn cước, vé, giấy check in chưa có trong tay, trong khi đó Thượng Tọa và Thầy Hạnh Tấn vẫn từng



bước hướng dẫn, phân phối, tiến hành công việc trong tự tại, kiên trì từng phút, từng phút, với tâm bất thối chuyển cho dù thời gian cạn dần tới giờ bay.

Trước giờ phi cơ cất cánh, Thầy là người lên sau cùng, sau khi chia tay với Thầy Hạnh-Tấn, Thầy đi một vòng thăm hỏi và kiểm soát sự có mặt đầy đủ của mọi người rồi mới về chỗ mình ngồi xuống nghỉ một yên lặng để xả bỏ những phiền não vừa qua.

Máy bay cất cánh đúng 02g30, chậm một tiếng rưỡi, có lẽ quen với lề lối làm việc của công nhân viên chức Ấn qua các thủ tục khám xét, nên các hãng bay đều cho giờ bay sớm hơn để kịp với giờ đáp tại các phi cảng quốc tế khác ở Âu Mỹ...

Chuyến bay đêm, làm tôi nhớ tới chuyến bay vào tinh cầu, chuyện một phi công người Pháp bay chuyển thở qua sa mạc, tôi không tìm thấy các tinh cầu như anh ta, mà chỉ nằm nhắm mắt từng chập vì mệt mà thôi.

Ngày 06/12/96

08g00, giờ Âu Châu, phi cơ giảm tốc độ và xuống thấp để thấy thành phố Amsterdam còn trong giấc ngủ về sáng với đèn đường như sao và các vệt đèn xe quét sáng mù trên xa lộ.

08g30 chúng tôi ra khỏi lòng chiếc phản lực 747, di chuyển vào phi cảng yên lặng, qua các trạm hải quan được khám xét nhanh chóng và thủ tục. Các hành lý được chuyển tự động sang các chuyến bay kế tiếp. Chúng tôi giờ này phân tán mỏng thành những nhóm nhỏ, Berlin, Köln, Düsseldorf, Stuttgart, München nhưng cũng có người xuống đây. Chúng tôi đã chia tay trong ánh mắt, không biết trong óc họ nghĩ gì? nhưng nụ cười còn ngậm nửa, cái vẫy tay còn rụt rè chứa đựng một nỗi niềm thương mến của cuộc chung sống 12 ngày, qua chuyến hành hương nhiều lợi lạc này.

10g30, chúng tôi ba người đã có mặt tại phi cảng Stuttgart, ngắn gọn chia tay sau khi

nhận đủ hành lý, kẻ về Spaichingen, người về Karlsruhe.

11g30 Bác Thiện Nghĩa và tôi chia tay, chấm dứt cuộc hành hương đầy ý nghĩa này.

*
* *

Đặt hành lý xuống, chào Mẹ xong, tôi buông người xuống chiếc giường quen thuộc...

Trong đời tôi đã hai lần đi hành hương, một lần theo đoàn Công Giáo Âu Châu đi chiêm bái Thánh địa, nơi uy quyền tối thượng của Chúa Kitô tại La mã (Ý) với các Thánh tích được sửa sang lại nguy nga tráng lệ, hay tận tạo để khách hành hương nhận thấy sự linh thiêng kỳ bí mà tỏ bồi cho niềm tin thêm vững chắc nơi Thánh giáo. Lần này tôi đi theo đoàn Phật Giáo về Quê Nội, chiêm bái thánh địa tại Ấn-Nepal, các Thánh tích tiêu dùng, hoang tàn, bao la nhưng hùng vĩ, mình cảm thấy nhỏ bé như chiếc thuyền vượt biển trên biển cả đại dương, thì tự nhiên đức tin vào Thánh đạo đáng

cao, kiên cố như một thành trì bảo vệ cho con người nhỏ bé yếu đuối trước tấn công tàn bạo, vũ bão từ bên ngoài.

Giáo dân cũng phải tự tu để sống theo giáo lý, tự sửa mình theo giáo điều, khép mình trong kỷ luật của dòng tu thì sẽ nhận được ơn cứu rỗi của Chúa mà về nơi thiên đàng an lạc mà thụ hưởng

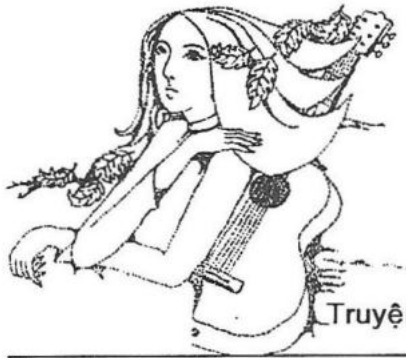
Phật Tử cũng phải tự tu theo kinh pháp tự sửa theo giới pháp, tự luyện theo luận pháp cho trí huệ tinh tấn hầu giác ngộ. Tự chọn cho mình một hướng đi mới, cách thức tu tập mới trong ánh đạo của Đấng Thế Tôn thì trong muôn kiếp tới, sẽ có một kiếp được chứng ngộ, tôi bỏ giải thoát, thì cũng được thân tâm an lạc và nếu còn hạnh Bồ tát vì chúng sanh thì còn nhiều tiếp diễn không ngừng.

Tôi không so sánh, đây chỉ là cảm nghĩ băng quờ vô nghĩa của tôi trước khi chấm dứt tập ký sự này mà thôi.

Trước khi thôi, không làm mờ mắt và khêu gợi cái ngáp dài của Quý vị. Tôi xin thành tâm sám hối những gì viết bậy ở trên đã làm phiền lòng bất cứ một ai. Tôi chỉ mong Quý vị đọc như là một chuyện ngắn kèm theo với cuốn Video để thấy lại mình thật sự có mặt trong chuyến hành hương mà thôi. Xin chỗ nổi SẮN mà kẻ viết này phải trở lại thành phố Chủ Thiên Địa Xứ, tìm ra sông Hằng tắm sáng, thì tội quá! Cám ơn...

Để kết thúc cho tập ký sự này, Thiện Văn đành lễ, sám hối, để được mượn ý của Đức Thế Tôn, khi Ngài khuyên Đức vua Ba-Tư-Nặc tại Xá Vệ Thành: "Nếu Tôn-giáo nào không làm cho trí tuệ con người tinh tấn để con người: thấy được chân lý của sự sống, tìm được chân lý cho cuộc sống, tìm ra chánh đạo cho mình sống đúng với phẩm hạnh của người đã thọ đạo, thì Tôn giáo đó không còn lý do để tồn tại".

(Karlsruhe, ngày 04 - 01 - 1997)



HẠNH PHÚC

Truyện ngắn của Guy de Maupassant
Văn Tấn Phước dịch

Lúc đó vào giờ uống trà, trước giờ đốt đèn lên. Ngõ biệt thự chế ngự khắp biển cả; và đường khuất dạng, để lại trên trời một màu hồng, lấm tấm những chấm mây vàng như phấn; và mặt bể Méditerranée, không một làn nhăn, không một gợn sóng, tròn tru, bóng loáng như một thỏi sắt vừa được đánh bóng, sáng lòa lên dưới trời chiều.

Xa xa, bên phía phải, những ngọn núi đứng sát bên nhau cùng về lên nền trời đỏ thẫm của buổi chiều rơi một hàng răng cửa đen không đều đặn.

Người ta bàn về tình yêu, người ta nói về cái đề tài đã cũ rích, người ta nhắc đi nhắc lại những điều đã nói. Nỗi buồn nhẹ của hoàng hôn khiến ai nấy đều nói chậm rãi, gieo vào tâm hồn người một cái gì êm dịu bay bổng và cái chữ "tình yêu" được nhắc đi nhắc lại mãi không ngớt ngừng, đây đó, khi bằng một giọng nam trầm hùng, khi bằng một giọng nữ dịu dàng, như tràn ngập cả căn phòng khách nhỏ, rồi bay lượn trong đấy tựa một cánh chim, là là trong đấy như một linh hồn.

Người ta có thể yêu nhau liên tiếp trong nhiều năm không?

- Vâng, có thể, nhóm này nói.
- Không, nhóm kia quả quyết.

Họ phân tách nhiều trường hợp, họ phân ranh định giới, họ đưa ra nhiều thí dụ; và hết thảy, đàn ông cũng như đàn bà, những người có nhiều kỷ niệm hoặc rối loạn hoặc hiện về một cách đột ngột mà không nói ra được hoặc thêm muốn kể ra, đều cảm động khi nói đến cái chuyện tầm thường mà tối cao đó; tình yêu, sự đồng ý êm ái và huyền diệu giữa hai con người, với một sự xúc cảm sâu kín và một thiện cảm nồng nàn.

Những thỉnh linh, có một người trong đám đám nhìn về phía xa xăm rồi kêu lên:

- Ô, các bạn hãy nhìn đằng kia kia, cái gì vậy?

Ở cuối chân trời, ngay trên mặt biển hiện ra một khối xám xám, vĩ đại và mập mờ.

Đám phụ nữ đứng phắt dậy rồi nhìn cái vật kỳ lạ chưa bao giờ trông thấy.

Một người nói:

- Đảo Corse! Người ta trông thấy nó như vậy đây, hai hoặc ba lần trong một năm, trong vài trường hợp hiếm hoi tùy theo thời tiết, mỗi khi khí trời hoàn toàn trong sáng không còn che khuất nó bằng màn hơi nước, cái thủ sương mù này thường thường làm lu mờ đi những vật ở đằng sau xa kia.

Người ta phân biệt một cách mờ mờ những đỉnh núi trên đảo. Người ta ngỡ rằng thấy cả tuyết trên đó nữa. Rồi ai nấy đều ngạc nhiên, bối rối, gần như sợ hãi trước sự xuất hiện quá đột ngột của một thế giới, trước một loài ma quái nhô lên từ mặt biển. Những kẻ phiêu lưu mạo hiểm như Colomb, đã băng qua nhiều đại dương chứa in dấu chân người, chắc họ đã từng thấy nhiều cảnh tượng kỳ quái như thế này rồi.

Lúc đó, một ông già im lặng từ hồi nãy đến giờ, mới thốt ra:

- Đây này các người, Tôi được biết ở trên cái hòn đảo đứng trước mặt chúng ta đây, nó như để trả lời các câu hỏi các bạn đặt ra từ nãy giờ, tôi nhớ mãi một kỷ niệm kỳ lạ, tôi được biết một chuyện tình đẹp, gương mẫu chứa đựng một tình yêu không bao giờ phai, một tình yêu đậm thắm đến khó tin.

Chuyện như vậy này.

* * *

Cách đây năm năm tôi có dịp qua viếng đảo Corse. Cái hòn đảo hoang vu ấy, ít ai biết tới, mặc dù đứng bên bờ Pháp này thỉnh thoảng người ta vẫn trông thấy nó, như hôm nay vậy, mà tưởng chừng như xa hơn Mỹ Châu nữa.

Hãy tưởng tượng mà xem một thế giới hõn mang chỉ núi với núi cách khoảng nhau bằng những trùng hẹp nơi đấy chảy những dòng nước lũ; không một đồng bằng, song lấm đá hoa cương cao lớn trải thành hình làn sóng, mặt đất thì có vô kể lần gợn nhấp nhô vĩ đại bao bọc bởi bùng biển hoặc rừng lặt và thông cao vĩ vút. Đó là một mảnh đất hoang, không khai khẩn, vắng tanh, mặc dù thỉnh thoảng người ta vẫn trông thấy một cái làng nằm ép mình trên chóp núi như một tảng đá. Không có nông nghiệp, không một công nghiệp, mà cũng chẳng có một nghệ thuật nào cả. Ở đây, không ai thấy một miếng gỗ chuốt gọt, một khúc đá điêu khắc, chưa bao giờ có một người nào khám phá ra một vết tích gì về sở thích dù giản dị hay tinh anh của tổ tiên đối với những đồ vật đẹp đẽ và mỹ miều. Cũng chính nơi đây, cái điều đáng nhớ nhất, ở cái xứ hùng vĩ và khô cằn này, là sự thờ ở truyền từ đời này qua đời nọ đối với sự nghiên cứu về các hình thù lối cuốn lòng người mà người ta gọi là nghệ thuật.

Ý Đại Lợi, nơi mà mỗi lâu đài chứa chất nhiều tuyệt tác, tự nó nó đã là một kiệt tác rồi; nơi mà cẩm thạch, gỗ, đồng, sắt, các loại kim khí và đá chứng nhận cái thiên tài của con người; nơi mà những đồ vật cổ nhỏ nhoi nhất nằm la liệt trong những ngôi nhà cũ cũng biểu lộ một ứ tư thần thánh về vẻ kiêu diễm, là một quê hương thiêng liêng bất khả xâm phạm đối với chúng ta; mỗi người trong chúng ta ai cũng yêu thích quê hương đó vì nó phô trương và chứng minh sự nỗ lực, sự cao siêu và sự chiến thắng của sự thông minh và sáng tạo.

Trước mặt, Corse hoang dại vẫn hoang dại như thuở nào. Ở đó con người sống trong một căn nhà thô sơ, lãnh đạm thờ ở với tất cả những gì không dính dáng tới đời sống riêng tư hay những chuyện cãi cọ trong gia đình họ. Rồi họ vẫn sống với những tính xấu cùng những đức tính của các giống dân chưa được khai hóa: hung dữ, giận hờn, khát máu một cách vô ý thức nhưng cũng hiếu khách, rộng lượng, sốt sắng, thật thà chất phác, đón tiếp khách qua đường và dễ thành bạn tốt với bất cứ ai có chút thiện cảm, dù chỉ một chút thôi.

Vâng, ở Corse, trong suốt một tháng trời rông rã, tôi đi khắp cả con đảo tuyệt đẹp đó, với một cảm giác như tôi đang đứng ở tận cùng quả đất vậy. Không một trại ập, không một quán nước quán cóc, không một đường lộ. Thôn xóm thì treo mình bên sườn núi, nhìn xuống vực sâu quanh co đêm đêm có thác lũ vọng về một âm thanh liên tục, đục đục trầm trầm; người ta lên đó bằng những con đường mòn ngoằn ngoèo theo vết chân của lũ lửa. Ở đó, du khách có thể gõ cửa mọi nhà hỏi một chỗ ngủ qua đêm, một bữa ăn qua ngày. Rồi du khách ngồi vào một chiếc bàn tầm thường và ngủ dưới mái hiên thấp kém; sáng ngày mai, sau khi bắt tay từ già, du khách sẽ được chính chủ nhà dắt dẫn đến tận cuối làng.

Một tối nọ, sau mười giờ đồng hồ cuộc bộ, tôi lên đến một căn nhà nhỏ nằm trọi một mình ở cuối một thung lũng hẹp chầy dài xuống biển ở cách đó một dặm. Hai bên triền dốc có nào bùng biển, nào tảng đá sục lở, nào cây cối um tùm bao quanh trông như hai bức tường sẫm phủ lấp cái đường trũng buồn thê thảm ấy.

Chung quanh mái nhà tranh, một vài cây nho, một mảnh vườn nhỏ, xa hơn tí nữa đứng sừng sững vài gốc cây thật lớn, bấy nhiêu đó cũng đủ để sống, tài sản của dân ở cái xứ nghèo nàn ấy mà.

Người tiếp đón tôi là một bà già, nghiêm trang và thanh bản, một sự hiếm có. Người đàn ông ngồi trên một chiếc ghế rơm vội vã đứng dậy chào tôi, đoạn ngồi xuống, chẳng nói năng chi, dù chỉ một lời. Bà bạn ông nói:

- Ông hãy tha thứ bỏ qua cho ông lão, ông đã điếc. Ông lão đã tám mươi hai tuổi rồi.

Bà ta nói đúng giọng Pháp chánh cống. Tôi ngạc nhiên.

Tôi hỏi:

- Bà đâu phải người Corse?

Bà đáp:

- Không, chúng tôi là người lục địa. Chúng tôi đã sống ở đây năm mươi năm nay rồi.

Một cảm giác kinh hoàng và sợ hãi chiếm lấy lòng tôi khi tôi nghĩ đến năm mươi năm trôi qua trong cái lỗ tối om đó, chỗ khi ho cò gáy đó xa hẳn các chốn thị thành nơi con người sinh sống đung chạm hàng ngày. Một người già chán dề trở về nhà, rồi mọi người ngồi vào bàn ăn, ăn độc nhất một món, món canh đặc khoai tây trộn với bắp cải và thịt mỡ heo.

Xong bữa cơm ngán ngùi, tôi đến ngồi bên cạnh cửa, tìm se thất lại vì cảnh vật đìu hiu quanh quẽ, lòng nghẹn ngào vì cảnh cô chiếc tuyệt vọng thỉnh thoảng xâm chiếm lòng lũ khách vào những đêm buồn giữa chốn thê lương. Dù ông như sự sống và cả vũ trụ sắp tàn lụi. Người ta thoáng thấy sự khốn khổ kinh khủng của đời sống, sự cô lập hoàn toàn, tất cả trong hư vô, và sự cô độc đen tối của con tim, nó tự ru ngủ và tự lừa dối bằng những giấc mơ cho đến khi nhắm mắt xuôi tay.

Bà lão tiến lại gần tôi, bà bị hành hạ bởi sự tò mò, một thủ tò mò luôn luôn nằm trong tâm hồn của những kẻ nhân nại nhất:

- Vậy, ông ở Pháp đến hả? bà nói.
- Vâng, tôi đi du lịch cho vui vậy mà.
- Có lẽ ông là người Ba Lê?
- Không, tôi là người ở Nancy.

Hình như có một sự cảm động lạ lùng chiếm lấy lòng bà lão. Làm sao tôi thấy được, hay nói đúng hơn cảm nhận được điều đó, tôi cũng không rõ nữa.

- Bà cụ lặp lại bằng một giọng chậm chậm:
- Ông người Nancy hả?

Ông lão xuất hiện trong khung cửa, điềm nhiên như bao nhiêu người điếc khác.

Bà lão tiếp lời:

- Không sao đâu. Ông chẳng còn nghe ngóng gì được nữa đâu.

Thế rồi, sau vài giây:

- Như vậy, chắc ông quen biết nhiều người ở Nancy?

- Phải, tôi quen gần hết.

- Gia đình ông Sainte Allaize, ông quen chứ?

- Vâng, tôi quen rất thân; Họ là những người bạn tốt của cha tôi:

- Ông tên là ông gì nhỉ?

Tôi nói tên tôi ra. Bà dăm dăm nhìn tôi, đoạn thốt lên bằng một giọng trầm trầm được kỷ niệm hừng khởi dậy:

- Vâng, vâng, tôi nhớ rõ lắm. Và gia đình ông Brisemare, bây giờ họ ra sao?

- Tất cả đều chết rồi.

- À, Và gia đình ông Sirmont, ông có quen biết không?

- Vâng, quen, người con út làm đến chức Đại tuồng.

Lúc bấy giờ, bà run run vì cảm động, vì lo sợ, vì tình cảm hỗn độn, mạnh mẽ và thiêng liêng nào tôi không rõ, vì sự cần thiết muốn thú nhận nào tôi cũng không hay, muốn nói ra hết, nói ra những điều cất giữ trong tận đáy lòng từ bấy lâu nay, và nói đến những người mà chỉ nghe tới tên không thôi cũng đủ làm đảo lộn cả tâm hồn bà rồi.

Bà nói:

- Vâng, Henri de Sirmont. Tôi biết rất rõ. Chính là anh tôi đấy mà.

Nghe xong câu đó, tôi đưa mắt nhìn bà, cuồng quýt vì ngạc nhiên. Rồi kỷ niệm xưa thoáng hiện về.

À, chuyện này, trước kia, đã gây tai tiếng nhiều lắm ở Lorraine. Một thiếu nữ đẹp và sang giàu tên Suzanne de Sirmont, bị anh lính trong đội kỵ binh do cha nàng điều khiển bắt cóc đi.

Chàng là một thanh niên đẹp trai, tuy xuất thân trong một gia đình nông dân nhưng chàng đã mặc áo nẹp xanh, anh lính đó đã làm say mê cô con gái vị Đại tá chỉ huy mình. Có lẽ nàng chỉ thấy chàng mỗi khi đội kỵ binh diễn hành thôi, rồi nhờ chàng và yêu chàng chẳng. Nhưng chàng làm cách nào để nói chuyện với nàng, họ làm cách nào để thấy nhau, hiểu nhau? Tại sao nàng lại dám cho chàng biết là nàng đã yêu chàng, bằng cách nào? Điều đó, không bao giờ người ta biết được.

Người ta nào đoán biết trước được, nào cảm thấy được chuyện sẽ xảy ra. Một buổi tối kia, sau khi làm xong nhiệm vụ, anh lính biến đi đâu mất tăm. Người ta tìm kiếm hai con người đó khắp nơi nhưng chẳng thấy đâu. Không ai biết tin tức chi về họ cả và cuối cùng, người ta coi như người con gái đó đã chết rồi.

Rồi bây giờ tôi lại gặp nàng ở đây trong cái thung lũng buồn này.

Tôi tiếp lời bà:

- Vâng, tôi nhớ ra rồi. Bà là nàng Suzanne trước kia.

Bà lão khẽ gật đầu thay cho tiếng "vâng". Hai giọt nước mắt lăn trên đôi má hóp. Tôi đưa mắt nhìn về phía ông lão đang ngồi bất động trên thềm túp lều, bà nói:

- Chính ông ta đấy.

Và tôi hiểu ngay rằng là bà vẫn còn yêu ông và vẫn còn thấy nỗi ông đôi mắt quyen rũ của ngày nào.

Tôi hỏi:

- Ít ra bà cũng đã sung sướng chứ?

Bằng một giọng thành thật đến tận đáy lòng, bà đáp:

- Ú! vâng, tôi rất sung sướng. Nhờ ông này mà tôi rất sung sướng và yêu đời. Tôi không hối tiếc gì cả.

Tôi ngắm kỹ bà mà lòng tôi buồn buồn, sùng sốt, kinh ngạc trước sức mạnh của tình yêu! Người phụ nữ giàu sang ấy đã đi theo người đàn ông ấy, một người nhà quê. Cuối cùng chính nàng, nàng đã trở thành một bà nhà quê. Nàng bỏ hết, sống một đời sống không trang điểm, không kiêu sa, không thanh nhã chút nào; nàng cố sống theo những tập tục thói quen tầm thường của chàng. Và nàng vẫn còn yêu chàng. Nàng trở thành một người đàn bà quê mùa, trum khấn lên đầu, mặc váy vải toile. Nàng ăn món canh bắp cải nấu với khoai tây trộn với thịt mỡ heo đựng trong một cái đĩa đất đặt trên chiếc bàn gỗ, và ngồi trên một chiếc ghế rơm. Tối đến nàng nằm ngủ cạnh chồng trên tấm nệm cũng bằng rơm.

Không bao giờ nàng nghĩ đến điều gì khác, chỉ nghĩ tới chồng mà thôi! Nàng chẳng hề luyện tiếc sự thanh lịch, những đồ trang điểm, trang sức, trang phục, nệm êm, các căn phòng ấm cúng có giấy cực đẹp dán

khắp tường, chần lông tơ êm à tốt cho sự nghỉ ngơi. Nàng chỉ cần có chàng; chỉ cần có mặt chàng, nàng không đòi thêm điều gì khác nữa.

Nàng đã bỏ nhà ra đi lúc còn trẻ, bỏ xóm làng, bỏ cả những người thân đã nuôi nấng nàng và đã yêu thương nàng. Nàng đã đến một thân một mình để sống với chàng ở chốn hoang dại hoang vu đó. Và chàng là tất cả đối với nàng, tất cả những gì người ta ước ao, tất cả những gì người ta ước mơ, tất cả những gì người ta trông đợi hoài không thôi, tất cả những gì người ta hy vọng mãi không ngừng. Từ đầu đến cuối, chàng đã đáp xây hạnh phúc lên đời sống nàng.

Nàng không thể nào hạnh phúc hơn đó được nữa.

Và suốt cả đêm trường trần trọc, nghe hơi thở khàn khàn của người lính già nằm thẳng người ra trên chiếc giường tồi tàn, bên cạnh cô nhân tình đã trốn chạy theo ông sang tận tới bên đảo xa xôi này, tôi nghĩ đến chuyện tình kỳ lạ và tầm thường, đến hạnh phúc trọn vẹn, hoàn toàn được đắp xây bằng sự giản dị.

Tôi ra đi lúc bình minh ló dạng, sau khi bắt tay tôi già cặp vợ chồng già.

Người kể chuyện nín lặng. Một người đàn bà lên tiếng:

- Dù sao, nàng đó đã có một lý tưởng quá dễ dàng, đã có những nhu cầu quá đơn thuần và những sự đòi hỏi quá tầm thường. Nàng chỉ là một kẻ ngu ngốc khổ đại mà thôi.

Một người đàn bà khác bằng một giọng chậm rãi nói:

- Bằng cách nào đi nữa! nàng cũng đã hạnh phúc!

Ồ dằng xa kia, cuối chân trời, hòn đảo Corse từ từ trảm mình xuống biển cả, trong màn đêm, xóa hết bóng rợp của mình xuất hiện từ này giờ như chỉ để kể lại chuyện tình của hai kẻ tầm thường yêu nhau tha thiết và đã đến ở nhờ ở đậu đất của mình.

THƠ Tâm Hoan



Tuổi Phận Đời Hoa

*Hoa xinh nhụy đẹp lắm người mong
Cũng tại sắc hương khổ má hồng
Huệ tui hư trinh - vì lũ Bướm
Lan hôn thất tiết - bởi bầy Ong
Mai buồn chữa nở - người tìm Hái
Cúc hận chưa tàn - kẻ lại vong
Sắc thắm càng nồng - Đào để ủa
Hương thơm cho lắm - khổ thêm lòng.*



Y HỌC THƯỜNG THỨC

Những vị thuốc mang tên

TRÂU (Ngưu)

Một loại cây mọc leo, vỏ thân xù xì, được gọi là TRÂU CỔ, còn có tên là Bị Lệ hay Xộp Xộp, tên khoa học *Ficus pumila* thuộc họ Dâu tằm, mọc hoang ở miền nhiệt đới, quả (trái) của cây này là vị thuốc dân gian dùng từ lâu đời. Trong các sách cổ đều có ghi quả xộp là vị thuốc bổ, chữa được di tinh, liệt dương, đau lưng. Quả còn được gọi là Fici pumilae được thu hái vào tháng 9, xẻ dọc đem phơi khô, vùng Quảng Đông gọi tên vị thuốc này là Vương Bất Lưu Hành. Có thể dùng quả dưới dạng thuốc sắc để uống 5 gram mỗi ngày, có thể làm mứt để ăn hoặc nấu thành cao mà dùng.

Vị thuốc phát xuất từ Trung Hoa giống đầu gối con trâu tên là Ngưu Tật (Ngưu: trâu; Tật: đầu gối), rễ của cây này được gọi là *Radix Achyranthis bidentata*, sau khi rửa sạch, phơi sấy khô được dùng làm thuốc. Trong dân gian Ngưu Tật được dùng trong bệnh viêm khớp, đau người, ngày dùng 6 gram dưới dạng thuốc sắc. Lưu ý cấm dùng đối với phụ nữ có thai.

Ngưu Bàng là tên một loại cây cao khoảng 1 thước, cây trông xấu xí, sần sùi, màu như da trâu (tên khoa học *Arctium lappa*, thuộc họ Cúc). Quả (trái) và rễ cây được dùng làm thuốc. Quả chín được hái vào tháng 9, đập lấy quả phơi khô, được gọi là *Fructus Bardanae*. Rễ thì được đào vào mùa xuân, đem về rửa sạch, cắt thành từng miếng, phơi sấy khô.

Theo Tây y, Rễ Ngưu Bàng dùng làm thuốc thông tiểu, giúp ra mồ hôi, dùng trong các bệnh tê thấp, đau sưng khớp, còn dùng cho người bệnh tiểu đường, vì người ta cho rằng cao rễ Ngưu Bàng có tác dụng hạ đường huyết trong máu. Dùng dạng bột hay cao thuốc, mỗi ngày uống 3 lần, mỗi lần 0,6 gram, uống trong 3 ngày.

Theo Đông y, Quả Ngưu Bàng dùng để trị cảm cúm, nóng sốt, giúp thông tiểu. Ngày dùng 6 đến 10 gram dưới dạng thuốc sắc, có thể phối hợp với các vị thuốc khác.

Ở Châu Âu trong dân gian, người ta còn dùng lá non, thân, lá cây này già nhỏ đắp vào nơi bị sâu bọ, ong muỗi, rết (rít) cắn.

Ngưu Bì Đổng còn gọi là cây mơ tam thể, thổi đi, là một thứ dây leo, lá hình trứng,

mọc hoang ở các miền nhiệt đới, cây có mùi hăng thối. Lá tươi được dùng làm thuốc trị bệnh tiêu chảy kiết lỵ do trực trùng Shiga. Lấy 40 gram lá mơ sạch, cắt nhỏ trộn với một lòng đỏ trứng gà, bọc lá chuối đem nướng hoặc đặt lên chảo (không có dầu mỡ) nướng cho thơm. Mỗi ngày ăn 2 lần, dùng trong vòng một tuần.

• Quỳnh Hoa sưu tầm



ĐỊNH LÝ SAI

• G.S. Lê Văn Quới

Bài toán chia: Phép chia là phép đảo của phép nhân, do vậy khi gặp bài toán chia "học búa" người ta phải nghĩ đến bài toán ngược! Thí dụ:

$\frac{10}{2} = ?$ Đáp số không phải là 3, vì lấy 2 nhân

với 3 không cho ra 10! Dĩ nhiên là 5 vì $2 \times 5 = 10$.

$\frac{0}{4} = ?$ Đáp số là 0, vì $4 \times 0 = 0$.

$\frac{10}{0} = ?$ Đáp số không hiện hữu, vì không có số nào nhân với số 0 cho ra 10!

$\frac{0}{0} = ?$

Định lý sai:

Năm 1694 John Bernoulli bằng lòng làm công cho L'Hospital với số lương 300 Anh kim một năm để giải các bài toán cho ông trong đó có các bài dạng 0/0. Năm 1696 L'Hospital xuất bản các tài liệu ghi nhận được của ông thành sách, trong đó có định lý về dạng 0/0. Mặc dầu L'Hospital có cho biết là định lý được thành hình do sự giúp đỡ của Bernoulli, nhưng L'Hospital vẫn bị kiện về chủ quyền của định lý này. Sau khi L'Hospital qua đời, sự kiện tụng vẫn chưa kết thúc, bị cáo lúc này là nhà xuất bản sách.

Mãi đến năm 1721 Hàng Lâm Viện Khoa Học Pháp mới xác nhận chủ quyền hoàn toàn thuộc về Bernoulli và phát phần thưởng cho ông, nhưng ông còn tức đến nỗi không đi nhận giải thưởng mà cho con trai là Daniel đi thay.

Trên pháp lý thì mọi việc đã rõ ràng, nhưng trên thực tế cho tới bây giờ người ta vẫn gọi định lý này là định lý L'Hospital!

Một định lý có tên sai!

Định lý L'Hospital: Giả thiết rằng $f(x_0) = g(x_0) = 0$, $f(x) \wedge g(x)$ là hai hàm số khả vi trên (a, b) có chứa x_0 và $g'(x) \neq 0$ đối với mọi $x \in (a, b)$. Ta có:

$$\lim_{x \rightarrow x_0} \frac{f(x)}{g(x)} = \lim_{x \rightarrow x_0} \frac{f'(x)}{g'(x)} \quad \text{Miễn là giới hạn}$$

này hiện hữu.

Chứng minh:

$$\begin{aligned} \lim_{x \rightarrow x_0} \frac{f(x)}{g(x)} &= \lim_{x \rightarrow x_0} \frac{f(x) - 0}{g(x) - 0} = \lim_{x \rightarrow x_0} \frac{f(x) - f(x_0)}{g(x) - g(x_0)} \\ &= \lim_{x \rightarrow x_0} \frac{f(x) - f(x_0)}{x - x_0} \cdot \frac{x - x_0}{g(x) - g(x_0)} = \lim_{x \rightarrow x_0} \frac{f'(x)}{g'(x)} \end{aligned}$$

Thí dụ: Tính $\lim_{x \rightarrow 1} \frac{\sqrt{x} - 1}{x - 1}$

Phương pháp 1: Dùng hằng đẳng thức đáng nhớ $a^2 - b^2 = (a + b)(a - b)$ để biến mẫu số thành tích số, $x - 1 = (\sqrt{x} + 1)(\sqrt{x} - 1)$:

$$\lim_{x \rightarrow 1} \frac{\sqrt{x} - 1}{x - 1} = \lim_{x \rightarrow 1} \frac{\sqrt{x} - 1}{(\sqrt{x} + 1)(\sqrt{x} - 1)} = \lim_{x \rightarrow 1} \frac{1}{\sqrt{x} + 1} = \frac{1}{2}$$

Phương pháp 2: Nhơn tử và mẫu số cho lượng liên hiệp, lượng liên hiệp của $(a + b)$ là $(a - b)$.

$$\begin{aligned} \lim_{x \rightarrow 1} \frac{\sqrt{x} - 1}{x - 1} &= \lim_{x \rightarrow 1} \frac{(\sqrt{x} - 1)(\sqrt{x} + 1)}{(x - 1)(\sqrt{x} + 1)} = \lim_{x \rightarrow 1} \frac{x - 1}{(x - 1)(\sqrt{x} + 1)} \\ &= \lim_{x \rightarrow 1} \frac{1}{\sqrt{x} + 1} = \frac{1}{2} \end{aligned}$$

Phương pháp 3: Vì mẫu và tử số cùng tiến tới 0 nên ta có thể dùng định lý L'Hospital.

$$\lim_{x \rightarrow 1} \frac{\sqrt{x} - 1}{x - 1} = \lim_{x \rightarrow 1} \frac{\frac{1}{2\sqrt{x}}}{1} = \frac{1}{2} \quad (\text{Tôi đã lấy đạo hàm của tử và mẫu số}).$$

TÌM BẠN - NHẮN TIN

■ Tìm bạn lên là NGÔ VĂN THÀNH (Triệu Minh), Trước ở Khu Vườn Chuối, Quận 3, Sài Gòn. Năm 1977 đến Tây Đức định cư. Địa chỉ sau cùng đã liên lạc là: 234 Konrad Avenafier Str. - 5130 Gelsenkirchen. Nếu quý bạn nào có biết gì về bạn Thành, xin vui lòng báo cho tôi biết. Xin thành thật cảm ơn. Người tìm là: Lý Căn Sanh, 2703 Strathmore Ave - Rosemeab - CA 91770 - USA. ĐT. (818) 288-5805.

■ NGUYỄN LỆ XUÂN, hiện cư ngụ SaarlandStr. 79 - 67061 Ludwigshafen - Germany. Trước làm ở Xí Nghiệp Dược Phẩm 3 tháng 2, đường Duy Tân - Sài Gòn. Tìm hai bạn:
1.- LÊ KIM HỒNG, trước ở Phú Nhuận, và
2.- NGUYỄN THỊ TRƯỚC, xưa ở Cầu Chữ Y.

CHÚC MỪNG

Nhận được hồng thiếp của Anh Chị Bùi Mạnh Căn (Pháp) báo tin Lễ Vu Quy cho Trưởng Nữ Bùi Giang Kim Mai cùng Bùi Đình Dũng Thứ Nam của Ông Bà Bùi Đình Mỏ (Pháp). Hôn lễ được cử hành tại Tòa Thị Chính Villejuif vào ngày 22.02.1997, lúc 15 giờ 00.

Nhân dịp này, gia đình chúng tôi thành thật chung vui cùng hai họ Bùi và chúc hai cháu Kim Mai & Đình Dũng Trăm Năm Hạnh Phúc.
- Gia đình Ngô Văn Phát (Đức Quốc)

TIN THẾ GIỚI

• PHAN NGỌC

MỸ CHÂU

• HOA KỲ

Cuộc lễ nhậm chức kỳ II của Bill Clinton là một biến cố và ấn hình nhất kéo dài trong 3 ngày và trị giá 31 triệu Mỹ kim. Là Tổng Thống Mỹ cuối cùng của thế kỷ XX, tất nhiên ông tự cho mình có nhiệm vụ phác họa một tầm nhìn hướng về tương lai quy tụ vào sự nghiệp đoàn kết quốc gia, xóa bỏ chia rẽ chủng tộc ví như "một tai họa dính liền với nước Mỹ" từ thời lập quốc đến nay. Về mặt đối ngoại, ông nhấn mạnh đến sự mạng lãnh đạo của Mỹ. Nếu như "thế kỷ XX là thế kỷ của Mỹ", thế kỷ XXI sẽ thấy "nước dân chủ lớn nhất thế giới đứng đầu cả một cộng đồng thế giới dân chủ". Ông sẽ cụ thể hóa dự định này bằng cách nào, đó là điều quan trọng mà các nhà bình luận đang bàn đến.



Bill Clinton tái đắc cử vì ông giữ đúng lời cam kết làm cho nước Mỹ mạnh hơn, sung túc hơn. Bốn năm trước đây, ông được chọn lựa theo lời hứa hẹn mang đến cho giai cấp trung lưu Mỹ một lý do tin tưởng vào quê hương của mình. Phát triển cao, việc làm gia tăng, thất nghiệp xuống thấp, coi như việc này đã xong. Lần này ông đoan chắc với dân Mỹ rằng sự thế giới hóa toàn bộ các lãnh vực văn hóa tư tưởng kinh tế nhất là thương mại là một dịp may hơn là một bất lợi cho dân tộc, một biên giới cần mở rộng chứ không phải là một mối đe dọa.

Từ 4 năm nay, nền ngoại giao Mỹ là một nền ngoại giao phản ứng đối với từng trường hợp, từng lúc. Tổng Thống không có và cũng không muốn có một tầm nhìn chiến lược bao quát trên một thế giới đã mất hết tính chất lưỡng cực. Trước những vụ xung đột dính líu đến Mỹ, Bill Clinton phản ứng tùy theo mỗi vấn đề cho dù ông gây ngạc nhiên không ít bởi có một nhận xét và một phân định hết sức nhạy bén. Khả năng ứng phó, toan tính giới hạn nguy hiểm chính trị, quân sự tối đa cộng thêm may mắn là những phương pháp ứng dụng. Ngược lại, Tổng Thống không phác họa một kế hoạch lớn hoặc đeo đuổi ý đồ lãnh đạo tương xứng với cương vị siêu cường duy nhất. Như Ngoại trưởng Warren Christopher đã nhận định "chiến tranh lạnh đã chấm dứt đồng thời giống lên hồi chuông báo tử những chiến lược lớn". Từ đây mọi dự kiến, mọi toan tính mang đến cho thế giới một lối kiến trúc mới tất phải dẫn đến thất bại.

Cùng lúc hưởng một tình hình kinh tế thuận lợi, Mỹ nhận thức ngoại thương là mục tiêu quan trọng hàng đầu, xem tỷ lệ phát triển mạnh vùng Á Châu Thái Bình Dương như hệ số tăng bội ngành xuất cảng Mỹ. Thật vậy, Á Châu đã chiếm 1/2 dịch vụ mua bán với nước ngoài của Mỹ, tiêu thụ 1/3 sản phẩm Mỹ. Từ 1992 đến giờ, Mỹ ký kết 200 thỏa ước thương mại và ngành xuất cảng tăng 30%.

Người ta không khỏi ngạc nhiên khi nhận thấy vấn đề ngoại giao vắng mặt trong cuộc vận động bầu cử Tổng Thống vừa qua. Nhưng điều này che đậy một điều khác rất quan trọng. Nếu như khuynh hướng bá chủ không bao giờ giảm sút, sự nghiệp lãnh đạo thế giới theo Bill Clinton là trước nhất phải nhắm vào thị trường. Nền ngoại giao thương nghiệp mà ông phát huy từ năm 1994 bây giờ được ông đặt nặng hơn trong nhiệm kỳ II của ông.

Lịch sử cận đại Mỹ cho thấy một Tổng Thống Mỹ tái đắc cử thường hay hướng về thế giới với quyết tâm viết lên một trang sử. Chắc Tổng Thống Clinton không thoát khỏi cảm đó này. Nhưng biết trước những nguy hiểm gắn liền với một tham vọng to lớn như thế, nên ông chỉ chú ý đến một địa hạt ít bấp bênh hơn như là tự do buôn bán, điều kiện tiên quyết cho kinh tế hoàn toàn này nở. Vừa mới tái đắc cử, ông thực hiện ngay chuyến công du sang Viễn Đông "đến nơi nào có phát triển cao nhất". Đúng là cái nhìn thế giới của Mỹ sau khi chiến tranh lạnh chấm dứt.

Cuộc họp thượng đỉnh APEC vào tháng 11 vừa qua đến đúng lúc cho Clinton phác họa một chiến lược toàn bộ dựa trên tự do thương mại. Nhưng dù cho thương mại tự do được thế giới đồng ý trên nguyên tắc, trên thực tế thương mại tự do đã gây nên nhiều căng thẳng ngoại giao. Đến nơi nào đang phát triển vượt bậc là dịp để cho ông bắt mạch các mối giao dịch Mỹ-Á Châu, với Nhật, Triều Tiên, đặc biệt nhất với Trung Quốc.

Mỹ thừa biết quan hệ Mỹ-Trung Quốc sẽ quyết định đến sự hợp tác thương mại, ngoại giao, chiến lược với các nước Á Châu khác. Trong khi Bắc Hàn có vẻ như muốn đặt lại vấn đề kế hoạch nguyên tử, Bắc Kinh có thể giúp Mỹ bằng cách ảnh hưởng đến Bình Nhưỡng, thúc đẩy Bình Nhưỡng nối lại hòa đàm, một bảo đảm cho sự ổn định và sự phồn thịnh ở địa phương. Có qua có lại, vì thế Mỹ đã đi xa hơn trên con đường xoa dịu Bắc Kinh, như quyết định không kết hợp nhân quyền với buôn bán.

Ngoài lý do chiến lược toàn bộ nêu trên, một lý do khác thúc đẩy Mỹ hòa hoãn với Trung Quốc, dù Trung Quốc không ngừng ngại và không ngừng khiêu khích Mỹ như hợp tác nguyên tử quân sự với Iran. Đó là cán cân thương mại mất quân bình nghiêng về phía Mỹ, lên đến 40 tỉ Mỹ kim vượt trội sự mất quân bình thương mại với Nhật. Bởi thế Hoa Thịnh Đốn trách cứ Bắc Kinh quá níu nhất trong việc mở cửa thị trường nội thương.

Trong những điều kiện như thế, và khi mà Trung Quốc chưa phá bỏ hàng rào bảo vệ thật sự, Mỹ không vội vàng ủng hộ Trung Quốc gia nhập Tổ Chức Thương Mại Quốc Tế (OMC) và cũng ít vội vàng thỏa mãn Trung Quốc, cho Trung Quốc thương trực điều khoản quốc gia ưu tiên như Bắc Kinh liên tục yêu cầu. Về phía Trung Quốc, các nhà lãnh đạo đang cần đến thị trường Mỹ, một thị trường quan trọng cho nền xuất cảng Trung Quốc. Vấn đề đầu tư này rất gay go cho Tổng Thống Clinton. Với lá chắn Nhật, lá chắn Trung Quốc sẽ quyết định đường lối thương mại Á Châu của Mỹ, mà Clinton xem như cơ sở nhiệm kỳ này của ông. "Mỹ hướng về phía Tây nhưng không bao giờ quên phía Đông", Cổ vấn an ninh quốc gia Sandy Berger vừa nhấn mạnh như thế. Quả thật Mỹ có thể tìm được ở phía Đông nhiều tiềm lực và nhiều rắc rối.

Rắc rối vừa mới xảy ra là rắc rối liên quan đến "đường dây Á Châu" trong vấn đề tài trợ các đảng phái, nhất là đảng Dân Chủ. Đường dây này đã tỏ ra quá hào phóng hỗ trợ Bill Clinton tái đắc cử. Theo báo chí loan báo, nổi bật nhất là John Huang gốc Đài Loan, James Riadly thuộc gia đình kiểm soát công ty tài chánh Nam Dương Lippo, nhà buôn bán vũ khí Wang Jun chuyên cung cấp vũ khí cho quân đội Trung Quốc, từng dính dáng đến vụ buôn lậu vũ khí cho băng đảng ở San Francisco 5.96, Charles Yah Lin Trie gốc Đài Loan, bạn thân của Tổng Thống, nhân viên Ủy ban Thương mại Á Châu. Cảnh sát liên bang FBI và Ủy ban Điều tra Thượng Viện Mỹ đang tiến hành điều tra các nhân vật nêu trên cùng lúc đặt nghi vấn có khoảng 10 nước tham dự vào sự ủng hộ tài chánh cho đảng Dân Chủ và luôn cả đảng Cộng Hòa. Mục tiêu của cuộc điều tra là nhận định xem có phải

đường dây Á Châu tung tiền ra đổi lấy cách đối xử ưu tiên về phía tòa Bạch Ốc?

Dù kết quả điều tra ra sao đi chăng nữa, mọi người đều nghĩ rằng nền ngoại giao buồn bán sẽ đổi hướng dòng lịch sử, ảnh hưởng đến tương lai và vẽ lại bộ mặt thế giới.

•TRUNG MỸ

Guatemala là nước nạn nhân nội chiến duy nhất còn sót lại ở Trung Mỹ. Hiệp ước hòa bình ký kết giữa chính phủ và Liên Minh Cách Mạng Quốc Gia vào cuối tháng 12.96 đã chấm dứt một ngoại lệ đau thương dai dẳng. Nguyên nhân nào nuôi dưỡng phong trào du kích?

Bản cùng lan rộng giữa đa số thổ dân, giàu sang phú quý quá lộ liễu giữa thiếu số chủ điền cà-phê, đường mía, quyền lợi cổ hữu của Công ty Mỹ United Fruit Corporation ghép với tham vọng không biên giới của một số tướng lãnh làm những yếu tố dẫn đưa đất nước đến vụ xung đột không thể tránh khỏi và kéo dài từ 36 năm nay với hậu quả là hàng chục ngàn người chết, hàng chục ngàn mất tích, hàng chục ngàn di tản.

Các nhà tâm huyết tha thiết với vận mạng quốc gia dân tộc đều thấy rõ nội chiến phải chấm dứt càng sớm càng tốt. Nhưng những yếu tố bên ngoài không cho phép như thế. Mối lo sợ do Cuba gây ra trong hàng ngũ giai cấp đại tư sản Trung Mỹ cũng như cho Hoa Thịnh Đốn càng làm cho sự xung khắc thêm phần quyết liệt. Bằng chứng là từ khi Fidel Castro qua trung gian Che Guevera lãnh đạo phong trào du kích, Mỹ vận dụng mọi phương tiện cùng cố quyền hành nhóm Tướng lãnh cầm quyền tuy độc tài nhưng chống Cộng triệt để.

Bức tường Bá Linh sụp đổ vang dậy đến tận Trung Mỹ, do đó tạo điều kiện thuận lợi cho hai phe đối địch hòa đàm. Phong trào du kích kết thúc sớm nhất ở Nicaragua (1990), 2 năm sau ở Salvador. Hiệp ước hòa bình ở Guatemala chứng tỏ một giai đoạn đã qua, giai đoạn mà các vụ xung đột nóng là biểu hiện cụ thể của chiến tranh lạnh.

Lần đầu tiên kể từ khi Tây Ban Nha đô hộ (1524), thổ dân Guatemala (60% dân số) có một đời sống hợp pháp. Vấn đề quan trọng còn sót lại là làm thế nào để sát nhập khoảng 10.000 du kích quân vào đời sống dân sự để họ có một đời sống bình thường. Muốn đạt mục tiêu này, phải có tiền. Nền kinh tế Guatemala còn bệnh hoạn. Và lại Mỹ giảm viện trợ từ khi nguy hiểm Cộng Sản không còn nữa. Guatemala còn giữ một chân trong thế giới chậm tiến. Cho nên một khi mà chính phủ chưa thành công cải thiện hoàn cảnh khổ dân nghèo, phong trào du kích có cơ sống lại như ở Colombia, Mễ Tây Cơ và gần đây nhất ở Peru. Vụ bắt giữ con tin ở Tòa Đại Sứ Nhật tại Lima là một ví dụ điển hình.

PHI CHÂU

Sau khi trên dưới một triệu dân tỵ nạn từ miền Đông Zaire trở về Rwanda, cộng đồng quốc tế thờ phào nhẹ nhõm. Một điều hết sức chính đáng vì người ta vừa tránh khỏi một "tai họa nhân đạo" có một không hai cho dù người ta không biết chính xác trong số người về quê quán vì áp lực, bao nhiêu người còn lang

thang trong rừng sâu Kivu đang sống trong một tình trạng thiếu thốn đủ thứ. Cuộc di tản gây nên bao nhiêu nạn nhân, bao nhiêu quân nhân Hutu còn ở lại, trong số này còn bao nhiêu người dính máu diệt chủng nhất quyết sống mái với nhóm Tutsi nổi loạn tại Zaire và với chính quyền Rwanda? Người ta cũng chưa nói hết cảnh cô đơn tuyệt vọng của những người di tản. Sự trở về của họ có diễn tiến êm đẹp không? Họ có thể thoát khỏi sự trả thù không?

Thế nên mọi người đều nghĩ rằng xung đột chủng tộc chưa chấm dứt. Ở đó, tại Kivu còn một đoàn trẻ con đang chết dần mòn vì đói khát, 400.000 dân tỵ nạn sống trong một vùng đất mất hoàn toàn an ninh. Mỗi ngày đều có 40 người chết.

Mặt khác, những tiếng vang từ Rwanda gây lo ngại không ít. Trong lúc mà 90.000 người bị nghi ngờ dính líu đến cuộc diệt chủng 1994 chờ đợi xét xử trong những điều kiện đáng phàn nàn, những vụ xử án diễn ra không chút điều tra, trong một khung cảnh bồi nhọ công lý. Những bị cáo lãnh án tử hình không có luật sư biện hộ. Nếu như phạm tội phải đền tội, ngược lại người ta thực thi điều gọi là nhại công lý.

Tại chỗ những rắc rối giữa Hutu và Tutsi ngày càng gia tăng. Cho dù những nạn nhân những vụ chạm trán này hiện giờ chỉ đạt đến con số "hàng chục người" như chính phủ Rwanda thông cáo, một con số không thấm vào đâu so với con số nạn nhân vụ tàn sát 4 năm trước, mọi nguy hiểm vẫn tiềm tàng, có ngày sẽ bùng nổ ở Rwanda, Burundi và có thể chấm dứt trong biển máu.

Dù cho cộng đồng quốc tế gặp nhiều khó khăn về mặt chính trị, về phương tiện đến đâu, cộng đồng không thể khoanh tay chờ đợi thảm kịch xảy đến mới bắt đầu can thiệp.

Ba Lê và Hoa Thịnh Đốn đều có những lịch trình hoàn toàn khác nhau liên quan đến chiến lược thu hái tối đa lợi lộc ở vùng này. Vừa mới gần đây, Mỹ, Pháp bắt đầu hợp tác sau những tháng tranh cãi sôi nổi vô bổ. Thời giờ cấp bách. Nhưng hiện giờ người ta chưa tháo ra một kế hoạch hành động cụ thể nào. Trong khi chờ đợi, các tổ chức nhân đạo phi chính phủ đang cần đến sự giúp đỡ tận tình hầu cứu trợ khẩn cấp hơn. Tất cả mọi phương tiện trước thờ ơ vụ lợi trợ trèn.

CẬN ĐÔNG

•IRAK

Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc bắt đầu cho thi hành Quyết Nghị 986 đặc biệt cho phép Iraq mỗi 6 tháng một lần bán ra một số dầu thô trị giá 2 tỉ Mỹ kim (500.000 thùng mỗi ngày) để trang trải nhu cầu thực phẩm, thuốc men cần thiết. Quyết Nghị 986 do Hội Đồng Bảo An thông qua vào tháng 4.95 ấn định Liên Hiệp Quốc có thẩm quyền kiểm soát việc xuất cảng dầu, phân phối thực phẩm, thuốc men, bồi thường nạn nhân chiến tranh. Động cơ nào thúc đẩy quốc tế tiếp tục siết chặt vòng vây Saddam Hussein luôn luôn ôm tham vọng làm chủ nhân vùng dầu hỏa?

Theo Liên Hiệp Quốc, số lượng dầu khai thác hiện tại là 5,7 tỉ tấn, sẽ đạt đến 10 tỉ tấn vào năm 2050 nhờ vào hiệu năng khoa học kỹ thuật. Nhưng nhu cầu tiêu thụ dầu càng

ngày càng tăng. Số thành phố hơn 10 triệu dân sẽ tăng gấp đôi từ 14 đến 27 từ đây đến năm 2015. Thị dân sẽ tiêu thụ năng lượng 2 lần hơn thôn dân cùng lúc số xe hơi tăng từ 400 triệu đến 1 tỉ phần lớn ở Mỹ La Tinh, Phi Châu, Á Châu. Song song số lượng dầu tiêu thụ tăng từ 8,5 tỉ đến 13,4 tỉ tấn. Cầu tăng nhưng cung chưa chắc bảo đảm vì 3 điều bấp bênh. Dự trữ dầu còn ở mức độ 939 tỉ thùng. Nhu cầu khai thác về mặt tài chính gia tăng, ước lượng là 30.000 tỉ Mỹ kim từ đây đến năm 2020, một điều khó thực hiện đối với các nước đang mở mang. Sau cùng là bấp bênh chính trị. Ví dụ như Cận Đông cung cấp phần lớn nhu cầu dầu phụ trội trên thế giới (như cầu các nước kỹ nghệ tăng 3,7%, Á Châu tăng 8%, riêng Trung Quốc tăng 9% cho năm 1997). Sự tiếp tế dầu tùy thuộc vào 4 nước Arabie Saoudite, Iran, Irak, Kuwait, một vùng bất ổn thường trực. Chiến tranh vùng Vịnh đã chứng minh điều ấy. Vì vậy Mỹ thực hiện chiến lược giao hảo với Arabie Saoudite, phong tỏa Iran, gắt gao kiểm soát Irak qua trung gian Liên Hiệp Quốc.

• DO THÁI - PALESTINE

Sau 10 tháng chậm trễ, Do Thái ký kết thỏa ước với Palestine, ưng thuận rút khỏi thành phố lịch sử Hebron. Phụ bản thỏa ước còn quy định quân đội Do Thái rời khỏi vùng Cisjordanie từ đây đến 8.98 là chậm nhất.

Thỏa ước Hebron trước sau chỉ là một biểu tượng. Điều quan trọng nằm ở chỗ khác như thúc đẩy trở lại tiến trình hòa bình như thế nơi rộng quyền tự trị cho Palestine. Thỏa ước còn mang một đặc điểm khác: Một thủ lãnh Do Thái bảo thủ cam kết với một thủ lãnh Palestine ví như một kẻ khủng bố khát máu. Về phía Do Thái, đây là một cuộc cách mạng tư tưởng, ý thức hệ. Cũng như về phía Palestine một cuộc cách mạng khác dẫn đến Arafat từ bỏ ý đồ thu hồi toàn thể đất Palestine. Về cá nhân Thủ Tướng Do Thái, lần đầu tiên ông hành động như nhà lãnh đạo chính phủ. Ông đã làm những gì trái ngược với những gì ứng cử viên nói.



Tuy nhiên người ta ghi nhận thỏa ước Hebron rất là mơ hồ. Nhiều vấn đề còn sót lại như khu nhà mồ tổ tiên chung, quyền hạn Do Thái truy kích cấp thời những kẻ khủng bố trên lãnh thổ Palestine, vùng trái độn giữ 400 di dân Do Thái và 120.000 dân Palestine, cương vị cuối cùng của Palestine bao gồm luôn cả vùng Đông Jerusalem.

Vì vậy những nhà quan sát bi quan đã lên tiếng báo động sẽ có nhiều gút mắc mới xảy ra. Người ta dự đoán Thủ Tướng Do Thái sẽ áp dụng chiến thuật du kích kéo dài thời gian. Trong tương lai, mọi cuộc rút quân khỏi Cisjordanie là một chiến trận khó khăn nguy hiểm như chiến trận Hebron. Nhưng ít ra, chiến trận Hebron đã kết thúc tốt đẹp, cho phép Do Thái-Palestine tiếp tục đi trên con đường hòa bình.

ÂU CHÂU

•NGA

Sau 6 tháng vắng mặt trên chính trường Nga, Tổng Thống Boris Jeltzin trở lại điện Cẩm Linh và đang đứng trước một tình hình chính trị, kinh tế nan giải. Những người hùng một thời như Alexander Lebed bây giờ trở thành nhà đối lập nguy hiểm. Các nhà kinh tài, kỹ nghệ ngày càng phò trương quyền hạn rộng lớn khó kiểm soát. Ví dụ như nhà kinh tài Boris Beezovski trở thành Phó Tổng Thư Ký Hội Đồng An Ninh Quốc Gia.

Trên lãnh vực kinh tế, việc thu thuế không đạt kết quả mong muốn. Do đó quốc gia thiếu tiền mặt, chậm trễ trả lương cho công nhân, viên chức. Việc này ảnh hưởng lớn đến sự đầu tư, làm cho nghèo đói rõ nét hơn. Các công ty kỹ nghệ mang vốn (50 tỉ Mỹ kim) ra nước ngoài, quên nộp thuế và thanh toán lương công nhân. Các ngân hàng tự nhân mặc tình đầu cơ trục lợi.



Nga sẽ phải đương đầu với những hậu quả do quyền hành thoái hóa tạo nên. Các quyền lực chống đối gây rối lung tung, xã hội tan rã, bắt công bùng nổ, tội phạm gia tăng. Vấn đề lớn của Nga là quốc gia mất hết các phương tiện sống còn. Hiện Nga sống nhờ vay nợ ngân hàng, thị trường tài chánh và các tổ chức kinh tài tư nhân khác. Nga bước vào một cuộc phiêu lưu mù mịt.

Hình ảnh nước Nga bệ rạc giống như hình ảnh vị nguyên thủ chưa thoát khỏi căn bệnh nguy hiểm. Vừa vào viện sau 2 tuần trở lại trực tiếp nắm quyền, Tổng Thống Jeltzin phải đương đầu với Tướng Lebed, chưa kể các kẻ khác núp trong bóng tối, công khai đặt vấn đề kế vị ông. Cũng vì lẽ đó, ông vội vàng đề nghị trung cầu dân ý thống nhất với Bạch Nga. Một mảnh lời để trấn an dư luận, để chứng tỏ ông còn đủ khả năng, sáng suốt trị quốc. Theo ông, đề nghị thống nhất với Bạch Nga là để chống lại NATO đang tiến về phía Đông.

Tuy là một đòn phép chính trị nội bộ, nhưng điều này cũng nói lên một điều quan trọng. Tại sao Nga chống đối, tại sao Tây Phương hết sức dè dặt trong việc nối rộng NATO, chọn lựa một số nước này, bỏ rơi một số nước khác?

•NATO

Người ta cứ tưởng NATO, "con rôi của Staline" không thể sống sót sau khi Liên Xô bại trận, sau khi quan điểm Lenine phân chia thế giới không còn hợp thời nữa. Lenine luôn luôn tuyên bố giữa họ, đế quốc và ta, Bôn-sơ-vít, phải có kẻ mất người còn.

Giai đoạn này đã chấm dứt và hoàn toàn chấm dứt. Ngay cả Trung Quốc, Cuba, Việt Nam đã từ bỏ thờ phượng Các-Mác, quay sang thờ kính Đô-la. Đối ăn thúc đẩy Bắc Hàn ve vãn Chú Sam. Nhưng NATO vẫn còn sống và chắc sống lâu hơn nữa.

Tại sao Tổ Chức đang sửa soạn tiến về phía Đông? Một sự mở rộng rất khác thường. Lịch sử luôn cả lịch sử thế kỷ XX này đã chứng minh nhiều vụ lật ngược hơn là gia hạn hoặc phát triển liên minh. Làm sao giải thích được điều này trong khi mà Hồng Quân từng chiến thắng quân đội Hitler, làm cho Tây phương mất ăn mất ngủ trong thời gian mấy mươi năm liền, nay sức càng ướm cánh. Chiến tranh Afghanistan, Tchetchenien là những dẫn chứng hùng hồn nhất.

Dĩ nhiên điện Cẩm Linh còn giữ trong tay nhiều vũ khí hạt nhân có thể làm nổ tung địa cầu. Nhưng người ta tự hỏi Nga sẽ sử dụng loại vũ khí này như thế nào, trong lúc vào năm 1989, Liên Xô nhìn đế quốc tàn rụi không nổ một tiếng súng. Dĩ nhiên không ai đoán biết tương lai sẽ ra sao. Không biết sau này có một biến cố lịch sử nào đưa đẩy một quyền lực nào đó khao khát chinh phục lên nắm quyền ở Mạc Tư Khoa. Nhưng trước đây 10 năm, Liên Xô từng giàn ra 180 Sư đoàn, bây giờ Nga chỉ còn có 30 Sư đoàn, trong số chỉ có 1/3 đạt hiệu năng tác chiến. Từ đây đến lúc quyền lực ấy huy động, dân Nga đang thiếu thốn đủ thứ, thất vọng đủ điều, con đường còn rất xa.

Dù sao chăng nữa, Liên Minh Bắc Đại Tây Dương đang dự trù các phương cách nối rộng cùng lúc bỏ rơi 3 nước Baltique sát nhập vào Liên Xô từ 1940 mà Nga không thành công giữ lại. Một trong những lý do do Tổng Thống Nga viện ra là nếu 3 nước này gia nhập Liên Minh, Nga sẽ đứng trước một mối đe dọa mới.

Từ bao thế kỷ, Lituanie, Lettonie, Estonie đã tạo thành một ván cờ tranh chấp giữa dân tộc Tatar và các hiệp sĩ Teuton, sau này giữa Nga và Đức. Kể từ 1940, Staline mang dân Nga đến sinh sống tại các nước này đến nỗi dân Nga chiếm đa số tại thủ đô Riga Lettonie.

Mặt khác, còn có địa phận Nga là Kaliningrad trước là Koenigsberg đất Đức nằm kẹt giữa Ba Lan và Lituanie. Do đó người ta nhìn thấy ngay bài toán do Kaliningrad đặt ra chưa kể hạm đội Nga đã mất bến đậu quan trọng là Riga. Trước đây sở dĩ dân Nga quen thói thống trị, nay đã mất vị thế ăn trên ngồi trước. Và trong số những người theo chủ nghĩa dân túy đang gấp ghé thay thế Jeltzin, có nhiều kẻ cực lực chỉ trích chính quyền Nga đã bỏ rơi đồng bào di dân Nga.

Ngoài những mầm mống xung khắc tiềm ẩn nêu trên, sự lệ thuộc của 3 nước Baltique với Nga về phương diện năng lượng là một vấn đề gay góc khác. Nếu người ta kể đến tấm vóc, dân số, tài nguyên của 3 nước trước con gấu Nga, người ta sẽ hiểu tại sao 3 nước ấy luôn luôn tìm kiếm một bảo đảm quân sự bên ngoài.

Nhưng cố về như không ai tận tình giúp đỡ họ. Lý do hết sức đơn giản: Một trong những điều kiện của Nga là NATO không thể đến gần vùng gọi là "kẻ lạ gần". Trước sau Nga vẫn xem Lituanie, Lettonie, Estonie, luôn cả Ukraine là những phần tử của Nga. Chấp nhận cho các nước này gia nhập NATO là tạo điều kiện cho NATO đặt để mũi nhọn tiền phương chỉ cách Saint Peterburg vài chục cây số. Tuy nhiên trong mọi trường hợp, bác bỏ đơn xin của 3 nước là từ chối bảo vệ những ai đang gặp nguy hiểm nhất.

Các nhà chức trách NATO đã tuyên bố với các nước có hy vọng nhiều nhất như Ba Lan, Tiệp, Hung Gia Lợi là không bao giờ vũ khí nguyên tử, quân đội ngoại quốc đóng trên lãnh thổ quốc gia cũng như trước đây lúc Đức thống nhất, NATO đã bảo đảm với Nga điều ấy. Vậy thì Ba Lan, Tiệp, Hung chờ đợi gì, hy vọng gì, nhất là Ba Lan, Hung do các cựu đảng viên CS lãnh đạo. Câu trả lời hết sức ngắn gọn: Các nước này muốn Mỹ ở lại Âu Châu, vì Âu Châu bất lực. Vụ giải quyết chiến tranh Nam Tư là một bằng chứng.

Những ứng cử viên NATO thừa biết rằng Mỹ đã bỏ ra một thời gian khá dài để can thiệp vào chiến tranh thế giới thứ I, thứ II. Cũng như Mỹ rất ngập ngừng khi gửi quân đội đến bất cứ nơi nào. Họ cũng tự nhủ rằng không ai biết tương lai sẽ ra sao. Trong những tình huống như thế, không gì bảo đảm chắc chắn cho bằng sự hiện diện của Mỹ ở trong nhà mình. Để phỏng ngừa một kẻ nào đó như Staline, để tìm một sự cân bằng trước cân nặng của Đức, điều mà họ ít nói ra.

Bày tỏ nguyện vọng mong Mỹ ở lại, như thế là các nước Baltique đã đi về phía tòa Bạch Ốc mà mục tiêu không cần giấu giếm là xem NATO như nền tảng mấu chốt cho nền an ninh Âu Châu trong khuôn khổ hợp tác Nga-Mỹ.

Cho nên không ai lấy làm lạ tại sao mấy lúc gần đây, người ta nhắc lại lời tuyên bố hóm hỉnh của Tướng Anh Ismay Tổng Thư Ký đầu tiên của Minh Ước: giữ Nga bên ngoài, Mỹ bên trong và Đức dưới thấp.

• VÙNG BALKAN

Đang gỡ lại thời gian đã mất trong công cuộc đuổi bắt dân chủ tự do? Dân Serbe tiếp tục biểu tình khuyhn đảo Slobodan Milosevic, dân Bào Gia Lợi xuống đường đòi tổ chức bầu cử sớm hơn kỳ hạn nhằm lật đổ chính quyền Cộng Sản trong vòng luật pháp, dân Lỗ Ma Ni vừa tổng khur lliescu. Đến giờ họ chưa thoát khỏi thật sự chủ nghĩa Cộng Sản. Cả 3 nước Serbie, Bào, Lỗ đang dẫn thân vào con đường mà các nước Trung Âu lân cận chọn lựa tức khác, con đường cách mạng trải nhưng.

Để giữ quyền hành vượt khỏi tầm tay, Milosevic từ bỏ chủ nghĩa Cộng Sản từ năm 1989, tự biến hóa thành kẻ ái quốc cực đoan cuồng tín với hậu quả là chiến tranh tương tàn.

Bây giờ ông phải trả giá rất đắt. Trước nhất vì giắc mộng Đại Serbie của ông thành con số không to tướng. Nam Tư do Belgrade thống trị đã tan vỡ từng mảnh vụn. Dân Serbe ở Croatie bị đánh đuổi khỏi các thành phố biên giới nơi mà họ sinh sống từ nhiều thế kỷ. Dân Serbe ở Bosnie cay đắng chấp nhận

phân quyền. Sau nữa bởi vì Milosevic phản bội đồng đội khi ông biến hóa lần thứ nhì. Dưới áp lực của không lực NATO và của các nhà ngoại giao Mỹ, nhà chủ trương chiến tranh hình linh biến dạng thành nhà quán quân phục vụ hòa bình. Hiệp ước Dayton là phương tiện giúp ông tiếp tục nắm quyền hành. Sau cùng là đồng bào ông không tha thứ cho ông vì ông đã làm cho quốc gia suy sụp. Thời Liên Bang Nam Tư còn sống, dân Serbe hy vọng một ngày nào đó sẽ gia nhập Cộng Đồng Âu Châu; bây giờ đang sa xuống thế giới chậm tiến. Hậu quả của sự trừng phạt quốc tế.



Nguyên nhân giống nhau, hậu quả như nhau. Đất nước đắm chìm trong nghèo đói và tham nhũng. Trước một chế độ tòng phạm với Mafia, người dân bần cùng xuống đường thách thức chế độ vì họ tuyệt vọng. Cũng như ở Belgrade, đám đông đã chiếm thủ đô Sofia ở Bào Gia Lợi.

Tại Lỗ Ma Ni, những lãnh tụ Cộng Sản cũng toan tính trở nên như Milosevic. Họ nghĩ rằng loại trừ kẻ đầu đàn của họ là Nicolae Ceausescu, mệnh danh Stalin vùng Carpathes, họ thoát khỏi vòng vây cài tổ. Toan tính là một việc, thành công là một việc khác.

Khắp nơi duy vật biện chứng hoàn toàn thất bại. Bây giờ những lãnh tụ Cộng Sản Balkan khám phá ra rằng khôn khéo chưa đủ. Muốn sống lâu cần phải khôn ngoan, như thế phải chấp nhận chuyển đổi.

•TCHETCHENIE

Cuộc bầu cử tự do thật sự sau 21 tháng chiến tranh tàn phá đã đánh tan mối lo ngại Tchetchenie sẽ sa vào vòng ảnh hưởng của phong trào Hồi Giáo bảo thủ cực đoan. Kết quả cuộc bầu cử (Tham Muu Trường Aslan Maskhadov đạt 68,9% số phiếu) không có nghĩa là cộng đồng quốc tế công nhận ngay nền độc lập Tchetchenie. Bởi người ta đang theo dõi dự định của người thắng cử cũng như trước đây người ta không tin dân tộc Tchetchenie sẽ chiến thắng. Điều chắc chắn là Tham Muu Trường tuy ôn hòa nhưng không bao giờ ông từ bỏ tự do có được với một giá quá cao thể hiện qua thủ đô Grozny đổ nát, hàng chục ngàn năm mồ rai rác trong các làng mạc.

Nhiều khó khăn đang chờ đón tân Tổng Thống. Ông thừa biết Nga sẽ tìm cách bao

vây kinh tế, nhưng ông tuyên bố không lùi bước trước những vấn đề nguyên tắc như Tchetchenie không phải là một phần tử của Liên Bang Nga.

Nguy hiểm hơn hết là Chamil Bassev, người bắt giữ con tin lừng danh đã làm cho Nga mất mặt. Vị này hăm dọa sẽ trở thành một đối lập cứng rắn nếu Maskhadov làm điều gì thất lợi cho quê hương, như ký kết thỏa ước liên bang với Nga chẳng hạn. Đây là một đe dọa nghiêm trọng.

Tất cả sự kiện nêu trên đặt tân Tổng Thống trước một tình thế giống như Arafat trước tổ chức cực đoan Hamas. Cũng như Arafat trước đây, Maskhadov bắt buộc phải tiếp nhận sự ủng hộ tài chánh của các tổ chức Hồi Giáo và của các quốc gia Hồi Giáo vì thiếu sự yểm trợ của khối Tây phương. Cũng có lý do để so sánh như thế vì Tchetchenie từng nhận vào hàng ngũ của mình một số người thánh chiến chuyên nghiệp.

Về phía Nga, nơi gương tiến trình hòa bình Cận Đông, một số chính khách đang đề nghị với điện Cẩm Linh nên nhượng bộ Maskhadov để ông có thể vững chắc trước phong trào Hồi Giáo bảo thủ. Cuộc tranh luận đang diễn ra tại Mạc Tư Khoa. Nhưng khủng hoảng kể vị Jeltzin càng gây thêm rối rắm.

Dù sao chăng nữa, Tổng Thống phải gấp rút tìm mọi phương cách để thúc đẩy guồng máy kinh tế nếu ông không muốn gây thất vọng cho dân đã đặt tin tưởng vào ông. Cơ may rất mong manh vì Nga sẽ đặt điều kiện khắt khe trong việc bồi thường chiến tranh.

Một sự hợp tác giữa ông và Bassev là một bảo đảm cho nền trật tự rất cần thiết cho sự mở mang tái thiết. Nếu không có viện trợ bên ngoài, ông khó chu toàn nhiệm vụ trong khi mà nền trật tự an ninh của vùng mấu chốt trên vòng cung khủng hoảng bao quanh Âu Châu đều lệ thuộc vào sự thành công của Maskhadov.

Á CHÂU

•NAM HÀN

Từ 40 năm nay, sự mở mang phát triển vượt bậc ở Nam Hàn đã gây ấn tượng mạnh. Lợi tức mỗi đầu người từ 200 Mỹ kim (1950) nay lên đến 11.000 Mỹ kim (1995). Với thành quả như thế, Nam Hàn vừa gia nhập Tổ Chức Hợp Tác và Mở Mang Kinh Tế (OCDE), câu lạc bộ giới hạn dành riêng cho những nước giàu nhất thế giới (29). Trở thành hội viên tổ chức này là cầm chắc trong tay danh thiếp bảo đảm uy tín, mà nhiều nước đang phát triển hết sức thèm muốn.

Nền kinh tế phồn thịnh đã ảnh hưởng sâu xa đến đời sống xã hội. Một dân số với vốn chuyên môn cao và lương bổng hậu - điều kiện tiên quyết đồng thời là kết quả của thời kỳ kỹ nghệ - tất nhiên đòi hỏi nhiều hơn về mặt đời sống, điều kiện lao động, dân chủ.

Đuổi kịp các nước kỹ nghệ tiên tiến, Nam Hàn đang đứng trước những vấn đề gay go chung cho các nước hiện đại. Giống như giới lao động các nước kỹ nghệ khác, giới lao động Nam Hàn với lương bổng ngang bằng lương bổng giới lao động Anh đang gặp phải sự cạnh tranh của giới công nhân các nước đang phát triển như Trung Quốc, Thái Lan, Việt Nam v.v... Giống như giới chủ nhân Đông

Kinh, Ba Lê, Hoa Thịnh Đốn, giới chủ nhân Hán Thành đòi hỏi thị trường lao động phải uyển chuyển để đối phó có hiệu quả với nhóm chủ nhân mới. Uyển chuyển có nghĩa là tăng giờ làm việc không tăng lương (52 giờ mỗi tuần), sa thải dễ dàng, tuyển công nhân tạm thời thay thế công nhân đình công. Uyển chuyển là một trong những quy luật của OCDE và cũng là nguyên nhân phong trào đình công chống lại luật lao động mà Quốc Hội lên lút thông qua đêm 26.12 vừa qua.

Có thể nêu lên 2 lý do giải thích cuộc khủng hoảng xã hội này. Chính phủ chia tay trái ra bắt lại những gì tay phải buông ra, - thực thi uyển chuyển lao động cùng lúc bác bỏ điều khoản xã hội (tự do nghiệp đoàn, quyền đình công), gắn liền với giao thương quốc tế - Giới công nhân Nam Hàn sau bao năm suy tính giờ đây đang khao khát công bằng xã hội chính trị. Ngược lại chủ nhân hứa hẹn sa thải. Một sự thật lù bắt buộc công nhân phải phản ứng.

•NHẬT

Lần thứ 8 liên tiếp, Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc bầu Nhật làm hội viên không thường trực Hội Đồng Bảo An, một kỳ lục. Song song với Pháp, Đức ủng hộ Đông Kinh giữ một ghế thường trực có quyền phủ quyết. Điều này chứng tỏ quá trình công nhận cân lượng của Nhật về mặt kinh tế chính trị trên sân khấu thế giới đã bước sang giai đoạn cuối cùng. Sự tán thành này là kết quả của một đường lối nhẫn nại mà Nhật khai triển ở Liên Hiệp Quốc cũng như trong khuôn khổ giao thiệp song phương giữa Nhật và các quốc gia khác.

Kể từ khi Nhật bại trận, 2 yếu tố kết hợp biến Liên Hiệp Quốc thành một phần tử trọng yếu trong đời sống chính trị nội bộ và ngoại giao Nhật. Yếu tố thứ nhất là phong trào yêu chuộng hòa bình xuất phát từ thập niên 50. Phong trào này dựa trên nguyên tắc hòa bình ghi trong Hiến Chương Liên Hiệp Quốc để chống đối đường lối ngoại giao của các chính phủ bảo thủ cầm quyền liên tục, đường lối đặt nền tảng trên Liên minh Quân sự Mỹ-Nhật. Yếu tố thứ hai là từ khi Nhật gia nhập vào Liên Hiệp Quốc (1956), Nhật xem vấn đề lệ thuộc vào Liên Hiệp Quốc là một nguyên tắc, theo đó Nhật định hướng ngoại giao. Mục tiêu phải đạt: sự công nhận của quốc tế ví như một phương tiện lôi kéo phần lớn dư luận Nhật ủng hộ Hiệp Ước Quân Sự Mỹ-Nhật cho thế kỷ XXI đang thành hình.

Trong hiện tại, nếu như mỗi đe dọa Liên Xô đã mất, nhiều mối đe dọa khác đang bao vây Nhật. Ví dụ như bán đảo Triều Tiên, Trung Quốc đã lấp ló trống chiến lược, chưa kể Nga không dễ dãi hơn Liên Xô liên quan đến lãnh thổ miền Bắc (đảo Kour Iles). Ngoài ra Nhật là một trong những nước trên thế giới sống giữa các láng giềng hiểm thù ở một nơi thiếu tổ chức an ninh chung. Vì vậy câu hỏi nêu lên trước nhất Nhật sẽ làm gì với tư cách hội viên thường trực Hội Đồng Bảo An? Nếu không phải là với tất cả quyền hạn, cương vị của một cường quốc? Có thể nhìn thấy Nhật đang hướng đến 2 mục tiêu sử dụng Liên Hiệp Quốc. Nhật muốn thúc đẩy Liên Hiệp Quốc mạnh hơn về mặt kiểm hiệu. Nói cách khác, Nhật sẽ ảnh hưởng đến trật tự an ninh thế giới theo chiều hướng thuận lợi nhất cho mình.

Trên bình diện địa phương, Nhật có thể tìm nơi Liên Hiệp Quốc những phương tiện kèm hăm Trung Quốc trong trường hợp khủng hoảng xảy ra giữa 2 nước.

Chung quanh hình như Nhật không nhắm vào mục tiêu kiến tạo một nền trật tự thế giới nào khác hơn là trật tự sẵn có, tăng cường nền trật tự sẵn có: Một pax nipponica ăn khớp với một pax americana có sẵn. Dưới mắt Đông Kinh, trật tự thế giới hữu hiệu nhất là trật tự do Mỹ đặt đề, qua đó Nhật hy vọng từ từ thu hái lợi lộc nhiều nhất. Điều mà Nhật tìm kiếm ở Hội Đồng Bảo An là ngôi thứ chính đáng của một cường quốc hạng nặng nhờ vào số tiền đóng góp to nhất.

•TRUNG QUỐC

Quân lực là công cụ phục vụ chính trị. Dựa vào quân lực hùng mạnh, mấy lúc gần đây Trung Quốc đeo đuổi một đường lối ngoại giao tích cực. Những thành công đáng kể trong công việc tìm một thế đứng trên vũ đài chính trị thế giới hé lộ cho thấy nền ngoại giao Trung Quốc đã hồi phục sau thời gian yếu kém tiếp liền biến cố Thiên An Môn 1989.

Trên phương diện đối nội, Trung Quốc khai thác thành quả ngoại giao ra sao trong tinh thần dân tộc quá khích là một vấn đề quá phức tạp dính dáng đến sự nổi nghiệp Đặng Tiểu Bình vừa trở bệnh nặng. Điều chắc chắn là dù đứng trước những rối rắm nội bộ, chế độ đã vượt qua mặc cảm thất bại từng ảnh hưởng đến thái độ Trung Quốc trước đây gần 7 năm.



Thời chiến tranh vùng Vịnh, Bắc Kinh theo kế sách hòa hoãn với các cường quốc Tây phương như bỏ phiếu trắng hoặc không có ý kiến tại Hội Đồng Bảo An dù Bắc Kinh thừa biết Hội Đồng ủng hộ chủ trương trừng phạt Saddam Hussein. Kết hợp với đường lối hòa hoãn là kế hoạch nâng đỡ thế giới thứ ba, như thế chứng tỏ một sự khác biệt nào đó. Thật sự Trung Quốc từng do dự giữa 2 lý do: đặt trọng tâm vào sự cởi mở với quốc tế và thực thi một sách lược riêng biệt của một quốc gia đang bước những bước đầu trên con đường mở mang phát triển. Vì thế người ta có cảm nghĩ như Trung Quốc không có một đường lối ngoại giao đích thật bởi tình hình nội bộ trở lại buộc.

Bây giờ tình thế hoàn toàn thay đổi. Trung Quốc vừa gây áp lực với Nelson Mandela buộc Nam Phi phải rời Tòa Đại Sứ từ Đài Bắc sang Bắc Kinh từ đây đến cuối năm 97. Mặt khác Trung Quốc về vấn đề Fidel Castro một thời bị Bắc Kinh phỉ nhổ, chỉ vì Bắc Kinh muốn thách thức Hoa Thịnh Đốn. Liên quan đến bán đảo Triều Tiên, thái độ mập mờ lúc bằng lòng lúc phản đối trong sự mặc cả tìm kiếm biện pháp xóa bỏ Bắc Hàn trên bàn

thế giới là một dấu hiệu khác. Nói cho cùng Trung Quốc chưa biết phải chọn đường nào, nhưng ảnh hưởng của Trung Quốc sẽ làm cho ván cờ này thêm phần gay cấn.

Trên toàn cõi Viễn Đông qua những hành động hiểu chiến, Bắc Kinh không cần che đậy tham vọng chiếm giữ vai trò cảnh sát địa phương mà Mỹ đã ít nhiều để vượt khỏi tầm tay. Không có việc gì nên nếu Bắc Kinh không đồng ý. Vấn đề Trung Quốc gia nhập Cộng Đồng Quốc Tế đã chi phối nền ngoại giao của tất cả các nước Viễn Đông khác. Mua sách đường đầu với khối Tây phương và chỉ cần đề cập đến các vụ buôn bán vũ khí mà không cần xem kẻ mua là ai, chứng tỏ từ đây Trung Quốc cương quyết chối bỏ bàn cờ do Mỹ xếp đặt. Giai đoạn Bắc Kinh tiếp tay với Mỹ khuyếch lạc Liên Xô ở Afghanistan đã qua.

Vừa đạt thắng lợi trước Bill Clinton tại cuộc họp APEC ở Phi Luật Tân (từ đây đến năm 98, đối bên trao đổi thăm viếng), Giang Trạch Dân công du sang Ấn Độ giao kết quan hệ thân thiện. Và người ta khó mà không nhận thấy qua việc này, trước hết Trung Quốc muốn thu về có lợi cho mình điều gọi là sự nghi kỵ của Ấn đối với Tây phương. Dấu chứng rõ ràng nhất cho thấy Bắc Kinh đã sang đến một tốc độ cao hơn là thách đố Mỹ qua kế hoạch cải tổ Liên Hiệp Quốc nhân danh một tổ chức thế giới đa cực.

Do một ngẫu nhiên lịch sử, Trung Quốc trở lại chiếm một trong những vị trí hàng đầu trên sân khấu thế giới. Tất cả bắt đầu từ lúc chiến tranh thế giới lần II chấm dứt. Cộng đồng quốc tế thuận cho Tưởng Giới Thạch giữ một ghế trong Hội Đồng Bảo An có quyền phủ quyết. Thu về đặc quyền của Trung Hoa Quốc Gia, chế độ Cộng Sản Trung Quốc đang ở vào một vị thế khác thường là hội viên Hội Đồng Bảo An phản dân chủ duy nhất.

Là một sức mạnh ngoại giao mới, Trung Quốc bắt buộc phải giải quyết êm đẹp vô số rắc rối nội bộ và bên ngoài, trước Đài Loan, Nhật và Hồng Kông sau 1.7.97. Bằng không Trung Quốc mà khối Tây phương đã làm sống lại vào thập niên 70 sau 25 năm cô lập, sẽ trở thành một nguồn bất hòa lớn nhất cho thế giới.

•HỒNG KÔNG

Cộng đồng thế giới bắt lực theo dõi mây mù đang che phủ Hồng Kông. Một kiểu mẫu tự do đang hấp hối. Chắc rằng sau ngày trở về dưới trướng Bắc Kinh, Hồng Kông sẽ bị người ta tước đoạt những bảo đảm về tự do, nhân quyền. Chủ tịch Ủy Ban Hành Pháp Hồng Kông tương lai, nhà triệu phú chủ tàu buôn Tung Chee-Hwa do Bắc Kinh chỉ định và một ủy ban chuyên viên mờ ám thân phục Bắc Kinh vừa quyết định như vậy.

Công việc phá hoại đang rõ dần và xác nhận một điều là các nhà lãnh đạo Trung Quốc không cần hiểu thế nào và tại sao Hồng Kông sung mãn vượt bậc. Tấn công chế độ pháp quyền Hồng Kông, Bắc Kinh nghĩ như thế có thể tháo gỡ ngòi nổ ly khai ở Hoa Lục. Nhưng ngược lại Bắc Kinh phá hủy một kiểu mẫu thành công dựa trên tự do dân chủ.

Sự thật lùi đang diễn tiến là một đích chánh đập mạnh vào những ai tin tưởng kinh tế sẽ cải hóa chính trị. Bắt buộc phải xét lại quan điểm của Bắc Kinh về kinh tế thị trường. Đảng

Cộng Sản Trung Quốc đang tay ôm kinh tế thị trường chỉ khi nào kinh tế thị trường không làm sứt mẻ quyền hành chuyên chế. Trước một báo động nào dù còn con đến đâu, chế độ thẳng tay trừng phạt. Người ta đã thấy rõ điều này qua vụ đàn áp Thiên An Môn năm 1989. Người ta sẽ thấy rõ hơn tại Hồng Kông trong những ngày tháng sắp đến. Giữa tai biến tự do lây lan và thất lợi vì bóp chết gà đẻ trứng vàng, các lãnh tụ Cộng Sản không bao giờ đắn đo. Sự sống còn của họ về mặt chính trị trên hết tất cả mọi việc. Bắc Kinh ra oai với Hồng Kông, vì Bắc Kinh bắt lực trước mầm mống ly khai ở các tỉnh miền duyên hải.

Người ta dám đánh cá quốc tế sẽ không có phản ứng cụ thể nào. Nếu như Anh bày tỏ thất vọng, Cộng đồng Âu Châu vẫn im hơi lặng tiếng. Các nhà dân chủ Hồng Kông đã hiểu. Vì thế họ quay nhìn về phía Tòa Bạch Ốc. Cho đến bây giờ là bài toán Anh-Trung Quốc, Hồng Kông sẽ trở thành bài toán Hoa-Mỹ. Điều này có làm thay đổi được gì không?

•VIỆT NAM

Hiện nay người ta chỉ đếm được trên đầu ngón tay các nước do các cựu đảng viên Cộng Sản lột xác trở thành dân chủ xã hội tiếp tục cai trị hoặc lợi dụng bầu cử tự do, xã hội đảo lộn trong thời kỳ chuyển tiếp trở lại nắm quyền. Ngay cả Fidel Castro cũng không dám ngược dòng lịch sử.

Tại Việt Nam, 10 năm sau thực hiện điều gọi là cải tổ, đảng Cộng Sản đang đứng trước ngã ba đường nếu không muốn nói đang chân tại chỗ. Lũng trong bối cảnh thay thế Lê Đức Anh, 77 tuổi, nằm liệt giường vì tai biến mạch não, chế độ ăn lễ kỷ niệm 10 năm "đổi mới".

Đổi mới là học thuyết từ bỏ lô-gic đấu tranh trong ngoài nhưng không dựa trên canh tân ý thức hệ, không đáp ứng khát vọng của người dân. Đổi mới là một nhu cầu kinh tế cấp bách, đổi mới để đạt hiệu quả kinh tế, không dính dáng gì đến mục đích nhân đạo.

Muốn đổi mới, chế độ phải làm 2 điều thỏa hiệp. Để đổi lấy sự trung thành về mặt chính trị, đảng Cộng Sản hứa hẹn hiện đại hóa đất nước và phân chia thành quả kinh tế đạt được cho mọi người. Thứ đến chế độ áp dụng những phương cách kinh tế hữu hiệu nhất hiện thời xuất phát từ thế giới tư bản. Sở dĩ đảng CS dám đổi mới là vì đảng tự nhận thấy có đủ khả năng thu hồi những gì buông ra nhờ vào guồng máy đàn áp.

Cho nên "ổn định là ưu tiên hàng đầu cùng lúc phải theo dõi sát tình hình". Võ Văn Kiệt đã tuyên bố như thế trên báo Asian Wall Street Journal. Rõ ràng đảng chưa ra khỏi lớp vỏ cứng giáo điều Cộng Sản.

Ổn định có nghĩa là không dung thứ đối lập, không cởi mở chính trị. Song song với mục tiêu đóng khung xã hội dân sự trong vòng "trật tự", đảng còn đưa ra nhiều đòn phép khác như thành lập tổ đảng trong các Công ty hỗn hợp có cổ phần ngoại quốc với lý do "tránh xa ảnh hưởng xấu". Chính vì lẽ đó mà các nhà đầu tư ngoại quốc bắt đầu nghi ngờ, tạm ngưng xuất thêm vốn hoặc gia hạn thực hiện hợp đồng. Ngoài ra các nước giúp vốn, các tổ chức viện trợ kín đáo gây áp lực buộc chế độ phải thúc đẩy nhịp độ cải tiến. Điền đổi Lê Khả Phiêu, ngôi sao đang lên phải công khai tham luận hầu trần an ngoại quốc.

Ôn định cũng có nghĩa là đánh tham nhũng. Điển hình như vụ nhóm 6 kẻ tham nhũng trong số có Phạm Huy Phước, Giám đốc Công ty TAMEXCO khánh tận năm 1994 vừa lãnh án tử hình vì hà lạm công quỹ (54.000 Mỹ kim). Nhưng tham nhũng là "quốc nạn", cấp nào cũng nhúng tay vào tham nhũng. Bán hết kẻ tham nhũng thì còn gì là bộ máy cầm quyền. Phải chăng vụ án nêu trên là cuộc lễ tế thần hy sinh cá kèo để bảo vệ cá mập?

Ôn định còn có nghĩa là đoàn kết nội bộ vì quyền lợi và mục đích chung. Một trong những câu hỏi nêu lên gần đây và được bàn cãi trước Đại Hội Trung Ương Đảng vào cuối tháng 12.1996 là việc thay thế Lê Đức Anh. Người ta chú ý đến Ngoại trưởng Nguyễn Mạnh Cẩm đang sáng nước vì không theo phe nào. Ngoài ra còn có tướng Lê Khả Phiêu, Chủ tịch Quốc Hội Nông Đức Mạnh và tướng Đoàn Khuê, Tổng trưởng Quốc phòng.

Dù ai được chỉ định giữ chức vụ Chủ tịch nước, điều quan trọng cho tương lai Việt Nam là đảng phải thống nhất quan điểm và kế hoạch mở mang phát triển. Theo Võ Văn Kiệt, không có vấn đề xét lại nguyên tắc cải tổ. Thế là đảng phải tỏ ý rõ ràng hơn liên quan đến tiến trình cải tổ. Trong hiện tại, đảng đưa ra nhiều thủ đoạn bề ngoài muốn cải cách, bề trong theo chiến thuật tiến một bước lùi hai bước.

Tuy còn xưng danh Cộng Sản, đảng đã quên mất từ lâu tín điều triệt loại quyền tự hữu. Nếu ngày nào đó xuất hiện vị thần linh làm cho chủ nghĩa Cộng Sản tàn rụi mãi mãi, vị thần ấy chắc chắn là thần tài ■.

PHÂN ƯU

Gia đình chúng tôi thành thực phân ưu cùng anh Nguyễn Văn Chương, Pháp danh Thiện Văn, khi hay tin Nhạc Phụ và Nhạc Mẫu đã thất lạc tại Sài Gòn - Việt Nam:

CỤ ÔNG NGUYỄN PHƯỚC ĐẠI
Mất ngày 15.6.1996 - Thượng thọ 91 tuổi

CỤ BÀ NGUYỄN THỊ HAI
Mất ngày 26.01.1997 - Thượng thọ 89 tuổi

Nguyễn hồng ân Tam Bảo đón vong linh hai Cụ về miền Tịnh Độ, tiếp tu cho đến bờ giải thoát.
- Bà Quà Phụ Tôn Nữ Thị Tuy
và các Con - Cháu.

CHÂN THÀNH CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi xin chân thành cảm tạ quý vị Suối gia, Anh em, Bạn bè và các cháu đã đến phân ưu và đưa tiễn linh cữu Chồng và Cha chúng tôi về nơi an nghỉ cuối cùng:

ÔNG LOUIS NGUYỄN VĂN NGHIÊM
Sanh ngày 21 tháng 9 năm Quý Hợi

Tạ thế ngày 03 tháng 02 năm Bính Tý vào lúc 15 giờ 27 phút. Hưởng thọ 74 tuổi.

Trong lúc tang gia chúng tôi có điều gì thiếu sót. Kính mong quý vị thông cảm và niệm thứ cho gia đình chúng tôi.

Kính mong quý vị nguyện cầu cho hương hồn của Chồng và Cha chúng tôi về miền Tây Phương Cực Lạc.

- Bà Quà Phụ và các con: Louis Nguyễn Văn Nghiêm (Pháp)
- Gia đình Nguyễn Nhung (Đức)



Phù Vân phụ trách

Đạo Hữu Thiên Mẫn, NPĐ Thảo Đường

- Moscow/Nga : Thư của Đạo Hữu viết rất ngắn nhưng đã thể hiện được tâm lòng đối với sự tổn vinh của GHPGVN cũng như sự quan tâm về tình trạng qui Thầy đang còn khốn đốn trong lao tù CSVN.

Ngoài ra chúng tôi rất hoan hỷ về những đề nghị của Đạo Hữu về việc khuyến khích độc giả dịch "Thơ từ từ chữ Hán của Thầy Tuệ Sỹ" để cho "... người đọc học được cái tinh thần cao cả, cái phong thái an nhiên tự tại của Thầy và dịp để nhắc nhở cho người đọc nhớ đến Chư Tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức, Tăng Ni, các Cư sĩ trong Đạo Phật cũng như các vị lãnh đạo tinh thần và tín đồ của các Tôn Giáo khác đang bị đẩy dọa một cách bất công và phi pháp trong cảnh lao tù...".

Để khởi đầu việc kêu gọi, chúng tôi đăng bốn bài thơ dịch của Đạo Hữu trong số báo này kèm theo nguyên bản bằng tiếng Hán từ Bản Tin Khánh Anh, số tháng 10.96 để công hiến độc giả.

Thư của Đạo Hữu có "tầm vóc" lắm, khi đọc nào ai biết đó là bản dịch. Xin ngưỡng mộ trước thái độ khiêm cung của Đạo Hữu. Còn hai bài thơ chữ Hán nữa trong Bản Tin nói trên, đề nghị Đạo Hữu dịch nốt và gửi cho báo Viên Giác đăng vào số tới, xin đừng quên kèm thêm nguyên bản tiếng Hán.

Rất mong có lần nào đó được Thầy Chủ Nhiệm cho tháp tùng qua thăm NPĐ Thảo Đường và được hội kiến với Đạo Hữu thì quý hóa làm sao! Thân kính.

Cô Nguyễn Thị Trầm Hương (Nguyễn

Minh Tâm) Ý: Cảm ơn cô về số tịnh tài mà cô đã ủng hộ cho báo Viên Giác. Chúng tôi xin chuyển lời ngợi khen nồng nhiệt của cô đến Ban Biên Tập và Ban Kỹ Thuật của tờ báo.

Bản dịch thơ "Con trẻ chúng ta học hỏi ở cuộc đời" của cô có nhiều ý nghĩa lắm, thích hợp với mục "Trang Hoa Phượng". Tuy nhiên nếu cô lưu ý thêm về vần điệu thì bài thơ của cô sẽ đạt hơn. Chúng tôi đề nghị đăng trong số báo này. Nếu có thì giờ xin mời cô cộng tác với "Trang Hoa Phượng". Chị Hồng Nhiên phụ trách sẽ liên lạc với chị nếu chị đồng ý. Tôi nghĩ rằng, độc giả sẽ rất thích thú khi có một cây viết mới xuất hiện.

Bài thơ "Rối Một Ngày Tâm Tĩnh Lặng" của Tuy Anh đã đăng trong báo Viên Giác từ lâu, nên rất tiếc không thể theo yêu cầu của cô để đăng lại lần nữa. Tuy nhiên cô có thể tìm đọc bài thơ này trong thi tập "Ngoài Xa Dấu Chân Mây" của Tuy Anh do Chùa Viên Giác xuất bản năm 1994, hiện có phát hành tại Chùa, giá Mười Bốn Đức Mã. Xin có liên lạc về Chùa, sẽ gửi sách đến cô. Thân.

Chị Trúc Giang / Đức : PV sửa soạn chuyên bài viết "Ghé Quán Bên Đường" của chị cho anh Từ Nguyễn ở Paris để đăng trên tờ Tin Văn của Trung Tâm Ái Châu / Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại vì nội dung thích hợp với tờ Bản Tin này, thì may quá PV lại nhận được vào dịp cuối năm tờ Tin Văn và thấy bài của chị đã đăng rồi. Chị cũng nhanh tay quá hén, gửi trước PV. Vậy PV cũng "đỡ tồn tiền tem" như chị đã viết cho PV khi nhờ chuyển bài của chị cho Ban Biên Tập. Chị khôn quá trời!

Dịp này cũng nhắc chị rõ, khi đã gửi bài cho báo khác thì chị đừng gửi bài cho Viên Giác và ngược lại. Hẹn gặp lại trong ngày Đại Hội Thường Niên vào tháng 4.97. Có gì cần giúp về tổ chức, chị hủ trước cho PV một tiếng, PV sẽ đến giúp chị ngay. Thân.

Huỳnh Trần Đại Sỹ (Yên Tử Cư Sĩ)

Pháp: Anh lại muốn chơi ác anh em lần nữa hay

saol! Nhớ hồi nào vào năm 1994, khi PV thực hiện cuốn VBÁC số 2, anh đã gửi bài "Từ ẩn thị chó đến dùng thị chó để trị bịnh" vào giờ thứ 25. Ngay cái tựa đề của anh cũng làm cho "nhà Chùa" giật mình rồi, huống chi lời viết rất thực, rất trần tục của một vị Y Sĩ cũng làm cho "nhà Tu" nhả mặt. Vì vậy Thầy Chủ Nhiệm mời ban cho PV lời hậu thư: "một là coi như...không nhận được bài của anh, hai là phải...kiểm duyệt". Cả hai đều bị anh rầy. Thời đánh chọn giải pháp thứ hai dù phải thức gần trọn đêm ở Chùa để chỉ lo làm cho đẹp bài của anh cho kịp lên khuôn và rồi sẽ thưa lại với anh sau để chịu tội!

Nay anh lại chơi khăm võ nữa. Bài "Huyền sử Con Trâu Vàng..." của anh gửi cho Viên Giác số Xuân Đinh Sửu, PV nhận được ngày 21.12.96 trong buổi họp Ban Biên Tập và Ban Kỹ Thuật báo Viên Giác mặc dầu Bưu điện gửi ngày 22.11.96. Lại con rùa Bưu điện hay sao. Khó chưa!

Lần này PV không gỡ nổi, vì số báo Xuân đang in ào ào. Mong anh hiểu. Tuy nhiên, Viên Giác còn số Tân Niên vào tháng 2.97. Đang còn Xuân, nên bài của anh chắc chắn vẫn công hiến cho độc giả nhiều hương Xuân vị Tết vậy!

Anh Sỹ ơi, PV cũng mong cái họa tam tai qua rồi như anh cũa viết để mình còn lo làm lại cuộc đời chứ Thân kính.

Anh Huyền Thanh Lữ / Đức: Cảm ơn câu đối Tết bằng chữ Hán anh đã viết tặng cho PV. Nhìn nét bút như rồng bay phượng múa của anh, PV chợt nghĩ đến nét phán quan bút của Thiết Hoạch Ngân Cầu Trương Thủy Sơn, đệ tử thứ năm của Trương Tâm Phong, Chương Môn Phái Võ Đang, đã viết trên vách đá tại Vương Bàn Sơn khi thi tài với Kim Mao Sư Vương Tạ-Tôn trong truyện Cỏ Gái Đồ Long của Kim Dung:

*Mai nghinh xuân ý thiềm lân sắc
Trúc báo bình an lệ cát tướng*

PV đã sử dụng mỗi chữ trong câu đối của anh làm chữ đầu trong 14 câu của bài thơ "Xuân Cảnh" đăng trong số báo này để đáp lễ anh và để nói lên tấm lòng của người vong lữ trong dịp xuân về. Thân.

Chị Thu Trang / Đức: Cảm ơn về những lời khen tặng của chị. Rất mừng vì nội dung và hình thức của tờ báo Viên Giác không phụ lòng tin cậy của gia đình chị.

Bài "Tuổi Con Trâu" của chị đã đăng ở trong số báo này.

Nơi đây chắc chị cũng có nhiều bạn đồng nghiệp cũ trong giới "godautre". Phần đóng nghề giáo cũ không được sử dụng ở xứ người, nhưng đem số kiến thức đó ghi lại trên báo chí cũng là một phương cách truyền bá trong quần chúng vậy.

VG mong đón nhận những bài viết của chị và nếu được nhờ chị động viên bạn hữu viết, đọc và cổ động cho VG. Thân kính.

Cô Trần Thị Kim Lan (Đức): Cảm ơn về lá thư rất dài của cô.

Bài viết cho mục "Diễn Đàn Dân Chủ" nhằm phổ biến những thảo thức của những anh chị em Việt Nam đến từ Đông Âu lần lượt theo thứ tự thời gian mà Tòa Soạn nhận được, nên số này Viên Giác không đi được bài của cô. Ngoài ra, vì số trang có hạn, nên trong buổi họp Ban Biên Tập vừa qua, đã đi đến quyết định chung là Tòa Soạn được quyền cắt bớt nếu bài viết quá dài, không tập trung.

Cuối cùng, tin cô rõ, trong nhất thời báo Viên Giác chưa thu xếp mục dành riêng cho "Những Mẫu Truyện Ngắn Có Thực Chung Quanh Hiệp Định Hồi Hương người Việt tại Đức". Vậy số bài viết của cô, tùy nghi cô gửi cho các báo khác. Thân.

Chị Ý-Nga Nguyễn Thị Nga (Ý)

Cảm ơn chị đã gửi cho PV một số bài thơ của chị để PV sử dụng. So với thời gian mấy năm trước đây, bây giờ thơ của chị thấy khởi sắc lắm. Xin chúc mừng.

CÁO LỖI : Vì người phụ trách bận công việc, nên mục "Vườn Thơ Viên Giác" xin gác lại một kỳ. Thành thật cáo lỗi cùng quý vị độc giả.

Viên Giác

DIỄN ĐÀN DÂN CHỦ

NGÀY NHÂN QUYỀN

(Kỷ sự cuộc Hội Thảo Tuyệt Thực Hợp Báo ngày 09 & 10.12.1996 tại Chùa Viên Giác)

Viên Giác Tự, tuy hôm nay là ngày đầu tuần nhưng vẫn nhiều người nhộn nhịp, có phải là khách thập phương đến viếng thăm Chùa chăng? Đặc biệt hôm nay đối với hơn hai trăm người Việt, họ đến đây để tham dự buổi Hội Thảo, Tuyệt Thực, Hợp Báo nhân kỷ niệm 48 năm ngày Quốc Tế Nhân Quyền do Hội Phật Tử Việt Nam Tự Nạn tổ chức vào hai ngày 9 & 10.12.1996 tại Chùa Viên Giác, Hannover. Phía trước và hai bên hội trường, những băng biểu ngữ lớn đã được giăng lên: "Hungerstreik für Religionsfreiheit und Menschenrecht in VN" (tuyệt thực cho Tôn Giáo & Nhân Quyền tại VN), "In VN investieren bedeutet die Kommunisten besser ernähren, es nutzt dem Vietnamesischen Volk nicht" (đầu tư vào VN là tiếp sức cho CS chứ không giúp gì cho nhân dân VN), "Religionsfreiheit und Freiheit für politische Gefangene in VN" (trả tự do Tôn Giáo và thả những tù nhân chính trị tại VN), "Seien Sie bitte wachsam vor den Kommunisten" (hãy cảnh giác với bọn CS) v.v...Kể ngay đó, là đây bản ghi danh và thông tin do chúng tôi thuộc trong Ban Tổ Chức, gồm: anh Đào Quang Tiên, chị Lượng, các anh Nguyễn Việt Bình, Lê Thanh Tùng, Nguyễn Minh Hiền và tôi Nguyễn Tuấn Quốc phụ trách. Đứng 11g45 phút buổi tuyệt thực bắt đầu. Tất cả 70 người ghi tên tuyệt thực và hơn 130 người tham dự đã có mặt nơi Chánh điện, Thượng Tọa Thích Như Điển, Chủ Bộ Trưởng GHPGVN Chi Bộ Đức Quốc đã chủ lễ cầu nguyện cho hòa bình đất nước Việt Nam và lưỡng nhối lại những người đã mất đi vì quê hương, vì dân tộc và đạo pháp. Sau thời kinh cầu nguyện, đoàn người tham dự trở về hội trường. Hình ảnh gây xúc động nhiều nhất là chiếc mũ đặt trên sân khấu, trong đó các anh em già làm người tù chính trị Việt Nam bị công trong cũ. Ông Ngô Ngọc Diệp thay mặt cho BTC đọc diễn văn khai mạc và tuyên bố lý do, Tiếp theo đó là phát biểu của các Đại diện các Tổ Chức, Hội Đoàn tại Đức Quốc. Đầu tiên là ông Ngô Văn Phát, Hội Trưởng HPTVNTN tại CHLB Đức. Ông nhấn mạnh rằng: "Nhân ngày kỷ niệm 48 năm Bản Tuyên Ngôn Quốc Tế về Nhân Quyền, chúng ta cần phải thực sự lưu tâm đến tình trạng nhân quyền tại Việt Nam. Con người trong nước tôi đã bị chế độ Cộng Sản đàn áp. Tự do Tôn Giáo bị cấm đoán, những vị lãnh đạo tinh thần các Tôn Giáo bị giam cầm và những ai đấu tranh cho Dân Chủ thì không tránh khỏi bị kỳ thị, bị bắt bớ hoặc tra tấn..." Tiếp theo là lời phát biểu của ông Phạm Công Hoàng, Trưởng Ban Ủy Ban Giải Trữ Pháp Nạn tại CHLB Đức, qua đoạn phát biểu ông nói rằng: "... Những nguyện vọng hằng mơ ước của chúng tôi là Dân Chủ, Tự do Tôn Giáo và tôn trọng nhân quyền tại VN và yêu cầu chính phủ Liên Bang Đức không trục xuất những người Việt tỵ nạn về nước, vì đó nhân quyền còn bị chà đạp..." và sau cùng là bản Tuyên Cáo lên án chính quyền Hà Nội vi phạm quyền tự do Tôn Giáo và nhân quyền tại VN của ông Nguyễn Tuấn Quốc đại diện cho Chi Hội PTVNTN CS tại Hamburg. Buổi chiều và tối hôm đó gồm những bài thuyết trình và hội thảo của các tham dự viên. Tiếp theo, vào lúc 10g30 sáng hôm sau là cuộc Hợp Báo với sự tham dự của 3 phóng viên của 3 tờ báo Đức tại Hannover. Ngay sau những hình ảnh và bài viết của họ đã được đăng tải thật chi tiết. 11 giờ 45 chương trình hai ngày đầu tranh đi đến phần kết thúc. Cuộc đấu tranh qua 24 tiếng đồng hồ không chỉ biểu lộ ở tinh thần sức mạnh, tinh thần đoàn kết, mà trong phần kết thúc này một chương trình văn nghệ "cây nhà lá vườn" được diễn ra sôi động. Nhưng tiếc thay thời gian có hạn nên BTC đành phải tuyên bố chấm dứt chương trình tại đây.

Nguyễn Tuấn Quốc - 22587 Hamburg

SỰ VI PHẠM THÔ BẠO NHÂN QUYỀN Ở VIỆT NAM (Bài viết nhân kỷ niệm 48 năm ngày Quốc Tế Nhân Quyền)

Sau hơn 50 năm dưới sự cai trị độc tài của Đảng Cộng Sản Việt Nam, với thứ chủ nghĩa ngoại

lai Mác-Lênin được áp đặt vào Việt Nam, làm nên tảng, tư tưởng là "kim chỉ nam" cho mọi hành động, trong suốt thời gian cầm quyền, Đảng CSVN đã vi phạm nhân quyền một cách dã man, có hệ thống. Từ những quan điểm và hành động sai lầm đó, người dân Việt Nam chưa từng được hít thở một bầu không khí tự do thực sự nào, mọi quyền tự do căn bản của con người cũng bị tước đoạt. Năm mươi năm thống trị của Đảng CSVN, họ đã đưa dân tộc Việt Nam chìm trong thảm họa của sự nghèo đói, lạc hậu, khổ đau và oán hận.

Năm 1954 với chính sách Cải Cách Ruộng Đất sai lầm, với cái gọi là "đấu tố địa chủ", đã làm hàng chục ngàn nông dân lương thiện nhà tan, cửa nát, tù đầy hoặc đầu rơi, máu chảy một cách oan ức dưới bàn tay thô bạo, độc tài của CSVN.

Dưới sự cầm quyền của Đảng CSVN, tất cả các quyền căn bản nhất của con người, như tự do báo chí, tự do hội họp, tự do ngôn luận... cũng đều bị cấm. Người dân chỉ được phát biểu trong khuôn khổ, viết những gì Đảng cho phép, tất cả những cái đó đều phải nhằm mục đích phục vụ cho lợi ích của Đảng, ca ngợi Đảng, lăng bocc Đảng, tuyên truyền cho sự tươi đẹp của Đảng, để Đảng để bề cai trị và làm ngu hóa dân tộc. Đảng CSVN coi các quyền như tự do nghĩ nghĩ và tự do bắt tù dầy công dân, mà không cần tuân theo luật pháp. Vụ án "Xét Lại Chống Đảng" cách đây hơn 30 năm là một chứng minh hùng hồn. Nhà cầm quyền CS đã bắt bớ, bỏ tù hàng ngàn cán bộ, đảng viên bị tình nghi có tư tưởng đổi ngịch với chủ nghĩa Mao-ít, họ đã bị chết oan ức trong các nhà tù CS, cho tới nay nhiều người vẫn không được xét xử minh oan, như ông Hoàng Minh Chính bị CS Hà Nội cầm tù trên 20 năm (1967-1990). Suốt 30 năm qua, nhiều người đã sử dụng quyền được bình đẳng trước pháp luật, quyền khiếu nại ghi trong điều 20 của Hiến Pháp VNCS năm 1992, họ đã viết đơn khiếu nại và đòi giải oan cho hàng ngàn người bị kết án oan trái, tới cấp lãnh đạo Đảng CSVN, các đơn này đều được CS văt xô và còn gây nhiều phiền hà cho những người làm đơn.

Năm 1975 nhà cầm quyền CSVN đã dựa vào lòng yêu nước của dân tộc VN để đẩy hàng triệu thanh niên vào cuộc chiến tranh đẫm máu xâm chiếm miền Nam, người dân đã trở thành công cụ làm vật hy sinh cho âm mưu bành trướng của bọn độc tài CSVN. Sau khi chiếm được miền Nam, CS Hà Nội đã thắng tay với những đồng tộc của mình bằng sự chém giết, tù đầy mà ngày trở về thật mỏng manh. Tiếp theo đó chiến dịch cướp bóc của dân của đồng bào với cái gọi là "đánh Tư Sản", người dân vừa bị CS Hà Nội xâm chiếm mất hết tự do lại bị chúng cướp của giết người, lòng đồng bào càng trở nên căm phẫn chế độ độc tài quản phiệt, từ đó đã nổi lên làn sóng ra đi tìm tự do, hện ngày phục quốc, mang trong mình một sự oán hận và căm thù CS. Họ đã phải từ bỏ Tổ Tiên, nơi chôn nhau cắt rốn của mình, lìa xa Tổ Quốc, để chấp nhận tất cả, kể cả chết chóc, hiểm nguy trên biển cả, khi vì không thể chấp nhận, cũng như không thể sống nổi dưới chế độ độc tài CS.

Năm 1978 nhà cầm quyền Hà Nội đã mở cuộc chiến tranh xâm lược Campuchia, lại một lần nữa dân tộc VN chìm trong chiến tranh máu lửa, chết chóc, tang thương, đồng bào lại trở thành vật thí mạng cho âm mưu bành trướng của bọn quyền CS. Cả thế giới lên án hành động xâm lăng của CS Hà Nội, CSVN đã tàn phá đất nước Angkor với bao nhiêu di tích lịch sử, chùa chiền mang linh văn hóa lâu đời, giết hại dân lành, cướp bóc của cải của nhân dân.

Đảng CSVN không những muốn độc tôn về chính trị, mà chúng còn muốn độc tôn về kiểm soát tư tưởng con người. Phật Giáo Việt Nam đã có từ trên 2000 năm, đã ăn sâu vào lòng dân tộc, gắn liền với nền văn hóa dân tộc, và cũng kết tinh của sự sáng tạo nên văn hóa cổ xưa của Việt Nam, là hơi thở, là nhịp sống của hơn 70 triệu đồng bào. Vậy mà nhà cầm quyền CSVN lại tìm mọi cách để tiêu diệt. Lênin có nói: "Tôn giáo là thuốc phiện", cho

nên CSVN đã thắng tay đàn áp, bắt bớ, tù đầy các nhà lãnh đạo tinh thần của các Tôn giáo như Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Tổng Thư Ký Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, chỉ vì Ngài đã dám kêu gọi nhà cầm quyền CSVN phải tôn trọng tự do tín ngưỡng và quyền hành đạo của các Tôn giáo; Hòa Thượng Thích Huyền Quang (bị bắt và quản thúc ngày 29.12.1994) bị CSVN kết tội: "Chỉ đạo cho hành động của Hòa Thượng Thích Quảng Độ, nhằm phá hoại chính sách đoàn kết quốc gia", và hàng ngàn các vị Tăng sĩ khác. Cộng Sản Hà Nội còn ngang nhiên chống lại việc phong chức của Tòa Thánh La Mã cho các Giáo sĩ, và không ngừng đập phá các nhà thờ, chùa, đình, miếu, biến các nơi này thành các cơ sở, ủy ban, kho hàng của CS.

Hiện nay khối CS Đông Âu đã sụp đổ, phe XHCN đã tan rã, nhưng CSVN vẫn không ngừng củng cố thế lực, tôn thờ thứ chủ thuyết ngoại bang Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng CSVN đã ngoảnh mặt, quay lưng trước xu hướng tiến bộ của nhân loại, bất chấp dư luận quốc tế, đi ngược với nguyện vọng cháy bỏng của dân tộc, bắt bớ, giam cầm những người đấu tranh đòi công bằng xã hội, vạch trần bộ mặt giả nhân giả nghĩa của CSVN, phê phán sự sai lầm và lỗi thời của chủ thuyết ngoại bang. Đó là những tiếng nói thật ôn hòa nhưng bất khuất, hợp với lòng mong muốn của đồng bào như ông Hà Sĩ Phu, Lê Hồng Hà, Nguyễn Kiên Giang..., CS Hà Nội đã vi phạm một cách thô bạo tất cả các điều khoản trong bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền năm 1948 của 180 quốc gia trên thế giới, trong đó có CSVN đã ký và cam kết thi hành.

Bằng sức mạnh tổng hợp của hơn 2 triệu đồng bào hải ngoại, bằng sự phối hợp và giúp đỡ của các Tổ Chức Nhân Quyền Quốc Tế và của các Hội Từ Thiện, chúng ta đã thu được một số thành tích đáng kể, buộc CSVN phải chùn bước, nơi tay với các vụ vi phạm nhân quyền, như thả nhà thơ Nguyễn Chí Thiện và đưa qua Mỹ, xử nhẹ hơn với các ông Hà Sĩ Phu, Lê Hồng Hà và Nguyễn Kiên Giang... Với sự đấu tranh bền bỉ, không biết mệt mỏi, chúng ta tin rằng ngày mà chúng ta trở về Tổ Quốc, trở về với tự do, dân chủ không còn bao xa.

Großenkneten, ngày 19.11.1996

• Nguyễn Bá Tiên (Báo Đoàn Kết)
Am Kirchholz 1
26197 Großenkneten

THỰC CHẤT VỀ CÁI GỌI LÀ "ĐỔI MỚI" CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Những năm gần đây, người ta được nghe nhiều đến chính sách "Đổi Mới" và "Mở Cửa" của đảng CSVN. Dư luận quốc tế nói chung coi đây là một dấu hiệu tốt cho chính sách phát triển kinh tế của Việt Nam, đặc biệt là một cơ chế phát triển công nghiệp coi đây là một cơ hội tốt trong việc phát triển và mở rộng thị trường tiêu thụ của họ vào VN. Còn chúng ta những người Việt Nam suy nghĩ và đánh giá như thế nào về chính sách này của đảng CSVN.

Để trả lời câu hỏi này, chúng ta cần phải hiểu rõ: Vì sao đảng CSVN một đảng đã nắm độc quyền lãnh đạo trong suốt 40 năm đối với miền Bắc VN và hơn 20 năm trên cả hai miền Nam Bắc, đến nay lại chịu chấp nhận "Đổi Mới" và "Mở Cửa"? Phải chăng họ đã nhận ra những sai lầm do đường lối "chuyên chính" tuyệt đối của mình đã đưa Việt Nam sau bao năm xây dựng XHCN xuống hạng nghèo đói nhất thế giới và ngày nay họ muốn "Đổi Mới", muốn xây dựng một nền dân chủ thực sự ở Việt Nam?

Hãy nhìn vào hành động và việc làm của họ trong thời gian qua, trong khi không ngớt quảng cáo rùm beng về sự "Đổi Mới" ở VN. Nhiều vị lãnh đạo tinh thần các Tôn giáo như: Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Thích Quảng Độ, Linh mục Trần Đình Thủ; nhiều nhà trí thức và văn nghệ sĩ như:

điểm tích cực của nhau và thật tâm vì một mục tiêu chính là "xóa bỏ chế độ cộng sản", theo lối chúng ta nên tránh những điểm sau:

- Đánh giá thấp tổ chức bạn vì không cùng chung quan điểm đấu tranh.

- Phân biệt nhau về trình độ chính trị.

- Phân biệt nhau về "quá khứ bản thân".

Chắc chắn rằng suy nghĩ của tôi thiếu cái nhìn sâu rộng, mà chỉ đơn thuần là một người không thể chấp nhận chế độ cộng sản. Tôi chỉ mong mọi người đều cùng một suy nghĩ:

"Một cây làm chẳng lên non"

Ba cây chụm lại thành hòn núi cao"

•Trần Thị Thanh Thúy
Wolfenbüttel

NHỮNG BÀI HỌC CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Báo "Hà Nội Mới" trong một số gần đây, có đăng "Bài Học Một Thời" của tác giả Tuấn Anh. Nội dung bài báo nhắc lại những sai lầm của Đảng trong thời kỳ duy ý chí -kinh tế bao cấp- khiến đất nước lạc hậu hằng chục năm so với các nước trong vùng; và đời sống của người dân Việt Nam phải chịu cảnh lầm than đói khổ trong một thời gian dài một cách vô lý.

Thật ra, cũng chẳng có gì đáng ngạc nhiên, khi tác giả bài báo -Tuấn Anh- không thể viết thẳng ra rằng: Tình trạng đói nghèo và lạc hậu của đất nước xuất phát từ chế độ chuyên chế -từ sự độc tài của Đảng- những người tự cho mình là đỉnh cao của trí tuệ loài người.

Với Đảng Cộng Sản Việt Nam, từ ngày thành lập đến nay, họ có không ít những "bài học". Nhưng đáng tiếc, những bài học mà họ rút ra được sau một đống lỗi, chính sách sai lầm, cũng không giúp dân tộc, đất nước trở thành khá hơn. Sai lầm của ngày hôm nay cũng chẳng khác sai lầm của ngày hôm qua. Và sai lầm của ngày mai cũng sẽ chẳng khác hơn sai lầm của hôm nay.

Sau đợt Cải Cách Ruộng Đất năm 1957, hàng chục ngàn nông dân miền Bắc bị quì vào thành phần Địa Chủ, bị đầu tở, bị giết. Hai năm sau Đảng nhận ra sai lầm, sửa sai... Có ai trong số những người bị giết đó sống lại được đâu? Thế mà, hai mươi năm sau, khi chiếm miền Nam xong, Đảng cũng dùng biện pháp cũ để đánh Công-Thương-Nghiệp. Cửa cải, nhà cửa của họ bị tịch thu. Họ bị bắt, tù đầy... y như những địa chủ ở miền Bắc hai chục năm trước. Ít năm sau Đảng lại sửa sai, lại rút ra những "bài học mới!"

Đảng vẫn muốn tỏ ra ham học, nhưng họ chưa hề chịu tiếp thu cái mới, cái đúng. Họ không muốn tách rời quyền lực chuyên chính, nên dẫn theo cả dân tộc đi vào chạng đường vòng đầy đau khổ.

Đã một thời đầu đầu cũng nổi lên phong trào Hợp Tác Xã, ruộng bị phá bỏ, xây nhà kho, đưa máy vào nông nghiệp... Ít năm sau sản lượng thu hoạch thấp, Đảng lại cho đắp bờ, khoán sản phẩm, cuối mùa chỉ cần thu thuế dù chẳng cần quan tâm đến thời tiết, sâu bọ... Không đủ thuế, người dân lại bị tịch thu tài sản, bị tù tội, chẳng khác thời Pháp thuộc chút nào!

Sai lầm này kéo theo sai lầm khác, nhưng người dân vẫn chỉ có một khẩu hiệu để tung hô, ca ngợi Đảng, vẫn phải khen Đảng tài tình sáng suốt. Những người lãnh đạo Đảng, tất yếu phải là những người đã từng có nhiều năm tù dưới thời chống Pháp hoặc chống Mỹ. Họ chẳng cần có kiến thức, trình độ, chỉ cần có lập trường giai cấp: chống tư bản, chống đế quốc... Không những thế, nếu cùng ê-kíp với nhau, tài của một nhà thơ cũng được Đảng nâng lên lãnh đạo kinh tế quốc dân (Tổ Hữu). Khác ê-kíp, một Đại Tướng hữu danh cũng chỉ xứng với công việc sinh đẻ kế hoạch (Võ Nguyên Giáp). Do đó mà xã hội Việt Nam càng ngày càng tiến bộ theo

kiểu giết lùi... Ngày nay tội tệ hơn hôm qua, ngày xưa, xấu xa hơn hôm nay... và rồi Đảng lại rút ra "những bài học khác!".

Khẩu hiệu chống đế quốc, tư bản; Lập trường vô sản của Đảng cũng tự dần theo thời gian. Ngày xưa, chống Mỹ, Đảng đi theo khẩu hiệu của Mác: Anh em vô sản toàn thế giới, Đoàn kết lại! Chung quanh Đảng có Trung Quốc, Liên Xô, Đông Âu... Thắng Mỹ xong vừa đánh vừa chủi Trung Quốc, kẻ thù truyền kiếp của Dân Việt! Nhưng khi Liên Xô và các nước Đông Âu, những anh em của Đảng bị tan vỡ, thì Đảng lại quay về với tình anh em Việt Nam - Trung Hoa đời đời bền vững! Ngày nay đoàn kết chung quanh Đảng, không còn là những nước anh em vô sản nữa, mà là những kẻ ngày xưa Đảng coi là kẻ thù không đội trời chung! Đảng sung sướng, ăn mừng, treo đèn, kết hoa khi nghe Tổng Thống Mỹ bãi bỏ lệnh cấm vận. Đảng kết nghĩa, qua thăm viếng với những Thực dân, Phát xít, Đế quốc năm xưa. Những dinh thự, trường học, công viên, khu di tích lịch sử... của Hà Nội, Sài Gòn, ngày xưa, nay chỉ cần một lời yêu cầu của Tư Bản phương Tây là lập tức bị san bằng để trở thành những khách sạn, những cao ốc chọc trời, những nhà máy của họ. Nếu họ cần một hòn đảo, Đảng cũng cho (Đảo Phú Quốc sắp trở thành khu du lịch của người Pháp), cần đảo bồi nghĩa trang những người đã chết vì Đảng, Đảng cũng ừ... miễn rằng Đảng có đô-la và Đảng còn quyền đề đầu cỡi cổ dân Việt... Đảng lại sung sướng thỏa mãn về thời kỳ Đổi Mới, thời kỳ mở cửa của mình... Lại rút ra bài học lớn về đường lối, chính sách linh động của Đảng.

Ngày nay bạn bè buôn bán của Đảng không phải là Liên Xô mà là Mỹ, không phải là Cộng Hòa Nhân Dân Triều Tiên mà là Nam Hàn; và doanh số giao thương giữa Việt Nam với Trung Hoa không hơn giữa Việt Nam với Đài Loan, Singapur... Đâu hết rồi những người anh em vô sản mà ngày xưa Đảng bắt nhân dân Việt Nam phải biết ơn, đoàn kết?

Tất cả những gì Đảng đã và đang làm, theo Đảng nghĩ, tất nhiên là sáng suốt, là "vì nước vì dân, vì sự nghiệp xây dựng thành công Chủ Nghĩa Xã Hội".

Thật không thể dễ dàng để hiểu được. Muốn xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, cần có những con người Xã Hội Chủ Nghĩa. Mẫu con người đó chưa có đủ ở Việt Nam, Đảng phải cầu vào Tư Bản phương Tây. Dùng Tư Bản để xây dựng chủ nghĩa xã hội là sách lược tài tình của Đảng. Ngày xưa Đảng tự nhận là:

*Tôi đã là con của mọi nhà,
Là em của vạn kiếp phôi pha,
Là anh của vạn đầu em nhỏ,
Không áo cơm, cù bắt, củ bưa...*
(Tổ Hữu)

Thì ngày nay Đảng đã tự đổi mới. Đảng thích biệt thự, ngôi xe đẹp, ngủ ở khách sạn nhiều sao và ăn ở những nhà hàng sang trọng và là anh em của những chủ nhân ông Mỹ, Nhật, Tàu, Tây...

Một viên giám đốc xí nghiệp đã chi trên ba chục triệu đồng cho một chuyến công tác bảy ngày cho việc ăn ở của ông ta khi đi công tác từ Hà Nội vào Sài Gòn. Đừng quên rằng lương của một thầy giáo cấp hai tại Việt Nam hiện nay không quá ba trăm ngàn đồng mỗi tháng. Đó là thành tích lớn lao của Đảng.

Liệu rằng ngày mai Đảng có rút ra một bài học khác?

• Lê Hồng Quân

MỘT PHÚT CHO QUÊ HƯƠNG

Hai tiếng "Quê Hương" đã trở nên thân thương và là niềm mong nhớ, kể từ một ngày cuối Thu... Hà Nội đã nhòa dần đi sau những dòng nước mắt tiễn đưa, từ phút đó, tôi sẽ có một cuộc sống mới. Tôi sẽ

mất đi những tình cảm thân thương nhất và Quê Hương yêu dấu. Hà Nội chỉ còn lại trong dĩ vãng gắn liền với những kỷ niệm và mơ ước của tuổi thơ. Nhìn lại Quê Hương lần cuối, đó là hình ảnh những ngôi Chùa, Đình làng trong hoang tàn, đổ nát, là phố xá nhà cửa trong bụi bặm, là những làng mạc trong tiêu điều, xơ xác, là hình ảnh những người nông dân chân đất, tay bùn, với chiếc nón lá rách, là hình ảnh những con trâu đang cày ruộng, những em bé bán than, gầy còm vì cha mẹ của chúng quá nghèo và thiếu thời gian để chăm sóc, lời sẽ đến một đất nước văn minh, con người với lòng nhân ái và bao dung. Tôi mong cho những người còn ở lại sớm có ngày thoát khỏi đói nghèo và lạc hậu. Người Việt Nam đã phải chịu quá nhiều đau thương và bất hạnh trên Quê Hương Việt Nam xác xơ, tiêu điều và đổ nát.

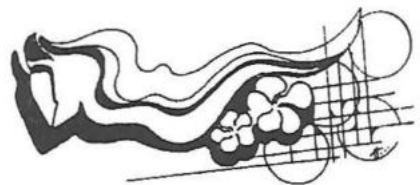
Những nụ hoa Đào chớm nở, báo hiệu Xuân sang. Mỗi khi mùa Xuân đến, thiên nhiên trở lại bản sắc đẹp đẽ, sau mùa Đông giá lạnh, như qui luật của nó. Ông mặt trời lặn sau một ngày người Việt Nam lam lũ, nhọc nhằn để vươn tới ngày mai tốt đẹp hơn, và khi ông mặt trời mọc, một ngày mới đã sang. Đất nước Việt Nam đang trong điều tàn, dân tộc Việt Nam đang sống trong lầm than lòng người ly tán và hận thù chông chát. Giông tố và đêm đen có thể tàn phá thiên nhiên, nhưng mỗi khi Xuân đến, cây cối vẫn đâm chồi, nảy lộc, các loài hoa vẫn thi nhau khoe hương sắc. Giông tố rồi sẽ qua đi, để trả lại mùa Xuân cho dân tộc. Từ trong điều tàn và đổ nát các loài hoa lại thi nhau khoe hương sắc. Mùa Xuân sẽ mãi đến với dân tộc Việt Nam. Người Việt Nam sẽ đón mừng khi Xuân sang, trong bầu trời Tự Do Dân Chủ trong âm no và hạnh phúc khi đất nước không còn bóng ma hãi hùng của hai cái búa liềm Cộng Sản!

•Nguyễn Quốc Hoàn
Bad Grund, ngày 24.1.97

THƠ

Ý Nga

Chúc Xuân



*Chúc Xuân thiên khảm mai vàng
Lập Đảng băng giá nở ngàn đóa Xuân*

*Chúc vui, trà nhấp mấy tuần
Cũng xin gìn giữ cho thuần Việt Nam
Chúc vui, riệu uống đầu năm
Cũng xin nhớ những lũ lam dân mình
Chúc vui, phèo nỏ rập rình
Cũng xin nhớ tiếng cầu kinh quê nhà*

*Chúc Xuân, tuyết trắng làm quà
Gái theo tình Việt đậm đà làm vui*

•Verona 24.12.96

TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VÀ VẬN MỆNH CỦA ĐẤT NƯỚC

Nhân kỷ niệm 48 năm Bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền

T nước tiên xin đặt câu hỏi: Thế nào gọi là tù nhân chính trị? Nói rõ hơn dưới chế độ xã hội chủ nghĩa tù nhân chính trị gồm những ai? Bài này chỉ xin giới hạn tại Việt Nam.

Xin thưa rằng: Kể từ cái mốc cuộc cách mạng vô sản tháng 10 năm 1917 nó đã lan rộng gần 1/2 quả địa cầu. Từ năm 1917 → 1989 sau 70 năm thực nghiệm chủ nghĩa cộng sản, nay chỉ còn sót lại 3 nước, trong đó có Việt Nam, và 1/2 nước Triều Tiên.

Mỗi mong vào sự thay đổi của đất nước tháng 6/1996 Đại Hội VIII Đảng Cộng Sản Việt Nam, nhóm bảo thủ vẫn bám giữ quyền hành độc quyền chính trị, vận mệnh của đất nước vẫn nằm trong tay một nhóm người với tên gọi là Ban Thường Vụ Bộ Chính Trị, bao gồm chỉ 5 người. Hiện tình đất nước vẫn vô vọng, vẫn khủng hoảng và bế tắc triền miên kéo dài.

Vậy, tù nhân chính trị bao gồm những người con ưu tú của dân tộc, sớm nhận ra con đường sai trái của chủ nghĩa cộng sản. Càng kéo dài càng đem lại thảm họa cho dân tộc và đất nước. Họ chính là những người yêu nước thiết tha nhất của dân tộc. Họ có chung một niềm tin sắt đá, một lập trường kiên định. Chân lý của họ luôn phù hợp trào lưu chung tiến bộ của nhân loại. Họ trần trụi, xót xa cho cả dân tộc bị chìm đắm đau thương. Họ thấy được sự nhục với nền Văn Hiến trên 4000 năm mà ngày nay đã bị xếp vào nước nghèo trong các nước nghèo nhất thế giới. Theo Cục Thống Kê Việt Nam thì nông dân chiếm 80% dân số, thu nhập nông thôn 177,9 nghìn đồng Việt Nam bằng 17 Mỹ kim/tháng; thu nhập đầu người cả năm binh quân 200 Mỹ kim. Đã đưa tới cảnh trẻ em thiếu dinh dưỡng nghiêm trọng; hàng ngũ thanh thiếu niên thất học tăng lên đến mức báo động. Theo nguồn tin Phòng Thương Mại Việt-Mỹ gần đây, xác định lại nhiều nguồn tin trước đó đảng cộng sản Việt Nam là đảng giàu có nhất thế giới, với tài sản lên

tới 20 tỷ Mỹ kim. Hàng trăm đảng viên cao cấp đã trở thành triệu phú. Trước và sau Đại Hội VIII bị cho đi châu diêm vương 4 người trong Bộ Chính Trị và Ban Bí Thư. Rõ ràng không còn nghi ngờ gì nữa họ là nhóm người có hội Mafia đồ lộ nguyên hình. Họ đã đưa đất nước tụt hậu lại càng tụt hậu hơn.

Vậy, tù nhân chính trị là lực lượng dân chủ thực sự tại Việt Nam. Là đội tiên phong của cuộc cách mạng dân chủ. Họ bao gồm những trí thức, văn nghệ sĩ, là những đảng viên cộng sản cấp tiến và bao gồm các nhà lãnh đạo tinh thần, các nhà chân tu. Dù hoàn cảnh nào họ kiên quyết chống lại bạo quyền, điều đáng mừng là họ đã vượt qua nỗi sợ hãi của bạo lực, họ liên kết từ Nam chí Bắc đã thẳng thắn và dũng dạc tuyên bố là lực lượng đối lập với chế độ. Buộc Hà Nội phải lắng nghe không dám phê phán các tác phẩm của họ. Từ vụ Xét Lại Chống Đảng, Cải Cách Ruộng Đất, Cải Tạo Tư Sản Mại Bàn, Nhân Văn Giai Phẩm cho đến Diễn Đàn Tự Do, Câu Lạc Bộ Những Người Kháng Chiến cũ, Cao Trào Nhân Bản, Phong Trào Dân Chủ và Thống Nhất Dân Tộc, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất cũng như các Tôn Giáo khác như Thiên Chúa Giáo, Tin Lành, Cao Đài, Hòa Hảo v.v..., tuy bị đìm trong biển máu, bị đàn áp quá bạo tàn dã man và búng bít, nhưng vẫn cương quyết đấu tranh đòi Tự Do Dân Chủ và Tự Do Tín Ngưỡng v.v...

Nhà thơ Nguyễn Chí Thiện chỉ làm thơ đã bị dầy dọ 27 năm tù và ông đã vạch mặt chế độ này qua 2 tập thơ Hoa Địa Ngục trên diễn đàn chính trị thế giới. Thế giới đã cho đây là tội ác của chế độ. Nếu ai đó có đọc các đơn kêu cứu của các nạn nhân và thân nhân của nạn nhân mỗi thấu hiểu và quý trọng họ. Đón củ: Bức thư bà Phạm Thị Tề đã kêu lên "Xương đã chất thành núi, máu đã chảy thành sông" thật không ngoa chút nào. Nếu đọc tất cả các lá đơn, mỗi thấy nỗi thống khổ của tù nhân chính trị mà còn gia đình thân thích họ nữa. Tội ác của chế độ này là tày trời, trời không dung đất không tha. Vậy mà bọn chóp bu Tư Bản Đồ Mafia đâu có hối hận ăn năn. Sau Đại Hội VIII họ càng dấn sâu hơn tội ác chồng chất, họ là những kẻ vô thần coi thường đủ luận quốc tế. Trắng trợn chà đạp ngay bản Hiến Pháp của họ ban hành kể cả luật pháp của họ. Họ khước từ Bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền. Ngày 22.8.1996 họ ngang nhiên dựng lên phiên tòa man trá để xử 3 ông Hà Sỹ Phu (Nguyễn Xuân Tú), Lê Hồng Hà và Nguyễn Kiên Giang, xét xử đầy nghịch lý đến nỗi luật sư của chế độ kiên quyết đứng về phía họ để phản bác phiên tòa.

Tuy vậy lịch sử đã sang trang, tinh thần và tư tưởng của các vụ án oan khiên nhất kể trên dù cách đây 30 đến 40 năm không hề chết đi mà vẫn sống mãi với dân tộc và đất nước, họ đã quyết hy sinh cho tương lai của dân tộc được sáng lạng. Chính nghĩa đã thuộc về tù nhân chính trị. Họ không còn bị cô độc lẻ loi nữa. Văn minh tiến bộ của loài

người đã thực sự chọc thủng bức màn sắt của chế độ.

Cộng đồng hải ngoại đã trưởng thành và lớn mạnh luôn hướng về quê hương làm áp lực mạnh mẽ lên chế độ. Là đội ngũ đáng tin cậy và lòng mong mỏi của tù nhân chính trị luôn sát cánh hỗ trợ vô điều kiện cũng như sự mong đợi của 72 triệu người dân quốc nội kiên quyết đấu tranh hỗ trợ đòi cho bằng được buộc Hà Nội phải thả toàn bộ tù nhân chính trị vô điều kiện. Xóa bỏ ngay lập tức điều 4 của bản Hiến Pháp hiện hành.

Vai trò của Đảng Cộng Sản Việt Nam đã chấm dứt trên chính trường Việt Nam từ lâu. Vận mệnh của đất nước phải do chính bàn tay và khối óc của 72 triệu người dân Việt quyết định. Quyền tối hậu cũng do người dân định đoạt, đó là con đường nhân loại văn minh tiến bộ của thế kỷ này, là giải pháp hữu hiệu để giải thoát sự bế tắc tuyệt vọng, mở ra trang sử mới cho dân tộc. Bước sang thêm năm mới 1997 bánh xe lịch sử đang hướng tới bạo quyền dù dân tộc Việt Nam trong hay ngoài nước đều không mong mỏi điều đó. Những lịch sử nhân loại đã chứng minh không một thế lực bạo quyền nào mà không bị bánh xe lịch sử nghiền nát. Chắc chắn nhóm 5 người đang ở trong Ban Thường Vụ Bộ Chính Trị quá hiểu điều này: Dân là gốc. Chế độ đã bị lung lay tận gốc sao còn bám giữ. Vận mệnh của đất nước tương lai của nòi giống quyền tối hậu là 72 triệu người dân Việt định đoạt sẽ chấm dứt cảnh tha phương cầu thực, để hơn 2 triệu người con dân Việt sớm trở về đoàn tụ trên đất mẹ đóng góp công sức chung xây dựng lại non sông gấm vóc của cha ông để lại, đuổi kịp các nước láng giềng và nhân loại văn minh tiến bộ năm 1997 và thế kỷ 21 đầy hứa hẹn.

Ngày 10.12.1996

•Thành Lê

- Cố Vấn Cộng đồng Quốc gia Hải ngoại
Khu vực Âu Châu
- Hội trưởng Hội Người Việt Dân Chủ Tự
Nạn Thüringen và VPC

THƠ Lương Vĩnh Thành



Nụ cười đem tặng

*Từ xưa, đầu nghì có hôm nay.
Bỏ nước ra đi, sống những ngày.
Tìm dấu quê nhà, mở ánh mắt
Dò phương trời cũ, hệt tầm tay.
Lại còn năm tháng ngàn thương nhớ
Rồi cũng gào tiền độn đắng cay.
Sốt lại nụ cười hồi mới đến.
Cất làm nhiều mảnh, tặng nhau đây!*

TIN PHẬT SỰ

Thông điệp Chúc Tết

CỦA HÒA THƯỢNG THÍCH HUYỀN QUANG

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Nhân dịp Xuân Đinh Sửu lại về với vũ trụ muôn loài, với cỏ hoa sông núi. Tôi kính gửi đến chư Tôn Giáo Phẩm cao cấp, trung cấp, chư Đại Đức Tăng Ni xa gần lời Chúc Mừng Năm Mới và mong rằng tất cả chúng ta hãy vận dụng tâm Từ Bi, Trí Tuệ và Dũng mãnh để đưa con thuyền Đạo Pháp vượt qua biển khổ đến bờ an vui hòa bình.

Và cũng nhân xuân mới này, tôi cũng kính gửi đến chư vị Thiện hữu Tri thức, đồng bào Phật Tử các giới miền phương, lời Chúc Mừng Năm Mới được mọi sự hạnh phúc an vui, bỏ đi tâm kiên cố, chỉ tu học vững bền, phò trợ Đạo Pháp, xây dựng quê hương.

Riêng tôi, sức khỏe dĩ nhiên ngày một tẻ xuống, nhưng hiện giờ chưa phát sinh bệnh hoạn gì khó chữa.

Trân trọng kính chào quý liệt vị.

Nay kính
(Ký tên)

Huyền Đình Sửu

ĐẠI HỘI THẾ GIỚI CƯ SĨ PHẬT TỬ VIỆT NAM HỢP 3 NGÀY TẠI THỦ ĐÔ HOA THỊNH ĐỒN VỚI CHỦ ĐỀ: "Phật Tử Việt Nam Trước Ngưỡng Cửa Thế Kỳ 21" & "Đoàn Kết Tu Học - Hành Đạo Cứu Đời"

• Lê Phong

Đại Hội Thế Giới Cư Sĩ Phật Tử Việt Nam lần thứ nhất được tổ chức đã diễn ra trong 3 ngày 6, 7 và 8 tháng 9 năm 1996 tại thủ đô Hoa Thịnh Đốn.

Trên 150 Đại Biểu từ nhiều quốc gia trên thế giới đã tới tham dự Đại Hội (Canada, Pháp, Đan Mạch, Úc...) và từ các tiểu bang Hoa Kỳ như California, Washington States, Oregon, Oklahoma, Massachusetts, Connecticut, Kansas, New York, New Jersey, Pennsylvania, Maryland, Washington DC, Virginia, Missouri, Texas, Florida...)

Đại Hội với chủ đề "Phật Tử Việt Nam Trước Ngưỡng Cửa Của Thế Kỳ 21" được đặt dưới sự chứng minh của Hòa Thượng Thích Giác Nhiên, Pháp Chủ Giáo Hội Phật Giáo Tăng Già Khất Sĩ Thế Giới, thành viên Hội Đồng Đại Diện Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ; Hòa Thượng Thích Hộ Giác, Tăng Thống Giáo Hội Tăng Già Nguyên Thủy Việt Nam Hải Ngoại, Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVN HN - HK, cùng nhiều vị trong hàng ngũ Giáo phẩm như Thượng Tọa Thích Giác Lượng, Thượng Tọa Thích Quảng Bình, Thượng Tọa Thích Minh Hối, Ni Sư Thích Nữ Như Nguyệt

Về phía Cư Sĩ Phật Tử có một số nhân sĩ tên tuổi như Giáo Sư Trần Quang Thuận, Bác Sĩ Nguyễn Duy Tài, Bác Sĩ Trần Ngươn Phiêu, Bác Sĩ Đoàn Trình, Tiến Sĩ Nguyễn Văn Canh, Bác Sĩ Trần Xuân Ninh v.v...

Khai mạc Đại Hội, Thượng Tọa Thích Minh Tuyên, Vụ Trưởng Vụ Cư Sĩ Phật Tử GHPGVN/HN tại Hoa Kỳ và cũng là Trưởng Ban Tổ Chức, đã nhân mạnh

rằng: "Đại Hội này sẽ y vào truyền thống của chư Phật, vào sứ mệnh của chư Tổ, vào huyền cơ phổ độ, và vào hướng đi tất yếu của lịch sử để thắp sáng ngọn đèn chân lý, ngọn đèn của Phật Tổ, của Quốc Tổ, của bốn ngàn năm văn hóa Việt Nam, hai ngàn năm văn minh Áu-Mỹ, để thắp sáng chân tâm soi sáng hiện hữu mà đi vào thiên niên kỷ mới".

Hòa Thượng Thích Giác Nhiên trong phần đạo từ cũng nhắc lại cho các đại biểu tham dự rằng Đại Hội này đã mở ra cơ hội để củng cố lực lượng Phật Tử Việt Nam góp phần xây dựng tương lai đất nước, Hòa Thượng Thích Hộ Giác với tư cách Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành cũng đã hân hoan chào mừng Đại Hội, tán dương Ban Tổ Chức và các đại biểu đã mang tất cả tâm hồn, trí tuệ về đây làm việc "vì đại nguyện đem xương máu của mình ra để hy sinh cho quốc gia dân tộc". Thượng Tọa Thích Giác Lượng trong lời huấn từ đã khẳng định lập trường, đường lối của Giáo Hội qua thời điểm hiện tại thể hiện mục đích của Đại Hội trong công cuộc đấu tranh giải trừ quốc nạn và pháp nạn.

Trong ba ngày Đại Hội, các đại biểu đã thảo luận sôi nổi về các đề tài liên quan đến các lĩnh vực văn hóa, xã hội, khoa học, hộ pháp và nhân quyền mà trọng tâm là vạch ra hướng đi cho người Phật Tử Việt Nam bước vào thế kỷ 21. Các đại biểu đã nghe tất cả 21 bài thuyết trình của các nhân sĩ Phật Tử như Giáo Sư Trần Quang Thuận, Bác Sĩ Trần Xuân Ninh, Tiến Sĩ Nguyễn Văn Canh, Bác Sĩ Nguyễn Duy Tài, Giáo Sư Lai Thế Hùng, nhà thơ bất khuất Nguyễn Chí Thiện, nhà báo Lê Hồng Long, nhà văn Nguyễn Việt Nữ, v.v...

Hội trường sôi động nhất là khi các đại biểu đóng góp những cao kiến và chương trình hành động trong cuộc giải trừ quốc nạn và pháp nạn mà cụ thể nhất là việc hình thành một tổ chức cho giới Cư Sĩ Phật Tử, đó là Tổng Hội Cư Sĩ Phật Tử Việt Nam. Thượng Tọa Thích Minh Tuyên được Đại Hội mời làm Chủ Tịch Hội Đồng Lãnh Đạo để thành lập Hội Đồng Lãnh Đạo và Hội Đồng Điều Hành, để thực hiện tôn chỉ của Đại Hội: **Đoàn Kết tu học - Hành đạo cứu đời**. Các tham dự viên Đại Hội đương nhiên trở thành hội viên Hội Đồng Sáng Lập.

Thượng Tọa Thích Minh Tuyên, sau khi nhận lãnh trách nhiệm đã nhân mạnh lập trường chỉ đạo của Tổng Hội là quyết tâm phục vụ Phật Giáo, phục vụ một nước Việt Nam Tự Do, tuyệt đối không chấp nhận là thuyết cộng sản và mọi hình thức chính trị có chủ tâm đàn áp, đày đọa, ức hiếp người dân Việt Nam.

Đây là lần đầu tiên, sau năm 1975, một Đại Hội Cư Sĩ Phật Tử được tổ chức quy tụ được nhiều đại biểu từ khắp nơi trên thế giới về dự. TT Thích Minh Tuyên, Trưởng Ban Tổ Chức Đại Hội Thế Giới Cư Sĩ Phật Tử Việt Nam đang đọc diễn văn khai mạc.

BẢN ĐỨC KẾT THÀNH QUẢ CỦA ĐẠI HỘI KHOẢNG ĐẠI KỲ I GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HẢI NGOẠI TẠI HOA KỲ - VĂN PHÒNG II VIỆN HÓA ĐẠO

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư Tôn Đức giáo phẩm, Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức, Tăng Ni,

Kính thưa quý đại biểu, quý quan khách và toàn thể đồng bào Phật tử,

Kính thưa liệt quý vị,

Thưa lệnh Giáo Hội, chúng con xin được lược trình một cách ngắn gọn những thành quả của Đại Hội trong suốt 3 ngày qua.

Như quý vị đã biết, sau 3 ngày đêm làm việc một cách tích cực và nghiêm túc; trong tinh thần tương kính, tương giáo, tương thuận và tương ái; bằng tất cả dũng lực của ý thức minh mẫn và kiên định, Đại Hội Khoảng Đại Kỳ I của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại Hoa Kỳ Văn Phòng II Viện Hóa Đạo đã thành công một cách vô cùng viên mãn.

Đại Hội đã quy tụ 92 phái đoàn gần 300 đại biểu trực thuộc Giáo Hội từ khắp các tiểu bang của Hoa Kỳ và các Châu như Úc Châu, Âu Châu, Á Châu và Gia Nã Đại.

Trải qua các phiên họp của các tiểu bang và 7 phiên Khoảng đại, toàn thể đại biểu tham dự Đại Hội đã vận dụng toàn bộ năng lực làm thức để thảo luận, phân tích và cuối cùng đã đạt được những Phật sự trọng yếu như sau:

Thứ nhất: Đại Hội đã biểu quyết thông qua Bản Tu Chính Quy Chế của Giáo Hội gồm 8 Chương và 34 Điều.

Thứ Hai: Đại Hội đã đề ra Hướng đi và Chương trình hành động thực tiễn, khả thi phù ứng với thời đại mà trong đó, bao gồm các kế hoạch ngắn, trung và dài hạn cho Giáo Hội trong những năm sắp tới.

Thứ Ba: Đại Hội cũng đã đồng tâm biểu quyết thông qua Tuyên Ngôn và Quyết Nghị của Đại Hội gồm 4 điểm và 5 yếu sách như nguyên bản đính kèm.

Thứ Tư: Đại Hội đã thông qua bức thư gửi nhệ vị Hòa Thượng Huyền Quang và Quảng Độ hiện đang bị chế độ CSVN giam giữ và quản thúc, biểu tỏ tâm nguyện sắc son, trước sau như một của đoàn thể đại biểu đối với sự lãnh đạo tối cao của quý ngài trong công cuộc vận động giải trừ Pháp nạn hiện nay.

Thứ Năm: Đại Hội cũng sẽ gửi cho chư Tôn Đức Tăng Ni trong GHPGVN một bức thư nhằm chuyển đạt tâm nguyện thiết tha của Đại Hội là, muốn thấy Phật Giáo Việt Nam được trường tồn, phát triển và không bị thế tục và chính trị hóa. Ngoài ra, Đại Hội cũng sẽ gửi thư cho Tổng Thống Hoa Kỳ, ông Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc v.v...

Thứ Sáu: Đặc biệt, trước hiện tình Pháp nạn bức thiết tại quốc nội, nhất là vì sự sinh tồn của đạo pháp và dân tộc, Đại Hội đã nhất tâm khâm thừa Giáo lệnh của Hội Đồng Lương Viện GHPGVN tại quốc nội, đó là: lưu nhiệm toàn bộ nhân sự lãnh đạo các Hội Đồng thuộc GHPGVN/HN-HK, Văn Phòng II Viện

Hóa Đạo; đồng thời, đã và sẽ bổ sung một số chức vụ để đáp ứng những nhu cầu Phật sự quan yếu.

Nhờ năng lực gia trì nhiệm mầu của Thập phương Tam Bảo, Chư Thiên long bát bộ, Hộ pháp Thánh chúng và chư vị thiện thần; nhờ tinh thần nhất tâm khâm thừa giáo lệnh, nhất là nhờ vào hạnh nguyện độ sanh cao cả của chư Tôn Đức giáo phẩm Tăng Ni và tinh thần phục vụ đạo pháp và dân tộc không mệt mỏi của toàn thể Phật tử đại biểu, Đại Hội Khoáng Đại Kỳ I của GHPGVNTNHN-HK, Văn Phòng II Viện Hóa Đạo đã đạt được những thành quả vô cùng khích lệ.

Văn Phòng II Viện Hóa Đạo
Văn Phòng Thường Trực Hội Đồng Điều Hành

TUYÊN NGÔN VÀ QUYẾT NGHỊ CỦA ĐẠI HỘI KHOÁNG ĐẠI KỲ I GHPGVNTNHN TẠI HOA KỲ VĂN PHÒNG II VIỆN HÓA ĐẠO

Gần 300 Chư tôn đức, Tăng Ni và Phật tử đại diện 92 đơn vị và các Hội Đồng, Vụ, Miền, Phòng, Ban thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại (GHPGVNTNHN) tại Hoa Kỳ kiêm Văn Phòng II Viện Hóa Đạo cùng các đại biểu Giáo Hội ở Âu Châu, Á Châu, Úc Châu, Gia Nã Đại đã vận tập về North Hills, tiểu bang California, từ ngày 10 đến 13.10.1996, PL. 2540, họp Đại Hội Khoáng Đại Kỳ I để kiểm điểm Phật sự nhiệm kỳ bốn năm vừa qua, suy cử tân Ban Lãnh Đạo và hoạch định đường hướng cùng chương trình hoạt động cho nhiệm kỳ tới.

Đại Hội khai diễn trong tinh thần lạc quan xây dựng, tử bi tế độ, và kiên trì vượt thắng, là truyền thống kế thừa của Phật Giáo Việt Nam trải qua hai mươi thế kỷ. Tinh thần này vốn làm nền tảng văn minh cho sự dựng nước và giữ nước từ cổ sử đến thời hiện đại ở nước ta. Tinh thần đã hóa thân thành sức mạnh và dũng lực ngăn chặn các đoàn quân thực dân xâm lược; vừa hóa giải mọi nền văn hóa nô dịch ngoại lai.

Trung tâm Phật Giáo Lưu Lậu xán lạn dựng lên ở Giao Châu đầu Tây lịch đã là pháo đài tâm linh bảo trì tâm can cước dân tộc của Tộc Việt duy nhất không bị đồng hóa. Từ tâm can cước bản lai diện mục ấy, bờ cõi được mở mang về nền tâm bản đồ toàn vẹn của một quốc gia tự chủ tự cường. Trong khi ấy, 99 tộc Bách Việt kia, nếu không bị tiêu diệt cũng đều bị Bắc phương hóa.

Ngày nay, cuộc sống Phật của chư Tăng Ni thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất và đồng bào Phật tử trong nước, tuy âm thầm và bất bạo, trong hay ngoài nhà tù, vẫn tiếp tục những bước chân vạm vờ của tiền nhân trên hành trình xây dựng nền đạo lý Việt Nam và hủy phá mọi âm mưu áp đặt nền văn hóa nô dịch ngoại lai, duy ngã.

Dù lâm cảnh tha hương, lưu lạc, GHPGVNTNHN tại Hoa Kỳ - Văn Phòng II Viện Hóa Đạo vẫn chưa hề cách ly với nỗi khổ đau hay niềm hy vọng của đồng bào trong nước, vẫn là tiếng phát âm không ngừng dứt kêu gọi lương tri thế giới can thiệp xóa bỏ nền chuyên chế độc tài đang biến quốc gia nhân dân, dân áp lớn giáo, nhân quyền và làm suy thoái đạo đức dân tộc.

Do đó, Đại Hội Khoáng Đại Kỳ I GHPGVNTNHN tại Hoa Kỳ - Văn Phòng II Viện Hóa Đạo quyết nghị:

1. GHPGVNTNHN tại Hoa Kỳ - Văn Phòng II Viện Hóa Đạo đặt trọng tâm vào cuộc vận động quốc tế giải trừ Pháp nạn và Quốc nạn. Xem đây như phương thức trị liệu từ gốc, để khai thông sự suy thoái, khủng hoảng và bế tắc của đất nước trên các lĩnh vực đạo lý, văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị, công nghệ. Cuộc vận động này nhằm chỉ vào các trung tâm quyền lực và Quốc hội Mỹ, Âu, Á, Úc, cơ quan LHQ, các tổ chức nhân quyền, các công đoàn quốc tế, cũng như các tổ chức nhân bản và tôn giáo trong thế giới.

2. Song song với sách lược tâm công quốc tế nói trên, GHPGVNTNHN tại Hoa Kỳ - Văn Phòng II Viện Hóa Đạo thiết lập tại các Châu những học viện đạo Tăng tài chuẩn bị cho cuộc Phật hóa thế kỷ XXI; thiết lập những trung tâm văn hóa làm nơi sinh hoạt, học văn, học Phật nhằm đào luyện thế hệ trẻ song toàn giữa kiến văn và giới hạnh, để khai mở kỹ nguyên khoan dung, tương ái và cộng sinh; thiết lập mỗi liên hệ hữu cơ với các tông phái Phật giáo trong thế giới cũng như các Giáo hội thiên hạ như Giáo Hội GHPGVNTN, chuẩn bị sự ra đời của một nền văn minh tổng hợp mang tính độ sanh và giải thoát.

3. Mở cuộc vận động giải giới thế quyền và ảnh hưởng chính trị bề phái manh động đang làm ung thối nội tâm nền Phật giáo dân tộc, để trang nghiêm đất nước và pháp giới. Kêu gọi chư Tôn đức Tăng, Ni trong GHPGVN hãy lánh xa bất cứ thế lực chính trị nào xây dựng trên các chủ thuyết duy ngã, duy lợi, duy kỳ đi ngược với nỗ lực ban đầu của đức Phật sau khi thành đạo. Đó là nỗ lực thuyết phục nếu không là phủ quyết 95 là thuyết và lực sự dị đạo. Nhờ đây giáo lý vô thượng của đức Phật mới được lan truyền để cứu khổ trừ mê.

4. Thông qua áp lực quốc tế, hoặc bằng những phương pháp thăm diệu Phật giáo lay tỉnh hôn mê độc tài của nhà đương quyền cộng sản, để thực hiện 5 yêu sách sau đây:

- Yêu sách trả tự do tức khắc và vô điều kiện cho Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Hòa Thượng Thích Quảng Độ, hai vị lãnh đạo tối cao của GHPGVNTN đang bị cầm tù; đòi hỏi cho nhị vị được trở về nơi thường trú ở Sài Gòn trước khi bị bắt và đày ải không lý do, để cho nhị vị được tự do hành đạo;

- Yêu sách trả tự do cho tất cả các nhà lãnh đạo các Tôn giáo, các tu nhân chính trị, các tu nhân lương tâm và chư Tăng, Ni, Phật tử bị giam, bị kết án vì lý do hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng hay nhân quyền từ năm 1955 tại miền Bắc và từ 1975 tại miền Nam, điển hình là những trường hợp của các Thượng Tọa, Đại Đức: Tuệ Sỹ, Trí Siêu, Hải Tạng, Trí Tụ, Không Tánh, Nhật Ban, Trí Lực, Phước Viên, Tâm Căn, Huệ Đăng Nguyễn Ngọc Đạt, Cư sĩ Nhật Thương, v.v...;

- Yêu sách phục hồi quyền tự do sinh hoạt Tôn giáo của GHPGVNTN, cũng như hồi trả các cơ sở cùng tài sản của Giáo Hội bị cưỡng chiếm từ năm 1975;

- Yêu sách cho GHPGVNTN hiện tại có quyền lập nhà xuất bản riêng, hay vì phải đưa in kinh sách Phật giáo qua hệ thống kiểm duyệt của các Nhà in của Đảng cộng sản; và

- Yêu cầu chấm dứt tức khắc sự xen lẫn của Nhà nước và Đảng vào sinh hoạt nội bộ Phật Giáo Việt Nam, bất kể hệ phái nào. Phá bỏ chiếc lồng công cụ hãm hại Phật giáo, để Phật giáo sống giữa lòng dân tộc hầu phục vụ dân tộc như từ hai mươi thế kỷ qua.

PL. 2540 - Làm tại Phật Học Viện Quốc Tế,
North Hills, California ngày 13.10.1996

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HẢI NGOẠI TẠI HOA KỲ KIÊM VĂN PHÒNG II VIỆN HÓA ĐẠO

T U Y E N C Á O

Vào ngày 22 tháng 11 năm 1996, hai trăm công an và lính chữa lửa đã bao vây chùa Linh Mục tại thành phố Huế và bắt giam trái phép hai Đại Đức Thích Hải Thịnh và Thích Hải Chánh là hai vị Tăng sĩ hành đạo thường trú tại chùa. Nguyên do là vì vào tháng 10 năm 1996 nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam đã ra quyết nghị công nhận chùa Linh Mục là "di tích lịch sử". Tiếp theo đó chính quyền tại Thừa Thiên-Huế chuẩn bị các biện pháp thu hồi chùa để biến ngôi Tổ Đình này thành một trung tâm du lịch hầu thu góp tiền khách tham quan. Các Tăng sĩ chùa Linh Mục đã cương quyết phản đối việc làm này của chính quyền, nên đã bị công an bắt giam một cách trái phép.

Vào ngày 30 tháng 10 năm 1996, công an và chính quyền tại thành phố Đà Lạt đã bao vây Thiền Viện Long Thọ tọa lạc trên đường Khe Sanh, phường 10, thành phố Đà Lạt và bắt giam Đại Đức Thích Minh Đạo. Sau đó chính quyền đã ra lệnh phá hủy ngôi Thiền Viện này vốn là nơi tu học và hành đạo từ lâu nay của 34 Tăng Ni. Lý do chỉ vì từ trước đến nay Đại Đức Thích Minh Đạo đã khẳng khái khước từ việc tham gia vào Giáo Hội nằm dưới sự chi phối và chỉ đạo của Mặt Trận Tổ Quốc và Ban Tôn Giáo nhà nước.

Qua các biến cố trên, GHPGVNTNHN tại Hoa Kỳ kiêm Văn Phòng II Viện Hóa Đạo nhận định:

1. Việc công an và chính quyền thành phố Huế và Đà Lạt bắt giam trái phép quý Đại Đức Thích Minh Đạo, Thích Hải Thịnh và Thích Hải Chánh vừa qua cho thấy rằng nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam vẫn tiếp tục vi phạm tự do tôn giáo và nhân quyền một cách thô bạo, mặc dù trên các diễn đàn quốc nội và quốc tế họ luôn luôn rêu rao chính sách tự do và nhân quyền giả hiệu của họ để đánh lừa dư luận.

2. Việc quý Đại Đức Thích Minh Đạo, Thích Hải Thịnh và Thích Hải Chánh bị công an và chính quyền bắt giam trái phép cho thấy rằng nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam vẫn tiếp tục chính sách đàn áp và tù tội chư Tôn Đức Tăng, Ni thuộc GHPGVNTN để thực hiện việc triệt hạ bộ máy nhân sự của Giáo Hội nhằm đập tan cuộc vận động chính nghĩa cho tự do tôn giáo, nhân quyền và phục hoạt GHPGVNTN hiện nay.

3. Việc chính quyền quyết tâm biến Tổ Đình Linh Mục thành "di tích lịch sử" mà thực chất chỉ là hợp thức hóa sự quản trị toàn diện của nhà nước đối với cơ sở trọng yếu của GHPGVNTN, và việc phá hủy ngôi Thiền Viện Long Thọ vừa qua là một bằng chứng cụ thể cho thấy chủ tâm sâu độc của đảng và chính quyền cộng sản Việt Nam trong âm mưu giải tán tất cả những cơ sở của GHPGVNTN, những cứ địa phát xuất các cuộc vận động cho tự do tôn giáo, nhân quyền và phục hoạt GHPGVNTN.

4. Việc chính quyền san bằng ngôi Thiền Viện Long Thọ tại thành phố Đà Lạt, một cơ sở trung kiên của GHPGVNTN từ trước đến nay, đã một lần nữa cho thấy bản chất và chủ trương thâm độc của họ đối với Phật Giáo Việt Nam. Chủ trương đó là nếu không thống trị được thì phải tiêu diệt tận gốc. Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam vì đã nằm trong quỹ đạo điều hành của đảng và chính quyền nên chưa bị tiêu diệt thô bạo, còn GHPGVNTN vì không chịu đặt mình dưới sự lãnh đạo của đảng và nhà nước nên đã bị đàn áp thẳng tay từ mấy chục năm qua.

5. Việc nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam âm mưu biến ngôi Tổ Đình Linh Mục thành trung tâm du lịch và phá hủy Thiền Viện Long Thọ không những là hành động xúc phạm trắng trợn mà còn là thách thức nghiêm trọng đối với truyền thống đạo đức, tín ngưỡng và tôn giáo thiêng liêng của toàn thể dân tộc Việt Nam.

Trước thảm trạng khốc hại này, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ kiêm Văn Phòng II Viện Hóa Đạo long trọng tuyên cáo:

1. Toàn thể Tăng, Ni và Phật tử các giới thuộc GHPGVNTNHN tại Hoa Kỳ kiêm Văn Phòng II Viện Hóa Đạo cực lực phản đối việc nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam bắt giam trái phép chư Đại Đức Thích Minh Đạo, Thích Hải Thịnh và Thích Hải Chánh, cũng như việc phá hủy Thiền Viện Long Thọ và âm mưu biến chùa Linh Mục thành "di tích lịch sử" để thống trị hóa ngôi Tổ Đình tôn nghiêm này.

2. Yêu cầu nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam tức khắc trả tự do cho chư Đại Đức Thích Minh Đạo, Thích Hải Thịnh và Thích Hải Chánh

THÔNG CÁO BÁO CHÍ ngày 8.1.1997

■ Hòa Thượng Thích Từ Mãn và Thượng Tọa Thích Tâm Thanh, Trưởng và Phó Trưởng Ban Trị Sự Tỉnh Hội GHPGVN (Nhà Nước)

Lâm Đồng từ chức để phản đối Nhà nước xâm phạm vào nội bộ Phật Giáo.

■ **"Không có công dân nào trên đất nước Việt Nam sau khi đi tù về thì phải mất nhà, mất hết tài sản":** Đại Đức Thích Hạnh Đức viết thư cho ông Võ Văn Kiệt yêu sách nhà cầm quyền trả lại Chùa Sơn Linh cùng tài sản bị chính quyền chiếm dụng và tịch thu.

Năm 1981 đảng Cộng Sản cho thành lập Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam (Giáo hội Nhà nước) để làm công cụ chính trị cho đảng, đồng lúc nhằm triệt tiêu Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN) là Giáo Hội truyền thống và dân lập của Phật Giáo Việt Nam. Đa số Tăng Ni lãnh đạo các chùa viện vốn thuộc GHPGVNTN trước kia nay vì ưu tư hoàng pháp, đã phải nhắm mắt làm ngơ. Một cách giả dạn qua đi, nói theo ngôn ngữ dân gian.

Nhưng khắp nước, sự xâm phạm vào nội bộ Phật Giáo ngày càng trầm trọng. Như việc xảy ra vào cuối tháng 10.1996 tại Tỉnh hội Lâm Đồng. Để chuẩn bị cho việc san phẳng 15 căn nhà thuộc Tịnh Thất Long Thọ ở Phường 10 cách trung tâm Đà Lạt 6 cây số, bắt Đại Đức Thích Minh Đạo (thê danh Trương Thành Tâm) cùng 34 Tăng Ni, nhà cầm quyền đã ép buộc Hòa Thượng Thích Từ Mãn, Trưởng Ban Trị sự Tỉnh hội Phật giáo (Nhà nước) tỉnh Lâm Đồng kiêm Hiệu trưởng Trường Cơ Bản Phật Học Lâm Đồng, viết văn thư số 59/BC-BTS ngày 24.10.1996 tố cáo Đại Đức Minh Đạo và Tịnh Thất Long Thọ "từ trước đến nay chưa bao giờ tham gia bất cứ một sinh hoạt nào của Giáo hội (Nhà nước) địa phương" và yêu cầu "Nhà nước xử lý theo pháp luật" (sic).

Đây là giọt nước cường bức và phi lý cuối cùng làm tràn đầy ly nước. Một lần khác trước đó, thi hành Thông Tư số 01-TT/TGCP ngày 3.5.95 của ông Vũ Quang, Trưởng ban Tôn giáo Chính phủ, nhà cầm quyền đã ép buộc Hòa Thượng viết văn thư số 99-BC/BTS ngày 12.8.1995, phủ nhận phong trào "Gia Đình Phật Tử Việt Nam", là một tổ chức giáo dục thanh thiếu niên Phật Tử (từ 6 đến 18 tuổi), ra đời trên 50 năm và hiện có trên 300.000 đoàn viên, bắt tổ chức này giải tán để sáp nhập vào hệ thống "Nam Nữ Phật Tử" do Ban Tôn giáo Chính phủ quản lý.

Để phản đối sự đàn áp và xâm nhập vào nội bộ Phật Giáo của nhà cầm quyền cộng sản, Hòa Thượng Thích Từ Mãn và Thượng Tọa Thích Tâm Thanh, Phó trưởng ban Trị sự Tỉnh hội kiêm Ủy viên Hoàng pháp, Giám luật, Giáo sư và Phó Giám hiệu Trường Cơ Bản Phật Học Lâm Đồng, trụ sở đặt tại Chùa Linh Sơn ở Đà Lạt, đã viết "Đơn Từ Nhiệm" gửi Ban Dân Vận, Ủy Ban Mặt Trận Tổ Quốc, Ủy Ban Tôn Giáo tỉnh Lâm Đồng, cùng Văn phòng Ban Trị sự Tỉnh hội Phật giáo và Văn phòng Ban Đại Diện Phật giáo Thành phố tỉnh Lâm Đồng, xin từ chức và rút tên ra khỏi mọi chức vụ hiện hành.

* Ngày 5.12.1996 vừa qua nhà cầm quyền cộng sản đã trả tự do cho Đại Đức Thích Hải Tạng, người đã tham dự cuộc biểu tình 40.000 Phật Tử ở Huế ngày 24.5.1993. Sau đó Đại Đức bị bắt cùng với Đại Đức Thích Trí Tự, Giám tòa trụ chùa Linh Mỹ, và các Đại Đức Hải Thịnh, Hải Chánh ngày 5.6.93. Phiên tòa trả hình ngày 15.11.93 xử bốn Đại Đức cùng 5 Phật Tử từ 3 đến 4 năm tù vì tội "phá rối trật tự công cộng". Ba người đã được trả tự do là các Đại Đức Hải Chánh (30.4.95), Hải Thịnh (5.3.96) và Hải Tạng. Hiện chúng tôi chưa biết rõ Đại Đức Hải Tạng có được trở về tu học nơi Nhân Khẩu thường trú là Chùa Linh Mỹ ở Huế, hay không. Hay Đại Đức cũng lâm cảnh tương tự như hai Đại Đức Hải Thịnh và Hải Chánh trước đây, là nhà cầm quyền bắt cởi áo Tăng hoàn tục và đưa về quản thúc tại gia nguyên quán?

Hiện nay, việc đàn áp GHPGVNTN đã tiến sâu một bước, qua chính sách bắt những Tăng sĩ vừa được trả tự do không được trở về tu học nơi chùa viện thường trú trước kia, bắt họ hoàn tục, cởi áo Tăng sĩ ra đời, và quản thúc nơi nguyên quán. Thực tế, là chuyển từ nhà tù này tới nhà giam khác.

Trường hợp cũng đã xảy ra cho Đại Đức Thích Hạnh Đức (thê danh Võ Hạnh Đức), Giám tự chùa Sơn Linh ở xã Xuân Sơn, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Đại Đức vốn thuộc Giáo hội Phật giáo Nhà nước, nhưng năm 1992, Đại Đức ra Huế tham dự tang lễ Cố Đại Lão Hòa Thượng Thích Đôn Hậu và hỗ trợ cuộc đấu tranh đòi phục hồi quyền sinh hoạt của GHPGVNTN do Hòa Thượng Thích Huyền Quang lãnh đạo; nên bị nhà cầm quyền Bà Rịa Vũng Tàu ra lệnh đuổi khỏi chùa Sơn Linh. Ngày 9.7.93, trước sức kháng cự của 2.000 Phật Tử bảo vệ chùa Sơn Linh, công an cơ động với bộ đội dùng xe thiết giáp tấn công chùa, bắt Đại Đức Hạnh Đức, 25 Tăng sĩ và 100 Phật Tử. Tháng giêng 1994, Đại Đức bị phiên tòa giả trá ở Bà Rịa xử 3 năm tù vì tội "tổ chức chống người thi hành công vụ". Đại Đức bị giam tại trại Phước Cơ ở Bà Rịa, sau chuyển lên trại Gia Trung ở Gia Lai, Tây Nguyên.

Sau tháng 7.1996, Đại Đức Hạnh Đức mãn hạn tù về lại nơi Nhân Khẩu thường trú trước kia, ở chùa Sơn Linh tỉnh Bà Rịa, thì bị công an xã cường bức không cho cư ngụ. Gần đây, Đại Đức Hạnh Đức đã viết "Đơn Khiếu Nại" đồng gửi Thủ Tướng Võ Văn Kiệt, ông Bộ trưởng Bộ Nội Vụ, và ông Mười Thu, cơ quan T.78 TP Hồ Chí Minh. Đại Đức viết:

"... Ngôi chùa này chính tôi và đệ tử xuất gia của tôi chắt chiu dành dụm từng đồng bởi sức lao động của mình làm ra, cộng với sự cúng dường của thập gia bá tánh góp phần kẻ ít người nhiều, chứ không phải ngôi chùa này do chính quyền hay Giáo hội Phật giáo Việt Nam (Nhà nước) xây dựng rồi tôi đến sau xin để ở giữ chùa.

"Như vậy không biết lý do gì, hay căn cứ vào Nghị định, Nghị quyết nào, mà chính quyền sơ tại đã hành hung và bắt buộc tôi phải rời khỏi chùa Sơn Linh (xã Xuân Sơn) là nơi tôi đã tạm trú từ trên 10 năm nay. Theo Nghị định số 52 và 64 của Thủ tướng Chính phủ ban hành thi những công dân sống trên đất nước CHXHCNVN, có chỉ thị số 01 và 08 đều được định cư sau khi được chính quyền sơ tại cho tạm trú từ 5 năm đến 10 năm trở lên, thì sẽ được cho làm thủ tục: làm giấy Chứng Minh Nhân Dân và hộ khẩu.

"Trường hợp của tôi khi các cấp chính quyền đến bắt, hoàn toàn không có lý do chính đáng và không có lệnh bắt đúng theo Bộ Luật Tố Tụng Hình Sự. Không ai có thể bị bắt nếu không có quyết định của Tòa án, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện Kiểm Sát. Việc bắt và giam giữ người phải đúng qui định của Bộ này" (Chương I, điều 5).

"Khi đã bắt giam tôi, chính quyền sơ tại đã tịch thu toàn bộ tài sản, kinh sách trị giá 100 triệu đồng, mà Bộ Luật Tố Tụng Hình Sự đã ghi rõ: "Mọi hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự và nhân phẩm của công dân đều bị xử lý theo pháp luật" (Chương I, điều 6).

"Khi đến trại Gia Trung, ông Giám thị trường Nguyễn Văn Thứ và cán bộ Thanh, Trưởng bộ môn Giáo dục K1 đã hứa với tôi là: Nếu trong thời gian ở trại không vi phạm gì nghiêm trọng thì sẽ được giảm án như các trại sinh khác đúng theo luật. Thế nhưng, suốt thời gian ở trại, mặc dù tôi không vi phạm điều gì, song cũng không được giảm ngày nào. Như thế có phải chăng là những người có bổn phận thi hành pháp luật thì có quyền đứng trên Pháp luật hay không?

"Về tội danh "tổ chức chống người thi hành công vụ" là hoàn toàn không có căn cứ, cũng như việc bí mật xét xử tôi là hoàn toàn trái với điều 19 Chương I của Bộ Luật Tố Tụng Hình Sự. Toàn bộ sự việc từ bắt giam, xét xử và giam giữ, chính quyền đều không theo pháp luật của nước CHXHCNVN.

"Chúng tôi kiến nghị với quý ông:

1. Can thiệp với chính quyền địa phương để tôi được ở ngôi chùa của tôi (Chùa Sơn Linh, xã Xuân Sơn) vì không có một công dân nào trên đất nước Việt Nam sau khi đi tù về thì phải mất nhà;

2. Can thiệp với chính quyền địa phương cho tôi nhận lại toàn bộ tài sản của chùa. Nếu vì lý do nào đó tài vật, kinh sách không bồi thường đầy đủ, thì phải bồi thường theo giá trị hiện kim, cũng như Phòng phát hành Kinh sách (có giấy phép của tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu) tại xã Phú Mỹ, huyện Tân Thành tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, mà chính quyền đình chỉ hoạt động không lý do chính đáng. Bởi vì không có một công dân nào trên đất nước Việt Nam sau khi đi tù về thì phải mất hết tài sản".

Bản sao "Đơn Khiếu Nại" trên đây đồng lúc được gửi đến ông Đỗ Mười, Tổng Bí Thư Đảng Cộng Sản Việt Nam, ông Lê Đức Anh, Chủ tịch nước CHXHCNVN, ông Nông Đức Mạnh, Chủ tịch Quốc Hội, ông Chủ tịch Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam Trung Ương, ông Bộ trưởng Tư Pháp, ông Trưởng Ban Tôn giáo Chính phủ, Ủy ban Nhân dân và Ủy ban Mặt Trận Tổ Quốc tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, và Ủy ban Bảo Vệ Quyền Lâm Ngữ Việt Nam có trụ sở ở Paris để nhờ đưa sự vụ ra Ủy Ban Nhân Quyền Liên Hiệp Quốc tại Genève.

Làm tại Paris, ngày 8.1.1997
Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế

■ HÒA THƯỢNG THÍCH NHƯ HUỆ VẤN DƯ ẬU CHÂU

Theo lời mời của Hòa Thượng Thích Nhất Hạnh, Hòa Thượng Thích Như Huệ, Viện Chủ Chùa Pháp Hoa ở Nam Úc Châu, Tổng Vụ Hoàng Pháp Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Úc Châu và Thượng Tọa Thích Bảo Lạc, Viện Chủ Chùa Pháp Bảo, Sydney, Úc Châu, đã đến chứng minh đại giới đàn Nền Ngọc tại Lăng Hống ở Pháp Quốc từ ngày 30.11 đến ngày 4.12.96, thăm tòng Hòa Thượng còn có Đại Đức Thích Viên Pháp, Giáo Hội Phó Nội Vụ GHPGVNTN Nam Úc, Trị sự Chùa Pháp Hoa và Đại Đức Thích Chúc Khâm, Trị sự Chùa Pháp Bảo tại Úc.

Sau đó phái đoàn còn đi thăm viếng các Chùa khác tại Pháp như Chùa Khánh Anh, Hoa Nghiêm (Paris) và Chùa Vạn Hạnh (Nance). Từ ngày 10.12.96 phái đoàn Hòa Lan thăm Chùa Vạn Hạnh. Từ ngày 13.12.96 phái đoàn đi Bắc Âu thăm viếng các Chùa Vạn Hạnh và Liễu Quan (Đan Mạch), thăm Chùa Khuông Việt (Na Uy). Từ 17 đến 20.12.96 phái đoàn trở về Đức Quốc, thăm viếng Chùa Viên Giác và Bảo Quang Ni Tự. Từ 21.12.96 phái đoàn thăm viếng Chùa Linh Phong (Thụy Sĩ) và đến ngày 24.12.96 phái đoàn trở lại Frankfurt (Đức Quốc) để trở về Úc Châu.



Hòa Thượng Thích Như Huệ và Thượng Tọa Thích Như Điển, Ban Biên Tập & Kỹ Thuật Báo Viên Giác và Ban Huynh Trưởng GBPT ÁU CHÂU.

Đến đầu Hòa Thượng cũng dành chút thì giờ quý báu để tiếp xúc, giảng Pháp để khuyến khích Phật tử cố gắng tu học.

Đặc biệt, từ 9 giờ ngày 21.12.96, trước khi phái đoàn lên đường đi Thụy Sĩ, Thượng Tọa Thích Như Điển, Viện Chủ Chùa Viên Giác tại Hannover (Đức

Quốc) đã giới thiệu Hòa Thượng Thích Như Huệ trước 50 Đạo Hữu và Huỳnh Trường trong các Ban Kỹ Thuật và Ban Biên Tập Báo Viên Giác, Ban Huỳnh Trường Âu Châu, Đức Quốc và thuộc các Gia Đình Phật Tử tại các địa phương. dịp này Hòa Thượng đã thuyết giảng về Pháp Tinh Thức để nhắc nhở Phật Tử lúc nào cũng phải tỉnh thức để tránh lầm mê và cố gắng thường xuyên đến chùa để có dịp học được hạnh nguyện và hòa nhập vào cuộc sống của chư Tăng để cảm thấy ngày càng gần gũi với Đức Phật. Từ đó chúng ta mới đạt được tâm chân chánh, trí bát nhã trên bước đường tu học. (Tin và ảnh: PV)



Ni Sư Thích Nữ Diệu Tâm, Trụ Trì Bảo Quang Ni Tự, Hamburg, giới thiệu Hòa Thượng Thích Như Huệ.

LỄ RA MẮT TIỂU BAN GIẢI TRỪ PHÁP NẠN TẠI HANNOVER VÀ VÙNG PHỤ CẬN (TB/GTPN).

Vào lúc 10 giờ sáng ngày 26.01.1997, buổi lễ ra mắt TB/GTPN chính thức được tổ chức tại Chánh điện chùa Viên Giác dưới sự chứng minh của Thượng Tọa Chi Bộ Trưởng Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, Chi Bộ Đức Quốc, và sự hiện diện của Đạo Hữu Hội Trưởng Hội PTVNTN tại Đức, ông Tổng Thư Ký Liên Minh Việt Nam Tự Do Hải Ngoại, Đại diện các Tổ chức, Hội đoàn và Đoàn thể.

Sau đạo từ của Thượng Tọa Viện Chủ Thích Như Điển, Ban Chấp Hành Tiểu Ban Giải Trừ Pháp Nạn được ra mắt gồm có:

1. Trưởng Ban ĐH. Thiện Như Nguyễn Việt Bình 2. Phó Ban Nội Vụ ĐH. Thiện Lai Lê Thanh Tùng 3. Phó Ban Ngoại Vụ ĐH. Thiện Hậu Nguyễn Minh Hiền 4. Thư Ký ĐH. Đoàn Hữu Hải 5. Thủ Quỹ ĐH. Thiện Chí Nguyễn Anh Dũng 6. Ủy viên Thông tin Báo Chí ĐH. Dương Văn Mạnh 7. Ủy viên Văn hóa Văn nghệ ĐH. Nguyễn Thái An

Trưởng Ban đại diện TB/GTPN đọc bài phát biểu trong buổi lễ:

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

- Kính bạch Thượng Tọa Chi Bộ Trưởng GHPGVNTN tại Đức Quốc

- Kính thưa ĐH Hội Trưởng Hội PTVNTN tại Đức Quốc

- Kính thưa ĐH Trưởng Ban Giải Trừ Pháp Nạn tại Đức, và

- Kính thưa quý Đại diện các Tổ chức, Hội đoàn cùng quý Đồng hương.

Thật là một vinh dự lớn lao cho chúng con, chúng tôi được làm lễ ra mắt "Tiểu Ban Giải Trừ Pháp Nạn tại Hannover và Vùng Phụ Cận" trong ngày hôm nay.

Tiểu Ban Giải Trừ Pháp Nạn tại Hannover và VPC là một thành viên của Ủy Ban Giải Trừ Pháp Nạn tại Đức Quốc nằm trong hệ thống và cơ cấu tổ chức của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, Chi Bộ tại Đức quốc và Hội Phật Tử Việt Nam Tự Nạn tại Đức.

Như thế mọi sự hành hoạt của TB/GTPN tại Hannover và VPC hoàn toàn đặt dưới sự cổ vũ, chỉ đạo và hướng dẫn của Chi Bộ, Hội Phật Tử và Ủy Ban Giải Trừ Pháp Nạn tại Đức.

Kính thưa quý vị,

Tôn Giáo trong chế độ Cộng Sản thời nào và lúc nào cũng bị xem là một chủ thuyết Vô Thần, là một liều thuốc phiện để ru ngủ con người. Nên Tôn Giáo là một tiềm lực đối kháng lại chủ thuyết Duy Vật của người Cộng Sản. Như thế dù sớm hay muộn, với mọi mưu mô và thủ đoạn xảo quyệt sẵn có, người Cộng Sản đã, đang và sẽ không bao giờ để cho Tôn Giáo được tồn tại và phát triển, ngày nào họ còn nắm chính quyền.

Diễn hình là tại Việt Nam, sau khi dùng vũ lực cưỡng chiếm miền Nam, tập đoàn Đảng Cộng Sản Việt Nam không ngừng bắt bớ, giam cầm các vị lãnh đạo tinh thần của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Họ đã âm mưu giải thể GHPGVNTN để thay vào đó một tổ chức Giáo Hội Phật Giáo Quốc Doanh hầu làm công cụ cho Đảng CSVN. Dưới sự ca tụng vô nhân của Đảng CSVN, chùa chiền bị quốc hữu hóa để biến thành những nơi danh lam thắng cảnh hầu kiếm ngoại tệ nuôi dưỡng chế độ. Việc cưỡng chiếm Chùa Linh Mụ tại Cổ đô Huế và việc san bằng Chùa Long Thọ tại Đà Lạt trong cuối năm 1996 là một bằng chứng cụ thể để nói lên dã tâm của tập đoàn Đảng CSVN.

Quý Hòa Thượng Thích Quảng Độ, HT. Thích Huyền Quang và rất nhiều quý Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni tài năng của GHPGVNTN và Dân Tộc vẫn còn bị giam cầm.

Đạo Pháp và Dân Tộc như hai mà một, như một mà hai. Vậy đấu tranh Giải Trừ Pháp Nạn cũng là đấu tranh cho sự trường tồn của Dân Tộc thoát nạn Cộng Sản.

Vì thế chúng con, chúng tôi là những người Phật Tử Việt Nam nguyện đem tâm sức mình góp phần cho công cuộc đấu tranh Giải Trừ Pháp Nạn, Tự Do, Dân Chủ, Nhân Quyền và Tự Do Tôn Giáo tại Việt Nam.

Xin thành thật cảm tạ quý vị

Nam Mô Đầu Chiên Thắng Phật



Từ trái sang phải: TT. Thích Như Điển, ĐH Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn Thái An, Nguyễn Việt Đức, Đoàn Hữu Hải, Nguyễn Việt Bình, Nguyễn Anh Dũng, Lê Thanh Tùng, Dương Văn Mạnh, Ngô Văn Phát

Tiếp theo là tóm tắt lời phát biểu của Đạo Hữu Thị Tâm Ngô Văn Phát, Hội Trưởng Hội PTVNTN tại Đức:

... Theo định luật sinh tồn của xã hội, thì nơi nào có áp bức; nơi đó có đấu tranh. Đây là một chân lý. Hiện nay tại Việt Nam Giáo Hội PGVNTN đã và đang bị nhà cầm quyền CS Hà Nội khủng bố và áp bức. Do đó quý vị lãnh đạo tinh thần và tín đồ của Giáo Hội bị đẩy vào một cái thế chẳng đặng đừng, nên bắt buộc phải đấu tranh để sinh tồn. Đấu tranh bất bạo động, nhưng trong tinh thần Đại Hùng, Đại Lực, Đại Từ Bi để buộc nhà cầm quyền Cộng Sản Hà Nội phải tôn trọng tự do tư tưởng, ý thức và Tôn Giáo như điều 18 trong bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền mà chính nhà cầm quyền CS Hà Nội đã ký và cam kết thi hành.



Ảnh lưu niệm Lễ Ra Mắt Tiểu Ban GTPN tại Chánh điện chùa Viên Giác.

Tiểu Ban Giải Trừ Pháp Nạn tại Hannover được thành lập có nhiệm vụ thường xuyên theo dõi để thu nhận những tin tức từ bên nhà hoặc qua Phòng Thông Tin Phật Giáo Thế Giới ở Paris liên quan đến những sự khủng bố, đàn áp Tôn Giáo để thiết lập ra những bản Thông tin, tổ chức họp báo, hội thảo, tuyệt thực hầu thông báo cho chính quyền Đức, báo chí cùng nhân dân Đức và đồng thời thỉnh cầu chánh quyền Đức qua đường lối ngoại giao buộc nhà cầm quyền CS Hà Nội phải chấm dứt ngay hành động đàn áp Tôn Giáo nếu họ muốn giao thương với thế giới bên ngoài.

Và cuối cùng là lời phát biểu của ông Nguyễn Ngọc Đức, Tổng Thư Ký Liên Minh Việt Nam Tự Do đến từ Pháp. Ông bày tỏ lòng vui mừng khi thấy sự hiện diện ra mắt của Tiểu Ban Giải Trừ Pháp Nạn, với lực lượng trẻ, tình nguyện dấn thân vào con đường đấu tranh cho Đạo Pháp và Dân Tộc. Cuối cùng ông chúc Tiểu Ban GTPN thành công trong bước đường hoạt động.

Buổi lễ ra mắt kết thúc vào lúc 11 giờ cùng ngày.

(Lời tường thuật - Trưởng Tiểu Ban GTPN Thiện Như Nguyễn Việt Bình)

■ TIỂU BAN GTPN HANNOVER

Hòa nhập với phong trào chung, đấu tranh cho một nền dân chủ, đa nguyên về chính trị, tự do cho Tôn giáo tại Việt Nam

Trong thời qua, kết hợp cùng với các tổ chức, hội đoàn, Tiểu Ban GTPN đã tham gia một số hoạt động cụ thể, bước đầu đạt được những kết quả tuy còn ít, song cũng góp phần mình vào sự nghiệp chung của những người có lương tri trước tình hình và hiện trạng của đất nước.

- Ngày 18.01.97 Ban Chấp Hành của Tiểu Ban GTPN đã tới tham dự buổi hội thảo "Xã Hội Việt Nam Hiện Nay" được tổ chức tại Buchholz do ông Bùi Tín,

một cựu sĩ quan, phó tổng biên tập báo Nhân Dân cơ quan ngôn luận của Đảng CSVN, sau một thời gian tỵ nạn tại Pháp tới Đức trình bày. Những vấn đề ông Bùi Tín trình bày tại buổi nói chuyện, cùng những ý kiến trao đổi của các tham dự viên với ông và Ban Tổ Chức là những bài học kinh nghiệm giúp cho những đoàn thể hội đoàn v.v... đang quan tâm đến tình hình đất nước, để từ đó tự đặt ra cho mình một phương hướng đấu tranh cho thích hợp.

Với thời gian chỉ hơn bốn giờ đồng hồ, bên cạnh việc tham gia hội thảo, Tiểu Ban GTPN đã thành lập một bản Thông Tin, trình bày những tài liệu, sách báo liên quan đến sự đàn áp Tôn giáo, một số văn bản về luật pháp của chính quyền Việt Nam xử phạt đối với những đoàn thể, cá nhân có hoạt động chính trị ở nước ngoài và những sách báo tham khảo chính trị v.v...

Đồng thời Tiểu Ban cũng xin được nhiều chữ ký của tham dự viên và ông Bùi Tín để ủng hộ cho phong trào đấu tranh chống sự đàn áp Phật Giáo tại quê nhà.

- Ngày 26.02.97, Tiểu Ban GTPN chính thức làm lễ ra mắt tại chùa Viên Giác.

Trong thời gian cùng ngày TB GTPN đã mở bản Thông Tin và tham gia phục vụ buổi hội thảo với chủ đề "Năm 1997 Việt Nam Trước Ngưỡng Cửa Dân Chủ" do Liên Minh Việt Nam Tự Do tổ chức. Cuộc hội thảo đã được ông Nguyễn Ngọc Đức trình bày về hiện tình đất nước và phương hướng hoạt động trong tương lai để thực hiện tự do, dân chủ.

Tiếp theo là lời phát biểu của ông Ngô Văn Phát về vấn đề đàn áp Tôn Giáo tại Việt Nam đặc biệt là đối với Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất hiện nay tại quê nhà.



Tham dự buổi hội thảo "Xã Hội VN hiện nay" tại Buchholz (Ảnh: Vũ Đức Hùng)

Buổi hội thảo có hơn 170 người tham dự và đã đạt được kết quả tốt. Ngày 31.01.97 Tiểu Ban GTPN đã tham gia buổi nói chuyện do tổ chức Arbeitkreis Asyl và một số nhân sĩ, trí thức người Đức quan tâm tới vấn đề nhân quyền tại VN kết hợp với Hội Người Việt Tỵ Nạn Bítburg và phụ cận, báo chí, truyền thông Đức về đề tài "Tự Do và Chế Độ Cộng Sản" để tố cáo trước dư luận Đức về tình trạng đàn áp Tôn giáo và vi phạm nhân quyền tại Việt Nam. Có sự tham dự của ông:

- Vũ Quốc Dụng, Đại diện Cơ quan Nhân quyền Quốc Tế (IGFM)
- Nguyễn Thanh Văn, Đại diện cho LMVNTD Krefeld.
- Đại diện Ân Xá Quốc Tế (Amnesty International).

Buổi nói chuyện được thông qua hai ngôn ngữ Việt-Đức. Ngày 01.02.97 với sự tham gia của một số tổ chức, hội đoàn (Hội Nhân Bản, Tổ chức Dân Chủ cho Việt Nam...), Tiểu Ban GTPN đã hưởng ứng cuộc biểu tình trước Sứ Quán CSVN tại Bonn, đòi nhà cầm quyền CSVN phải chấm dứt đàn áp Tôn Giáo và vi phạm Nhân quyền. Thay mặt Tiểu Ban GTPN anh Nguyễn Việt Bình đã đọc bản Cáo Trạng tố cáo Đảng CSVN về sự đàn áp Tôn Giáo nhất là Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.

(Thư ký của Tiểu Ban GTPN - Đoàn Hữu Hải)

LỄ PHẬT ĐẪU NĂM TẠI REUTLINGEN

Ngày 09.02.1997, nhằm ngày mồng 3 Tết Đinh Sửu, lúc 10 giờ, Chi Hội PTVNTN Reutlingen và VPC đã tổ chức Lễ Phật Cầu An đầu năm tại địa phương - Nhờ ơn Tam Bảo hộ trì và nhờ thời tiết ấm áp, đồng bào Phật Tử đã đến tham dự trên 150 người, trong số có một số Đạo Hữu từ Chi Hội Tuttlingen-Rottweil.

Việc tham dự Lễ Phật ngày càng nhiệt thành đã nói lên tinh thần hướng về Đạo Pháp và Tâm Linh của đồng bào Phật Tử tại vùng Reutlingen nói riêng, và vùng Nam Đức nói chung, ngày càng hưng thịnh.

Hôm nay, Chánh điện được trang trí thanh nhã, trang trọng và đẹp mắt, với hai câu đối treo cạnh là Quốc Kỳ và Phật Giáo Kỳ:

*Mừng năm mới thọ trì giới định huệ .
Đón xuân về trừ diệt tham sân si*

Thêm những hình ảnh sinh hoạt Phật sự đầy ý nghĩa treo hai bên lưỡng, tăng và tôn nghiêm dưới ánh hào quang của Tôn Tượng Đức Thế Tôn.

Sau Lễ Phật Cầu An, Cầu Siêu do Đạo Hữu Chi Hội Trưởng chủ lễ, là Lễ Cúng Sao Giải Hạn cho 59 Phật Tử, trong số có một người Đức, tổ chức rất trang nghiêm, đầy đủ nghi thức long trọng.

Trong dịp này, Đạo Hữu CHT cũng đã tường trình Phật sự trong năm qua và trình bày kế hoạch, Phật sự trong năm 1997, đem lại lòng phấn khởi và tin

lường cho đồng bào Phật Tử như là thắng duyên cho Phật Pháp trong địa phương.

Buổi lễ chấm dứt bằng một tiệc trà với hương vị quê hương trong bầu không khí vui tươi, đầy Đạo Tình của những người con Phật sống trong Chánh Niệm.

(Thiện Hậu ghi)

THÔNG CÁO ĐẶC BIỆT CỦA CHÙA VIÊN GIÁC

1. GÓP PHẦN CÔNG ĐỨC THỈNH TƯỢNG PHẬT

Tại chùa Viên Giác Hannover, Đức Quốc, Phật Tử chúng ta có được nhiều thắng duyên đã thỉnh được nhiều tượng Phật và Bồ Tát từ Đài Loan, Thái Lan và Việt Nam về thờ, rất trang nghiêm, hoan hỷ. Tuy nhiên để trang nghiêm Phật điện và ghi lại một vài di tích lịch sử cho đời sau về cách tạc tượng bằng gỗ của các nghệ nhân Việt Nam như tượng Chuẩn Đề (hóa thân) của Đức Quan Âm Thiên Thủ Thiên Nhân (ngàn tay, ngàn mắt) đã được tạc và dựng ở chùa Bút Tháp thuộc xã Đình Tổ, huyện Thuận Thành, cách Hà Nội 30 Km từ những thế kỷ trước, mà đến nay vẫn còn tồn tại, là một quốc bảo của nước nhà cũng như của Phật Giáo.

Nên, Thượng Tọa Trụ Trì Chùa Viên Giác cũng đã liên lạc với nơi làm tượng tại Việt Nam, muốn thỉnh một tượng như thế để thờ và đây là kết quả. Tượng bằng gỗ quý; cao 5 thước đứng. Gồm 3 phần chạm riêng lẻ. Phần tòa sen, phần thân tượng và phần các cánh tay phía sau tượng. Thời gian điêu khắc từ 6 đến 8 tháng và kể cả chuyên chở đến Đức thời hạn là một năm. Giá thành 8.000 đô-la Mỹ. Cộng chung với chuyên chở và thuê má, độ 10.000 đô-la.

Đây là một công đức rất thù thắng. Quý Đạo Hữu và quý Phật Tử nào muốn hun phước cho việc tạc tượng này, xin tùy hỷ công đức và gửi về chùa. Công đức thật vô lượng vô biên.

2. ẨM TỔNG KINH PHÁP BẢO ĐÀN

Tác giả là Ngài Lục Tổ Huệ Năng, người Trung Quốc tu theo lối thiền đơn ngộ để thành Tổ. Sách do Hòa Thượng Thích Minh Trực dịch và chú giải, sách dày 200 trang. Ấn tổng mỗi quyển là 10 Đức Mã. Quý vị nào phát tâm ấn tổng, xin liên lạc về chùa. Sau đây là *Mười công đức* của việc ấn tổng kinh và tượng Phật.

Một là những tội lỗi đã tạo từ trước, nhẹ thì được tiêu trừ, nặng thành chuyển nhẹ. *Hai* là thường được các thiên thần ủng hộ, tránh được tất cả tai ương họa nạn, ôn dịch, nước, lửa, trộm cắp, đao binh, ngục tù. *Ba* là vĩnh viễn tránh khỏi những quả báo phiền khổ, oán cừu oan trái của đời trước cũng như đời này.

Bốn là các vị hộ pháp thiện thần thương gia hộ nên những loài dạ xoa ác quỷ, rắn độc, hùm beo tránh xa không dám hãm hại. *Năm* là tâm được an vui, ngày không gặp việc nguy khốn, đêm ngủ không thấy ác mộng. *Diện* mạo hiển sáng mạnh khỏe an lành, việc làm thuận lợi, được kết quả tốt. *Sáu* là chí thành hộ pháp, tâm không cầu lợi, tự nhiên y thực đầy đủ, gia đình hòa thuận, phước lộc dồi dào. *Bảy* là lời nói việc làm trời người hoan hỷ, đến đâu cũng được mọi người kính mến ngợi khen. *Tám* là ngu chuyển thành trí, bệnh lành mạnh khỏe, khổ nghèo chuyển thành thịnh đạt. Nhàn chán nữ thân, mệnh chung liền được nam thân. *Chín* là vĩnh viễn xa lìa đường ác, sanh vào cõi thiện, lưỡng mạng đoan nghiêm, tâm trí siêu việt, phước lộc tròn đầy. *Mười* là hay vì tất cả chúng sanh trừ các căn lành. Lấy tâm cầu của chúng sanh làm ruộng phước điển cho mình. Nhờ công đức ấy đạt được vô lượng phước quả thù thắng. Sanh ra nơi nào cũng thường được thấy Phật, nghe pháp, phước huệ rộng lớn, chứng đạt lục thông, sớm thành Phật quả.

Bởi vậy Ấn Quang Tổ Sư dạy:

Ấn tổng kinh, tượng Phật được công đức thù thắng như thế, nên gặp khi chúc thọ, thành hôn, cầu phước, thoát nạn, sám hối, cầu tiêu trừ tật bệnh, cầu siêu độ hương linh, hãy tinh tấn phát tâm Bồ Đề ấn tổng, để trồng cội phước đức cho chính mình và thân bằng quyến thuộc.

3. BĂNG VIDEO VỀ CHÙA VIÊN GIÁC TẠI HANNOVER

Ngôi Chùa Viên Giác được xây dựng tại thành phố Hannover từ năm 1989 đến nay, đã có nhiều vị hữu duyên về Chùa tham dự các đại lễ hay chiêm ngưỡng các tôn tượng cũng như cách kiến trúc đặc thù tại trời Âu này; nhưng cũng có nhiều vị chưa về Chùa được, vẫn ước ao có lần đến viếng Chùa lễ Phật; nhưng chưa thuận duyên. Nhưng đầu đã về Chùa hay chưa về Chùa, quý Đạo Hữu và quý Phật Tử vẫn chưa hiểu hết ý nghĩa của kiến trúc, cách bài trí các vị tượng, cầu đối, phòng ốc v.v... nên trong suốt thời gian 2 năm qua, Thượng Tọa Trụ Trì đã nhờ nhóm làm phim của 2 anh Lưu-Phạm tại Essen đảm trách việc quay phim và ráp nối thành 2 cuốn.

Cuốn 1 mang chủ đề "Đất Lành", phim dài 62 phút. Phần này diễn tả về sự hiện hữu cũng như hình thành của ngôi chùa từ khi khởi tạo đến khi bắt đầu được xây dựng, lễ khánh thành, hoàn nguyên và các lễ khác như Đại Hội Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại, lễ tiếp rước Đức Đạt Lai Lạt Ma, lễ rước cụ Thủ Tướng tiểu bang Niedersachsen Dr. Albrecht v.v...

Cuốn 2 với chủ đề "An Lạc", thuyết minh cũng như hướng dẫn khách thập phương vào nội tự bằng những hình ảnh hài hòa về cách trang trí các phòng ốc, tượng Phật và giá thích rõ ràng các câu đối, hoành phi, phù điêu v.v... Tập này cũng dài 62 phút.

Cả hai tập sẽ tạo thành một cuốn phim tài liệu dài hơn 2 tiếng đồng hồ. Tập 3 cũng sẽ tiến hành, nếu 2 tập đầu có gây được âm hưởng tốt trong quần chúng Phật Tử.

Ban đầu Thượng Tọa Trụ Trì dự định sang ra 4.000 cuốn để biếu không cho các Phật Tử xa gần. Đó như là một món quà lưu niệm cho công việc hành đạo tại xứ này, qua sự đóng góp của các Phật Tử cho việc xây dựng ngôi Chùa Viên Giác trong thời gian qua. Sau khi tính thành giá, mỗi cuốn không dưới 10

Đức Mã, đó là chưa kể tiền gọi và tiền in bìa bên ngoài. Như vậy tổng số mà chùa phải dự chi không dưới 50.000 Đức Mã. Con số ấy quả quá lớn lao so với việc nợ nần của chùa chưa thanh toán hết cho chủ thầu; nhưng việc phim không thể không thực hiện dưới hình thức biểu diễn các Đạo Hữu. Nên chúng tôi có 2 đề nghị như sau. Kính mong quý vị giúp cho.

Thứ nhất xin kêu gọi các vị thí chủ bảo trợ cho việc lạng phim này đến các gia đình Phật Tử, như hình thức ấn tổng kinh, hay tượng Phật, thì công đức cũng không nhỏ, để hỗ trợ cho chùa về vấn đề chi phí trên.

Thứ nhì, sau khi quý vị đọc tin này, nếu quý vị đồng ý muốn nhận phim này, thì xin liên lạc về chùa ghi tên để nhận phim, chùa sẽ gửi đến quý vị sau khi phim đã hoàn tất. Vì lẽ, nếu sang ra 4.000 cuốn mà số nhu cầu không đạt đến đó thì phí phạm ngân quỹ của chùa.

Có người cũng đề nghị là nên phát hành mỗi tập 10 hay 15 Đức Mã, như vậy dễ dàng hơn. Nhưng như đã trình bày, trong phim để biểu tượng, mà lấy giá phát hành, cũng khó xem. Vậy sau khi đọc các tin đặc biệt trên đây, kính xin quý vị có ý kiến gửi về chùa để chúng tôi tham khảo, quả là điều rất hữu ích vô cùng. Kính mong quý vị thông cảm và cộng tác cho.

• Chùa Viên Giác

THÔNG BÁO - TÂM THƯ (tiếp)

Kính gửi: Chư Tôn Hòa Thượng, Chư Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni cùng toàn thể Phật tử xa gần (trong và ngoài nước).

... Gần cuối thập niên 1950, Thượng Tọa Thích Độ Lượng từ miền Bắc đã dừng chân tại Bà Rịa và cùng với đồng bào Phật tử địa phương khai sơn Ngôi Báo Tự lấy hiệu là chùa Tịnh Quang...

Vào những năm khoảng cuối thập niên 1960 trở đi, để góp phần cống hiến vào sự nghiệp chung của Giáo Hội đồng thời đáp ứng cho việc cần cầu Phật sự địa phương, chính nơi đây đã từng được toàn thể Tăng Ni và tín đồ Phật tử trong tỉnh, chọn làm cơ sở văn phòng của Ban Đại Diện Tỉnh Hội Phật Giáo Thống Nhất Tỉnh Phước Tuy.

Kính thưa liệt quý vị, sau năm 1975 ngôi Tổ đình đã xuống cấp trầm trọng và rất chật hẹp không còn đủ khả năng đáp ứng nhu cầu tu học đối với Phật tử địa phương. Trước trách nhiệm và hoàn cảnh ấy, chúng tôi nghĩ mình tài sơ đức bạc, chẳng dám ước mơ chùa to Phật lớn, chỉ mong sao có được phương tiện để đáp ứng nhu cầu cho việc hoằng truyền chánh pháp tiếp dẫn hậu lai, báo Phật ân đức.

Để hoài bão trên biến thành hiện thực, chúng tôi cùng với chư Phật tử, quyết định lên phương án khởi công trùng tu lại Ngôi Tổ Đình vào tiết mạnh Đông năm Đinh Sửu (1997).

Qua sự cần cầu Phật sự trọng yếu của Tổ đình, vì linh thần lợi ích chung cho ngôi nhà chánh pháp, chúng tôi rất tha thiết ước mong được trên Chư Tôn Đức Tăng Ni niệm lành pháp lữ, cùng toàn thể chư Phật tử xa gần, nhất tâm tùy hỷ trợ duyên tiếp sức cùng chúng tôi thực hiện, để ngôi Tổ đình Tịnh Quang sớm được hoàn thành như sở nguyện.

Xin thành kính cảm niệm và bày tỏ lòng tri ân vô lượng đối với trên Chư Tôn Đức Tăng Ni cùng toàn thể chư Phật tử hữu tâm.

Tịnh Quang, ngày 15 tháng 4 năm Bính Tý

TM. Toàn thể Phật tử bốn lự

Trụ Trì Sa Môn: THÍCH MINH BẢO

Thư từ liên lạc hay ủng hộ xin gửi về:

CHÙA TỊNH QUANG, KHU PHỐ 3 - PHƯỜNG PHƯỚC NGUYỄN,
THỊ XÃ BÀ RIJA - TỈNH BÀ RIJA - VŨNG TÀU



CÁO LỖI

Vì lý do kỹ thuật nên một số bài vở của các Văn Thi Hữu cũng như độc giả gửi về không đi hết được trong kỳ báo Viên Giác 97 này.

Tòa Soạn chúng tôi sẽ lần lượt đăng trong các kỳ báo kế tiếp.

Kính mong quý vị hoan hỷ cho.

• BAN BIÊN TẬP VIÊN GIÁC

SINH HOẠT CÔNG ĐỒNG

■ HỌP THƯỜNG NIÊN BAN BIÊN TẬP & KỸ THUẬT BÁO VIÊN GIÁC

Hannover. Từ 11 giờ ngày 21.12.1996 tại Phòng Hội của Chùa Viên Giác, Thượng Tọa Thích Như Điển, Chủ Nhiệm Báo Viên Giác đã chủ trì buổi họp thường niên với 16 thành viên của Ban Biên Tập và Ban Kỹ Thuật Báo Viên Giác đến từ Bắc, Trung và Nam Đức.

Mở đầu chương trình, Thượng Tọa đã ngỏ lời cảm ơn tất cả các Đạo Hữu đã tích cực đóng góp thiện nguyện cho tờ báo và gửi lời chân thành cảm ơn đến



Thượng Tọa Chủ Nhiệm, Ban Biên Tập và Kỹ Thuật Báo Viên Giác

những Văn thi hữu bốn phương đã hoan hỷ cộng tác với Viên Giác. Dịp này Thượng Tọa cũng không quên cảm ơn độc giả đã hết lòng ủng hộ cho tờ báo. Qua đó, Thượng Tọa cũng yêu cầu các Đạo Hữu trong Ban Biên Tập và Ban Kỹ Thuật phải cố gắng cải tiến nhiều hơn nữa về nội dung và hình thức để đáp ứng lòng tin nhiệm của độc giả.

Thượng Tọa cũng trình bày sơ qua về số kinh sách ấn phẩm đã in và số chi thu trong năm qua. Nếu không có sự tài trợ của Bộ Nội Vụ Đức thì tờ báo cũng sẽ gặp khó khăn, mặc dù số độc giả suốt soát con số 5.000 vì sự ủng hộ phần nhiều tùy tâm mà chi phí bưu điện lại cao, nhất là gửi ngoài phạm vi Âu Châu.

Tiếp theo, Đạo Hữu Nguyễn Trí, Chủ bút, đã trình bày tổng quát về hình thức lẫn nội dung liên quan đến nhân sự, công tác, nhiệm vụ của các Ban Kỹ Thuật và Ban Biên Tập.

Sau đó, từng phần trong mỗi Ban đã trình bày những khó khăn và thuận lợi mà mình đã gặp trong năm và được các thành viên khác nhận xét góp ý cũng như những nhận xét của độc giả đã nghe ngóng được.

Đặc biệt các Đạo Hữu đã trình bày phần vụ của mình rất chân thành và góp ý cũng rất tích cực gay go - nhất là liên quan đến phần kỹ thuật và phần trình bày.

Phần trình bày, qua số Viên Giác 95 tháng 10.1996, đã đánh dấu một mức tiến bộ rõ rệt mà với một số lượng lớn về bài vở, tin tức, thông báo... cần phải loan tải trên một số báo, nên dù là "một rừng chữ nghĩa... nhỏ xíu" nhưng cũng sáng sủa dễ đọc. Phần này có lẽ đã được mổ xẻ khá nhiều và đi đến quyết định chung. Từ năm 1997, bìa trước nên cố gắng thống nhất một mẫu cố định, cũng như những mục khác từ Lời Tòa Soạn cho đến Hợp Thư Viên Giác mỗi mục nên có một Logo đặc biệt của tờ báo.

Phần Ấn Loát, do hai Đạo Hữu Thiện Lai và Thiện Như đảm trách chính đã được nhiều người khen ngợi. Nhiều người ở Pháp và ở Đức cũng đã ngỏ ý, liên lạc hay viết thư nhờ Viên Giác in sách hay in báo nguyệt san, nhưng rất liếc nhà xuất bản đành phụ lòng tin nhiệm vì không đủ nhân lực để thực hiện.

Phần Nội Dung, cũng được phân tích từ việc chọn bài có nội dung xây dựng, hợp với đường lối chủ trương, đến số lượng bài cần được đăng tải cho phù hợp với số trang đã được ấn định cho từng phần về Đạo Pháp, Văn Học Nghệ Thuật, Thời Sự Chính Trị, Tin Tức...

Do đó, trong số báo tới, nên thông báo cho các Văn Thi hữu gửi bài cộng tác không nên dài quá bốn trang đánh máy, nếu đánh bài trên máy vi-toán (Computer) thì xin gửi kèm đĩa với bài viết.

Mục "Diễn Đàn Dân Chủ" từ tháng 4.1996 dành cho các anh chị em tự nguyện từ các quốc gia Đông Âu, được ấn định tối đa là ba trang, do đó người phụ trách xin được quyền cắt bớt những đoạn không quan trọng để đáp ứng được nhiều bài của các anh chị em trong diện này.

Đối với những Văn thi hữu có bài đăng trên báo Viên Giác, thì Đạo Hữu Quản Lý Tòa Soạn nên lưu ý gửi cho tác giả ít nhất là một số báo có đăng bài này.

Kỷ họp năm tới được ấn định vào ngày 20.12.1997, do Đạo Hữu Chủ Bút viết thư mời Ban Biên Tập và Ban Kỹ Thuật tham dự. Nghiên cứu có thể mời các thành viên khác ở Âu Châu hay không.

Dù phải tranh thủ với thời gian qua nhiều vấn đề, nhưng buổi họp cũng đã giải quyết gần như những đả đoán năm qua và hoạch định qua năm tới hướng sáng tác đấu tranh về Nhân quyền và Giải trừ pháp nạn tại quốc nội.

Buổi họp chấm dứt lúc 17 giờ cùng ngày và ngay sau đó Thượng Tọa Chủ Nhiệm phải lên đường công tác Phật sự tại Na Uy và Thụy Điển. (Tin và Ảnh: PV).

■ PHÓNG SỰ VỀ BUỔI LẬP QUỸ THÔNG TIN TẠI FÜRTH

Sáng ngày 30.11.96; mặc dù trời đang độ tuyết tan, lạnh căm; nhưng anh Nguyễn Văn Ngộ và chị Trần Thị Thanh Mai cùng một số anh chị em người Việt ở Nürnberg - Fürth - Erlangen đã lập Quỹ Thông Tin để xin chữ ký người Đức tại ngã ba đường Schwabacherstr và Marienstr ở Fürth. Nhằm tố cáo trước dư luận thế giới về sự chà đạp nhân quyền và bóp nghẹt dân chủ tự do của nhà cầm quyền Cộng Sản Việt Nam ...

Địa điểm lập Quỹ Thông Tin có thuận lợi là đặt ở vùng đi bộ, lượng người đi lại ở đây đông nhất so với các nơi trong thành phố Fürth. Từ xa người ta đã nhìn thấy một biểu ngữ với dòng chữ "Nhân Quyền Cho Việt Nam". Dưới cái bàn lớn, trên bàn được bày là liệt những tư liệu về những tù nhân chính trị tại Việt Nam và các mẫu xin chữ ký. Hai bên là hai tấm phông lớn được trưng bày chần dung của các vị Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Thích Quảng Độ; Linh mục Trần Đình Thủ, Ông Hà Sĩ Phu, Giáo sư Đoàn Việt Hoạt, Bác sĩ Nguyễn Đan Quế... Dưới mỗi chân dung có ghi rõ tên, nơi, ngày, lý do bị bắt giam, địa chỉ nơi giam cầm, và những lời lưu ý, phụ chú cần thiết.

Nhiều người đi đường đã dừng lại chăm chú xem tranh ảnh, xin tài liệu để đọc. Thắc mắc của những người Đức đã được anh Nguyễn Ngọc Thành và anh Nguyễn Đức Sơn - đến từ Nürnberg - giải thích một cách tận tình.

Vì lượng người đi lại mỗi lúc càng đông nên chúng tôi càng tăng cường thêm nhịp độ phát truyền đơn, xin chữ ký. Có những người Đức sau một thoáng ngạc nhiên, nhưng khi nghe chúng tôi trình bày mục đích và ý nghĩa của công việc, họ liền biểu lộ vẻ cảm thông cho những nạn nhân của chế độ độc tài và đồng tình ký vào mẫu chữ ký của chúng tôi.

Những anh chị em đã không quản ngại đường xa, giá rét, con nhỏ còn nằm trong xe nôi, tất cả cùng đến đóng góp công sức ủng hộ cho buổi thông tin được thành công; đặc biệt năng nổ nhất là chị Nguyễn Thị Khang, anh Bùi Văn Chiến, hai bố con anh Nguyễn Minh Châu, anh Hà Văn Trọng... cùng với hai chị em con của anh Nguyễn Thanh Trường từ Erlangen đến, cũng tích cực tham gia.

Đến 14 giờ chúng tôi phải chấm dứt theo như thời gian quy định của thành phố. (Nguyễn Thị Hải, Fürth, gh)

■ ÔNG BÙI TÍN NÓI CHUYỆN TẠI BUCHHOLZ

Tổ chức Dân Chủ Việt Nam của các anh chị em tỵ nạn Đông Âu đã tổ chức buổi hội thảo vào lúc 15 giờ ngày 18.1.97 tại Buchholz, cách Hamburg khoảng 40 cây số, với đề tài: "Xã Hội Hiện Nay tại Việt Nam" do ông Bùi Tín thuyết trình.

Được biết ông Bùi Tín, bút hiệu Thành Tín, sinh năm 1927, là cựu Đại Tá của quân đội CSVN, cựu Phó Tổng Biên Tập báo Nhân Dân, Trưởng Ban Biên Tập báo Nhân Dân Chủ Nhật. Ông là người đầu tiên trong phái đoàn CS đến tiếp thu Dinh Độc Lập, Phó Tổng Thống của Việt Nam Cộng Hòa ngày 30.4.1975. Tháng 9.1990 được công tác tại Pháp trong thời gian phong trào Dân Chủ ở Liên Xô và Đông Âu đang thăng thế, ông phổ biến bản văn "Kiến Nghị Của Một công Dân" vào tháng 11.1990 nội dung kêu gọi chính quyền CSVN đổi mới, xây dựng dân chủ tự do thật sự. Sau đó ông viết các cuốn hồi ký chính trị "Hoa Xuyên Tuyết" Nhân Quyền xuất bản 1991; "Mặt Thật" Sài Gòn Press xuất bản 1993 và trích dịch giới thiệu "Về Ba Ông Thánh...", tác giả tự xuất bản 1996. Hiện ông đang sống tại Pháp. Từ năm 1990, ông Bùi Tín là một hiện tượng có thời đã gây sôi nổi về việc ủng hộ hay chống đối trong dư luận của người Việt quốc gia hải ngoại.

Hơn một trăm quan khách, trong đó có đại diện của một số tổ chức chính trị, báo chí từ các tỉnh xa của miền Trung và Bắc Đức, đa số là các anh chị em tỵ nạn Đông Âu đến tham dự. Ông Bùi Tín với các ông Phạm Văn Mai (Ban Biên Tập báo Thiện Chí), Nguyễn Đức Thắng (Chủ nhiệm báo Tao Đàn) trong thuyết trình đoàn. Thành phần chủ tọa đoàn gồm các ông Nguyễn Hồng Dương, Nguyễn Hồng Hải, Phạm Anh Tuấn và Thư ký là cô Nguyễn Mỹ Hạnh đều thuộc Ban Tổ Chức.

Ông Bùi Tín đã trình bày những biến chuyển của tình hình Việt Nam sau Đại Hội 8 của Đảng CSVN, về:

- Thực trạng kinh tế tại Việt Nam, - Quan hệ giữa Việt Nam và Hoa Kỳ,
- Sự phân hóa nội bộ của Đảng CSVN, - Triển vọng của những phong trào dân chủ ở trong nước, - Ảnh hưởng của các phong trào đấu tranh ở hải ngoại, - Thay đổi tên Đảng, thay đổi đường lối chính trị.

Ông Bùi Tín cho rằng tình hình Việt Nam đang thay đổi và thay đổi không ngừng, quan trọng ở vào thời điểm Đông-Xuân này. Chiều hướng đổi mới này không phải là do Đảng CSVN đề xuất mà do nhu cầu cấp bách của nhân dân, do sức ép của quốc tế trong việc đấu tư phát triển Việt Nam. Ông tóm lược nhận định của những chuyên viên chính trị và kinh tế Tây Phương, cho rằng ở trong nước hiện có "Bốn nước Việt Nam" khác nhau: 1. nước Việt Nam nông thôn với hơn 80% dân số quá nghèo đói; 2. nước Việt Nam thành thị hỗn loạn, phồn vinh giả tạo, xã hội thiếu đạo đức; 3. nước Việt Nam XHCN của một thiểu số còn mơ ước hào huyền về ông Hồ và 4. nước Việt Nam sống bán đồng đô-la của những kẻ có chức có quyền. Do đó nước Việt Nam không thể thành công rộng được mà mãi mãi là con trâu đi ị ạch với bốn chân cắm sâu trong vũng bùn tham nhũng và cường quyền!

Buổi sinh hoạt dự trữ chấm dứt vào lúc 18g30 cùng ngày, nhưng còn có nhiều vấn đề sôi nổi cần thảo luận với thuyết trình viên, nên Ban Tổ Chức xin được kéo dài thêm nửa tiếng đồng hồ, dù vậy cũng không thể đáp ứng thỏa đáng những ưu tư thắc mắc của người tham dự.

Theo nhận xét của một số người quan tâm đến thời cuộc, so với những buổi thuyết trình hội thảo của ông Bùi Tín trước đây, thì lần này ông đã có thái độ dả phá chế độ CSVN mạnh hơn mặc dù những điều ông trình bày chưa có gì mới lạ hơn những diễn tiến về tình hình trong nước mà báo chí hải ngoại đã loan tải. Tuy nhiên tâm lòng của ông và sự chu đáo của Ban Tổ Chức cũng đủ làm ấm lòng những người tham dự đã từ các nơi xa xôi đến đây trong một ngày mùa đông còn lạnh và lấm sương mù. (Tin và ảnh: PV)

■ HAMBURG ĐÓN "XUÂN VỀ NGUỒN"

Hơn 1200 đồng hương Việt-Đức tại địa phương cũng như ở vùng phụ cận và từ các tỉnh miền Bắc Đắc đã đến tham dự buổi lễ Mừng Xuân Đinh Sửu 1997 với chủ đề "Xuân Về Nguồn" vào lúc 15 giờ 30 ngày 01.02.1997 tại Hội trường Bildungszentrum Steilshoop.



Thành phần quan khách được giới thiệu gồm đại diện của các Tổ chức, Hội đoàn, Tôn giáo như Liên Đoàn Công Giáo Việt Nam tại Đức, Tổ Chức Sinh Hoạt Người Việt Tỵ Nạn tại CHLB Đức, Việt Nam Quốc Dân Đảng /Đảng Bộ Âu Châu, Hội Chuyên Gia Việt Nam tại Đức, Hội Người Việt TNCS tại Bremen, Chi Hội Phật Tử, Cộng Đoàn Công Giáo Hamburg, Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất GPVN tại Hamburg, Tổ Chức Thanh Niên Sinh Viên Học Sinh Phan Bội Châu tại Hamburg, Tổ Chức Dân Chủ Việt Nam tại Buchholz.

Mở đầu chương trình là phần nghi thức chào cờ, mặc niệm và phần nghi lễ cổ truyền. Tiếp đến là diễn văn chào mừng và Chúc Tết của ông Chủ Tịch Hội Người Việt TNCS Hamburg và như thường lệ có màn múa lân để cầu chúc an lành, may mắn và thịnh vượng cho mọi người.

Phần Văn Nghệ Mừng Xuân do Ban nhạc Hạ Trắng tại Hamburg đảm trách với sự đóng góp của ĐGPT Pháp Quang tại Hamburg qua các màn vũ duyên dáng, đặc biệt vũ khúc "Trường Lăng Tời" do các em Oanh Vũ trình diễn đã được khán giả hoan nghênh nhiệt liệt.

Tiếp mục mới lạ và quyền rũ là phần trình diễn của nhóm Ả Rập "Saphir" với những vũ khúc miền Cận Đông của "Một Ngàn Lê Một Đêm" và màn múa bụng.

Ngoài ra còn có phần diễn xuất của đôi danh vũ Ngân Tuyền - Khánh Tuyền.

Phần trình diễn các bài đơn ca hay liên khúc của những "giọng ca vàng" quen thuộc tại địa phương cũng làm say mê giới mộ điệu.

Hấp dẫn là phần "Thi Hoa Hậu" và "Hoa Hậu Áo Dài" với 8 thí sinh trẻ tuổi, duyên dáng qua các màn trình diễn và khôn ngoan qua những câu trả lời. Thí sinh nào cũng được khán giả cổ vũ nên đã làm cho Ban Giám Khảo thêm khó khăn trong việc chấm điểm. Tuy nhiên cuối cùng cũng bầu được: Ví Khanh (Hoa Hậu), Kim Liên (Á Hậu) và Thúy Kiều (Hoa Hậu Áo Dài).

Lồng vào chương trình buổi lễ có phần xổ số Tombola với những lô trúng có giá trị gia dụng.

Hương Xuân Vị Tết thực tế vẫn là những quầy bán thức ăn thuần túy Việt Nam, lúc nào cũng có "khách hàng" tận tình chiêu cổ.

Ngoài ra còn có những quầy thông tin sách báo của nhiều đoàn thể và quầy bán băng nhạc và băng Video của tư nhân.

Buổi lễ kết thúc vào lúc 22 giờ cùng ngày trong niềm hy vọng tràn trề về một mùa Xuân "Về Nguồn" và niềm hoan cho một "Ngày Về" vui chung với người dân trong nước. (Tin và Ảnh: TH)

■ VĂN NGHỆ MỪNG XUÂN ĐINH SỬU 1997 TẠI KREFELD

Văn nghệ mừng xuân Đinh Sửu 1997 do Hội Đức-Việt Bảo Tồn và Phát Huy Văn Hóa tổ chức với sự cộng tác của Ban Nhạc Trẻ Sài Gòn, Ban Vũ Mây Hồng (Frankfurt), Ban Dân Ca Lửa Hồng, tại:

HỘI TRƯỞNG RICARDA HUCH SCHULE
MOERSER STR. 36 - 47798 KREFELD

THỨ BẢY: 08.3.1997 - TỪ 18 GIỜ ĐẾN 01 GIỜ SÁNG.

Điện thoại liên lạc: Ông Ngô: 0211-332803 - Herr Stein: 02151-777433 - Ông Kiều: 02152-3127.

PHƯƠNG DANH CÙNG ĐƯỜNG

(Tính đến ngày 16.2.1997)

Trong thời gian gần đây, Chùa có nhận được tiền của quý Đạo Hữu gửi bằng cách chuyển qua Ngân hàng hay bằng Bưu phiếu, nhưng không có ghi rõ mục đích. Thí dụ như Cúng Đường Tam Bảo, Xây Dựng Chùa, Ân Tòng Kinh, Pháp Bảo, trả tiền bán trái v.v...

Ngoài ra có Đạo Hữu nhờ người khác đứng tên chuyển tiền nhưng không ghi rõ là chuyển tiền đùm cho ai để Cúng Đường hoặc thanh toán về vấn đề gì. Do đó khi nhận được tiền, Chùa không thể nào ghi vào sổ sách được.

Để tránh những trở ngại nêu trên, kính xin quý Đạo Hữu khi chuyển tiền hoặc gửi tiền về Chùa nhớ ghi rõ Họ & Tên, địa chỉ đầy đủ và mục đích, để Chùa tiện ghi vào sổ sách.

Ngoài ra khi quý vị xem Phương Danh Cùng Đường xin đọc phần trên cùng là tính đến ngày...? tháng...? để biết rằng tiền đã chuyển đi ngày nào và tại sao chưa có tên trong danh sách. Chùa có 2 số Konto. Riêng số 870-3449, thì Một Tháng ngân hàng mới báo một lần. Nên có sự chậm trễ đáng tai danh sách. Kính mong quý vị thông cảm cho.

Thành thật cảm ơn quý Đạo Hữu.

Danh sách Phương Danh Cùng Đường của quý Đạo Hữu và Phật Tử, chúng tôi xin phép chỉ đánh máy một lần chứ ĐH ở bên trên.

• TAM BẢO

ĐH. Bành Thẩm Cường (Wiesbaden) 100DM, HHHL ĐH Bành Văn Tư + Trương Thị Lang. Lê Hồng Sơn (Hameln) 150DM, HHHL ĐH Nguyễn Thị Thanh. Hồ Văn Lực (Vilshofen) 20DM. Vũ Chí Thiện (Arnsstadt) 20DM. Trương Thị Liễu (USA) 30US. Hà Ái Phần (Kirchheim) 100DM, HHHL ĐH Tạ Tam Ty. Quách Minh Xuân (Minden) 70DM. Lê Văn Chung (Freundenstadt) 30DM. Nguyễn Lê Nghĩa (Hannover) 100DM. Hugo Cardenas (*) 120DM. HHHL ĐH Thiện Tiên Nguyễn Thị Phụng (Recklinghausen) 150DM. GĐĐH Nguyễn Thị Phụng (*) 300DM, HHHL ĐH Nguyễn Thị Phụng Tuấn chung thất. Nguyễn Văn Tuấn (Dessau) 15DM. GĐPT Ngô Phú Hải (Einsbeck) 2.000DM, HHHL ĐH Ngô Thị Đế. Huỳnh Hữu Phước (Đan Mạch) 100Kr. Erika Wiedenroth (Langenhagen) 800DM. Trần Duyệt Khanh & Trần Mỹ Tuyết 200DM. Huỳnh Hữu Sanh (Hamburg) 150DM, HHHL ĐH Lâm Ái Bình. Đặng Văn Châm (Altbach) 50DM. Hải Lý Roggenbruck (Hannover) 20DM. Phạm Ngọc Nguyễn & Đỗ Thị Dương (Aschaffenburg) 100DM. Vũ Thị Đầu (Aachen) 100DM. Nguyễn Đình Xuân (Köln) 30DM. Nguyễn Thị Mỹ Hoa (Regensburg) 20DM. Trần Khắc Hiếu (Rostock) 20DM. Quan Vi Thanh 15DM. Nguyễn Thành Long 10DM. Mạch Voening (Hude) 20DM. Trần Mạnh Cường 20DM. Mạch Tấn Hưng 50DM. Lê Xuân Phước (Weener) 50DM. Huỳnh Thuýết Lâm (Delmenhorst) 20DM. Mạch Cường Tân 200DM. Lâm Vĩ Tâm 50DM. Hao u. Truc Huynh (*) 50DM. Nguyễn Đức Minh (Bischofsweerd) 50DM. Mai Hồng Tuấn 30DM. Đào Thiện Mẫn (Hannover) 20DM. Trần Chí Vinh 20DM. Vũ Quốc Cường (Berlin) 10DM. Phạm Thu Hà (*) 10DM. Vương Quốc Anh (Eilrich) 40DM. Võ Thanh Nao (Essen) 30DM. Trần Diệu Hương (Berlin) 40DM. Vũ Quốc Kỳ 50DM. Lâm Hữu Trí (BS) 20DM. Nguyễn Xuân Bái (Wemigerode) 20DM. Phạm Thị Bích Duyên (Langenhagen) 10DM. Diệu Minh 100DM. Phùng Quang Thọ (Hafestadt) 10DM. Nguyễn Thanh Cường (Dresden) 10DM. Phùng Quốc Nam (Nanunburg) 10DM. Tô Quang Thực (Möhlán) 10DM. Nguyễn Văn Thuật (Großemheim) 10DM. Nguyễn Anh Quân (Zilly) 10DM. Công Chung (Dresden) 20DM. Mai Thị Nhâm (Magdeburg) 40DM. Lai Đình Miên (Holle) 20DM. Vĩ Văn Bảo (Hannover) 10DM. Đỗ Thị Học (Dillenberg) 20DM. Hà Tiến Vạn (Wemigerode) 20DM. Nguyễn Tiên Đức (Gardelegen) 20DM. Trương Bích Hạnh 20DM. Bùi Mạnh Cường (Nienburg) 10DM. Lê Thị Quy (Việt Nam) 1DM. Thu Dung (Burgwedel) 10DM. Hoàng Anh Tú (Aschendorf) 20DM. Lê Tiên Sĩ (Bad Nenndorf) 20DM. Nguyễn Thanh Hưng (Storkow) 20DM. Nguyễn Minh Phú (Aue) 20DM. Nguyễn Thắng Dũng (Dresden) 10DM. Nguyễn Văn Chức (Hannover) 20DM. Trương Thu Hương (BS) 50DM. Nguyễn Văn Tuấn (Recklinghausen) 50DM. Nguyễn Thanh Tý (*) 200DM. Công 100DM. Lâm Xuân Anh (Nürnberg) 20DM. Nguyễn Minh Thúy (H) 10DM. Trần Minh Hoa (Göttingen) 10DM. Trần Minh Phát (*) 20DM. Vũ Quốc Dũng (Oberursel) 20DM. Nguyễn Thị Thu (Berlin) 8DM. Phạm Văn Mạnh 80DM. Cao Văn Luận (Na Uy) 500Kr. Chùa Khương Việt (*) 1.500Kr. + 550DM. NPD Phật Quang (Sweden) 4.000Kr. Lý Ngọc Thủy (Marsberg) 20DM. Xuân Hải (Canada) 100DM. Anker + Jörg Lindner (Kiel) 200DM. Đỗ Trọng Phong (USA) 200US. Lâu A Bạt (Viersen) 70DM. Hoàng Thị Xuân Khâu (Burgau) 60DM. Lê Quý Kỳ (Krefeld) 30DM. Nguyễn Nam Trung (Seevelat) 20DM. Lê Thị Bích Lan (H) 10DM. Trần Văn Tuấn 10DM. Bùi Quang Hùng (VN) 5DM. Mai Thị Thúy Giang (*) 5DM. Boonchay Michler 7DM. Hoàng Thị Lê 5DM. Thái Cẩm Vân (Sindelfingen) 20DM. Trương Lê (Suisse) 30DM. Đặng Thủy Liên (Storkow) 20DM. Lê Văn Bay 30DM. Nguyễn Tuấn Quốc 10DM. Suntrark 30DM. R. Holtermann (Mbg) 6DM. Tạ Đức Thắng (Sweden) 10DM. Wolfgang Bürser 20DM. PT Thái Lan 80DM. Phan + Trần (H) 20DM. Tiến

Minh (*) 20DM. Beck Wolfgang (Erfurt) 100DM. Võ Bắc Thái (Isny) 50DM. Trương Lâm Môn 20DM. Trần - Nguyễn (Frankfurt) 100DM. Farn. Đào 10DM. Hoàng Bình Minh (Langenhagen) 20DM. Nguyễn Văn Tân (Wemigerode) 10DM. Nguyễn Ngọc Tâm (Leipzig) 85DM. Lý Liệt Võ (Bremen) 50DM. Nguyễn Thị Tư (Freiburg) 50DM. La Thu Sung (HH) 50DM. Phạm Thị Ngọc Lan (Frankenthal) 20DM. Trương ÚT (USA) 50US. Trần Tú Nguyệt (Lindenberg) 20DM, HHHL ĐH Trương Thị Màng. Phạm Bernard (Pháp) 100FF. Nguyễn Thị Tư (USA) 50US. Quách Thị Phương (Friedrichshafen) 200DM. Nguyễn Thành Nam (*) 20DM. Diệu Căn (H) 50DM, HHHL ĐH Diệu Tình Nguyễn Thị Hiệt. GĐĐH Lưu Hiến Hải (Lüneburg) 100DM. Huỳnh Thị Hà Hưng (H) 5DM. Nguyễn Đình Hoàng (*) 10DM. Vương Kim Thanh (Pima) 20DM. Hermann 10DM. Trương Thái Phước 10DM. Nguyễn Minh Đức (Delmenhorst) 20DM. Nguyễn Văn Chương (*) 100DM. Vương Thành Chung (Langendorf) 10DM. Bùi Hương Sen (Dresden) 100DM. Kim Dung 20DM. Hồ Văn Thế (Viemheim) 10DM. Thiện Liên Lê Thị Hồng (H) 30DM. Đào Hoàng Em (*) 20DM. Đoàn Văn Thảo (Grödit) 10DM. Phạm Thị Hoi (VN) 20DM + 5US. Anh Tuấn + Hồng Đoàn (Norden) 50DM. Leuchtweis Chi Thanh 200DM. Phạm Đăng Túy Hương (Kassel) 100DM, HHHL ĐH Trần Quốc Thiên. Lê Thế Hùng (Pforzheim) 100DM. Dương Minh Ngọc (Wuppertal) 122DM. Nguyễn Xuân Hội (Bergkamen) 60DM. Lê Ngọc Chấn (Pháp) 200FF. Nguyễn Xuân Lang (*) 100FF. Lương Thị Liên (Frankfurt) 50DM. Trịnh Hoài Lưu (Naßweiler) 20DM. Nguyễn Xinh (Grimmen) 100DM. Innhand Kiesel (H) 50DM. Wasskönig (*) 70DM. Lê D. Trong (Đan Mạch) 10DM. Trần Thị Mỹ Dung (Bad Harzburg) 200DM. Nguyễn Thành Các (Úc) 100Úc kim), HHHL ĐH Diệu Đức Châu Thị Thiệp. Nguyễn Ánh Hồng 20DM. Nguyễn Đỗ Thị Bé (Áo) 20US. Phạm Thị Kim Lạc (Schwern) 20DM. Nam Kussat (*) 20DM. Nguyễn Quang Khôi (Dessau) 40DM. Phạm Thùy Linh (*) 20DM. Nguyễn Thị Tích (VN) 10DM. Tạ Đình Quý (H) 10DM. Đỗ Hiệp Thuận (*) 100DM. Phạm Hồng Hương (Luckenwalde) 70DM. Nguyễn Xuân Hải (Walter) 10DM. China Rest. Shanghai (Castrop Rauxel) 1.000DM. Nguyễn Văn Long 20DM. Phi Thanh Bình (Botsfeld) 10DM. Teickner (Langenhagen) 20DM. Hermann 20DM. Bùi Văn Thông (Erfurt) 20DM. Phạm Thị Hồng (Herten) 100DM. Phạm Lạc (Weißenburg) 20DM. Dục Hoàng Hùng (Cloppenburg) 30DM. Đào Thị Thùy Trâm 100DM. Trần Trung 50DM. Đoàn Thị Mỹ Lộc (Koblenz) 200DM. Nguyễn Thị Ba (Bi) 500FB. Cao Michael (Norderstedt) 200DM. Hoàng Thị Thu Trung (Weil Haltingen) 20DM. Võ Thị Phúc (Bergkamen) 20DM. Phạm Bích Hạnh (Luckenwalde) 20DM. Trần Tú Ngọc (Githorn) 20DM. Võ Kim Dung (VN) 20DM. Bùi Văn Vinh (Erfurt) 50DM. Nguyễn Thị An (Sulzbach) 20DM. Lê Văn Lương (Schwern) 60DM. Nguyễn Thị Thảo (*) 110DM. Nguyễn Thị Lan (*) 40DM. Đỗ Trường Tuấn (*) 20DM. Trần Ngâm (Paderborn) 100DM. Anh Tuấn + Ngọc Thao (Ý) 30.000Lire. Ngọc Lan (Güglingen) 22DM. Đặng Thị Thu Trúc (Ravensburg) 22DM. Nguyễn Thị Vân (Köln) 10DM. Hồ Đạt (Bad Würzach) 10DM. Võ Hùng Nguyễn (Sembach) 50DM. Phùng Văn Thanh 80DM. Trần Bích Hạnh (Rostock) 100DM. Ngô Lân Yên (Pháp) 200FF. Võ Thị Thoa (*) 300FF, HHHL PT Bruno Lormeau Lê Văn Quới (*) 100FF. Nguyễn Phúc Lộc (*) 200FF. Trương Chiểu Khải (Bi) 1.000FB. Huỳnh Tấn Muội (Schwettingen) 20DM. Hà Lâm Kim Liên (M'Gladbach) 50DM. Diệu Hằng Lê Thị Hương (Canada) 50Can. Từ Ngọc Duyên Nguyễn Thị Hạnh (*) 50Can. Châu Nam (Spaichingen) 20DM. Thanh Bình (Suisse) 20FS. Trần Thủy Lan (Pforzheim) 100DM. Huỳnh Tấn Thanh (Olsberg) 50DM. Xuân Hồng + Dũng Lưu (Göttingen) 30DM. Nguyễn Thị Bầy (Krefeld) 50DM. Dr. Trịnh Hưng (Hammingen) 100DM, HHHL PT Trịnh Ngọc Yên. Lê Hoàng Phương (Frankfurt) 30DM. Bùi Mạnh Hùng (Stuttgart) 52DM. Dương Thị Kim Yên (Đan Mạch) 44DM. Như Thân (Hannover) 50DM. Nguyễn Thị Dùm (Nienhagen) 10DM. Vương Liễu Đường 20DM. Nguyễn Đức Nhật (Ulzen) 10DM. Vĩ Hoàn Thành (Garbsen) 10DM. Võ Kỳ Thanh (Oelsnitz) 10DM. Vũ Thị Ngân (Rostock) 20DM. Tổng Đăng Văn 10DM. Bùi Văn Thành (Elsfeth) 20DM. Lê Thị Hồng (H) 50DM. Nguyễn Minh Hải (Delmenhorst) 20DM. Dương Minh 20DM. Thu Dung (Burgwedel) 6DM. Lôi Công Thành (Celle) 10DM. Nguyễn Mậu Tuấn (Halle) 30DM. Nguyễn Văn Tây (Stadthagen) 20DM. Trần Hồng Châu (Ý) 30.000Lire. Đặng Thị Bảo Khanh (Tieste) 22DM. Trần Anh Loan (Regensburg) 22DM. Phạm Hồng Đức (Schorndorf) 10DM. Đào Hoàng Anh (Edewert) 10DM. Lại Ngọc Hải (Frankfurt) 50DM. Phạm Thị Côi (HH) 30DM. Nguyễn Thị Sơn (Tübingen) 50DM. Quách H. A. (Bi) 500FB. Nguyễn Văn Tra (Trossingen) 100DM, HHHL ĐH La Vinh Khai. Lê Thị Thu (Konz) 30DM. Nguyễn Văn Sơn (Bad Iburg) 30DM. Diệu Hiền (Chicago USA) 100US. Hoàng Hiến 100DM. Thái Đông Viên (Đan Mạch) 100Kr. Nguyễn Đức Mạnh (Bay Reuth) 20DM. Nguyễn Duy Thắng (Riegelsburg) 20DM. Văn Thị Mỹ (Konz) 20DM. Nguyễn Thị Nhiển (Pfuhi) 20DM. Dương Ngọc Liên (Grevembroich) 10DM. Trần Thị Mỹ Linh (Koblenz) 170DM. Dương Thị Thanh Thúy (Recklinghausen) 30DM. Trương Thị Ngọc (Sweden) 60DM, HHHL ĐH Trương Văn Lý và Lưu Thị Tư. Ấn danh (Lechlingen) 50DM. Trương Thị Hà Thanh (Đan Mạch) 100Kr. Huỳnh Thị Tâm (Bi) 500FB. Nhân Quên (*) 1.000FB. Nguyễn Thị Thế Phương (Hof) 50DM. Hồng Chương Kim (Löningen) 50DM. Hồng Phát Mùi (*) 50DM. Trần Thế Toàn (Koblenz) 20DM. Hồ Thị Cẩm Vân (Na Uy) 20DM. Hà Thị

Đào (Canada) 100Can. Trần Thị Vân (Pháp) 20DM. Nguyễn Đàm (Köln) 20DM. Quan Báo Cầu (Anh) 10 Anh kim. Quách Hải Quang (Frankfurt) 50DM, HHHL ĐH Huỳnh Kiều và HLDH Quách Sum. Hồng Quốc Khánh (Wuppertal) 10DM. Trang Thoại Cường (Celle) 20DM. Lương Thành Lập (Wiesbaden) 50DM. Tô Lê Hoa 20DM. Trình Hà (Offenbach) 10DM. Nguyễn Tấn Thiện (Goslar) 10DM. Vương Tuấn Vũ 10DM. Trần Thị Thanh Xuân (Leipzig) 10DM. La Quốc Dũng (Nordhorn) 20DM. Nguyễn Ngọc Tuấn (Frankfurt) 50DM. Hồng Thúy 10DM. Julia & Horst 26DM. Hào, Trục, Kenneth Huỳnh (Delmenhorst) 50DM. Mạch Cường Tân (*) 100DM. Huỳnh Thiết Huệ (Nürnberg) 100DM. Vũ Chí Thanh (Uelzen) 10DM. Đỗ Xuân Quang 20DM. Ngô Thị Theo (Frankfurt) 50DM. Nga + Thái (Neuenhaus) 10DM. Stefan + Ngọc Wassenberg (*) 20DM. Nguyễn Tuấn Đại (Gera) 50DM. Nguyễn Chánh Đức 20DM. Bùi Đình Huân 20DM. Thiệu Hải 20DM. Teicker (Langenhagen) 20DM. Dương (Celle) 20DM. Dương Tu Đạt (*) 20DM. Đinh Đại Lâm (Wachtendank) 50DM. Nguyễn Phú Lân + Lê Thị Hiền (Berlin) 100DM. Dương Văn Út (Bad Bentheim) 300DM. Dương Ngọc Trung 30DM. Lý Thiệu Phương (Pforzheim) 100DM. Trương Phát 20DM. Cao Thị Sâm (Hochdorf) 50DM. Nguyễn Thị Kim Chi (Nienburg) 20DM. Nguyễn Hồng Kỳ (Pháp) 200FF. Vong (*) 200FF. Nguyễn Thị Bầy (Đan Mạch) 100Kr. Đan Ngọc (USA) 100US. Hà Lâm Kim Liên (M'Gladbach) 20DM. Hà Ái Phần (Kirchheim) 50DM. Đỗ Thị Đức (Hildesheim) 320DM, Hải hương chư Hoàng linh quá vắng. Nguyễn Viễn Phương (Koblenz) 80DM. Huỳnh Tuyền (*) 40DM. Lâm Xuân Quang (Canada) 250Can. Mạch Bích (Pforzheim) 72DM. Đặng Anh Tuấn (Stralsund) 20DM. Đồng hương Việt Nam tại Regensburg 457DM, HHHL PT Trần Tiên Nghĩa (Hiếu). Trần Nguyễn Ánh Loan (Regensburg) 200DM. Lê Hữu Thắng (Niefern) 20DM. Võ Trung Thu (Bad Pyrmont) 20DM. Ngô Thanh Long (Ludwigshafen) 100DM. Tăng Thị Văn (*) 30DM. Hồ Thị Lâm (Bietigheim) 20DM. Trang Thị Phụng (Schramberg) 100DM. Đinh Đức Thắng (Weingarten) 100DM. Đoàn Minh Thân (Stuttgart) 50DM. Nguyễn Ngọc Mỹ (*) 50DM. Nguyễn Văn Cửu (Wiesbaden) 50DM. Trần Mười (Münster) 50DM, HHHL ĐH Trần Văn. Trần Thế Huệ (*) 240DM. cầu an trọn năm. La Hai (Suisse) 50FS, HHHL ĐH Phạm Thị Sang. Trần Quỳnh Nga (*) 50FS. Đào Thanh Hải (Edewecht) 100DM. Kevin Lý (Berlin) 5DM. Lý Vinh và (*) 30DM. Lý Vinh Cường (*) 100DM. Lý Sau Ngọc (*) 30DM. Lương Lê Bình 20DM. Trần Đình Hy (Chöppingen) 30DM. Nguyễn Văn Tha (Heidenau) 30DM. Trần Đình Hậu (Horstmar) 20DM. Nguyễn Hải Văn (Dresden) 50DM. Đỗ Văn Hương (Einbeck) 50DM. Tiết Quang Hải 20DM. Nguyễn Ngọc Tuấn (Mü'FFM) 20DM. Đinh Thị Thanh Xuân (Berlin) 50DM. Trần Xó (Helmstedt) 50DM. Khu Mỹ Anh (*) 100DM, HHHL ĐH Lưu Tú Lai. Nguyễn Thị Nhi (*) 50DM. Trần Thị Thu Hồng (Horstmar) 20DM. Vĩnh Thủy 20DM. Nguyễn Văn Tu (Berlin) 50DM. Hoàng Văn Toàn 20DM. Nguyễn Văn Toàn 20DM. Trần Thị Phùng Duyên (Recklinghausen) 300DM, HHHL ĐH Nguyễn Thị Phụng. Nguyễn Thanh Tý (*) 50DM. Nguyễn Huy Thắng (Speyer) 20DM. Quách Đình Hoa (Hannover) 200DM, HHHL ĐH Quách Tùng Lâm. GĐĐH Kỳ Hân (Laatzten) 800DM, HHHL ĐH Huệ Ngọc Tuấn Tiểu Tướng. Lôi Trung Miêu (Bochum) 216DM. Đặng Việt Cường (Crailsheim) 100DM. Võ Thị Thanh Thủy (Nürnberg) 10DM. Nguyễn Thị Ngọc Lan (Dinklage) 50DM. Chầu Ái Hương (Münster) 100DM. Vương Lê Hoa (Bonn) 30DM. Nguyễn Cúc (Kassel) 10DM. Bian Bội Cẩm (Armsberg) 240DM. Dương Thị Gấm (Stuttgart) 20DM. Sơn Hiến Phạm (USA) 100US. Nguyễn Văn Tuấn (Dessau) 8DM. Vũ Ngọc Bình 50DM. Thailaendischen Buddhisten (Hannover) 200DM. Lê Thị Hạnh (Githorn) 10DM. Phạm Xuân Thiệp (Krefeld) 20DM. Thái Kiệt Anh (GM-Hütt) 50DM. Trần Quốc Việt (Wuppertal) 30DM. Đỗ Phương 50DM. Nguyễn N. Cường (Pháp) 200FF. Lâm Hồng Đào (*) 200FF. Lê Văn Nhi (Rudersberg) 30DM. Huỳnh Văn Kỳ (Bad Söbermheim) 50DM. Quách Huỳnh Mai (Murr) 50DM. Nguyễn Văn Tuấn (Norden) 15DM. Nguyễn Thu Thủy 10DM. Lưu Huỳnh Nguyễn & Thu Lan (Suisse) 342DM. Huỳnh Thị A (D'dorf) 20DM. Lou Thị Mun (Bochum) 300DM. Huệ Lạc (Berlin) 20DM. Lê Tiên (*) 20DM. Thiện Bách (*) 10DM. Trình Văn Bộ (Kastellaum) 20DM. Kim Tông (Oldenburg) 20DM. Hồng Yanson 20DM. Nguyễn Xuân Hội (Dortmund) 200DM. Chu Bá Tước (USA) 100US. Phạm Minh Huệ (Nga) 100US. Dương Văn Thọ (Eching) 10DM. Nguyễn Thị Biên (Schönaich) 20DM. Chi Hội PTVNTN tại München và VPC 1.000DM. Kim Liên + Lan (Regelsburg) 50DM. Đồng Hoàng Việt (Hamm) 50DM. Ngô Mỹ Châu (Hannover) 100DM. Thiện Ý (*) 100DM. Chúc Tiên (Frankfurt) 200DM. Lưu Ngọc Lan (Speyer) 400DM, HHHL ĐH Lâm Minh Bật, và cầu nguyện cho pháp giới chúng sanh. Huỳnh Xung Tái (*) 50DM. Giang Tiến Kinh (*) 10DM. Cam Nguyệt Khanh (*) 50DM. Cao Hoàng Lương (HH) 150DM. HH Giác linh ĐĐ Thích Thông Chương. Phạm Văn Quý (München) 100DM. Phan Ngọc Anh (USA) 200US. Giang Văn (*) 50DM. Đỗ Thị Ánh Thọ (Pháp) 200FF. Chi Sơn (Kiel) 100DM. Bodner Ernst (Max hütte) 10DM. Thiện Bạch (Bremen) 20DM. Farn. Ernst August: Jersch + Hải Lý (Hannover) 100DM. Hồ Thị Trung (Bielefeld) 100DM. Võ Thị Kim Anh (Kassel) 30DM. Huỳnh Văn Phương (Offenbach) 30DM. Gđ. Phạm Đặng Anh Tuấn (Kassel) 300DM. Trương Tấn Lộc (Laatzten) 100DM. Võ Phước Lũ (*) 100DM. Nguyễn Thị Tiếng (Bad Salz) 10DM. Bùi Đình Phú (Unna) 70DM. Nguyễn Ngọc Thanh (Lampertheim) 100DM. Ngô Thị Dương (Hofgeismar)

Thị Út (Wetzlar) 50DM. Nguyễn Văn Phương (Delmenhorst) 100DM. Gđ Trần Quang Trung (Oberhausen) 50DM. Jasmingarten Rest. (Hannover) 100DM. Gđ. Trần Đình

Hùng 150DM. Phú + Hằng (Cottbus) 20DM. Gđ. Bùi Văn Lập (Hamel) 100DM. Bình 10DM. Nguyễn Công Minh (Peine) 10DM. Nguyễn Thị Nhi (Helmstedt) 50DM. Huỳnh Mai (Oldenburg) 50DM. Đỗ Thị Thanh 10DM. Tạ Thị N. Dung 20DM. Châu Thị Cúc (Hannover) 20DM. Kiều Hoa Nhuận (Frankenberg) 20DM. Gđ. Nguyễn Quốc Hùng (Weitersburg) 100DM. Thái Thị Thu (Hamel) 50DM. Lê Văn Vinh (Wangen) 50DM. Trần Hoàng Anh 10DM. Trần Bích Hằng (Chemnitz) 20DM. Phạm Thị Nguyệt (Neukirchen) 20DM. Nguyễn Văn Phú 10DM. Lý Chấn Lợi (Hannover) 200DM. Nguyễn Nam Hà 15DM. Trương Thị T. Thủy 20DM. Ngô Duy Đông (Bad Laer) 20DM. Gđ. Lê Thị Hiền 80DM. Phạm Lê Tài (Berlin) 100DM. Hứa Kỳ Năng (Wilhelmshaven) 50DM. Gđ Nguyễn Xuân Nghiêm 50DM. Đỗ Găng 10DM. Gđ Nguyễn Đức Văn (D'orf) 100DM. Lo Celine Thanh (Pháp) 465,11DM. Nguyễn Thị Miên (Frankfurt) 150DM. Tsang Fan 100DM. Vũ Quốc Dũng (Ofershausen) 50DM. Đặng Thị Bảo Khanh 50DM. Phan Quang 50DM. Trương Hôn Quyền 30DM. Trần Sang (Würzburg) 100DM. Trần Tân Tiến 20DM. Nguyễn Thị Nhung (Regensburg) 30DM. Fam Thanh Vu (Pforzheim) 20DM. Nguyễn Thành Được (Paderborn) 50DM. Lê Văn Tư (Münster) 50DM. Đỗ Trình (Aalen) 40DM. Lê Hồng Tâm (Pháp) 200FF. Nguyễn Thành (VN) 10DM. Rattanavong (Kiel) 120DM. Trần Thị Liên (Hannover) 10DM. Gđ Pettig Thị Lý (*) 10DM. Đỗ Việt Tuấn (Peine) 40DM. Nguyễn Thị Đàm (Celle) 20DM. Gđ Phạm Kiên Cường (*) 20DM. Gđ Phạm Văn Thư 20DM. Đoàn Hữu Hải (Salzgitter) 20DM. Diêu Kim + An Thuận 50DM. Nguyễn Nhung (Herborn) 50DM. Lê Việt Lan (Waltrop) 20DM. Vũ Thị Xuyến (M. Heindenfeld) 100DM. Hứa Trọng (Monheim) 20DM. Nguyễn Muôn (Göttingen) 50DM. Đỗ Thị K. Liên (St. Egidien) 50DM. HHHL ĐH Đỗ Hùng Tiến + Đỗ Chí Thành. Lê Chi Gruber (Anh) 50DM. Nguyễn Hồng Tú 20DM. Hàn Thị (BS) 150DM. Nguyễn Quốc Tuấn 20DM. Trần Xảo Hòa (Ravensburg) 50DM. Nguyễn Văn Trung 30DM. Phạm Ngọc Tuấn (Meckenbeuren) 50DM. Gđ Châu Mỹ Quân 20DM. Nguyễn Thị Thu (Wilhelmshaven) 50DM. Lê Phan Hà 30DM. Nguyễn Thị Lâm (Gardelegen) 20DM. Kha Tiên (Bremen) 20DM. Chi Hội PTVNTN tại Frankfurt 500DM. Gđ Vũ Âu (Karlsruhe) 50DM. Chon Ngọc (Pfm) 20DM. Fam. Dinh (*) 50DM. Diệu Hoa (*) 20DM. Âu Thị Vui (Ffm) 30DM. Huỳnh Hồng Táng 20DM. Bích Quyên Chu Schmidt (Wuppertal) 25DM. Diệp Năng Tài (Furth) 50DM. Huỳnh Thị Chân (BS) 20DM. Nguyễn Văn Bất 50DM. Nguyễn Thanh Tý (Recklinghausen) 100DM. Sukha Nguyễn Thị Bê + Hữu Lộc 30DM + 50DM Tổ đình VN, HHHL ĐH Trần Hữu Lai Pd Lakkho. Nguyễn Văn Trí 20DM. Gđ Đặng Sĩ Phú 20DM. Nguyễn Thị M. Trí (Dortmund) 50DM. Quang + Mai (Laatzten) 50DM. Bùi Kim Huệ (Aerzen) 10DM. Gđ Lâm Hiền (Bad Iburg) 20DM. Gđ Trần Thị Thanh 20DM. Giáp Thị N. Lan 20DM. Sáng + Chiêu 100DM. Trần Minh Tú 50DM. Cao Mạnh Hải (Ffm) 30DM. Hồ Văn Diêu (Göttingen) 20DM. Lê Thị Hằng (Augsburg) 50DM. Nguyễn Thị T. Hoa (Ahlhorn) 20DM. Fam Đặng (Bielefeld) 100DM. Đoàn Tường Khánh 30DM. Trương Thanh Hùng 20DM. Phan Thị Toàn 10DM. Phạm Kim Oanh (Cottbus) 20DM. Nguyễn Xuân Bình (Dortmund) 20DM. Hồ Ngọc Anh Vũ (Göttingen) 10DM. Hồ Ngọc Anh Huy (*) 20DM. Gđ Vương Duy Mạnh (Parsau) 50DM. Gđ Đỗ Thanh Văn 10DM. Nguyễn Thị Phúc 10DM. Thiệu Thủy (Daaden) 20DM. Nguyễn Minh Tuấn (Wernigerode) 20DM. Nguyễn Thị M. Sầu (Ronnenberg) 20DM. Lương Tất Đạt (Bielefeld) 70DM. Cao Thanh Hải 10DM. Thiệu Lâm + Diệu Phụng 100DM. Lê Thị Nam (Wiesbaden) 20DM. Trương Thị Đan (*) 20DM. Thu (Büren) 10DM. Gđ Vũ (Hamel) 70DM. Phạm Ngọc Tuấn (Offenbach) 50DM. Bùi Thị Kim Lan 100DM. Phùng Văn Sơn (Oldenburg) 50DM. Nguyễn Đình Thanh 10DM. Phạm Thanh Tùng (Augsburg) 40DM. Nguyễn Văn Tuấn (Dessau) 10DM. Lê Thị Bạch Mai 100DM. HHHL ĐH Lê Văn An. Nguyễn Văn Chương (Karlsruhe) 20DM. Đặng Nam An (München) 20DM. Nguyễn Thị Sơn (Möhlau) 30DM. Đỗ Thị Hương (Freiburg) 10DM. Lê Tuấn Anh 20DM. Phạm Kim Anh (Berlin) 10DM. Thiệu Tân 30DM. Lê Tất Thanh 40DM. Đặng Thị Lan 20DM. Nguyễn Bích Dung 20DM. Dương Đức Quyền (VN) 20DM. Ngô Thị Hòa (Cottbus) 20DM. Vũ Thị Ngọc Thu 30DM. Nguyễn Hồ Thu Hồng (Schwerin) 20DM. Gđ Lê Thị Thanh Hà (*) 20DM. Trương Thị Bình (*) 50DM. Nguyễn Thị Hậu 10DM. Nguyễn Thị M. Hòa (Dresden) 10DM. Gđ Đoàn Văn Hùng 20DM. Nguyễn Thị Tâm (Gera) 50DM. Trần Thị Anh Phương 20DM. Đoàn Ánh Tuyết 10DM. Gđ Vũ Thị Huệ 20DM. Nguyễn Thị Hiền 20DM. Trần Thị Ninh (Berlin) 20DM. Thái Văn Thông (BS) 20DM. Gđ Vũ Thị Vê 10DM. Gđ Phạm Văn Tuấn (Leipzig) 20DM. Trình Lương Nghĩa (München) 200DM. Binh Kammel (Bad Soden) 20DM. Nguyễn Thị B. Thủy (Löwenheim) 20DM. Trương Thị Ánh 10DM. Trần Thủy Hương 10DM. Gđ Nguyễn Gia Cường 50DM. Phạm Anh Nguyễn (Emden) 10DM. Trình Thị Văn Anh 20DM. Gđ Phương Anh Großmann (Berlin) 10DM. Hà Thị T. Bình 20DM. Gđ Bùi Văn Vương (Leipzig) 10DM. Nguyễn Thị Văn (Berlin) 20DM. Lê Thị T. Chinh 10DM. Trần Thanh Pháp (Hannover) 20DM. Gđ Nguyễn Vũ Hùng 10DM. Nguyễn Xuân Minh 5DM. Gđ Đình Cao Sơn 5DM. Lương Văn Tân 10DM.

CÁO LỖI : Vì số trang báo có giới hạn, nên phần phương danh cúng dường không thể đăng hết trong kỳ báo này được. Chúng tôi sẽ đăng tiếp các phần còn lại vào các số báo VG kế tiếp. Mong quý vị hoan hỷ. - Chùa Viên Giác -

HỘP THƯ VIÊN GIÁC

Trong thời gian qua Viên Giác đã nhận được những thư từ, tin tức, tài liệu, bài vở, kinh, sách, báo chí của các Tổ Chức, Hội Đoàn, Tôn Giáo, Văn Thi Hữu khắp nơi gửi đến:

THƯ TÍN

Giang Phúc Đông Sơn (Đức), Hoàng-Phi Lưu-Hoàng-Nguyễn (Úc), Thiện Nguyên (Đức), Nguyễn Việt Nữ & Thanh Vũ (Mỹ), Phạm Quốc Hùng (Đức), Hương-Giang Thái-Vân-Kiểm (Pháp), Ngân Uyên (Canada), Văn Tấn Phước (Pháp), Quỳnh Hoa (Đức), Bé Ngọc (Đức), Trời Một Phước (Pháp), Lê Trọng Thủy (Đức), Nguyễn Quốc Hoàn (Đức), Nguyễn Bá Tiến (Đức), Nguyễn Văn Thanh (Đức), Phạm Thanh Bình (Đức), Yên-Tử Cư-Sĩ Trần-Đài-Sỹ (Pháp), Phù Vân (Đức), Nguyễn Văn Ba (Canada), Phòng Thông Tin Phật Giáo Thế giới (Pháp), Đoàn Văn Thông (Mỹ), Lê Phong (Mỹ), Thu Trang (Đức), Nguyễn Chí Thành & Trần Huy Hoàng (Đức), Như Giác (Việt Nam), Vũ Kỳ (Bi), Thành Lê (Đức), Thiện Hy (Mỹ), Hồ Trường An (Pháp), Lê Hồng Quân (Đức), Thiện Mẫn (Nga), Tuyền Anh (Đức), Châu Hoài Niệm, Hà Huyền Chi (Mỹ), Lương Vinh Thành (Đức), Pháp Nguyễn (Pháp), Hoàng Xuyến Anh (Mỹ), Thiện Căn & Hồng Nhiên (Đức), Nguyễn Thị Trâm Hương, Thiện-Vân Nguyễn-Vân-Chương (Đức), Vũ Nam (Đức), Huy Giang (Đức), Đan Hà (Đức), Phan Ngọc (Đức), Nguyễn Minh Khánh (Canada), Thi-Tại Hồng-Ngọc (Đức), Sư-Huynh Hà Đâu Đổng (Đức), Thanh Bình (Thụy Sĩ), Ý Nga (Ý), Tuệ Nga (USA), Huệ Tường, IGFM (Đức), Quỳnh Hoa (Đức).

KINH, SÁCH, BÁO CHÍ

• **ĐỨC:** Journal für Deutschland 12/96; Diễn Đàn Dân Chủ 12/96; Lotusblaetter B.12779; Ánh Sáng Dân Chủ số 1; VIDİ số 11+12; Die Sonne, mein Herz; Hiệp Hội Dân Chủ & Phát Triển VN số 8 Betrifft Nr.5/96; Tuổi Trẻ số 12 + 13; Phụ Nữ Diễn Đàn số 9, 11; Tibet und Buddhismus Nr.40; Diễn Đàn Việt Nam số 68, 69; Bản Tin Đức Quốc 12/96, 1/97; Cảnh Ân số 62+63; Dân Chủ cho Việt Nam số 13; Người Dân số 11, 12; Dân Chúa Âu Châu số 171, 172; Thiện Chí số 47, 48; Tập San Năng Mới số 4; Nghiệp Huệ số 8; Việt Nam Tự Do số 10+11+12; Đất Nước số 10+11; Diên Hồng 12/96, số 14; Bản Tin Tâm Giác 1/97; Quê Hương số 14; Đi Tới số 20, 33; Cao Đài Giáo Lý số 41; Pháp Nạn số 43; Development and Cooperation 1/97; Développement et Coopération 1/97; Entwicklung und Zusammenarbeit 1/97+ 2/97; Bình Minh 11+12/96; Sông Lahn số 6; Vietnam Forum Nr.12; Sinh Hoạt Cộng Đồng số 95; Việt Nam Dân Chủ số 4; Hy Vọng số 24; Kháng Chiến số 161; Dân Tộc số 13; Diễn Đàn Tự Do Dân Chủ số 13; Phục Hưng số 1; Der Mittlere Weg Nr.1; Đoàn Kết số 1/97; Quê Hương - Tình Yêu - Triệu Quyết Thắng; Dân Việt số 25; Tin Điện số 37; Thời Mới số 3+4; Hướng Việt số 3.

• **PHÁP:** Bản tin GHPG Hòa Hào hải ngoại 12/96, 2/97; Dẫn vào Văn Hóa Việt Nam; Nhân Bản số 07; Bông Sen số 28; Thời Báo Marseille số 49+50; Tư tưởng Phật Giáo trong văn học thời Lý - Nguyễn Vinh Thượng; Bản Tin Khánh An 1/97; Bản Tin Hướng Việt 1/97, 2/97; Sự Thật số 22+24; Hoàng Pháp số 78; Về Ba Ông Thánh - Thành Tín.

• **THUY SĨ:** Mục Vụ số 154.

• **HÒA LAN:** Buddhayana Zeitung Nr.3; Việt Nam Nguyệt San số 117.

• **BỈ:** Tuệ Giác.

• **ANH:** Chân Trời Mới; Giác Quang số Mùa Đông 96; Buddhist Studies Review Vol. 13 Nr.2 1996.

• **NGA:** Thảo Đường số 26.

• **HOA KỲ:** Đẹp Magazine 268+269; Chân Nguyên số 31; Đẹp Weekly Magazine 270+271 - 272+273 - 274+275 - 276+277 - 280+281; Ch'an News Letter Nr.120+121; Yêu và bị Yêu - Nguyễn Việt Nữ; Ch'an Magazine Winter 97; Snow Lion Volume 11 Nr.4; Hoa Sen số 29; Vạn Hạnh, kẻ đi qua cầu lịch sử, Hòa Thượng Thích Mãn Giác; Đức Phật vẫn ngồi yên, Huyền Không; Phật Giáo Việt Nam số 99; Nguyệt San Nguồn Sống số 1; Hoa-Đài Dâng Hương - Tuệ Nga; Mây Viễn Phồ - Văn Nương; Chân Trời Mới 1&2; Giai Phẩm Xuân Đinh Sửu.

• **CANADA:** Bồ Tát Quán Thế Âm; Buddha's Light Newsletter Nr.17+18; Đặc San Từ Ân Xuân Đinh Sửu.

• **ĐÀI LOAN:** Trung Ngoại số 485; Thiên Phật Sơn số 92, 93; Golden Lotus Theatre Nr.13 + 14; Hiện Đại Phật Giáo số 187, 188, 189.

• **ÚC:** Đặc san Kỷ niệm Đệ I chu niên NT TTT; Pháp Báo số 46; Đặc san Quan Thế Âm 6.

GIỚI THIỆU : MỚI - MỚI - MỚI CÔNG TY BẢO HIỂM - TIẾT KIEM - XÂY DỰNG VÀ VAY VỐN NGÂN HÀNG

Nhận hướng dẫn và phục vụ quý vị tất cả các loại bảo hiểm, tiết kiệm, xây dựng và vay vốn ngân hàng.

Trong tất cả các Công Ty Bảo Hiểm và các nhà băng trên nước Đức, chúng tôi đã chọn lựa ra những Công Ty Bảo Hiểm, những nhà băng rẻ và có uy tín nhất để phục vụ cho quý vị.

- **VỀ BẢO HIỂM :** Chúng tôi phục vụ quý vị các loại bảo hiểm thiết thực như : Bảo Hiểm Sức Khỏe, Bảo Hiểm Nhân Thọ - Bảo Hiểm Nhà Hàng ..
- **VỀ GỬI TIỀN TIẾT KIEM :** Có nhiều cách gửi tiền tiết kiệm và với lãi suất cao có thể từ 6% - 10% đặc biệt là quý vị có thể rút tiền ra lúc nào cũng được.
- **VỀ VAY TIỀN XÂY HOẶC MUA NHÀ :** Hoàn tất nhanh chóng các thủ tục về vay vốn ngân hàng với phân lời thấp có thể 5 năm chỉ có 5,10% hoặc 10 NĂM 6,10%

Xin liên lạc : Ông QUANG, LONG THANH
Neustr.21 A
Tel / Fax : 05353 - 8315 hoặc 05353 - 7993
Funk 0177 - 2295560

TRỌN BỘ VIẾT SỬ BẢNG TRANH 30 TẬP

Cho tới hôm nay, ngoài một số sách lẻ sót lại, thì chỉ còn mấy chục BỘ VIẾT SỬ BẢNG TRANH, mỗi bộ gồm đầy đủ 30 tập, do BÙI VĂN BẢO biên soạn với sự cộng tác của 12 nhà giáo nổi danh và 15 họa sĩ tài hoa. VIẾT SỬ BẢNG TRANH gồm có 30 tập, biên soạn từ đời vua Hùng cho đến đời vua Quang Trung, mỗi tập 88 trang gồm 40 trang tranh vẽ lớn in trên nền màu và 40 trang chữ VIẾT, chữ ANH, CHỮ PHÁP. Tổng cộng gồm 3000 trang ruột, giấy trắng tốt và 30 tranh bìa nhiều màu lộng lẫy, mỹ thuật, bộ VIẾT SỬ BẢNG TRANH này rất xứng đáng được lưu giữ cho con cháu và trưng bày trong tủ sách gia đình. Vì chỉ còn mấy chục bộ là đầy đủ hoàn toàn, xin quý vị đặt mua ngay mới có trọn bộ để làm món quà quý giá, hữu ích tặng con em, trong các dịp lễ giáng sinh, Tết Nguyên Đán Âm Lịch, Ngày Sinh nhật hoặc Lễ Tốt nghiệp, Lễ Ra trường ... Giá trọn bộ là 240 Mỹ Kim hoặc 300 Gia kim. Có thể trả góp dần làm 3 tháng, mỗi tháng 80 Mỹ kim hoặc 100 Gia kim. Ngoài ra quý vị nào muốn xem thử 1 tập, thì xin gửi 8 Mỹ kim cùng địa chỉ nhận sách rõ ràng về cho soạn giả.Thư từ, chi phiếu xin để gửi về : Ông BUI, 128 Stephenson Avenue, Toronto, Canada M4C - 1G4

Sách gần tuyệt bản ... vì không tái bản nữa

THỰC ĐƠN TIỆC CƯỚI



Nguyễn Thị Hiền
79591 Eimeldigen
Hauptstr.32a
Tel. 07621 65178
07621 44105

Nhận nấu thức ăn cho các buổi tiệc:
ĐINH HÔN - TÂN HÔN SINH NHẬT - HỌP BẠN
v.v...
hợp khẩu vị - vừa túi tiền !

□ Chúng tôi nhận nấu thức ăn cho quý khách trên toàn lãnh thổ các quốc gia: Đức, Pháp, Thụy Sĩ, Hòa Lan, Đan Mạch v.v...

□ Chúng tôi có đầy đủ phương tiện phục vụ trên 500 thực khách (chên, đĩa, ly uống bia, ly chúc rượu, nôi, chảo, bếp ga v.v...)

□ Trong các buổi tiệc, ngoài thức ăn mặn, chúng tôi có nhận nấu thức ăn chay tùy ý quý khách.

□ Chúng tôi có cho thuê y-phục đám cưới theo phong tục truyền thống dân tộc Việt Nam: Khăn Đổng - Áo dài chú rể - Áo Dài, Áo choàng cô dâu □ Mâm, khay, quả, ly chúc rượu.

□ Các bảg THÀNH-HỒN, VU-QUI, TÂN-HÔN đồ trang trí trong phòng hay nơi Hội trường.

□ Chúng tôi nhận cung cấp các loại bánh ngọt: Bánh phu thê, bánh cốm, bánh dẻo, bánh trung thu và đặc biệt bánh bần nhân mít, thập cẩm hay nhân mít khoai. Các loại bánh ngọt được đóng hộp thật mỹ-thuật dùng cho các buổi lễ.

Với phương châm quý khách là ân nhân, chúng tôi luôn tiếp đãi ân cần, niềm nở, phục vụ quý khách hữu hiệu, nên hơn 10 năm qua đã được sự tín nhiệm và khen ngợi của Cộng Đổng Người Việt ở hải ngoại.

□ THỰC ĐƠN 1

- Súp vi cá nấu cua - Gỏi Bắc Kinh tây hồ - Càng cua quét chạo tôm - Tôm càng, chà giò, hoành thánh chiên - Bát bửu xào hải sản - Lẩu thập cẩm Kiên Giang - Cơm Dương Châu - Xám bửu lượng

□ THỰC ĐƠN 2

- Súp bào ngư nấu cua - Gỏi sứa tôm cua - Tôm càng rang muối - Càng cua bọc tôm - Cá chẻm sốt chua ngọt - Bào ngư xào đồng cổ - Cơm Bảo Đại - Xuân xa hột lựu

□ THỰC ĐƠN 3

- Súp bóng cá nấu cua - Gỏi ngó sen tôm cua - Mang cua bọc chạo tôm - Hoành thánh chà giò cua - Trứng chim cút xào thập cẩm - Chim bồ câu quay - Mì xào giòn thập cẩm - Trái cây thập cẩm

□ THỰC ĐƠN 4

- Súp măng cua nấu vi cá - 8 món hương vị Việt Nam - Càng cua quét chạo tôm - Tôm càng sốt chua ngọt - Hải cầu xào thập cẩm - Vịt tiềm Bắc Kinh - Cơm Hoàng Hậu - Thạch hoa Thủy Tiên

□ THỰC ĐƠN 5

- Súp bào ngư nấm đông cô - Gỏi Tứ Xuyên tôm cua - Càng cua quét chạo tôm - Chim bồ câu ấp trứng - Trứng cút xào thập cẩm - Tôm càng sốt chua ngọt - Cơm Bảo Đại - Long nhãn hột sen

□ THỰC ĐƠN 6

- Súp hoành thánh tôm cua - Nộm sứa tôm cua - Càng cua bọc chạo tôm - Tôm càng, chà giò cua - Hải sâm xào cẩng gà rút xương - Vịt quay rút xương - Mì xào giòn - Long nhãn thủy tiên

□ THỰC ĐƠN 7

- Súp vi cá nấu cua - Gỏi ngó sen tôm càng Việt Nam - Càng cua quét chạo tôm - Tôm lăn bột, chà giò, hoành thánh chiên - Bát bửu xào đồng cổ - Lẩu Kiên Giang đặc biệt - Cơm Dương Châu - Xám bửu lượng

□ THỰC ĐƠN 8

- Súp bào ngư nấu cua - Gỏi Bắc Kinh tây hồ - Mang cua bọc chạo tôm - Cua lột sốt chua ngọt - Tôm lăn bột, chà giò, hoành thánh chiên - Bào ngư xào hải sản, lười vịt đồng cổ - Cơm Hoàng hậu - Thạch hoa thủy tiên

□ THỰC ĐƠN 9

- Súp măng cua nấu vi cá - Gỏi Bắc Kinh tây hồ - Càng cua quét chạo tôm - Tôm Việt Nam rang muối - Hải cầu xào thập cẩm - Vịt Bắc Kinh rút xương - Mì xào giòn Tiểu Châu - Sâm bửu lượng

□ THỰC ĐƠN 10

- Súp bóng cá nấu cua - Gỏi ngó sen VN tôm cua - Hoành thánh, chà giò, tôm chiên - Chả cua bọc mang cua - Hải sâm xào hải vị - Vịt tiềm Tiểu Châu - Cơm Bảo Đại - Trái vải thập cẩm

□ THỰC ĐƠN 11

- Súp bào ngư nấu cua - Vịt quay bánh bao - Gỏi đu đủ tôm cua - Càng cua quét chạo tôm - Trứng cút xào hải sản - Lẩu hải vị Kiên Giang - Mì xào giòn Tứ Xuyên - Thạch hoa Thủy tiên

□ THỰC ĐƠN 12

- Súp măng cua nấu vi cá - 8 món hương vị Việt Nam - Càng cua bọc tôm - Tôm càng sốt chua ngọt - Bát bửu xào hải vị đồng cổ - Vịt quay

rút xương - Cơm Dương Châu - Xuân xa hột lựu

□ THỰC ĐƠN 13

- Súp măng cua vi cá - Gỏi ngó sen tôm cua - Chim bồ câu quay ấp trứng - Tôm càng, chà giò, hoành thánh chiên - Cá chẻm sốt chua ngọt - Bào ngư xào đồng cổ, lười vịt - Cơm Dương Châu - Trái vải thập cẩm

□ THỰC ĐƠN 14

- Nộm sứa, bánh phồng tôm - Súp bào ngư nấu cua - Mang cua bọc chạo cua - Tôm lăn bột, chà giò, hoành thánh chiên - Trứng cút xào hải sản - Lẩu Kiên Giang đặc biệt - Cơm Hoàng hậu - Xám bửu lượng

□ THỰC ĐƠN 15

- Súp hoành thánh tôm cua - Gỏi Tứ Xuyên tôm cua - Tôm lăn bột, chà giò, hoành thánh chiên - Càng cua quét chạo tôm - Tôm càng sốt chua ngọt - Mì tiềm hải vị Tiểu Châu - Cơm Hoàng hậu - Trái cây lười

□ THỰC ĐƠN 16

- Chim bồ câu quay ấp trứng - Súp măng cua nấu vi cá - Gỏi ngó sen tôm cua - Cua rang muối - Bào ngư xào hải vị - Giò heo quay tiềm óc tiên - Cơm Bảo Đại - Thạch hoa Thủy tiên

□ THỰC ĐƠN 17

- Súp miễn cua đặc biệt - 8 món hương vị quê hương - Càng cua quét chạo tôm - Vịt quay bánh bao - Bào ngư xào đồng cổ, lười vịt - Cá chẻm sốt chua ngọt - Cơm Bảo Đại - Trái vải thập cẩm

□ THỰC ĐƠN 18

- Súp hoành thánh cua - Gỏi ngó sen VN tôm cua - Tôm lăn bột, chà giò, hoành thánh chiên - Mang cua bọc cua - Hải sâm xào chân vịt rút xương - Vịt tiềm hột sen Bắc Kinh - Cơm Hoàng hậu - Thạch hoa Thủy tiên

□ THỰC ĐƠN 19

- Súp măng cua nấu vi cá - Gỏi sứa bánh phồng tôm - Chim bồ câu quay - Càng cua chà giò - Bào ngư xào hải vị, lười vịt - Tôm càng sốt chua ngọt - Mì xào giòn Tiểu Châu - Xuân xa hột lựu

□ THỰC ĐƠN 20

- Súp bóng cá nấu cua - Gỏi Bắc Kinh tôm cua - Chà giò cua, tôm càng, hoành thánh chiên - Càng cua quét chạo tôm - Bát bửu xào hải vị - Lẩu hải vị Kiên Giang - Mì xào giòn thập cẩm - Xuân xa hột lựu

□ THỰC ĐƠN 21

- Súp bào ngư nấm đông cô - Gỏi Tứ Xuyên bánh phồng tôm - Mang cua bọc chạo tôm - Tôm càng sốt chua ngọt - Bông xào hải vị tôm cua - Cù lao hải vị Việt Nam - Cơm Dương Châu - Sâm bửu lượng hột sen

□ THỰC ĐƠN 22

- Súp vi cá nấu cua - Gỏi ngó sen bánh phồng tôm - Mang cua sa-lát - Tôm càng, chà giò cua, hoành thánh chiên - Hạnh nhân xào tôm cua - Giò heo quay tiềm khoai môn - Cơm Bảo Đại - Thạch hoa Thủy tiên

□ THỰC ĐƠN 23

- Súp bóng cá nấu cua - Gỏi Bắc Kinh tây hồ - Càng cua quét chạo tôm - Bỏ câu quay ấp trứng - Bát bửu xào hải vị tôm cua - Cua lột VN sốt chua ngọt - Mì xào giòn Tứ Xuyên - Trái vải thập cẩm

□ THỰC ĐƠN 24

- Súp miễn nấu cua - 8 món hương vị quê hương - Tôm càng, chà giò, hoành thánh chiên - Chim bồ câu quay - Bào ngư xào lười vịt - Cá chẻm sốt chua ngọt - Cơm Dương Châu - Trái cây lười

□ THỰC ĐƠN 25

- Súp hoành thánh cua - Gỏi sứa VN bánh phồng tôm - Tôm lăn bột, chà giò, hoành thánh chiên - Cua lột VN sốt chua ngọt - Bông xào hải vị thập cẩm - Vịt Bắc Kinh rút xương - Cơm Bảo Đại - Sâm bửu lượng hột sen

□ THỰC ĐƠN 26

- Súp vi cá nấu cua - Mang cua bọc chạo tôm - Gỏi ngó sen VN tôm cua - Tôm Việt Nam rang me - Bát bửu xào hải vị đồng cổ - Giò heo quay tiềm đồng cổ - Cơm Dương Châu - Thạch hoa Thủy tiên

□ THỰC ĐƠN 27

- Vịt quay rút xương, bánh bao - Súp bào ngư nấm đông cô - Nộm sứa bánh phồng tôm - Chà giò cua, tôm càng, hoành thánh chiên - Hải cầu xào thập cẩm - Cù lao hải vị Việt Nam - Cơm Dương Châu - Sâm bửu lượng hột sen

□ THỰC ĐƠN 28

- Súp bóng cá, cua, đồng cổ - 8 món hương vị Việt Nam - Càng cua quét chạo tôm - Cua lột sốt chua ngọt - Hải sâm xào đồng cổ - Vịt rút xương quay - Mì xào giòn Tứ Xuyên - Xuân xa hột lựu

□ THỰC ĐƠN 29

- Mang cua bọc chạo cua - Súp măng cua nấu vi cá - Gỏi ngó sen VN tôm cua - Tôm càng, chà giò, hoành thánh chiên - Hạnh nhân xào chân gà rút xương đồng cổ - Gà tiềm hải vị bác quả - Cơm Hoàng hậu - Thạch hoa Thủy tiên

□ THỰC ĐƠN 30

- Súp miễn cua Việt Nam - Gỏi Bắc Kinh tôm cua - Càng cua quét chạo tôm Chim bồ câu quay ấp trứng - Cua lột sốt chua ngọt - Gà hấp cải, đồng cổ - Cơm Dương Châu - Trái cây lười

□ THỰC ĐƠN 31

- Súp bào ngư nấm đông cô - Gỏi Tứ Xuyên bánh phồng tôm - Hoành thánh, chà giò cua, tôm càng chiên - Vịt rút

xương Bắc Kinh - Đồng cổ bọc chạo tôm xào cải Hải Nam - Lẩu thập cẩm Kiên Giang - Mì xào giòn thập cẩm - Trái vải thập cẩm

□ THỰC ĐƠN 32

- Súp bóng, cua, nấm đông cô - Gỏi sứa VN bánh phồng tôm - Càng cua quét chạo tôm - Tôm càng, chà giò, hoành thánh chiên - Bông xào hải vị thập cẩm - Gà tiềm hải vị Bắc Kinh - Cơm Bảo Đại - Xuân xa hột lựu

□ THỰC ĐƠN 33

- Súp măng cua vi cá - Gỏi đu đủ tôm cua - Mang cua bọc chạo cua - Tôm càng sốt chua ngọt - Cải Hải Nam xào chân gà rút xương - Vịt tiềm hải vị Tiểu Châu - Mì xào giòn thập cẩm - Trái cây lười

□ THỰC ĐƠN 34

- Súp bào ngư nấm đông cô - Gỏi Tứ Xuyên bánh phồng tôm - Tôm càng, chà giò, hoành thánh chiên - Cua rang me - Bào ngư xào lười vịt - Cá chẻm sốt chua ngọt - Cơm Dương Châu - Thạch hoa Thủy tiên

□ THỰC ĐƠN 35

- Súp hoành thánh cua - 8 món hương vị quê hương - Cua lột sốt chua ngọt - Tôm càng, chà giò, hoành thánh chiên - Hải cầu xào thập cẩm - Vịt quay tiềm bác quả - Cơm Bảo Đại - Sâm bửu lượng hột sen

□ THỰC ĐƠN 36

- Súp măng cua vi cá - Gỏi Bắc Kinh tây hồ - Càng cua quét chạo tôm - Vịt quay rút xương với bánh bao - Hạnh nhân xào hải vị - Giò heo quay tiềm hải sâm - Cơm Dương Châu - Xuân xa hột lựu

□ THỰC ĐƠN 37

- Súp vi cá nấu cua - Gỏi đu đủ VN tôm cua - Càng cua quét chạo tôm - Thịt quay ăn bánh bao - Cá chẻm sốt chua ngọt - Lẩu thập cẩm Kiên Giang - Cơm Dương Châu - Chè nhân hột sen

□ THỰC ĐƠN 38

- Súp bóng cá nấu cua - Gỏi sứa tôm cua - Vịt quay bánh bao - Chạo cua sa-lát - Tôm càng, hoành thánh chiên - Hải sâm xào thập cẩm - Cơm Bảo Đại - Trái cây lười

□ THỰC ĐƠN 39

- Súp bóng cá nấu đồng cổ - Gỏi Bắc Kinh tây hồ - Tôm càng chiên, chà giò, hoành thánh - Mang cua bọc chạo tôm - Sườn sốt chua ngọt - Hải cầu xào đồng cổ - Mì xào giòn thập cẩm - Thạch hoa Thủy tiên

□ THỰC ĐƠN 40

- Súp bào ngư đồng cổ - Gỏi ngó sen VN tôm cua - Càng cua quét chạo tôm - Chim bồ câu quay ấp trứng - Cua lột VN sốt chua ngọt - Bát bửu xào thập cẩm - Cơm Hoàng hậu - Trái cây lười

PHÂN ƯU

Được tin buồn, thân mẫu của Đạo Hữu Thiện Hóa TRẦN HUY QUÝ - Dillingen - là:

CỤ BÀ NGUYỄN THỊ HIỀN

sinh năm Nhâm Tuất, 1922

Mất hồi 07 giờ 00 ngày mùng 05 tháng 10 năm Bình Tý, 1996, tại Bến Tre - Việt Nam. Hưởng thọ 75 tuổi.

Chúng tôi xin chân thành phân ưu cùng gia đình quý Đạo Hữu Thiện Hóa & Thiện Ngoãn, Bằng & Lâm và xin thành kính nguyện cầu hương hồn Bác Gái sớm siêu sanh Miền Tịnh Độ.

- Chi Hội PTVNTN Saarland-Trier và VPC
- Hội NVTNCS Vùng Saarland

PHÂN ƯU

Được tin buồn:

CỤ KHA MÂN

Thân sinh anh Huệ Kha KHU THÊM ĐỒNG, Thủ quỹ Ban Hướng Dẫn Trung Ương ĐĐPT Việt Nam - Âu Châu, vừa mãn phần tại Vương Quốc Bỉ, ngày 24.12.1966. Thượng thọ 89 tuổi.

Thành kính Phân Ưu với anh Đổng và tang quyến. Nguyện cầu hương linh Cụ Ông Vãng Sanh Tịnh Độ.

- Ban Hướng Dẫn Trung Ương và toàn thể đoàn viên ĐĐPT. VN. Âu Châu

PHÂN ƯU

Chúng tôi nhận được tin buồn:

Anh TRẦN TIẾN NGHĨA (HIẾU)

Sinh ngày 25.10.1961, ngụ tại Humboldtstr. 32 Sau một thời gian lâm bệnh đã từ trần ngày 20.01.1997, nhằm ngày 12.12 năm Bình Tý tại TP. Regensburg, miền Nam Đức Quốc.

Chúng tôi là bạn hữu xa gần và đồng hương gồm 51 gia đình và cá nhân hiện ngụ tại TP Regensburg, chân thành Phân Ưu cùng tang quyến và gia đình Chị Trần Nguyễn Anh Loan.

Chúng tôi thành tâm cầu nguyện cho hương hồn anh NGHĨA sớm được siêu thăng tịnh độ.

- Tập thể đồng hương Việt Nam tại TP Regensburg.

CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi xin chân thành cảm tạ: Thân bằng quyến thuộc cùng bằng hữu xa gần đã đến thăm viếng, thấp hương, gói hoa, thiệp và điện thoại chia buồn và cầu nguyện cho: Mẹ, Bà Nội, Bà Ngoại, Bà Cô, Bà Sơ chúng tôi là:

CỤ BÀ LÊ VĂN PHẨM

Nhũ danh Nguyễn Thị Hương

Pháp danh Diệu Phước

Đã mệnh chung tại Việt Nam ngày 04.01.1997 nhằm ngày 26.11 Âm Lịch năm Bình Tý. Thượng thọ 90 tuổi.

Chúng tôi xin chân thành ghi ơn và cảm tạ.

- Thay mặt gia đình:
- Thứ nam: Lê Văn Quang, Vợ và các con (Essen - Đức Quốc)

CẢM TẠ

Gia đình chúng em xin chân thành cảm tạ:

- Ông Mẹ (Canada)
 - Gia đình anh Vui Minh (Pháp)
 - Gia đình chị Oi (Pháp)
 - Gia đình chị Bé (Pháp)
 - Gia đình anh chị Phúc, Văn (Đức)
- Đã gửi số tiền 320 DM phúng điếu cho mẹ em là:

BÀ NGUYỄN THỊ THÈO

- Gđ. Phạm Văn Dũng & Đỗ Thị Cúc (Hildesheim)

CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi vô cùng đau đớn báo tin buồn cùng thân quyến, bạn hữu xa gần của Con, Châu, Em, Anh, Chồng, Dượng, Chú, Cha, Bác của chúng tôi là:

TRẦN TIẾN NGHĨA (HIẾU)

Sinh ngày 25.10.1961 nhằm ngày 16.9 năm Tân Sửu

Tạ thế hồi 08 giờ 30 ngày 20.01.1997 tức ngày 12.12 năm Bình Tý, tại Thành phố Regensburg, Đức Quốc.

Hưởng thọ 36 tuổi.

Lễ an táng cử hành ngày 28.01.1997 nhằm ngày 20.12 năm Bình Tý, tại nghĩa trang Unter Katholisch.

- Tang gia đồng khắp báo
- Mẹ, Bà Quả Phụ Nguyễn Thị Gõn (VN)
 - Anh, Trần Tiến Dũng vợ và các con (VN)
 - Anh Trần Tiến Trung, Vợ và các con (VN)
 - Em, Trần Thị Tuyết Trinh, Chồng và con (VN)
 - Em, Trần Tiến Phong (VN)
 - Em, Trần Tiến Thông (VN)
 - Em, Trần Thanh Nhật, Vợ và con (VN)
 - Em, Trần Thanh Tùng (VN)

Đồng thời gia đình chúng tôi chân thành cảm ơn, tri ân công đức:

- Thượng Tọa Thích Như Điển, Trụ Trì Chùa Viên Giác Hannover, Đức Quốc.
- Chú Hạnh Văn chùa Viên Giác.
- Tập thể gồm 51 gia đình và cá nhân đồng hương tại TP Regensburg.

- Xí nghiệp Klöckner-Stahlhandel và các bạn đồng nghiệp của Nghĩa.

- Xí nghiệp Bertrand Faure Gruppe (RHW) và bạn đồng nghiệp của Loan.

- Gđ. Chú Thép từ Pháp qua.

- Gđ. Cố Tâm Miên và hai em ở Hòa Lan.

- Cùng quý thân bằng quyến thuộc, bằng hữu xa gần đã đến tận tình giúp đỡ, thăm viếng, gói vòng hoa, thiệp, điện thư và điện thoại đến an ủi, chia buồn, cầu nguyện, cầu siêu và tiễn đưa linh cửu của: Con, Châu, Anh, Em, Chồng, Dượng, Chú, Cha, Bác của chúng tôi đến nơi an nghỉ nghìn thu.

Trong lúc tang gia bối rối có điều chi sơ sót kính mong quý vị niệm tình tha thứ.

Đại diện gia đình:

- Vợ, Quả Phụ Trần Nguyễn Anh Loan (Đức Quốc)
- Con, Trần Thanh Hằng Lisa (Đức Quốc)

Tang gia đồng báo tá

CẢM TẠ

Gia đình chúng con thành kính tri ân và cảm tạ:

- Thượng Tọa Thích Như Điển, Chùa Viên Giác, Hannover.
- Ban Hộ Niệm Düsseldorf
- Cộng đồng Người Việt Recklinghausen
- Quý Cố Bác, Anh Chị Công Giáo xa gần
- Quý Cụ, quý Ông Bà và Cố Bác, Anh Chị, Em các bạn và các cháu gần xa đã dành thời giờ quý báu đến cầu nguyện, chia buồn, phúng điếu, giúp đỡ và đến tận nơi tham dự lễ Hóa Táng Mẹ, Nội, Ngoại của chúng tôi là:

BÀ NGUYỄN THỊ PHỤNG

Pháp danh Thiện Tiên

Từ trần ngày 26.10.1996 (15.9 Âm Lịch năm Bình Tý) tại Recklinghausen. Hưởng thọ 64 tuổi.

Trong lúc tang gia bối rối, không tránh khỏi nhiều điều sơ sót, kính xin quý Thầy, quý vị niệm tình tha thứ cho.

Tang gia đồng cảm tạ và ghi ơn

- Trưởng nam Nguyễn Văn Hai, vợ và các con (VN)
- Trưởng nữ Phùng Duyên, Chồng và các con
- Thứ nữ Loan Hiệp, Chồng và các con
- Thứ nam Xuân Hòa
- Cháu trai Phước Ngộ, Vợ và các con.

CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi đau buồn báo tin Thân Mẫu, Nội, Ngoại, Cô Nội, Cô Ngoại chúng tôi là:

BÀ NGUYỄN THỊ HIỀN

Pháp danh Ngọc Thành

đã mệnh chung ngày 15.11.1996 (nhằm ngày mùng 5 tháng 10 năm Bình Tý), tại Bến Tre - Việt Nam. Hưởng Thọ 75 tuổi.

Tang lễ được cử hành vào ngày 17.11.1996 tại Việt Nam.

Tang quyến chúng con xin thành kính dâng lễ tri ân:

- Quý Chư Tôn Hòa Thượng, Chư Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni trực thuộc 21 Chùa ở Mỹ Tho và Bến Tre.

- Thượng Tọa Thích Minh Tâm và Chư Tăng Ni Chùa Khánh Anh (Pháp Quốc)

- Đại Đức Thích Quảng Đạo, Chùa Khánh Anh (Pháp Quốc)

- Đại Đức Thích Chúc Nhuận (Straßburg)

Tang quyến chúng tôi cũng xin chân thành cảm tạ:

- Quý Phật Tử cùng các Hội đoàn ở Bến Tre
- Chi Hội Phật Tử Bến Tre cùng Chi Hội PTVNTN Saarland-Trier và VPC.

- Đặc biệt Chi Hội Trưởng Bửu Đạt Nguyễn Thanh Tâm và Ban Hộ Niệm: Cố Thiện Trang Phạm Thị Điện.

- Quý Thông Gia, thân bằng quyến thuộc cùng quý Bác, Anh Chị, Em và bạn hữu xa gần trong cũng như ngoài nước đã gói thiệp hay điện thoại chia buồn, nhất là đã dành thì giờ quý báu đến chia buồn cũng như giúp đỡ tang quyến. Đồng thời Thầy Quảng Đạo và quý vị đã dành nhiều thì giờ quý báu đến tụng kinh cầu siêu cho Thân Mẫu, Nội, Ngoại, Cô Nội, Cô Ngoại chúng tôi mặc dù ngoài trời tuyết lạnh trong những ngày đông buốt giá.

Trong lúc tang gia hữu sự không sao tránh khỏi lỗi lầm, chúng con kính xin quý Chư Tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni niệm tình tha thứ.

Và cũng xin quý Phật Tử cùng thân bằng quyến thuộc, bạn hữu xa gần trong cũng như ngoài nước niệm tình tha thứ.

Toàn thể tang quyến chúng con thành kính xin dâng lễ báo tạ.

- Tang chủ: Trần Huy Sáu (Việt Nam)

1. Trưởng Nam: Trần Huy Sâm, Vợ Nguyễn T. Ngọc Sương các con và các cháu (VN).

2. Thứ nam: Trần Huy Nhung, Vợ Nguyễn Thị Ngọc Hương các con và các cháu (Cần Thơ - VN)

3. Thứ nam: Trần Huy Quý, Vợ Ngô Thị Ngoan và các con (Dillingen - Đức Quốc)

4. Thứ nam: Trần Huy Bằng, Vợ Trương Thị Lâm và các con (Bad Kreuznach - Đức Quốc)

5. Thứ nam: Trần Huy Lâm, Vợ Phan Thị Thu Hương và các con (Beckingen - Đức Quốc)

6. Thứ nam: Trần Huy Cuộc, Vợ Nguyễn Thị Hồng và con (VN)

7. Thứ nam: Trần Huy Chạy (VN)

8. Trưởng Nữ: Trần Thị Kim Hoa (VN)

9. Thứ nữ: Trần Thị Kim Hải, Chồng Cao Văn Ngại và các con (VN)

10. Thứ nữ: Trần Thị Thu Thủy, Chồng Nguyễn Hoàng Phương và các con (VN)

Tang gia đồng báo tá

Đại diện tang quyến:

- Trần Huy Quý, Ngô Thị Ngoan (Dillingen)



TIN MỚI Thẩm mỹ viện mùa Xuân
 VỚI SỰ CỘNG TÁC CỦA BÁC SĨ PHẪU THUẬT NGƯỜI ĐỨC, THỢ
 CÀ MAT-XA LẠNH NGHỀ, NỮ THỢ XĂM TÂN TÌNH NGƯỜI VIỆT

- > Làm hết các nếp nhăn, vết xạm do tuổi già, xóa các loại sẹo trên da bằng tia Laser - một phương pháp tối tân nhất hiện nay.
- > Xoa bóp y học, châm cứu chữa bệnh đau lưng, khớp mãn tính
- > Phục hồi sức khỏe sau khi sanh đẻ, ốm lâu ngày bằng máy điều oxy.
- > Làm mắt một mí thành hai mí
- > Xăm môi đỏ các loại, lông mày, mi mắt nâu, đen hoặc xanh tùy theo ý thích.
- > Xăm trên người với nhiều hình đẹp nghệ thuật

ĐẶC ĐIỂM CỦA VIỆN :

- > Viện phục vụ quý bạn tận tình, không khí đầm ấm
- > Xăm không đau, màu bền, có bảo đảm
- > Đối với quý bạn ở xa hoặc có con nhỏ Viện có phòng khách sạn với bể bơi, phòng tắm hơi phục vụ ...

Mọi quý bạn liên lạc: **TEL. 05322 - 70 95**

Mary Kay Cosmetics Nguyễn Việt Nga.
Selbständige Schönheits - Consultant

- Hướng dẫn cách chăm sóc da mặt và da toàn cơ thể, đặc biệt với da khô, da dầu, da nhiều mụn trứng cá, làm giảm nếp nhăn trên da mặt, làm nhỏ lỗ chân lông và làm sáng màu da cho cả nam lẫn nữ.
- Hướng dẫn kỹ thuật trang điểm phù hợp với từng khuôn mặt màu da và từng lứa tuổi.
- Giới thiệu và cung cấp các mỹ phẩm có chất lượng cao dùng trong việc trang điểm và bảo vệ da. Mọi chi tiết xin liên lạc về:

DIPL. APOTHEKERIN NGUYỄN VIỆT NGA

MOLTKESTR.9 - 67655 KAISERLAUTERN - TEL. 0631 / 147 49

**ĐỊNH HƯỚNG TƯƠNG LAI
 BẰNG TỬ VI**

> Quý vị có những băn khoăn về cuộc sống, tình yêu, tiền tài, sự nghiệp, vận hạn từng tháng, từng năm, muốn chọn ngày tốt để khai trương, dọn nhà, cưới, hỏi hoặc thực hiện một việc hệ trọng, so đôi tuổi để quyết định việc hôn nhân..., xin liên lạc với :

DR. NGUYỄN,

**MOLTKESTRABE 9 - 67655 KAISERLAUTERN
 GERMANY . Tel. 0631 - 14749**

> Với sự kết hợp giữa các khoa tử vi cổ truyền Á Đông và Tây Phương, các khoa học dự báo cùng những kinh nghiệm nhiều năm, chúng tôi sẽ giúp quý vị giải đáp những băn khoăn từ bao lâu và hoạch định những bước đi trong tương lai. Chi phí từ 20,-DM, tùy theo nội dung hồ sơ tử vi.

> Hướng dẫn khai thuế 1996 với hiệu quả cao nhất, chi phí thấp nhất và biết trước kết quả.

SANG NHÀ HÀNG

Vi lý do gia đình chúng tôi cần sang gấp một nhà hàng Tàu với đầy đủ tiện nghi.

- Nhà hàng nằm tại Trung Tâm thành phố.
- Có bãi đậu xe.
- Với giá phải chăng.

Muốn biết thêm chi tiết xin liên lạc :

Tel. : 03943 / 47651

CẦN SANG NHÀ HÀNG CHINA RESTAURANT

Vi nhiều nhà hàng lo không hết.

- Cần sang nhà hàng trên 82 chỗ. • Trên lầu nhà ở 5 phòng (140m2). • Tiễn nhà và tiệm 2200 (Kaltmiete). • Có bãi đậu xe và có thể mở Karaoke. • Nhà hàng nằm giữa trung tâm thành phố. • Địa điểm rất đẹp. • Không có cạnh tranh. • **GIÁ CẢ PHẢI CHĂNG.**

Mọi chi tiết xin liên lạc về :

Tel. 0421 - 56 00 22 hay 0172 42 18 684

TRUNG TÂM KARAOKE KADI

Từ nhiều năm qua chúng tôi đã điều khiển các dàn âm thanh, hát Karaoke cho các Hội đoàn, các lễ sinh nhật, cưới hỏi tại nhiều thành phố ở Đức : Rostock, Schwerin, Berlin v.v..., Đan Mạch, Hòa Lan

- Dàn âm thanh tối tân 600- 6000 Watt, màn ảnh vi đại 3 x 4 mét.
- Hơn 600 đĩa Karaoke Laser Disc và CD của các Trung tâm nhạc U-Sing A Long, Asia, Lãng Vàn, Thúy Nga, Diễm Xưa, Người đẹp Bình Dương, • Mỗi nhất và nhiều nhạc Ngoại Quốc

Phục vụ mau lẹ và giá phải chăng.

Xin liên lạc : **Đình Anh Dũng - Franz Marc - Str. 8 - 22115 Hamburg**

TEL. : 040 - 71 56 762

Long Phụng

Chuyên nhận nấu các món ăn Trung Hoa cho tiệc cưới và sinh nhật

Chúng tôi có đầy đủ tiện nghi cho tiệc. Khay trà và mâm quả cho mượn miễn phí.

Địa chỉ liên lạc : **HUỶNH HOÀNG BỔN**

Großherzog Friedrich Str.111

TEL. & FAX : 0681 - 635 669 - FUNK 0172 - 6831072

BÁN VÀ CHO THUÊ TRANG PHỤC CÔ DẦU

XUÂN CÚC, Wilhelmstr.86, 72764 Reutlingen. Tel. 07121 - 32 11 76

• Áo Soiree đủ màu, đuôi dài hoặc ngắn đồng bộ với găng tay, vương miện, bông cài tóc, vòng cổ, bông tai v.v... Áo dài gấm Thượng Hải đủ màu đồng bộ với khăn đóng áo choàng. Áo xườn xám, quần áo rộng phụng (hẻo phong tục người hoa). Quần áo dự tiệc (Abendkleid) cho mọi lứa tuổi. Tất cả là sản phẩm của Úc Châu (Australia), kích thước phù hợp với người Á Châu.

• Mâm quả, khay rượu, đủ loại giấy kiếng để gói trà rượu cũng như trang trí cho hội trường hay trong nhà trong ngày cưới. Nhận trang điểm, massage da mặt, làm tóc cho cô dâu với 12 năm kinh nghiệm.

- Nhận quay phim và chụp hình đám cưới.
- Nhận xăm mắt, miệng chân mày v.v... với kỹ thuật mới (Tốt nghiệp khóa tu nghiệp thẩm mỹ tại Nhật và Úc Châu 1996)



Ấn Loát • TRƯƠNG

Hauptstrasse 60 - 88161 Lindenberg

Tel. 08381 / 4157 - Fax. 08381 - 919190 - Germany



Nhận in ấn phẩm :

*Thiệp. Cưới * Danh Thiệp * Quảng Cáo*

BÁN XE IMBISS

- VỚI ĐẦY ĐỦ ĐỒ NGHỀ BẰNG THÉP KHÔNG RỈ

Xin liên lạc : **TEL./FAX : 0531 - 32 46 63**

SANG NHÀ HÀNG

Vi lý do gia đình ở xa, cần sang gấp một nhà Tàu với đầy đủ tiện nghi.

- Nhà hàng nằm tại Trung Tâm thành phố
- 100 chỗ ngồi - Có nhà ở 3 phòng
- Với giá cả phải chăng

Mọi chi tiết xin liên lạc : **Tel.040 / 6532551 từ 18:30 giờ**

BÁN XE IMBISS

- VỚI ĐẦY ĐỦ DỤNG CỤ HÀNH NGHỀ

Xin liên lạc : **TEL. 0421 - 58 12 92**